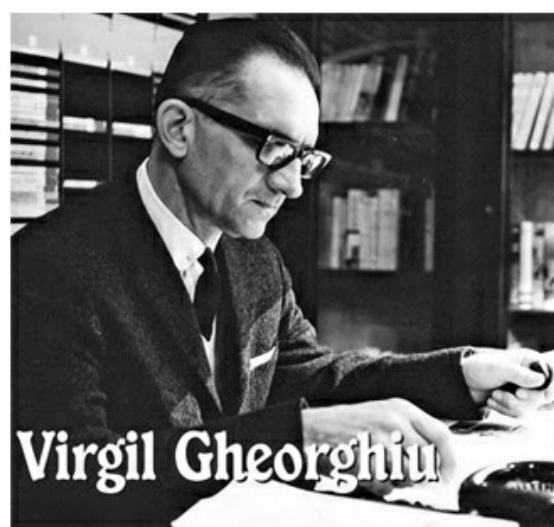


Constantin Virgil Gheorghiu

CƠ MÂY THỦ 2





CƠ MAY THỨ 2

La Seconde Chance (1952)

Hoàng Hữu Đản *dịch*

NHÀ XUẤT BẢN CÔNG AN NHÂN DÂN

«Con Người nguyên được tạo ra như một Cá nhân duy nhất, để thiên hạ biết rằng bất cứ ai hủy diệt đi một mạng người, Kinh Thánh coi như kẻ đó đã hủy diệt toàn nhân loại. Và bất cứ ai cứu được một mạng người, Kinh Thánh coi như đã cứu được cả Loài Người.»

• Talmud - Sanhédrin - 4.5^[1]

GIỚI THIỆU

Virgil Gheorghiu sinh ngày 15 tháng 9 năm 1916 tại Rabileni, Rumani. Học xong triết học và thần học tại các trường đại học Bucarest và Heildelberg, ông làm báo rồi làm Bí thư Sứ quán Bộ Ngoại giao.

Sau khi Rumani thiết lập chế độ mới, ông không tán thành, bèn sang cư trú tại Pháp năm 1948. Cuốn tiểu thuyết *Giờ Thứ 25* (1949) làm cho tiếng tăm ông lừng lẫy trong thế giới phương Tây. Ba năm sau, ông xuất bản cuốn *Cơ May Thứ Hai* cũng rất được hoan nghênh. Nhưng cũng trong lúc này, người ta phát hiện ra một phóng sự của ông viết trong thời gian còn chiến tranh: *Đôi Bờ Sông Dniestr Bùng Cháy*, ca ngợi người lính nazi đã giúp quân Rumani chiếm lại Bessarabie^[2] và phi báng người Do Thái, khiến cho ông bị dư luận công kích dữ dội. Ông viết một cuốn tiểu thuyết mới để thanh minh rồi sang Achentina, một thời gian ngắn lại trở về Pháp.

Ngày 23 tháng 5 năm 1963, ông chịu chức linh mục và năm 1971 chịu chức Giáo Chủ Nhà Thờ Chính Thống Rumani tại Paris. Ông mất tại Paris ngày 22 tháng 6 năm 1993.

Sự nghiệp văn học của *Virgil Gheorghiu* có tính chất khá phức tạp. Có ý kiến cho rằng ở ông, có hai con người mâu thuẫn trong Gheorghiu: tác giả của thiên phóng sự *Đôi Bờ Sông Dniestr Bùng Cháy*, và cuốn tiểu thuyết *Giờ Thứ 25*.

Năm 1954, *Virgil Gheorghiu* lại xuất bản một cuốn sách lấy tên là *Người Đi Du Lịch Một Mình*, một cuốn tiểu thuyết có tính chất tự truyện mà các nhà phê bình tuyên bố: “Không tài nào phân biệt nổi đây là sự thực và đâu là hư cấu”.

Năm 1981, một cuốn sách khác ra đời, một cuộc *Đối Thoại Chuyên Nhất Về Mình* bị báo Le Monde phê phán: “Con người tự xưng là nhà thơ của Chúa Christo và của Rumani lần này lên tiếng tố cáo những đồng bào di tann của mình, những người bảo vệ nhân quyền, những trí thức ly khai, là mặt vụ của K. G. B.” (Edgar Reitchman: Le Monde 26/6/86)

Năm 1986, ông xuất bản một cuốn tập Hồi ký: *Chứng Nhân Của Giờ Thứ 25* (Plon, 1986) là “tác phẩm chủ yếu của tôi” - Ông nói - “mà dựa theo đó người đời sẽ phán xét tôi trong tương lai và Chúa sẽ xử phạt tôi trong ngày phán xét cuối cùng.”

Ngoài ra, *Virgil Gheorghiu* còn viết trên hai chục cuốn sách nữa, hầu hết thuộc lại tình báo bình thường, không có gì xuất sắc cho lắm.

Nói rằng trong *Virgil Gheorghiu* có hai con người mâu thuẫn nhau, có lẽ không đúng, nhưng ai cũng thừa nhận rằng đó là một tâm hồn rất đa dạng và khá phức tạp. Tuy nhiên, xét từng mặt thì ta vẫn thấy được có một điểm nhất quán trong con người đa dạng và phức tạp đó. Trước hết, *Virgil Gheorghiu* là con người rất nhạy cảm trước mọi thời cuộc. Mỗi một sự kiện lớn trong lịch sử đều gây cho ông một phản ứng tức khắc, gần như một phản ứng bản năng. Là một thanh niên trí thức, yêu nước, ông đã buồn đau, bất bình thấy một vùng đất của Rumani bị sát nhập vào nước Nga mấy lần trong mấy mươi năm, từ năm 1878 đến năm 1920, rồi từ năm 1940 lại nhập vào Liên Xô (cũ). Năm 1941, quân đội Rumani, sát cánh cùng quân Đức Quốc Xã chiếm lại được Bessarabie; Gheorghiu phấn khởi viết bài phóng sự *Đôi Bờ Sông Dniestr Bùng Cháy* (không dịch ra tiếng Pháp nên chẳng mấy ai biết đến). Sau này, khi Đức Quốc Xã thất bại, bị tiêu diệt rồi bị Tòa án quốc tế xử án là tội phạm chiến tranh, người ta mới phát hiện ra thiên phóng sự đó và dư luận đã công kích tác giả của nó một cách dữ dội. Thực ra đó là dư luận của những người không phải là người Rumani của những năm 1952-1953 phê phán một nhà văn Rumani vì quá vui mừng trước việc chiếm lại được một vùng đất nước lâu nay bị sát nhập vào nước ngoài, mà ca ngợi người lính Hitler đã kẻ vai sát cánh với người lính Rumani làm nên thành tích đó, thì cũng là điều dễ hiểu và hợp với cái logic thông thường mà thôi. Hơn nữa, đó là sự việc mười hai năm về trước, khi *Virgil Gheorghiu* chưa đủ sáng suốt để nhận chân về tính chất của quân đội Hitler.

Nhưng khi cuộc chiến tranh tiến tới giai đoạn quyết liệt, khi tội ác diệt chủng của đội quân Quốc Xã đã

phơi bày lồ lộ ra, thì lòng căm thù tội ác cùng với lòng nhân ái và ý thức bảo vệ quyền người của *Virgil Gheorghiu* đã dậy lên mãnh liệt và kết tinh ở cuốn tiểu thuyết *Giờ Thứ 25*, một cuốn tiểu thuyết dữ dội, sáng bùng, trong đó những nhân vật tuyệt vời bị tráng bị nghiền nát bởi những ảo tưởng đẫm máu của lịch sử hiện đại, với lời văn xúc động, hấp dẫn đến kỳ diệu, khiến người ta đã cầm lấy cuốn sách là phải đọc liền một mạch không ngừng cho đến hết.

Ba năm sau, năm 1952, cuốn tiểu thuyết *Cơ May Thứ Hai* ra đời. Chủ đề vẫn là cuộc đại chiến thứ hai, nhưng ở vào giai đoạn ác liệt nhất, giai đoạn đỉnh điểm chuẩn bị kết thúc. Một bức tranh toàn cảnh châu Âu với những cảnh tàn phá khủng khiếp, những nhà giam, những trại tập trung, những cái chết chóc, phân tán, chia ly, những nghi kỵ, âm mưu, những sự thù tiêu, những sự phản bội... Đặc biệt nổi bật lên ở cuốn tiểu thuyết này là cái cảnh tầng tầng lớp lớp những người dân các nước có chiến tranh đi qua, phần lớn là những trí thức, bỏ cửa nhà, làng mạc quê hương ra đi, đi rất xa, sang những nước ở bên kia Đại Tây Dương: một cuộc di tản ở quy mô có lẽ lớn nhất trong lịch sử. Lúc này, Đồng Minh là kẻ chiến thắng, tất nhiên có những tổ chức cho phong trào; nhưng chu đáo và kịp thời sao nổi cho hàng triệu người thuộc nhiều thành phần, nhiều nước, cũng muốn được ra đi cùng một lúc? Ở đây, tác giả lại có dịp đề tổ cáo cái văn minh phi nhân tính hóa của phương Tây, cái “văn minh kỹ thuật” đo phẩm giá con người bằng chiều cao tính bằng centimet (!) và bằng mức dày hay thưa của hàm răng làm tiêu chuẩn tuyệt đối để chấp nhận hay không chấp nhận nhập cư, và làm những công việc lao động bình thường vụn vặt nhất (!).

Và cái hình ảnh cuối cùng của cuốn sách đọng lại trong sâu thẳm của nhận thức con tim của mọi người, là cái chết của ba nhân vật Kostaky, Pillat và Magdalena. Kostaky di tản sang Canada. Ông xin được việc làm; nhưng điều kiện làm việc quá khắc nghiệt, hủy hoại hết cả khả năng sức lực của ông; ông phải tìm cách rời bỏ Canada tìm một nơi nương thân khác. Nhưng luật lệ của người chiến thắng lúc bấy giờ là thế này: Canada là một nước dân chủ, rời bỏ Canada mà đi tức là chống lại chế độ dân chủ, có nghĩa là thù địch với phe Đồng Minh, là người của “bên kia” (sự đồng minh giữa Tây và Đông hình thành trong chiến tranh bắt đầu “hết tác dụng” sau ngày chiến thắng; “bên kia” tức là Đông Âu dưới ảnh hưởng trực tiếp của Liên Xô (cũ)). Kostaky lại phải vượt bao gian nguy, lần trốn, đi qua địa phận các nước thuộc khu ảnh hưởng của Mỹ và Đồng Minh phương Tây, về đến được Rumani lúc này đang bị quân đội Liên Xô (cũ) chiếm đóng, nhân dân sợ hãi, bỏ làng xóm trốn lên rừng, lên núi cao. Kostaky nhập vào những người dân quê trốn tránh này, và trở thành như vị thủ lĩnh của họ. Người ta gọi vị Thủ Lĩnh vô danh đó là “Người Nông dân” hoặc là “Tướng cướp tay không”, bởi ông có vũ khí gì đâu; những người dân lành kia cũng đều tay không. Cái vũ khí duy nhất của Kostaky là một cây sáo và điệu hát Doina của vùng quê hương. Cảnh sát Liên Xô (cũ) mở bao nhiêu cuộc tấn công truy quét những con người không ở lại làng ấy; không thành, phải rút lui nhường chỗ cho đạo quân càn quét hiện đại của “Chính phủ Toàn cầu”. Kostaky chết trong cuộc càn quét đại quy mô đó, mình mặc chiếc áo khoác Canada, đầu đội chiếc calô Mỹ, mặc quần Anh, và đi đôi giày xăng đan Đức, hai tay còn ôm chặt chiếc sáo Rumani, chiếc sáo hiền lành chỉ cất lên điệu Doina dịu ngọt mà phải huy động đến hàng ngàn người, với hàng chục xe tăng, đại bác, trực thăng đổ bộ xuống từ trên đỉnh núi cao, mới dập tắt nổi!

Cái chết thứ hai là cái chết của Pierre Pillat và Magdalena. Pierre Pillat, một trí thức Rumani, từng là thẩm phán quân sự trải qua nhiều biến cố, cũng đã di tản ra nước ngoài, rồi cũng đã phải tìm đường trở lại quê hương sau khi đã mất người yêu, mất con, mất vợ, vượt được biên giới trở về Rumani giữa lúc người dân làng Piatra của ông lên núi trốn tránh và bị truy đuổi giết chóc. Ông gặp Magdalena, cô gái nông thôn mười bảy tuổi ngây thơ, trong trắng, lòng đầy tình thương yêu và sợ hãi, “cái đẹp duy nhất còn lại” trong hoàn cảnh tàn phá đau thương này.

Magdalena kể chuyện “Người Nông dân” với Pillat. Ngay giữa lúc đó, cuộc càn quét đại quy mô của đạo quân “Chính phủ Toàn cầu” đang diễn ra quyết liệt, hai người tìm thấy xác của “Người Nông dân” nằm giữa thảm cỏ đầy hoa, mắt nhắm nhìn lên Trời, cây sáo trên ngực và mặt đầy bụi máu. Pillat sụp quỳ trước thi thể bình yên của ông già... “Chính Người, Ion Kostaky, cha của tôi, cha của Marie!”. Đây là cuộc gặp gỡ cuối cùng của bố vợ và con rể. Hai người chôn cất cho Kostaky - dưới con mắt Pillat và của *Virgil Gheorghiu*, là cái “biểu tượng cụ thể nhất của nước Rumani bị đóng đinh trên cây Thánh giá.” - Pillat tự hỏi: “Vì sao những tổ chức kia lại chung sức xâu xé những con người một cách quyết liệt như vậy? Hãy

nói nghe! Kostaky cũng chỉ là một Con Người, một Con Người, một Con Người! Thế thôi! Có sao người ta lại giết ông?”

Một chiếc trực thăng phát hiện ra Magdalena và Pillat. Họ ẩn nấp trong một bụi rậm. Cạnh họ, là xác của một vị tu sĩ công giáo, cũng đã trốn đi vì không muốn chịu sự sai khiến của những đấng bề trên mới. Lại những chiếc trực thăng, và những tốp máy bay mới; lại những cuộc đổ bộ mới, từ trên đỉnh cao.

Pillat đang giảng nghĩa một câu nói của Luther cho Magdalena: “Dù ngày mai đã là ngày tận thế thì hôm nay ta vẫn cứ trồng những cây táo như thường,” thì một loạt đạn liên thanh đã khép lại làn môi của Pillat đang nói và đôi tai của cô Magdalena xinh đẹp đang nghe.

Bên trên, chiếc trực thăng vẫn bình tĩnh báo tin thời tiết cho đội quân của “Chính phủ Toàn cầu”; tiếng nói vang lên, dội đến tận cùng các thung lũng:

“Thời tiết vẫn đẹp! Thời tiết vẫn đẹp!”

Phức tạp mà nhất quán, đó là nét đặc thù của con người và sự nghiệp văn học của *Virgil Gheorghiu*. Nhất quán trong tình cảm yêu thương và đấu tranh bảo vệ quyền sống tự do và hạnh phúc của con người, chống lại bất cứ một hình thức nào xúc phạm đến cái quyền thiêng liêng đó; nhất quán trong tinh thần yêu nước và gắn bó với quê hương “Rumani của người Rumani”, chống lại bất cứ những ai đặt nền thống trị mới lên đất người Rumani ngàn đời của họ; nhất quán trong tinh thần nhẫn nhục, chịu đựng số phận, tiếp tục vượt mọi gian nguy để giữ lấy một chút tối thiểu quyền con người và được trở lại trên Tổ quốc thân yêu thật sự “của mình”.

Đó là những tư tưởng lớn và đẹp. Nhưng mà thấm đượm một ý nghĩa bi quan sâu sắc. Kostaky chỉ là một con người bình thường, khác chăng là ông có một giọng sáo mê hồn một khi ông cất lên điệu dân ca Doina. Nhưng rồi mỗi nước, hòa hợp lại trong đạo quân hùng hậu của “Chính phủ Toàn cầu” của các nước Đồng Minh chiến thắng, giết ông, xác nằm đó, mắt ngược lên trời, tìm kiếm người “đồng minh” thủy chung duy nhất của ông, đó là Chúa. Trong hoàn cảnh ấy, bảo nhà văn đừng bi quan sao được!

Virgil Gheorghiu cũng chỉ là một Con Người, và con người ấy luôn mang trong mình tâm trạng và mặc cảm của một kẻ “vong quốc nô”.

Xin đừng nhắc nhở mãi làm chi những dòng văn lạc hướng của chàng nhà báo quá say sưa trước sự “trở về” của một vùng đất quê hương mà vội vã viết ra.

Xin đừng chú ý làm chi những tác phẩm tầm thường khi ngòi bút của nhà văn không còn gặp được những đề tài xé ruột mà bản thân ông là một chứng nhân hay một người trong cuộc nữa.

Chỉ nhớ rằng *Virgil Gheorghiu* là tác giả của *Giờ Thứ 25* và của *Cơ May Thứ Hai*. Thế đủ rồi!

Cảm ơn Nhà Văn đã bóc trần cho chúng ta biết thế nào là cái quy luật khắc nghiệt và là những rừng rợn của Chiến Tranh, thế nào là cái số phận thê thảm của Con Người một khi Hòa Bình không được bảo vệ trên thế giới, Nhân ái không còn cháy lên trong con tim của mỗi Con Người và Hữu Nghị không được duy trì giữa các dân tộc!

TP. Hồ Chí Minh, Mùa xuân 1996

HOÀNG HỮU ĐẢN

MỞ ĐẦU

— Con người không thể sống trần truồng. Một con người có thể sống với những manh áo rách, đúng? Nhưng mà cậu, một manh áo rách cũng không có! Cậu chẳng có một thứ gì!

Pierre Pillat nhìn bộ đồng phục kaki của Boris Bodnar.

Anh nói tiếp:

— Sau ba tháng, viên cảnh sát đầu tiên sẽ lột trần cậu ra, thu hồi những áo quần này gửi trả lại cho nhà trường. Cậu sẽ chẳng còn lấy một mảnh gì che thân nữa. Không còn lấy một chiếc somi, không còn lấy một đôi giày. Không một thứ gì cả! Cậu sẽ trần trụi hơn cả một tên Papua^[3]. Cậu là người trần trụi nhất trần gian. Cậu muốn làm gì?

Pierre Pillat tìm đôi mắt xanh của bạn. Đôi mắt xanh của Bodnar đang nhìn xuống đất.

— Người ta đã trao tờ quyết định đuổi học của cậu chưa? - Pillat hỏi.

Boris Bodnar tiếp tục nhìn xuống mặt đất phẳng lì của sân trường. Anh đưa tay lên túi áo để lấy tờ quyết định. Chiếc áo đồng phục có bốn túi, nhưng để làm nhục những học sinh bị đuổi người ta đã cắt cả bốn túi bỏ đi.

Khi ngón tay Boris không sờ thấy túi áo ở chỗ ngày thường của nó, anh lại sờ lên cái túi thứ hai trên ngực. Nó cũng đã bị cắt. Hai túi dưới cũng vậy. Anh đỏ mặt. Boris Bodnar sáng nay, lúc sáu giờ, đã phải mặc quần áo của những người bị đuổi học.

Từ khi anh khoác chiếc áo kia vào, anh đã sờ tay tìm túi một cách máy móc không biết bao nhiêu lần. Theo thói quen và không hề để ý, bàn tay anh cứ lần lượt tìm hết túi trên lại tìm túi dưới, cuối cùng nó đành buông thõng, cam lòng, như bây giờ đây: Những chiếc túi bị cắt, đó là nỗi sỉ nhục đầu tiên của Boris Bodnar. Đôi mắt xanh của anh nhìn một lúc vào vị trí thường ngày của nó trước kia. Anh nhận ra không chỉ thiếu túi mà cả cái mép viền màu vàng ở cổ áo cũng đã bị cắt mất. Người ta cũng đã cắt mất cái đường viền tay áo, đường viền dọc nếp theo ống quần. Cả sáu chiếc khuy của chiếc áo dài cũng đã bị cắt nốt - những chiếc khuy mà anh lau đi lau lại mỗi buổi chiều, như tất cả các học sinh trường trung học hoàng gia, cho tới khi nó chói sáng lên như vàng thật mới thôi - nay cũng không còn. Sáu chiếc tất cả, không còn lấy một chiếc nào. Thay vào đó là sáu chiếc khuy sắt, bé xíu và han rỉ. Sáu cái lỗ khuyết trước đây cài kín sáu khuy vàng giờ đây quá rộng cho mấy cái khuy sắt cùn con. Nó đã sờn mép và bẩn thiu. Vắng những chiếc khuy vàng, bây giờ trông nó như những cái hốc mắt mất mắt trông.

Không nhìn Pillat, Boris Bodnar lại sờ tay tìm túi quần. Mỗi học sinh có một quần kaki đồng phục bốn túi. Bốn túi ấy giờ đây đã bị khâu kín lại. Boris Bodnar trở nên cáu kỉnh. Mỗi cái túi mất đi làm cho anh thấy đau nhói trên mình như có ai cắt đi một mảnh con vào da thịt của anh chứ không phải vào bộ đồng phục. Anh nhớ ra rằng anh đã khâu thêm một cái túi con bên trong để cất tờ quyết định.

— Anh muốn xem tờ quyết định đuổi học nó giống cái gì có phải không? - Boris hỏi, giọng mĩa mai.

Anh đưa cho Pierre Pillat một mảnh giấy vàng gấp tư. Đó là một tờ giấy màu lá úa, một màu sắc hình như được chọn dùng riêng cho những trường hợp bị đuổi học, chết chóc hoặc tù đầy. Pillat đọc:

Chiếu theo sắc lệnh ban hành quy chế hoạt động của các trường trung học hoàng gia Rumania.

Học sinh Boris Bodnar bị đuổi học và chỉ được mặc đồng phục hoàng gia trong thời hạn ba tháng kể từ ngày bị đuổi. Các nhân viên lực lượng cảnh sát có trách nhiệm thi hành quyết định này và giao nộp đồng phục lại cho Trường trung học hoàng gia Kichinev sau khi chấm dứt thời hạn ba tháng.

— Cậu có thể làm gì sau ba tháng ấy, trong tình cảnh mình trần thân trụi ấy? - Pillat hỏi - Phải trở về nhà cha mẹ thôi. Không có giải pháp nào khác đâu!

Pillat tay trái cầm tờ quyết định đuổi học, tay phải đặt lên vai Boris. Chiếc áo không còn ngu vai nữa. Chỗ mà trước kia có những ngu vai viền vàng và thêu hình vương miện cùng với con số nhà vua Rumania - người bảo trợ nhà trường - giờ đây trơn trụi, không có một cái gì. Không có ngu vai, chiếc áo dài ấy chỉ

còn là một chiếc áo chết. Thực tình nó không còn là một chiếc áo ngoài mà là cái xác ma của chiếc áo ngoài mà thôi.

Một chiếc áo ngoài không có ngũ vai cũng giống như một người bị chém mất đầu. Vì lẽ ấy mà trong lịch sử quân đội, “bị lột ngũ vai” đồng nghĩa với “chết”. Trước khi trừng phạt nó bằng nhục hình, người ta lột ngũ vai của kẻ đào ngũ ngay trước mặt đồng đội. Ngũ vai, là cái đầu của chiếc áo lính.

Từ sáu giờ sáng, Boris Bodnar không còn ngũ vai nữa.

Pierre Pillat cảm thấy bàn tay anh đang đặt lên một vật gì đã chết. Ngay vải áo ngoài của Boris Bodnar cũng đã chết và không phải chỉ vì thiếu chiếc ngũ vai. Bản thân cái sợi của vải đã chết. Vải đã bị giết chết trước khi người ta trao đồng phục kia cho những học sinh bị đuổi khỏi trường. Những bộ quần áo ấy đã mặc hằng bao nhiêu năm rồi, sau đó bị ném xuống gầm kín dưới đất. Nhưng trước khi ném xuống gầm, người ta đã cho vào lò hấp và tẩy sạch vi trùng. Cùng với vi trùng người ta đã hủy diệt luôn sự sống của vải, nó trở thành màu đất và nhàu nát. Những sợi chỉ dệt nên tấm vải đã chết dưới tác động của hơi nóng và áp lực của lò hấp cũng như của những chất tẩy trùng mạnh, giống như những tế bào của một cơ thể sống chết đi. Mỗi năm một lần, những bộ đồng phục không dùng nữa được moi lên từ các hầm sâu của nhà trường, gửi tới xưởng máy để chế biến thành sợi giẻ. Năm nay con số ấy sẽ giảm đi mười bốn bộ. Boris Bodnar đã mặc một trong mười bốn bộ đồng phục này.

— Nếu bây giờ đây, cậu không về nhà cha mẹ thì ba tháng nữa cậu cũng sẽ về, khi mà bọn cảnh sát chạy đuổi theo cậu để lột hết quần áo, bỏ cậu lại trần như nhộng. - Pierre Pillat nói - Ba mẹ cậu cứ tha hồ cầu gát, rồi họ cũng đành nhượng bộ mà thôi! Họ sẽ không chặt đầu đầu mà sợ! Và họ sẽ phải may áo quần cho cậu, đó là chuyện dĩ nhiên. Hãy trở về nhà đi. Không có giải pháp nào khác đâu.

Anh học sinh Pierre Pillat không để tay trên vai Bodnar nữa. Bộ y phục “kẻ bị đuổi học” của người bạn cũ anh nghe hăng hăng mùi thuốc tẩy, mùi mốc và mùi thối rữa.

— Mình đã bàn với các bạn. - Pillat nói - Chúng mình sẽ tổ chức một cuộc lạc quyền lấy tiền cho cậu đi đường.

Boris Bodnar nghiêng chặt hàm răng.

— Tôi hết cả bạn bè rồi! - Anh nói; và lần đầu tiên anh muốn khóc, muốn bùng lên những tiếng nức nở - Tôi không có bạn nữa! - Boris nhắc lại - Các anh, học sinh lớp năm, các anh không còn là bạn học của tôi. Tôi là kẻ bị đuổi. Tôi đâu phải là học sinh lớp năm! Cũng không phải cả học sinh lớp bốn. Những kẻ bị đuổi không được lưu lại trường. Tôi hết cả bạn.

— Cậu vẫn là bạn chúng mình, những học sinh lớp năm. - Pillat bảo - Dù cậu không còn ngồi trong cùng một lớp nữa! Chúng ta đã từng ngồi bên nhau trên một chiếc ghế dài suốt bốn năm qua.

— Các anh đã là bạn của tôi trong bốn năm qua! - Giọng nói của Boris run run - Giờ đây, các anh không phải là bạn tôi nữa. Đó là chuyện thường tình.

Sân trường mang hình dạng một cái ô vuông rộng lớn có những bức tường to màu xám bao quanh. Chỉ trong giây lát nó đã đầy ắp những con người. Năm trăm học sinh ứa ra sân trong giờ giải lao. Họ nhìn mười bốn người bị đuổi học trong bộ y phục nhục nhã của họ. Những người bị đuổi học này không còn được phép bước chân vào lớp, vào nhà ăn hoặc vào nhà ngủ nữa.

Họ đứng ngoài sân, lưng dựa vào tường, hoặc vào khung thành sân bóng đá hay sân quần vợt. Trong những bộ áo quần không túi, không ngũ vai, không khuy vàng, không đường viền của họ, mười bốn con người bị đuổi học ấy tựa vào cột, vào những cây dẻ của sân trường, vào những bức tường đá cao. Và tất cả đều mắt nhìn xuống đất.

— Mấy giờ cậu đi? - Pierre Pillat hỏi.

Anh hỏi một câu để phá tan cái im lặng nặng nề nó làm cho khoảng cách giữa hai người bạn học cũ xa thêm.

Boris Bodnar nhún vai. Năm trăm học sinh đi dạo chơi giữa sân - tất cả, khuy áo óng ánh như vàng, và giày da bóng nhoáng - đều nhìn những kẻ bị đuổi học và không ai dám đến gần. Họ nhìn không chút sợ hãi. Bọn học sinh thừa biết rằng những kẻ xấu số kia được giữ lại vài ba hôm ở sân trường như vậy cố làm gương cho các bạn đầu năm học mới. Hơn nữa, bao giờ cũng là trong một giờ ra chơi, cho mọi người nhìn thấy tận mắt - họ bị những người lính gác canh giữ dắt ra tận cổng trường, từ đó dẫn bộ tới nhà ga ngang

qua trung tâm thành phố.

Đó là loài cỏ lùng người ta nhổ vứt đi. Học sinh chỉ liếc nhìn từ xa những con người bị đuổi học ấy mà không một ai dám đến gần cả. Pillat đứng cạnh Boris Bodnar. Xung quanh có một khoảng trống không người. Xung quanh một kẻ bị đuổi học nào trong cái sân vuông này cũng có một khoảng trống “gieo tai họa” như vậy. Những học sinh có ngu vai thêu những chữ cái đầu của nhà vua đều sợ những con người bị đuổi ấy. Không ai dám tới gần họ, kể cả những người vừa đây thôi còn rất thân nhau. Trong con mắt của các học sinh lúc này, người ta đọc thấy những ý nghĩ, tình cảm tương tự như ở những tay lái ô tô nhìn thấy ở ngã tư đường một xác xe bị nghiền nát cùng với bao nhiêu hành khách kẻ chết, người bị thương.

Họ mang trong lòng nỗi lo sợ điều bất hạnh kia sẽ xảy đến cho mình. Và chính vì vậy mà họ đành nhắm mắt đi qua. Cái sợ mạnh hơn cái thương. Cứ trông thấy những người bị đuổi là học sinh thề với mình sẽ chăm chỉ học hành trong năm tới, như những anh tài xế thề với lòng sẽ lái cẩn thận mỗi khi trông thấy bên đường một chiếc xe ngã kênh vì đâm vào một gốc cây hoặc một cột điện thoại.

Pillat cũng đột nhiên bị nỗi băn khoăn lo sợ ấy giày vò. Mặc dù không có ý định, anh cũng thử rút ra một bài học bổ ích cho mình từ những điều bất hạnh của Boris: tránh cái lỗi lầm mà Boris đã vấp phải, dẫn tới tai họa hôm nay.

— Vì sao vậy? - Pierre Pillat hỏi - Minh không thể hiểu được vì sao cậu lại có thể bị trượt trong kỳ thi?

Một giây lát im lặng. Đôi má của Boris tái nhợt. Râu cằm xuất hiện như một lớp lông tơ mềm mại, màu hung. Dưới lỗ mũi, một hàng ria đã lơ thơ in bóng.

Boris ngẩng đôi mắt xanh nhìn lên trời. Những đám mây to đen nghịt bay dồn về phía đông, rất nhanh, ngay trên đỉnh ngôi trường, lớp này rồi lớp khác như hết những đám mây mưa.

Cách đây hai mươi cây số về phía đông là sông Dniestr và bên kia sông Dniestr là nước Nga. Boris Bodnar nhìn những đám mây màu sẫm bay qua trên mái trường, ngay trên đầu anh, và nghĩ rằng lát nữa mây sẽ bay trên bầu trời nước Nga, khoan thai, thông thả.

— Minh nghĩ nát óc ra cũng không hiểu nổi sự việc này. - Pillat nói - Không một bạn nào của chúng ta hiểu nổi sự việc này. Lâu nay, cậu vẫn là nhà toán học xuất sắc nhất lớp chúng ta. Cậu giải được một cách dễ dàng những bài toán mà không ai giải được. Cả hai đứa chúng ta phải qua kỳ thi này như một hình thức kỷ luật bởi kỳ trước chúng ta đã giải được bài toán rồi cho cả lớp theo đó mà chép lại. Nhưng không một ai có thể ngờ rằng chính cậu, cái đầu toán học, nhà toán học bẩm sinh ấy cậu lại không giải nổi bài toán thi này. Nói mình nghe đi, giáo sư khẳng định rằng cậu đã nộp giấy trắng, không làm được một dòng nào. Vì sao đến nỗi vậy?

Boris Bodnar vẫn tiếp tục nhìn những đám mây đen bay qua trên trường để đi về phía đông thêm vài giây phút nữa.

Đoạn anh liếc nhìn những chiếc khuy vàng trên áo của Pillat, trong đó anh nhìn thấy mặt mình, xanh xao vàng vọt như trong sáu tấm gương lồi.

— Vì sao lại hỏi chính mình câu đó? - Boris hỏi. Anh đã trở nên đa nghi.

— Tự nhiên thôi. - Pillat đáp - Mỗi chúng mình đều đặt câu hỏi ấy. Nhất định đã có chuyện gì bất trắc xảy ra đây.

Giờ ra chơi đã chấm dứt. Tiếng chuông gọi vào lớp vang lên inh ỏi. Bọn học sinh liếc nhìn rất nhanh những kẻ bị đuổi lần nữa, lần cuối cùng, rồi chen nhau vào lớp để được thật đúng giờ, để khỏi bị vào muộn, để khỏi đến lượt mình trở thành những học sinh bất hạnh phải mặc những bộ y phục dè dặt. Cả năm trăm học sinh đều có một ý nghĩ giống nhau khi chúng chen nhau vào lớp: “Miễn cái chuyện này không bao giờ đến với chúng ta!”

— Bây giờ là giờ học tiếng Latin đây. - Pillat nói - Minh bỏ giờ học. Cậu đến chỗ đằng sau đồng gỗ với mình. Chúng mình có thể yên tâm nói chuyện.

Sân trường vắng vẻ.

— Không! - Boris đáp (bằng cả hai tay, anh đeo mình tựa lưng vào bức tường đá) - Anh biết rằng các anh, học sinh của trường hoàng gia, các anh không được phép trò chuyện với những kẻ bị đuổi học. Kể cả sau khi ra trường nữa, các anh vẫn không được phép quan hệ với họ, dù là quan hệ thư từ cũng không. Anh nên vào học giờ Latin đi, nếu không người ta có thể phạt giam anh vào buồng tối đó.

Pierre Pillat kéo Boris đi về phía cuối sân và nấp sau đồng gỗ.

— Không! Nói chuyện đó bây giờ chẳng còn có ý nghĩa gì nữa! - Boris Bodnar nói - Con đường chúng ta đi sẽ mãi mãi cách xa nhau. Chúng ta từng là bạn thân, đúng. Bây giờ thì hết rồi. Anh sẽ là sĩ quan. Anh sẽ mặc bộ đồng phục nhà vua. Và sẽ là một thành viên trong giới thượng lưu quốc gia, trong đội ngũ sĩ quan, như người ta nói trong những giờ giáo dục đạo đức.

— Chẳng ai ngăn cách được con đường chúng ta đi! - Pillat bảo. Anh bắt tay Boris - Chúng ta đã từng là bạn thân và chúng ta sẽ mãi mãi là bạn thân. Dù có lệnh cấm đi chẳng nữa thì chúng ta vẫn cứ thư từ cho nhau. Không cần phải ký tên dưới thư làm gì, mình biết thuộc lòng nét chữ của cậu rồi. Cậu sẽ biên thư đều đặn cho mình, phải không?

Viên sĩ quan trực kiểm tra sân. Pierre Pillat và Boris Bodnar nấp kín sau đồng gỗ nên viên sĩ quan không trông thấy. Sau khi ném một cái nhìn vào những người bị đuổi học đang đứng tựa lưng vào tường, vào gốc cây hoặc vào các khung thành trong sân chơi, viên sĩ quan bỏ đi.

— Ba mẹ cậu giàu có. - Pillat bảo - Họ sẽ gửi cậu vào một trường dân sự nào đó. Cậu sẽ học vượt một năm hai lớp.

Boris Bodnar đỏ mặt. Trên bóng hàng rìa tơ, hai cánh mũi anh phập phồng.

— Anh vào học giờ Latin của anh đi. Để mặc tôi! - Boris đáp.

— Mình nói chuyện với cậu trên tư cách bạn thân. Sao cậu lại nổi cáu với mình?

— Nếu nói với nhau trên tình bạn thật sự thì xin đừng nhắc tới ba mẹ tôi, đến chuyện về nhà!

Bàn tay của Pierre Pillat thân mật đặt lên vai không có ngù của Boris. Nhưng Bodnar vẫn để mắt nhìn theo những đám mây đen đang chạy trốn rất nhanh về phía nước Nga.

— Mình có nói điều gì không tốt cho cậu đâu, Boris! Mình chỉ khuyên cậu hãy trở về nhà. Thế thôi. Đó là một lời khuyên hợp lý.

— Tôi không cần lời khuyên của anh! - Boris đáp, mắt vẫn nhìn trời - Anh thừa biết rằng chúng ta sẽ chẳng bao giờ còn gặp nhau nữa. Con đường chúng ta đi đã tách biệt nhau rồi. Có thể đây là lần cuối cùng chúng ta nói chuyện với nhau. Anh có biết vì sao tôi không muốn ai nhắc tới ba mẹ tôi, đến nhà tôi không? Tôi sẽ nói với anh. Có thể đây là một sự trả thù về phía tôi. Anh có biết tôi có một thằng em trai không? - Boris Bodnar run run.

— Cậu có một thằng em trai à? - Pillat hỏi - Có bao giờ cậu nói chuyện đó với mình đâu! Chúng ta cùng ngồi với nhau bốn năm liền trên một chiếc ghế dài học sinh. Mình tưởng chúng ta đã trao đổi cho nhau mọi bí mật tâm tình. Ít nhất về phía mình, mình đã thổ lộ hết mọi điều với cậu.

Pillat cảm thấy như anh đã bị phản bội trong tình bạn. Anh thấy ân hận đã không lên lớp giờ Latin mà ở lại trên sân với một người bạn cũ đã nói dối anh suốt bốn năm ròng.

Pillat nhìn ra sân. Anh đã toan quay về lớp học và để Boris, bỏ rơi Boris lại một mình. Nhưng anh không thể làm như vậy nữa. Muộn quá rồi. Đành phải đợi giờ chơi sau.

— Vì sao chẳng bao giờ cậu nói cho mình biết cậu có một thằng em trai? - Pillat hỏi, giọng gay gắt - Mình có điều gì bí mật với cậu bao giờ đâu!

— Bây giờ tôi mới nói. Tôi có một đứa em trai. Nó tên là Angelo. Toàn bộ tấn bi kịch phát sinh là từ nó. Chính vì vậy mà tôi không thể trở về nhà. Anh biết không? Bởi vì trời đã cho tôi một đứa em trai.

Boris nhìn vào đôi mắt của Pillat, như muốn xuyên thủng nó đi.

— Angelo kém tôi ba tuổi. - Boris tiếp.

Pierre Pillat không quan tâm tới những lời bạn nói. Điều cơ bản là Boris đã giấu anh một sự việc gì đó, là Boris thiếu chân thực đối với anh.

— Khi tôi lên ba, thì xảy ra một sự việc nó làm đảo lộn tất cả cuộc đời tôi. Anh có muốn biết là chuyện gì không?

Pillat nhún vai.

— Câu chuyện vẫn tất như thế này. - Boris nói - Anh nghe tôi kể xong mới hiểu được vì sao tôi đã giữ bí mật, vì sao không một ai trong lớp học biết rằng tôi có một thằng em.

Tôi vừa lên ba tuổi. Tôi đang chơi ở sân. Trước nhà tôi có một khoảng sân với những cây mơ đang ra hoa trắng xóa. Tôi chỉ mới lên ba, nhưng tôi nhớ tỉ mỉ mọi chi tiết. Tôi có một bộ đồ thun trắng. Mẹ tôi

phải chú ý không làm bẩn bộ quần áo mới của tôi. Rồi mẹ tôi để tôi chơi ở sân, dưới những cây mơ.

Angelo lúc đó mới chỉ được mấy tháng thôi. Nó nằm trong xe nôi, dưới ánh mặt trời. Mẹ bảo tôi trông em. Tôi chưa bao giờ chơi một mình với Angelo của tôi. Bao giờ cũng có mẹ bên cạnh. Tôi cũng chưa lần nào nhìn kỹ nó. Lần này có một mình tôi cùng Angelo. Tôi mon men tới gần chiếc xe nôi và tò mò nhìn nó. Một đứa bé con, là một điều mới lạ đối với tôi, một đồ chơi.

Tôi đã phát hiện ra hai cái chân của nó và tôi nhìn. Tôi sờ vào cặp chân hồng hào của em. Tôi cười. Tôi rất thích nghe nó kêu lên khi tôi nắm chặt lấy chân nó, giống như con búp bê bóp nó thì nó kêu. Sau đó tôi phát hiện ra cái đầu của nó. Một cái đầu hồng hồng và tròn trĩnh như một trái banh. Vì chói mặt trời nên nó nhắm mắt lại. Đôi khi nó mở ra và tôi thấy nó có đôi mắt to, xanh. Nhưng nó không muốn để mắt mở. Tôi bèn lấy ngón tay banh mí nó ra. Đôi mắt của nó làm tôi thích thú. Nó rất đẹp, trong và tôi muốn nhìn, muốn ngắm mãi. Trong tất cả những gì mà Angelo có, tôi yêu nhất đôi mắt của em. Tôi thích mở nó ra vì Angelo nhắm chặt nó lại. Thấy nó chẳng muốn biết gì cả tôi bỏ nó đấy và ngồi nghịch cát, bên cạnh chiếc xe nôi. Khi Angelo kêu lên, tôi lại đến cạnh nó và lại cố banh mắt nó ra. Tôi nhặt được một chiếc đinh trong cát. Và bởi không banh được mắt nó ra bằng ngón tay, tôi đã dùng chiếc đinh cạy mí mắt nó ra. Nó kêu, nó giãy. Tôi bèn ấn mạnh chiếc đinh vào mắt Angelo. Là vì, anh hiểu không? Tôi muốn banh mắt nó ra xem mà nó thì cứ nhắm nghiền lại. Tôi yêu đôi con mắt nó quá. Và tôi muốn được nhìn.

Tiếng kêu thét của Angelo vang dội cả sân. Tôi không còn biết chuyện gì xảy ra sau đó nữa. Khi mẹ tôi tới thì cái xe của Angelo đầy máu, bộ quần áo trắng của tôi đầy máu, tay tôi đầy máu, má của nó đầy máu. Với chiếc đinh, tôi đã chọc thủng một mắt của Angelo, con mắt của Angelo mà tôi xiết bao yêu thích. “Thằng giết người!” Mẹ tôi thét - Giờ đây tôi vẫn còn nghe tiếng thét của mẹ tôi: “Thằng giết người!”

Mẹ tôi ngắt đi, ngã xiêu xuống. Hàng xóm đổ đến, đàn ông, đàn bà, đầy cả sân. Ba tôi đến, cha xứ cũng đến, cả ông bác sĩ và bà hàng quán nữa. Tới đây, không còn nhớ rõ lắm. Người tôi đầy máu, chỉ biết vậy thôi. Cha xứ và ông bác sĩ đã khênh mẹ tôi vào trong nhà. Nhà đầy những khuôn mặt lạ. Một đám đông. Sau đó ít lâu, mẹ tôi lại ra. Hai người đàn bà lạ mặt cầm tay mẹ tôi. Mẹ tôi gào lên đòi treo cổ tôi vì tôi là một đứa tội phạm, một kẻ giết người.

Boris Bodnar nhìn xuống đất.

— Chuyện có thể! - Anh nói - Kể từ ngày hôm đó, từ cái tuổi lên ba, cuộc đời đã ngừng lại với tôi. Tất cả mọi người ở nhà, ở làng, ở trường học chỉ còn gọi tôi bằng cái tên “đứa giết người”! Đối với tất cả, tôi là một đứa giết người, một tên hung thủ!

Kể từ hôm đó trở đi, bạn bè, thầy giáo, vị linh mục, xóm giềng, ba tôi, mẹ tôi chỉ còn việc là giám thị tôi không một phút giây nào nghỉ. Họ dò xét từng cử chỉ, từng việc làm, từng câu nói của tôi hòng phát hiện ra những ý đồ tội ác. Nếu tôi vô ý đụng khuỷu tay vào một đứa trẻ con, hay chơi ná cao su, hoặc ném một hòn sỏi, cầm một con dao, một cái đinh, một vật gì sắc nhọn là lập tức người ta quy cho tôi có ý định làm tội ác. Và mọi người gọi tôi “Boris, tên hung thủ”.

Phía trên ngôi trường, những đám mây đen bay về phía đông.

— Angelo lành bệnh - Bodnar nói - nhưng con mắt nó không còn. Tôi đã làm nổ tròng xanh của nó bằng một chiếc đinh. Và tròng màu xanh của mắt đã chết, đã bị khoét đi. Hốc mắt bên phải bây giờ trống rỗng, mí mắt khép lại. Bất cứ ở đâu, trong nhà hay ngoài sân, bao giờ trước mắt tôi cũng hiện lên hốc mắt không tròng của Angelo. Quả là một hình phạt cay nghiệt! Và tôi lại nhìn con mắt trái của nó, xanh sao, đẹp sao! Coi nó như một viên ngọc quý nhưng mà độc nhất. Bởi vì, nói thật với anh, tôi chưa bao giờ thấy một con mắt nào xanh hơn, sáng hơn con mắt trái của Angelo. Tôi đã không thể nào tha thứ cho mình đã dùng một chiếc đinh hủy hoại đi một con tròng màu xanh trong, đẹp đến diệu kỳ kia, ánh sáng của hốc mắt bên phải của em tôi.

Từ câu chuyện không hay đó, tôi bắt đầu chịu bao nhiêu điều hành hạ dội xuống trên đầu. Ba tôi truất quyền thừa kế của tôi, từ bỏ tôi. Tôi không ngồi ăn cùng bàn với Angelo và ba mẹ nữa, mà ngồi ăn cùng bọn đầy tớ. Toàn bộ gia tài chúng tôi đều mang tên của Angelo. Tôi được phép ở lại trong gia đình đã là quá lắm rồi. Angelo càng lớn lên thì người làng càng ghét bỏ tôi. Năm ấy, trong những tháng hè, tôi có nói chuyện với một cô gái trước cửa nhà tôi. Đúng chỉ có hai câu. Cô ta hỏi tôi: “Anh có yêu đôi mắt của em không?” Tôi trả lời: “Có yêu.” Tức thì cô ta lấy hai tay che mắt lại và nói với tôi: “Nếu anh yêu thì xin anh

đừng chọc thủng nó!" Nói xong cô ta chạy trốn. Khi tôi đến trường, trẻ con đưa tay bưng mắt lại và gào to với nhau: "Coi chừng con mắt! Boris kia, nó móc đi cho bây giờ!"

—Tha lỗi cho mình! - Pierre Pillat bàng hoàng nói - Mình không giận cậu nữa! Mình van cậu bỏ qua cho!

— Sao lại tha lỗi cho anh?

— Mình đã giận cậu bởi cậu giấu mình cậu có một thằng em. Quả thực không nói là phải.

Pillat đặt tay lên vai không có ngù của Boris Bodnar.

— Suốt tuổi ấu thơ của tôi, mẹ tôi luôn luôn cầu trời cho tôi mắc một chứng bệnh nào đó, tinh hồng nhiệt^[4], sốt chấy rận hay một bệnh khủng khiếp nào đó để tôi chết quách cho xong. Ai cũng cầu mong cái chết của tôi. Người ta sai tôi lên núi hái nấm rồi bắt tôi ném thử, với hy vọng tôi ném phải nấm độc mà chết. Trong gia đình cũng như ngoài làng xóm trên khắp cái thế gian này, đâu đâu tôi cũng là con người cần gạt bỏ, cần thanh toán đi!

Từ lúc lên ba, tôi đã phải bị kiểm soát mỗi hành vi của mình, bởi một cử chỉ bình thường vô vị nhất của tôi đều có thể bị hiểu như một hành vi phạm tội làm sôi động căm thù của thiên hạ đối với tôi. Tôi đã sống như vậy đó, cô đơn, kinh sợ, trong sự khinh bỉ của mọi người.

Trẻ con vật ngã tôi xuống đất, moi móc các túi áo túi quần tôi xem tôi có cất giấu một cái đinh, một con dao, một cái gì nhọn sắt hay không. Bởi mọi cái gì tôi có đều nguy hiểm. Và mỗi lần như vậy chúng nó đánh tôi. Không bao giờ tôi có một con dao nhíp. Ở bàn ăn trong suốt tuổi thơ, tôi không bao giờ có một con dao. Tôi phải dùng hai hàm răng thay dao xé thịt!

— Thật đáng thương hại! Boris! - Pierre Pillat nói - Nếu biết thế này...

— Anh biết vì lý do gì tôi thi trượt không? Bây giờ thì có thể nói thật tất cả. Là bởi suốt cả mùa hè tôi không làm sao học được một chữ. Tôi đã không đủ cam đảm nói cho ba mẹ tôi biết là tôi phải thi lên lớp về môn toán. Để ba mẹ không hay biết gì về cuộc thi đó, tôi đã thử học tập về đêm. Không thể thì lập tức sẽ nổi cơn giông tố gia đình. Ba mẹ tôi gọi tôi là thằng mất gốc, thằng đàn độn, thằng ngu si. Nhưng họ đã bắt gặp tôi thức đêm giải những bài toán đại số. Họ la mắng tôi một trận nên thân: "Đêm là để ngủ. Những người có đầu óc bình thường đều ngủ ban đêm." Vậy là bao nhiêu sách vở, tôi mang đốt hết, không làm sao còn học được nữa. Đó, cái lý do khiến tôi thi trượt và bị đuổi ra khỏi trường!

Boris Bodnar đã nói xong. Sau một hồi lâu im lặng, anh lại nói tiếp:

— Bây giờ anh đã rõ hết sự tình. Anh có còn khuyên tôi trở về nhà nữa hay không?

Pierre Pillat nhìn xa xa. Boris lại nói:

— Ba mẹ tôi chỉ chờ một duyên cớ nào đó để đuổi tôi đi. Bây giờ thì họ đã tìm được cái duyên cớ ấy rồi. Chỉ cần tôi xuất hiện trước mặt họ với bộ đồng phục này, cái quyết định đuổi học này là họ có cơ sở để khẳng định tôi là một thằng mất gốc, một tên tội phạm thôi. Họ sẽ còn trở nên dữ tợn hơn nữa. Và họ sẽ không cho phép tôi đặt chân vào nhà đâu. Vào sân cũng không. Và sẽ không một ai trong cả làng dám cho tôi nương thân một tối. Vậy là cái chuyện tôi trở về nhà không còn ý nghĩa gì nữa cả.

Một sự im lặng lớn lao, nặng nề tiếp theo câu nói đó.

Pierre Pillat xắn gấu quần lên và rút từ trong chiếc tất của anh ra một gói thuốc lá đưa cho Boris. Bodnar bắt đầu cuộn một điếu thuốc. Ngón tay anh run run.

— Chưa bao giờ mình nghe kể hoặc đọc một câu chuyện đau lòng như chuyện của cậu! - Pillat nói - Mình chưa hề thấy có một người nào chịu nhiều đau khổ đáng cay như vậy bao giờ, Boris! Làm sao cậu lại có đủ nghị lực để giấu đau thương? Mình đâu có ngờ. Không một bạn bè nào của chúng ta, không một thầy giáo nào của chúng ta có thể ngờ? Cái điều duy nhất của chúng mình không làm sao hiểu nổi là cứ tới gần nghi hê là cậu cứ gầy nhom đi và trở thành buồn bã. Mình ngạc nhiên không thấy cậu nhận được thư từ của gia đình cậu bao giờ. Cậu là người duy nhất không bao giờ nhận được thư. Bốn năm liền không một lá thư... Có đúng là không bao giờ cậu được nhận một lá thư nào?

Mắt Bodnar rung rung lệ. Anh không trả lời. Anh nhìn mây, anh thích nhìn những đám mây nhẹ nhàng trôi trên đầu họ. Những đám mây, như những đoàn lữ hành bay về phía đông. Anh duỗi chân và đốt một điếu thuốc. Cái nhìn của anh vô tình, dừng lại ở đôi giày to tướng của mình. Đó là đôi giày của "kẻ bị đuổi

học”, chẳng thành đôi chút nào: chiếc trái to hơn, màu đậm hơn chiếc phải.

— Cậu không tìm được một an ủi nào về phía Thượng đế hay sao? - Pierre Pillat hỏi - Thượng đế là một nguồn an ủi lớn cho những ai gặp quá nhiều đau khổ.

Cả hai người cùng ngồi trên cát. Họ hút thuốc. Boris lặng im.

— Cậu chưa lần nào thử đến với Chúa à?

— Tôi có thử. - Boris nói - Trong tình thế của tôi, tôi không dám đến với ai trên trái đất này, cho nên tôi đến với Chúa, đó là chuyện dĩ nhiên. Khi lần đầu tiên tôi nghe nói có một Con Người ở phía trên kia, trên trời, một Con Người biết tha thứ, tôi đã ngã vào lòng Người đắm đuối, say mê. Tôi nghĩ không một đứa trẻ nào đã dâng lời cầu nguyện lên với Chúa một cách sốt sắng chân thành như tôi. Tôi không thể yêu kính Chúa với một tình yêu nào trọn vẹn hơn như thế nữa. Tôi cần một người biết tha thứ. Và người ta nói rằng Chúa tha thứ cho mọi người. Tôi nguyện cầu Chúa, nói với Chúa hằng ngày, hầu như chẳng phút nào ngoi, như thể nói với một người bạn thân vậy. Tối đến, tôi nguyện Chúa hằng giờ liền với những dòng nước mắt chứa chan.

— Và Chúa đã trả lời cậu? - Pillat hỏi.

— Chúa đã trả lời tôi. - Boris Bodnar đáp - Nhưng Chúa cũng chỉ trả lời tôi như người trần thế trả lời. Tôi có cảm giác rằng: cả Người nữa Người cũng muốn đưa tôi vào tròng. Vậy là tôi lại cũng tìm cách tránh Chúa như tôi đã tránh những con người. Song Chúa có mặt bên tôi. Tôi tưởng nghe hơi thở của Người mỗi lần tôi gọi đến tên Người. Mới sáu tuổi, tôi đã quả quyết tin rằng: không nên cầu nguyện nữa, rằng tôi phải mặc cả Chúa, rằng tôi phải cô đơn.

— Cậu đã thôi cầu nguyện Chúa từ năm lên sáu ư?

— Đúng vậy! - Bodnar nói - Sáu tuổi, tôi đã cách ly với Chúa. Tự nhiên xảy ra một câu chuyện thật tầm thường, vô vị. Một buổi chiều đi học về, tôi không thấy ba mẹ tôi ở nhà. Họ đã lên phố cùng với Angelo. Nhà chẳng có ai cả. Mọi cửa đều đóng khóa. Tôi phải ngồi ngoài sân như đã bao nhiêu lần trước. Đêm đến, tôi buồn ngủ. Trời khuya lắm rồi. Tôi lại đói bụng. Và tôi cũng muốn chuẩn bị bài học ngày mai. Tôi bèn quyết định phải vào nhà. Tôi tin rằng ba mẹ tôi chắc chắn sẽ không về giữa đêm khuya. Một mình trong đêm, tôi rét và tôi sợ. Tôi thử lấy một sợi dây thép mở cửa nhưng khó mở lắm. Tôi mới sáu tuổi mà. Tôi bèn quỳ gối trước cửa và cầu xin Chúa giúp tôi vào được trong nhà. Xin Chúa đừng để tôi phải nằm ngoài sân suốt cả đêm. Tôi xin Chúa cứu giúp tôi bởi một mình thì tôi không làm sao được.

— Và chúa đã giúp cậu chứ?

— Chúa đã giúp tôi. - Boris đáp - Tôi cầu Chúa với tấm lòng thành kính vô cùng. Tôi khóc. Tôi đã lấy nước mắt cầu nguyện. Người giúp tôi mở được cửa ra với cái chìa khóa ứng biến của tôi. Tôi cảm thấy Chúa đến bên tôi và giúp đỡ tôi.

Chỉ trong nháy mắt tôi mở được cánh cửa. Tôi vào nhà. Trong nhà ấm áp. Sung sướng quá, không kịp thắp đèn, tôi quỳ gối xuống cảm ơn Chúa! Lần đầu tiên, tôi cảm thấy một cách chắc chắn rằng tôi không cô độc trên đời. Tôi có một người bạn, là Chúa. Anh không làm sao hiểu nổi thế nào là hạnh phúc được có một người bạn, khi xung quanh chỉ có những kẻ ghét thù anh, Pierre ạ! Vậy mà tôi có một người bạn! Một người bạn mà tôi có thể gọi đến bất cứ lúc nào. Tôi không còn cô đơn nữa. Tôi có Chúa bên tôi.

Tôi quỳ lâu trước bức tượng. Tôi không thể rời bỏ người bạn đó nữa. Đây là một đặc ân quý giá nhất: có một người bên mình khi ta chẳng còn ai cả, không mẹ, không cha, không cả bạn chơi, không cả bạn học, mà chỉ toàn những con người thù địch vây quanh, những con người cầu mong cho anh chết! Giờ đây tôi đã có một người không gọi tôi là “tên hung thủ” và giúp đỡ tôi. Đó là Chúa.

Đêm ấy tôi chẳng ăn uống chút gì. Tôi sung sướng quá, quên cả ăn. Tôi đã quên bài vở, quên cô đơn, mệt nhọc, quên mọi nỗi đau của mình. Tôi cứ quỳ gối trước mặt Chúa, bạn tôi. Tôi hạnh phúc. Tôi muốn cứ quỳ như vậy suốt đêm, với người bạn mới, người bạn duy nhất của tôi.

Nhưng ngay lúc đó, ba tôi đã về, cùng với mẹ tôi và Angelo. Họ mặc bộ áo quần diện đi chơi, họ đã vào ăn ở nhà hàng và đã đi xem phim. Họ vào nhà, lòng sôi điên giận và thấy tôi đang quỳ trước bức tượng. “Tên hung thủ đâu?” Cha tôi hét lên trước khi bật đèn. Sau đó tôi không biết gì nữa. Ba tôi đã xô tôi ngã xuống đất, rồi giẫm đạp lên người tôi với đôi giày mới của ông. Mẹ tôi đến sau đó một tí và cũng đánh tôi. “Thằng hung thủ!” Cha tôi gào lên. “Mày tưởng tao nuôi mày để cho mày bẻ cửa sổ nhà tao à?

Để chỉ đường cho bọn đũa ở vào nhà trong lúc tao đi vắng à?"

Họ đánh tôi tàn nhẫn. Người tôi đầy máu me. Tôi trườn được ra ngoài và nằm trên một chiếc ghế dài đặt cạnh nhà mà ngủ. Minh tôi bầm tím vết thương, đầy máu me. Tôi nghĩ đến bạn tôi - Chúa - và nói: "Lạy Chúa! Người biết rõ mọi điều. Người đã thấy trước chuyện gì đã xảy tới cho con nếu Người giúp con mở được cánh cửa. Người đã biết chuyện gì sắp xảy ra thì sao Người còn giúp con mở khóa làm gì nữa chứ?" Tôi dường như nghe Chúa trả lời: "Boris! Con đã cầu xin ta cứu giúp. Con đã cầu xin ta một cách nhiệt tình mà!" - "Đúng vậy, nhưng mà, lạy Chúa, Người thừa biết cái điều con xin là không tốt. Người thấy đấy: cả mình con đầy vết thương, bầm tím và máu me. Người đã thấy họ giẫm chân lên mình con! Giá Người không giúp con mở được cánh cửa kia thì con đâu đến nổi! Sự giúp đỡ của Người đối với con, lạy Chúa! Không phải là sự giúp đỡ của một người bạn. Nếu con ở địa vị Người và ngược lại Người ở địa vị con, thì con chẳng làm cho Người như vậy. Thà cho Người giận một lúc chứ không giúp Người làm một điều gì không tốt!" Chúa trả lời tôi: "Xin điều gì, ta ban điều ấy." - "Nhưng mà con là một đứa trẻ lên sáu. Con không biết được điều gì tốt, điều gì xấu. Cái điều con xin Chúa tối hôm nay, chuyện mở cánh cửa, con tưởng là điều tốt, hóa ra lại là điều xấu. Nhưng mà Người, lạy Chúa! Người biết đâu là cái tốt, đâu là cái xấu kia mà!" Chúa đã không trả lời tôi, hoặc Người có trả lời mà tôi mệt mỏi quá không nghe. Tôi đã khóc và nằm ngủ.

Từ đêm hôm ấy, tôi không cầu kinh nữa. Tôi không căm giận Chúa đâu. Nhưng tôi sợ lại xin Người phải một điều gì không tốt. Tôi không xin gì nữa cả. Nếu tôi cầu nguyện, tôi chỉ nói đơn sơ: "Lạy Chúa, con chẳng biết nên xin Chúa điều gì. Chúa hãy ban cho con điều gì tùy ý Chúa!" Ngay cả ngày hè này, tôi không cầu nguyện Chúa trước khi thi.

— Cậu không cầu nguyện Chúa giúp cho cậu thi đậu à, Boris? - Pillat hỏi.

— Không! Tôi đã xin Chúa giúp đỡ tôi nếu Người thấy thi đậu là điều tốt cho tôi. Nhưng nếu đối với tôi thi trượt tốt hơn thi đậu thì Người đừng giúp đỡ.

— Thi trượt không bao giờ là điều tốt cả? - Pillat nói - Cậu có nghĩ là cậu đang có những ý nghĩ quá khích không? Trong trường hợp hiện tại, cái tốt, cái xấu tách biệt nhau rõ ràng.

— Panait Istrati^[5] đã sang Pháp và trở thành một nhà văn nổi tiếng thế giới, bởi vì lúc làm đầy tớ cho nhà hàng Braila, ông đã bị tên chủ quán đánh đập và đuổi ra khỏi nhà. Nếu lão chủ quán không đuổi ông ta đi, trong đêm, trên mình chỉ có một chiếc somi thì Istrati đã chẳng bỏ nước ra đi và Panait Istrati đã chẳng trở thành con người danh tiếng hiện nay; ông ta đã tiếp tục làm thân phận người đầy tớ của hàng quán Braila. May lắm thì đến lượt mình trở thành một tên chủ quán là cùng. Vậy thôi. Trong cái xấu nào cũng có cái tốt, chỉ có điều là chúng ta không biết được cái tốt là đâu, cái xấu là đâu.

— Cậu cũng muốn ra nước ngoài chẳng? - Pillat hỏi.

Boris Bodnar nhìn những đám mây bay về phía đông.

— Sao anh biết? Đúng vậy, tôi muốn đi. Không phải muốn mà là bắt buộc. Tôi bị cưỡng bách. Không còn giải pháp nào khác đối với tôi. Tôi muốn đi và làm lại từ đầu. Đi tới một nơi ở đó không ai biết tôi là Boris đã đâm thủng mắt em mình. Mà không ai nghi ngờ, cảnh giác với tôi. Mà các cô gái không lấy tay bưng mắt lại và kêu lên: "Anh thấy mắt tôi đẹp là vì anh muốn đâm thủng nó!" Tôi không độc ác đâu, Piene ạ! Tôi không muốn đâm thủng mắt ai đâu! Cái chuyện xưa ấy, là một bất hạnh. Tôi chỉ là một đứa bé lên ba. Tôi không phải là một tên hung thủ!

— Cậu muốn đi đâu? - Pillat hỏi.

— Sang Nga! - Boris Bodnar đáp - Sang Nga, vì gần hơn cả. Chỉ vài giờ đi bộ là tới bờ sông Dniestr. Tôi sẽ bơi qua sông. - Anh ngừng lại giây lát - Có thể ngay đêm nay tôi đã ở trên đất Nga rồi. Đó, cái lý do vì sao tôi không cần tiền. Tôi cảm ơn anh đã có nhã ý đối với tôi!

— Cậu biết chính sách khủng bố đang ngự trị ở Nga. - Pillat nói - Cứ mỗi mùa đông, cậu thấy có bao nhiêu người qua đây tị nạn, bất chấp cái nguy cơ có thể bị ám hại ở dọc đường chẳng?

— Tôi biết chứ! Nhưng sự khủng bố mà tôi đang chịu đây còn đáng sợ hơn. Và lại ở đây tôi là người duy nhất bị khủng bố. Nhưng tại nước Nga, bên kia, nếu có khủng bố chẳng thì cũng là sự khủng bố tập thể. Và có bạn bè là một điều quan trọng. Kể cả bạn cùng đau khổ. Cô độc là nguồn đau lớn nhất của thế

gian. Con người có thể chịu đựng sự khủng bố tàn tệ nhất nếu là tất cả cùng chung chịu. Nhưng cô độc là chết. Đối với riêng tôi, tôi không nghĩ rằng cuộc sống ở Nga sẽ khó khăn vất vả hơn ở đây. Từ khi mới lên ba cho tới ngày hôm nay, tôi chỉ thấy có do thám, cảnh giác, buộc tội, sỉ nhục, nghi ngờ. Đối lại với tất cả những chuyện đó, tôi nghĩ rằng ở Nga tôi sẽ được tự do hơn.

— Vì sao cậu cứ muốn rời bỏ đất nước ra đi? Hãy ở lại, mà không về nhà!

— Ở Rumani tôi phải thú nhận rằng tôi đã bị đuổi học. Tôi là tên hung thủ đã đâm thủng mắt em. Ở đất nước này, mẹ tôi, ba tôi người làng có thể gặp tôi. Có thể cả bạn bè tôi nữa. Ở nước ta, con mắt của Angelo cùng những lời buộc tội của mọi người sẽ theo đuổi tôi cho tới mãn kiếp. Ở Nga, chẳng ai phải bưng mắt mình lại khi tôi đi lại trên đường. Và điều đó đối với tôi mới thật là cơ bản.

Boris Bodnar nói tiếp:

— Tôi có thể bị người ta bắn chết mất xác khi bơi qua sông Dniestr. Biên giới được canh gác cẩn mật. Nhưng ý nghĩ về cái chết không làm tôi khiếp sợ. Tôi đã quen nghĩ về cái chết nhiều hơn là nghĩ về cái sống. Và biết đâu các lính cảnh giới cứ bắn phăng tôi đi ở chốn biên thù, thế mà hay hơn cũng nên.

— Đừng nói như vậy. - Pillat bảo.

Anh quần thêm một miếng thuốc nữa và nhìn đồng hồ.

— Phải mười lăm phút nữa mới tới giờ ra chơi.

Anh nói thêm:

— Vì sao lại phải giấu mình một điều bí mật? Giá cậu cho mình biết, có phải cậu đã thấy thoải mái hơn không? Mình đã có thể giúp đỡ cậu. Giữ bí mật với mình quả là một sai lầm. Đáng lẽ ra cậu nói với mình mới phải.

— Nếu như tôi nói chuyện thì chính anh cũng đã theo dõi xem tôi có đúng là một tên hung thủ bẩm sinh không.

— Cái gì chứ cái đó thì không! - Pillat nói.

Boris Bodnar nhìn cái túi thuốc lá. Trong túi, Pillat có một vài thứ giấy tờ và tiền. Boris Bodnar nhìn các thứ đó.

— Mình muốn làm một cái gì đó cho cậu. - Pillat nói - Mình sẽ làm tất cả những gì cậu yêu cầu.

— Tôi không thể yêu cầu anh điều gì! Thực ra có gì mà yêu cầu?

Anh tiếp tục nhìn gói thuốc.

— Mình sẽ làm tất cả những điều gì cậu muốn. Tất cả - Pillat nhắc lại.

— Trong túi thuốc anh có một tấm hình. - Boris Bodnar nói (Anh đỏ mặt) - Tôi thấy anh có một tấm hình khi anh lấy thuốc. Tấm hình của một thiếu nữ. Anh có vui lòng tặng tôi?

— Rất vui lòng! - Pillat đáp.

Anh rút ra một tấm ảnh của một cô gái trong bộ y phục nữ sinh. Một tấm hình căn cước, chỉ to bằng con tem bưu chính.

— Một người bà con của anh à? - Boris vừa nói vừa cầm lấy tấm hình ngắm nghía bộ y phục cổ trắng xinh xinh.

Đó là một cô gái cùng lứa tuổi của hai người, một cô gái vị thành niên.

— Học sinh nhạc viện đấy! - Pillat đáp - Tên cô ta là Eddy Thall. Tôi chỉ mới biết mặt cô ta thôi. Ảnh này không phải của cô ta tặng. Tôi tìm thấy trong một cuốn sách của thư viện nhà trường.

Hai người cùng nhau nhìn ngắm cái khuôn mặt trẻ con, những nét xinh xắn của cô nữ sinh nhạc viện Eddy Thall.

— Cô ta đẹp lắm! - Pillat nói - Đang học lớp Vũ và lớp Nghệ thuật Sân khấu.

— Anh yêu cô ta? - Boris Bodnar hỏi.

— Tôi chưa bao giờ có dịp tiếp chuyện với cô ta. - Pillat nói - Nhưng tôi yêu cô ta, yêu ghê gớm. Tôi thường thấy cô ta cùng với bạn bè qua trường, trong những ngày nghỉ hè.

Cô gái trong tấm hình cười mỉm.

— Cậu cứ cầm lấy! - Pillat bảo - Mình vui lòng cho cậu.

— Không! - Bodnar đáp.

Và anh đưa lại bức ảnh cho Pillat.

— Cậu không thích cô ta sao?

— Thích chứ! Rất thích! Cô ấy đẹp!

Anh do dự một giây.

— Tôi muốn mang nó theo. - Anh nói - Nếu mang tấm ảnh theo tức là tôi bớt cô đơn. Ít ra tôi cũng còn có một tấm ảnh bên mình.

— Cậu có thể cầm lấy!

Tấm ảnh của Eddy nằm trên cát, ở giữa hai người.

— Tôi sắp sửa bơi qua sông Dniestr. - Boris nói - Nếu cất tấm ảnh trong mình, nó sẽ bị ố mất. Tôi sẽ không còn nó một khi bơi được qua bên kia sông. Vậy là dù có mang theo tấm ảnh, tôi đến bờ bên kia vẫn cứ một mình. Tấm ảnh thấm nước sẽ bị hư hỏng. Vậy thì tôi mang theo cũng chẳng có nghĩa lý gì. Cho nên đừng lấy là hơn. Tuy nhiên, tôi thích có nó bên mình biết bao!

Những hồi chuông kéo dài báo hiệu giờ ra chơi. Pillat cầm lại bức ảnh. Anh gói nó cẩn thận trong một tờ giấy và lại đặt nó trong túi đựng thuốc lá. Anh giấu cái túi trong tất rồi lần theo những học sinh đang ùn ùn ra giữa sân trường trung học hoàng gia Kichinev.

Boris Bodnar ở lại một mình, mắt nhìn xuống đất.

— Không có nổi cả một tấm hình? - Boris Bodnar tự bảo lòng - Nhưng ta không cô độc. Ta không thể cầm theo bức ảnh của cô gái Nhạc viện, nhưng ta mang theo trong lòng tên tuổi của cô ta. Với cái tên ấy, ta có thừa sức bơi qua bờ sông bên kia được!

Khi người ta không còn lại một thứ gì, hoàn toàn không một thứ gì, kể cả cái tên của một người con gái chỉ mới biết qua một tấm hình, thì đã là “một cái gì” rồi. Chỉ một cái tên!

Và một cái tên đẹp làm sao! Rất đẹp là đằng khác!

Anh nói. “Eddy Thall”.

Nghe gọi cái tên ấy lên, anh mỉm cười, rồi anh nhắc lại: “Eddy Thall!”

PHẦN I

CUỐN SÁCH CỦA NHỮNG NGƯỜI DO THÁI

I

Eddy Thall đặt con dao rọc giấy bằng vàng lên mâm đựng các thức ăn điểm tâm buổi sáng. Nàng đọc lại bức thư. Đoạn nàng gọi người đàn bà mặc blu trắng đang cuốn tấm màn che cửa sổ buông ngủ.

— Tôi gần đây, Tinka! - Eddy Thall bảo - Vú có biết cô gái này không?

Người đầy tớ dùng ngón tay cầm lấy tấm ảnh chỉ to bằng con tem bưu chính. Bà ta để xa mắt ra để nhìn cho rõ hơn. Bà ngắm nghía bộ đồng phục màu đen, cái cổ trắng nho nhỏ. Đôi mắt Tinka ướt lệ. Bà ta rất dễ xúc động và rung rung nước mắt mỗi khi người ta nhắc đến một sự việc gì hay một điều gì liên quan đến quá khứ của bà hay cuộc sống của gia đình Thall.

— Đây là cô Eddy! - Tinka nói. Và bà lau nước mắt.

— Tôi vừa nhận được sáng nay. - Eddy Thall nói - Từ tay một người hâm mộ tôi gửi tới. Tinka ạ, vú hãy tưởng tượng đó là một cậu bé đã từng say mê tôi ngày tôi mới tuổi trăng tròn.

Eddy Thall cầm lấy bức thư nàng vừa bóc với con dao rọc giấy bằng vàng. Nàng kéo chiếc gối lên kê vào dưới vai.

Anh ta viết như thế này. - Nàng nói.

“Thưa cô!

Cách đây mười lăm năm, khi cô còn là học sinh Nhạc viện, cô có bỏ quên tấm ảnh này trong một cuốn sách ở Thư viện. Tôi đã tìm thấy. Tôi đã giữ nó trong mình rất lâu, đợi có dịp sẽ đưa tận tay trả lại cho cô. Cái dịp ấy đã không đến. Hay nói đúng hơn, tôi đã không có đủ can đảm nói chuyện cùng cô và trả cô tấm ảnh, mặc dù tôi đã gặp cô hàng bao nhiêu lần, ngoài đường, trong nhà hát, ở cửa hàng bánh kẹo hay nơi công viên! Cô đã tới Néamtz trong dịp hè, và ngày nào tôi cũng thấy cô! Rồi cô trở thành một nghệ sĩ lớn tên tuổi. Cô đã thành lập Nhà hát riêng! Mặc dù đã là người đàn ông ở độ tuổi vững vàng, tôi vẫn thiếu can đảm. Nhưng lần này không phải cái bẽn lẽn của tuổi vị thành niên mà chính cái vinh quang của cô làm cho tôi sinh e sợ! Tối hôm qua, tôi đã nhìn thấy cô trong vai ‘Nữ Hoàng Saba’. Tôi đã về nhà. Tôi đã tìm lại tấm ảnh và gửi cho cô, với hy vọng cô sẵn sàng nhận lấy cùng với tất cả tấm lòng ái mộ sâu sắc của tôi.

Thâm phán Pierre Pillat.”

Tinka đứng nghe cạnh chiếc giường, bà đang dọn dẹp.

— Có một đoạn tái bút. - Eddy Thall nói tiếp.

“Một anh bạn tôi - Boris Bodnar - trước khi trốn sang Nga, có xin tôi tấm ảnh này. Anh ta bị đuổi học và anh ta đã bơi tay không vượt qua sông Dniestr. Số phận tấm ảnh còn con này là phải đi du hành về phía Đông. Tôi rất sung sướng đã được giữ nó bao lâu nay và được trả nó lại cho cô bây giờ, mặc dù tôi không phải là người duy nhất say mê nó.”

Eddy Thall bước xuống khỏi giường. Nàng nhìn lên chiếc đồng hồ quả lắc nhỏ phủ một mảnh lụa mỏng màu thanh thiên. Tám giờ sáng. Nàng ngoảnh lại nhìn Tinka và thấy bà đang khóc.

— Có cái gì trong bức thư tôi vừa đọc làm cho vú khóc à? - Eddy Thall hỏi.

— Những lời ông ta viết trong thư đẹp quá! - Tinka đáp - Đẹp quá! Làm cho nước mắt tôi cứ thế nó trào ra.

— Vú này, hồi còn nhỏ, tôi có đẹp lắm không, đến nỗi người ta có thể say mê một tấm ảnh của tôi? - Eddy Thall hỏi.

— Cô Eddy Thall bao giờ cũng đẹp! - Tinka đáp.

Bà ta đặt chiếc khay xuống. Eddy Thall nhìn qua những bức thư khác rồi nàng lại cầm lấy bức thư của ông thẩm phán Pierre Pillat. Nàng nghĩ tới cậu học sinh đã trốn sang Nga. Và nàng ân hận cho anh chàng Boris Bodnar ấy đã thi trượt và đã bị đuổi khỏi trường.

Eddy Thall là một nghệ sĩ lớn. Ngày ngày người phát thư mang tới cho nàng nhiều thư từ của những người hâm mộ. Nhưng không một bức thư nào khiến lòng nàng vui sướng cho bằng bức thư của ông thẩm phán Pierre Pillat.

— Thừa, có hai cảnh sát muốn gặp cô! - Tinka quay trở lại buồng ngủ và báo.

Giọng nói của bà không được bình thường. Bà kinh sợ.

— Bảo họ đợi tôi dùng cà phê xong sẽ ra. - Eddy Thall bảo.

— Họ đang vội. Họ muốn nói chuyện với cô ngay. Tôi bảo với họ: Cô ngủ chưa dậy. Họ cứ vào phòng làm việc và chờ.

Eddy Thall khoác tấm áo choàng lên mình. Nàng bọc bọc bước vào văn phòng. Các nhân viên cảnh sát - hai thanh niên khoác áo mưa - đang đứng ở đó. Nàng mời họ ngồi, xé một tờ lịch và nhìn họ như ở trên sân khấu.

— Các ông muốn gì?

Họ vẫn đứng.

— Sao các ông không ngồi? - Eddy Thall hỏi. Nàng vo viên tờ lịch *ngày 9 tháng 1 năm 1940* và ném vào sọt giấy.

— Chúng tôi xin làm phiền bà chút xíu về một cuộc điều tra. - Một trong hai tên cảnh sát nói.

Tên thứ hai mở chiếc cặp của hắn (đặt tựa vào thành ghế bành) trong khi tên thứ nhất tiếp tục hỏi:

— Bà già vừa mở cửa cho chúng tôi là đây tớ của bà phải không?

Eddy Thall nhìn hai người. Họ nghiêm nghị như hai học sinh Nhạc viện đang thể hiện vai đầu tiên của mình.

— Người đàn bà mở cửa cho các ông là bà quản gia của tôi. - Eddy Thall mĩa mai đáp.

Tên cảnh sát thứ hai rút ra một cuốn sổ tay và bắt đầu ghi.

Người thứ nhất hỏi:

— Bà ta hầu hạ bà đã lâu chưa?

— Ngày tôi sinh ra, bà ấy đang phục vụ cho cha mẹ tôi.

— Cách đây bao nhiêu năm? - Viên cảnh sát thứ nhất hỏi.

— Tôi nghĩ rằng bà ấy ở trong gia đình chúng tôi khoảng bốn mươi năm nay. Muốn biết chính xác hơn, các ông có thể trực tiếp hỏi bà ta.

— Lương tháng bà ta bao nhiêu?

— Năm nghìn là mỗi tháng gửi ngân hàng dưới tên tuổi của bà ta. Ngoài ra, bà ta có đủ tất cả mọi thứ cần dùng. Bà ta ở đây như là ở nhà mình, không thiếu một thứ gì.

Eddy Thall đốt một điếu thuốc. Nàng là Giám đốc một Nhà hát lớn mang tên nàng. Các báo chí đều ca ngợi nàng là Nghệ sĩ lớn nhất. Khắp mọi nơi trên đất nước, đi mỗi bước là gặp một tờ quảng cáo có in ảnh của nàng. Tên nàng được nêu trên Đài phát thanh mỗi ngày không biết đến bao nhiêu lượt, được dán ở phòng đợi của mọi nhà ga, ở tất cả các trạm tàu điện và ngay trong các xe buýt chở khách. Các em bé cũng biết rành rọt tên tuổi của Eddy Thall. Tất cả những nhân viên cảnh sát nàng quen cho tới lúc này đều đã xin nàng ghi cho một câu làm bút tích.

Hai viên cảnh sát hôm nay là những người đầu tiên không mong có bút tích của nàng. Họ đến vì một cuộc điều tra.

— Bà cho biết tên người quản gia? - Viên cảnh sát hỏi.

— Tinka Neva. - Nàng trả lời - Nếu ông muốn hỏi gì nữa thì xin khẩn trương lên chút?

Nàng đứng lên, dập tắt điếu thuốc.

— Chúng tôi muốn biết người quản gia của bà theo tôn giáo nào? - Tên cảnh sát hỏi.

— Cơ Đốc giáo. - Eddy Thall đáp.

Tên cảnh sát thứ hai gấp cuốn sổ lại, bỏ vào cặp.

— Pháp luật hiện hành cấm những người Do Thái không được dùng người Cơ Đốc giáo làm đầy tớ. Bà có nhiệm vụ trả cho bà ta ba tháng lương rồi cho bà ta nghỉ việc. Chúng tôi chỉ thông báo với bà một điều ấy thôi.

Hai tên cảnh sát nghiêng đầu chào, vẫn nghiêm túc như khi mới đến. Eddy Thall đợi họ đi ra phía cửa.

— Ai vi phạm điều luật này sẽ bị phạt tù sáu tháng. - Tên thứ nhất nói. Hấn tiếp - Chúng tôi có thể thẩm vấn bà Tinka Neva chứ, thưa bà?

Eddy nhấn chuông gọi.

— Các ông ấy muốn nói chuyện với vú đó, Tinka!

Nâng lên buồng riêng.

Tinka ở lại với hai gã thanh niên. Bà ta quan sát chiếc áo mưa, đôi giày màu xin của họ.

— Tên bà là Tinka Neva? - Tên cảnh sát thứ nhất hỏi.

Tinka đưa mắt nhìn hấn từ đầu xuống chân với thái độ hằn học.

— Cô chủ đã nói tên tôi với các ông rồi, hỏi tôi làm gì nữa?

— Bà chủ nói chưa đủ. Bà cần phải tự mình nói với chúng tôi.

Tên thứ hai lại rút cuốn sổ ra và lại bắt đầu ghi.

— Bà bao nhiêu tuổi? Bắt đầu vào làm công cho gia đình Thall bao nhiêu năm?

— Ngày tôi tới làm công cho gia đình Thall tôi mới mười tám tuổi. Tức phải ba mươi tám năm nay.

Tinka sợ. Bà ta run lên. Chưa bao giờ bà thấy nhà này lại có một cuộc viếng thăm kiểu đó.

— Bà có bằng lòng về cách đối xử của bà chủ không?

— Nếu không bằng lòng thì tôi đã chẳng ở đây trọn cả cuộc đời tôi.

— Bà chủ sẽ trả cho bà ba tháng lương rồi cho bà nghỉ. Luật lệ hiện hành cấm không cho người Do Thái có người ở Công giáo.

Bọn cảnh sát cài lại khuy áo của họ.

— Tôi không có quyền làm việc để kiếm sống hay sao? - Tinka hỏi.

— Bà có quyền làm việc, nhưng không được làm tại các gia đình gốc Do Thái.

Tinka cảm thấy bất công. Bà không sợ nữa.

— Người chủ mà tôi tìm đến hầu hạ là do tôi ưng, tôi chọn lấy. Tôi là một người ở. Điều quan trọng đối với tôi là có được một người chủ tốt. Còn lại, cái chuyện ông ta là Do Thái hay Công giáo, chuyện đó tôi đâu có cần quan tâm!

Bọn cảnh sát tiến về phía cửa.

— Nếu bà chủ không trả bà ba tháng lương trước khi cho bà thôi việc thì bà hãy tới sở cảnh sát mà làm đơn khiếu nại! - Tên thứ nhất nói.

— Tôi không rời khỏi nhà này. Tôi hoàn toàn vừa lòng ở đây! - Tinka đáp.

Bây giờ thì bà khóc.

— Chỉ một mình cô chủ có quyền đuổi tôi đi nếu như tôi không làm vừa lòng cô chủ. Nhưng mà cô chủ lại rất vừa lòng về tôi. - Tinka nói qua dòng nước mắt, trong khi các viên cảnh sát đi ra.

II

Bọn cảnh sát đi rồi, Tinka khóc. Tầm thân già run rẩy bầy như một cành cây mong manh.

Eddy Thall thân mật nắm lấy vai bà:

— Quý sứ không đến nỗi đen thui như thiên hạ tưởng đâu! Vú hãy cứ yên tâm, Tinka ạ! Vú sẽ ở lại đây. Tôi có nhiều quan hệ rộng rãi, tôi sẽ nhờ một người nào đó can thiệp.

Tinka không làm sao nói được nữa. Bà lau chùi những chiếc ghế bành. Rồi bà lau sàn nhà, ở những chỗ bọn cảnh sát vừa ngồi, thật kỹ như để xóa thật sạch đi mọi dấu vết của chúng trong cái nhà này.

Điều si nhục vừa qua làm cho bà bàng hoàng đau xót đến tận ruột gan. Bà nghĩ: “Ngoài cô chủ của ta ra, không ai có thể đuổi ta ra khỏi cái chỗ ta đang sống. Kể cả nhà vua cũng không có quyền dính dáng đến việc của ta. Ta làm tốt hay làm xấu, đó là vấn đề giữa ta và cô chủ!”

Tinka đã rời bỏ xóm làng lúc còn là một thiếu nữ mới lớn. Bà không có họ hàng, gia đình gì cả. Chẳng có lấy một người thân thích bất cứ ở nơi nào. Nhà của bà, chính là ngôi nhà của cô chủ.

Eddy trao cho bà một bó thư.

— Này Tinka! Vú đừng khóc nữa! Cầm lấy chồng thư từ này, đốt nó đi cho tôi!

Tinka đưa cả hai tay cầm lấy chồng thư. Lệnh của cô chủ nghe tuồng khắt khe quá. Tinka Neva là một con người rất nhạy cảm. Đốt thư đi, nhất là trong lúc này, sau vụ cảnh sát tới điều tra, là một hành động quá đau lòng, trên sức chịu đựng của bà.

Tinka không biết đọc. Suốt cả cuộc đời bà không có một bức thư. Nhưng suốt đời bà, bà đã nhận và đã mang thư từ cho chủ mình cùng một lúc với bữa điểm tâm buổi sáng tới tận giường nằm của họ. Mỗi lần như vậy, bà đã trông thấy đôi tay cô chủ vội vàng bóc thư ra như thế nào, thấy cô chủ buồn, vui như thế nào sau khi xem mỗi bức thư. Trong tiềm thức của Tinka đã hình thành cái ý nghĩ không sao xóa được rằng những bức thư là những con người sống. Nó làm cho ta cười vui hay rầu rĩ. Nếu không có sự sống thì làm sao có được cái khả năng kỳ diệu ấy? Bởi vậy, bao giờ Tinka cũng lau sạch bàn tay trước khi mở cái hòm thư bên công để lấy thư ra. Với thư từ, bà có lòng tôn trọng thật sự. Vậy mà bây giờ đây người ta lại bảo bà phải đốt những lá thư đi! Có khác gì bảo bà phải đốt những sinh vật đang sống, những con chim câu, những con thỏ con, hoặc những con chim non vậy!

Eddy Thall đứng quay lưng lại phía bà. Nàng đang chọn lọc những bức thư khác để đốt. Tinka cảm thấy mỗi một cái phong bì ấy là một tội lỗi, tội này đến tội kia mà buộc lòng bà phải phạm.

— Đây là những bức thư của Lidia Petrovici. - Eddy Thall nói - Vú có nhớ chúng ta gửi cái bưu phẩm cuối cùng cho Lidia vào lúc nào không? Hình như bốn tháng rồi thì phải. Tôi không được thư trả lời. Tôi sợ có chuyện không lành xảy ra với chị ấy. Có thể cảnh sát đã tịch thu bưu phẩm. Chúng sẽ tới thăm vấn ta. Hãy đốt sạch những thư này đi thì hơn.

Eddy Thall nghĩ tới người chị họ của nàng, Lidia Petrovici, đang cư trú tại Quốc gia những người Slaves phương Nam. Ở đó, người ta đã giết hại hết mọi người Do Thái. Lidia sống dưới một cái tên giả. Chị ấy là một trong những người đàn bà Do Thái cuối cùng còn sống sót. Nhưng gửi bưu phẩm cho chị ấy đã thành một chuyện nguy hiểm. Vì vậy mà Eddy đốt hết các thư từ của chị đi, những bức thư trả lời đều đặn đã nhận được những gói thuốc men, kẹo sôcôla, áo quần.

— Thưa cô chủ, cô có bức mình nhiều khi bọn cảnh sát đến vì chuyện của tôi không? - Tinka hỏi - Tôi xin lỗi cô chủ. Đáng lẽ tôi không nên gây phiền hà cho cô như vậy.

— Vú chẳng có tội tình gì trong việc đó cả, Tinka ạ! - Eddy đáp - Làm sao vú lại có thể cho rằng đây là lỗi của vú? Này, tốt hơn cả là vú hãy đốt nhanh những bức thư ấy đi!

Chuông gọi rung lên lần hai, lịch sự.

— Đừng có cầm cả gói thư ra mà mở cửa đó nghe, vú! - Eddy Thall bảo.

Nàng lấy lại gói thư từ tay Tinka và cẩn thận giấu vào dưới tấm chăn lụa.

III

Một quân nhân mặc bộ quân phục màu xanh nước biển bước vào văn phòng, nơi mà các nhân viên cảnh sát vừa mới tới cách đây một giờ.

— Tôi dám chắc vẫn là về chuyện của tôi. - Tinka nói và đi vào trong buồng - Tôi muốn chết đi cho xong cô Eddy ạ. Hơn là gây bao nhiêu phiền phức cho cô. Sáng nay bọn cảnh sát đã tới vì tôi. Bây giờ lại là một thẩm phán quân sự.

— Vú cứ yên tâm nào, Tinka!

Eddy bước vào văn phòng. Viên sĩ quan - khuy áo bằng vàng, ngù vai bằng vàng - nghiêng mình chào. Chỉ một cử chỉ thôi cũng nói cho Eddy biết một con người nào đó có làm chủ được mình không, hay là lúng túng. Trong nghề sân khấu, nàng đã học được cách quan sát các cử chỉ. Viên sĩ quan đứng trước mặt nàng đang bối rối ngượng ngùng.

— Thưa cô, tôi dám cả gan cho phép mình thực hiện cuộc thăm viếng này. - Anh ta nói - Tôi là đại úy thẩm phán Pierre Pillat. Chắc cô đã nhận được bức thư của tôi.

Eddy Thall nhìn chiếc súng ngắn, con dao găm, chiếc quân hàm.

— Tôi chỉ khoác bộ quân phục này nhất thời thôi. Tôi bị động viên.

— Bức thư của anh làm tôi xúc động. Cảm ơn anh thực lòng! - Eddy nói.

Nàng chỉ cho anh chiếc ghế bành. Hai người ngượng ngịu trước mặt nhau như thể họ đang gặp nhau mười lăm năm về trước.

— Tôi buộc phải thú nhận với cô một điều: Tôi mang ơn cô nhiều lắm. Chỗ chúng tôi, trường trung học hoàng gia Kichinev, người ta thi hành một thứ kỷ luật sắt kiểu nước Phổ. Chương trình học rất nặng. Bọn chúng tôi, tất cả đều tìm mọi khả năng để trốn thoát. Trong thực tế thì thật là vô phương. Chỉ có thể thoát trong giấc mơ. Tầm ảnh của cô là một dịp cho tôi mơ mộng. Đêm đêm tôi mơ tưởng tới cô, giấc mơ bỗng trở thành xiết bao xinh đẹp!

Anh hơi đỏ mặt khi nói câu đó.

— Giá tôi ở ngoại trú, thì chuyện đó đã có khả năng xảy ra. Nhưng những chàng trai vị thành niên sống trong một cái doanh trại không thể nào sống thiếu mơ mộng được. Tôi cứ việc nhìn tầm ảnh của cô, và tôi mơ. Tầm ảnh bị nhàu đôi chút.

Cô thứ lỗi. Người ta kiểm tra cả con người chúng tôi hàng ngày, túi áo, túi quần, sách vở. Tôi đành phải giấu tầm ảnh của cô cùng với thuốc lá để người ta khỏi tịch thu... Cô luôn luôn đứng trước nguy cơ bị người ta tịch thu đi mất, từng phút, từng giờ... Xin lỗi, tôi muốn nói là tầm ảnh của cô...

Anh cười. Eddy Thall cứ dán mắt vào những cái ngù vai bằng vàng, những con số của nhà vua, vào chiếc súng ngắn, chiếc dao găm - biểu tượng của sức mạnh, biểu tượng của quyền hành.

— Cô có biết tôi đã tưởng tượng ra những điều gì cách đây mười lăm năm không? Tôi đã thề với lòng lớn lên sẽ cưới cô làm vợ và không yêu bất cứ cô gái nào khác ngoài cô. Tối hôm qua tại nhà hát, tôi đã nghĩ tới tất cả những chuyện đó. Tôi hết sức và chân tình chúc mừng cô. Cô thực sự là tuyệt vời, là kỳ diệu trong vai “Nữ Hoàng Saba”. Diệu kỳ. Buổi diễn xong, tôi đã tìm tầm ảnh và gửi cho cô...

— Trong thư anh có nói tới một người hâm mộ khác. - Nàng nói - Anh ta tên là gì? Boris...

— Boris Bodnar - Pierre Pillat đáp - Anh ta đã đi đâu mất tích từ năm mười lăm tuổi. Anh ta có nói với tôi rằng anh sang Nga. Từ bấy đến nay tôi không được tin tức gì về anh ta cả. Tuy nhiên tôi cũng đã cố gắng thu nhặt được một vài mẩu tin nhỏ về anh. Tôi có biên thư cho người em trai của anh. Giữa hai anh em đã xảy ra một tấn bi kịch: khi còn thơ dại, Boris đã chọc thủng mắt em mình. Vì vậy mà Boris bị cha mẹ tước quyền thừa kế. Em trai anh, Angelo, đã làm tu sĩ và không hề biết gì về Boris cả. Cũng chẳng một ai biết gì về anh.

Trong lúc nói chuyện, Pillat nhìn vào trong buồng qua cánh cửa hé mở.

Eddy Thall có cảm giác anh đang nhìn cái gói thư giấu dưới tấm chăn. Điều đó khiến nàng lo ngại.

— Tôi đang có một buổi tập. - Nàng bảo - Nếu anh vui lòng, chúng ta có thể gặp lại một lần sau.

Nàng xem giờ. Pillat không nhúc nhích. Anh quan sát căn buồng.

Sự lo ngại của Eddy càng tăng. Nàng đã trở thành cảnh giác. Nàng sợ cuộc viếng thăm của ông quan tòa này nhằm mục đích nghiệp vụ.

— Tôi cần nói chuyện thêm với cô về điều này nữa. - Anh ta rất lúng túng - Cô thấy đó, tôi là biện lý quân sự. Với tư cách này, chúng tôi biết nhiều chuyện lắm.

— Anh tới đây tiến hành một cuộc điều tra phải không? Bức thư và tấm ảnh chỉ là một duyên cớ... Đáng lẽ ra, anh có thể bắt đầu đi ngay vào cuộc điều tra thì đúng hơn...

Eddy Thall đứng lên, run run.

— Không phải điều tra. - Pierre Pillat nói - Tôi chỉ muốn hỏi xem cô có quen biết một người đàn bà tên là Lidia Petrovici, ở Quốc gia những người Slaves phương Nam hay không?

Eddy Thall đỏ bừng mặt lên vì giận. Nàng muốn ném một vật gì đó vào mặt gã quân nhân kia, gã đã dám bày ra một câu chuyện yêu đương để xâm nhập nhà nàng và điều tra về Lidia Petrovici!

— Cách đây ít lâu, các nhân viên phản gián của chúng ta có bắt được một điệp viên địch, một tên mật thám nhân viên ngành Đường sắt. Người ta chuyển sang cho tôi xử lý. Trong số nhiều thứ nó đã chuyển sang biên giới, có một bưu phẩm gửi cho bà Lidia Petrovici - thông qua bà Debora Paternik rất nhân hậu. Bị cáo khai rằng gói bưu phẩm ấy là của cô gửi. Nó chỉ gồm những thứ hàng hóa không nguy hiểm: thuốc trị lao, các thứ sinh tố, sôcôla, cà phê và một vài bộ quần áo. Thực tình thì đó cũng là cái bưu phẩm duy nhất gửi những vật vô hại tịch thu được của tên gián điệp ấy. Tôi đã không ghi tên cô vào biên bản. Tôi mang trả lại gói bưu phẩm cho cô. Tôi đã muốn giúp cô cái việc còn con ấy.

Pierre Pillat mở cặp lấy gói bưu phẩm ra đặt lên bàn.

— Chính tôi gửi. - Eddy Thall nói - Lidia Petrovici là chị họ của tôi. Chị ấy bị lao. Nếu hợp pháp thì tôi không có quyền gửi bưu phẩm cho chị: tôi đã phải giữ bí mật. Đó là cái tội duy nhất mà tôi đã phạm?

— Thưa cô, đây không phải là một cái tội. Và lại, như tôi đã trình bày, tôi không tới đây với tư cách là một vị công tố tòa án.

Cả hai người im lặng. Cái gói bưu phẩm gồm thuốc bổ phổi, tương lực chống suy nhược và thiếu máu, sinh tố và chiếc áo pull đan tay để giữ ấm cho ngực đang để trên bàn, giữa Eddy Thall và Pierre Pillat.

— Tại Quốc gia những người Slaves phương Nam, tất cả mọi người Do Thái đều bị lưu đày. - Eddy nói - Lưu đày hoặc bị hạ sát. Chị họ tôi, một nghệ sĩ violông tiếng tăm của thế giới may mắn đã thoát khỏi cuộc săn giết, ít ra cũng đến được hôm nay. Chị ấy sống dưới một cái tên giả, tại một làng quê. Thỉnh thoảng tôi có gửi cho chị tôi một ít thuốc men qua trung gian của Milostiva Debora Paternik^[6]. Bà Debora quả là một người bảo trợ cho những kẻ bị áp bức. Chính là phu nhân của vị Quốc trưởng.

— Tôi cảm thấy như mình có tội khi thấy gói bưu phẩm đó không tới được địa chỉ của nó. - Pierre Pillat nói - Tôi sẵn sàng bù đắp vào thiếu sót ấy. Tôi muốn giới thiệu cho cô một người bạn thân của tôi làm ở toa giường nằm. Anh ta sẽ mang gói bưu phẩm tới cho chị của cô. Tên anh ta là Daniel Motok. Có thể trong ngày mai, tôi sẽ bảo anh ta tới gặp cô.

Pierre Pillat đứng lên, nghiêng đầu cáo từ và đi ra phía cửa.

— Mời anh trở lại! - Eddy Thall nói - Hãy đến đây. Chúng ta sẽ trò chuyện về tuổi thơ của chúng ta. Lần này, chính tôi là người cần được thoát khỏi thực tại, anh hiểu không? Cũng như anh đã từng cảm thấy cần phải thoát ra, trong thời gian anh đang học tại trường trung học hoàng gia, khi anh ngồi hăng giờ mà mơ mộng về một tấm ảnh. Anh hãy trở lại! Nhưng tôi van anh, đừng mặc quân phục! Anh sẽ làm cho tôi hết sức hài lòng nếu anh tới với một bộ thường phục, chứ không phải với một bộ quân phục, như hôm nay.

IV

— **D**ạ thưa, tôi là người mà ông thẩm phán Pierre Pillat đã nói với bà. Tôi là Schaffner^[7] Daniel Motok.

Trước mặt Eddy Thall là một người đàn ông thất cả vạt xám, khoác áo măng tô đen. Anh ta đứng thẳng người, tay đeo găng.

Eddy chỉ cho anh một chiếc ghế bành.

— Bạn tôi cho biết rằng bà có một gói bưu phẩm cần chuyển đi. - Motok nói.

Gói thuốc men và quần áo cho Lidia Petrovici đã để sẵn giữa bàn. Motok nhìn xem địa chỉ người nhận.

— Chỉ cần trao cho anh đầy tớ của bà Debora Paternik nhân hậu và nói là “gửi cho Lidia”, thế là được.

Motok bỏ gói bưu phẩm vào chiếc vali da. Anh ta đứng lên và toan cáo từ.

— Tôi nhờ anh chỉ giao cho một mình người đầy tớ hầu phòng. Ông ta tên là Duppelhof. Đó là một ông già tóc trắng bạc. Anh sẽ nhận ra ông ta dễ dàng thôi. - Eddy bảo - Và lại ông ta là kẻ duy nhất ở với bà Debora Paternik nhân hậu. Tuyệt đối không giao cho bọn lính, bọn gác cổng. Họ có hỏi thì cứ mặc họ.

Motok nghiêng mình, ý nói anh ta sẽ thực hiện nhiệm vụ này đến nơi đến chốn.

— Chắc là ông thẩm phán đã nói cho anh rõ: trong cái gói này, chỉ có một ít thuốc men gửi cho bà chị họ tôi bị bệnh, chứ chẳng có thứ gì khác. Milostiva Debora Paternik là phu nhân Ngài Quốc trưởng nước Slaves độc lập.

— Tôi biết! - Motok nói, bàn tay mang găng của anh đã cầm lấy chiếc quai xách của chiếc vali.

— Tôi cần gửi cho anh bao nhiêu thù lao đây? - Eddy Thall hỏi.

— Thưa bà, không phải lo chuyện đó! - Anh ta đáp - Trái lại tôi lấy làm sung sướng được giúp bà cái công việc nhỏ mọn này.

Nhưng Motok hiểu rằng từ chối bất cứ điều gì với một phụ nữ là không được lịch sự, nên anh ta nói tiếp:

— Nếu bà có ý định ban cho tôi một niềm vui lớn thì tôi sẽ vô cùng sung sướng được nhận một chiếc vé đặc biệt đi xem biểu diễn “Nữ Hoàng Saba” vào buổi tối thứ sáu. Nhân tiện tôi sẽ báo lại với bà rằng gói đồ đã được trao tận tay.

Anh cất vào túi tấm danh thiếp có chữ ký của Eddy thay cho vé vào nhà hát và nói:

— Tôi sẽ trở về tối thứ sáu vào hồi bảy giờ. Trước khi mở màn buổi diễn, tôi có đủ thì giờ tạt qua nhà một vài phút để thay áo quần... Tôi hết sức cảm ơn, thưa bà!

Anh ta đi về phía cửa, vắn bước chân ấy. Cách ăn mặc, nói năng, đi đứng của viên Schaffner Motok khiến người ta nghĩ tới những cái máy đồng hồ và sự chính xác của những giờ tàu chạy. Eddy Thall gọi điện thoại cho Pierre Pillat để báo cho anh biết Motok đã tới và để cảm ơn anh.

— Đây là lần đầu tiên tôi gửi bưu phẩm cho Lidia mà không phải nơm nớp lo sợ và tin chắc nó sẽ tới nơi. Tôi cảm ơn anh, Pillat.

— Schaffner Motok là con người có thể tin cậy.

Trong lúc đó, viên Schaffner dừng lại ở ngưỡng cửa. Trước khi ra đường, anh ta vừa đi vừa cài khuy đôi tất tay.

Anh muốn bao giờ cũng chỉnh tề trước khi ra đường.

Tôi tin rằng mọi việc rồi sẽ thu xếp ổn thỏa thôi.

— Tôi có gặp chuyện không may, nhưng đã qua rồi.

Eddy đang ngồi, hai chân xếp bằng trên chiếc ghế bành, như mỗi lần nàng thấy lòng vui vẻ. Đối diện với nàng là Max Reingold với chiếc kính gọng vàng, ăn mặc như mọi ông chủ nhà băng trên thế giới. Cuộc kỳ lịch sự. Kín đáo. Đắt tiền. Ông ta là giám đốc hành chính của nhà hát, vừa là người cộng tác vừa là người bạn của thân sinh Eddy Thall.

— Lần đầu tiên bác tới thăm không báo trước, đó là một điều vui lớn cho cháu. Mấy hôm nay, cháu đến là khổ sở. Người ta buộc cháu phải thái Tinka. Người ta đã tịch thu mất một gói bưu phẩm gửi cho Lidia. Gã đưa thư là một tên mặt thám. Có thể cháu còn gặp nhiều điều phiền phức. Cảnh sát đã tới. Bây giờ thì tất cả đã trở lại trật tự. Tất cả sẽ trở lại bình thường thôi. Bác tới. Thế là bây giờ cháu vui, rất vui là đằng khác.

— Con gái thân mến ơi! - Max Reingold nói - Bác không ngồi được lâu. Còn nhiều việc lắm! Rất tiếc là bác chỉ đến để làm tan vỡ niềm vui của cháu. Nhưng là việc bắt buộc cháu ạ! Nhà hát của chúng ta bị đóng cửa!

Eddy Thall đứng phắt dậy.

— Các nhà hát Do Thái đã phải đóng thêm một khoản thuế phụ. - Max Reingold nói - Đó là chuyện cũ. Khoản thuế này có thể nộp chậm hoặc miễn giảm. Lần này thì khác. Bác đã nhận được lệnh của Bộ Nội vụ phải nộp ngay trong vòng bốn mươi tám giờ hai triệu Lêi^[8], hoặc đóng cửa. Một trong hai việc đó. Phải đóng cửa thôi! Chúng ta lấy đâu ra một số tiền như vậy? Lại không được phép hoãn một giờ!

Max Reingold đứng lên. Ông toan bước ra.

— Bác chẳng có việc gì để ở lại nữa. - Ông nói - Không có gì phải bàn bạc cả. Điên rồ hết rồi! Tối nay, cháu tới dùng bữa tối với bác Rebecca và Esther. Hôn cháu.

Esther là con gái Max Reingold. Rebecca là vợ ông. Eddy Thall rất quý họ, nhưng giờ đây nàng không còn có thể dành thì giờ để nghĩ tới họ nữa.

— Có thể có một giải pháp: tiếp tục biểu diễn bằng tiếng Yiddish^[9]. Có điều diễn viên của ta là người Do Thái nhưng lại không nói được tiếng Yiddish. Khán giả cũng vậy. Chỉ còn cách đóng cửa.

Eddy Thall cố giữ ông lại. Max Reingold vượt lên trán nàng. Ông lại gọi Eddy là Liebes Kind - con gái thân yêu - như cha nàng thường gọi nàng trước kia. Và ông ra đi. Đến ngưỡng cửa, ông quay lại:

— Eddy, có hai ông nào muốn gặp cháu đấy!

Max Reingold vẫn để mở cánh cửa nhà Eddy Thall cho hai người khách đang chờ bước vào.

VI

— Các ông là người của cảnh sát? - Eddy Thall hỏi.

Nàng nhìn hai người đàn ông. Cả hai người đều mặc áo mưa và một trong hai người có mang cặp.

— Các ông muốn gì ở tôi nữa? Các ông tới kiểm tra việc tôi trả hồi bà quản gia của tôi ư? Có những ông khác đến rồi. Hay đến về việc đóng cửa nhà hát của tôi? Các ông muốn điều tra thêm những vấn đề gì nào?

— Chúng tôi là thành viên cộng đồng Israel. - Người xách cặp nói - Chúng tôi đến về vấn đề quyên góp áo quần.

Eddy Thall nhìn hai người đàn ông. Khó mà đoán biết tuổi họ. Tuy nhiên, qua con mắt, nét mặt, cử chỉ, giọng nói của họ đều toát ra một niềm đau khổ. Trong cái nhìn của họ người ta thấy có sự nhục nhã và lo âu.

— Bà biết, - Người đàn ông không mang cặp nói - rằng mỗi công dân gốc Do Thái phải góp cho các Hội từ thiện của Nhà nước một số quần áo phù hợp với mức sinh hoạt của mình.

Eddy Thall bấm nút chuông gọi và khi Tinka ra thì nàng bảo:

— Các vị đây muốn quyên góp quần áo cũ cho Cộng đồng Israel.

— Không phải cho Cộng đồng. - Người đàn ông không xách cặp nói - Cuộc quyên góp này là cho các Tổ chức từ thiện của Chính phủ. Cộng đồng chỉ có trách nhiệm đứng ra thu góp.

Người đàn ông thứ hai rút từ trong cặp một cuốn sổ và mở ra.

— Theo mức thu nhập khai báo ở phòng thuế thì bà phải cho ba đôi giày, bốn áo dài và hai áo măng tô.

— Các ông muốn lấy thứ gì thì cứ lấy! - Eddy nói.

Nàng mở cánh cửa tủ treo áo. Tất cả mọi áo quần đều treo ở đó. Nàng run lên cầm cập.

— Nếu Chính phủ đã lệnh cho các ông tới thu quần áo của tôi thì các ông cứ việc thi hành. Hãy lấy đi! Và nếu các ông thấy chưa đủ thì lột luôn những chiếc tôi đang mặc, để tôi trần truồng.

Eddy Thall đi vào nhà tắm, khóa trái cửa lại và khóc.

Hai người đàn ông nhìn vào tủ, thấy hàng chục chiếc áo dài, những bộ y phục mà Eddy Thall từng mặc ra sân khấu để biểu diễn những vai lớn của nàng.

— Đây tôi mang cho các ông một vài quần áo cũ. - Tinka nói - Nếu chưa đủ thì các ông hãy trở lại lần nữa.

Bà dẫn họ xuống nhà bếp, mở ra trước mắt họ một bọc to đựng những quần áo, giày dép và các thứ linh tinh cũ kỹ. Hai người đàn ông lựa chọn một số, gói lại rồi cáo biệt.

Thế là vừa đủ cho họ.

Eddy Thall vào nhà bếp. Trên ghế có hai đôi giày khiêu vũ màu đen, giống như hai cánh hoa. Đó là những đôi giày của nàng khi còn là nữ sinh lớp múa thuê.

— Sao vớ lại bỏ đôi giày này ra làm gì?

— Tôi định cho họ. - Tinka đáp - Nó trong cái rổ đựng đồ cũ vất đi ấy mà! Nhưng bọn chúng nó không thèm. Họ bảo rằng cái đôi này không thể coi là giày được, thậm chí cũng không phải là dép! Và họ bỏ lại.

— Tinka này! - Eddy bảo - Vớ biết là nhà hát của ta bị Chính phủ đóng cửa. Tối mai là buổi biểu diễn cuối cùng. Họ lấy quần áo chúng ta, họ bắt con người chúng ta, họ tịch thu nhà hát chúng ta. Tôi sẽ làm gì bây giờ, Tinka? Vớ nói đi! Tôi phải làm gì đây? Bởi tôi vẫn cứ phải làm một cái gì trước khi Chính phủ lấy luôn mạng sống của tôi chứ? Nhưng từ đây cho tới lúc đó thì tôi phải làm gì đây?

Tinka vuốt ve mái tóc của nàng. Bà không thể nào trả lời khi Eddy Thall hỏi bà trong nước nỡ:

— Tinka, vớ nói đi! Tôi phải làm gì đây?

VII

Chuyến xe lửa của Daniel Motok đến thủ đô Quốc gia độc lập bị trễ. Một tiếng đồng hồ trước đó, đường sắt bị quân du kích phá hủy. Motok bàn giao lại giấy tờ của toa giường nằm. Anh ta báo cáo nhanh gọn. Anh đứng trước tấm gương soi chỉnh đốn lại bộ đồng phục thêu những chữ cái vàng của Công ty Toa nằm và khoác lên vai một tấm áo choàng. Anh xách chiếc vali có gói bưu phẩm ở trong và đi về phía khu những biệt thự, trong đó có ngôi nhà của Milostiva Debora Paternik.

Thành phố đã chìm lâu trong bóng tối, như tất cả mọi thành phố khác của châu Âu trong thời kỳ chiến tranh, Motok nhìn đồng hồ rồi rào bước nhanh lên để tới nơi kịp trước chín giờ như đã hứa với Eddy Thall.

Bà Debora Paternik không đội vương miện. - Viên Schaffner mơ màng suy nghĩ - Bà không đội vương miện mà bà giống như một vị nữ hoàng. Đó là vị Đế nhất Phu nhân của Quốc gia độc lập của những người Slaves phương Nam. Anh chàng Schaffner Motok cũng biết mơ mộng như những đứa trẻ con, những cô thiếu nữ, những nhà thơ mơ mộng.

Anh ta không còn buồn chán như những hành khách khác của chuyến tàu. Anh ngồi trên ghế của anh và mơ màng như đang xem một cuốn phim, hay dở từng trang họa báo nhiều màu. Con tàu của anh có thể trễ bảy tiếng đồng hồ, hoặc nằm trên một con đường tránh. Nhưng anh không buồn chán tí nào. Anh không phải chỉ có một mình. Anh mơ mộng, cũng y hệt như giờ đây anh đang mơ tới bà Debora Paternik, tay vẫn xách chiếc vali và đôi chân bước gấp. Anh mơ nghĩ tới những bức ảnh của các nữ hoàng trong những cuốn sách lịch sử để hình dung bà Debora Paternik một cách dễ dàng hơn. Anh hãnh diện sẽ được bước chân vào cái lâu đài lịch sự ấy và đưa gói đồ cho Ivo Duppelhof, người đầy tớ có mái tóc óng ánh bạc của bà.

Motok đang mơ màng, bỗng giật nảy người lên vì hàng chục tiếng còi báo động đột ngột nổi lên trên thành phố chết.

Anh nép mình sát bức tường, bên phải con đường cái. Trên đầu anh, vòm trời như nổi lửa. Những đám lửa từ mặt đất phụt lên cùng một lúc với tiếng còi rú và tiếng động cơ nổ ầm ầm. Nền đường rung rinh. Bức tường Motok đang nép rung rinh. Cả những cây to hai bên đường dường như cũng rung rinh. Năm chiếc đèn pha bật sáng và bóp còi inh ỏi đang bò lên con dốc sau lưng anh. Motok bỗng nhiên bị ngập vào một luồng sáng chói mắt. Anh có cảm giác là những ngọn đèn pha đang lột hết quần áo anh ra. Anh nép sát mình vào bức tường đá.

Anh cảm thấy mình trần truồng. Tiếp sau xe máy là ba chiếc ô tô vừa bóp còi vừa bật đèn sáng trưng chạy theo. Rồi lại nhiều xe mô tô khác. Motok tái xanh mặt mũi. Cả đoàn xe cơ giới từ dưới thấp đi lên như xuất hiện từ trong lòng đất giờ đây có vẻ như đang chạy lên đến tận trời. Bởi những tiếng còi càng ngày càng xa dần vào trong mây theo hướng những ngọn đèn pha chiếu sáng. Motok rùng mình.

Anh quay đầu lại. Kế bên anh cũng có một người khác, một người đi bộ, nép mình bên bức tường.

— Milan Paternik!

Những người lái xe máy mặc măng tô da, đội mũ sắt ánh lên dưới luồng sáng của những đèn pha, như thể người họ làm bằng kim loại. Những khuôn mặt, những đôi giày ống, những chiếc xe... tất cả đều ánh lên màu thép. Và họ đi qua như một đạo quân cơ giới của Ngày Tận thế. Mắt của Motok đau nhói lên vì ánh sáng gay gắt của những ngọn đèn pha và ù cả hai tai. Anh lại quay người vào phía tới.

— Tướng Milan Paternik chỉ đi lại ban đêm với ba chiếc ô tô và hai chục chiếc xe máy. Đó là đội cơ giới của sự chết chóc: đèn pha, còi và tốc độ 120 kilômét/giờ. Vị tướng Milan Paternik ấy, hẳn ta không bao giờ đi lại bằng một phương tiện nào khác. Chỉ có điều là một ngày nào đó, hẳn ta sẽ bị vỡ mặt. Người ta không thể đi lại theo kiểu ấy mà không bị vỡ mặt một ngày nào đó.

Người lạ đứng bên Motok cười, một tiếng cười rùng rợn. Mùi rượu mạnh tỏa ra từ con người của hắn. Hắn nói tiếp:

— Ông bạn có biết tướng Milan Paternik đi đâu không? Chắc chắn là người ta báo với hắn rằng tại

một xó xỉnh nào đó trong thành phố đã phát hiện ra một người Do Thái hoặc một người theo đạo chính thống Kitô. Tất nhiên là một sự tố giác láo! Bởi lâu lắm rồi, tại cái Quốc gia độc lập của những người Slaves phương Nam này làm gì còn bóng dáng một người Do Thái hoặc một người theo đạo Kitô nào? Họ đã bị giết sạch sành sanh từ lâu... Vậy mà Milan Paternik vẫn cứ xuất hiện với cái đạo quân cơ giới giết người của hắn mỗi khi nghe tin có một người Do Thái lẩn tránh đâu đây. Hắn ta muốn tự chính tay mình tiêu diệt tên Do Thái đó. Và giờ đây hắn tìm đến nơi mà người ta tố cáo là có một người Do Thái. Nhưng hắn ta sẽ chẳng tìm ra một tên Do Thái nào nữa đâu!... Thôi, xin chào!

Milan Paternik không tìm thấy người Do Thái nào nữa. Hết sạch sành sanh rồi!

Người lạ đi xa, khuất chìm trong đêm tối.

"Eddy Thall có nói với mình," Motok suy nghĩ, "rằng Lidia Petrovici là người Do Thái. Nhưng người lạ này thì quả quyết không còn một ai."

Motok vội rào bước đi tới nhà bà Debora Paternik rất mực nhân hậu.

VIII

Những cánh cửa của lâu đài Milostiva Debora Paternik mở toang. Hai chục chiếc mô-tô đi vào trong sân.

Tiếng còi rú chấm dứt. Những ngọn đèn pha vẫn để sáng và động cơ vẫn nổ, sẵn sàng xuất phát. Những con người mặc áo da, đội mũ sắt, đi giày ống và mặt mày lấp lánh như kim loại vẫn ở trong đội hình và trong tư thế hành quân.

Milan từ trong chiếc ô-tô giữa bước ra. Hắn ta bước lên chiếc cầu thang cẩm thạch. Trông hắn giống hệt một cậu học sinh trung học. Chỉ có chiếc quân hàm cấp tướng, những ngôi sao trên mũ và những chỉ vàng viền trên tay áo ngoài của hắn đang ánh lên dưới những ngọn đèn pha xác nhận rằng hắn không phải là một cậu học sinh. Hai người đàn ông cao lớn mặc áo da, đã đứng gần bên cửa. Chuông gọi của lâu đài réo lên không ngớt, như những hồi còi. Cánh cửa mở ra. Milan Paternik không đội. Hắn đi thẳng lên các bậc cầu thang, không nhìn cả Ivo Duppelhof - người đầy tớ - và bước những bước nặng nề trên những tấm thảm màu sẫm. Hắn đi vào phía phòng khách.

Hai tên cảnh sát mặc áo da vẫn đứng ở tiền đình. Những tên khác thì đứng ngoài, như có ý bao vây lấy tòa lâu đài vậy.

— Mời mẹ ta đến đây! - Milan Paternik hét.

Bây giờ hắn đã ở trong phòng khách. Một mình. Hắn đứng trước tấm gương soi đồ sộ, đưa bàn tay đeo găng lên sờ đôi má hóp, xanh mét như má người bị bệnh. Đoạn hắn lại quan sát đôi mắt của mình, đôi mắt nhìn mệt nhọc nhưng mà tàn nhẫn. Hắn cũng đã quan sát chiếc áo choàng của hắn, những ngù vai to tướng bằng vàng hắt những ánh hào quang vào mặt hắn như những chiếc đèn pha.

— Ta mệt mỏi... - Hắn nói với mình. Hắn thấy tự hào về nỗi mệt mỏi của hắn mà không hề mặc cả những giờ giấc dành cho giấc ngủ của hắn.

Tại buồng bên cạnh, Milostiva Debora Paternik đang sửa soạn bước sang phòng khách. Ivo đang đứng kê bên cửa.

— Đang bị kích động mạnh à? - Bà Debora hỏi.

— Như thường lệ, thưa bà! - Duppelhof đáp - Kích động rất mạnh!

Bà thực tình không muốn nói chuyện lúc này. Nhưng mà không ai có thể cưỡng lại ý muốn của Milan Paternik con trai bà được. Chẳng mấy khi hắn đến gặp bà. Các buổi nói chuyện giữa hai mẹ con luôn luôn căng thẳng và thù địch.

— Rất kích động ư? - Bà hỏi và khoác tấm khăn mỏng màu đen lên vai.

— Thưa bà vâng, rất kích động - Người hầu phòng trả lời.

Milan Paternik năm nay hai mươi sáu tuổi. Mọi người đều hay biết sự nghiệp của hắn, kể cả bọn trẻ con. Một tay hắn đã giết tám trăm ngàn người Do Thái và Kitô chính thống.

“Hình phạt nặng nề nhất đối với một bà mẹ là có một đứa con giết người... Một đứa con tắm mình trong máu.” Bà lau giọt nước mắt, một giọt nước mắt nhỏ xíu, như hạt trân châu. Và bà đi vào phòng khách, mắt nhìn cao, bước thẳng. Bây giờ thì bà đang đứng trước mặt con trai bà.

— Vì sao con cứ phải đeo lấy chiếc áo choàng làm gì, Milan? - Bà Debora hỏi. - Con đi ra sẽ bị cảm lạnh đấy.

Hắn ta không hôn tay mẹ. Hắn xoa tay một cách cáu kỉnh.

Vẫn đứng sừng sững.

Bà Debora nhìn khuôn mặt nhợt nhạt, đôi mắt mệt mỏi và đôi vai mỏng manh của con. Bà không nhìn thấy những quân hàm và những ngù vai cấp tướng. Trong lúc này, bà chỉ nhìn thấy con bà đang mệt mỏi, xanh xao, làm việc quá nhiều. Và bà thấy tim bà đau nhói. Con trai của bà đấy. Bà bước lại gần.

— Đưa tay mẹ xem, Milan! - Bà bảo - Con gầy đi bao nhiêu?

Hai bàn tay khô nứt của bà Debora nhân hậu cầm lấy bàn tay của Milan Paternik. Nó vẫn mang găng.

— Con mang găng nữa làm gì? - Bà hỏi.

Bà nhìn thẳng vào đôi mắt con trai. Bà muốn hôn lên vầng trán cao của Milan, vầng trán của con, nhưng bà không đủ can đảm. Bà nắm chặt hai bàn tay vẫn đeo găng của con, không buồn bảo con cởi găng tay ra nữa. Bà biết Milan sẽ không nghe lời bà. Hấn cứng đầu lắm. Hấn cứng đầu từ cái tuổi bé thơ!

— Mẹ! Con khổ lắm... - Hấn bảo.

— Con hãy kể hết những nỗi buồn phiền của con cho mẹ nghe, Milan! - Bà càng nắm chặt đôi bàn tay đeo găng da - Mẹ sẽ giúp con. Con hãy nhìn thẳng vào đôi mắt mẹ đây! Đừng nhìn chỗ khác. Hãy nhìn mẹ như ngày xưa còn bé bỏng con thường nhìn!

Trong một giây, hấn nhìn khuôn mặt trắng trẻo, có nhiều nếp nhăn của mẹ. Ngón tay hấn nắm ngón tay Milostiva chặt hơn một chút. Rồi hấn lại nhìn quay đi.

— Điều mà con sắp nói với mẹ đây sẽ rất nặng nề đau đớn mẹ ạ?

— Không ai hiểu sự khổ đau cho bằng một người mẹ. Con hãy kể đi, Milan, con trai yêu quý. Điều đã xảy đến cho con nghiêm trọng đến như vậy thực sao?

— Mẹ có biết con là ai không mẹ? - Milan Paternik hỏi.

Giọng nói của hấn trở lại cứng cỏi, cũng như cái nhìn của hấn.

Milostiva nghĩ tới mấy trăm nghìn mạng người vô tội đã bị Milan tàn sát. Bà toan kêu lên vì nỗi đau thương này nhưng bà đã kìm chế được mình.

— Dù con có làm những gì thì con vẫn cứ là con của mẹ, Milan ạ! Và mẹ vẫn cứ là mẹ của con!

— Tất cả cái bị kịch là ở chỗ này! Bà là mẹ của tôi?

Milan Paternik đứng lên.

— Tôi đã yêu cầu bà trả lời câu hỏi của tôi rõ ràng và không úp mở. Tôi là ai? Một khi bà là mẹ của tôi thì tôi đoán bà hẳn phải biết điều đó!

Milostiva nhìn hấn với đôi mắt ướt lệ. Bà im lặng.

— Tôi, tôi sẽ nói cho bà biết tôi là ai? Tôi sinh ra cách đây hai mươi sáu năm, tại Budapest, nơi mà bà với cha tôi bị lưu đày. Cả hai người lúc đó đang lãnh đạo tổ chức chính trị Za Dom do Cơ Quan Tình báo tổ chức. Chính thức thì Za Dom có nhiệm vụ đấu tranh giải phóng đất nước chúng ta khỏi ách nước ngoài. Thực ra thì nó là một tổ chức khủng bố, hoạt động trong vùng Balkan cho đế quốc Anh. Các chị tôi và tôi được nuôi nấng trong tôn giáo của Za Dom.

Những câu đầu tiên tôi tập nói là “Tổ quốc trên hết”. Cùng một lúc với những môn tiếng Latinh, Sử, Địa, các người đã dạy cho tôi bắn súng ngắn, đâm dao găm, bắn súng tiểu liên. Các người kiêu hãnh vì tôi. Tôi chờ ngày Tổ quốc tôi được giải phóng để được trở về. Suốt hai mươi sáu năm ròng, chưa một lần nào tôi được đặt chân lên mảnh đất quê hương, điều mà tôi ước mong hơn tất cả.

— Tất cả những người bị lưu đày đều mong muốn được trở về quê hương. - Bà Milostiva nói - Đây là một mong muốn thiêng liêng, Milan ạ! Mẹ không hề ân hận về việc mẹ đã nuôi nấng dạy dỗ con trong tôn giáo của Tự do ấy, trong cái ước mong Tổ quốc ấy, trong cái độc lập dân tộc ấy bao giờ! Mẹ còn lấy làm tự hào đã biết nuôi nấng các con mình trong những tình cảm cao thượng.

— Bà còn nhớ chuyến du lịch đầu tiên của chúng ta sang Roma không? - Milan hỏi - Trong tất cả các nước châu Âu mà chúng ta đã cư trú, chúng ta chỉ biết có đói khổ. Chúng ta ở trong những buồng nhà trọ. Bà thì ngày đêm đánh máy những bài báo và những bản báo cáo, nấu ăn và giặt giũ quần áo.

Chúng ta vẫn cứ sống cái cuộc đời ấy mãi, ở Berlin, ở Paris, ở Budapest, ở Berne, ở Genève, ở Sofia, ở Bucarest. Nơi nào và lúc nào cũng chỉ những buồng trọ, những cuộc họp hành bí mật. Bao giờ bà cũng chỉ giặt giũ quần áo, nấu khoai tây và đánh máy như bao giờ. Rồi đột nhiên một chuyến đi Roma! Một biệt thự trên bờ biển. Tiền đầy túi. Bốn chiếc ô tô đậu dưới thềm! Lính gác. Đầy tớ. Bà còn nhớ không? Mussolini mời Za Dom cộng tác với chủ nghĩa phát xít. Bọn chủ Anh của bà nói với bà rằng: đây là một lời mời không nên từ chối. Họ muốn cho Za Dom hợp tác với chủ nghĩa phát xít, lĩnh tiền của phát xít và phục vụ lợi ích của nước Anh tại vùng Balkan!

Về chính trị, những chuyện thỏa thuận ấy là chuyện bình thường. Điều chúng ta đã làm đâu phải chuyện mới mẻ? Người Anh đã ủng hộ và khuyến khích ta trên con đường ấy. Chúng ta không làm một

việc gì mà không hỏi ý kiến trước của người Anh. Chúng ta đặt vào nước Anh tất cả hy vọng chúng ta, về vấn đề tự do và độc lập của đất nước.

Sau đó thì ta nhận được thư mời chúng ta đi Berlin. Nước Anh lại khuyên chúng ta nên nhận lời. Đó là một chỉ thị do nhu cầu chính trị đương thời quyết định. Nhưng chỉ tạm thời.

Năm 1940, chúng ta ở Berlin. Nửa đêm chúng ta bị dựng dậy. Và người ta thông báo cho chúng ta biết rằng ước mơ của chúng ta đã thành sự thực! Mơ ước của bà, của cha tôi, của cả nước? Tổ quốc của chúng ta tự do và độc lập thật rồi! Dân tộc đã nghênh đón bà và cha tôi như hai vị anh hùng. Các người là những vị cứu tinh giải phóng đất nước. Tôi được cử làm Tổng giám đốc nha Cảnh sát. Tướng. Và ngay ngày đầu tiên từ khi giành được độc lập, tôi đã có ý định thực hiện những điều khoản khác trong chương trình hoạt động của tổ chức Za Dom. Những điều khoản đó bà đã biết rõ. Bà đã đánh máy bao nhiêu lần mà! Độc lập, Chủ nghĩa quốc gia xã hội, chủ nghĩa chống cộng, chủ nghĩa bài Do Thái.

Milostiva khóc.

— Một vài điểm của chương trình đã được bổ sung về sau. - Bà nói tiếp - Để cân xứng với sự giúp đỡ của họ, Hitler và Mussolini đã yêu cầu ở chúng ta một tổ chức quốc gia và chống cộng. Người Anh đã khuyên chúng ta nhận. Họ bảo rằng những điều đó sẽ không bao giờ được áp dụng, rằng sau ngày giải phóng họ sẽ làm sao cho chúng ta được hưởng mọi quyền tự do dân chủ trong Quốc gia mới của chúng ta.

— Người Anh vẫn ở nước Anh và các người đã giành được tự do với sự giúp đỡ của phát xít như London đã khuyên chúng ta làm. Và giờ đây, các người đang ở một quốc gia mới của các người với của một chương trình phát xít. Về phần tôi, mẹ ạ! Tôi không hề biết có một chương trình nào khác. Tôi không hề biết rằng trong chương trình có những điểm cần thực hiện và những điểm không cần thực hiện. Tôi đã tin ở Za Dom. Và tôi không biết có cuộc sống nào khác ngoài Za Dom. Tôi đã thanh toán cho đất nước hết mọi phần tử thấp kém: Tzigan, chính thống, Do Thái. Cái ngày Himmler bắt tay tôi, khen ngợi tôi hết lòng về việc tổ chức Quốc gia mới, ông ta có nói:

“Nước Đức đã không thành công trong việc tiêu diệt toàn bộ người Do Thái như Ngài đã làm được, thưa Tướng quân! Quốc gia của Ngài là quốc gia duy nhất chỉ còn duy nhất một người Do Thái!”

“Một cũng không còn!” Tôi đáp. “Trong Quốc gia độc lập không còn một tên Do Thái nào!”

Himmler mỉm cười và nói với tôi:

“Quốc gia Ngài còn lại một người Do Thái. Nhưng người Do Thái đó, Ngài có thể để nó sống.”

Bà có biết ông ta ám chỉ ai không?

— Chỉ mẹ! - Milostiva đáp - Mẹ là người Do Thái duy nhất của Quốc gia độc lập!

— Vì sao bà lại giấu mãi tôi điều đó? - Milan hỏi - Giờ đây sau khi đã thanh toán hết mọi người Do Thái cho Quốc gia, sau khi đã có bao nhiêu máu như vậy, tôi mới biết được rằng: bà là Do Thái? Chính bà, mẹ tôi!

Milan Paternik buông mình ngồi xuống một chiếc ghế bành.

— Tôi chẳng có tội lỗi gì cả. Các người đã nuôi dưỡng tôi trong niềm tin cuồng nhiệt vào đảng. Tôi đã thực hiện chương trình của đảng trong từng điểm cụ thể. Hôm nay, tôi biết ra được điều này, và cuộc đời tôi thế là xong.

Milan Paternik đứng dậy. Hắn càng trở nên xanh tái. Mặt hắn càng mỗi một hơn. Hắn tới gần Milostiva Debora.

— Sự nghiệp của tôi, mà đối với tôi, sự nghiệp là đồng nghĩa với sự sống và lý tưởng, đã chấm dứt rồi. Và chính vì lẽ ấy mà tối hôm nay tôi mới tới đây, thưa mẹ!

Hắn đứng vậy một hồi lâu, bất động.

— Tất cả những chuyện đó tại mẹ cả ư?

— Tại mẹ tất cả, thưa mẹ!

Bà già đứng lên, đưa bàn tay mềm yếu vuốt ve mái đầu Milan.

— Thế là hết! - Milan bảo.

Hắn giơ cho bà thấy một ống thủy tinh nho nhỏ hắn lấy từ trong túi áo ra.

— Nếu bà thấy tôi còn có một giải pháp nào khác thì bà hãy nói. Nhưng tôi nghĩ rằng đối với tôi không còn một giải pháp nào khác ngoài tự sát. Tôi không thể có một cuộc sống nào khác ngoài Za Dom

được, và Za Dom khai trừ tôi bởi tôi là con của bà, con của một người mẹ Do Thái.

— Con hãy kiên trì đợi đến ngày mai - Bà già nói. Bà lại vuốt ve mái tóc của con - Mẹ thế nào cũng tìm ra được một giải pháp giúp con. Sáng ngày mai, con lại tới đây chúng ta sẽ lại cùng nhau bàn bạc. Mẹ chỉ yêu cầu con hứa với mẹ duy nhất một điều: là con phải sống cho tới ngày mai. Mẹ tin tưởng ở lời hứa danh dự của con. Con hãy vứt cái ống thuốc kia đi!

Milan Paternik ném ống thuốc qua cửa sổ.

— Con chẳng có tội về mặt nào cả, Milan ạ! - Bà già nói - Con đã có niềm tin, đó là cái bản chất của tuổi trẻ. Cha con và mẹ, chúng ta đã có một niềm tin hăng hái và đã đấu tranh vì tự do của dân tộc chúng ta. Dân tộc chúng ta hèn yếu, nó đã cần đến người ngoài giúp đỡ. Và chúng ta đã phải cầu xin sự giúp đỡ của nước Anh. Nước Anh đã xô chúng ta vào giữa cánh tay Hitler và Mussolini. Chính nước Anh là kẻ có tội. *Gott strafe England!* Cầu Chúa trừng phạt nước Anh. Milan, mẹ muốn ôm hôn con!

IX

Người đầy tớ hầu phòng Duppelhof đứng lặng đằng sau cánh cửa. Ông ta đã nghe trọn vẹn cuộc hội kiến giữa hai mẹ con.

“Đúng vậy!” Ivo Duppelhof tự bảo mình. “Milan không biết rằng mẹ mình là người Do Thái. Người ta không thú nhận điều đó với hần bao giờ. Mình đã đi theo họ suốt trong cuộc sống lưu đầy, mình biết. Hần đã được giáo dục nuôi nấng trong tinh thần bài Do Thái. Cha mẹ hần đã để hần trở thành một kẻ chống Do Thái. Họ tin tưởng vào Anh quốc. Họ nghĩ rằng tới một lúc nào đó, Anh quốc sẽ có xu hướng khác và những điểm trong chương trình có liên quan đến chủ nghĩa chống Do Thái sẽ không bao giờ được đem ra thực thi. Và thế là nó đã được thực thi mà Anh quốc không hề lên tiếng gì cả. Anh quốc không bao giờ lên tiếng gì cả!”

Ngoài kia, có tiếng xe máy, tiếng còi, tiếng động cơ. Tướng Milan Paternik vừa mới đi.

— Ivo!

Người ta nghe tiếng Milostiva Debora Paternik. Bà già đang ở trong phòng khách. Ivo rón rén bước vào.

— Ta muốn đi hóng mát một chút. - Bà nói.

Milostiva không có vẻ suy sụp gì lắm. Người đầy tớ lấy chiếc áo choàng đen dài khoác lên vai cho bà. Đó là một thói quen từ lâu, khi nào bà không ngủ được. Milostiva đi ra vườn.

Ivo Duppelhof nâng cánh tay bà. Họ bước xuống, chậm rãi.

— Anh ở ngay bên cạnh trong khi ta tranh luận với Milan phải không? - Bà hỏi.

— Tôi ở ngay bên cạnh, thưa Milostiva! - Ivo đáp.

Cả hai người im lặng. Xuống tới chân cầu thang, Milostiva nói:

— Anh làm ơn quạt hộ giường cho ta! Ta sẽ lên trong nửa tiếng đồng hồ.

Bà già cầm ở tay một chiếc đèn pin nhỏ.

Ivo nhìn qua cửa sổ buồng ngủ, thấy bà đi chậm chậm với chiếc đèn điện và chiếc áo choàng đen của mình trên các lối đi rải sỏi dưới những cây dẻ.

Đêm ấy trời lạnh. Ivo đã sửa soạn xong giường. Người ta nghe rõ bước chân của bà chủ bên dưới cửa sổ, trên các lối đi, nhẹ nhàng, lao xao. Ivo nhìn bà. Bà dừng chân bên bụi hoa đinh, ra dáng tìm kiếm một vật gì. Bà cúi xuống, rồi bà ngẩng lên cửa sổ gọi:

— Ivo.

Người đầy tớ đỡ bà lên lại buồng riêng và trong lúc ông cởi áo khoác ra cho bà thì Milostiva bảo:

— Pha cho ta một ít nước hãm nghe!

Ivo pha cho bà một ít nước hãm cánh hoa hồng cùng với hoa đoạn và hoa cúc cam, đặt vào một chiếc khay bạc mang đặt cạnh giường Milostiva. Bà mỉm cười cảm ơn và chúc Ivo ngon giấc.

Milostiva còn lại một mình, ngả lưng trên giường cho tới lúc không còn nghe thấy tiếng chân của người đầy tớ ở ngoài hành lang nữa. Bà đứng lên, mở tủ, tìm trong cái túi da ra một chiếc giũa móng tay. Bà tới bên ánh sáng lơ mơ của ngọn đèn ngủ và dùng chiếc giũa con cưa đầu ống thuốc độc. Đó chính là cái ống thủy tinh mà Milan đã rút từ trong túi áo hần ra và đã ném đi qua cửa sổ. Bà đã tìm thấy ở lối đi, dưới bụi hoa đinh. Bà rút cái chất lỏng màu hồng nhạt vào cái tách sứ đựng nước hãm cánh hoa hồng, hoa đoạn và hoa cúc cam. Bà cho đường. Đoạn Milostiva đưa lên miệng nếm thử. Bà mỉm cười, rồi lại nếm nữa với làn môi nhợt nhạt của bà. Nước hãm thơm thơm mùi hoa hồng và cũng thoang thoang mùi hoa đoạn và hoa cúc cam. Nét mặt Milostiva tươi tắn thanh thản. Nước hãm nóng ấm. Uống xong giọt cuối cùng, Milostiva nằm duỗi mình ra trên giường. Bà nhắm mắt lại. Và mỉm cười. Tách nước hãm để lại trong miệng bà một thoáng mùi thơm hoa hồng. Một mùi thơm tỏa lan khắp cơ thể bà, hoa hồng, hoa đoạn, hoa cúc cam.

“Sáng ngày mai, sẽ không còn một người Do Thái nào nữa trong Quốc gia độc lập của người Slaves phương Nam!" Bà suy nghĩ. “Tất cả mọi điểm trong chương trình của Za Dom đều đã được thực hiện. Con ta giờ đây là lãnh tụ chính trị vĩ đại nhất! Không còn một người Do Thái nào! Milan Paternik mạnh hơn cả Himmler! Nó sẽ sung sướng. Và tự hào! Ngực nó sẽ đeo đầy huân chương! *Gott strafe England*. Chúa trừng phạt nước Anh."

Câu *Gott strafe England* vang lên nhẹ nhàng bên tai bà như tiếng tích tắc của chiếc đồng hồ treo ở buồng bên cạnh.

X

Một giờ đã trôi qua, từ lúc Ivo Duppelhof mang tách nước hãm hoa hồng sang cho Milostiva. Ông không tài nào ngủ được. Ông ngồi dậy, ra hành lang và rón rén đi tới cạnh cửa buồng ngủ. Bà Debora có bệnh bấu rết và khi nằm ngủ bà ngáy một cách rất nhẹ nhàng. Ngay cùng buồng, người ta cũng không nghe rõ cái hơi thở của con mèo nằm ngủ ấy, hơi thở của con mèo già.

Ivo khẽ mở cửa. Căn buồng mờ mờ tối. Milostiva nằm duỗi chân trên giường, vẫn mặc cả quần áo. Một tia sáng xuyên qua tấm màn che. Mặt bà bạc phếch như một tờ giấy.

Ivo Duppelhof tiến tới cạnh giường và bật đèn lên.

— Milostiva! - Ông gọi khẽ.

Milostiva không trả lời. Ông ta sờ tay bà và nhìn xung quanh. Trên bàn ngủ, ông thấy cái tách, cái giữa móng tay và một ống thuốc không.

— Milostiva! Milostiva! - Ông kêu lên và lặp lại to hơn nữa - Milostiva!

Bà vẫn nằm bất động.

— Đứa sát nhân! - Ivo Duppelhof kêu lên - Đứa sát nhân! Nó đã giết mẹ nó!

Ivo Duppelhof muốn kêu cứu. Ông muốn gọi bọn lính gác.

Nhưng ông không thể nào có được một quyết định. Ông đứng bất động, kê bên giường. Sau đó ông quỳ gối, ông cầm lấy tay người chết đặt lên một cái hôn rồi lại đặt nó lên ngực. Ông làm dấu thánh giá.

Ông đứng lên đi ra phía cửa. Tới ngưỡng cửa, ông dừng lại nhìn thi hài bà già trên giường, hai tay khoanh trước ngực, với chiếc áo dài nhung đen, chiếc áo choàng buông rũ xuống trên tấm thảm như một cánh chim bị trúng thương. Ivo Duppelhof trở lại buồng mình.

Ông sửa soạn vali, mặc chiếc áo khoác và với cử chỉ vội vàng ông xem lại tờ hộ chiếu cũ của ông có dấu thị thực của Thụy Sĩ rồi cất vào trong túi áo. Rồi ông nhìn xung quanh.

Trên mắc áo còn treo bộ y phục hầu phòng cầu vai mạ vàng của ông. Ông không cần đến nữa. Ngoài chiếc vali và tờ hộ chiếu, ông không cần lấy một thứ gì trong cái phòng này nữa.

Hoàn toàn không.

Ông lại trở vào buồng Milostiva lần nữa, tay trái xách vali và tay phải cầm mũ. Ông cầu nguyện trước người đã mất!

— Giờ đây, bà không cần đến tôi nữa, thưa Milostiva! - Ông nói.

Ông cúi đầu im lặng.

— Cũng không còn cả lý do nữa để tôi tiễn đưa bà ra nghĩa địa! Vĩnh biệt! Milostiva!

Người đầy tớ vẫn để đèn sáng. Ông vẫn cầm mũ. Ông lau đôi mắt đầm lệ rồi ông bước ra khỏi tòa lâu đài của Milostiva Debora Paternik qua cổng phụ.

“Bốn mươi năm mình làm đũa ở cho Milostiva...” Ông đi về phía trung tâm thành phố. “Bây giờ mình trở lại Thụy Sĩ. Trở lại quê hương xứ sở của mình.”

XI

— Tôi không loan báo cái chết của Milostiva cho ai cả. Tuyệt đối không một ai.

Lão đầy tớ Ivo Duppelhof đang đứng trước mặt bác sĩ Petrovici, bộ trưởng Nội vụ của Quốc gia độc lập. Ông đang tìm những từ ngữ cần dùng. Ông vẫn cầm ở tay chiếc vali và cái mũ. Ông không muốn ngồi. Ông vẫn đứng trước bàn giấy.

— Trước khi ra ga, tôi tạt qua đây loan báo cho Ngài, kể lại cho Ngài hay sự việc đã xảy ra như thế nào.

Ante Petrovici im lặng.

— Tôi đã nghe lỏm được cuộc tranh luận. - Ivo Duppelhof nói tiếp - Thuốc độc, chính hấn ta cho mẹ, hấn, Milan Paternik. Đúng, hấn đã cho bà ta uống thuốc độc. Cái ống vẫn nằm trên bàn ngủ của Milostiva. Tôi không đụng đến cái gì. Đúng, tôi chỉ khoanh cánh tay bà lên trước ngực. Tôi vẫn để đèn sáng và tôi ra đi. Báo cáo với Ngài hết.

Đôi mắt xanh của Ante Petrovici tối sầm lại tưởng như sắp trở thành đen ngòm. Ông cầm lấy ống nghe, rồi lại đặt nó xuống.

Ông đứng lên, Ante Petrovici đi khắp khiêng. Ông mặc chiếc áo choàng, run run và không nói gì. Cũng không nhìn cả Ivo. Không nhìn một ai. Không nhìn một cái gì. Ông dường như đã tách biệt với mọi sự mọi vật xung quanh.

— Ngài không thấy có trở ngại gì về việc tôi rời khỏi Quốc gia độc lập đêm nay? Tôi trở về Tổ quốc tôi. Tôi đã ở lại đây hoàn toàn vì Milostiva! - Ivo nói.

Ante Petrovici nhìn thẳng vào mặt ông.

— Tôi có chuyến tàu vào hồi không giờ ba mươi phút đêm. - Ivo Duppelhof nói.

— Chúc ông lên đường bình yên. - Ante Petrovici nói - Tôi sẽ lo liệu tất cả.

Ante Petrovici là một trí thức. Ông ta có cái đầu một nhà bác học và hàng ria màu hung hung như nhà thơ Rainer Maria Rilke. Ông bắt tay Ivo và mở cửa.

— Thưa bác sĩ... - Ivo nói giọng van lơn - Thưa bác sĩ! - Ông ta nói tiếp - Tôi cần phải thú nhận với Ngài một điều này nữa, mong Ngài xá lỗi. Có lẽ là tôi không nên dính líu tới chuyện này.

Petrovici nhìn vào mặt ông ta.

— Đây là chuyện của Lidia, vợ cũ của Ngài. Lâu nay Milostiva giúp đỡ bà ấy tiền bạc, thực phẩm, thuốc men. Bây giờ Milostiva không còn nữa. Đó là điều tôi muốn nói với Ngài.

— Lidia đang ở nước ngoài, đi từ lâu, từ hai năm nay. - Petrovici nói.

— Bà Lidia không phải ở nước ngoài. Bà ấy ẩn náu tại Dalmatie, trong một làng quê, dưới một cái tên giả. - Ivo nói - Milostiva biết địa chỉ và giúp đỡ bà. Giờ đây, Milostiva không còn và bà Lidia lại đang ốm đau.

— Ông chắc không?

Ante Petrovici đã li dị cách đây bốn năm. Lidia là một nghệ sĩ, một cây vĩ cầm lỗi lạc. Petrovici rất yêu Lidia, nhưng phải li dị nhau, bởi bà ta nóng nảy kinh khủng. Họ không thể chung sống với nhau được. Chỉ duy nhất vì cái tính nóng nảy quá mức độ đó mà hai người phải li dị. Bà ấy đã nói rằng bà ta ra nước ngoài. Bà ấy danh tiếng lừng lẫy khắp mọi nơi. Ở Pháp, ở Mỹ, ở Anh. Petrovici biết rằng bà ấy đã ra đi sau ngày li dị nhau.

— Anh có chắc chắn đích xác là Lidia không ở nước ngoài không?

— Hoàn toàn chắc chắn, thưa bác sĩ.

Lidia là người Do Thái, mà tất cả những người Do Thái trong Quốc gia độc lập đều đã bị sát hại.

— Vì sao Milostiva chẳng bao giờ nói với tôi chuyện đó? Vì sao ông cũng không nói với tôi?

Người đầy tớ nhún vai.

— Lidia không thể nào còn sống. Không thể! Nếu đúng nàng còn sống, tôi sẽ săn sóc trông nom. Anh có thể lên đường rồi đó, Ivo Duppelhof. Chúc anh đi bình yên! Nếu Lidia còn ở đây, tôi sẽ tìm lại được nàng, Ivo Duppelhof ạ!

Ante Petrovici nhìn Ivo rời khỏi bàn giấy. Trước khi ông ta đi khuất, Petrovici đột ngột hỏi:

— Ông vẫn giữ ý kiến rằng ông không hề biết địa chỉ Lidia?

— Chỉ một mình Milostiva biết.

Ante Petrovici không gì hỏi nữa. Ông để cho Ivo ra ga trở về nước mình. Ông ta đã dựng trước một căn nhà tại quê hương. Một căn nhà để sống yên tĩnh khi không còn là một tên hầu phòng nữa. Mà giờ đây ông không còn là một kẻ hầu phòng.

Ante Petrovici trở vào văn phòng của mình. Ông cầm máy nói:

— Hãy báo cho Quốc trưởng biết rằng Milostiva Debora đã chết. Bị ngộ độc. Trước mắt chỉ biết vậy. Tôi sang lâu đài Milostiva đây.

Ante Petrovici đội mũ, mặc áo khoác. Ông gọi chuông.

Một sĩ quan bước vào.

— Hãy mở cuộc điều tra xem bà Lidia, vợ cũ của tôi, có đi ra nước ngoài không? Nhất định phải có một bản tường trình về việc này. Hãy hỏi các cơ quan tình báo! Mọi nơi!

Ông rút khăn lau trán và bước ra sân.

XII

Viên Schaffner Motok trở lại nhà ga với gói bưu phẩm gửi cho Lidia. Anh đã gọi cửa nhà Milostiva mà chẳng có ai trả lời. Eddy Thall đã dặn kỹ anh không được giao gói đồ này vào tay quân lính gác. Mà ở đây, ngoài bọn lính gác ra, còn có ai nữa đâu mà trả lời. Anh nhìn đồng hồ chiếu. Anh không buồn mở ra nữa. Một quá rồi. Hai tay ôm đầu, anh nghĩ tới cái cảnh đứng trước lâu đài Milostiva gọi chuông suốt nửa tiếng đồng hồ mà chẳng có ai ra mở. Cuối cùng anh đã phải bỏ đi. Người hầu phòng đã không trả lời.

Giữa lúc này, người ta nghe tiếng súng nổ liên tiếp, rất nhiều, đúng vào chỗ toa tàu nằm. Schaffner Motok mở cửa ra xem. Trên sân ga, cách toa tàu vài bước, một người đàn ông đang giãy giụa. Cạnh ông ta là một chiếc vali. Một tốp dân quân vũ trang bằng súng tiểu liên chạy đến. Họ xách chiếc vali đi.

Họ túm lấy cổ tay và cổ chân người đàn ông lên. Người đàn ông vẫn tiếp tục giãy giụa. Một tên dân quân khác cố dùng nòng súng khều chiếc mũ của người đàn ông văng xuống giữa đường ray, dưới toa tàu.

Trên vỉa hè, không còn một ai. Bốn tên dân quân đã kéo người đàn ông ra ngoài ga. Tên lính khều được chiếc mũ rồi cũng đi nốt.

Motok nhìn vũng máu to loang loáng giữa mảnh sân rải nhựa và một vệt dài kéo thẳng từ đó ra tận cửa ga. Đó là máu của người chết mà bốn tên dân quân đã túm tay chân kéo lê đi. Motok lấy khăn lau mắt. Anh toan bước xuống sân ga một lát. Nhưng một toán dân quân khác đang đứng chặn ở hành lang toa tàu.

— Giấy tờ của hành khách! - Một viên sĩ quan quát.

Trước khi Motok kịp trả lời, viên sĩ quan đã bắt đầu khám xét các giấy tờ để trên bàn. Hắn khám rất nhanh, hết cái này qua cái khác liền. Sau đó hắn rút ra một cái thẻ hộ chiếu cùng với cái vé tàu và phiếu giường nằm. Motok muốn nhìn xem hộ chiếu tên ai.

— Buồng số năm còn trống. - Viên sĩ quan nói.

Hắn đút vào túi áo tờ hộ chiếu của Ivo Duppelhof cùng với chiếc vé tàu và phiếu giường nằm.

Vậy là người hành khách buồng số năm bị thủ tiêu.

Hai tên dân quân vào buồng số năm xem Ivo Duppelhof có bỏ quên gì không. Viên Schaffner Motok muốn ra sân ga một chút để hóng mát và tìm hiểu sự việc vừa xảy ra. Nhưng toa tàu bị bọn dân quân canh gác. Motok không được phép xuống ga. Anh đành phải ở lại buồng của anh và bắt đầu kiểm soát những giấy tờ những hành khách khác. Sau khi tàu lăn bánh, anh đi kiểm tra những giường nằm. Đây đủ cả.

Có những nhà ngoại giao, những sĩ quan và những nhà kỹ nghệ Đức.

Khi tàu đã qua biên giới của Quốc gia độc lập, một hành khách xin anh một chai bia. Đó là một người Ý.

— Ông có nói chuyện với tên Thụy Sĩ trước khi nó bị xử à? - Ông hành khách người Ý hỏi.

Motok nhìn ông khách trân trân. Anh không hiểu ông khách nói đến tên Thụy Sĩ nào.

— Cả thành phố đều biết chuyện và ông là người đã tận mắt chứng kiến họ lại không biết ai sao? Hơn nữa, ông ta là hành khách của ông mà! Ở buồng năm.

— Tôi chưa kiểm soát giấy tờ. Tôi chưa biết cả tên ông ta nữa - Motok nói - Sau đó tôi không làm sao xuống được. Tôi cũng không cả nhìn thấy mặt ông ta nữa kia! Tôi chỉ thoáng qua bóng dáng của ông ta đang giãy giụa trên sân ga, cạnh toa tàu, sau khi ông ta bị xử.

— Đó là Ivo Duppelhof, người hầu phòng của Milostiva Debora Paternik. - Người hành khách Ý nói.

Ông ta uống chai bia của mình.

— Trong ký ức của con người, tại cái Quốc gia độc lập này, chưa từng thấy có những sự kiện nào đáng kinh hãi cho bằng những sự kiện đêm nay! Một tấn bi kịch khổng lồ! Tướng Milan Paternik giết mẹ vì kỳ thị chủng tộc! Chuyện thiên hạ chưa thấy bao giờ! Giết mẹ vì lý do chủng tộc! Vì bà ta không phải giống người Aryen! Mẹ đẻ của mình! Hắn đã đầu độc mẹ! Rồi hắn ra lệnh bắn tên hầu phòng đã chứng kiến việc giết người của hắn.

Tên hầu phòng toan chạy trốn thì bọn dân quân đã chặn lại ngay đây, tại ga, và giết chết lập tức. Ông đã trông thấy đấy, Milan Paternik muốn triệt hạ người làm chứng duy nhất về tội ác của hắn. Hắn sợ rằng, một khi trở về Thụy Sĩ rồi, người đây tớ có thể kể lại điều ông ta đã thấy. Nên hắn đã hạ sát luôn. Nhưng có tác dụng gì? Cả thành phố đang bàn tán cái việc đó.

Motok nhìn cái gói gửi cho Lidia ở ngay dưới bàn, lẫn giữa những chai bia.

— Đãi loan tin Milan từ chức và bị bắt. Chính ông bố của hắn đuổi hắn. Ngay lúc nửa đêm, các máy thu thanh thành phố đã phổ biến rộng rãi tin này. Anh không nghe à?... Nhưng anh đang sống ở cái thế giới nào vậy? Tướng Milan Paternik đã bị huyền chức rồi!

Motok lấy khăn lau trán. Anh thấy choáng váng cả người.

— Ông có tin chắc là người hành khách bị giết vừa rồi là Ivo Duppelhof, người hầu phòng của Milostiva Debora Paternik không?

— Mọi người đều biết hết, trừ một mình ông! Tuy rằng ông là người có điều kiện để biết trước mọi người. Ông đã không thấy ông ta? Ông đã không nói với ông ta sao? Ngày mai, ông sẽ thấy báo chí xác nhận điều này! Thật là một scandale khủng khiếp!

Motok không còn đủ nghị lực suy nghĩ nữa.

— Mở cho tôi thêm một chai bia. - Ông hành khách bảo.

Motok cúi xuống, gạt cái gói gửi cho Milostiva sang một bên và mở một chai bia đặt lên bàn, trước mặt ông hành khách.

— Điều nghiêm trọng hơn nữa Duppelhof là công dân Thụy Sĩ. Công dân một nước trung lập. Nước Thụy Sĩ sẽ lên tiếng phản kháng về điều đó, nghiêm trọng đấy!

Con tàu tắt hết đèn chạy trong đêm tối. Bây giờ họ đang ở giữa lòng châu Âu. Che kín tất cả. Ngụy trang hoàn toàn.

Đêm.

XIII

— Đây là một đặc ân hoàn toàn ngoại lệ, tuyệt đối ngoại lệ! - Ông đại sứ Đức nói.

Ông ta đưa cho Ante Petrovici cái giấy phép vào trại tập trung Auschwitz và ông nói tiếp:

— Lidia Petrovici bị giam tại Đức bốn tuần nay rồi. Mọi thủ tục đã được chuẩn bị sẵn sàng. Bà ấy sẽ được phóng thích ngay sau khi ông tới. Bà ấy có thể theo ông cùng về. Tôi hy vọng ông sẽ được gặp bà ấy khỏe mạnh. Nhưng tôi yêu cầu ông giữ tuyệt đối bí mật. Những chuyện như thế này chỉ có hai người biết với nhau. Chúc ông lên đường bình yên, *Herr Doktor*, thưa bác sĩ!

Ngay hôm ấy, Ante Petrovici lên đường qua nước Đức.

Mới chỉ một tuần qua sau khi Milostiva tự tử, Ivo Duppelhof bị thủ tiêu và Milan Paternik bị trục xuất khỏi Quốc gia độc lập, Ante Petrovici đã đưa đơn từ chức. Ông không muốn làm Bộ trưởng nữa. Nhưng ông chỉ nhận được một sự từ chối. Ông đã dò ra dấu vết của Lidia. Nàng bị giam tại Auschwitz và giờ đây người ta đồng ý trả tự do cho nàng. Ông đi để nhận nàng về.

Từ hai năm nay, ông đã không nhớ tới Lidia nữa. Bây giờ thì ông lại nhớ. Lần cuối cùng bắt tay nhau sau khi nhận được bản án ly hôn, nàng có nói với Ante Petrovici: “Tôi ra nước ngoài.”

Sau đó chiến tranh đã xảy ra. Ông trở thành Bộ trưởng và không còn nghe nói gì về Lidia nữa cả.

“Vì sao Lidia không cầu cứu với ta?” Ante Petrovici tự hỏi. “Là Bộ trưởng, ta có thể giúp nàng lắm chứ? Nhưng nàng đã im lặng, mặc dù nàng đã là vợ của ta?”

Ante Petrovici không làm sao hiểu nổi. Vì sao nàng giận ông? Nàng giận ông vì ông là thành viên của một chính phủ chủ trương tiêu diệt người Do Thái. Nhưng mà ông, Ante Petrovici, ông có tham gia chuyện ấy đâu! Ông chỉ cai trị thôi.

“Lidia có quyền giận ta thật. Nàng giận ta ầu cũng là tự nhiên. Dù không trực tiếp tham gia, ta vẫn nằm trong số kỹ sư xây dựng trật tự mới. Và muốn có trật tự mới ở châu Âu thì những kỹ sư chính trị ấy sẽ phải tiêu diệt đi một số chủng tộc, những người Tzigan, những người Do Thái. Cả ta nữa, ta cũng làm việc cho cái trật tự đó. Chống lại những con người. Và chính vì vậy mà Lidia căm giận ta. Vì ta tham gia vào việc hủy diệt những con người nhằm tạo lập một nền trật tự mới. Đó là tội ác lớn nhất. Và khi xảy ra một chuyện tranh chấp nào giữa Lidia với ta thì nàng khinh bỉ ta cũng là lẽ bình thường và cũng bình thường, nàng cầu xin giúp đỡ của người ngoài chứ không phải của ta.”

Ante Petrovici mang theo trên xe nào thức ăn, thuốc men, nào quần áo, chăn mền. Mọi thứ bên cạnh ông, cho Lidia. Ông đi bằng qua nước Đức với hết tốc độ. Chưa bao giờ ông vội như hôm nay và khi tới Auschwitz thì thực tình ông đã kiệt sức.

Ông muốn giải phóng Lidia sớm được phút nào hay phút ấy. Thêm một giây Lidia phải ở trại tập trung là tội lỗi của ông.

— Phạm nhân Lidia chết rồi?

Ante Petrovici đứng trước mặt viên chỉ huy trại. Viên chỉ huy đang cầm trên tay lệnh trả tự do cho Lidia.

— *Schade!* Đáng tiếc! - Hắn nói - Giá ông tới trước một tuần thì bà ta còn sống. Đáng tiếc! Một cái lệnh tha như thế này hoàn toàn ngoại lệ. Rất tiếc là nó được chuyển tới cho một tù nhân không còn sống nữa!

— Tôi có thể đưa nàng về mai táng tại quê hương không?

— Những tù nhân chết tại trại đều được hỏa thiêu. Đó là lệ chung.

Ante Petrovici có ý muốn nói những lời vĩnh biệt. Ông thấy viên chỉ huy cất cái lệnh tha vào một tập hồ sơ. Về mặt hành chính, cái lệnh đó thuộc về ông.

— Nàng không để lại một bức thư, một vật gì hay sao?

Viên chỉ huy mỉm cười một cách mỉa mai:

— Tù nhân không có lệ gửi thư! Tôi rất tiếc!

Ante Petrovici bước ra.

“Hủy diệt hoàn toàn!” Ông ta nghĩ. “Lidia đã bị hủy diệt. Bị hỏa thiêu. Hoàn toàn. Không để lại một dấu vết. Không cả một chiếc khuy áo? Hủy diệt hoàn toàn, trọn vẹn!”

Viên Schaffner Daniel Motok đi tới nhà Pierre Pillat.

Anh muốn kể lại với Pillat sự việc đã xảy ra. Báo chí không nói gì cả. Người ta chỉ loan báo sơ sài rằng tướng Milan Paternik đã bị thay thế. Chỉ có vậy thôi. Ở một tờ báo khác, người ta đọc được rằng: *Milostiva Debora Paternik phu nhân của Quốc trưởng Quốc gia độc lập và là một trong những người cộng sự đặc lực nhất của ông vừa tạ thế*. Không có câu nào liên quan tới Ivo Duppelhof cả.

Motok cầm cái gói ở tay. Anh muốn nói hết cho Pillat, kể lại cho anh ta nghe khi Motok đến thủ đô Quốc gia độc lập thì thấy lâu đài đầy những lính gác, trong lâu đài có một người đàn bà chết, và người đầy tớ đã trốn đi như thế nào.

“Tôi không thể nào đi tới nhà của Eddy Thall trả lại gói đồ cho nàng. Tôi không thể nào kể lại cho nàng nghe những điều rùng rợn ấy. Anh, anh hãy đi đến gặp nàng đi?” Đó là những điều Motok muốn nói với Pillat. Anh mang cái gói tới, nhưng Pillat không ở nhà. Motok nhìn đồng hồ: Tám giờ. Anh rút tấm danh thiếp đề tên *Eddy Thall*.

“Mình cứ tới nhà hát vậy. Mình sẽ không ở lại xem biểu diễn. Một quá rồi. Nhưng tới trao lại gói bưu phẩm, thế thôi.”

Anh gọi một chiếc taxi.

Tới trước cửa nhà hát, anh lại xem đồng hồ lần nữa. Chín giờ kém mười lăm. Anh nhìn lên những cửa sổ lớn âm ảm một màu. Anh leo lên các bậc đá. Nhà hát rộng lớn mênh mông.

Phòng khán giả tối om. Motok thử mở cửa. Cửa khóa.

Anh đặt gói đồ lên bậc đá và quẹt diêm.

“Chín giờ kém mười lăm,” anh ta tự bảo, “nhà hát phải mở cửa rồi chứ; nếu buổi biểu diễn bắt đầu từ chín giờ.”

Có một mảnh giấy trắng dán lên cửa. Người ta đã ghi mấy dòng bằng chữ hoa đậm nét:

NHÀ HÁT EDDY THALL

NGỪNG BIỂU DIỄN TRONG MỘT THỜI GIAN NGẮN.

Motok muốn biết vì sao các buổi biểu diễn lại bị gián đoạn, nhưng chẳng có ai để hỏi.

“May mà chỉ là ngừng tạm thời!” Motok tự bảo.

Trước khi rời nhà hát, anh muốn xác minh xem mình đọc có đúng không. Anh quẹt một que diêm khác. Dòng chữ lại hiện lên giữa tờ giấy trắng, dán vào cánh cửa: *NHÀ HÁT EDDY THALL NGỪNG....* Que diêm tắt. Anh không đọc được nữa. Tờ yết thị lại chìm vào bóng tối. Nhưng điều chắc chắn là Motok đã đọc chính xác. Những buổi biểu diễn của nhà hát này đã chấm dứt.

— Vú phải hiểu, Tinka ạ! Chúng ta không có quyền thay đổi được một cái gì cả! - Eddy Thall nói - Tôi đã thử hết mọi cách rồi. Người ta không cho phép tôi giữ vú lại phục dịch cho tôi nữa. Vú phải đi thôi. Nếu không, cả hai chúng ta sẽ phải vào tù. Không một người Do Thái nào có quyền có những người đầy tớ Công giáo nữa.

Tinka đã mặc bộ quần áo diện của bà. Bà đứng trước mặt Eddy Thall, vẫn trong cái buồng giấy mà từ hai hôm nay bà không có quyền quét dọn nữa. Bà thấy rằng trong lúc vắng bà, nền nhà chẳng ai lau, tủ sách không ai phủ bụi. Những chuyện đó làm phiền muộn cho lòng bà. Bà nhìn lại ngôi nhà và cảm thấy khó chịu khi nếp hoạt động cân đối ngày thường của nó bị phá vỡ.

— Vú hãy lấy đủ các giấy má. - Eddy Thall nói - Vú còn cuốn sổ gửi tiền ngân hàng trong đó có ghi những số tiền tiết kiệm của vú. Vú muốn rút tiền khi nào tùy ý mình. Tôi đã đóng cho vú một năm lương chứ không phải ba tháng như luật lệ quy định. Các giấy tờ của vú đầy đủ hết, bản sao khai sinh, bản sao rửa tội, tất cả.

Eddy Thall trả cả tập lại cho bà. Lâu nay, Tinka không bao giờ giữ những giấy tờ đó. Nó luôn luôn để trong ngăn kéo bàn làm việc. Nó là của bà nhưng chẳng bao giờ bà cần đến nó. Và giờ đây, khi Eddy Thall trao trả lại cho bà, bà bật khóc nức nở.

— Cô chủ muốn tôi làm gì nó? - Tinka hỏi.

— Mỗi công dân phải có đủ giấy má của mình.

Nói về Tinka thì tất cả mọi người có cửa hàng buôn bán ở chợ đều biết. Các người hàng xóm, ông hàng bánh, ông hàng thịt đều biết bà. Cả khu phố biết bà. Cả viên cảnh sát và ông cửa hàng hoa quả. Bà không phải là người cần có giấy tờ.

Tinka cầm gói giấy tờ trên tay. Bà khóc. Nước mắt bà nhỏ xuống trên tấm giấy chứng minh thư, trên tờ sao chứng chỉ rửa tội trên tờ sao giấy khai sinh.

Đối với bà thì phải có những giấy má đó còn nhục nhã hơn là phải bị sa thải: cái nhục của người đàn bà có giấy tờ. Chỉ những hạng đàn bà không đứng đắn mới cần có giấy tờ.

— Không! - Tinka bảo và bà bỏ tất cả xuống góc bàn.

Giờ đây, đến gần cuối đời, bà không thể chịu đựng một nỗi nhục như vậy được. Nào bà có phạm tội ác gì đâu để đến nỗi sáu mươi tuổi trên đầu còn bắt buộc phải sống với những giấy tờ kia! Phải trở thành một người đàn bà có giấy tờ!

— Nhưng mà ngày nay, mọi người đều sống như vậy cả. - Eddy Thall nói - Vú nhìn chứng minh thư của tôi đây! Bao giờ tôi cũng phải mang theo trong túi xách của tôi.

— Nếu người ta phải kiểm tra giấy tờ của tôi, một bà già, như kiểm tra bọn trộm cắp du đang, thì thà rằng tôi chết. - Tinka đáp.

Bà lau nước mắt, đoạn bà nhìn Eddy Thall.

— Ngày mai là thứ năm, cô Eddy ạ!

Suốt bốn mươi năm nay, mỗi ngày thứ năm Tinka đều giặt giữ quần áo trong cái nhà này. Mỗi ngày thứ năm, không trừ một ngày nào.

— Vú không được phép làm việc trong nhà tôi nữa! - Eddy Thall nói - Luật lệ nghiêm cấm.

— Tôi làm không công mà? - Tinka đáp - Luật lệ đâu cấm tôi giặt giữ áo quần ngày thứ năm, như tôi từng làm suốt cả đời tôi?

— Pháp luật có cấm, Tinka ạ! Nếu ngày mai vú giặt quần áo thì cả hai chúng ta sẽ bị vào tù như những kẻ tội phạm.

— Cô chủ cho rằng bọn cảnh sát sẽ đi từng nhà xem có ai giặt giữ quần áo hay sao?

— Một người phụ nữ Công giáo không được phép giặt giữ quần áo cho một người Do Thái. Vú là

Công giáo, tôi là Do Thái. Tội ác là ở đó.

— Các ông cảnh sát phải đi bắt tất cả bọn kẻ cắp và tất cả các hung thủ trong cả nước, thưa cô! Và khi không có việc gì làm nữa thì họ đi rảo các nhà dân để kiểm tra xem các bà già có giặt quần áo không. - Tinka nói.

— Đây là điều còn quan trọng hơn cả chuyện bắt các hung thủ và kẻ cắp, Tinka ạ! Nếu như vú giặt giữ quần áo cho tôi thì đó là tội chính trị. Một tội lớn hơn tất cả mọi tội xảy ra dưới ánh mặt trời.

Tinka, qua dòng nước mắt, nhìn cái giường còn bề bộn trong buồng ngủ.

— Tôi có thể xếp dọn cái giường lại một chút được chứ? - Bà hỏi.

— Không được, Tinka! Tôi đã bảo là vú không được phép làm gì trong cái nhà này nữa rồi!

— Thế cũng là chuyện chính trị - Tinka hỏi - nếu như tôi xếp dọn lại cái giường à?

— Tất cả đều là chính trị, Tinka!

Tinka nhìn tách trà trên bàn.

— Cô vẫn thường dùng nước trà vào cái giờ này đây. - Bà nói về ái ngại - Nếu như tôi pha trà cho cô thì cái đó chẳng có gì là chính trị cả. Dù sao thế gian cũng chưa đến nỗi điên rồ mà nghĩ như vậy!

— Bất cứ công việc gì vú làm trong cái nhà này đều coi như vi phạm các điều luật về chủng tộc cả, đều là tội ác chính trị cả. Ngay cả trong một tách trà cũng có chính trị.

— Có lẽ chính bản thân cô cũng muốn tống khứ tôi đi. - Tinka nói - Bởi vì tôi, tôi không hiểu nỗi. Giặt quần áo, pha trà, phui bụi trên các cuốn sách thì có gì là chính trị? Từ tuổi ấu thơ của tôi, tôi giặt giũ, tôi làm bếp, tôi lau sàn nhà, tôi đi chợ, và tất cả những công việc đó tôi làm chẳng có bao giờ là chính trị cả. Một tách trà là một tách trà, không phải là chính trị. Quần áo là quần áo, không phải là chính trị. Một cái sàn nhà là một cái sàn nhà...

Tinka khóc nức nở.

XVI

Một tuần sau khi nhà hát bị đóng cửa, một sĩ quan đến nhà Eddy Than. Hắn bước vào, hớn hờ và lịch sự.

Hắn nhìn xung quanh. Hắn mặc đồng phục xanh màu thanh thiên và đeo phù hiệu phi công.

— Tôi đến xem căn nhà! - Hắn nói.

Vừa tới ngưỡng cửa, không đợi Eddy Thall trả lời, hắn liếc nhìn qua cái phòng khách nho nhỏ bên cạnh và bật lên một tiếng huýt sáo khen ngợi.

— Đây là một căn nhà tuyệt diệu! Bao nhiêu buồng?

Hắn quan sát các tấm thảm, các tiện nghi. Hắn tỏ vẻ hài lòng.

Nàng muốn ngăn không cho hắn xộc vào các buồng khác nên mời hắn ngồi. Nhưng viên sĩ quan đi tới cạnh cửa sổ.

— Nhà nhìn ra một quang cảnh tuyệt đẹp, lộng lẫy!

Hắn rút trong túi ra một tờ giấy đưa cho Eddy Thall.

— Tôi là trung úy phi công Varlaam. Ngài Bộ trưởng đã phân cho tôi ở ngôi nhà của bà.

Eddy Thall cầm tờ giấy có in tiêu đề và đóng dấu. Đó là lệnh trưng thu ngôi nhà của nàng. Đôi tay nàng run lên lật bật.

Nàng đã biết tất cả nhà cửa của người Do Thái sẽ bị trưng thu, nhưng có ngờ đâu ngôi nhà của nàng lại bị người ta cướp đi quá sớm như vậy!

Nàng nhìn sâu vào đôi mắt long lanh của viên phi công và nói:

— Ông trung úy? Làm sao ông có thể đuổi người ta ra khỏi nhà để ông dọn đến ở thay vào chỗ họ được? Đó là điều mà tôi không có khả năng làm!

— Xin bà thứ lỗi! - Hắn đỏ mặt và nói - Cũng như với mọi sĩ quan, người ta phân cho tôi một căn nhà. Người ta mời tôi đến thăm để trả lời có nhận hay không. Sự việc là như vậy. Tôi có muốn đuổi ai ra đường đâu? Thưa bà, bà tha lỗi cho tôi, tôi tưởng căn nhà bỏ trống?

— Nó bị coi như bị bỏ trống bởi người đang ở là một phụ nữ Do Thái. Một căn nhà do người Do Thái ở thì coi như một căn nhà bỏ trống. Nhưng ông thấy đó, nó không bỏ trống tí nào! Và là một ngôi nhà do tự tay cha mẹ tôi dựng lên.

Varlaam nghiêng đầu.

— Không phải lỗi của tôi! Một lần nữa, thưa bà, xin bà tha lỗi. Hoàn toàn không phải tự tôi!

Và hắn bỏ đi.

XVII

Ngày ngày, Eddy Thall chờ đợi nhận lệnh rời khỏi căn nhà của mình. Cái chết của Lidia, việc đóng cửa nhà hát, sự xa cách Tinka không làm cho nàng phiền muộn cho bằng chuyện trưng thu ngôi nhà của nàng. Ngôi nhà là nơi trú ẩn để người ta giấu mình đi mà chịu đựng khổ đau. Giờ đây, nàng buộc phải rời bỏ nó.

Cặp da, giày đen, kính gọng vàng, cổ áo hồ bột, Max Reingold ngồi ở ghế bành nói chuyện với nàng một cách thân nhiên như thể nói về những điều vô vị chứ không phải đang nói về vấn đề sinh mạng của chính mình. Max Reingold trong lúc nói chuyện với nàng cũng giữ thái độ bình tĩnh như khi ngồi tính toán. Ông tranh luận cũng như làm một bài toán cộng, trừ vậy thôi, điềm đạm, cẩn thận và khách quan.

— Chúng ta còn một cơ may duy nhất là mở cửa lại nhà hát. - Ông ta nói - Mở cửa lại nhà hát Eddy Thall to lớn gấp năm lần, cho năm ngàn khán giả. Tôi đã có những phương án kế hoạch đầu vào đầy cả, hoàn hảo rồi!

Eddy Thall giật nảy mình.

— Chúng ta có cái cơ may đó. - Max Reingold nói - Nhưng không phải ở đây. Chúng ta lại có thể mở cửa nhà hát Eddy Thall tại Tel Aviv, tại Palestine. Chúng ta có thể di tản. Đó là một triển vọng diệu kỳ.

Tia sáng vui tươi vừa lóe lên chốc lát trong con mắt của Eddy Thall vụt tắt.

— Ở đây, tại Rumania, chúng ta không thể làm được cái gì nữa cả. Tình hình tổng kết như thế này: nhà hát bị đóng cửa, nhà bị trưng thu, người làm bị sa thải. Ít lâu nữa, họ sẽ nhốt chúng ta vào trại tập trung và đưa chúng ta vào các lò thiêu người như một vại nước đã làm. Và lại ở đây đâu phải là xứ sở quê hương? Chúng ta là Do Thái. Xứ sở của ta là Palestine. Giải pháp duy nhất là di tản.

Eddy Thall im lặng.

— Cháu không bằng lòng phải không? - Max Reingold hỏi - ít người Do Thái có cái cơ may này. Chúng ta thì có.

— Cháu muốn suy nghĩ thêm. - Eddy Thall nói - Có những điều mà bỏ đi không đành!

— Rồi bỏ nơi này chỉ là rời bỏ sự kinh hoàng và nhục nhã!

— Cháu không tài nào rời bỏ nước Rumania một cách dễ dàng được. Cháu sinh ra ở đây. Con người ta gắn bó với nơi sinh mình như chồng với vợ. Người đàn bà có thể còn lạ lòng với anh tới một lúc nào đó, nhưng khi đã thành vợ anh rồi thì anh sẽ yêu họ hơn mọi kẻ trên đời, hơn cả mẹ anh, hơn cả chị em anh. Vì vợ, anh có thể rời bỏ tất cả. Đối với nơi sinh cũng vậy. Kể cả khi nơi sinh đó ở trên một đất nước không phải đất nước mình. Bởi nó là mảnh đất của anh rồi, anh không thể rời nó ra đi. Rumania là nơi sinh ra cháu. Đối với cháu, Rumania thân thương hơn là Tổ quốc vĩnh hằng của cháu, Tổ quốc Palestine.

Max Reingold đứng lên.

— Lý luận của cháu ra vẻ logic. Nhưng hãy suy nghĩ thêm. Ta cho rằng con đường di tản là cơ may duy nhất của chúng ta. Ta phải sử dụng nó.

XVIII

— Tôi cho vú cái tăng áp mái. - Eddy Thall nói - Tôi van vú, đừng có đến cái nhà này nữa. Cảnh sát mà thấy mặt vú ở đây thì người ta sẽ tưởng rằng vú tiếp tục phục vụ cho tôi.

Tinka đứng bên cánh cửa.

— Ông thẩm phán Pillat không giúp đỡ tôi được sao? - Bà ta hỏi.

— Không ai có thể bênh vực cho chúng ta chống lại pháp luật được cả, Tinka ạ! - Eddy Thall nói. - Pháp luật còn độc ác hơn cả thú dữ nhiều!

— Vậy thì tôi phải làm gì đây, cả ngày? - Tinka hỏi. Bà dăm dăm nhìn Eddy Thall.

— Vú lên buồng riêng, làm việc. Hoặc nếu chán thì đi xem phim?

Tinka bắt đầu nức nở khóc. Đi xem phim, ngay giữa ngày lao động, như những người đàn bà hư hỏng, là một điều sỉ nhục đối với bà. Tinka có thể làm bất cứ công việc gì, nhưng đi xem phim vào ngày thứ ba, chuyện đó vượt lên trên khả năng của bà nhiều quá. Bà khóc, bước ra khỏi phòng, lên cái buồng áp mái của mình, bỏ quần áo ra ngâm.

Ngay lúc đó có tiếng gõ cửa. Hai viên cảnh sát bước vào.

Họ quan sát kỹ càng các bức tường. Một tên bước tới cạnh chậu quần áo. Hắn cầm lên những chiếc áo lót dày, bằng vải thô, những áo lót của Tinka.

— Các người dúi mũi vào chậu giặt của tôi mà không thấy xấu hổ à?

Tên cảnh sát nhắc cả những chiếc đĩa, những áo lót, những mùi xoa lên để xem giữa những quần áo vải thô một bộ quần áo tắm bằng lụa hoặc một cái gì đó bằng vải mỏng của đàn bà hay không. Chẳng có một thứ gì ngoài những đồ bằng vải thô của một người vú già!

— Ra ngoài! Ra! - Tinka quát.

— Nếu bà ăn nói như vậy, chúng tôi sẽ lập biên bản về tội lăng mạ. Chúng tôi thi hành nghề nghiệp của chúng tôi.

— Một con chó nó cũng không đến ngửi và thò mũi vào chậu giặt đồ bẩn của một bà già! Nếu đó là nghề nghiệp của cảnh sát thì quả là cảnh sát không phải là con người!

Hai nhân viên ấy đi ra. Họ đi qua những buồng khác, nơi những người đầy tớ cũ ở. Tinka nói một mình, trong cơn nóng giận:

— Nếu cảnh sát sinh ra chỉ để làm việc đó; nếu giờ đây có những luật lệ phái cảnh sát đi ngửi những quần áo bẩn của bọn đầy tớ, dúi đầu vào trong đó để tìm giữa đồng quần áo lót dơ dáy của các bà già đi ở mướn, thì như vậy là ngày tận thế đến nơi rồi. Chao ôi, đúng quá!

Và Tinka nhỏ nước bọt đằng sau lưng chúng, nhỏ vào tất cả pháp luật và cảnh sát, vào tất cả những người làm ra pháp luật! Sau đó bà khóc nức nở, rất to, như khóc người chết. Không ai nghe tiếng bà khóc cả, vì buồng của bà ở ngay sát mái. Nhưng mà khóc lên được cũng là trút bớt đi cho bà một nỗi đau đè nặng lên lòng. Bà trở nên mạnh dạn và quyết định gây chiến với cảnh sát để trả thù những điều nhục nhã bất công.

Qua chiếc cầu thang trong nhà, bà đi xuống bếp của Eddy Thall. Ở đây, bà thấy mình được thờ phụng khoái. Đã một tuần nay, bà không được bước chân vào cái nhà bếp, nơi bà đã sống suốt cuộc đời mình. Bây giờ bà trở lại đây. Vũ trụ của bà là ở trong cái gian nhà có vòi nước và bếp lò, với những xoong chảo treo trên tường, những ngăn tủ đựng đầy đĩa bát, ly cốc thủy tinh. Không có cái nhà bếp, cuộc sống của Tinka Neva không còn là cuộc sống nữa. Đối với bà, cuộc sống có nghĩa là chợ búa, là đi mua hàng, là những rổ đầy, rau thơm, đậu trắng, khoai tây... Cuộc sống, là gọt khoai tây, là rửa bát, là mùi hành thái mỏng. Cuộc sống là cắt cà rốt thành khoanh, là giờ ăn với mùi thơm của xúp, mùi thịt quay và bánh bột gạo. Mọi thứ đó, hết tất cả rồi đối với Tinka, từ một tuần nay. Và hết những thứ ấy, cuộc sống của Tinka trở thành trống rỗng.

Vào trong bếp, Tinka lại bật lên những tiếng nước sôi. Bà ngồi trên một chiếc ghế đầu và khóc. Hai tay bà ôm mặt, bà nhìn qua nước mắt như qua một tấm gương mờ, những cái xoong treo từng hàng trên tường đã theo thứ tự nhỏ to. Bà nhìn lại cái bếp lò mà bà đã dùng tay mình lau sạch, bóng trơn như một chiếc gương soi mỗi buổi chiều trong lúc những bát đĩa vừa được úp lên cho ráo nước.

Tinka nhen lửa. Bà thấy như mình được sống lại. “Ta đun nước và quét dọn bếp đây.” Bà tự nói với mình.

Eddy Than không ở nhà. Tinka xách một chiếc giỏ. Bà ta hãnh diện bước xuống cầu thang với chiếc giỏ của mình và đi ngang qua trước tủ kính các quầy hàng. Ra chợ, bà mua đủ thứ, đầy giỏ mới thôi. Bà tiêu như tiêu cho một ngày lễ. Bà mua và trả tiền bằng tiền túi, tiền tiết kiệm của bà. Giờ đây, bà trở về với một giỏ đầy, như thể không phải bà mang rau mà bà mang chiến lợi phẩm về vậy. Bà kiêu hãnh đi về phía nhà. Viên cảnh sát góc phố nhìn bà hồi lâu rồi mỉm cười với bà, hẳn là người quen biết.

Viên cảnh sát hôm đó không phạt vì cảnh một vụ nào trong khu phố. Không một người buôn bán nào để sót không ra lề đường. Không một người ở gái nào rũ thảm bên ngoài cửa sổ sau chín giờ sáng. Không một xe chở hàng nào đậu ở giữa lòng đường. Tuy nhiên viên cảnh sát phải ghi một cái gì đó lên tờ báo cáo của mình chứ. Vậy là hẳn nảy ra một ý kiến: ghi rằng *Tinka Neva vẫn tiếp tục làm việc ở nhà những người Do Thái*. Vậy thôi. Rồi hẳn đi nộp bản báo cáo của mình.

Tinka về tới nhà. Bà bỏ các thứ trong giỏ ra và rửa rau.

Đúng lúc này, bọn cảnh sát đến.

— Bị bắt quả tang! - Một tên nói - Bà chủ của bà đâu?

— Vắng nhà!

Lòng hồi hộp, nhưng bà không sợ. Ở trong bếp, bà cảm thấy như mình được an toàn. Đây là lãnh địa của bà. Bà tiếp tục thái cà rốt trên một tấm ván.

— Bà không biết có lệnh cấm không được làm việc cho người Do Thái à? - Tên cảnh sát thứ hai hỏi.

— Cô chủ đâu có biết là tôi làm bếp! - Tinka đáp - Hôm nay là ngày đầu tiên. Tôi cũng chẳng biết là tôi đã bị cái gì nó thúc đẩy.

— Hãy đến với chúng tôi. - Tên cảnh sát ra lệnh.

Tinka nhìn những củ cà rốt cắt thành từng miếng nhỏ. Bà nhìn những miếng thịt đang hầm trong nồi. Một miếng thịt khác dành để áp chảo đang đặt ở góc bàn. Bà lần lượt nhìn những cái nồi, rồi siêu nước đang sôi trên bếp, rồi ngọn lửa.

— Xin lỗi các ông. - Bà nói để xoa dịu đối với họ.

— Bà hãy đến chỗ chúng tôi! - Tên cảnh sát nói - Bà sẽ làm tờ khai và bà sẽ được tự do.

— Ồ, xin các ông tha lỗi! - Bà lặp lại - Tôi đã phạm một tội.

Một trong hai tên cảnh sát dập tắt ngọn lửa.

— Sao các ông lại dẫn tôi tới đồn cảnh sát? - Tinka gào lên.

Bà đang ngồi trên một chiếc ghế tựa. Nhìn thấy bọn cảnh sát dập tắt lửa đi, bà bỗng nổi cơn giận dữ.

Hai tên cảnh sát mỗi đứa một tay túm lấy bà. Bà tri lại. Bà bắt đầu gào to. Nhưng cánh tay của bọn cảnh sát khỏe lắm. Họ nhấc bổng bà lên. Bà lại gào to hơn nữa. Nhưng tiếng gào của bà bị nghẹn lại. Một trong hai người đã bịt miệng bà với bàn tay của hắn, chẳng khác nào với một tấm sắt. Một bàn tay khô đét, đầy lông lá. Tinka muốn cắn cho hắn một phát, nhưng không làm sao cử động được hàm răng. Bà chỉ ngửi thấy cái mùi của bàn tay sắt đang bịt miệng bà và làm bà khó thở. Bà cảm thấy người ta kéo bà qua hành lang, rồi qua cầu thang. Bà đoán thiên hạ đang đổ ra đường và đang nhìn bà. Tinka không còn hơi sức nữa. Bà không cử động. Bà để cho người ta dắt bà đi, nâng bổng lên như là bay vậy. Cánh tay bà bị đau, và cái bàn tay bịt miệng bà cũng làm bà đau. Một bàn tay có những ngón tay sắt. Một bàn tay cảnh sát.

XIX

Ngay hôm sau Eddy Thall được bà con hàng xóm cho biết là Tinka đã bị bắt.

— Họ đã bịt mồm bà. Họ đã đánh bà. Họ đã cưỡng bức lời bà xuống. - Chị gác cổng kìa - Cô phải đi thăm bà ấy đi!

Eddy Thall tới đồn cảnh sát. Nàng gửi một gói những thứ cần dùng cho Tinka và yêu cầu cho nàng được gặp bà ta.

— Không thể được! - Viên cảnh sát trưởng trả lời - Trường hợp Tinka Neva đã trở thành nghiêm trọng. Chúng tôi sẽ đưa bà ta ra tòa án binh. Trường hợp bà ta thuộc quyền xét xử quân sự. Việc vi phạm những điều luật về chủng tộc và tiếp tục phục vụ cho người Do Thái chỉ có một tầm quan trọng thứ yếu. Bà ta bị buộc tội đã lăng mạ nhân viên Nhà nước. Đã nghiêm trọng rồi. Nhưng tội chính của bà ta là tội khi quân kia! Bà ta sẽ bị phạt tù khổ sai.

Viên cảnh sát trưởng đọc tờ báo cáo của nhân viên hấn.

Sau khi bị tổng giam, bị cáo Tinka Neva có nói những câu lăng mạ đối với đức vua. Như câu: “Nên ông sai bọn cảnh sát đến khám xét những quần áo bẩn mà tôi giặt giữ lúc đó thì, hỡi vua của nước này, nghĩa là ông còn ngu hơn cả một con sen. Đó không phải là việc làm của một ông vua. Và tôi nhỏ toẹt vào mặt ông đó, ngài vua ạ! Bởi vì ông chỉ xứng đáng có thể. Tôi, tôi là một người đàn bà lương thiện.”

Viên cảnh sát trưởng gấp tập hồ sơ lại.

— Có thể còn có cái gì nghiêm trọng hơn vậy nữa không? Mọi nhân viên cảnh sát cũng như mọi nữ phạm nhân khác đều nghe rõ ràng bà ta gào lên cho đến khi bà ta bị bịt mồm bà ta lại. “Ngài vua ạ, ông còn ngu hơn một con sen nữa, và tôi nhỏ toẹt vào mặt ông bởi ông không xứng đáng một cái gì ngoài cái đó!” Nguyên văn. Bà ta sẽ phải ra tòa án binh. Cô không được phép gặp.

Eddy Thall trở về nhà. Nàng điện cho Pierre Pillat yêu cầu anh ta làm một cái gì đó giúp đỡ cho Tinka Neva.

— Tôi sẽ xin ngay tập hồ sơ để xem xét. - Pierre Pillat đáp - Đúng luật thì tội khi quân là phải tù khổ sai. Tôi sẽ cố thu xếp phần nào cho tình thế của bà. Nhưng trước mắt khó trả tự do ngay cho bà ta được. Gần như là không thể. Chiều thứ sáu, tôi sẽ gặp cô. Chúng ta sẽ cùng nhau đi thăm Tinka. Trong giờ phút này đây, với tư cách là thẩm phán quân sự, tôi làm việc ở văn phòng Quốc trưởng của Tư lệnh. Tôi bận lắm. Nhưng chiều thứ sáu, năm giờ, tôi sẽ có mặt ngay tại nhà cô.

Eddy vừa đủ sức để nói một câu:

— Cảm ơn, Ngài Pillat! - Nàng nhắc lại - Cảm ơn, Ngài Pillat.

— Còn chuyện cô dự định về Palestine thì sao? Cô có dứt khoát không?

— Chúng ta sẽ nói chuyện sau! - Eddy Thall đáp - Bây giờ thì tôi xin cảm ơn. Hẹn thứ sáu.

Và đặt máy xuống, để có thể khóc một mình.

Trong lúc đó, một nhân viên đùn vào dưới cánh cửa của nàng một mảnh giấy màu xanh. Đó là lệnh triệu tập nàng tới sở cảnh sát để khai báo về vụ vi phạm luật pháp cấm người Do Thái không được tuyển dụng người làm Công giáo.

Lần đầu tiên, Eddy Thall nghĩ rằng: quả thật cái cơ may duy nhất còn lại với nàng là di tản. Và chỉ có thể di tản sang Palestine.

Nàng điện cho Max Reingold.

— Cháu dứt khoát rồi! Cháu muốn di tản. Bất cứ đi đâu, nhưng càng sớm càng tốt!

Nàng có ý định kể cho Max Reingold biết là Tinka Neva đã bị bắt, nàng bị gọi lên sở cảnh sát. Nhưng Max Reingold đang quá bận rộn vì công việc.

— Ngay sáng nay, bác có một buổi hẹn gặp để tiến hành công việc di tản. Bác biết thế nào cháu cũng quyết định đi mà. Bác đã ghi tên cháu vào danh sách của bác từ đầu. Tất cả đã được chuẩn y. Bây giờ

không dứt khoát cũng không được! Đây là cơ may duy nhất. Không còn cơ may nào khác. Duy nhất chỉ có một!

Max Reingold đặt xuống trước mặt Aurel Popesco, giám đốc Nha mật thám Quốc gia Rumani, tập hồ sơ với danh sách những người Do Thái sẽ xuống tàu Adassa và tàu Euxin.

Aurel Popesco, người lãnh đạo tổ chức Thiên thần lửa là một trong những luật gia trẻ tuổi có năng lực nhất. Hắn nhìn bảng danh sách những người Do Thái phải di cư sang Palestine. Hắn đọc và hắn mỉm cười. Đoạn hắn gấp tập hồ sơ lại và nhìn Max Reingold.

Aurel Popesco trẻ và lịch sự.

— Chúng tôi không phải là những kẻ ăn thịt người Do Thái. Hắn nói - Chúng tôi để các người ra đi. Chúng tôi là một Chính phủ quốc gia xã hội. Chúng tôi có một chương trình chủng tộc chống Do Thái. Chúng tôi muốn đẩy các người đi mà không phải đổ máu, không phải dùng bạo lực. Vì vậy mà tôi đã cho trưng thu hai chiếc tàu Adassa và Euxin. Tất nhiên đó không phải là những chiếc tàu tốt nhất của hàng hải Rumani. Những chiếc tốt nhất, chúng tôi giữ cho chúng tôi. Tôi đã chuẩn bị sẵn cho các người hai chiếc tàu. Các người cứ việc mua rồi đi đâu thì đi, tùy ý.

Aurel Popesco từ chối điều thuốc của Max Reingold mời.

Hắn nói tiếp:

— Các người đi đâu đó là việc của các người. Nhưng hãy đi đi. Các người làm chúng tôi khó chịu. Chúng tôi là những kẻ thù của người Do Thái. Chúng tôi tuyên bố công khai. Và nếu các người không đi thì chúng tôi sẽ dùng những phương tiện khác để các người đi khỏi mặt chúng tôi. Người Rumani chúng tôi chán ngấy cái chế độ độc tài Do Thái lắm rồi. Mọi tờ báo, mọi nhà hát, cửa hàng, nơi chiếu phim, công nghiệp, thương nghiệp, tất cả mọi cái gì cũng trong tay người Do Thái. Trong tay các người cả. Bây giờ thế là hết! Chúng tôi đã nắm chính quyền. Chúng tôi tịch thu tất cả. Giờ đây, chúng tôi xin mời các người đi cho!

Max Reingold theo dõi những lời Popesco nói.

— Hai con tàu ấy, tàu Adassa và tàu Euxin giá cực kỳ đắt. Chúng tôi sẵn sàng trả tiền. Giá nó đắt một cách không bình thường. Nhưng chẳng còn cách nào khác. Chúng tôi chỉ muốn một điều: Ngài có thể bảo đảm cho chúng tôi được ra đi nếu như chúng tôi bỏ tiền ra mua không?

Max Reingold tránh cái nhìn mỉa mai của Aurel Popesco.

— Chúng tôi có được bảo đảm rằng một khi hai chiếc tàu đó đã được sửa chữa và trả tiền xong, Ngài sẽ không trưng thu chúng chứ?

— Tôi có thể lấy danh dự bảo đảm cho cuộc ra đi của các người. - Aurel Popesco nói - Tôi biết trong công việc kinh doanh lời nói danh dự không có một vai trò gì to lớn. Nhưng tôi không phải là người kinh doanh. Tôi là người chỉ huy Tổ chức Thiên thần lửa. Và danh dự đối với chúng tôi là tất cả. Chúng tôi giữ trọn lời danh dự. Tôi chỉ cần nói với các người như vậy.

Max Reingold đứng lên. Aurel Popesco giữ ông lại.

— Tôi có hai điều kiện: Thứ nhất, các người đi ngay nội tuần này. Thứ hai, trước lúc ra đi, bất cứ người Do Thái nào xuống tàu Adassa hoặc Euxin phải ký một bản tuyên bố từ bỏ vĩnh viễn quốc tịch Rumani.

— Đồng ý! - Max Reingold nói.

— Như vậy để các người khỏi tìm cách trở lại. Lợi ích đất nước đòi hỏi phải làm như vậy và lợi ích đất nước đối với chúng tôi là điều thiết tha nhất trên đời. Bọn chúng tôi, những Thiên thần lửa, chúng tôi sẵn sàng và bao lần đã chứng minh, hy sinh mạng sống của mình cho Tổ quốc. Vậy trong tình thế hiện tại, không có lý do gì để không hy sinh một triệu sinh mạng Do Thái cho Tổ quốc, nhất là khi ngoài sự hy sinh đó, không thể có một giải pháp nào khác nữa. Vấn đề Do Thái phải giải quyết. Nước Đức và các nước Đồng Minh lớn phương Tây của chúng tôi đã giải quyết xong. Bây giờ đến lượt chúng tôi. Tôi chúc các

người lên đường mạnh khỏe. Và trong vòng tám ngày nữa, các người sẽ phải vĩnh viễn rời đất nước Rumani! *Recht oder unrecht es ist mein Vaterland* - Đúng hay không, đây là Tổ quốc tôi! Từ biệt.

Eddy Thall mơ màng suy nghĩ. Còn một đêm nữa là nàng có thể cùng với Pierre Pillat đi thăm Tinka Neva trong nhà tù. Hôm ấy là tối thứ năm. Sau đó còn những bốn ngày nữa mới xuống tàu. Mọi thủ tục đã xong xuôi.

Trong căn nhà, các vali đã sẵn sàng. Nàng chỉ được phép mang theo một trăm kilô hành lý. Phải cho xuống tàu Adassa và Euxin một ngàn năm trăm người Do Thái. Muốn đi được người, tất nhiên phải hy sinh hành lý thôi. Max Reingold hiện còn đang ở Constantza trông coi công việc.

“Minh rất sung sướng được cứu Tinka Neva ra khỏi tù trước khi lên đường. Sau đó thì Pillat giúp đỡ cho bà. Minh để lại cho anh ấy tất cả những đồ đạc tiện nghi, tất cả những cái mình không thể mang theo.”

Vừa có tiếng chuông gọi, người ta đã nghe thấy tiếng của Esther Reingold, con gái của Max, ngoài cửa.

— Ba em vừa ở Constantza về. - Cô ta nói và ngồi buông mình xuống chiếc ghế bành - Em có những tin tức mới. Em sung sướng quá. Chúng ta sẽ đi ngay ngày mai, lúc năm giờ. - Cô ta nói - Ba em sai em báo cho chị. Chúng ta sẽ đi trước ngày dự kiến. Sớm được ba ngày. Kinh khủng thật. Ba nói đây là một điều may. Phía chân trời đang có dấu mây đen. Không phải chỉ ngoài khơi mà cả ở đất liền. Trong lĩnh vực chính trị, người ta dự kiến bão tố sắp sửa xảy ra. May quá. Chúng ta sắp đi!

Esther Reingold năm nay mười tám tuổi. Cô cũng muốn trở thành nghệ sĩ như Eddy Thall. Cô ôm hôn Eddy Thall.

— Em về đây, chị! Tối nay, em đi sẽ đi thăm hỏi và chào từ biệt. Em báo tin cho bạn bè em biết em sẽ đi. Chị tha lỗi cho. Em phải tạm biệt chị. Từ hôm nay trở về sau, chị em mình sẽ luôn luôn ở bên nhau, trên biển cũng như tại Palestine. Em đi thăm những bạn bè ở lại. Tất cả họ đều ghen tỵ với em đó chị ạ!

Esther cáo lui. Khi nào cũng chỉ chạy. Như lúc cô tới. Sung sướng mà!

XXII

Con tàu đi Constantza đã sẵn sàng chuyển bánh. Bên cửa sổ một buồng hạng nhì, Eddy Thall ngồi cùng Rebecca và Esther Reingold. Trời chưa sáng. Lúc này vào cuối tháng giêng. Max Reingold đang ở sân ga. Ông nhìn đồng hồ: năm giờ kém năm phút.

— Tôi Constantza nhớ đi năm ngày. Tôi đã giữ trước mấy buồng ở khách sạn đối diện với tượng đài Ovide. Những căn buồng yên tĩnh dễ chịu. Hãy nghỉ ngơi. Chuyển đi không dễ dàng đâu. Israel xa lắm.

Max Reingold nhìn lên đồng hồ nhà ga rồi lại nhìn đồng hồ của mình.

— Tôi sẽ đi chuyển tàu chín giờ. Tôi Constantza lúc nửa đêm. - Max Reingold có vẻ xúc động. - Tôi cần phải giải quyết mọi công việc cần thiết của hôm nay.

— Max ạ! - Eddy Thall nói - Pillat năm giờ sẽ tới.

— Tôi biết. Đúng năm giờ, tôi gặp ông thẩm phán Pillat. Chúng tôi sẽ đi thăm Tinka Neva. Sẽ cho bà ta những thứ cháu dặn và phó thác bà ta cho Pillat. Ta sẽ chuyển lời của cháu xin lỗi ông ta vì đi không kịp chào từ biệt. Ta còn quên gì nữa không nhỉ?

— Không! - Eddy Thall nói - Bác không quên gì cả, Max ạ! Bác hôn Tinka hộ cháu.

Người ta loan báo tàu sắp chuyển bánh.

— Chịu khó nghỉ ngơi cả ngày nhé! - Max Reingold nói - Chuyển đi vất vả đó. Israel xa lắm.

Tàu bắt đầu lăn bánh. Qua cửa sổ toa tàu, Eddy Thall, Rebecca và Esther vẫy vẫy mùi xoa. Trên sân ga, Reingold đưa mắt trông theo. Ai nấy nước mắt đầm đìa. Và những bánh xe của con tàu như lặp đi lặp lại câu nói cuối cùng của Max Reingold: “Israel xa lắm! Xa lắm!”

Họ chỉ ngừng vẫy tay từ biệt khi không còn nhìn thấy nhau nữa và khi bánh xe con tàu đã chạy theo một nhịp độ càng ngày càng nhanh, càng mạnh. “Israelxa lắm! Israelxa lắm... xa lắm... xa... xa...!”

Pierre Pillat nhìn đồng hồ tay của mình. Năm giờ. Anh nghĩ rằng Eddy Thall đang đợi anh để cùng nhau tới nhà giam. Anh nhìn tướng Roshu, Quốc trưởng Quốc gia Rumani. Vị tướng ngồi ở bàn giấy đang đọc bản báo cáo. Ông ngược mắt lên về phía Pierre Pillat và thấy anh đang đứng trước bàn giấy của ông.

— Cậu muốn xin phép ta đi à? - Vị tướng hỏi - Cậu không đi được. Cậu công tác ở văn phòng ta với tư cách thẩm phán quân sự. Cậu phải ở gần ta. Bao lâu cậu còn đây, cậu không có công việc nào khác. Tổ quốc trên hết!

Giọng nói của ông rần rỏi.

— Hẹn gặp với ai? - Ông hỏi - Cậu có cuộc hẹn hò với một người đàn bà ư? Vào hồi mấy giờ?

Pierre Pillat đỏ mặt. Anh nghĩ tới Eddy Thall.

— Đúng, với một người đàn bà. Nhưng có những vấn đề quan trọng. Chúng tôi phải đi...

— Cậu không thể - Vị tướng bảo - Chỉ có Tổ quốc mới quan trọng. Gọi Aurel Popesco cho ta!

Một thanh niên da nâu, mặc đồng phục Thiên thần lửa bước vào buồng giấy của vị tướng. Y nhìn Pierre Pillat mà y không quen. Y chào vị tướng rồi đứng nghiêm chờ.

Tổ chức Thiên thần lửa chính là phong trào quốc gia đã nắm chính quyền. Trừ tướng Roshu - Quốc trưởng - và một vài tướng khác, còn thì các Bộ trưởng đều là thành viên của Thiên thần lửa.

Tướng Roshu đứng lên, tay dứt túi, bước về phía Aurel Popesco.

— Anh có Mười điều răn của Chúa không, Popesco? - Vị tướng hỏi.

Ông Giám đốc sở Mật thám do dự.

— Không được giết người! - Vị tướng nói - Anh nhắc lại tôi nghe nào? Đó là lời răn của Chúa. Anh quên hết rồi, cả Mười điều răn. Trả lời đi. Anh quên cả rồi, phải không?

Tướng Roshu cầm lấy chiếc roi ngựa trên bàn và bắt đầu quất quất lên đôi ủng.

— Anh là chỉ huy. Hãy ra lệnh cho các Thiên thần lửa của anh không được chém giết. Nói với họ: đó là điều lệnh của ta, tướng Roshu, và là điều răn của Chúa: 'Không được chém giết.' Nếu các anh không thi hành, Chúa sẽ trừng phạt. Nhưng trong lúc chờ đợi Chúa đổ sấm sét xuống đầu các anh, thì chính ta sẽ trừng trị các anh: dết vào móng dít ấy! Tất cả! Bắt đầu từ các Bộ trưởng, cho tới thẳng lính cuối cùng. Ta sẽ đánh tóa máu các người ra mới thôi.

Chiếc roi ngựa của vị tướng đập mạnh lên bàn.

— Điện cho các Thiên thần lửa không được chém giết!

Giấy má roi bay tứ tung dưới làn roi ngựa. Viên chỉ huy các Thiên thần lửa cúi xuống nhặt lên. Vị tướng ngăn ông ta lại.

— Nhặt giấy là phạm sự của bọn đầy tớ chứ không phải của ông, ông Giám đốc sở Mật thám!

— Thưa tướng quân, - Popesco nói - từ bốn tháng lên cầm quyền cai trị đất nước đến nay, chúng tôi yêu cầu Ngài thi hành Công lý. Ngài từ chối. Chúng tôi phải chuyển sang thực hành. Bắt đầu từ hôm nay, chúng tôi thôi cộng tác với Ngài. Các Thiên thần lửa chuyển sang hành động.

— Vậy là các anh chuyển sang tội ác? - Vị tướng hét lớn.

Mặt ông đỏ bừng lên, đỏ như tóc ông vậy. Ông lặp lại câu hỏi:

— Vậy là các anh chuyển sang tội ác?

Vị tướng đi đến bên bàn. Những chiếc đinh thúc ngựa bằng bạc của ông kêu lên leng keng. Những dây áo trên bộ quân phục của ông cũng vậy.

— Nhân dân giao quyền lãnh đạo cho chúng ta là để chúng ta giải quyết những vấn đề Do Thái. - Aurel Popesco nói - Dân chúng đòi hỏi những việc làm cụ thể. Và chúng ta đã không làm gì tất.

— Vấn đề Do Thái sẽ được giải quyết. - Vị tướng nói - Nhưng nó sẽ được giải quyết bằng con đường pháp lý chứ không phải bằng con đường giết người. Không phải bằng tội ác! Nó sẽ không được giải quyết

bằng vợ vét và hành động thổ phi. Người Rumani chúng ta, chúng ta là những người theo đạo Chúa Kitô. Mà người theo đạo Chúa Kitô thì không giết người. Anh đã nghe chưa, Popesco? Người đạo Chúa Kitô không giết người.

Chiếc roi ngựa lại đập mạnh lên bàn.

— Người có đạo Kitô không giết hại đồng loại của mình dù họ là người ngoại đạo. Ta là Quốc trưởng quốc gia này và ta cấm không được ai đụng đến một mạng người. Ta biết các người đang sửa soạn một cuộc cách mạng để hủy diệt hết mọi người Do Thái đêm nay. Ta biết và ta đã ra lệnh cho quân đội ngăn chặn tội ác của các người. Giờ đây, ta kêu gọi các người hãy bình tâm, quân thù bên kia biên giới đang nhìn chúng ta. Và Chúa Trời cũng nhìn chúng ta. Anh có nghe ta không đó, Popesco? Hãy gửi ngay một bức điện cho các Thiên thần lửa phải tôn trọng lời răn của Chúa. Trước mắt chỉ có thể. Anh có thể trở về.

Popesco đứng yên không nhúc nhích. Vị tướng ngoảnh sang phía Pillat.

— Pillat! Cậu hãy ở lại đây, bên cạnh ta, cho tới lúc bọn lưu manh dịu bớt cơn điên loạn. Phải ngăn chặn tội ác. Ta muốn có một vị quan tòa bên cạnh ta. Cậu hãy bảo người ta mang đến cho cậu một chiếc giường. Cậu sẽ ăn tối luôn tại đây, trong buồng làm việc này. Cậu cũng sẽ ngủ ngay tại đây.

— Thưa Tướng quân, - Popesco nói - tôi muốn được trình bày rõ tình hình.

— Hãy đánh điện cấm không cho chém giết đi đã! Chúng ta nói chuyện sau.

— Thưa Tướng quân, nếu tôi đi bây giờ là không bao giờ tôi trở lại nữa. Bộ tham mưu Thiên thần lửa phái tôi đến đây thay mặt họ thông báo một số vấn đề. Để mọi sự thông suốt giữa chúng ta!

— Nói đi! - Vị tướng ra lệnh.

Ông đi tới cạnh cửa sổ. Quay lưng lại với Popesco. Quay lưng lại với Pillat. Và tiếp tục quất chiếc roi ngựa vào ủng.

— Không thể nào giải quyết vấn đề Do Thái một cách hợp pháp được. - Popesco nói - Người Do Thái giống như là nước. Đuổi họ chỗ này, họ lại tìm một lỗ hổng dọc ngang nào đó mà trở lại. Y hệt như nước. Chúng ta đã đuổi họ khỏi lĩnh vực báo chí, thương nghiệp, nhà hát. Họ vẫn cứ mua được cổ phần nhờ cái tên mượn Công giáo. Chẳng có gì thay đổi cả. Chỉ riêng chuyện hồi lộ thì gia tăng. Chúng ta cấm họ đi lại. Họ mua vé với giá tiền gấp đôi và tiếp tục đi lại bình thường. Cấm hoạt động sân khấu ư? Họ mua cổ phần. Cấm viết lách ư? Họ vẫn viết và ký những cái tên Công giáo. Không có gì thay đổi cả! Không có một giải pháp hợp lệ nào cho vấn đề Do Thái, cũng như gỗ và rơm không chống lại được với lửa bao giờ.

— Vì sao các người không để cho họ ra đi? - Vị tướng vẫn không quay người lại hỏi.

— Tôi vừa cho họ hai chiếc tàu Adassa và Euxin. Nhưng họ chỉ ra đi có một nghìn năm trăm người. Chúng ta sẽ làm gì những số còn lại? Gần một triệu!

— Số còn lại, gần một triệu, hãy để cho họ sống! - Vị tướng đáp - Nếu người Do Thái không tuân thủ pháp luật chúng ta, thì các người hãy bỏ tù hết đi. Nhưng bỏ tù đúng pháp luật, có xử án hẳn hoi. Không dùng bạo lực! Sự việc là như thế... Ta không dung thứ sự lạm dụng, tội ác và cướp bóc!

— Các Thiên thần lửa chấm dứt sự hợp tác với Ngài.

— Ta sẽ đưa các người ra trước tòa án về tội giết người, dù chỉ có một người bị giết đi! Dù người bị giết là Do Thái, Thổ hay Trung Quốc!

— Cho phép tôi lui! - Aurel Popesco nói.

Và hần rời buồng giấy sau khi đứng nghiêm chào.

Vị tướng nhìn qua khung cửa sổ. Ông ta suy nghĩ. Bỗng ông ta quay sang phía Pillat.

— Cậu có cuộc hẹn hò với ai? Hạng đàn bà nào đang chờ đợi cậu?

— Một người quen. Một nghệ sĩ. Chúng tôi phải can thiệp với cảnh sát giúp đỡ người đầy tớ cũ của nàng.

Trước mặt tướng Roshu, không ai có thể nói dối được. Pillat đã nói sự thật.

— Người Do Thái à? - Vị tướng hỏi, trầm lặng.

— Vâng, Do Thái! - Pillat đáp.

Anh ta mặt mũi tái xanh.

— Bảo cô ta trốn đi! - Roshu nói - Đêm nay bọn khủng áy định giết sạch người Do Thái đó! Nói với người đàn bà Do Thái đang đợi cậu rằng cậu không đến chỗ hẹn đâu, nhưng cô ta phải trốn ngay đi, vì đêm

nay sẽ xảy ra một cuộc tàn sát đẫm máu. Mỗi lần cậu có thể cứu được một mạng người thì hãy nên cứu lấy Pillat ạ. Và chỉ có như vậy cậu mới có thể đứng trước mặt Chúa trong Ngày Phán xét cuối cùng và nói: “Tôi là một người đàn ông, lạy Chúa, một người đàn ông chân chính!”. Bằng không cậu chẳng có cơ sở nào để nói lên như vậy được! Hãy sai tên lái xe bảo cô ta trốn đi!

Pillat không biết nên tin cái gì. Nhưng anh cứ làm theo mệnh lệnh. Một giờ sau, người lái xe trở về báo tin Eddy Thall đã rời bỏ thủ đô đi Palestine bằng chuyến tàu năm giờ sáng rồi. Nàng không ủy thác một việc gì cho ai cả.

Có tiếng súng ngoài đường. Những chiếc xe tăng chạy qua.

— Chúng ta cần ngăn chặn cuộc đổ máu. - Roshu nói.

Max Reingold đã hoàn tất toàn bộ chương trình của ông. Ông đã đóng hết cửa ngõ ngôi nhà Eddy Thall và giao chìa khóa lại. Ông tiếc rằng Pillat không đến lúc năm giờ để cùng nhau đi thăm Tinka Neva. Nhưng ông đã làm tròn nhiệm vụ của mình. Bây giờ ông đang ở ngoài đường phố. Tám giờ đêm. Ông định ra ga. Chuyển tàu đi Constantza chạy vào lúc chín giờ. Ông tìm một chiếc taxi.

— Đang có biến động đấy! - Một viên cảnh sát nói cho ông biết - Taxi không chạy. Tàu điện cũng không. Chúng ta đang trong lúc báo động.

Max Reingold đi bộ ra ga. Ông hài lòng vì chẳng vướng víu một hành lý nào. Ông đã gửi tất cả các vali đồ đạc của ông đến Constantza sáng nay rồi, theo chuyến tàu mà Eddy Thall, Rebecca và Esther đi. Ông chỉ còn mỗi cái cặp. Và giờ đây, ông đang trên đường đi tới nhà ga. Trời tối mờ mờ.

“Trong mười lăm phút nữa mình sẽ tới nhà ga phía Bắc.” Ông ta tự nói với mình và bước đi khoan thai, không vội vàng.

Ông biết là bọn Thiên thần lửa muốn phát động cuộc cách mạng. Cả thành phố biết. Nhưng khắp nơi đâu đâu cũng có quân đội, lính hiến binh và cảnh sát. Tướng Roshu với tư cách quân nhân là người biết làm cho trật tự an ninh được tôn trọng. Quân đội trung thành với ông. Max Reingold cứ dần bước đi một cách an toàn. Nhưng ông hài lòng được đi ngay tối đó.

“Có thể ngày mai thì đã quá muộn. Đêm nay vị tướng còn làm chủ tình thế, điều đó hiển nhiên. Nhưng ngày mai, ai mà biết được? Ngày mai, bọn nổi loạn có thể thắng thế. Có điều là ngày mai mình đã lênh đênh giữa biển khơi rồi.” Max Reingold mỉm cười.

— Do Thái hả? - Một thanh niên hỏi.

Max Reingold nhìn người thanh niên vừa hỏi ông. Cùng lúc đó một người khác rọi đèn vào mặt ông, làm nổi bật cái mũi khoằm Do Thái, mái tóc hung và những vết đỏ trên mặt ông ta.

Max Reingold toan rút cái vé xe lửa của mình ra. Ông muốn nói với họ là ông lên ga, ngày mai ông đã xuống tàu ra biển, ông muốn cho họ xem chiếc vé tàu thủy của mình, giấy phép được rời bỏ đất nước. Tất cả đều có sẵn trong túi áo của ông. Nhưng ông chẳng có thời gian để nói, dù chỉ một câu.

— Nào, hấp! Bắt lão đi thôi! - Tên trẻ tuổi cảm được nói - Lão là một tên Do Thái.

Max Reingold bị những gã thanh niên vũ trang bao vây bốn phía. Bên lề đường có một chiếc xe tải đậu sẵn. Max Reingold thấy mình bị những chiếc bóng súng thúc lên xe.

Ông ta bước lên. Không có thời gian để chống lại hoặc để phát biểu ý kiến. Chiếc xe đầy ắp người. Lên xe rồi, Max cảm thấy người mình rã rời bại hoại.

“Không có một tình thế nào là không có lối thoát cả.” Ông tự nhủ. “Nếu người ta biết giữ bình tĩnh. Ta sẽ ra khỏi đây và lên kịp chuyến tàu chín giờ nếu ta giữ được nghị lực và bình tĩnh. Nếu như ta nhanh trí thì đáng ra ta đã phải nói với họ rằng: ta không phải là Do Thái. Bây giờ thì ta phải tự liệu lấy mà thoát thôi. Nhưng muốn thoát được, phải bình tĩnh.”

Max Reingold tập trung toàn nghị lực nhằm làm chủ tình thế. Ông bắt đầu hít thở thật sâu. Ông dang cánh tay ra hòng hít thở được càng sâu càng tốt. Ông nghe có những tiếng súng bắn gần chiếc xe. Có ai đó kêu to: Quân giết người! Quân giết người! trước khi ngã xuống. Người ta nghe có tiếng một xác người lăn xuống bánh xe. Max Reingold nghĩ tới chuyện khác.

Ông phải trừu tượng hóa mọi việc đang xảy ra xung quanh và không thèm nghe những tiếng rên rỉ, than van vì tất cả những cái đó làm cho người ta mất tinh thần.

“Cần phải nhìn tình thế một cách khách quan như thể mình không phải người trong cuộc. Đó là điều cơ bản.” Max Reingold nghĩ rằng điều cần thiết nhất để thoát khỏi bước khó khăn này là phải có một chương trình, một kế hoạch. Một kế hoạch có nghiên cứu tỉ mỉ, kỹ càng. Ông nhìn xung quanh ông rồi bằng một cách không để ai chú ý, ông rẽ một lối đi để xích dần tới cửa ra vào của xe. Nhưng lại có nhiều

người bị ném thêm vào xe nữa. Ông đành lùi lại chút ít, rồi một lần nữa ông lại tìm lối xê dịch dần ra. Mọi người xung quanh đều khùng khiếp hoang mang. Riêng Max Reingold vẫn cứ lần dần một cách chậm chạp, từng li một ra phía cửa, qua đám người chật như nêm. Cùng lúc đó, chiếc xe bắt đầu chạy hết tốc lực.

Max Reingold lợi dụng lúc đó mon men ra gần được tới cửa. Ở bậc lên xuống có hai tên gác trẻ ôm tiểu liên đứng. Nhưng Max biết rằng một khi đã đứng kề bên cửa lên xuống thì cơ may có thể mỉm cười với ông bất cứ lúc nào. Đó là giai đoạn đầu của kế hoạch.

Khu phố mà lúc này họ đi qua đã lọt vào tay bọn nổi loạn. Súng bắn, nhà cửa cháy. Khi chiếc xe tải đi chậm dần qua các ngã tư thì nghe tiếng người rên khóc. Súng đại liên nổ ầm ầm xé óc đỉnh tai.

"Ta đã từng đánh nhau trong các chiến hào năm 1916." Max Reingold tự nhủ. "Tiếng súng không làm ta sợ." Ông lại lợi dụng những đoạn đường xóc để nhích ra gần cửa hơn.

Không còn thấy những đám cháy nữa, không còn nghe tiếng súng nữa. Chiếc xe đã đi xa thành phố. Max Reingold muốn xác định phương hướng. Chẳng có gì là khó khăn. "Chúng ta đang trên đường đi tới trại giam quân đội Jilava." Ông tự nhủ. "Nhưng trước khi tới trại giam phải băng qua một khu rừng dài khoảng năm trăm mét. Đến đó, ta phải trốn mới được. Phải nhảy xuống xe rồi lên tàu ở ga Jilava và sẽ tới Constantza... kíp chán."

Ông đã mon men gần đến cánh cửa. Xe đã vào rừng. Bỗng nhiên ánh sáng xuất hiện ven đường. Có ai đó hét to:

— Đứng lại!

Chiếc xe đột ngột dừng bánh và bị bao vây trong một hàng rào những thanh niên trẻ, mặc đồng phục, tay xách những chiếc đèn đuốc: Những Thiên thần lửa!

— Xuống xe! - Có tiếng ra lệnh. Rồi những tiếng khác - Xuống đất! Xuống đất!

Max Reingold xuống trước tiên. Trời tối đen. Ông tránh những ngọn đuốc làm cho ông lóa mắt. Ông nhìn bức tường nhà giam sừng sững trước mặt. Đằng sau chiếc xe là rừng. Một khu rừng dày. Max quen thuộc khu rừng này. Trời mưa lâm râm. Đất dưới chân nhão dính, cỏ ẩm ướt. Max Reingold nhìn cây cối, nhìn bọn thanh niên cầm đuốc và những người Do Thái đang gù lưng bước xuống xe.

Max Reingold cố nhìn mọi sự một cách khách quan như xem phim vậy. "Phải biết lợi dụng thời cơ thuận tiện nhất, như ở thị trường chứng khoán. Đúng, như ở thị trường chứng khoán vậy, Max ạ! Nhớ phải bình tĩnh và kiên trì!" Ông tự động viên mình can đảm hơn lên.

Bên phải, bên trái, còn có nhiều người xuống xe. Toàn đàn ông. Max Reingold vượt vượt lại chiếc mũ của mình bị bẹp dẹt khi còn đứng trên xe. Ông sửa sang lại chiếc cà vạt và cài khuy áo khoác, chú ý không để đôi giày bị dây bẩn giữa đám cỏ ướt và cao. Nhất thiết phải giữ cho khỏi bẩn đôi giày. Ông phải luôn luôn áo quần tề chỉnh và đúng phép. Đây là một điểm quan trọng trong việc thực hiện kế hoạch trốn của ông. Tất cả những người Do Thái xuống xe đều cúi đầu, cúi đầu vì sợ sệt. Max Reingold ngẩng cao đầu. Bây giờ thì ông đứng thẳng người. Ông rút tay vào túi áo. Ông không muốn mình như người khác. Ông không muốn cái sợ làm cho ông phải cúi đầu. "Lát nữa thôi, Max Reingold ơi! Giờ của mi sẽ đến. Hãy ngẩng mặt!" Ông tự nói với mình.

Xung quanh ông là bóng tối và mưa. Điểm duy nhất cho người ta phân biệt được người trong đêm tối, các tù nhân và bọn Thiên thần lửa, là tù nhân thì cúi đầu mà bọn Thiên thần lửa thì đứng thẳng, rất thẳng.

Max Reingold uốn mình ra, làm dáng điệu con người thượng võ. Ông bước tới một bước ra ngoài hàng.

Trước hết là phải đi thẳng người. Rồi sau đó phải can đảm bước những bước cần thiết giữa đám người ô hợp này để chuyển từ nhóm người còng lưng sang nhóm người thẳng lưng.

Max Reingold bước một bước. Ông tách ra khỏi đám người còng lưng. Nhưng cũng ngay lúc ấy, ông bị một báng súng giáng mạnh vào giữa ngực. Ông lùi lại và thân hình ông lại gầy gáp làm đôi. Một lần nữa, ông lại đi trong nhóm những người lưng còng đầu cúi. Và Max Reingold còn còng hơn tất cả mọi người khác. Một nỗi đau xé ngực, ông vẫn cố thẳng người.

"Nếu ta cố đứng thẳng lên được thì ta sẽ thoát." Ông đã làm được. Ông đã trở lại con người đi thẳng lưng. Nhưng cái đau trong ngực cứ nhói lên như cào như xé. Max Reingold áp sát mình vào tường. Ông muốn đứng vài phút như vậy để lấy lại hơi sức. Bức tường lạnh khiến ông thấy dễ chịu.

Ông lại áp sát người vào tường hơn nữa.

— Nhanh nhanh lên! - Có ai đó thét.

Đó là một cái giọng chỉ huy, nghe là biết ngay. Nó từ xa truyền lại, nhưng là một cái giọng khỏe và mạnh, trực tiếp.

Viên chỉ huy đi tới gần. Hắn đi giữa một đám thanh niên cầm đuốc vây quanh hắn.

“Ta phải nhảy sang hàng ngũ bọn chúng nó mới được.” Max Reingold tự bảo. “Ta phải nhảy sang cái nhóm của viên chỉ huy. Sau đó ta sẽ được cứu thoát. Ta biến vào rừng. Một khi ta nhập được vào nhóm viên chỉ huy rồi, mọi việc sẽ dễ dàng. Nhưng muốn vậy, ta phải thẳng lưng. Như chúng nó. Sau lưng chúng nó là rừng. Xuyên rừng ta ra đến đường cái. Đi bộ năm phút là đến ga Jilava. Ta lên xe lửa. Xe lửa Constantza chưa tới. Đến Constantza ta xuống tàu biển. Đi Israel.”

— Nhanh lên! - Tên chỉ huy thét.

Trong hàng ngũ bọn thẳng lưng, người ta nghe tiếng nấp đạn. Sau đó, chỉ trong nháy mắt là tiếng vó đạn và tiếng bao đạn đóng vào, rồi tiếng thử cò súng. Max biết tận tường những thứ tiếng đó, ông đã trải qua cuộc chiến tranh ở chiến hào mà!

Ông đứng thẳng người. Ông nhích lên một bước, một bước nhỏ thôi. Chỉ cách hai mét là tới hàng ngũ những kẻ thẳng lưng.

Không có ánh sáng. Trời tối đen. Vấn đề đơn giản, không nên lãng phí một phút giây nào. Ông nhích thêm một bước nữa, nhưng ngay lúc đó, theo lệnh chỉ huy, bọn thanh niên đi cách xa thêm một đoạn vài mét. Giữa những người vũ trang và những người còng lưng đứng tựa vào tường, có một khoảng cách độ mười mét. Và trong khu vực mười mét đó, không có bóng dáng một ai. Vậy là hai bên cách nhau quá xa. Max biết giờ đây thì không còn cách nào chạy sang nhóm bên kia được nữa rồi. Thời cơ đã đi qua. Phải thay đổi kế hoạch. Ông kín đáo ngả lưng nằm xuống giữa đất ẩm. Ông biết bọn trẻ sắp sửa bắn. Ông phải đào cho mình một cái hầm trú ẩn, như ông đã phải đào bao nhiêu lần trong cuộc chiến tranh năm 1914. Một cái hầm cá nhân. Nhanh. Max bắt đầu moi đất, khăn trương với đôi bàn tay đeo tất của mình. Ông cào xới vào đất ẩm ướt.

“Bình tĩnh và quyết tâm!” Ông tự nhủ. “Với sự bình tĩnh, người ta có thể ra khỏi bất cứ ngõ cụt nào.”

Và ông vẫn tiếp tục đào xới bằng những ngón tay của ông.

Trong lúc đó, những phát súng bắt đầu nổ, đều đều, hết phát nọ tới phát kia. Max đào đất khăn trương. Tất cả tùy thuộc mức độ khăn trương của việc đào hầm trú ẩn. Ông biết vậy. Tất cả phụ thuộc điều đó. Ông đào cả hai tay. Đất mềm dễ đào. Bây giờ đây, Max đã cho được đầu mình xuống hố. Và ông vẫn đang đào, càng ngày càng nhanh. Với sự thất vọng trong lòng.

Những làn đạn bay vèo vèo về phía tường rồi bật tung trở lại.

“Mì đang làm chủ tình thế!” Ông tự nhủ. “Nửa đêm mì phải có mặt ở Constantza. Vợ và con gái đang chờ. Sau đó, ngày mai, xuống tàu, dong thẳng sang Israel.”

Ngón tay ông tuyệt vọng, thọc sâu xuống dưới đất bới lên.

Bọn trẻ vẫn bắn. Người ta nghe những tiếng kêu, những tiếng rên. Những tiếng khóc, những tiếng gào. Max Reingold không chịu để hòa mình theo những sự việc đang diễn ra xung quanh, ông chỉ duy nhất làm theo kế hoạch của mình, thực hiện kế hoạch của mình và làm chủ tình thế.

Cái đầu của Max đã được an toàn. Ông bèn nghĩ tới nhà ga, tới Constantza, đến chuyến đi Israel. Ông chỉ nghĩ tới những chuyện gì có tác dụng củng cố tinh thần của ông và giúp ông đứng bên trên tình thế. Ngoài sự sợ sệt, sự bắn giết và sự kêu la.

Ông nghĩ tới những điều có tác dụng khích lệ: đến nhà hát Eddy Thall, đến Tel Aviv, đến Mảnh đất hứa hẹn... Vì vậy mà Max Reingold vẫn cứ tiếp tục đào một cách khăn trương, hết sức, tuyệt vọng. Ông chỉ làm một việc đó. Ông tìm hết cách để không đầu hàng. Và dù cả khi cái đầu của ông đã bị đạn xuyên qua, rũ xuống trên bàn tay đi tất đang thọc sâu vào lớp đất ẩm ướt và nhào dính, thì trong cái đầu óc ấy vẫn chẳng hề có bóng dáng của sự sợ sệt hay hoang mang nào, mà chỉ có một quyết tâm không chịu đầu hàng. Tất cả cái đầu của Max Reingold giờ đây chỉ vền vền có thể: mong muốn đêm nay tới Constantza, nơi mà vợ con đang đợi chờ ông. Rebecca, bà vợ mập mạp và tốt bụng của ông; Esther, cô con gái đẹp và lãng mạn của ông; Eddy Thall, người nghệ sĩ lớn của ông... hai chiếc tàu Adassa và Euxin, biển Đen và

Palestine, mảnh đất quê hương hứa hẹn!

Max Reingold đã chết như vậy đó. Không nghĩ tới cái chết. Không chấp nhận cái chết. Bàn tay, cái đầu, cái ngực trên lớp đất ẩm ướt mà lòng vẫn hướng về Mảnh đất Quê hương mà Chúa đã hứa hẹn cho Dân Người.

Bọn trẻ còn bắn thêm một lúc nữa mới thôi.

— Ném xác chết vào xe. - Tên chỉ huy hét.

Max Reingold không còn nghe giọng nói của viên chỉ huy nữa, cái giọng nói khàn khàn của viên chỉ huy. Trời đang mưa, và mưa làm cho cái giọng nói bị khàn. Thời tiết xấu.

Bọn trẻ khoác súng lên vai. Nòng súng vẫn còn nóng hổi.

Chúng cứ hai người một khênh những xác chết đầm máu nằm cạnh chiếc xe tải ném lên thùng xe như những khúc gỗ khô. Đèn pha của xe vẫn bật sáng và máy vẫn nổ.

— Lăn bánh đi! - Viên chỉ huy hét với cái giọng khàn khàn.

Men theo bờ đường, đèn bật sáng, những chiếc xe tải đều đến cả. Người ta làm việc trong bóng tối.

Một toán thanh niên tay cầm đèn đuốc kiểm tra lại xem còn sót xác nào không.

— Mang đi đâu? - Anh lái của chiếc xe đi đầu chất đầy xác chết, chiếc xe trên đó có thi hài Max Reingold, hỏi.

— Tôi lò mổ! - Viên chỉ huy đáp - Các người cứ đổ xuống lò mổ.

Những chiếc xe chở đầy xác chết chuyển bánh chạy ven theo bức tường, chậm chậm tới lò mổ của xã. Khoảng đất rất trơn.

Bánh chiếc xe tải có thể trượt. Tài xế chú ý lái cẩn thận.

Từ thành phố, có nhiều xe tải đi về phía Jilava, xe chở người sống gặp xe chở người chết. Suốt đêm như vậy. Những chiếc xe chở đầy người sống đến khu rừng. Rồi những chiếc xe chở đầy người chết trở lại lò mổ.

Người ta đổ xác chết xuống những cái sân xi măng, chồng chất lên nhau, cho tới khi cái sân đầy ắp những thi hài. Khoảng ba giờ sáng, một viên chỉ huy tới kiểm tra. Hắn nhìn những xác chết của người Do Thái chất đầy sân lò mổ. Hắn cười.

— Ai ra lệnh chở về đây? - Hắn hỏi.

— Lệnh cấp trên! - Những thanh niên canh gác đáp.

— Vì sao đổ ở đây? Sao không cho thẳng tới nhà xác hoặc nghĩa địa, có phải là bình thường hơn không? - Tên chỉ huy tự hỏi. Không ai biết lệnh từ đâu tới.

— Đã trót mang tới đây thì hãy lột hết áo quần trên xác chết đã. - Viên chỉ huy bảo.

Người ta tổ chức nhiều kíp làm. Xác chết bị lột hết áo quần và đặt trần truồng dưới đất. Cảnh tượng thật rùng rợn, nhưng chẳng ai cần để ý. Bọn trẻ chỉ lo mãi mê lột quần áo xác chết.

— Có phải treo lên móc không nhỉ? - Có tiếng của ai đó hỏi.

Người ta nhắc các xác chết lên và treo vào móc.

Nhưng xác nhiều hơn móc. Bởi thường ngày ở lò mổ người ta chỉ giết mổ vài trăm con vật, mà giờ đây thì xác người Do Thái lại đến mấy nghìn. Cho nên chỉ có vài trăm cái xác được treo lên những cái móc dùng để treo những con vật mổ xong. Trên bụng, trên lưng, trên ngực của mỗi một người cũng có đóng con dấu thường dùng đóng cho các con vật đã được mổ, theo phong tục người Do Thái. Kasher. Những thi hài dưới đất cũng được đóng dấu, nhằm nói cho mọi người biết đó là những người Do Thái.

Sáng thứ bảy, sau cái đêm cách mạng, tướng Roshu gọi Pillat tới và chỉ thị cho anh phải làm một số việc.

— Cậu hãy qua sứ quán Đức. Báo với nam tước Killinger rằng chúng ta đã ngăn chặn được nổi loạn. Có hàng nghìn người bị giết. Bọn thủ phạm do Aurel Popesco cầm đầu, mặc đồng phục sĩ quan Đức, đã có đũa trốn qua được nước Đức. Ta yêu cầu ông đại sứ cho bắt chúng, còng tay và giao trả lại để ta xét xử chúng. Còng tay. Có hay không có những bộ đồng phục Đức do sứ quán cung cấp.

Pillat ghi sổ. Anh đã thức trong một đêm. Một lữ cả người.

— Ở sứ quán ra, cậu tạt qua lò mổ của xã. Ở đó có hàng ngàn xác chết của người Do Thái. Cậu hãy xác minh từng người, lập biên bản. Chụp ảnh lại, quay phim cái hành vi man rợ đó để có đủ tang chứng về bọn thủ phạm. Sau đó, cậu cho trả xác chết lại cho các gia đình để người ta chôn cất theo luật lệ của họ, hợp lý hợp tình.

Pierre Pillat đến sứ quán trao bản thông điệp nói trên rồi từ đó tới lò mổ.

Những nẻo đường xung quanh lò mổ chật ních người. Bọn hiến binh không cho ai tới gần. Pierre Pillat nhìn những xác chết chồng chất lên nhau, trần truồng, giữa sân xi măng, những xác chết khác thì treo trên móc bốn hàng ngang.

— Hạ những xác kia xuống! Chụp ảnh nhanh lên, rồi hạ xác xuống!

Anh khám xét người chết thứ nhất. Đó là một người đàn ông khoảng trong ngoài năm mươi tuổi, trần truồng. Mang ba cái dấu đóng lên ngực, lên bụng và lên lưng.

— Chúng tôi đã bắt đầu việc xác minh. - Viên sĩ quan hiến binh nói.

Hắn cũng nhìn những xác chết và chỉ vào cái xác mà Pierre Pillat đang khám xét.

— Người này chẳng hạn, dễ xác minh lắm.

Viên sĩ quan tra hồ sơ.

— Ông ta có trong mình một cái vé tàu hạng nhì đi Constantza, một vé tàu biển đi Tel Aviv trên chiếc Adassa, giấy phép được rời bỏ đất nước. Mọi giấy tờ đều hợp lệ. Ông ta lẽ ra đã đi rồi, vậy mà lại bị rơi vào chỗ này. Cuộc đời đến là lạ lùng. Tên ông ta là Max Reingold.

Pillat sững sờ tê dại, nhìn xác chết. Trong cuộc đời có những nổi xúc động khiến cho con người trở thành mù quáng, câm điếc, hóa đá. Pierre Pillat đã trở thành như vậy và anh ta cứ nhìn, cứ nhìn hoài cái xác của Max Reingold treo trên chiếc móc lò mổ, trần truồng với những cái dấu đóng vào thịt da.

— Chúng ta có thể trả xác lại cho gia đình ông ta chẳng? - Viên sĩ quan hiến binh hỏi - Bởi chúng ta đã xác minh được rồi, chúng ta lập biên bản và trả lại cho gia đình người ta chôn cất. Nếu như ngài thẩm phán cho phép.

Pillat chỉ nghe có một mẫu câu sau cùng “Nếu ngài thẩm phán cho phép”. Anh nhìn cái xác chết.

— Ngài có cho phép chúng tôi trả lại cho gia đình không ạ?

Viên sĩ quan lại hỏi.

Pierre cúi đầu, ra dấu hiệu đồng ý và nói:

— Tôi sẽ xin cấp trên gửi một thẩm phán khác thay tôi. Tôi mệt quá rồi. Cả đêm tôi không nhắm mắt một phút nào.

Sau đó anh rời lò mổ. Người anh loạng choạng, mắt thẳng băng.

Rebecca, Esther và Eddy Thall tới Constantza vào lúc giữa trưa. Hôm ấy trời nắng, biển xanh.

— Trước hết, chúng ta nên đi xem mấy chiếc tàu! - Eddy Thall nói.

Ba người đàn bà ra bến cảng. Chỉ có toàn những tàu chiến.

Trong số đó có hai chiếc con con mới sơn lại màu xám. Người ta đọc được tên của chúng, viết bằng màu đen: bên chiếc Adassa là chiếc Euxin.

Eddy thấy tim mình đập hồi hộp. Đó là những chiếc tàu của họ. Sáng ngày mai, họ sẽ xuống tàu này để đi Israel. Họ không được phép vào khu cảng. Nhưng họ nhìn rất lâu từ xa những toán thủy thủ chuyển những chiếc hòm, những chiếc thùng xuống hai con tàu Adassa và Euxin.

— Đừng quên lời dặn của Max! - Rebecca nói. - Chúng mình đi tìm, sau đó thì nghỉ ngơi. Chuyến đi này sẽ dài đó. Israel xa lắm. Chúng mình phải nghỉ để lấy sức mà đi.

Ba người đàn bà còn muốn nhìn chiếc tàu của họ thêm một lần nữa. Nhưng họ phải về khách sạn. Họ ăn sáng và cố gắng chớp mắt. Qua cửa sổ họ nhìn ra cảng: Hai chiếc Adassa và Euxin hiện lên nhỏ xíu. Đó là những chiếc tàu cũ kỹ vừa mới được tu sửa lại, mà phải chở đến một nghìn năm trăm con người, toàn Do Thái. Thủy thủ đoàn là người Do Thái, nhằm cái thuận lợi là cảng cho đi được nhiều người Do Thái cảng hay. Các chỉ huy cũng là người Do Thái. Buổi tối, Eddy Thall có Rebecca và Esther cùng đi theo lại ra cảng lần nữa. Họ nhìn ngắm những chiếc tàu như tất cả đám đông. Rồi họ ra ga đón Max. Họ đi sớm những hai giờ và thơ thẩn dạo quanh sân ga.

Cuối cùng tàu đến, đầy ắp hành khách. Ba người nhìn từng hành khách từ Bucarest tới. Không có Max.

Max không bao giờ đi trượt tàu cả. Hai mươi bốn năm lấy nhau, Max bao giờ cũng đúng hẹn. Chắc là tới rồi mà ta không nhìn thấy đó thôi!

Ba người đàn bà trở về khách sạn. Max không có ở đó.

Rebecca định gọi điện sang Bucarest. *Liên lạc điện thoại với thủ đô đã bị gián đoạn.* Bưu điện cho biết vậy. *Ở Bucarest có cuộc nổi loạn.*

Rebecca hỏi tin về những chuyến tàu sau đó. *Đêm nay, không có chuyến tàu nào rời Bucarest. Nhưng ngày mai, sự lưu thông sẽ trở lại bình thường và đều đặn.*

Mấy người đàn bà tin tưởng trở lại.

Lúc đó là ba giờ sáng. Họ về khách sạn và chờ. Vừa rạng đông, Rebecca đã có mặt tại ga. Bảng hướng dẫn thông báo chuyến tàu Bucarest sẽ tới vào lúc bảy giờ.

Cả ba người lại ra cảng. Những người Do Thái xếp hàng dài dằng dặc đang chờ đợi để xuống tàu. Máy đã khởi động.

Mọi người hốt hoảng. Người ta kể chuyện về vụ tàn sát dân Do Thái tại Bucarest. Lại thêm nỗi cảm xúc lúc ra đi. Thiếu bốn hành khách, trong đó có Max Reingold, người tổ chức chuyến đi này. Gia đình những người vắng mặt lâm vào tình thế tuyệt vọng. Đến trưa, các loa truyền thanh thông báo:

Tàu Adassa là tàu cũ nên phải chạy chậm. Nó sẽ rời bến vào mười hai giờ trưa. Còn tàu Euxin sẽ đợi chuyển xe lửa năm giờ chiều để những người vắng mặt kịp xuống tàu. Sau đó, nó sẽ đuổi kịp chiếc Adassa ngoài khơi.

— Thế là hoàn hảo! - Rebecca nói - Giải pháp hay đấy! - Bà quay sang phía Eddy Thall. - Tất cả hành lý của chúng ta đưa xuống chiếc Adassa cả rồi. Chúng ta đi thôi. Cô ở lại trên tàu Euxin và sẽ đi cùng với Max. Cô nói với ông ấy rằng chẳng có gì xảy ra với chúng ta cả. Hãy cứ yên tâm. Chúng tôi sẽ trông coi hành lý cho cô. Rất đáng tiếc là phải để Max đi một mình. Chỉ tối nay là hai tàu chúng ta lại gặp nhau ngoài khơi và chúng ta sẽ lại đi cùng nhau rồi.

Eddy Thall xuống bến. Nàng vẫy vẫy chiếc khăn mùi xoa trong khi tàu Adassa chậm chậm rời bến.

Mọi người đều khóc và giờ tay từ biệt nhau.

Chiếc Euxin chờ chuyển xe lửa Bucarest. Năm giờ chiều, Eddy Thall đã có mặt trên sân ga. Không có Max Reingold. Cả bốn người vắng mặt cũng không.

Báo chí và đài phát thanh loan báo những tin rùng rợn về cuộc tàn sát người Do Thái tại Bucarest. Eddy Thall lo sợ. Nàng trở lại trên chiếc Euxin. Trên con tàu, nỗi ưu tư bao trùm lên tất cả mọi người. Máy móc bị trục trặc.

Chiếc Euxin đêm nay chưa rời cảng được! - loa truyền thanh thông báo. Eddy nằm ngủ trên một chiếc võng trên boong tàu. Suốt đêm ấy và cả ngày hôm sau, người ta lo lắng sửa máy móc. Bốn người vắng mặt cũng không tới.

Lúc rạng đông lại có thông báo mới: *Tàu Adassa bị bão, tàu Euxin không đi nữa. Theo lệnh Chính phủ, không một chiếc tàu nào chở người Do Thái được phép rời bến!*

Rebecca và Esther nhìn biển để theo dõi xem tàu Euxin đã theo kịp họ chưa. Biển động mạnh và sóng cồn dữ dội. Hành khách đều ẩn trốn trong những buồng riêng. Bà vợ của Max Reingold vẫn ở trên boong tàu. Esther cũng như bao nhiêu hành khách khác đều bị say sóng.

Tám trăm người Do Thái đã xuống tàu Adassa. Họ chen chúc nhau, chồng chất lên nhau. Người bệnh không sao ngã lưng được vì trong các buồng tàu chật ních bao nhiêu con người.

Còn trên boong tàu thì không sao chịu nổi vì sóng đánh tung tóe khắp mọi góc mọi nơi. Chiếc Adassa vừa tiến chậm chậm vừa kêu răng rắc. Vào khoảng chín giờ tối, có một ông già chết, còng làm cho ai nấy thêm kinh hãi. Hành khách nhao nhao lên án thuyền trưởng không biết duy trì trật tự, không có kinh nghiệm. Trên tàu có khá nhiều thầy thuốc, nhưng họ chẳng làm gì được để giảm bớt say sóng cho hành khách. Nửa đêm, thêm một người nữa chết. Người ta đặt họ lên trên boong. Thuyền trưởng cũng bị say sóng. Thuyền phó phải thay thế ông ta, chỉ huy tàu. Thuyền phó là một kỹ sư chế tạo điện khí. Đó là một con người còn trẻ, đầy nghị lực. Anh ta ra lệnh ném hai xác chết xuống biển và động viên mọi người bình tĩnh, kiên gan.

— Sáng mai, chúng ta đến Istamboul. Người ốm sẽ vào viện. Chúng ta sẽ tổ chức chuyển đi theo một phương thức khác. Hành khách quá đông.

Trật tự có chiều ổn định, nhưng cơn bão ngày càng dữ dội thêm. Khoảng hai giờ sáng, tàu Adassa kêu răng rắc, sắp sửa vỡ tan vì bị những ngọn sóng cao bằng nó tới tấp đập vùi.

Người ta khóa kín hành khách lại trong các buồng tàu. Một người đàn bà phát điên. Để cách ly bà ta, người ta đã phải giải phóng đi một buồng. Tiếng la hét của người điên làm cho hành khách ngày càng nản lòng. Trẻ con thì nhau kêu khóc.

Trước lúc trời sáng, một động cơ tàu bị hỏng. Bão vẫn mạnh lên. Những người Do Thái ngồi sát lại bên nhau cầu nguyện Chúa. Một số phàn nàn kêu ca. Một số khác nguyện rửa những người tổ chức chuyến đi. Thuyền trưởng mới tàu Adassa lại phát đi một hiệu lệnh cấp cứu mới.

— Kẻ nào chống chọi nổi tới sáng, thì kẻ đó sống. - Thuyền trưởng thông báo - Hãy tiết kiệm sức lực. Hãy nâng cao giữ vững tinh thần! Người ta sắp sửa tới cứu.

Từ trên boong tàu nước chảy vào các buồng, các khoang. Người ta tổ chức những đội tát nước, nhưng hiệu quả ít ỏi không đáng kể. Nỗi kinh hoàng tăng lên.

Kẻ nào gây hoang mang sẽ bị bắt giữ! Loa truyền thanh lại thông báo. *Chúng ta sắp sửa được cấp cứu.*

Đài radio liên tục phát đi những tín hiệu S.O.S.

Tàu Adassa không bị thiệt hại gì, nhưng bão quá lớn. Hãy cố giữ bình tĩnh đến cùng!

Vào lúc năm giờ sáng, cái giọng vẫn kêu gọi mọi người bình tĩnh qua loa phóng thanh, bỗng trở nên “đắc thắng”.

Chúng ta sống rồi! Bờ không còn xa nữa! Tàu Adassa đã vượt qua cơn thử thách mặc dầu chỉ còn có một động cơ. Chúng ta đang tiến vào gần bờ.

Những người Do Thái sinh bệnh vì sợ, vì tuyệt vọng, vì say sóng, mắt vẫn nhắm nghiền mà tưởng như đang nhìn thấy đất không phải là Đất Thánh, mà chỉ là một mảnh đất nào đó mà thôi. Và hy vọng được cứu thoát nở bung lên như một đám cháy nhà. Đàn ông bắt đầu hát những khúc thánh ca, những bài kinh ngợi khen Đấng phép tắc vô cùng.

Hai chiếc xuống cấp cứu đang tới gần rồi! Loa phóng thanh truyền đi. *Mọi người hãy bình tĩnh!*

Chiếc động cơ thứ hai của tàu Adassa vẫn hoạt động nhưng uể oải. Bão vẫn chưa dịu đi. Duy chỉ có niềm hy vọng là đã khắc phục được sự mệt mỏi và cả sự say sóng. Hai sà lúp màu trắng đã tiến sát chiếc Adassa trước lúc rạng đông. Nó chờ những nhân viên cảnh sát và nhà chức trách của cảng.

— Tàu quốc tịch nào? - Một giọng nói qua loa phóng thanh.

— Chúng tôi đi Palestine! - Thuyền trưởng Adassa trả lời. - Chúng tôi bị hồng mảy. Người đông quá. Bệnh, ốm, kinh hoảng bao trùm.

— Chiếc tàu đó quốc tịch nào? - Cái giọng từ chiếc sà lúp lại hỏi.

— Chúng tôi là những người di tản Do Thái! - Thuyền trưởng đáp.

— Một tàu kéo sẽ tới ngay tức thời. Hãy giữ bình tĩnh. Tàu có những giấy tờ gì?

— Yêu cầu các ông chuyển một số hành khách lên sà lúp! - Thuyền trưởng tàu Adassa thét - Sơ tán người bệnh.

Trong lúc chờ tàu kéo đến, chiếc Adassa chạy một mình chậm chậm.

— Trên tàu có bệnh dịch truyền nhiễm không? - Tên công chức hỏi.

— Chúng tôi ai cũng đau ốm tất. Say sóng. Những người già, phụ nữ, trẻ em cần được sơ tán ngay! Họ không chống chọi nổi nữa rồi!

— Hãy giữ bình tĩnh! - Tên công chức nói - Các người sắp sửa được cứu chữa! Các người bảo tàu không bị tổn thất gì. Vậy thì hãy cứ bình tĩnh!

Hai chiếc sà lúp lại rẽ sóng biển đi một cách quả quyết.

Cùng lúc với mặt trời lên, hai chiếc tàu tuần tiểu nhỏ lại xuất hiện với những nhân viên y tế, đàn ông lẫn đàn bà. Họ bước lên boong tàu Adassa. Họ vào trong các cabin, phân phát rượu rum, thuốc lá, nước chanh. Họ có những hòm kim loại sơn trắng đựng thuốc men. Mỗi hành khách đều được thăm vấn kỹ càng. Mất cả buổi sáng.

Tàu Adassa tiến lên một cách khó nhọc. Đất liền đâu phải đã gần kề như người ta thông báo đêm vừa qua. Tuy nhiên, bây giờ thì quả là không còn xa bờ lắm nữa. Đến trưa, lại xuất hiện một chiếc sà lúp với các nhà báo và đại diện các cường quốc. Đến lượt các vị lại lên boong tàu.

Số phận chiếc Adassa thì ai cũng đã rõ. Người ta nói đến sự dã man của bọn nazi^[10] đã ném ra khơi tám trăm mạng người Do Thái trên một chiếc tàu còn con giới lắm chỉ chở nổi một trăm người, thiếu hẳn thủy thủ đoàn và mọi phương tiện cấp cứu.

Các bà mặc đồng phục trắng tặng các hành khách những chiếc đai cứu hộ. Họ yêu cầu hành khách thắt vào người họ và kiểm tra xem thắt có chắc chắn hay không. Mỗi hành khách sau đó lại được nhận một chiếc đèn buộc đăng trước ngực bằng một đai da.

— Đây là những phương tiện cứu đắm hiện đại. - Một ông mặc áo trắng nói - Nếu tàu bị đắm ban đêm thì nhờ có đai này mà hành khách được cứu vớt trong đêm tối. Đai cứu hộ hiện đại bao gồm một chiếc đèn điện con con, như vậy các tàu cấp cứu mới thấy được người bị nạn mà vớt họ lên được.

— Bao giờ thì chiếc tàu kéo tới dắt chúng tôi vào bờ? - Thuyền trưởng hỏi - Chúng tôi chen chúc nhau chật chội quá rồi và sóng gió lại...

— Đây là tội ác kinh tởm nhất mà tôi được chứng kiến trong đời tôi! - Một người rất lịch sự nói.

Đó là một người Anh. Ông ta rất bối rối, run lên vì giận.

— Để cho tám trăm con người rời bến ra khơi trên một con tàu còn con mực nát, không cả máy móc, không cả phương tiện cứu hộ... Thực tình là sát hại họ. Đây là một cuộc giết người hàng loạt. Một chiếc tàu như vậy, bất chấp mọi luật lệ hàng hải, không có một đoàn thủy thủ lành nghề, không có thuyền trưởng... Chính phủ Rumania sẽ được gọi ra trước tòa án quốc tế về tội ác chống loài người vô cùng kinh tởm này!

Toàn thân dài, mảnh khảnh của người Anh run lên vì giận dữ. Một pháp sư Do Thái tiến tới gần và hỏi ông:

— Thưa Ngài, muốn đi từ Thổ Nhĩ Kỳ sang Palestine thường phải mất bao nhiêu ngày ạ?

— Các ông có giấy tờ hợp lệ để vào Palestine không? - Ông người Anh hỏi.

— Chúng tôi là người Do Thái. - Ông già đáp - Người Do Thái đâu cần giấy tờ gì để trở về đất nước của mình? Và Palestine là đất nước của người Do Thái.

Ông người Anh nhìn vào mắt của vị pháp sư. Việc người Do Thái trở về Palestine là ngược với lợi ích của Đại đế quốc Anh. Câu hỏi ông già đặt ra là một thách thức. Ông người Anh liền thay đổi nội dung câu chuyện.

— Những nước như Rumania không có đủ khả năng tự cai trị lấy mình. Những nước còn khả năng làm những hành vi man rợ như vậy cần phải đặt dưới sự bảo hộ của một nước khác. Kiểm soát các nước man rợ là sứ mệnh của những dân tộc văn minh.

— *Ganz richtig!* Rất đúng! - Một ông khác nói. Đó là một người tóc nâu, nhân viên Cơ quan báo chí Đức - Đó chính là nhiệm vụ của những dân tộc có văn hóa và văn minh.

— Tôi sẽ không đành lòng nhắm mắt trước khi được đặt chân lên Đất thánh của mình, đầu chỉ mới là đặt cái đầu mút ngón chân lên. - Một người đàn ông râu dài nói.

Ông ta rung rung nước mắt. Ông người Anh nhìn sang chỗ khác, về phía một người đàn bà đang bế một đứa trẻ tóc hung trên tay.

— Ngài có thể cho cháu nó lên cùng cùng với Ngài được không? - Người đàn bà hỏi - Tôi không thể cứu được cháu nếu phải đợi chiếc tàu kéo tới. Sẽ quá muộn!

— Bà hãy trình bày với những nhân viên hữu trách. Chỉ họ mới có quyền giải quyết. Tôi chỉ là một quan sát viên trung lập. Tôi có sứ mệnh theo dõi những sự việc xảy ra và báo động cho thế giới văn minh sau những hành vi dã man vô tiền khoáng hậu ấy!

— Ít nhất xin Ngài cho cháu nó được chuyển sang canô của Ngài! - Người đàn bà nói - Một mình cháu thôi!

Và bà ta bế đứa bé tóc hung bọc trong lớp tã vải xanh giơ lên.

Ông người Anh mở máy chụp ảnh một người đàn bà đang giơ đứa bé lên về phía ông ta trên đôi tay đang cầu khẩn.

— Thưa bà, tấm ảnh của bà sẽ chỉ rõ cho phương Tây thấy tình trạng nào sẽ xảy đến nếu như người ta trao trả độc lập cho một số nước chưa vượt qua khỏi giai đoạn dã man. Dư luận công chúng Anh và Mỹ sẽ xúc động sâu sắc, sâu sắc, sâu sắc! Tôi đảm bảo là như vậy.

Ông người Anh cao lớn tóc hung quay mặt đi. Ông ta chụp ảnh nhiều hành khách khác, chụp ảnh cái boong tàu. Sau đó bắt bình và cô độc, ông xuống trở lại chiếc canô của ông ta và đi vào bờ. Cho đến tối, người ta mang lại nào thức ăn, nào thuốc men. Những chiếc xuồng nhanh qua lại liên tục với những ông nhà báo, những nhà ngoại giao, những thầy thuốc. Tất cả đều nhất trí cho rằng đây là một sự dã man chưa từng có bao giờ.

— Các người sẽ được cứu, ngay bây giờ! - Gã công chức hải quan bảo.

Những chiếc máy bay theo dõi từng động tác di chuyển của tàu Adassa.

Bão vẫn mạnh. Bây giờ thì trời đã tối đen như mực. Ai nấy đều chờ đợi những tàu kéo tới di tản họ đi. Trên boong tàu có một ít ánh sáng.

Ngay lúc đó, người ta nghe một tiếng nổ như tiếng nổ của một quả bom. Hành khách giật mình. Một vài phút kinh hoàng.

Rồi chiếc Adassa chìm xuống nước rất nhanh, trước khi người ta nghĩ đến. Chìm thẳng một lèo.

Chỉ trong có vài giây đồng hồ mà chiếc Adassa đã hoàn toàn biến mất trên mặt biển. Phần lớn hành khách không kịp nhảy xuống nước, nhưng họ đều có những chiếc đai cứu hộ của các tổ chức quốc tế lớn cho. Và các hành khách Do Thái đã không chìm theo xác tàu. Họ đều nổi trên mặt nước.

Số phận đã không cho họ đến được với mảnh đất Palestine hứa hẹn - mảnh đất của bến bờ thứ nhất - giờ đây lại cấm không cho họ đến cả với mảnh đất thứ hai ở sâu trong lòng biển. Đất đã bị cấm cửa đối với những con người bị nạn của chiếc tàu Adassa - bất luận là đất nào, kể cả mảnh đất được phép đến của những người chết đuối! Họ cứ phải trôi dạt, xa đất, giữa biển, lênh đênh!

Những nạn nhân chìm tàu của chiếc Adassa là những người chết đuối duy nhất đứng ở ngoài quy luật phổ biến. Họ không chìm xuống đáy biển được vì ai cũng có thắt cái đai cứu hộ, quà tặng của những đại dân tộc văn minh!

Phụ nữ, trẻ con, những người chết rồi giờ đây vẫn cứ lênh bênh trên mặt sóng với chiếc đèn điện chiếu sáng trên ngực.

Khi các tàu cứu hộ tới nơi, họ chỉ còn thấy những xác chết lênh bênh trên mặt Biển Đen, trên ngực đeo một chiếc đèn điện sáng và những chiếc phao nổi!

Các đoàn thủy thủ bèn tiến hành - như vốn quen làm tại các nước có văn minh và văn hóa - việc vớt

các tử thi và đưa lên đặt cả trên xuồng.

— Vì sao lại cho họ những cái đèn và những chiếc đai ấy làm gì? - Một thủy thủ Bungary hỏi - Hồi tháng giêng tại Biển Đen, bất cứ người nào bị nạn rơi xuống biển đều chết do có sự chênh lệch quá lớn giữa thân nhiệt con người và nhiệt độ nước biển. Cung cấp cho họ những chiếc đai kia quả là chuyện đáng buồn cười! Hơn nữa, lại còn cung cấp cho họ cả những ngọn đèn điện! Để cho người chết rồi vẫn còn trôi nổi trên mặt sóng với những ngọn đèn thấp sáng trên người.

Trước khi đặt xác chết vào xuồng, các thủy thủ tắt những chiếc đèn mà mỗi người chết còn mang trên ngực họ, không một người bị nạn nào quên thắp lên ngọn đèn sáng của mình.

XXVIII

Những người Do Thái lên tàu Euxin không được phép rời Constantza nữa. Một khu trại lính đã được tu bổ lại cho họ sử dụng, với một số giường và một căn bếp. Người ta bảo họ phải đợi. Một số người muốn quay trở lại Bucarest.

Nhưng quay lại Bucarest cũng bị cấm. Những cuộc thăm vấn bắt đầu. Eddy Thall là một trong những người đầu tiên được hỏi đến.

— Bà không được quyền trở về Rumani nữa - Viên sĩ quan chịu trách nhiệm chỉ đạo điều tra nói.

Hắn trao cho nàng một tờ giấy. Nàng nhận ra chữ ký của nàng.

— Bà đã viết một lời tuyên bố cam kết từ bỏ quốc tịch Rumani. - Viên sĩ quan bảo - Chẳng ai bắt buộc bà làm như vậy cả. Bây giờ bà đâu còn là công dân Rumani nữa và bà không được phép trở lại Rumani.

— Tôi đã muốn ra đi cùng với chiếc Euxin.

— Chiếc Euxin à? Vấn đề đó đã được xếp lại rồi. Không thể nào cho nhiều người như vậy xuống một con tàu con đã mục nát như thế kia. Để cho các người ra đi trong tình trạng đó quả là điều man rợ nhất trần ai! Các người phải đi tìm một giải pháp khác. Khi cần lắm thì có thể làm một cái đơn xin khôi phục lại quốc tịch Rumani. Hợp pháp mà nói thì bà không còn là công dân Rumani nữa. Quả là bi kịch. Nhưng đời là vậy. Bà hãy tìm một giải pháp khác. Một giải pháp hợp lệ, dĩ nhiên!

Eddy Thall im lặng. Nàng rất quen biết với tình thế này. Nàng không được phép ra đi và người ta cấm nàng ở lại!

— Bản thân tôi - Viên sĩ quan nói - tôi thấy có hai giải pháp: hoặc bà xin thị thực qua một nước khác, hoặc bà làm một cái đơn khác xin nhập lại quốc tịch Rumani. Hai đằng chọn một. Bà quyết định chọn đằng nào?

— Tôi xin sang Nga - Eddy Thall nói.

Một tạm ước mới đây cho phép các công dân Rumani ở Bessarabie được sang Nga nếu họ muốn.

Viên sĩ quan hé một nụ cười mỉa mai:

— Bà là Cộng sản à?

Eddy Thall mím chặt môi không đáp.

— Chuyến tàu sang Nga ngày mai lên đường. Sang Nga dễ thôi.

Eddy Thall rời bỏ văn phòng. Nàng nhìn biển. Ngày mai nàng sẽ đi Nga, cùng với vài trăm người Do Thái. Nàng không cần phải sửa soạn hành lý gì nữa, bởi tất cả các vali của nàng đã chìm xuống đáy biển cùng với chiếc Adassa.

Nàng ngồi, hai tay ôm đầu. Lần đầu tiên nàng bỗng nghĩ tới anh bạn Pierre Pillat, tới Boris Bodnar đã chạy sang Nga vì thi trộm.

— Hôm nay, mình cũng làm như anh ta. - Nàng tự bảo - Mình cũng ra đi vì những lý do ấy. Lúc nhỏ anh ta đã chọc thủng mắt em. Anh ta bị mọi người coi như một tên vong bản cần loại trừ ra ngoài xã hội. Còn mình, tuy không chọc thủng mắt ai, chỉ duy nhất mình là người Do Thái mà cũng coi như một kẻ vong bản mà xã hội phải loại trừ. Và cũng như Boris mình chẳng còn đâu một chỗ nương thân. Mình sẽ trốn sang Nga. Bên đó, người Do Thái sẽ như thế nào, ai mà biết được?

Eddy Thall khóc. Giai đoạn thứ nhất cuộc sống Do Thái của nàng đã chấm dứt: *Cuốn sách đầu của người Do Thái*. Và nàng khóc cho thân phận mình, cho đời mình, mắt nhắm nhìn biển xa.

PHẦN II

CUỐN SÁCH CỦA MIỀN SA MẠC

I

— Chúng ta đã đến biên thùy sa mạc! - Anh thanh niên khoác áo ngủ và khăn quàng cổ màu đỏ tươi ngồi cạnh anh tài xế chiếc xe tải, nói.

Đôi mắt anh tò mò, chăm chú nhìn biển cát mênh mông tới tận chân trời. Phía sau, còn nhiều chuyến xe nữa đang tiếp tục đến, xe nào xe nấy đầy chật những thanh niên sinh viên nam và nữ. Bánh xe lún sâu xuống cát bỏng. Các bạn trẻ nhìn ra sa mạc. Gió thổi, cát đập vào tấm áo choàng của anh thanh niên khoác chiếc khăn quàng đỏ, vào những bộ quần áo vải chéo của những thanh niên khác, vào những chiếc xe tải mui tôn nóng như nung.

— Lều lán kia rồi!

Anh thanh niên mặc áo choàng da ngoảnh lại. Anh ta đưa mắt nhìn theo cánh tay của cô gái đang chỉ ba cái gò màu tro xa xa. Đoàn xe giảm tốc độ dần rồi chậm rãi rẽ sang bên phải, bánh xe vẫn lún trong cát. Người ta thấy rõ một loạt những căn lán mới làm xong chưa lâu.

Các sinh viên chăm chăm nhìn như muốn vồ lấy chúng.

Xe đậu lại kề sát ba dãy lán làm bằng ván gỗ thông và mọi người xuống xe. Các cô gái mở cửa. Không có khóa. Bên trong trống trơn chẳng có một thứ gì ngoài cái nền nhà, những bức tường và cái trần làm bằng ván ghép. Chẳng có gì ngoài cái mùi nặng nề của gỗ đã khô.

Sa mạc đã bắt đầu sấy khô nó một cách dữ dội và hút cạn những giọt sống cuối cùng của những tấm gỗ lán dựng ngay trên mặt cát ấy. Xung quanh, chỉ có cát và cát, một màu xám xịt bao la. Gió thổi mạnh làm cho nó bay tung lên như những đám mây, mắt người nào người nấy đỏ ngầu và nhìn thấy mọi vật như qua một tấm màn thưa. Để bảo vệ mui và bánh xe chống lại với cát và nắng, bọn tài xế lấy vải trùm kín lên trên.

Hai chục thanh niên vừa trai vừa gái giờ đây đang đứng trước dãy lán.

— Đứng bốc dụng cụ xuống! - Anh thanh niên mặc áo choàng da và khăn quàng đỏ nói. Anh ta là người chỉ huy, Boris Bodnariuk. Anh đứng lên ngưỡng cửa của lán trung tâm.

Bọn trẻ vây quanh anh, lưng quay về phía gió.

— Tôi biết các bạn đang đói và khát! - Boris Bodnariuk nói. Anh nhìn những chiếc xe tải xếp hàng trước lán - Tuy nhiên, trước khi bắt tay vào công việc, tôi muốn nói với các bạn một vài lời - Chúng ta đang sống trong một giai đoạn hiểm có. Trước mặt chúng ta trải dài vài mươi triệu hecta sa mạc. Đây là sa mạc Karakum rộng năm mươi ba triệu hecta. Xa hơn là sa mạc Kizilkun rộng hai mươi triệu hecta. Tổ quốc Xô Viết từ lâu đã nghiên cứu phương án tái sinh những vùng đất chết, những sa mạc cát. Kế hoạch đã lập xong. Chúng ta là tốp sinh viên đầu tiên của trường đại học Xô Viết đi vào sa mạc. Chúng ta là đội tiên phong của Chiến dịch tiến công đại quy mô có nhiệm vụ làm sống lại miền đất chết của sa mạc, cải tạo khí hậu, thay đổi phương hướng và cường độ của gió, thay đổi luân cả những dòng suối, dòng sông. Đây là sự nghiệp xây dựng đồ sộ nhất trong lịch sử. Nhờ các Xô Viết, chúng ta - hai mươi người có mặt ở đây, vừa từ trên xe bước xuống đây, chúng ta có khả năng đặt viên đá đầu tiên lên sa mạc nóng bỏng.

Hoạt động này chính là điều cao cả nhất mà một thanh niên có thể ước mơ và mong muốn trên đời. Vậy chúng ta hãy lớn tiếng nói lên lòng biết ơn của chúng ta đối với Tổ quốc Xô Viết đã ban cho chúng ta đặc ân này. Một tràng vỗ tay vang như sấm. Không ai còn nghĩ tới nước nữa, mặc dù môi miệng ai nấy đều

khô rang. Và tất cả, mặc dầu môi miệng khô rang, đều hát vang lên “Khúc hát của rừng” của Dimitri Chostakovich.

Boris giờ tay làm một dấu hiệu. Lập tức “Khúc hát của rừng” im bất.

— Các bạn... Còn vấn đề khác nữa. - Boris Bodnariuk nhìn đồng hồ tay của mình - Bây giờ là năm giờ chiều. Cách đây đúng mười lăm năm, cũng vào giờ này, tôi đã lần đầu tiên đặt chân lên đất nước Xô Viết. Lúc đó, tên tôi là Boris Bodnar. Ngày kỷ niệm này mang nhiều ý nghĩa giáo dục.

Bàn tay của Boris Bodnariuk chỉ sa mạc.

— Tất cả các bạn đều biết rằng cái sa mạc kia, cũng như tất cả các sa mạc khác, không phải là công trình của thiên nhiên. Sa mạc, đó là công trình sự nghiệp của con người. Những xã hội dã man kế tục nhau trên mặt đất trước kỷ nguyên Cộng sản đã phá hoại các vành đai thực vật, các nguồn nước, các khu vực trồng cây. Họ phá hoại vì ngu dốt, vì khao khát lợi nhuận. Bị tước mất đồ trang sức của mình, trái đất đã chết. Nó trở thành hoang vắng. Cát đã lan rộng ra như một vết thương. Sa mạc, là sản phẩm của sự tham ăn man rợ của những con người từng lãnh đạo các xã hội phản Cộng sản từ lúc xuất hiện loài người trên trái đất cho tới ngày cuộc Đại chiến Cách mạng tháng Mười thành công.

Nhìn hết tầm mắt, người ta không thấy một cái gì trên miền đất bị con người giết chết ấy. Không một sinh vật, không một mầm cây, không một dấu vết còn con con nào của cuộc sống. Mọi cái đều là vật chết. Chỉ có cát và cát. Trời cũng mang màu sắc vô sinh. Ánh trời, ánh sao, ánh trăng đã chết. Các tinh tú cháy lên mà sức sống không còn. Gió khô đã tới, cuộn cuộn hàng triệu tấn cát tung lên và gào thét như đàn sói đói. Lịch sử sa mạc này, thưa các bạn, chính là lịch sử cuộc đời tôi, một cuộc đời của Boris Bodnariuk, cuộc đời của bất cứ một đứa trẻ nào sinh ra tại một nước tư bản.

Các bạn, tôi không được cái may mắn sinh ra trên đất nước Xô Viết như các bạn, mà sinh ra trong một đất nước tư bản. Từ cái tuổi ấu thơ bé bỏng, mẹ tôi, cha tôi, hàng xóm láng giềng tôi, cả ông linh mục và tất cả mọi thành viên của cái xã hội tư sản nơi tôi đã chào đời, đã bắt đầu hủy diệt sự sống trong tôi như những xã hội chống Cộng sản tham ăn và tàn bạo đã bóc lột và giẫm đạp lên trái đất này để biến nó thành sa mạc.

Mười lăm tuổi, tôi cũng như trái đất, là một thanh niên chết. Vậy là tôi bơi qua sông Dniestr và đặt chân lên xứ sở Xô Viết. Khi mới tới đây, tôi không hề có một niềm tin, không một ảo tưởng, không một khát vọng. Trong tôi, tất cả đều chết, chết hết! Tất cả những gì làm nên cuộc sống của một con người đã chết trong cái sa mạc bao quanh chúng ta. Xã hội tư sản đã cướp đoạt đi trong tôi hết cả tin ngưỡng, ảo vọng mơ hồ, tình cảm đoàn kết thương yêu nhân loại, tất cả! Khi tôi đặt chân lên trên đất nước Xô Viết cách đây mười lăm năm, lúc năm giờ chiều, tôi chỉ biết có sợ sệt, kinh hoàng và cô đơn.

Tất cả những gì tôi mang sang đây từ một xã hội tư sản, đó là tất cả những gì tôi có.

Cuộc sống của tôi chỉ bắt đầu thật sự cách đây mười lăm năm. Người Xô Viết đã cho tôi một lý tưởng, một niềm tin. Cái cơ may sống vì một điều gì đó. Trước tiên, nó đã cho tôi cái ý thức đoàn kết thân ái, tình thần tập thể cộng đồng. Trong các nước tư sản, tôi chỉ biết có nỗi cô đơn đau buồn, như cái nỗi cô đơn của vùng sa mạc sáu mươi triệu hecta kia, một nỗi cô đơn còn lớn hơn cả nỗi cô đơn của sa mạc.

Boris Bodnariuk cúi xuống. Anh vốc một nắm cát trước lán, siết chặt bàn tay lại. Anh cảm thấy cát rấp và khô. Anh nghĩ tới mẹ anh đã từng đánh đập anh ngày ngày, máu me đầy mình rồi bỏ mặc. Anh nghĩ tới những bạn bè mỗi lúc anh đi ngang qua là đưa tay che mắt mình lại và mắng vào mặt anh: “Đồ giết người!” Anh nghĩ tới làng quê anh, tới ngôi nhà của cha mẹ, mà ở đó mọi người cầu mong cho anh chết. Đôi mắt Boris Bodnariuk thấm lệ rung rung. Anh lại siết chặt nắm cát chết trong tay và tiếp tục.

— Tay siết chặt nắm cát chết này và mắt bao quát miền sa mạc này cho tới tận chân trời vô tận, tôi thề trước mặt các bạn và tôi yêu cầu các bạn cùng thề với tôi rằng chúng ta sẽ mang sự sống trở lại cho mảnh đất chết là một phần xương thịt của Tổ quốc Xô Viết chúng ta. Nhiệt tình say mê của tôi không phải tồn tại chỉ vì tôi là đứa con nuôi của mảnh đất này, mà vì, hơn cả các bạn, tôi hiểu thế nào là chết, là bị chà đạp, bị tàn sát vì cái man rợ của con người. Và vì tôi cũng đã hiểu thế nào là “Được một người nào đó trả mình về cho cuộc sống. Tôi đã biết sự lia đời và sự tái sinh”.

Bài diễn văn của Boris Bodnariuk kết thúc trong tiếng vỗ tay và trong nhịp điệu những bài hát ca ngợi sự nghiệp vinh quang cải tạo khí hậu và đưa canh tác vào miền sa mạc hoang vu. Anh vô cùng sung sướng.

Và khi người đồng chí Natacha Olt đến bên anh và ôm hôn anh thắm thiết thì trên khuôn mặt anh đôi dòng nước mắt chan hòa.

II

Ngay sau hôm mới đến, nhóm của Boris Bodnariuk đã lao vào hoạt động một cách hăng say. Các sinh viên được phân chế thành từng toán tùy theo chuyên môn của họ.

Người ta chờ đợi nhiều toán khác tới thêm. Trong ba dãy lán và những chiếc lều xung quanh, người ta đặt những trạm vô tuyến và máy móc đo cường độ và hướng gió, độ nóng, độ ẩm, cự li...

Các tiểu ban khảo cổ và trồng trọt đã thiết lập cả phòng điều tra và khảo sát thường xuyên về chất đất và cây trồng. Các tiểu ban thú y và làm vườn cũng bắt tay vào hoạt động. Boris Bodnariuk làm việc tại lán trung tâm cùng với Natacha Olt - cô thư ký - và Vladimir Kanayan, phụ trách chính trị khu vực người Mông Cổ. Ngoài Kanayan ra chỉ toàn là sinh viên.

Boris Bodnariuk bước ra ngưỡng cửa, nơi hôm qua anh đứng nói chuyện. Anh ra lệnh tập hợp. Bọn trẻ lại xúm tới quanh anh.

— Các bạn! Các bạn đại diện cho tất cả các ngành hoạt động khoa học và các bạn đều có trải qua một thời gian tập sự đặc biệt tại Viện Hàn lâm trồng cây sa mạc. Tôi không cần thiết phải nêu lên vấn đề kỹ thuật với các bạn, vì các bạn đã trực tiếp ghi nhận từ các nhà bác học Xô Viết vĩ đại hiện đang chỉ đạo sự nghiệp chúng ta. Tuy nhiên tôi phải nói thêm đôi điều có thể chỉ dẫn cho các bạn trong hoạt động của mình.

Những sinh vật đầu tiên xuất hiện trong sa mạc sẽ là tên gián điệp, tên phản bội và tên phá hoại.

Giọng nói của Boris Bodnariuk không phải là cái giọng hôm qua khi mỗi lời anh nói ra say sưa tràn đầy nhiệt huyết ảo tưởng và mơ mộng. Giờ đây là một giọng nói mệnh lệnh, độc tài.

— Các bạn hóa học, động vật học, nông học, thiên văn học, khí tượng học, kỹ sư... các bạn thuộc mọi ngành chuyên môn, các bạn đừng để một giây phút nào lãng quên điều này: Trong sự nghiệp lớn trồng cây vùng sa mạc và cải tạo khí hậu của chúng ta, sinh vật đầu tiên xuất hiện ở đây sẽ là kẻ thù của Tổ quốc. Nơi nào xuất hiện các Xô Viết - tức là sự sống - thì nơi đó cũng xuất hiện kẻ thù của sự sống tức là tên ăn bám. Hãy luôn luôn cảnh giác, luôn luôn mở mắt nhìn. Hãy diệt ngay tức khắc con vật dơ bẩn, kẻ thù của Tổ quốc ấy! Nếu các bạn không chú ý, các bạn sẽ trở thành người có tội đối với Tổ quốc và tất cả mọi công trình xây dựng của chúng ta bị tiêu tan. Khẩu hiệu của chúng ta là: “Phát hiện và tiêu diệt tận gốc kẻ thù của Tổ quốc!” Biết đâu nó đã lọt vào trong sa mạc này, trước cả chúng ta!

Boris Bodnariuk nhìn những gương mặt chăm chú của các đồng chí cấp dưới mình.

— Tên ăn bám tội lỗi ấy, nó có thể xuất hiện khắp mọi nơi. Các bạn đã biết trường hợp đồng chí phụ trách tiểu ban trồng vườn Leningrad và sự cầu thả tội lỗi của anh ta. Trong số tám trăm hạt giống và mầm cây sa mạc mà các cộng tác viên Xô Viết vùng sa mạc Nam Mỹ gửi cho chúng ta trồng thử ở đây, có một cây mầm Brésil có khả năng mọc tốt. Anh ta đã trồng một vài hạt vào nhà kính trường Đại học, còn lại bao nhiêu anh ta gói hết gửi cho vùng thảo nguyên. Nhưng anh ta đã làm việc cầu thả, tức tội lỗi. May sao một đồng chí ở phòng thí nghiệm đã không quên rằng “kẻ thù của Tổ quốc lẫn lút ở mọi nơi” nên đã dùng kính hiển vi phân tích bộ rễ của cây đó. Anh ta biết rằng kẻ thù của Tổ quốc có thể ẩn nấp cả trong cái rễ của một cây con, và quả nhiên con vật dơ bẩn ẩn nấp ở đó thật. Một lũ phản động người Brésil - chắc chắn là bọn Troskystes - đã tiêm vào rễ những cây con dự định gửi cho nước Nga, những ấu trùng của loài kiến đỏ. Loài kiến ấy không những có khả năng phá hoại cây cối ở Brésil mà còn phá hoại cả các vùng xung quanh nữa. Nhờ tinh thần cảnh giác của các đồng chí ở phòng thí nghiệm, con kiến đỏ đã bị tiêu diệt, bọn phá hoại và bè lũ chúng bị bắt, tai họa tránh được. Tôi xin cảnh báo các bạn: ‘Không được cầu thả!’ Những kẻ thù của Tổ quốc, những bọn phá hoại, bọn gián điệp, bọn phản bội sẽ mong muốn xâm nhập vào sa mạc bằng cách ẩn nấp trong các rễ cây, trong những hạt giống, trong bất cứ cái gì. Nhiệm vụ của bất cứ người Cộng sản nào là phát hiện và tiêu diệt con mọt ăn bám đó. Đi làm đi! Nhưng phải lưu ý: ‘Việc tiêu diệt kẻ thù có lẽ còn quan trọng hơn nữa là đặng khác.’ Và bây giờ, hãy bắt tay vào công việc.

III

Ngày thứ ba, có cuộc hội nghị toàn đội. Các bạn trẻ ốm đau, khó chịu vì khí hậu, nhưng ai cũng giấu nỗi mệt mỏi và đau ốm của mình. Boris Bodnariuk chủ tọa cuộc họp.

Bên phải anh ta là Natacha Olt làm thư ký, ghi biên bản. Phía cuối, khuôn mặt xanh xao với gò má nhô và nghiêng vẹo một bên là Vladimir Kanayan. Boris Bodnariuk chưa đến ba mươi tuổi. Anh đã học xong chương trình Viện Hàn lâm đỏ ở khoa Chính sách khủng bố, chuẩn bị cho anh vào cuộc tranh đấu ở nước ngoài. Nhưng năm học sau cùng, anh chuyển sang ban “Trồng trọt ở sa mạc”. Đối với anh, chính sách Cộng sản hết sức rõ ràng. Bây giờ anh đứng trong đội ngũ những “kỹ sư xây dựng con người” chứ không phải trong số không nhiều những kẻ sùng tín tại các Xô Viết. Anh biết rằng tuổi trẻ phải được đưa vào những kế hoạch quy mô, anh biết nhu cầu hằng ngày của tuổi trẻ là phải có một thần tượng, một tín ngưỡng đáp ứng cái nhu cầu phiêu lưu mạo hiểm tính hứng thú bất thường, và cái ý thức quên mình vì kẻ khác. Mỗi thanh niên đều ước mơ làm một anh hùng vào tạo cơ hội cho anh ta thấy rằng Đảng đang tạo ra cho anh ta trong công việc hằng ngày cái khả năng trở thành anh hùng.

Hoạt động khô khan nhất có thể do tính chất khô khan đó mà nuôi dưỡng lâu dài khát vọng thiết tha của tuổi trẻ: trở thành một anh hùng thực hiện những hành vi xuất chúng, trở thành con người độc nhất vô nhị. Nhằm mục đích đó, Boris Bodnariuk đã quyết định hằng ngày, mỗi buổi sáng, các trưởng tiểu ban phải kiểm điểm những điểm tiến bộ đã đạt được trong khuôn khổ kế hoạch lớn cải tạo khí hậu, do bàn tay và khối óc của mỗi một con người có mặt.

Báo cáo đặc biệt lắm mới được vượt qua mười câu. Nó ghi rõ mục đích yêu cầu và tiến bộ đạt được. Câu văn rõ ràng, chính xác như toán học. Đó sẽ là bản nhạc ban mai duy nhất của họ, nó sẽ chỉ cho họ thấy mình đang trực tiếp tham gia vào một bản hợp xướng vĩ đại biết ngần nào!

Boris Bodnariuk có cảm giác mình đang làm nhiệm vụ của một nhạc trưởng. Anh ta nhìn chăm chú vào các trưởng tiểu ban chế tạo phương tiện thủy lực cho việc tưới tiêu nước và giao thông đường thủy.

— Tiểu ban của tôi là một trong những nhóm chế tạo hệ thống con kênh cho thuyền bè đi lại. Mục đích cuối cùng nối liền sáu biển: biển Caspienne, biển Azov, biển Đen, biển Trắng, biển Anh và biển Baltique. Nhờ hệ thống đường kênh này, Moscow sẽ trở thành cái cảng chung cho sáu biển. (Có những tiếng vỗ tay) Con kênh Turmène sẽ là con kênh dài nhất thế giới: 1.100 kilômét. Nó sẽ được hoàn thành trong vòng bảy năm. Kênh Panama do bọn tư sản làm chỉ đo được 84 kilômét, người ta đã phải mất ba mươi tư năm mới xong. Sau đó, đến kênh Volga Don. Hàng triệu hecta đất chết của sa mạc hiện nay sẽ biến thành vườn một khi những con kênh này xuất hiện.

Để thực hiện kế hoạch, người ta sẽ dùng vào sa mạc này năm triệu khối đá. Dòng sông Amou Daria đã chảy trên cát rồi. Ít lâu nữa thôi, tại một chỗ không xa, nơi mà hiện nay không hề có một giọt nước, tàu bè sẽ ngược xuôi đi lại giữa sáu biển liền nhau, cắm cao ngọn cờ Xô Viết. Chúng sẽ qua lại giữa sa mạc này.

Nhóm chúng ta sẽ bắt tay xây dựng khẩn trương một đường xe lửa và một đường bộ dài 80 kilômét nối liền nhà ga cuối cùng với hiện trường chúng ta. Vậy là chúng ta sẽ mang đến tận đây, trong vòng vài ba tháng nữa, đủ nước dùng cho các đồng chí chúng ta và cho các nông trường.

Boris Bodnariuk lại đưa mắt nhìn sang một thanh niên khác.

— Tiểu ban Khí tượng thủy văn sẽ có trong khu vực trồng cây để làm một chiếc cầu cây xanh nối liền chúng ta với nhà ga đầu tiên, một đội máy bay sẽ tạo ra mỗi tối một trận mưa nhân tạo trên một diện tích chừng 100 hecta. Khoảng một tuần lễ nữa, đội máy bay ấy sẽ đến với ta.

Theo một dấu hiệu của Boris Bodnariuk, một cô gái đứng lên. Cô làm ở tiểu ban thực vật học. Cô đọc tên những hạt và những cây con phải sử dụng.

— Đọc theo những nông trường hoàn toàn lộ thiên của chúng ta, các máy bay phục vụ ngành sẽ làm công việc gieo hạt. Trong sáu tháng, với tám nghìn giống cây khác nhau, chúng ta sẽ phủ xanh một diện

tích hai trăm hecta. Không thể có kinh nghiệm nào sâu rộng hơn từ ngày con người xuất hiện trên trái đất này.

Một cô gái khác đứng lên.

— Cùng một lúc với sự thay đổi độ ẩm thì sức gió cũng giảm đi. Chẳng bao lâu, chúng ta hoàn toàn có khả năng điều khiển hướng gió. Chúng ta có thể cưỡng bách những đám mây từ phương Bắc tới phải đổ mưa xuống vùng ta. Tiểu ban tôi luôn luôn thông báo cho Trung ương biết những con số về áp suất khí quyển và những hồ không khí, những hồ này có thể lấp kín do đổi hướng đi của gió. Tôi xin nhường lời cho đồng chí tiểu ban thiên văn.

Nhà thiên văn - một cô gái cao, tóc nâu - nói tiếp:

— Ngay từ bây giờ, chúng tôi có thể thông báo rằng nhờ công lao chúng tôi, ở cái phần trời Xô Viết rộng bằng cả nước Anh này, màu trời sẽ thay đổi. Theo điều tra của chúng tôi, song song với việc cải tạo khí hậu, bầu trời ở đây cũng sẽ trở nên xanh biếc như bầu trời Ukraina. Trăng sao sẽ chiếu sáng hơn. Mặt trời sẽ có màu vàng hơn và những quầng mây vàng mất trần nhìn được ấy sẽ biến tan xung quanh mặt trăng lẫn mặt trời. Đêm sẽ có một độ sáng cao hơn những vùng khác hai mươi lăm phần trăm. Sự thay đổi màu trời, ánh sáng của mặt trời, mặt trăng và tinh tú, của màu sắc ban đêm là điều có khả năng thực hiện nhờ có các Xô Viết và lãnh tụ vĩ đại của chúng ta!

Những tràng vỗ tay nổ ran. Việc đọc các bản báo cáo đã mài cái nhìn của mọi người thêm sắc sảo. Boris Bodnariuk biết rằng giờ đây cuộc hòa nhạc ban mai có thể chấm dứt. Với mỗi nhiệt tình đậm đà như vậy thì khí hậu và nắng nôi sa mạc cũng trở thành dễ chịu. Tuy nhiên, cái nhìn của anh lần này lại xoáy vào Kanayan.

— Có một vài nghìn dân bản xứ sống du mục trong sa mạc. Phải lôi kéo họ về hoạt động với chúng ta. Đây là những công dân Xô Viết duy nhất không được hưởng thụ những đặc ân của chế độ. Xin mời đồng chí Kanayan hãy nói cho chúng tôi biết làm sao tìm ra và đưa được những thổ dân đó vào sự nghiệp xây dựng của chúng ta.

Con mắt của Kanayan nhỏ, đen láy và không chớp. Chỉ có đôi môi của ông ta mấp máy.

— Có những người dân du mục trên sa mạc nhưng không thể nào đến gần và gặp được họ. Họ cũng như cát. Họ đi, họ đến và khó phân biệt được đâu là cát và đâu là người.

— Ban Chính trị có đặt dưới quyền đồng chí một vài chiếc máy bay trinh sát hay không?

Kanayan không đáp.

— Theo ý kiến đồng chí thì chúng ta có thể tiến hành điều tra số dân du mục trong thời gian bao nhiêu lâu thì xong?

— Tôi đã là Cộng sản từ cái buổi thiếu thời. Cha tôi cũng là Cộng sản. Nhưng khó mà đi sâu vào sa mạc được. Lê nin vĩ đại đã nhanh chóng chiếm được toàn bộ nước Nga. Vậy mà đi từ Moscow đến làng tôi, chỉ có tám mươi cây số, đã phải mất bảy năm mới đi nổi. Người Xô Viết chỉ mới đi tới biên thùy của sa mạc vào năm 1925. Nhưng để tiến sâu hơn nữa vào trong sa mạc, tôi không biết họ đã mất bao nhiêu thời giờ, nhưng mà khó lắm. Đó là tất cả những điều tôi biết.

Boris Bodnariuk mỉm cười.

— Các bạn! Tôi mong muốn rằng lời tuyên bố của đồng chí Kanayan sẽ là một bài học bổ ích cho các bạn. Nó chứng minh cho các bạn thấy dưới những chế độ phi Cộng sản những người đó ở địa vị thấp kém biết bao nhiêu!

Những người du mục đó chịu đói chịu khát và sống trong địa ngục sa mạc này một kiếp sống mà không một con thú nào chịu sống. Vậy mà họ cũng là những con người và là những con người Xô Viết. Họ khùng khiếp, kinh hoàng và bị hạ thấp nhân cách đến mức độ không còn đủ can đảm nhìn đến tương lai. Chúng ta đem lại cho họ nước nôi, nhà ở, một khí hậu tốt hơn, một cuộc sống xứng đáng với con người hơn. Và họ sợ. Đó là những sản phẩm của xã hội phi Cộng sản. Nó biến con người thành một con vật khiếp sợ đến nỗi họ thà bị giết hại chứ không muốn từ bỏ cái cực khổ của mình, đổi lấy một cuộc sống dễ chịu hơn. Chúng ta sẽ giúp đỡ họ mặc dù họ không thích. Ai biết yêu người, các đồng chí ạ, thì phải biết làm điều tốt cho con người và không ngại đổi mới. Sứ mệnh chúng ta là mang lại cho thế hệ mai sau một khí hậu trong lành, một trái đất phồn vinh sinh sản và một xã hội công bằng. Vì lợi ích của xã hội, chúng ta sẽ

không bắt con số vài ba ngàn người ấy trở thành những người cộng tác với ta. Đó là tình nhân đạo cao cả nhất. Ngoài các Xô Viết ra, không có một tôn giáo nào có được một lòng nhân ái sâu sắc như vậy. Chúng ta biến họ thành người cộng sự của ta mặc dầu trái ý họ, vì lợi ích bản thân họ và con cháu họ mai sau. Các Xô Viết đã được thành lập trên nền tảng tình đoàn kết của con người.

Bodnariuk đứng lên.

— Ta đi làm đi, vì lợi ích của nhân loại! - Anh nói.

Kanayan vẫn đứng yên.

IV

Doris Bodnariuk tổ chức lao động trên các hiện trường.

Rồi anh đi máy bay về Moscow. Anh nhận thêm những chỉ thị mới. Và giờ đây anh ở Kichinev vừa sáp nhập vào nước Nga.

Anh phụ trách tuyển nhân công và chuyển họ tới sa mạc để lao động, khoảng vài trăm ngàn người dân tị nạn. Họ sẽ làm các công việc cải tạo khí hậu.

— Đây không phải lần đầu tiên người Do Thái tiếp xúc với sa mạc! - Boris Bodnariuk nói - Theo dòng lịch sử, người Do Thái đã từng ở giữa những cánh đồng cát vô tận bao la.

Boris Bodnariuk có ý muốn nhìn lại cái nhà trường trung học hoàng gia, nơi anh đã bị đuổi ra với bộ đồng phục nhục nhã, khuy áo bị cắt, cách đây vừa tròn mười lăm năm. Đằng sau anh, cạnh bàn giấy là đại tá Novirok phụ trách thẩm vấn những người tị nạn. Novirok là một gã đàn ông mập mạp, thụ động.

— Hàng trăm ngàn người Do Thái ấy, những kẻ tuyệt vọng ấy tới xin cư trú trên đất Xô Viết là để khỏi bị thiêu sống như những con chuột trong các lò thiêu người của bọn phát xít. Họ là những kẻ chống phát xít vì sợ cái chết, sợ những trại tập trung, nhưng họ cũng lại chống Cộng sản. Chuyện họ tới Nga không có ý nghĩa gì. Dân Do Thái tới Nga vì họ không thể đi đâu khác. Các nước dân chủ không chịu tiếp nhận họ, trừ khi họ có tài khoản tại ngân hàng. Như nước Thụy Sĩ chẳng hạn. Những nước khác thì xa quá, nhưng chúng ta phải cách ly họ ra bởi họ đều là những kẻ chống cộng. Điện Kremlin đã chấp nhận kế hoạch của ta. Vị trí của người Do Thái là ở ngoài sa mạc. Nước Nga có hàng triệu hecta cát.

Đại tá Novirok chuẩn bị danh sách và hồ sơ của hàng ngàn người Do Thái ngay ngày mai sẽ phải dồn vào những toa tàu đóng kín cửa và chuyển đến những hiện trường để lao động cải tạo khí hậu và xanh hóa sa mạc! - Boris Bodnariuk nói. - Các bạn đã học vật lý và biết rằng một nguyên tử hydro vẫn là do một nguyên tử hydro trong bất cứ một phân tử nào có nó ở trong. Một cá nhân là một vật sáng tạo của xã hội mà ở đó nó đã sinh ra. Nó luôn luôn vẫn là nó dù nó có bị đào gốc lên và trồng vào bất cứ một xã hội nào khác.

Đó là một quy luật sắt. Theo đúng kế hoạch đã trù định, tôi có thể điều chỉnh lại, tại vùng sa mạc, màu trời, hướng gió và mức nước ở các biển, nhưng tôi biết rằng: bản chất của cá nhân thì không thể nào điều chỉnh được. Trừ phi tiêu diệt nó đi. Moise^[1] đã biết rõ điều đó, nên ông ta mới ở bốn mươi năm nơi sa mạc trước khi thử tạo ra một nước Israel mới. Ông đã ở bốn mươi năm nơi sa mạc đợi cho cái thể hệ mà ông không cần nữa chết đi. Và chỉ sau đó, với một thể hệ trẻ, ông mới bắt tay vào xây dựng. Quả là lãng mạn chính trị nếu cho rằng chúng ta có khả năng cải tạo những con người gốc tư sản thành người Cộng sản. Cũng như là lãng mạn về phía một người nếu như có một lúc nào đó hắn tin rằng có thể cải tạo một con người Cộng sản thành tư sản. Quả là ngu dốt! Khoa học xã hội chưa phát hiện ra cái bí quyết hoán cải cá nhân. Chúng ta phải chờ thêm một thể hệ nữa. Các cá nhân, tôi xin nói thêm, cũng như những nguyên tử: cuộc sống của họ không đơn độc và người ta không thể nào biến cải bản chất của họ được. Họ là sản phẩm của xã hội. Tất cả mọi cá nhân từ một nước tư sản là tư sản, dù họ là Do Thái hay chống phát xít. Vậy nên họ sẽ được đưa ra sa mạc. Ở đó, họ sẽ chết. Ở đó, họ không có thể lây lan sang những người xung quanh với những con vi trùng tinh thần và chính trị của họ. Ở sa mạc, họ sẽ như nằm trong một cái lò hấp.

Thực ra, cũng là một điều có ích cho họ bởi dù sao chúng ta cũng đã đưa họ tham gia phần nào vào một sự nghiệp lớn lao tuy có trái ý trái lòng của họ chút ít. Chúng ta mang lại lợi ích cho toàn nhân loại và cho những thế hệ tương lai. Những thế hệ này sẽ được hưởng hiệu quả những công việc khổ sai mà họ đang thực hiện hôm nay. Đối với họ, đây là một cơ may hiếm có, khác với cái cơ may chết trong các trại tập trung nazi, một cái chết hoàn toàn vô bổ. Còn với chúng ta thì dù sao họ cũng đã gặp cái may mắn ấy. Lâu nay, đối với những người Do Thái từ các nước tư bản tới, anh đã xử trí như thế nào?

— Giáo dục cải tạo. - Đại tá Novirok nói.

— Kẻ đã ra lệnh giáo dục cải tạo đó là tội phạm của chủ nghĩa lãn mạn chính trị! - Bodnariuk nói - Buổi đầu cách mạng, chúng ta đã thử nghiệm giáo dục cải tạo với các nông dân, với các sĩ quan chế độ Nga hoàng, với các linh mục. Và chúng ta đã thất bại một cách thảm hại. Một con người từ phương Tây tới phải được cách ly, đưa đi lao động hoặc tiêu diệt. Nó là loại thối rữa rồi, thối rữa! Các bạn hiểu không?

Boris Bodnariuk nhìn thành phố. Bên trên các mái nhà, lầu chuông các nhà thờ nhô cao như những ngón tay chỉ thẳng lên trời. Anh ta quay mình lại.

— Bao giờ tôi hoàn thành thắng lợi kế hoạch cải tạo khí hậu rồi, tôi sẽ phải thực hiện một ước mơ khác nữa: Tham gia biến đổi phương Tây thành một sa mạc tro. Nhìn thấy các thủ đồ lần lượt cái này sau cái kia sụp đổ tan tành với những bức tường thành và những ngôi nhà thờ trung cổ của chúng! Tham gia vào chiến dịch, các máy kéo Xô Viết sẽ tới cày xới mảnh đất cháy khô của châu Âu. Chúng ta sẽ trồng rừng lên đó, chúng ta sẽ xây cất lên đó những thành phố mới, những nhà máy, nhưng trước tiên ta hãy để cho mảnh đất ấy cháy trụi. Hoàn toàn! Để từ Odessa thấy ngọn lửa London, Berlin, Paris... Những ngọn lửa thiêu hủy cả phương Tây và tiêu diệt hết lũ vi trùng và mọi dấu vết của cái xã hội phương Tây đã kìm hãm cả nhân loại trong bóng tối dưới cái dấu thánh giá suốt hai mươi thế kỷ rông kia! Trong áp bức, trong khủng bố và kinh hoàng! Dưới dấu hiệu cả cây thánh giá! Các bạn không muốn cái cảnh tượng đó sao?

Novirok nhìn đắm đắm vào mắt của Bodnariuk. Y không nói gì. Đại tá Novirok biết rằng nếu những ý kiến của Boris Bodnariuk được các Xô Viết chấp nhận thì y có thể trả lời “có” mà không sợ gì. Nhưng nếu ngày mai Chính phủ Xô Viết lại coi ý kiến của Bodnariuk là “quá sớm”, hoặc không đúng thực tế thời sự thì tất cả những người trả lời “có” đều có thể bị nguy hiểm. Cho nên tốt hơn hết là im lặng, không nói “có” cũng chẳng nói “không” và nhất là đừng có nói ồm ồm “có thể”, vì chữ “có thể” ấy có thể hiểu “có” cũng được mà “không” cũng được. Vấn đề sống chết là phải giữ im lặng với một cái nhìn không bao hàm ý nghĩa “có” cũng chẳng bao hàm ý nghĩa “không”, một cái nhìn không trung lập cũng chẳng nước đôi, nghĩa là một cái nhìn tương tự cái nhìn của con bò, bò cái hay bò đực cũng là con bò. Đó là một thái độ bảo đảm, thái độ của viên đại tá Novirok lúc này.

Và cả dân tộc Xô Viết nữa, nó cũng cố gắng có cái nhìn như vậy.

Tại Kichinev, Boris Bodnariuk thăm các trại tị nạn của người Do Thái ở Nga. Dựa vào các bản báo cáo, anh tính con số những người đến tị nạn hằng ngày. Anh yêu cầu phải đưa họ ra sa mạc hằng tuần. Khi đi ngang qua trước trường trung học hoàng gia, đại tá Novirok chỉ ngôi nhà nguyện.

— Nó đã được chuyển thành Nhà hát. - Y nói - Một nhóm tị nạn chính trị có nhiệm vụ biểu diễn bằng tiếng Rumani.

Boris Bodnariuk và đại tá Novirok bước vào trong nhà nguyện. Một người đàn ông và ba bốn người đàn bà làm việc tại đó. Nơi xưa kia là chỗ bàn thờ Chúa, nay là sân khấu. Màn sân khấu được may bằng những chiếc áo lễ lột từ các bức tượng và các cây thánh giá ra, còn tượng và thánh giá thì ném xuống đất. Boris Bodnariuk bước tới, hai tay đút túi quần.

Những bức tượng thiên thần mắt xanh nhìn xuống những chiếc ủng bóng nhoáng của người đàn ông mặc áo khoác da đang chà đạp họ dưới bàn chân. Thánh Nicolas, các Tổng lãnh Thiên thần Michel và Gabriel, Thánh Tông đồ Pierre vẽ bằng sơn trên tường nhìn chăm chú vào chiếc khăn quàng màu đỏ quấn quanh cổ Bodnariuk. Anh tiến lên phía sân khấu. Một cô gái đang ngâm thơ bằng tiếng Rumani.

— Đây không phải nghệ thuật Xô Viết! - Bodnariuk kêu lên, tay chỉ các bức tranh trang trí.

Cô gái đang ngâm thơ bỗng im bặt.

— Ảnh trang trí này biểu hiện dòng sông Prut đang ngăn cách Tổ quốc Xô Viết với thế giới tư sản. - Một thanh niên trả lời. Anh ta là họa sĩ của đội - Bờ sông phía tư sản thì nghèo nàn, toàn là những nô lệ làm việc. Còn bờ sông phía Xô Viết thì phồn vinh, tràn đầy hoa lá tươi xanh.

— Những cây dương phía bờ Xô Viết nói lên ý nghĩa gì? - Boris Bodnariuk hỏi.

— Những cây dương ấy góp phần phản ánh không khí nên thơ của đất nước Xô Viết. - Anh chàng họa sĩ đáp - Đối với chúng tôi, những nghệ sĩ tị nạn, cái bờ sông của Xô Viết là bờ bên của Tự Do.

Anh chàng họa sĩ, nữ nghệ sĩ đang biểu diễn trên sân khấu, đại tá Novirok, các nghệ sĩ khác đang ở trong phòng kinh hãi nhìn Boris Bodnariuk. Họ cảm nhận rằng Boris là một cán bộ cấp cao của Chính quyền Xô Viết. Số phận nhà hát phụ thuộc vào anh ta. Các Thánh, các Thiên thần, Đức Mẹ, Chúa Trời, các Tổng lãnh Thiên thần cũng nhìn Boris Bodnariuk, nhưng con mắt họ vẫn bình thản. Họ biết rằng số phận họ trong cái nhà thờ này đã được quyết định rồi. Họ được bọc thêm một lớp sơn bằng xi măng và bằng những câu châm ngôn Cộng sản, vì vậy mà họ chẳng sợ gì.

— Trong bức bích họa này, - anh chàng họa sĩ nói - chúng tôi kể lại đoàn kịch Eddy Thall chúng tôi ở Bucarest. Chúng tôi đã trốn tránh sự khủng bố của phát xít và tìm một nơi tị nạn tại đất nước Xô Viết tự do. Đây là một câu chuyện có thực.

— Khi các người đặt chân lên bên bờ Xô Viết, các người không trông thấy một nhà máy, một xưởng sản xuất nào ư? Vì sao các người chỉ biểu hiện dòng nước sông Prut chảy qua trên những lớp cỏ dại và những khoảng đất khô cằn?

— Tôi đã cố gắng biểu hiện cho được tính chất diễm tình của bờ sông Xô Viết! - Họa sĩ đáp.

— Nước một con sông khi chảy qua giữa những đám cây dương liễu và cỏ dại phải chăng chứa đựng nhiều chất thơ hơn là khi nó quay bánh xe của một nhà máy điện cho ánh sáng tràn ngập đôi bờ? - Bodnariuk hỏi - Phải chăng có nhiều thơ hơn trong một cây dương liễu và hai con bò cái so với một nhà máy cung cấp ánh sáng cho hàng chục làng mạc, hàng nghìn ngôi nhà trong đó có công dân Xô Viết đang sống? Một con bò cái lại nên thơ hơn một nhà máy thủy điện ư? Và một cây dương liễu nên thơ hơn một cỗ máy kéo?

— Ý định chúng tôi là biểu hiện tấm lòng tri ân của chúng tôi đối với các Xô Viết đã ban cho chúng tôi cái quyền trú ngụ. - Anh chàng họa sĩ nói (anh ta đã bắt đầu run lên) - Tôi đã lý tưởng hóa tất cả ở phía bờ Xô Viết.

— Các người biểu thị tấm lòng tri ân đối với các Xô Viết bằng cách khuyến khích khán giả quay lưng lại với những thành tựu xã hội chúng ta đã đạt được để nhìn một mảnh đất khô cằn trên đó có những con bò cái và những con cừu gặm cỏ ư? Các người khuyến khích khán giả quay lưng lại với nhà máy, với lao động, với tiến bộ và với những thành tựu xã hội, và các người bảo đó là tấm lòng tri ân đối với các Xô Viết ư? Ở đất nước Xô Viết, cái đó gọi là tội phá hoại nghệ thuật và bị trừng phạt ngang hàng với các trọng tội khác.

— Tôi xin ăn năn tội lỗi^[12] - Họa sĩ nói - Chúng tôi sẽ làm lại toàn bộ phần trang trí. Ngài có muốn nghe một màn hát do nghệ sĩ ưu tú Eddy Thall của chúng tôi biểu diễn không ạ?

Eddy Thall mặc bộ áo quần dân tộc đang biểu diễn một bài độc tấu. Đó chính là câu chuyện của chính đời nàng. Nàng kể lại việc nhà hát của nàng bị đóng cửa như thế nào, ngôi nhà riêng của nàng bị trưng thu như thế nào, Tinka Neva đã bị đuổi đi như thế nào, Lidia Petrovici đã bị thiêu như thế nào. Nàng kể lại cái chết của Milostiva Debora Paternik và của hàng triệu sinh linh. Nàng kể lại những mưu toan di tản về Palestine cùng với một số bạn bè, đâu biết rằng một khi trở về Đất thánh rồi họ sẽ tức khắc bị người Anh bắt giam giữ. Họ đã muốn di tản, vì tuyệt vọng, nhưng chiếc tàu Adassa đã bị đắm tại Biển Đen với toàn bộ “kho hàng Do Thái” của nó. Những kẻ sống sót đã quay về nước Nga và nước Nga đã đón tiếp họ như nó đón tiếp tất cả những người bị khủng bố.

— Vì sao các người lại mặc y phục này? - Boris Bodnariuk đột ngột hỏi.

— Đây là y phục nước Cộng hòa Xô Viết Moldavia. - Người họa sĩ trả lời.

— Một công dân Xô Viết không mặc y phục như vậy - Boris Bodnariuk nói - Bởi đây là y phục một xã hội lạc hậu, y phục dân tộc ấy chỉ là y phục một người đàn bà nô lệ! Với y phục ấy, người đàn bà không thể nào làm việc được. Với y phục ấy, người đàn bà bị coi như bị xích tay ở nhà máy cũng như trong giờ thể thao, trong giờ nghỉ ngơi. Các nữ nghệ sĩ lên sân khấu phải mặc quần áo như thế nào để có tác dụng hướng dẫn cho các nữ công dân Xô Viết trong việc lựa chọn cách ăn mặc. Cô gợi ý cho các khán giả của cô lựa chọn những y phục nô lệ và đặt tên cho nó là y phục dân tộc.

— Chúng tôi sẽ thay những y phục khác! - Người họa sĩ nói. - Lỗi tại tôi.

Eddy Thall lại tiếp tục độc tấu, nhưng nàng run lên vì kinh hãi. Boris Bodnariuk ngắt lời nàng.

— Nữ nghệ sĩ đang kể chuyện gì? - Anh ta hỏi.

— Đây là đoạn những người tị nạn vừa phát hiện ra dân tộc Xô Viết tự do mà lâu nay họ không hề biết chút gì về nó, bởi sự tuyên truyền tư bản đã giấu sự thật về nước Nga.

— Trong các nước tư sản có hàng triệu người Cộng sản chết như những người tuần đạo vì đã dám kể cho đồng bào họ biết sự thật về các Xô Viết chúng ta. Không nhớ chuyện đó tức là phủ nhận chuyện đấu tranh và xuyên tạc lịch sử. Người nghệ sĩ nào xuyên tạc lịch sử là phạm một trọng tội.

Boris Bodnariuk đi ra phía cửa. Với đôi ủng đen của mình, anh ta đạp chân lên những hình thánh giá thêu, những bức tượng thánh bằng sứ men và nhung lụa bị ném ngổn ngang dưới đất.

— Không có khả năng giáo dục cải tạo đối với bọn tư sản! - Anh ta nói - Đồng chí hãy gửi bọn nó sang vùng sa mạc, ngay chuyến xe đầu tiên. Các đoàn khác về sau đến khi nào cho đi khi nấy. Mỗi tuần có một chuyến đi. Con người của giai cấp tư sản không thể nào giáo dục trở lại được. Nếu chúng ta nghĩ ngược lại, chúng ta sẽ trở thành thủ phạm về tội lãng mạn chính trị!

Đoàn người Do Thái đầu tiên đã đến sa mạc. Họ thu xếp ở trong các căn lều và bắt tay xây dựng con đường sắt nối liền nhà ga cuối cùng với hiện trường của họ.

Trong buổi họp ban sáng vài ngày sau khi đám tù binh tới và ổn định nơi ăn chốn ở trong lều, Boris Bodnariuk nói:

— Hiện nay có vài ngàn thợ gốc tư sản đang xây dựng con đường dẫn nước, đường sắt và đường bộ nối liền hiện trường với vùng đất màu mỡ. Tuyệt đối không được tiếp xúc với họ. Số lượng những người này mỗi tuần đông thêm và chúng ta sẽ có một nguồn nhân lực vô tận cho công việc đang làm của chúng ta.

Boris Bodnariuk làm hiệu cho một cô gái tiểu ban địa chất. Đây là một sự mở đầu buổi “Ca nhạc ban mai”. Cô gái đứng thẳng người lên và đọc một mạch thuộc lòng:

— Mảnh đất mà hiện nay chúng ta đang có mặt, theo kiểm nghiệm của chúng tôi, có chứa đựng những túi dầu quan trọng. Ngoài dầu hỏa, chúng ta còn tìm khai thác một số quặng kim loại khác nữa và than đá. Sự hiện hữu của khí đốt tự nhiên là chắc chắn rồi. Công cuộc khai thác những kho tàng dưới đất vùng sa mạc sắp sửa tiến hành và chúng ta có thể đảm bảo với các đồng chí rằng, trong một thời gian rất ngắn, những chỗ mà ngày nay chỉ là cát trắng sẽ mọc lên những thành phố công nghiệp lớn với những nhà máy lọc dầu, những xưởng chế tạo hóa chất. Tất cả những công việc ấy đều có thể thực hiện được nhờ có sự hợp đồng cố gắng trong kế hoạch nhà nước Xô Viết về trồng cây và cải tạo khí hậu vùng sa mạc.

Những tiếng vỗ tay lan rộng vừa dứt thì theo một cái ra hiệu của Boris Bodnariuk, trưởng tiểu ban hóa chất đứng lên.

— Những cây con mà các đồng chí tiểu ban khác đã gieo, chúng tôi đã kiểm tra, nghiên cứu kỹ lưỡng qua phòng thí nghiệm hóa học. Chúng ta đã có thể khẳng định ngay từ bây giờ rằng: một số hóa chất không có hoặc rất hiếm trên thị trường sẽ được cung cấp tại các nông trường sa mạc. Như vậy, chúng ta sẽ có ngay nơi này những nhà máy hóa chất lớn. Đây tôi xin nêu vài con số: Runex humenobepalus là một cây rất giàu chất tamin. Nó cũng có thể cho chúng ta một số chất kháng sinh hữu hiệu trong việc điều trị bệnh lao. Một loại cây Agave thì có chất rượu còn và một thứ sợi thực vật rất giá trị trên thị trường. Larea Divaricata một loại cây thảo quanh năm xanh tốt, chứa đựng một thứ nguyên liệu cực kỳ quan trọng trong công nghiệp hóa chất. Bằng cách trồng cây phủ sa mạc, ngành hóa học tìm ra được một kho dự trữ lớn về nguyên liệu mà không một chỗ nào cung cấp đủ. Chúng ta đã xác minh được trên năm trăm loại cây rất quý cho chúng ta. Chúng ta có đủ chứng lý để khẳng định rằng sa mạc chính là trang trại của những phòng thí nghiệm và những nhà máy hóa chất tương lai.

Boris Bodnariuk lại chỉ định trưởng tiểu ban rau quả đứng lên phát biểu ý kiến.

— Sa mạc có thể cung cấp cho chúng ta, theo thí nghiệm của chúng tôi, khoảng 12 kilô khoai tây trên mỗi mét vuông, một bắp cải có thể cân nặng năm kilô, một củ hành trồng ở đây có thể cân nặng 380 gam. Mảnh đất chết này sẽ còn dành cho tiểu ban trồng vườn nhiều chuyện bất ngờ vô cùng to lớn. Chúng tôi đang chờ những kết quả quan trọng trong tương lai.

Một thanh niên khác đứng lên. Đó là người phụ trách tiểu ban vệ sinh.

— Các trại tù nhân đặt cách hiện trường năm mươi cây số, có thể trở thành một nguồn ô nhiễm cho cả sa mạc. Do gốc gác tư sản, bọn thợ ấy vóc lực mỏng manh, tỷ lệ chết cao. Sa mạc là nơi khó xây những nghĩa địa. Gió sẽ thổi bay mồ mã đi một cách dễ dàng. Vì trùng có thể di chuyển hàng trăm cây số và có nguy cơ ô nhiễm cả bầu không khí, gây ra nạn dịch tễ ở cả những vùng cách xa hàng ngàn cây số. Tôi đã đề xuất ý kiến là các xác chết phải được hỏa thiêu chứ không chôn cất. Lý do: các ngôi mộ có thể bị gió đào xới đến tan hoang.

Boris Bodnariuk mỉm cười. Anh nhìn đồng chí phụ trách cảnh sát. Sau đó anh giơ tay làm hiệu và cô

thư ký Natacha Olt đứng lên. Cô cầm một mảnh giấy và đọc:

— Đồng chí trưởng ban vệ sinh vừa cho chúng ta biết một thông báo thú vị: Văn phòng Trung ương Vụ trồng cây sa mạc, bao gồm những nhà bác học Xô Viết vĩ đại, đã từ lâu giải quyết xong vấn đề xây dựng nghĩa địa ở vùng sa mạc. Đáng rằng không thể dựng những ngôi mộ trên cát vì sợ xác chết dễ dàng bị gió thổi lật tung lên, nhưng sự hòa thiêu hài cốt là một sai lầm. Ủy ban Trung ương Trồng cây ở vùng sa mạc cát đã có một quyết định thiên tài. Nữ đồng chí tiểu ban nông trường cây ăn quả sẽ thông báo quyết định cho các đồng chí rõ.

Một cô gái khác đứng lên:

— Vấn đề xác người chết ở sa mạc đã được giải quyết như sau: người chết sẽ được chôn sâu 60 centimét dọc theo đường ống dẫn nước, xác nọ cách xác kia 5 mét. Trên mỗi xác chết sẽ phủ một lớp đất sét dày 10 phân để cố định nó một chỗ. Sau đó dưới sự kiểm soát của tiểu ban trồng cây, người ta sẽ trồng lên mỗi chỗ đó một cây ăn quả, mỗi ngày tưới năm lít nước trong một thời gian cần thiết cho cây bén rễ và xác chết rữa ra, nhằm cố định chất đất. Qua cách đó, chúng tôi đã xác nhận qua những thí nghiệm lặp đi lặp lại nhiều lần tại nhiều khu vực của sa mạc, cát được cố kết chắc lại và cái mộ không còn có thể bị gió thổi bật ra ngoài được nữa. Những thuận lợi của phương pháp này có thể nói là vô cùng phong phú. Con đường dẫn nước, con đường sắt, con đường bộ có trồng cây hai bên sẽ được che kín cả gió cả cát như bởi hai bức bình phong. Sau đó, người ta sẽ tạo ra một cái “cầu cây xanh” nó sẽ góp phần củng cố khoảng đất xung quanh và cho phép mở rộng khu vực trồng cây ra hai bên. Con đường máng dẫn nước khuất dưới bóng cây, sẽ không còn bị phơi dưới ánh nắng mặt trời chói chang nữa. Cây cối sẽ sai trĩu quả. Ủy ban Trung ương đã kiểm nghiệm và thấy rằng một cây ăn quả trồng ở nghĩa địa trên một xác chết như vậy, sản xuất ra một lượng trái nhiều gấp đôi những cây khác. Và như vậy, trong thời gian năm tháng, tức thời gian cần cho xác chết thối rữa. Chất lượng trái cây thu hoạch được từ những cây trồng trên xác chết như vậy thật là hoàn hảo, không gì so sánh được. Những trái anh đào chẳng hạn, dày cơm và ngọt hơn. Và phương pháp này đã được áp dụng từ thời kỳ xa xưa. Chính vì vậy mà tất cả các nghĩa trang nông thôn đều có trồng cây trên mộ. Nhờ các Xô Viết, phương pháp này đã được đưa vào kế hoạch và nó sẽ được vận dụng trên một quy mô khổng lồ ở đây, trên sa mạc, tại hiện trường của chúng ta!

Boris Bodnariuk mỉm cười.

— Các Xô Viết không quên điều gì bao giờ, kể cả những xác người chết nơi sa mạc. Mọi sự đều đã được nghiên cứu kỹ càng.

Anh ta lại mỉm cười lần nữa và tuyên bố bế mạc cuộc họp.

VII

Một chiếc xe tải xuất hiện tại hiện trường xây dựng đường ống dẫn nước và con đường sắt. Đây là một cuộc thanh tra bất ngờ. Boris Bodnariuk xuống xe trước, tiếp theo là Natacha, ông trưởng ban nông trường, ông chính trị viên, ông bác sĩ và ba thanh niên khác. Người xuống xe cuối cùng là Vladimir Kanayan.

Người ta ra lệnh trồng cây và chôn cất hàng ngày những người bị chết. Trong lúc Boris Bodnariuk xem xét công việc đắp nền đường mà dọc hai bên người ta đã đào sẵn hai mươi bảy cái hố hình chữ nhật sâu sáu mươi phân, thì hai mươi bảy nữ tù nhân, áo quần rách rưới, bế hai mươi bảy cây keo như hai mươi bảy bó đuốc, từ trong một căn lều có lính gác đi ra.

— Chúng ta trồng cây keo vì loại cây này có thể bén rễ ở đất cát dễ dàng hơn loại cây khác. Trong mười bốn tháng nữa, những cây keo sẽ được ghép mầm và trở thành cây ăn quả.

Cũng từ căn lều mà những phụ nữ bê những cây con đã khô như bê những bó đuốc vừa đi ra ấy, bọn tù nhân đàn ông hai hàng dọc đi ra, cứ hai người khiêng một xác người mới chết trong ngày đi ra đặt xuống cát, gần bên miệng hố. Boris Bodnariuk không nhìn những xác chết trần truồng. Các xác chết đều đặt nằm sấp để người ta không phân biệt được đàn ông hay đàn bà. Viên trưởng ban nông trường ra hiệu một cái là hai người đàn ông lập tức túm chân và đầu người chết ném xuống hố. Sau đó, người ta mang tới, trên những chiếc xe cút kít một khối lượng đất vàng. Tên tổ trưởng kiểm lại xem người ta có phủ lên mỗi xác chết đủ khối lượng mười phân đất sét hay không. Người ta mang những cây con lại và chăm chút, cẩn thận trồng lên đúng chỗ ngực người chết.

Công việc này do đàn ông làm. Đàn bà chỉ đứng nhìn. Tất cả diễn ra trong yên tĩnh cho tới khi xuất hiện năm thùng nước lớn chở đến trên những chiếc xe to. Lập tức con mắt của các tù nhân sáng lên. Khát! Mấy thùng nước càng chuyển gần tới hàng cây con mới trồng thì mắt các tù nhân càng mở to hơn nữa, sáng lên hơn nữa, đàn bà cũng như đàn ông. Người ta cảm thấy được rằng mỗi người họ đang nắm chặt tay lại để khỏi lao vào những thùng nước kia. Những cái lưỡi khô không khốc liếm mạnh lên những làn môi cháy bỏng vì khát nước. Khi người ta tưới nước xuống cát thì con mắt các tù nhân cháy lên như con mắt những người kinh hoàng. Nhưng đồng thời với vòi nước chảy xuống cát người ta thấy cạnh những chiếc thùng tua tua những lưỡi lê của bọn lính canh.

— Những vi phạm duy nhất cần báo lên là những vụ trộm nước. Mỗi thùng phải được canh gác ngày đêm bởi một số lính gấp đôi. - Ông chính trị viên nói.

Bodnariuk nhìn dòng nước chảy ra trên cát. Anh ta không nói gì. Natacha đã rời hiện trường ngay khi người ta khiêng những xác chết đến. Xa xa, cô nghe một giọng nói quen thuộc. Cô quay mình lại. Vladimir Kanayan đang nói với một nữ tù nhân.

“Không ai được phép tiếp xúc với các công nhân hiện trường!” Natacha toan hét lớn lên như vậy. Nhưng rồi giọng nói của Kanayan vọng đến tai cô, rành rọt.

— Cứ đưa tôi năm đồng vàng, tôi sẽ đưa bà về Israel. Cho đến nay, tôi đã thực hiện được bốn chuyến rồi. Công việc dễ ợt. Đi phía này, qua Iraq, Israel gần lắm mà! Và chẳng phải là đất đâu. Chỉ có năm đồng vàng. Có những tốp dân địa phương họ sẽ đưa người đi sang Iraq mỗi đêm. Ngay đêm nay nếu như cô muốn.

Người đàn bà mà Kanayan đang nói chuyện tầm vóc to cao và đẹp, hơi gầy. Nàng lắng nghe, không nói gì. Natacha nhẹ nhàng bước tới gần, vẫn quay lưng lại.

Người ta nghe người đàn bà, với giọng thanh thót, hỏi lại Kanayan bằng một câu tiếng Nga không xuôi lắm, vừa đủ hiểu:

— Ông có bảo đảm đưa chúng tôi qua bên kia biên giới sau khi chúng tôi đã đưa tiền không? Chúng tôi có thể yên tâm rằng ông sẽ không giết chúng tôi không?

Giọng của Kanayan lại vọng lên lần nữa:

— Khi bà tới gặp bác sĩ - hấn nói - thì cái điều duy nhất bà hỏi là ông ta có lành nghề hay không. Thế thôi. Sau đó, bà ở trong tay ông ta và không thể kiểm tra xem ông ta làm cho bà những gì nữa. Một khi nằm trong tay ông ta rồi, chỉ còn vấn đề tin cậy. Tại phòng khám của bác sĩ, không có chuyện bảo đảm. Với những đoàn du mục chỉ huy những cuộc vận chuyển sang Israel cũng vậy. Cái chính là biết chắc chắn họ thuộc đường qua sa mạc. Và thật sự là họ thuộc đường. Còn lại là vấn đề tin cậy.

Người đàn bà suy nghĩ.

— Ngày mai, sau nửa đêm, sẽ có những người đàn ông tới đây, nhận của những người Do Thái có năm đồng vàng. Họ sẽ gặp các người ở chỗ những ngôi mộ chôn những người chết hôm nay. Họ sẽ tới bằng cách trườn lê sát đất. Đừng có sợ. Tối mai không có trăng và đừng có ai tới mà trong túi không có năm đồng vàng! Dân du mục là hạng người bà có thể tin cậy được. Họ không phải là dân Xô Viết. Không một ai.

Eddy Thall nhìn thẳng vào mặt Kanayan, hấn ta cũng nhìn lại và mỉm cười.

Người ta nghe tiếng Bodnariuk nói bên cạnh:

— Kẻ nào chỉ sống trong hiện tại mà thôi là một kẻ dã man hoặc một tên phản bội. Con người cũng phải sống trong tương lai nữa và họ chỉ có thể sống như vậy khi hòa mình vào trong một kế hoạch. Kế hoạch là dịp may duy nhất thực tế của con người. Người ta có thể chinh phục tương lai không phải bằng cá nhân mình mà bằng tập thể và theo đúng kế hoạch. Những người hôm nay đang sống nơi sa mạc, đang khổ sở vì cơn khát. Đó là hiện tại. Nhưng họ chịu đựng cơn khát cho các thế hệ mai sau có nước trên trái đất này. Nhờ kế hoạch của chúng ta mà con người của tương lai không còn biết đến cơn khát nước và hạn hán. Chúng ta sẽ chôn vùi dưới các nông trường vài trăm nghìn người hòng cứu lấy hàng triệu người trong tương lai. Còn tình cảm nhân đạo nào cho bằng? Có lòng nhân ái nào cao đẹp bằng?

Chiếc xe tải lăn bánh. Natacha cắn môi không dám nhìn Kanayan. “Tối nay mình sẽ nói cho Boris Bodnariuk những điều mình vừa nghe thấy. Anh ấy sẽ bắt chúng nó quả tang”.

“Đây là sinh vật đầu tiên xuất hiện trên sa mạc!” Cô ta nhìn Kanayan với thái độ kinh tởm và nghĩ rằng các Xô Viết đã làm đúng khi họ đi tìm kẻ thù của nhân dân trên bãi cát, trong chùm rễ cây và trong các mồ mả của người chết, bởi kẻ thù đó ở khắp mọi nơi.

VIII

Một chiếc xe tải đầy những lính canh chờ trước lán. Xung quanh Bodnariuk có nhiều sĩ quan cảnh sát với những quân hàm rộng bản.

Boris Bodnariuk vui vẻ hoan nghênh sự hiện diện của họ trong sa mạc. Anh ta có vẻ như quen biết họ. Anh ta bắt đầu kể cho họ nghe việc trồng cây trên xác chết ven đường ống dẫn nước. Các sĩ quan nhìn đồng hồ. Bodnariuk cùng với họ đi vào phòng làm việc của hiện trường. Natacha và Kanayan mang ghế tới. Cô thư ký da mặt xanh mét. Cô cúi xuống và nói nhỏ vào tai Bodnariuk:

— Em muốn báo cáo với thủ trưởng một vấn đề cực kỳ nghiêm trọng.

Cô muốn nhắc lại từng chữ nguyên văn cuộc hội thoại giữa Kanayan và người nữ tù nhân. Mắt cô nhìn đắm đắm vào quân hàm của các sĩ quan chưa quen biết.

— Những thông báo quan trọng sẽ thực hiện sau. Hãy để chúng tôi một mình! - Một viên sĩ quan nói.

Boris Bodnariuk ra hiệu cho Natacha Olt ra ngoài.

— Đây là một việc hết sức nghiêm trọng! - Viên sĩ quan đã ra lệnh cho Natacha ra ngoài nói (hắn ta đang đứng ngay trước cửa sổ) - Cơ quan tình báo của ta đã bắt giữ toán tù nhân thứ hai chạy trốn thuộc khu vực đồng chí.

Các sĩ quan nhìn Bodnariuk đắm đắm. Qua bức tường bằng ván ghép, Natacha nghe lỏm được câu chuyện của phòng bên cạnh. Và cũng qua bức tường bằng ván ghép, phía sau lán, Vladimir Kanayan cũng đang đứng nghe.

— Có một tổ chức làm cái việc chuyển tù nhân ra nước ngoài.

Sáu viên sĩ quan ngồi ở ghế. Một trong bọn họ ghi biên bản. Những người khác nhìn Boris Bodnariuk.

— Những người chết trong trại đã được tận dụng cho các nông trường. Người ta đã phát hiện ra rằng con số những cây trồng thấp hơn số tù nhân chết. Tôi đã báo cáo sự kiện này kịp thời. Thiếu năm ngôi mộ và tôi cũng đã mạnh dạn nói lên những giả thiết của tôi.

— Chúng tôi yêu cầu được nghe những giả thiết ấy.

Boris Bodnariuk mỉm cười. Anh nhìn sáu viên sĩ quan đang ngồi trước mặt. Họ đang khát nước. Họ đang mệt mỏi.

— Chúng ta chôn người chết dọc theo đường dẫn nước và trồng lên trên mỗi xác chết một cây con nhằm tạo nên một nhịp cầu cây xanh, không những trên xác tù nhân mà cả trên xác loài vật. Chắc chắn là bọn tù nhân đã đánh cắp xác năm con ngựa, lừa và la để ăn thịt. Đây là một suy diễn hợp lý. Muốn kiểm tra cho chính xác là xác vật hay xác người, thì cần phải kiểm tra cả bốn trăm cái mộ, nghĩa là phải hy sinh đi bốn trăm cây con. Chúng tôi đã phản đối cách làm này. Mỗi một cây trồng lên tốn của chúng ta năm lít nước. Tôi tin chắc đó là những xác vật chứ không phải xác tù nhân.

Bodnariuk nói tiếp:

— Bọn tù nhân không thể đi lại được. Muốn trốn sang phía Tây, họ phải vượt nhiều tầng dây thép gai. Mọi mưu toan trốn về phía Đông thì ta có thể loại trừ. Đi về phía Nam là một ngàn cây số sa mạc cát mênh mông. Đó là những tên lính canh giỏi nhất. Không một con chim nào có đủ nghị lực để bay qua, sợ cháy cả cánh. Sa mạc là tên lính canh có hiệu lực hơn tất cả.

— Về phương diện cảnh sát, chẳng có gì gọi là chắc chắn tuyệt đối! - Một sĩ quan khác nói - Mỗi một cộng tác viên đều phải được kiểm soát cẩn mật đêm cũng như ngày.

— Nghi vấn cả sa mạc cát quả là điều phi lý. Nó không để cho một người nào băng qua nó được đâu. Các đồng chí hãy ra và thử đi về phương Đông hoặc phương Nam xem! Các đồng chí không đi nổi hai cây số. Các đồng chí sẽ bị khô người, bị quay sống lập tức!

— Tất cả những tù nhân trốn thoát của khu vực đồng chí đều đi theo hướng đó. Họ đã làm những bản tường trình đầy đủ về sự kiện này, mọi việc đều đã rõ ràng. Chúng tôi đến đây là để bắt những tên đồng

lửa, tức những người đã cho phép họ băng qua khu vực cấm.

Viên đại tá rút trong túi ra một vài cái giấy thông hành.

Những giấy thông hành chỉ có thể do Bodnariuk cấp. Anh xem những cái giấy đó.

— Chúng tôi muốn biết những tên đồng lửa nào trong văn phòng của đồng chí đã cấp giấy thông hành cho bọn kẻ cướp ấy?

Con mắt các viên sĩ quan đổ dồn về phía Bodnariuk. Họ quan sát từng thớ thịt trên khuôn mặt của anh. Ngay lúc đó, ở phòng bên cạnh, Natacha Olt đứng dậy. Cô phải nói sự thật, bởi một mình cô biết sự thật đó. Kẻ thù của nhân dân, con rắn lục cần phải đánh đập đầu, kẻ tổ chức trốn tù, chính là Vladimir Kanayan.

Cô bước ra cửa. Cô chuẩn bị những câu cần thiết để tố cáo. Từ cửa sổ của căn lều, Vladimir Kanayan theo dõi từng cử chỉ, từng động tác của Natacha. Và khi cô đặt tay lên quả đấm của cánh cửa, hấn lập tức nhắm vào chiếc áo hở vai màu trắng của cô thư ký và bắn liền ba phát súng ngắn. Đoạn hấn ném khẩu súng vào chân Natacha. Và trước khi cô ngã xuống, hấn đã đứng phía bên kia lán để tiếp tục nghe trộm cuộc tranh luận.

Nhưng cuộc tranh luận không còn. Có tiếng bàn ghế đổ, tiếng cửa đóng rầm, tiếng giày, tiếng ủng. Lung Kanayan nhỏ giọt từng dòng mồ hôi lạnh như kim loại, nhưng nét mặt hấn không thay đổi, thân thể hấn bất động. Các viên sĩ quan lạ ủa vào phòng của Natacha. Họ thấy cô ta đã chết. Họ thấy khẩu súng lục, những vết máu, chiếc áo hở vai bị thủng.

— Tên thủ phạm đầu tiên đã tự thú một cách đầy đủ. - Viên đại tá thét - Không có lời thú tội nào đầy đủ hơn, tự phát hơn của chính kẻ phạm tội.

Vladimir Kanayan đã hóa thành tro như một tảng đá. Hấn nghe tiếng nói của viên đại tá:

— Anh bị bắt để điều tra, Boris Bodnariuk!

Kanayan đứng lên. Qua cánh cửa sổ để ngỏ, hấn nhìn thấy vầng trán cao của Bons Bodnariuk, hấn nhìn thấy cái dáng người trí thức lỏng lẻo của anh. Hấn nhìn thấy một viên sĩ quan trẻ túm lấy lưng anh, một tên khác cầm lấy bàn tay anh cho một tên khác trời lại, những bàn tay trắng của Boris Bodnariuk. Và hấn đứng thẳng người, rất thẳng, bất động. Như một pho tượng thạch cao.

Một viên sĩ quan rút ngắn kéo lấy ra một số giấy tờ.

— Từ hình những tên phản bội và những kẻ không phát hiện ra nó! - Boris Bodnariuk nói.

Anh ta tự nói với lòng, như thầm thì, dần từng tiếng. “Ta đã không được hạnh phúc xử tử người con gái phản bội, nhưng ta muốn làm tròn nhiệm vụ ta đối với các Xô Viết bằng cách giết những kẻ đã không phát hiện ra vụ phản bội mặc dù nó diễn ra ngay bên cạnh ta, dưới sự bảo hộ của ta. Kẻ nào không thấy được kẻ thù của các Xô Viết thì không phải là người Xô Viết. Một người mù không thể là Cộng sản. Không! Boris Bodnariuk, không! Bodnariuk!”

Bàn tay Bodnariuk nắm chặt lại. Nó có vẻ như to lớn hơn, mệnh mông hơn. Có thể nói những nắm tay đó không thể nằm trong những chiếc còng kia được, và trong đầu óc anh ta cũng như nắm tay phồng lên đầy uất hận, là cái tội ác mà anh phạm phải: không kịp thời phát hiện những quân phản bội làm việc ngay bên cạnh anh ta, nó như phồng to lên với một mức độ kinh hoàng. Bodnariuk biết rằng có những tội ác mà sau khi nó đã qua rồi người ta cũng không sao sống nổi. Anh nắm chặt bàn tay, hai hàm răng nghiến chặt. Đôi cánh tay anh bỗng gờ lên với một nghị lực quả quyết đến nỗi như không còn một cái gì giữ nó lại được nữa. Đôi cánh tay ấy gờ lên, bàn tay nắm chặt trước ngực bằng tất cả sức mạnh của cơ bắp và tất cả sức mạnh của tinh thần; và những chiếc còng gờ lên đập vào vầng trán với một sức mạnh kinh khủng khiến cho cái nhìn của anh trong nháy mắt đã bị chìm đắm. Trong cái phân số của một phần giây đồng hồ đó, mắt anh chỉ nhìn thấy một trời vô tận những ngôi sao xanh, nhỏ li ti, hăng hà sa số. Rồi những ngôi sao ấy đỏ rực lên như những dòng máu đang đầm đìa trên trán của anh. Anh cảm thấy miệng nóng ran và trong một giây lát mặt anh chạm sàn nhà lát gỗ. Bây giờ chỉ còn là một bóng tối sẫm màu tím. Rồi sau đó, chẳng còn gì nữa. Hoàn toàn chẳng còn gì nữa!

— Lôi hấn đặt lên xe! - Viên đại tá ra lệnh (hấn nói với thái độ căm thù). - Một người Cộng sản, dù đã phạm tội ác vẫn cứ phải làm việc cho Đảng bằng cách vạch mặt những tên đồng lửa khác. Boris Bodnariuk đã bỏ quên nhiệm vụ đó của mình. Cái chết đó có tên là đào nhiệm. Đó không phải là cái chết mà là một tội ác, tội trốn tránh trách nhiệm của mình.

IX

Sau khi chiếc xe tải đi rồi, chỉ còn lại trên ngưỡng cửa một vệt máu: máu của Boris Bodnariuk. Đó là tất cả những gì anh ta còn để lại sau mình. Cho đến lúc này, từ hồi mới ba tuổi, bao giờ anh cũng để lại sau anh những vệt máu; nhưng cho tới khi chiếc xe tải ấy tới, là máu của người khác. Bây giờ thì anh để lại chính máu của anh ta.

Ngày hôm sau, những biện pháp canh sát được tăng cường. Người ta chôn Natacha dưới một cây con như mọi xác tù nhân hoặc xác loài vật chết tại hiện trường. Mỗi tối, người ta vẫn tiến hành đều đặn việc chôn xác người chết dọc theo đường ống nước. Bây giờ có máy bay tới gieo hạt cây lê, bãi cát, một tuần hai lần.

Vladimir Kanayan giúp đỡ cho bọn trẻ trong công tác tìm tòi khảo sát. Một hôm, hắn gặp Eddy Thall, người nữ tù nhân xinh đẹp. Nàng ra hiệu cho hắn biết nàng đã có đủ năm đồng vàng. Vladimir Kanayan nhún vai. Giờ đây, sa mạc được canh gác quá cẩn mật. Không thể nào trốn thoát được nữa rồi.

Nhiều tháng sau đó, một đoàn xe tải xuất hiện. Các tù nhân bị xếp hàng đôi và đưa ra khỏi sa mạc, không phải dưới sự chỉ đạo của Moise mà dưới sự áp giải của lính canh Xô Viết. Kế hoạch cải tạo khí hậu và trồng cây sa mạc đã phải hoãn lại.

Chiến tranh đã được tuyên bố. Nhân lực phải được sử dụng vào những nơi khác. Lều lán được gỡ đi. Gió lại thổi về cùng với những trận bão cát sa mạc, và dấu tích của các Xô Viết đã bị xóa sạch trơn. Trở lại chỉ có cát và mặt trời đốt cháy mọi vật, kể cả thi hài người chết. Bodnariuk đã để lại máu. Kế hoạch của các Xô Viết để lại những thi hài.

Vladimir Kanayan lần nữa lại sống một mình với cái nắng hạn, với cái lò nung, với cát.

"Mình, mình đã biết chúng nó không thể nào biến sa mạc thành vườn cây. Dù cho chiến tranh không xảy ra chẳng nữa, thì chúng nó cũng không bao giờ thành công. Để có kết quả, chúng nó đã trồng cây lên xác chết. Và không ai có thể giết đủ số người để phủ kín sa mạc mênh mông bằng những nắm mồ. Kể cả với máy móc, con người ta không làm sao giết nổi được bấy nhiêu người." Trước khi rời bỏ sa mạc, Vladimir Kanayan châm lửa đốt hết các nông trường. Cây cối trồng đã được hàng ngàn hàng vạn. Chúng bắt cháy rất nhanh. Kanayan suy nghĩ. "Nếu các Xô Viết thắng cuộc chiến tranh, thì họ sẽ trở lại sa mạc. Và họ sẽ lại bắt đầu trồng cây trên xác chết. Vậy thì những cây con kia cháy đi là phải, để họ không còn tìm ra dấu vết những người chết nữa. Người chết phải được tự do. Người chết phải được đứng bên ngoài kế hoạch."

PHẦN III

CUỐN SÁCH NÓI VỀ CHIẾN THẮNG

I

Chiến tranh tiếp tục. Quân đội Đức tiến vào nước Nga.

Hàng triệu nô lệ bị dồn vào những chiếc xe tải có lính áp giải đưa sang vùng Uran làm trong các khu công nghiệp quốc phòng Xô Viết. Đây là một vùng đất băng giá. Nhìn hết tầm mắt cũng chỉ thấy những bãi đầy dây thép gai, những đường ray, những núi quặng, những ống khói ngất trời.

— Chị phải làm việc tại văn phòng! - Người lính gác nói.

Y ra hiệu cho Eddy Thall tách khỏi hàng tù nhân nữ và chỉ cho nàng cái chổi. Họ đang ở trong một buồng giấy ở đó các tù nhân nam tới ghi tên trước khi đi lao động ở mỏ, dưới mặt đất.

Eddy bắt tay vào công việc. Nàng dùng chổi quét sạch những đất và ghét mà bọn nô lệ tha vào, dưới đế giày của họ. Tất cả đều là dân nước ngoài. Tất cả những người này đã bỏ nước trốn đi vì sợ quân Đức.

Họ đã bị các Xô Viết bắt và cho đi lao động khổ sai. Tổ quốc họ chỉ còn lại chút đất dính dưới đế giày; đó là bùn đất của cả châu Âu. Eddy Thall vừa quét dọn vừa nhìn nó qua dòng nước mắt.

Tới giữa trưa, người lính gác chịu trách nhiệm ghi tên tù nhân rời buồng giấy của mình. Hắn đặt tay lên vai Eddy Thall, một bàn tay nặng nề hăng hắc mùi mồ hôi và mùi thuốc lá.

Eddy lùi lại. Hắn mỉm cười, đưa cho nàng một chiếc chìa khóa.

— Chị hãy lau sạch cái buồng bên cạnh. Buồng của tôi đó.

Rồi hắn bỏ đi.

Eddy vào trong buồng một mình. Đó là một căn buồng bốn vách xung quanh làm bằng ván ghép, một chiếc giường, những bức ảnh cắt ở các báo ra, dán lên tường và một cái lò sưởi bằng gang. Nàng quét nhanh cho xong và đóng cửa, sang bên buồng giấy. Qua cửa sổ, nàng nhìn thấy những người đàn bà khiêng những tấm tà vẹt trên vai.

— Tôi tên là Ivan. - Người lính gác vừa trở về nói.

Lần nữa, hắn đặt tay lên vai Eddy Thall, nhưng nàng lùi lại. Tên lính buồng mình ngồi phịch xuống ghế. Hắn ta luôn luôn đội mũ. Bỗng nhiên hắn trở nên buồn. Hắn chẳng nói gì.

Mắt hắn bất thần tối sầm lại. Vàng trán xương xương của hắn cũng buồn. Một nỗi u sầu bỗng đổ xuống trên đôi vai đeo phù hiệu của hắn. Có thể nói những mảnh xương to lớn của hắn đã bị làm mềm đi do một nỗi buồn. Cơ thể của hắn khoác màu âm đạm. Hắn nhìn xuống đất như một người đang mất thăng bằng.

Hắn trỗi dậy với những động tác chậm chạp, uể oải như buồn ngủ. Hắn mở toang cánh cửa chính của phòng bên cạnh, cái phòng có giường.

— Vào đi! - Hắn bảo.

Khi thấy Eddy Thall không nhúc nhích, hắn chìa về phía nàng bàn tay của hắn, trông giống như một cái móng to. Hắn túm lấy ngực nàng một cách thô bạo và đẩy nàng vào căn buồng có chiếc giường, khóa trái cửa lại. Chỉ còn lại một mình nàng với hắn. Hắn nhìn nàng:

— Vì sao cô không chịu vào? - Hắn hỏi.

Eddy Thall đứng giữa nhà. Nàng đưa mắt nhìn lên và thấy hai tay hắn nắm chặt, cái mặt ngựa của hắn với đôi môi nóng bỏng, đôi má cạo lông nhôm.

Hắn rút một điều thuốc và đốt. Thân hình to lớn của hắn dựa vào thành cửa.

— Cô thích ra mỏ làm việc mười bốn giờ mỗi ngày với chiếc xà beng nặng trĩu hơn ở đây với tôi ư?
Ivan cắn vào điều thuốc.

— Tất cả những phụ nữ nước ngoài mặc áo dài như cô, tóc xoắn như cô, nước da trắng trẻo như cô, đều thích chui xuống đất, xuống hầm mỏ mà làm việc chứ không màng ở lại bàn giấy với tôi! - Hấn nói - Tôi muốn biết vì sao? Tôi muốn biết chắc sự thực. Hãy trả lời cho tôi rõ vì sao, tôi sẽ không làm gì cô cả.

Eddy Thall im lặng.

— Nếu cô không trả lời, tôi sẽ có cách làm cho cô lè lưỡi ra cùng một lúc với hơi thở!

Hấn tiếp tục cắn điều thuốc.

— Nếu cô nói thực với tôi, tôi sẽ để cô ra. - Hấn nói - Tôi hứa sẽ giúp đỡ cô. Tôi muốn biết vì sao bọn đàn bà tư sản thích làm mười bốn tiếng đồng hồ mỗi ngày trong hầm mỏ hơn là sống với tôi?

— Ông làm ơn thả cho tôi đi. - Eddy Thall van nài.

Bàn tay Ivan giơ lên. Hấn muốn kim chế mình, nhưng bắp thịt cánh tay hấn căng thẳng quá mức rồi. Hấn để nắm đấm của hấn nện một quả thật mạnh vào ngực Eddy Thall. Đó là một quả đấm có khả năng giết chết một con ngựa. Eddy Thall ngã lặn xuống, nhưng vẫn nghe được cái giọng của Ivan nói trong cơn bùng sôi:

— Có phải tôi xấu xí hơn hầm mỏ không? - Hấn hét - Có phải tôi đáng kính tởm hơn hầm mỏ không?

Eddy Thall không nghe hấn nói nữa. Nàng thấy đau ở ngực bên trái, xương sườn của nàng dường như đã bỏ rời vị trí của nó. Nàng bỗng nhớ lại tiếng kêu răng rắc của con tàu trên bến Constantza cái đêm bão tố hãi hùng. Nàng bỗng thấy mình đang chìm đắm và như không phải Ivan vừa đánh nàng xong, mà là người đàn ông mặc áo choàng da và quần khăn đỏ, người đã la hét ở Kichinev và ở sa mạc.

Giờ đây Eddy Thall không còn ở Constantza trên chiếc tàu chìm xuống đáy biển nữa. Chỉ còn một chút ánh sáng hiện lên trong cằm nàng và xuống dần tới ngực, một thứ ánh sáng nóng từ trong miệng chảy xuống vú trên thân hình nàng cho đến thắt lưng - một thứ ánh sáng nóng như chất dầu cao... Toàn thân của Eddy Thall thôi không giãy giụa nữa. Khi máu chảy ra từ trên ngực thâm tím của nàng, từ những tĩnh mạch bị vỡ của nàng và đã bắt đầu chảy trên môi, trên má, trên vú của nàng, dưới tấm áo lót mỏng, thì mọi sự dường như hết tồn tại.

Eddy cảm thấy bên mình có một cái gì nóng bỏng và mơn trớn. Đó là máu của nàng đang chảy trên ngực, như vuốt ve thân thể nàng. Dòng máu cuộn mình trong bàn tay nhỏ bé trắng trẻo của nàng bằng một động tác nhẹ nhàng mềm mại như một con mèo và âu yếm dịu dàng như một bàn tay người mẹ. Có thể nàng không có cảm giác sợ sệt nữa. Đó là bước đầu của sự yên tĩnh, của sự nguôi ngoai. Tất cả chan hòa với ngọn lửa cháy bỏng dòng máu nóng của nàng. Eddy muốn giơ tay sờ mó nó, nhưng dòng máu đã tách xa ra khỏi nàng, rất xa.

— Tôi không cố ý làm cho cô đau. - Ivan nói - Tôi không phải là một con người tàn bạo!

II

Eddy Thall mở mắt ra. Nàng nhận ra những bức tường ngăn làm bằng ván ghép với những tranh ảnh cắt ở báo dán lên. Nàng nhận ra chiếc giường trên đó nàng đang nằm, đầu quần băng. Nàng nhớ mừng tượng mình bị người ta đánh ngã xiu, mình đầy máu me, nhưng không nhớ rõ chuyện đó xảy ra lúc nào. Có lẽ hôm qua chăng? Qua những ô cửa sổ con con, nàng nhìn thấy những bãi đầy dây thép gai, những đồng to quặng và than đá. Nàng nhìn thấy những thứ đó qua đôi dòng nước mắt. Rồi nàng nhìn cái chậu, cái lò sưởi bằng gang, cái sàn nhà bằng gỗ mà nàng đã lau chùi sạch sẽ.

Cánh cửa mở và Ivan bước vào. Eddy Thall không muốn nhìn mặt hắn ta. Nàng nhắm mắt lại. Nàng nghe tiếng bước chân hắn rón rén tới gần rồi quỳ gối bên giường.

— Cô tha lỗi cho tôi! - Hắn nói. Đúng giọng của hắn, nàng nhận ra, nhưng không còn là cái giọng cau có nữa - Tất cả những người đàn bà tư sản thà ở lại trong hầm mỏ chứ không ai muốn sống với tôi. Chỉ riêng các cô gái nông thôn chấp nhận. Vì sao các cô gái tư sản không muốn? Vì vậy mà tôi thành ra mất bình tĩnh. Tôi muốn biết, chỉ cần một lần thôi, vì sao các bà xinh đẹp của giai cấp tư sản lại trốn tránh tôi. Nếu cô nói cái điều ấy với tôi thì tôi đã để cho cô đi rồi, tôi đã chẳng đánh cô!

— Tôi xấu xí đến thế ư? Tôi đã làm cho cô sợ ư? Vì sao cô lại định bỏ đi? - Hắn nói tiếp.

Nàng vẫn lặng im.

Hắn, vẫn quỳ gối bên giường.

— Giá cô biết rằng cô đẹp biết bao nhiêu! - Hắn nói - Chưa bao giờ tôi thấy một người phụ nữ nào đẹp như cô.

Mắt Eddy vẫn nhắm, nhưng nước mắt nàng chảy ràn rụa. Nó chảy qua cằm, xuống cổ, xuống gần tai. Ivan đưa tay lau dòng nước mắt ấy trên cổ nàng, chính cái bàn tay đã đánh nàng hôm trước, cái bàn tay to và nặng nề, nhưng không cào cấu nữa.

— Cô tha lỗi cho tôi đã đánh cô! Tôi sẽ không bao giờ đánh cô nữa. Hôm qua tôi bế cô lên trên cánh tay tôi. Tôi đã đặt cô nằm lên giường của tôi. Cô nhẹ như một cái lông chim, tôi đã ôm nhiều người đàn bà trong cánh tay tôi nhưng cô thì khác hẳn. Cô giống như một thiên thần, có thể nói là không có trọng lượng. Tôi đã gọi y tá của bệnh xá đến. Tôi sợ cô chết. Cả hai người chúng tôi đã săn sóc cô. Minh cô đầy máu. Chúng tôi đã phải cởi bỏ hết áo quần ra. Tôi chưa bao giờ thấy cô gái nào đẹp như vậy... Tất cả như một cái bọt biển trắng ngần. Nách cô, cánh tay cô giống như nách và cánh tay đứa trẻ sơ sinh, người ta không dám đụng vào, sợ làm tan gãy.

Eddy Thall nhìn cái mặt ngựa của Ivan.

— Suốt đêm, tôi đã ngồi thức bên cô! - Hắn nói.

Sau đó hắn đứng lên. Hắn pha trà và đưa một ly cho Eddy Thall.

— Y tá bảo rằng cô bị đau một bên phổi. - Ivan nói tiếp - Tôi đã hài lòng vì không bắt cô xuống làm nơi hầm mỏ. Những người đau phổi mà xuống đó thì chỉ vài tuần là chết thôi.

Ivan đội chiếc mũ lưỡi trai lên đầu.

— Cô có vui lòng cho tôi được nhìn bàn chân cô một chút không? Chỉ đầu ngón chân thôi cũng được. Nó đẹp làm sao!

Hắn kéo chân ra. Eddy Thall co chân lại, sợ hãi. Nhưng Ivan đã nhìn thấy và hắn sung sướng. Hắn bước ra. Cái đầu ngựa của hắn như rực rỡ hào quang.

Lần nữa, Eddy Thall lại một mình. Chưa bao giờ có ai nhìn bàn chân của nàng với bao nhiêu nhiệt tình hâm mộ như anh chàng khổng lồ vừa mới ở phòng này ra. Thall lấy làm xấu hổ mà nghĩ rằng: người đàn ông đã quỳ dưới chân nàng như một vật thánh ấy chính là tên cai tù đã đánh nàng hôm trước.

Nhưng những lời ca ngợi của hắn vừa rồi làm nàng dễ chịu. Hắn yêu nàng và không một người đàn bà nào có thể thờ ơ khi mình được yêu và được thần thánh hóa kể cả khi người đàn ông yêu mình đó chỉ là

một con vật.

Trong một vài phút, nàng quên đi rằng mình đã bị đẩy sang Uran, rằng nàng bị đưa xuống làm tại hầm mỏ. Nàng quên rằng nàng đã đi từ sa mạc lên đây, rằng hôm qua nàng đã bị đánh tàn nhẫn đến đổ máu. Nàng quên đi tất cả rồi và tất cả đối với nàng chẳng có gì là quan trọng. Cái chính, giờ đây, là một người đàn ông đang quỳ gối dưới bàn chân nóng bỏng của nàng. Vùng Đất Thánh mà người phụ nữ tìm đến đâu phải là một vùng đất, mà là cái giờ khắc một người đàn ông yêu thương mình hơn tất cả mọi sự trên đời. Nhưng khi nàng nghĩ tới Ivan thì nàng thấy xấu hổ. Nàng cảm thấy mình đang bị ngập chìm trong ghê tởm, kinh hoàng.

III

Doris Bodnariuk đang nằm ở bệnh viện.

Không những Đảng không coi anh như kẻ tội phạm mà còn công khai khen ngợi anh đã hoạt động tích cực trong công cuộc cải tạo khí hậu và làm cho sa mạc trở thành phì nhiêu.

Trán anh bị còng sắt đập vào bị thương nay đã lành, chỉ để lại một cái sẹo, một mảnh da chết hình dáng một lá cây.

Boris Bodnariuk nằm ở bệnh viện đợi chờ cấp trên chấp nhận cho ra tiền tuyến theo yêu cầu của anh. Phần lớn những người bị thương là các sĩ quan trẻ của không quân Đỏ, những anh hùng đầu tiên của cuộc đấu tranh chống phát xít Đức.

— Cá nhân không thể sống bên ngoài Đảng được! - Boris Bodnariuk nói. Anh ta đang đứng ở sân thượng Viện điều dưỡng cùng với một hạ sĩ quan lái máy bay, Anatole Barsov, bị thương gần Kiev - Một cá nhân tách ra khỏi Đảng sẽ đi đến mất thăng bằng hoặc đi đến cái chết. Với con người Cộng sản, không thể có một cuộc sống ngoài Đảng của mình. Tách ra ngoài Đảng, một người Cộng sản sẽ rơi vào chân không.

Viên hạ sĩ quan không quân nghe rất chăm chú. Mọi người ở bệnh viện cũng đều lắng nghe những lời của Boris Bodnariuk, người anh hùng đã thử thách trong công cuộc cải tạo thiên nhiên.

— Bất hạnh lớn nhất có thể xảy tới cho một người Cộng sản là bị khai trừ ra khỏi Đảng và sống trong một thế giới tư sản.

Một cô y tá mời Boris Bodnariuk lên văn phòng Ban giám đốc. Anh phi công Anatole Barsov đợi anh nơi sân thượng nhưng không thấy Bodnariuk trở lại.

Tại văn phòng của ông giám đốc, có hai vị tướng từ Moscow đến gặp anh và giờ đây cả ba người đang trao đổi ý kiến với nhau.

Trước sân bệnh viện, chiếc xe mang huy hiệu Đại bản doanh Hồng quân đang đợi Boris Bodnariuk; anh phải đi ngay trong đêm.

Các vị tướng Xô Viết đến bắt tay Boris Bodnariuk. Họ nhìn cái sẹo vàng giữa trán và chiếc áo choàng da khoác lên bộ pyjama của anh.

— Tổ quốc Xô Viết đang trải qua những giờ phút gay go! - Vị tướng nói.

Đó là một quân nhân cũ của Budieny.

— Quân phát xít hiện đang tiến nhanh về hướng Moscow. Chúng đã chiếm Ukraina. Tổ quốc đang kêu gọi tất cả những phần tử ưu tú. Chúng tôi tới mời đồng chí về Moscow nhận một sứ mệnh xứng đáng với đồng chí. Đồng chí đã làm nên những phép lạ thần kỳ trên vùng thảo nguyên. Không may chúng ta đành bỏ dở công việc để hiến dâng mọi sức lực vào kỹ nghệ chiến tranh. Nhưng sau chiến tranh, chúng ta lại tiếp tục hoạt động và thực hiện những kế hoạch cải tạo khí hậu và trồng cây sa mạc của chúng ta.

Boris Bodnariuk đỏ mặt vì xúc động. Giấc mơ tiền tuyến của anh đã thành hiện thực.

— Bộ Tư lệnh Hồng quân có ý định phong tướng cho đồng chí. - Vị tướng già nói - Ngay sau khi sức khỏe của đồng chí được hồi phục và trao cho đồng chí một công tác quan trọng hàng đầu.

Boris Bodnariuk chỉ nghe một tiếng “tướng”. Anh thấy lại trong tưởng tượng, như một cuốn phim, cả cuộc đời mình từ sự kiện Angelo, trường trung học, những bộ áo quần của người học sinh bị đuổi, cuộc bơi qua sông Dniestr... cho đến Viện Hàn lâm Moscow, sa mạc, những nông trường trên cát trắng, Natacha, bệnh viện, Anatole Barsov. Và giờ đây là hai vị tướng đến loan báo cho anh “Bộ Tư lệnh Hồng quân có ý định phong tướng cho đồng chí”.

— Bộ tham mưu muốn tiến hành công việc khẩn trương. - Ông tướng già bảo - Quân Đức đang tiến một cách dữ dội. Chúng ta dự định tổ chức lại Hồng quân phía sau lưng địch. Nếu đồng chí thấy khỏe hẳn rồi, chúng tôi đề nghị giao cho đồng chí chức vụ Tư lệnh toàn lực lượng hậu địch của Hồng quân. Về

Moscow, đồng chí sẽ biết thêm nhiều chi tiết. Trong lúc đi đường, đồng chí hãy dự thảo trước một phương án và sẵn sàng đầu đó một khi tới Moscow. Đồng chí sẽ phải vượt qua phía bên kia tiền tuyến địch và tổ chức bên đó một Đạo Hồng quân khác. Lúc đầu là một đạo quân du kích, sau đó là một đạo quân chính quy. Cái chính là đi đến chiến thắng càng nhanh càng hay.

Cũng cần nghĩ tới ngay từ bây giờ cái địa điểm mà đồng chí dự định đặt Đại bản doanh: Bucarest, Varsava, nơi nào tùy thích. Đồng chí được toàn quyền tự do. Hãy mặc áo quần đi và vạch ngay kế hoạch!

IV

Một tháng sau.

Boris Bodnariuk xuống ga xe lửa Bucarest. Anh là tướng nhưng tướng không quân phục. Anh là tư lệnh tối cao của quân đội Xô Viết phía sau lưng quân Đức, nhưng đạo quân ấy chưa có, chính anh sẽ phải thành lập ra nó.

Các bảng yết thị thông báo quân Đức đã tới cửa ngõ Moscow. Boris mỉm cười.

— Nếu quân Đức tiêu diệt đạo quân chính quy của Xô Viết thì chúng sẽ phải đánh nhau với đạo quân bí mật mà ta sẽ thành lập ra.

Anh đi về phía khách sạn. Hôm sau, anh mặc bộ quân phục đại úy Rumani, bắt tay vào việc dự thảo kế hoạch tổ chức ra một đạo quân bí mật.

Ngay từ đầu, anh chỉ gặp toàn những khó khăn trở ngại. Sứ mệnh của anh tỏ ra khó lòng thực hiện nổi. Anh đi khắp những vùng lân cận. Anh thâm nhập vào mọi tập thể, mọi tổ chức. Nhiệm vụ của anh dường như phải chịu số phận thất bại từ đầu. Trong số hai mươi triệu người Rumani, chỉ có tám trăm đảng viên Cộng sản. Tám trăm người đó bị theo dõi rất chặt chẽ và thường xuyên. Người ta không thể làm việc được với họ. Ở Hungary, Bungary, Tiệp Khắc cũng vậy. Nhóm Cộng sản thuần túy duy nhất ở Serbie. Đó là những đảng viên Cộng sản của vị Nguyên soái Slaves ở phương Nam. Với ông, người ta cũng không thể nào cộng tác nổi. Đó là một con người kiêu căng. Trong nhiều tháng, hoạt động của Boris chỉ gói gọn lại trong một vài vụ phá hoại và vài trăm bức điện mật mã thông báo những nội dung không có gì quan trọng.

Boris lên buồng mình như mọi khi. Đã gần nửa đêm. Anh muốn chuyển một bức điện. Anh vừa bắt đầu dựng máy phát thì có còi báo động. Anh khoác vội chiếc áo dài và bước ra đường. Anh muốn đánh giá về hậu quả trận ném bom. Thông thường thì những quả bom Xô Viết ném không nổ. Anh vào một quán rượu, gọi một ly cà phê. Anh lắng nghe tiếng máy bay rú và thử đoán xem lần này nhằm những mục tiêu nào. Đó là những máy bay Xô Viết. Các khách hàng nhìn bộ quân phục đại úy của Boris Bodnariuk và nói đùa với nhau về chuyện bom Xô Viết không nổ bao giờ. Bodnariuk ngẩng đầu. Anh thấy một bà già say rượu, tay cầm một chiếc đèn bỏ túi con con. Bà ta muốn đi ra, nhưng người ta không cho. Vì trong lúc bom đạn, có lệnh cấm đi lại. Bà già không muốn nghe. Bà ta chửi thề một tiếng rồi đi ra đường cái.

— Đó là một người ở. - Ông chủ quán nói - Bà ta ở gần đây, chỉ cách hai chục mét.

Ông chủ quán muốn thanh minh cho bà ta trước mặt Boris - là nhà chức trách duy nhất của ngôi nhà này, bởi trong lúc chiến tranh, bất cứ một vị sĩ quan nào cũng đều được coi là một nhà chức trách.

— Một bà già nghiện rượu. - Ông chủ quán nói tiếp - Một bà già bất hạnh. Bà ta nguyên là đầy tớ của một nữ nghệ sĩ Do Thái. Nữ nghệ sĩ đã ra đi, và bà ta không muốn làm thuê cho bất cứ một ông chủ nào khác nữa. Bây giờ thì tiền dành dụm được bao nhiêu bà ta uống rượu hết bấy nhiêu. Vậy đó.

Boris Bodnariuk nghe câu chuyện của ông chủ quán kể mà chẳng hào hứng gì. Đó cũng chỉ là một câu chuyện như bao nhiêu câu chuyện khác.

Một tiếng bom nổ đầu đây. Các cửa kính rung lên. Nhiều quả bom khác nổ gần hơn. Một ngôi nhà sụp đổ và cháy.

Người ta nghe tiếng mô tô và tiếng xe cứu hỏa. Xe đậu ngay trước quán rượu. Các khách hàng xuống cả dưới hầm. Boris Bodnariuk nhớ tới cái máy phát của mình và ra đi. Anh lần theo bức tường. Nhà của anh ở ngay trước mặt, nhưng nó đã bị bao vây bởi một lớp đông vừa lính vừa cảnh sát. Các nhân viên chưa ai vào nhà. Tim Bodnariuk đập thình thịch.

— Có thể là mình bị phát hiện? - Anh nghĩ.

Cùng lúc, một quả bom rơi ngay xuống ngôi nhà sáu tầng anh đang ở. Các tầng trên sụp đổ. Bodnariuk ép mình vào tường. Người ta nghe những tiếng kêu la. Khói tỏa lên nghi ngút, ngôi nhà cháy. Người ta lao cả ra đường. Bodnariuk vẫn đứng đó, lưng tựa vào tường, bất động. Anh chỉ nghĩ duy nhất tới một điều:

cái máy phát thanh của anh. Nếu đám cháy không xảy ra và nếu căn buồng của anh không bị phá hủy thì người ta có thể phát hiện ra cái máy. Cái máy có thể rơi vào tay kẻ địch. Nhưng anh không thể thấy gì vì trời tối quá.

Người ta chỉ nghe những tiếng kêu la và xô đẩy lẫn nhau.

Đám đông nhón nháo trong bóng tối la to:

— Bắt được gián điệp Xô Viết!

Bodnariuk cảm thấy mồ hôi lạnh trên trán. Anh càng dán chặt mình vào bức tường trong bóng tối đen. Anh đã cất giấu chiếc máy của anh trong một hốc tường buồng anh. Nếu chiếc máy bị phát hiện, là hoạt động bí mật của anh ở vùng hậu địch coi như chấm dứt. Anh sẽ bị bắt và bị bắn.

Bodnariuk hòa mình vào đám đông. Một hàng rào cảnh sát được thành lập trước cửa ra vào. Còi báo động rú lên. Các đội cứu chữa khiêng một bà già nằm trên chiếc cáng thương.

Boris Bodnariuk lọt vào giữa đám quần chúng. Vì anh mặc quần áo lính nên người ta né ra cho anh chen vào. Tuy không muốn, nhưng Bodnariuk giờ đây đã đứng ngay mặt các viên cảnh sát và trước cái cáng thương với bà già bị thương ấy. Một thẩm phán quân sự y phục màu xanh nước biển xuất hiện. Đó là một công tố viên. Tên cảnh sát báo cáo:

— Ngay sau khi có lệnh báo động, người ta cho biết là có một người đang làm những tín hiệu với chiếc đèn điện trên sân thượng tòa nhà. Chúng tôi lập tức tới tại chỗ. Cùng lúc, bom rơi.

Người ta đã tìm thấy người làm tín hiệu. Hắn đã chết giữa đồng gạch vụn, trên sân thượng, chiếc đèn vẫn cầm trong tay.

Viên cảnh sát chỉ bà già nằm trong chiếc cáng:

— Không nghi ngờ gì nữa, chính nó là đương sự. Chúng ta sẽ xác định nó là ai.

Người gác cổng của ngôi nhà bị bom len vào đám đông.

Hắn nhìn người đàn bà chết.

— Đây là Tinka Neva. - Hắn nói - Tôi biết bà ta. Bà ta là người thuê căn buồng áp mái.

Boris Bodnariuk cũng nhìn mặt bà già. Chính là người anh ta đã thấy ở quán rượu khi còi vừa báo động.

— Đó là người ở của một gia đình Do Thái, gia đình Thall. Sau khi các người Do Thái ra đi, bà ta ở một cái buồng áp mái. Bà ta trở thành nghiện ngập. Đó là Tinka Neva. Đúng. Chính bà ta.

Đèn của các viên cảnh sát rọi sáng vào khuôn mặt nhăn nheo của người đầy tớ già.

— Tôi không biết bà ta là Cộng sản. - Người gác cổng nói.

Và không ai có thể nảy ra cái ý nghĩ: Tinka là Cộng sản. Người ta chỉ thấy bà ta cũng là một con người đứng đắn, nghiện rượu, thể thôi.

Bodnariuk nhìn viên công tố quân sự. Anh đã thấy ông ta. Anh nhớ tới trường trung học hoàng gia. Ông công tố quân sự đó là bạn học cũ của anh, Pierre Pillat. Boris Bodnariuk lại đứng xa ra, lẫn vào trong đám quần chúng. Mọi người đều nói chuyện Tinka Neva, gián điệp Cộng sản. Bodnariuk lắng nghe những câu chuyện họ nói với nhau.

— Nếu bà ta không làm gián điệp cho Cộng sản thì lấy đâu ra tiền uống rượu suốt ngày thế?

Một người khác khẳng định:

— Mỗi lần báo động, Tinka Neva trèo lên mái nhà với cái đèn của bà ta. Tôi đã để ý chiếc đèn to quá cỡ của bà ta. Cốt dùng làm tín hiệu cho máy bay mà!

Bodnariuk khắc sâu vào tâm trí mình cái tên Tinka Neva mà anh mới nghe lần đầu tiên. Anh biết tên thật của từng điệp viên Xô Viết ở Bucarest. Không có tên Tinka Neva. Nhưng quần chúng chỉ nói đến mình bà.

Thì ra vì lẽ đó mà Tinka Neva, sau khi Eddy Thall đi rồi, không muốn tìm việc làm nơi khác. Bà ta là gián điệp. Boris Bodnariuk nhìn thi hài Tinka Neva, người ta đang đặt lên một xe cứu thương. Ông công tố Pillat nói với viên cảnh sát:

— Tinka có thể là một gián điệp Xô Viết; mà đây cũng chỉ có thể là cái ngông nghênh của một bà già

nghiện rượu. Tôi có biết Tinka. Theo ý riêng của tôi, tôi không nghĩ rằng đó là một điệp viên Xô Viết. Chúng ta sẽ cố gắng làm sáng tỏ thêm vấn đề. Chúng ta sẽ cho tiến hành một cuộc điều tra.

Bodnariuk lên buồng mình. Tất cả đều ngăn nắp trật tự. Riêng chỉ cái buồng phía Bắc bị hư hại. Ở buồng anh các bức tường vẫn nguyên vẹn. Chiếc máy phát thanh vẫn ở chỗ cũ của nó trong hốc tường. Tiễn cũng vẫn ở nơi anh để cùng với tất cả giấy tờ. Boris Bodnariuk cởi cổ áo ra. Trong khoảnh khắc anh nghĩ tới người bạn học cũ của mình, tới Pierre Pillat, giờ đây là công tố viên quân sự. Anh nghĩ tới Tinka Neva và đám dân chúng hay bình luận về những sự kiện xảy ra. Trước mặt anh hiện lên, dưới ngọn đèn các viên cảnh sát, khuôn mặt bạc phếch của bà già đã chết, một khuôn mặt của con người lao động. Nhiều nếp nhăn. Một cái đầu tóc bạc có chiếc khăn mùi xoa trùm lên rồi thắt lại dưới cằm.

"Đây là khuôn mặt cổ điển của một bà già vô sản." Boris Bodnariuk tự nói với mình. "Dù bà ta đã lên sân thượng với chiếc đèn tay thấp sáng một cách vô ý thức hoặc vì say rượu đi chăng nữa, thì việc làm của bà vẫn có một giá trị nhất định. Riêng cái đó đủ làm đề tài cho một câu chuyện huyền thoại rồi."

Bodnariuk nghĩ tới hoạt động bí mật của mình, tới sức ỳ của quần chúng, tới sự uể oải của những người lao động. Quần chúng của châu Âu cần có những người anh hùng để gây dựng phong trào hoạt động, để được động viên cổ vũ, khích lệ đấu tranh, như con thuyền phải có buồm vẩy.

Bodnariuk bắt tay viết báo cáo. Anh dùng lối văn hành chính. Anh nói tới những người vô sản bị giai cấp tư sản châu Âu áp bức, đến Hồng quân được mọi người lao động chờ đợi tới giải phóng cho mình.

Một bà già vô sản - Tinka Neva - thất nghiệp, lâu nay ở Bucarest, đường Apolodor số 165, từ đêm tới của đau thương, đã xuất hiện trên sân thượng các ngôi nhà thành phố như trên một chiến lũy để làm hiệu cho máy bay Hồng quân giải phóng.

Trên mái tòa nhà cao nhất, bà đã hy sinh. Bà đã biểu thị tinh thần chiến đấu kiên cường của giai cấp công nhân dưới chế độ tư bản phát xít. Bà là tấm gương sáng chói cho lao động toàn thế giới noi theo. Tinka Neva là người nữ anh hùng, người tuấn đạo, biểu tượng sáng ngời của giai cấp công nhân...

Boris Bodnariuk viết rất lâu. Đây là bản báo cáo dài nhất của anh kể từ ngày anh bước vào cuộc đấu tranh bí mật. Bên ngoài trời đã sáng. Boris khoác bộ quân phục của mình và xuống đường. Anh nói chuyện với bác gác cổng, với người hàng xóm. Ai cũng tin Tinka Neva là gián điệp Xô Viết - nếu không thì bà ta trèo lên mái nhà cao làm tín hiệu cho máy bay làm gì? Boris Bodnariuk sung sướng. Huyền thoại về Tinka Neva sẽ tồn tại lâu dài. Anh gửi bài viết của mình bằng chuyển xe thư Ankara rồi từ Ankara sang Moscow.

Bốn mươi tám giờ sau, tất cả mọi tờ báo thế giới dành nguyên những cột dài để đăng tin bà già vô sản Tinka Neva hành đơn độc đã chiến đấu chống lại chủ nghĩa nazi, chủ nghĩa phát xít và mọi kẻ thù, vì tự do.

Nhờ có Thông tấn xã TASS và báo chí Mỹ, ngay trong tuần, Tinka Neva đã trở thành một cái tên quen thuộc với các thánh giả các đài phát thanh. Nó được nhắc tới trong mọi tờ báo viết về chiến đấu và tự do. Tinka Neva đã trở thành lá cờ của các nước Đồng Minh.

VI

Trong khi cả thế giới văn minh phương Tây nói đến Tinka Neva như một biểu tượng của Tự do, trong khi các nhà soạn nhạc, các tác giả những bài báo dùng tên bà như một thứ di vật thánh và các tạp chí có minh họa bỏ ra những số tiền để có được một tấm ảnh huyền thoại của người nữ anh hùng chống phát xít chết trên sân thượng tòa nhà cao nhất thành phố thì thi hài Tinka Neva để ở nhà xác Bucarest.

Người ta lột hết áo quần của bà ra. Người ta khám xét làn da, mái tóc, móng tay. Rồi xác Tinka bị cắt xẻ ra từng mảnh nhỏ để trên bàn khám nghiệm. Người ta xét nghiệm rất kỹ càng phổi, não, tim, gan. Người ta lột cả ruột ra, cân đo từng cái. Người ta đun lên, cho màu vào và hòa tan trong những ống nghiệm và bình cổ cong. Ngày thứ ba, sau khi chết, Tinka Neva vẫn trần truồng, bị cắt ra từng mảnh trong phòng mổ - Người đàn bà mà suốt cả cuộc đời vô cùng kính tởm những giấy tờ và nhà chức trách. Bà, mà suốt cuộc đời sáu mươi năm không cân bao giờ, thì bây giờ lại được bỏ lên bàn cân, hết miếng này sang miếng khác. Người ta cân gan bà, người ta cân óc và trái tim đã chết của bà. Người ta khám nghiệm tất cả những gì chứa đựng trong bao tử, trong ruột và trong bong bóng của bà. Người ta kê rõ bà đã ăn những gì uống những gì. Và trong lúc thi hài của bà chết rồi bị phanh phui tất cả, thì tên tuổi của bà được nhắc đi nhắc lại trên tất cả các máy thu thanh bằng mọi thứ tiếng trên thế giới. Tên tuổi bà được viết lên và đưa đi khắp mọi nơi.

Nếu sống, Tinka Neva chắc sẽ chết trăm lần vì xấu hổ bởi có những chuyện lố lăng như vậy xảy đến cho bà. Nhưng Tinka Neva không biết gì về những chuyện xảy ra trên trái đất nữa. Bà đã chết rồi. Sau khi chết, bà tin tưởng đi tìm cửa vào thiên đường, ở đó có thánh Pierre với chùm chìa khóa trên tay. Suốt cuộc đời mình, Tinka Neva đã tin một cách say mê vào thiên đường, địa ngục và sự tồn tại của thánh Pierre. Chính vì lẽ đó mà bà đi tìm thánh Pierre sau khi bà chết. Bà chỉ có một mình thánh Pierre. Và nếu như bà thấy Người ở kiếp sống bên kia và nếu như Người hỏi bà:

“Tinka Neva! Bà nghĩ sao mà lại trèo lên mái nhà - bà, một người đàn bà có tuổi - với một chiếc đèn thấp sáng trong khi còn báo động máy bay đêm?”

Tinka Neva sẽ trả lời:

“Thưa thánh Pierre, con đâu có lên mái nhà! Con chỉ ở sân thượng. Muốn vào buồng áp mái của con, con phải băng qua cái sân thượng của tòa nhà. Một bà già bước đi trong bóng tối khó tìm ra được hướng đi, đó là lý do khiến con phải có cái đèn. Nhưng con đâu có tưởng tượng ra rằng giữa lúc đó mấy ông lái máy bay trên mây lại dòm xuống con!”

“Bà lúc đó không uống rượu chứ?”

Câu hỏi đặt ra, Tinka Neva có thể đã cúi đầu và có thể trả lời:

“Con đã uống rượu vì lo sợ, thưa thánh Pierre! Sau khi con bà chủ của con, Eddy Thall ra đi. Con buồn phiền vô hạn, cho nên con đã uống rượu và con đã buồn phiền suốt ngày, ngày nào cũng như ngày ấy. Con không uống rượu vì tính phóng túng đâu, thưa thánh Pierre. Con đã uống rượu vì đau buồn chứ không phải vì phóng túng. Không!”

Lúc đó, thánh Pierre - nếu như Tinka Neva gặp Người ở thế giới bên kia đúng như bà đã hình dung về Người - sẽ đặt bàn tay đầy tình yêu thương phụ tử lên vai bà và cho bà đi sang hàng ngũ những người nghèo hèn trong tư tưởng với những con chiên mẹ, những con thỏ non và con chim câu, với linh hồn những con người đầu tiên đã chết cũng như tất cả những con người trinh khiết. Bởi nếu có một thiên đường thật, thì đó là thiên đường được sáng tạo nên do chính những con người đó.

Và Tinka Neva sẽ được tha thứ tội lỗi, cái tội lỗi đã làm cho cái đêm hôm ấy hai người đã bị chết nghẹt trong vụ ném bom vào Bucarest.

VII

Eddy Thall không khỏi bệnh. Nhưng bây giờ nàng có một chiếc giường để nằm mà chịu đựng cái đau. Ivan thì nằm ngủ trên bàn. Hắn đã trở thành y tá của nàng và đau khổ như đã đau khổ vì một người em gái mỗi khi những tia máu từ lá phổi bị tàn phế do bệnh lao lại ộc ra đỏ hồng cả gối. Nếu như anh lính gác Ivan tuyên bố Eddy bị bệnh thì nàng đã chẳng bị đưa ra hầm mỏ mà chuyển sang bệnh xá của trại. Và không một ai còn sống mà ra được khỏi bệnh xá cả. Hằng ngày, người ta mang đi những xác chết trần truồng, lạnh giá và ném xuống những cái hồ chung. Ivan tiếp tục khai Eddy Thall là phụ nữ lao công ở ngay tại bàn giấy và chờ đợi ngày thắng trận. Hắn đưa về những tin tức liên quan đến sự mở rộng của chiến tranh.

— Quân đội Xô Viết đã chiếm Bucarest! - Một hôm hắn nói.

Eddy Thall khóc òa lên vì sung sướng. Đây là một sự kiện lớn: quân đội Xô Viết vào Bucarest. Nhưng Chiến thắng thì chưa đến. Còn phải chiếm đóng một số nước khác nữa. Tuy vậy, các tù nhân ở mỏ cũng đã lấy lại tinh thần. Các thân hình còm cõi của hàng ngàn người Do Thái đang lao động ở vùng băng giá này, chuyển những vật liệu nặng, đẩy từng đoàn xe goòng chất đầy quặng, hoặc bốc dỡ những thanh tà vẹt, bỗng đứng thẳng người lên. Mỗi người Do Thái ở mỏ đều có ý thức mình là một tên lính chiến đấu kẻ vai sát cánh với cả năm mươi hai dân tộc vì Chiến thắng và Tự do. Mỗi người tự động viên mình, tấm thân già còm cõi, bị gặm mòn vì ung nhọt và chảy rạn, tro xương ra vì đói và rét, như thể người ta động viên con ngựa trong một cuộc chạy đua tuyệt vọng và nói với nó rằng: “Cố lên chút nữa! Một chút nữa thôi! Nhưng cái tấm thân sao mà nó nặng nề!”

Có một đêm, Eddy Thall mơ thấy Tinka Neva. Sau đó thì mơ thấy Lidia Petrovici và Milostiva Debora Paternik. Ba người rời bỏ ngôi mỏ của họ. Đất mở ra, nắp quan tài bị bật văng đi, và những người Do Thái từ các quan tài chui ra để mừng Chiến thắng. Esther và Rebecca Reingold thì hiện nổi lên trên sóng Biển Đen, mình mặc y phục ngày lễ. Trên một cái sân khấu, như trong những bức tượng, có Churchill, Roosevelt và Staline. Họ mỉm cười với những người tuần đạo xuất hiện từ lòng đất, sóng biển và tro tàn, và ngợi khen họ đã góp công sức vào Chiến thắng. Churchill ngâm một điệu xi gà, còn Roosevelt thì thất một chiếc cà vạt vàng. Họ ngồi như hai vị thần trên ngai ánh sáng và nói với người Do Thái rằng họ đã kháng cự tốt trong các hầm mỏ, trong nhà tù, trong sa mạc cát và trong những nơi ẩn nấp của họ. Một giấc mơ thật đẹp.

Eddy Thall muốn cho giấc mơ kéo dài vô tận. Nhưng tiếng của Ivan làm nàng chợt tỉnh:

— Chiến thắng rồi! - Hắn gào lên - Chúng tôi được lệnh để cho người nước ngoài trở về nước họ. Chỉ cần đưa một lá đơn, thế là trở về thôi.

Eddy Thall nức nở khóc.

— Chiến thắng! - Nàng nói - Ta đã biết ngày đó thế nào cũng đến. Ta mong đợi nó làm sao! Hàng triệu người đã mong đợi nó quá lâu rồi! Nó không thể nào không đến. Và thế là nó đã đến rồi! Chiến thắng!

Nàng muốn đứng lên.

— Tôi sẽ nộp hộ lá đơn của cô. - Ivan nói.

Hắn van xin nàng hãy cứ nằm yên, đừng dậy.

— Tôi muốn tự tay tôi đưa lá đơn hồi hương! - Eddy Thall vừa khóc vừa nói - Hãy để tôi tự mặc áo quần và đưa đơn một mình!

Ivan ra đi.

Eddy Thall đi đến chiếc gương treo trên tường ngày thường Ivan vẫn dùng để cạo râu. Nàng soi mình trong gương. Nàng thấy có những sợi tóc bạc, nhiều sợi tóc bạc. Tóc nàng đã mất hết vẻ mượt mà. Và buồn. “Ồ những người đàn bà đau khổ, bao giờ cũng là tóc chết trước tiên.” Eddy Thall suy nghĩ.

Nó đã trở thành sẫm, buồn, màu xin. Người đàn bà vui thì có mái tóc sống động, đầy ánh sáng. Trong đau khổ cái ánh sáng ấy mất đi. Dần dần trở thành màu xin, thiếu sức sống, như một tấm vải bông hay vải len.

Eddy Thall nhìn thấy trong tấm gương soi của Ivan mái tóc mình đã chết.

“Minh biết mái tóc mình có những sợi bạc. Nhưng có ngờ đâu sợi bạc lại nhiều như thế?” Nàng chải mái tóc xám xịt, thưa thớt, chết héo với chiếc lược của Ivan. “Bao giờ mình có thể ra hiệu làm đâu lại, tóc mình sẽ có lại sức sống.”

Sau đó, nàng lại ngắm nghía đôi mắt của nàng. Vẫn hoàn toàn như xưa, chỉ khác một điều: mất hết ánh sáng. Cái nhìn không có ánh sáng cũng như một cái nhìn đã chết. Vẫn là nàng, Eddy Thall, ngày xưa vẫn lên sân khấu, nhưng không phải là đôi mắt nàng nữa. Ở những người đàn bà đau khổ, ánh sáng đôi mắt chết đi và cái nhìn của nó trở nên chính xác, rõ ràng, dè dặt như hòn đất. Đôi mắt của người đàn bà đã từng chịu khổ đau trở thành một mảnh đất trên đó hoa tàn cỏ héo, nguồn nước cạn khô, một mảnh đất chìm trong băng giá.

Mắt của Eddy Thall giờ đây là như thế, vẫn đôi mắt ngày xưa, nhưng ánh sáng đã tắt. Eddy Thall nghĩ tới bài báo nàng đã đọc trên tờ Pravda - Sự Thật. Người ta nói sáu triệu người Do Thái đã bị đưa vào các lò thiêu của quân Đức. Nàng nằm trong số hiếm hoi đặc ân đặc huệ, bởi nàng vẫn còn sống cho tới ngày Thắng lợi. Đôi mắt nàng thiếu ánh sáng nhưng mà vẫn còn sống. Mười hai triệu con mắt đã bị cháy hoặc bị thổi rữa đi và không được thấy ngày Chiến thắng hôm nay. Ngoài mười hai triệu con mắt Do Thái đó, còn bao nhiêu con mắt khác nữa: Những con mắt đen của người Hy Lạp; những con mắt xinh đẹp của người phụ nữ Pháp; những con mắt xanh của người đàn bà Na Uy, Đan Mạch, Hà Lan; những con mắt nảy lửa của các phụ nữ Ý... và cơ man nào những con mắt khác đã rữa thối đi, đã cháy đi, không còn thấy được ngày Chiến thắng.

Eddy Thall rất biết ơn số phận. Dù với những cái nhìn chết khô chẳng nữa, nàng vẫn được nhìn thấy ngày Giải phóng đây rồi.

Bây giờ nàng mới phát hiện ra những quảng thâm quanh mắt, những quảng thâm màu mực. “Khi con mắt chết,” nàng tự bảo, “thì nó ẩn mình trong cái hốc của nó như trong một hang sâu.” Hốc mắt của nàng giờ đây cũng giống như hai cái mồm mở ra trong đó chôn chặt nhãn cầu. Trán nàng đầy nếp nhăn. Nàng muốn xóa bằng nó đi, nhưng nếp nhăn sâu quá, hằn lên như những vết dao. Lại có những nốt chân chim và những nếp nhăn ở khóe miệng và cằm. Nhiều lắm. Trên cổ nàng cũng có những nếp nhăn như vậy.

Eddy Thall ngẩng đầu lên. Lúc đó nàng bị một cơn ho và máu lại thấm đỏ cả chiếc mũ xoa của nàng, như những cánh hồng đỏ chói. Nhưng nàng không sợ. Bệnh ho lao có thể chữa trị được. Cái chính là ngày Chiến thắng đã đến. Nàng nhớ tới những rừng núi Rumanian với những rừng thông bát ngát xanh tươi. Qua cửa sổ, người ta thấy những bãi cát đầy dây thép gai và những đồng ruộng kim loại to sù. Một nữ tù nhân bị lính đánh đang la hét om sòm. Eddy Thall muốn mặc chiếc áo vào.

Nàng nhìn xuống ngực mình, thấy đôi vú mình mềm nhũn, buồn, trĩu xuống như những trái cây khô lủng lẳng trên cành. Nàng lấy tay xoa bóp vai. Những xương đòn nhô ra, thân hình nàng như bị treo vào xương như một chiếc áo treo vào một cái móc áo quá to.

Eddy Thall mặc một chiếc áo vải thô của lính. Nàng nhớ tới những bộ com lê bằng lụa ngắn mịn màng của nàng. Nàng đi một đôi ba ta bằng len và mặc một chiếc váy dày. Nàng không nhớ cái váy này nàng lấy ở đâu ra. Quần áo nàng xấu xí. Nàng soi mặt. Có được một chút son lên đôi môi tím ngắt thì hay biết bao nhiêu, nó sẽ thay đổi tất cả.

Ivan mang đến cho nàng một tờ giấy và một cây bút để nàng viết đơn xin hồi hương. Eddy nằm duỗi mình trên giường.

Mặc quần áo xong, nàng mệt quá. Ivan đã viết xong lá đơn, đọc cho nàng nghe. Eddy Thall chú ý những chữ cuối cùng:

“Tôi trân trọng yêu cầu các Ngài chấp nhận cho tôi được trở về quê hương tôi tại Rumanian.”

Nàng đưa tay lên, chậm rãi ký *Eddy Thall*.

Vẫn nét chữ ấy như xưa. Nàng nhớ nàng đã có một chiếc bút máy. Chưa bao giờ nàng nghĩ đến nó. Nó đã biến mất đâu đó tại Kichinev.

Nàng cũng nhớ mình còn có bao nhiêu thứ khác nữa: một hộp phấn nhỏ nhỏ bằng bạc, một cái ví tay. Tất cả những thứ đó cũng na ná như da thịt của nàng. Trong lúc đi trốn, nàng đã để lại tất cả ở trại hoặc mất đi, như con nai bị săn đuổi đã để lại những mảnh da thịt của mình. Nhưng cũng như con nai luôn luôn bị nỗi sợ giầy vò và mũi chạy sao cho thoát, không cả để ý những chuyện lật vật thể này. Và nàng không còn cảm thấy cái đau thương của những mất mát. Mãi tới bây giờ nàng mới nghĩ đến những thứ mà nàng đã bỏ lại khắp các nơi cùng với những giọt máu và những mảnh da thịt của nàng. Eddy Thall nhớ đến cả cái cắt móng tay, cái lược khảm bạc, cái khâu tay dùng để may, cái giũa móng tay... tất cả. Nàng bây giờ thậm chí không còn cả cái bàn chải đánh răng. Lâu nay, chưa bao giờ nàng lưu ý đến sự còn mất của những thứ này. Trong những tình thế nghiêm trọng, những trường hợp nguy hiểm, người ta thường không thấy được là mình đang bỏ mất một cái gì đó.

Lần đầu tiên, nàng nhận thấy rằng mình không còn có lấy một cái gì cả, tất cả đã rồi.

Eddy Thall đứng dậy, búi lấy cánh tay Ivan mà bước tới phía cái bàn giấy để nộp lá đơn của mình một cách khẩn trương.

Trong lán, hàng trăm con người vui vẻ đợi chờ để nộp đơn. Toàn những người còn trẻ. Các hầm mỏ đã thực hiện sự chọn lọc nô lệ. Những người già và người bệnh đã chết hết lâu rồi.

Chỉ còn lại những người trẻ và khỏe. Eddy Thall ho, nhưng nàng nghĩ: "Mình, mình cũng khỏe! Mình cũng đã chống chọi nổi!"

Nàng tiếp tục ho và nắm chắc trong tay cái đơn xin của nàng trong đó có viết:

"Tôi trân trọng yêu cầu các Ngài chấp nhận cho tôi được trở về quê hương tôi tại Rumani."

VIII

Nhiều tháng trôi qua. Một hôm người ta nhận được lệnh: *Chỉ duy nhất cho phép những người gốc gác Ba Lan được hồi hương. Sẽ không còn những chuyến hồi hương nào khác! Tất cả các đơn đều bị hủy. Những tù nhân khác phải ở lại Liên Xô.*

Thoạt tiên Eddy Thall không muốn tin. Sau đó, nàng muốn phản đối. Cuối cùng thì nàng nằm lăn ra giường mà khóc nức nở. Rồi nàng hỏi những bức tường, hỏi mình, hỏi Ivan vì nàng không còn biết hỏi ai khác nữa.

— Người ta còn giữ chúng tôi lại đây cho đến bao giờ? Tôi còn phải ở lại đây cho đến bao giờ?

— Sẽ là hạnh phúc lớn nếu như cô còn được ở lại chỗ này! - Ivan nói, cân nhắc từng chữ - Tình thế sẽ không trở thành nghiêm trọng nếu như cô còn được ở lại đây... Ngày mai tôi sẽ đi nơi khác. Tôi chuyển về một trại khác ở Sibérie. Bọn lính gác chúng tôi, người ta chuyển đi đâu phải đi đấy.

— Anh muốn đi đâu tùy anh! - Eddy Thall thét - Tôi, tôi chỉ muốn biết người ta còn giữ tôi lại đây bao lâu nữa. Vậy thôi! Không gì khác!

— Đây là phòng ở của người gác văn phòng. - Ivan nói - Ngày mai sẽ có một người lính gác khác. Còn tôi, tôi phải đi!

Eddy Thall nhìn hẩn kinh hoàng.

— Có những vấn đề khác, quan trọng hơn vấn đề hồi hương. - Ivan nói - Người thay tôi sẽ dọn tới đây ngày mai. Cô sẽ làm gì?

Ivan đứng lên và đặt chiếc mũ lưỡi trai lên đầu.

— Nếu cô ra mộ, cô sẽ chết! - Hẩn nói - Chỉ vài tuần thôi, cô sẽ chết. Chết! Tình thế là như vậy!

Ivan chờ đợi một câu trả lời.

— Cô có muốn tôi nói với người thay tôi cứ để cho cô ở đây không? - Điều anh phải nói ra quả thật là chua xót, nhưng vẫn cứ phải nói ra - Tôi có thể nói với anh ta. Đúng là tôi có thể. Nhưng mà cô, cô phải hiểu cho tôi. Anh ta sẽ ngủ ở buồng này. Anh ta sẽ không chịu ngủ trên bàn như tôi đâu! Cô nói đi: cô sẽ làm gì? Tình thế là như vậy đó!

Eddy Thall đứng lên. Nàng hết choáng váng rồi. Nàng không mệt mỏi nữa. Con sốt đã qua. Nàng mặc áo vôi vàng.

— Cô định làm gì? - Ivan hỏi.

Nàng tiếp tục mặc quần áo vôi vàng, như có đám cháy đang xảy ra.

— Cô muốn ở lại với anh ta, hay là ra mộ. Cô lựa chọn chưa?

Eddy Thall đứng sừng sững trước mặt hẩn, răng cắn chặt vào nhau, nét mặt gân guốc.

— Cái chết! - Nàng đáp.

Rồi nàng cắn chặt môi và cắn chặt hai hàm răng, biến mất, cửa để ngỏ, để lại Ivan, các bức tường với những tấm ảnh cắt trong báo ra, chiếc giường và âm thanh của câu nói thốt ra qua làn môi cau có: “Cái chết!”

IX

Eddy Thall chạy giữa những hàng cột quán dây thép gai, trên những tấm tà vẹt. Ngọn gió lạnh buốt cắt ngang hơi thở của nàng, như một lưỡi dao. Nàng không nghĩ gì nữa. Nàng cứ hai tay ôm ngực mà chạy. Rồi nàng ngã xuống trên một đồng mỡ bò đóng băng và lại nổi cơn ho. Nàng nằm bất động, không chờ đợi một cái gì nữa.

Có ai đó đụng vào vai nàng, gọi tên nàng. Rồi những cánh tay nhấc nàng lên, mang nàng đi.

— Sao cô lại khóc?

Nàng mở mắt. Nàng đang ở trong một căn lán làm bằng ván ghép, nằm trên một cái giường. Hai người đàn ông đứng kề bên - hai tù nhân. Đó là ông bác sĩ và anh hậu cần. Họ ở lán quản trị hành chính.

— Sao cô lại khóc?

— Vì tôi là người Do Thái! - Eddy Thall đáp, rồi nàng càng khóc to hơn nữa.

— Chúng tôi cũng là người Do Thái.

— Vì sao người ta lại đưa chúng ta ra mổ sau khi đã chiến thắng? Hàng triệu sinh linh chết trong chiến tranh còn có tác dụng gì nếu như trong ngày chiến thắng mà các nô lệ không được giải phóng? Vì sao Churchill đã uống sâm banh trước những tay nhiếp ảnh?

— Cô hãy bình tĩnh! Chúng ta sẽ được giải phóng! - Ông bác sĩ nói.

— Người ta không thể trả tự do cho những cái xác chết! - Eddy Thall đáp.

— Tôi sẽ tiêm cho cô một ống thuốc. - Ông bác sĩ nói. - Nó sẽ giúp cô ổn định lại tinh thần.

Câu đề nghị của Ivan khuyên cô làm “tình nhân của người lính gác” trở lại trong trí nhớ của nàng. Nàng ôm trán trong hai bàn tay nắm chặt và nhào ra cửa.

— Tôi không muốn tiêm! Tôi không muốn người ta si nhục, đánh đập, chà đạp dưới chân! Tiêm cho tôi? Để làm gì? Tôi không muốn bị ô nhục Một mũi tiêm, được cái gì?

Eddy Thall lại ngã lăn ra nhà trong một cơn ho. Miệng nàng ứ đầy máu. Cái ám áp duy nhất mà nàng cảm nhận được lúc này chính là cái ám áp của dòng máu chính mình. Ông bác sĩ tù nhân tiêm cho nàng một mũi. Nàng lại mở mắt ra và nàng hiểu rằng ngoài máu của mình ra vẫn có một thứ khác cũng ám áp trong hoàn cảnh nô lệ: đó là máu của những người anh em chị em cùng nòi giống.

— Chúng ta có một tổ chức lo cứu chữa những người cùng tôn giáo của ta ở những nước khác. - Ông bác sĩ nói - Chỉ riêng những người Do Thái ở Ba Lan được phép hồi hương. Vài hôm nữa, đoàn hồi hương đó sẽ lên đường. Chúng tôi được quyền mang vợ con theo. Cô có muốn làm một đám cưới, hoàn toàn chính thức, với một người Do Thái Ba Lan để có điều kiện rời bỏ nơi này không?

Eddy Thall nhìn ông bác sĩ với con mắt mở rộng vì ngạc nhiên.

— Hàng trăm phụ nữ Do Thái của Rumania, Hungary và mọi quốc tịch khác sẽ rời bỏ được hầm mỏ bằng cách thức này. Anh bạn Isaac Salomon của tôi còn độc thân. Cô sẽ cùng anh ấy làm một cuộc hôn nhân giả. Và cô sẽ được đi. Cô đồng ý không?

— Xin bác sĩ nói lại! - Eddy Thall nói.

— Đây chỉ là một hình thức, một thủ tục đơn giản để rời khỏi đất nước này thôi. Mỗi người đàn ông Do Thái Ba Lan có thể bằng cách ấy cứu thoát một người cùng tôn giáo của mình ra khỏi lao động hầm mỏ. Cô có đồng ý không?

Eddy Thall bỗng đầm đìa nước mắt.

— Sao cô vẫn khóc hoài như vậy?

— Bao nhiêu lâu rồi không một ai hỏi tôi có đồng ý hay không. Đây là lần đầu tiên từ nhiều năm nay cái điều ấy mới đến với tôi. Mỗi người ai muốn làm gì tôi tùy ý, không bao giờ hỏi ý kiến của tôi. Người ta không bao giờ hỏi bọn nô lệ có đồng ý hay không. Nếu có người đặt cho tôi câu hỏi đó, có nghĩa là tôi không còn là một con nô lệ nữa! Tôi đồng ý, đồng ý, đồng ý!

Eddy Thall lấy Isaac Salomon và dọn qua ở lán của những người Ba Lan. Bây giờ nàng đã là công dân Ba Lan và chờ ngày về xứ sở.

Vào lúc anh bị đày sang Nga, cách đây năm năm, Isaac Salomon là sinh viên. Đó là một chàng trai tóc hung, giàu tình cảm. Trong các trại giam Nga, anh vẫn luôn luôn giữ được tính vui tươi của tuổi vị thành niên.

Isaac, Eddy Thall và hàng ngàn người Ba Lan tháng tháng cứ phải di chuyển trại này sang trại khác. Họ xích dần tới địa phận Ba Lan, nhưng chuyện hồi hương thì cứ kéo dài. Họ đành chờ đợi. Những cuộc hôn nhân thuần túy hình thức ấy, trong những tháng ngày chờ đợi, đã biến thành những cuộc hôn nhân tình yêu. Nhưng chuyện hồi hương vẫn không có được. Mà là một đứa con. Eddy Thall trở thành người mẹ. Họ đặt tên cho con là Orly, một cái tên dịch từ tiếng hêbrơ, có nghĩa là “Ánh sáng của tôi”.

Trong cuộc sống ăn đói nằm chờ, Orly đã trở thành ánh sáng của họ thật. Khi Orly được bốn tháng, thì những đoàn dân Ba Lan đã từng sống sáu năm trong các hầm mỏ Xô Viết đặt chân lên mảnh đất quê hương. Eddy Thall ôm chặt Orly vào lòng mà khóc vì sung sướng, cũng như mọi người Ba Lan khác khi mảnh đất quê hương đã thật sự ở dưới chân mình.

Các tù nhân về tới nhà là quên hết mọi đau thương đã chịu. Eddy Thall cũng quên hết bao nhiêu nỗi đau thương khổ nhục của nàng.

Được là người Ba Lan quả là một đặc ân. Những tù nhân khác còn ở lại trong các hầm mỏ Xô Viết.

Nàng xuống Varsava, về nhà bà con với Orly và chồng.

Lúc trời tối, họ lại sum vầy với nhau trong một căn buồng chật hẹp nghèo nàn. Dù sao, đây là đêm đầu tiên sau bao nhiêu năm nay họ được nằm ngủ ở một nơi không phải trại tù nhân, trong một căn buồng không có lính canh trước cửa.

— Đừng nói cho ai biết các cháu là người Do Thái. - Bà di của Salomon bảo - Phải hết sức thận trọng.

Trên bàn, có một chiếc bếp cồn để đun nước pha trà. Orly nằm ngủ. Trong buồng, cái giường mà họ được nằm nghỉ đêm đầu tiên được tự do từ ngày thắng trận, có vẻ nhỏ hẹp nhưng đó là chiếc giường nằm của những con người tự do chứ không phải của tù nhân.

Mỗi sáng, người ta tìm thấy những người Do Thái bị giết trong đêm, ngoài đường cái, giữa sân, bất cứ đâu, từ đầu này đến đầu kia của đất nước Ba Lan.

Bà di của Salomon rót trà. Bà ta đầm đìa nước mắt, nhưng mà bà chịu đựng.

— Hãy thận trọng! - Bà nói - Rất thận trọng!

— Chẳng phải người ta đã tiêu diệt chủ nghĩa phát xít rồi sao? Thế Chính phủ làm cái gì?

— Ba Lan là một nước bị đóng đinh trên cây thập tự. Khi quân quốc xã rút đi, chúng chỉ để lại có hoang tàn, mỗi năm mò mỗi bước. Ba Lan đáng thương! Một nghĩa địa bị phá hủy. Quân Xô Viết vào. Họ lấy nốt những cái gì còn lại: đường sắt, tuổi trẻ, cả những cái lò trong nhà bếp. Tất tần tật. Ba Lan tội nghiệp, đáng thương.

— Vì sao Chính phủ lại để cho người ta tàn sát người Do Thái?

— Hãy thận trọng! - Bà già nói - Nguy hiểm lắm đó! Rất!

Isaac Solomon đứng lên. Anh lại để tách trà xuống. Anh biết rằng ở Ba Lan là sự đói khổ nghèo nàn. Rằng người Nga cướp bóc những thứ mà quân Đức không cướp hết. Nhưng anh không thể hiểu rằng người ta giết người Do Thái ngay trên đường cái. Có những bộ trưởng Do Thái, những sĩ quan Do Thái, những lãnh tụ chính trị là người Do Thái. Chính phủ phải bảo vệ người Do Thái mới đúng chứ?

— Người dân Ba Lan đói khát đã bị săn đuổi để lùa đày sang Nga, đang tìm cách trốn tránh. Núi rừng đầy rẫy những nơi ẩn nấp của họ. Họ bỏ nhà cửa, tất cả để trốn đi. Những người đi trốn thường đi vào những lúc ban đêm như những con sói đói. Họ lẫn xả vào người Do Thái bởi vì họ biết Chính phủ mà

người Nga áp đặt cho họ là Do Thái, rằng những tay trưởng trại là Do Thái. Họ tin rằng người Do Thái đang nắm giữ quyền hành và đang phạm nhiều tội ác tày trời. Nhưng ngược lại, chẳng những không trả thù xuống đầu người Nga mà dân chúng lại trút xuống đầu người Do Thái tất cả, bởi vì chẳng khó khăn gì. Các cháu thấy đó. Và các cháu cần phải hết sức thận trọng.

Orly thét lên một tiếng trong khi em ngủ.

Những giọt nước mắt chảy trên má bà di của Isaac Salomon và rơi xuống tách trà.

— Di sợ quân phát xít từ tận trong dòng máu! - Salomon nói - Di sợ ngay cái bóng của mình. Thế là quá sức! Ngày nay, chúng ta sẽ xem. Cháu tin chắc rằng không phải tất cả các băng nhóm phát xít hoặc S.S.^[13] đều đã được diệt sạch đâu! Di chớ quên rằng Chiến thắng là có thật. Chúng ta có một Chính phủ bù nhìn thân Xô Viết, nhưng không phải là một Chính phủ phát xít. Còn lại là chuyện phóng đại cả thôi.

Isaac và Eddy Thall mở chăn ra cho bé Orly. Đôi má mát mẻ của bé bây giờ đỏ bừng. Cả người bé nóng bỏng. Isaac ghé tai vào người bé để nghe nhịp đập của trái tim, rồi nói với Eddy Thall:

— Orly mới được bốn tháng. Đi đường xa mệt nhọc là chuyện tất nhiên. Khóc trong giấc ngủ hoặc nhiệt độ lên cao cũng là chuyện thường. Nhưng nó không lên cơn sốt. Nó không bị gì cả. Nếu em muốn, ta thử kiểm cái cặp nhiệt độ xem.

Eddy ôm chặt bé Orly vào lòng và nàng nựng bé bằng tiếng Rumani, gọi nó là “Luminitza” - ánh sáng nhỏ của tôi.

Orly khóc. Má bé đỏ bừng như đoá hoa hồng. Eddy và con gái của nàng - ánh sáng của nàng - ở lại một mình trong khi Salomon và bà di đi tìm cái cặp nhiệt độ. Nhưng Isaac trở lại, về hải lòng.

— Trong ngôi nhà này, có một ông bác sĩ, ở lầu sáu. Ta lên đó xem. Ông ta sẽ cặp nhiệt độ và sẽ khám cho Orly, ánh sáng của chúng ta. Rồi em xem, nó chẳng có sao đâu. Chỉ hơi mệt chút thôi.

Isaac trèo lên lầu sáu, tay cầm một cây nến và chú ý không để cho gió thổi tắt. Eddy theo sau, tay ôm Orly. Cầu thang rất hẹp. Một người đàn ông rất trẻ mở cửa buồng áp mái.

— Tôi là bác sĩ. - Ông ta nói - Xin cứ vào và miễn thứ cho cái nghèo khổ của tôi.

Ông ta mời Eddy Thall cùng bé Orly và Isaac Salomon vào một căn buồng nhỏ xíu. Không có giường. Chỉ có tấm chăn trải ngay ra sàn nhà, trong góc. Và cũng ngay giữa sàn nhà là từng chồng sách, những lọ thuốc, một cái đèn dầu. Đây là một bác sĩ trẻ. Những mớ tóc hung rũ xuống trên đôi mắt to đỏ ngầu vì sốt. Ông ta có vẻ đau đớn.

— Nhà không có ghế, xin thông cảm. - Ông ta nói.

Ông ta nhìn Eddy Thall, cháu bé và Isaac Salomon để đoán xem ai trong ba người bị bệnh. Ông lại xin lỗi lần nữa:

— Tôi rất tiếc là không có nổi một cái ghế, chỉ một cái ghế thôi cũng không. Không phải lỗi của tôi. Chính phủ đã lấy nhà của tôi, tiệm nghi của tôi, phòng khám của tôi, sách của tôi, tất cả, sạch sành sanh, ngay hôm tôi ở tù về. Chỉ trong hai giờ, tôi bị tổng ra hè phố.

Bác sĩ ôm lấy bé Orly trong tay, cởi áo bé và đặt nằm trên chồng sách thay bàn. ông ta khám cho bé rất cẩn thận. Ông bắt mạch và cặp nhiệt độ cho bé.

— Tôi không có những thứ thuốc cần cho cháu. - Ông ta bảo - Nhưng mà không có gì nghiêm trọng đâu. Không! Không nghiêm trọng chút nào! Ngày mai sẽ khỏi thôi.

Ông lại mặc quần áo vào cho cái thân hình bé bỏng của Orly. Sau đó, ông xắn tay áo và hơ cái ống tiêm lên ngọn đèn cò để vô trùng.

— Sau Ngày Chiến thắng, tôi ở Đức về. Người ta bảo tôi: “Quân Đức đã giết sạch những người chống phát xít. Chỉ có những cộng tác viên là còn sống.” Anh hiểu nghĩa là thế nào không?

Bàn tay của ông bác sĩ run run trên ngọn đèn cò đang vô trùng hóa dụng cụ của ông ta.

— Chỉ việc “còn sống” thôi cũng đủ là một tội ác rồi? Và bởi vì tôi vẫn còn sống và trở về sau bốn năm tù đầy, cho nên người ta đã tịch thu nhà cửa, phòng khám, sách vở của tôi, tất tần tật! Chính phủ Do Thái - Xô Viết Ba Lan cho rằng bất cứ người Ba Lan nào không bị bọn nazi tiêu diệt đều là phát xít, cần phải thủ tiêu. Đó là cái logic thông thường Do Thái Xô Viết. Nhưng ngày nay, chúng ta đã thanh toán xong bọn phát xít rồi, người Ba Lan chúng ta phải thống nhất lực lượng để tiếp tục đấu tranh chống lại bọn Do

Thái và Cộng sản.

Ông bác sĩ lau trán. Ông ta đang bị cơn sốt. Ông ta đang bị giày vò trăm ngã, nào bệnh tật, nào căm ghét, nào khát vọng trả thù.

— Tôi bị ho lao ở giai đoạn cuối. Nhưng tôi chưa muốn chết trước khi tôi tự tay diệt trừ ít nhất cũng một tên trong những tên Do Thái - Xô Viết đang giết chết Tổ quốc Ba Lan. Tôi muốn tự tay tôi bóp ngạt hơi thở của chúng nó!

Orly khóc. Bàn tay nhợt nhạt của ông bác sĩ run run. Bàn tay ấy nhẹ nhàng chạm vào người bé Orly âu yếm vuốt ve.

— Trước kia tôi cũng từng mơ ước có một đứa con, nó là ánh sáng trong cuộc đời một con người (ông ta nhìn bé Orly âu yếm). Tên nó là gì? Cô thiên thần bé con này? - Ông ta hỏi.

— Orly! - Eddy Thall nói, trong khi ông bác sĩ nhìn chăm chăm vào nàng.

Rồi đôi mắt to đang cơn sốt lại nhìn sang Isaac.

— Orly! - Ông nói - Một cái tên tuyệt đẹp. Orly, một cái tên đẹp cực kỳ!

Bàn tay của bác sĩ không run nữa. Nó vuốt ve làn da thịt của cháu bé một cách tin tưởng. Trán ông ướt đầm mồ hôi, nhưng bàn tay không run nữa.

Giọng Nga của Eddy Thall, khuôn mặt của Salomon, cái tên Orly... thế đủ rồi! Ông ta đang tiếp xúc với những người Do Thái đây. Bây giờ thì ông ta chắc chắn lắm rồi. Ông ta đặt mũi kim tiêm, bơm hết ống thuốc cho Orly với một bàn tay vững vàng.

— Từ đây đến sáng mai, tất cả sẽ trở lại trật tự. Ngày mai, các người lại đến. Nhưng tôi nghĩ sẽ không cần thiết.

Ông bác sĩ nhận điều thuốc của Isaac mời và tiếp tục nhìn anh ta rất chăm chú. Bây giờ ông ta chắc chắn lắm rồi. Ông ta đã không lầm. Trước mặt ông ta, đúng là những người Do Thái!

— Các người sẽ thanh toán thù lao cho tôi ngày mai. - Ông ta bảo - Vì ngày mai các người sẽ còn tới tìm tôi.

Ông ta vẫn để ngõ cửa cho đến khi tiếng chân của Eddy Thall và Isaac Salomon đã tắt đi hoàn toàn.

Đêm ấy Eddy Thall thức dậy nhiều lần để theo dõi tình hình của Orly trong khi bé ngủ. Nhịp thở của bé nhẹ nhàng, đều đều.

— Anh đã bảo em không có chuyện gì nghiêm trọng cả mà! - Isaac Salomon nói. Anh ôm hôn vợ - Chúng mình sẽ có một cuộc sống đẹp. Chúng mình sẽ hạnh phúc. Đây là lần đầu tiên từ năm 1939 anh được trở lại quê hương xứ sở của mình và được nằm ngủ trong một ngôi nhà thật sự, nhà của bà con mình. Tại thành phố của anh, tại nhà người thân của anh.

Chiến thắng được chính thức công nhận từ bao lâu rồi, cuối cùng cũng đã đến với họ. Tốt biết bao được nằm ngủ sau Chiến thắng, tự do giữa gia đình! Đây là một giấc ngủ mà người ta có thể buông thả mình một cách thoải mái an toàn.

Khi Eddy Thall bừng tỉnh dậy thì thấy Isaac Salomon đang đứng ôm chặt bé Orly vào lòng.

— Orly không còn nữa! - Anh kêu to - Orly chết rồi!

Cánh cửa mở ra. Bà dì của Isaac Salomon xuất hiện, theo sau bà là bà gác cổng và xóm giềng. Người ta chờ Eddy đi bệnh viện. Nhà đầy những người. Có cả những cảnh sát mặc thường phục và những cảnh sát mặc đồng phục. Salomon nhắc lại những câu nói của ông bác sĩ, và gào to rằng con gái của anh đã bị giết.

— Buộc tội người ta như vậy là vô căn cứ! - Viên cảnh sát trưởng nói - Đó là một tội ác kinh tởm. Chưa bao giờ có một hành vi man rợ như vậy ở Varsava. Ngay cái giả thiết tiêm thuốc chết người cũng chưa bao giờ được đặt ra. Và lại cuộc khám nghiệm sẽ cho chúng ta những bằng chứng chính xác.

— Chúng ta sẽ thực hiện một cuộc điều tra tại chỗ! - Viên cảnh sát nói.

Họ ghi tên Eddy Thall và Isaac Salomon rồi lập một biên bản về cái chết của bé Orly. Họ ghi nhận những lời khai của bà gác cổng và những người láng giềng.

Họ giúp Isaac trèo lên sáu tầng nhà mà anh đã trèo lên đêm hôm qua cùng với vợ và con gái anh. Cửa buồng áp mái không đóng. Các viên cảnh sát cứ để cửa mở như vậy. Buồng của ông bác sĩ trống rỗng. Chỉ có những bức tường và sàn nhà trần trụi. Salomon nhìn mọi sự qua dòng nước mắt. Anh bị cơn choáng. Các viên cảnh sát đỡ lấy anh.

— Chúng tôi đã đến chỗ này đây.

Anh cố nhận ra những bức tường, cái cửa sổ, chỗ anh đã đứng hôm qua.

— Hôm qua cũng trông trải như bây giờ à?

— Hôm qua có thêm một vài thứ. - Isaac Salomon nói - Sách, thuốc men, chăn màn, một cây đàn.

— Làm sao ông ta có thể đi mà bác không nghe thấy? - Một cảnh sát viên rất trẻ và đầy tự tin hỏi người gác cổng.

— Anh thấy là có thể được lắm chứ! - Người gác cổng đáp. - Tôi, tôi không nghe thấy gì hết.

— Chúng ta sẽ đăng ảnh hắn lên mọi tờ báo. Có thể hắn là một tên khủng bố hoặc một tên S.S. Việc hắn bỏ đi trốn chúng tôi lương tâm hắn không yên. Hắn mất tích, đó là đầu mối của chứng lý.

— Eddy đâu? Eddy đâu rồi? - Isaac hỏi - Tôi muốn gặp nàng. Ít ra nàng...

— Ông có thể tin tưởng rằng chúng tôi sẽ tóm cổ được hắn ta.

— Muộn quá mất rồi! Orly chết rồi! - Salomon nói - Cháu là ánh sáng của chúng tôi và giờ đây ánh sáng đã bị tắt.

— Vai trò của cảnh sát là bắt bọn sát nhân, và chúng tôi sẽ làm được! - Viên cảnh sát nói.

— Eddy đâu rồi? - Salomon hỏi. - Tôi muốn gặp Eddy!

Và lần đầu tiên trong đời mình, Isaac Salomon khóc. Từ năm 1939, anh đã chịu mọi đau thương, gian khổ và nhục nhã một cách kiên nhẫn. Bây giờ anh hết chịu nổi rồi.

— Tôi muốn gặp Eddy! - Anh kêu xin.

Ba ngày sau, Isaac Salomon và Eddy Thall lại lên đường đi sang phía Tây lần nữa, với hai tay không và tâm hồn tê dại hơn bao giờ hết.

Họ rời bỏ Ba Lan. Phương Tây không thể trả lại Orly cho họ. Không trả lại được máu mà Eddy Thall đã mất. Phương Tây không chữa nổi những vết thương của họ ngày xưa, nhưng có thể để họ cứ sống với những vết thương, nổi khổ, với những dấu vết của sự hành hung.

Ba Lan không thể nào ở được nữa, mặc dầu họ đâu có đòi hỏi gì hơn đâu!

XII

Đối với Pierre Pillat ngày Chiến thắng là ngày quân đội Xô Viết chiếm đóng thủ đô Bucarest. Lính Nga tràn vào nhà dân. Dân chúng ẩn nấp dưới những hầm chứa rượu, trong những vựa thóc. Những người khác tìm cách trốn thoát. Đàn bà bị hãm hiếp, cửa hàng bị đập phá, dân chúng bị bắn chết trên đường phố.

Pillat tìm cách cứu lấy thân, và người vợ tương lai của mình, một cô gái gia đình nông dân, đã từng theo học một vài năm ở một trường trung học phổ thông. Cô ta đã theo anh đến mọi nơi ẩn náu, và họ đã cùng nhau chờ đợi cơn sốt của những ngày đầu của Chiến thắng chấm dứt, để lại được nhìn thấy ánh sáng mặt trời. Họ đã ẩn núp như bất cứ ai khi thấy cuộc sống của mình bị nguy cơ. Một tuần sau đó, Marie và Pillat đã có thể ra ngoài đường phố. Họ muốn mua một ít bánh mì. Trước những tiệm bánh mì dân chúng sợ sệt, chui từ những chỗ ẩn núp ra, đang sắp từng hàng dài chờ đợi. Nhưng chỉ có những người có giấy chứng minh nhân dân được công nhận hợp pháp mới được quyền mua.

Trước trụ sở công an, những hàng người khác đang chờ đợi.

Trên tường dán đầy danh sách những người đang bị công an truy lùng. Những danh sách này thật là dài. Người nhân viên từ chối đóng dấu vào giấy chứng minh nhân dân của Pierre Pillat. Đoàn thể pháp quan của giai cấp tiểu tư sản mà anh là thành viên đã hết thời, giờ đây công lý do “Tòa án nhân dân phụ trách”.

Pillat tiếc là đã không mua được bánh mì. Họ cảm thấy cơn đói còn cào cào dữ dội.

— Anh chẳng làm gì bậy cả. - Marie nói - Tại sao họ lại từ chối hợp pháp hóa giấy chứng minh nhân dân của anh chứ?

Pillat âu yếm nắm lấy bàn tay người yêu, và muốn rời khỏi sở công an, nhưng cánh cửa phòng đã được đóng lại rồi. Người ta xô đẩy họ sang gian phòng bên. Ở đây người ta đang xem xét lại giấy tờ của những người bị từ chối quyền mua thực phẩm.

Không khí ở đây thật nặng nề. Người ta muốn tìm tên Pillat trong danh sách những người tội phạm chính trị, và họ đã không tìm thấy. Người cán bộ đã gạch chéo bằng mực đỏ lên tấm giấy chứng minh nhân dân của Pillat, rồi đưa trả lại anh.

— Chừng nào ra khỏi đây, chúng ta sẽ có bánh mì. - Pillat thì thầm vào tai người yêu - Anh sẽ bán chiếc đồng hồ đeo tay của anh.

Anh tiến bước về phía cửa ra. Người cán bộ ra lệnh bảo anh dừng bước. Những người không nghề nghiệp không có quyền có chỗ ở trong thành phố. Anh bị buộc phải rời khỏi nhà anh, và giao chìa khóa nhà lại cho phòng trưng tập, từ đây cho đến sáu giờ chiều là hạn chót.

Pillat nghĩ là từ ngày Chiến thắng, anh và người yêu đã sống dưới hầm rượu. Chẳng ai có can đảm sống trong nhà mình, vì đêm bọn lính Nga vẫn thường hay cướp phá. Nhà cửa vì thế đã trở nên nguy hiểm.

— Vâng, tôi hiểu. - Anh vừa nói vừa tiếp tục tiến về phía cửa, nhưng người cán bộ lại bảo anh dừng bước.

— Anh không được phép mang đi bất cứ thứ gì trong nhà đấy nhé. Nếu không anh sẽ bị truy tố về tội ăn cắp tài sản của cộng đồng đấy.

Pillat biết rằng nhà của mình đã nhiều lần bị quân Nga cướp phá, và những gì không bị cướp đã bị đập phá tan tành. Chẳng còn gì để lấy cả.

— Vâng, tôi hiểu. - Anh nói, tin chắc là mọi chuyện đã kết thúc.

— Còn điều này nữa. Những người không công ăn việc làm bị nghiêm cấm tạm trú trong phạm vi 60 cây số chung quanh thủ đô.

— Vâng, tôi sẽ đi xa thủ đô. - Pillat nói.

Anh nắm chặt lấy bàn tay người yêu, nghĩ rằng họ sẽ về sống với gia đình cha mẹ vợ.

— Nhờ quân đội Xô Viết, - người cán bộ nói tiếp - nước Rumani đã trở thành một nước Xã hội chủ

nghĩa, trong đó mọi người công dân đều phải lao động.

— Tôi sẽ kiếm việc làm. - Pillat nói. - Tôi biết rằng trong một nước Xã hội chủ nghĩa, mọi người đều phải làm việc.

— Chính quyền sẽ bảo vệ mọi công dân chống lại nạn thất nghiệp. Chữ thập đỏ trên giấy chứng minh nhân dân là một điều có lợi cho anh đấy. Trường hợp nếu anh không tìm thấy được việc làm, thì nhờ chữ thập đỏ mà người cán bộ công an bảo vệ trật tự công cộng biết để giúp đỡ anh, bằng cách gửi anh đến một trong những trung tâm lao động Xã hội chủ nghĩa. Bây giờ thì anh có thể đi được rồi đấy.

Pillat và Marie bước ra khỏi phòng. Nỗi lo sợ bị gọi lại làm cho họ cảm thấy nghẹt thở.

— Chúng ta trở về Piatra thôi. - Anh nói - Chúng ta phải rời khỏi thủ đô càng nhanh càng tốt.

Vào lúc đó một người đặt tay lên vai Pillat. Anh nghĩ là mình đã bị bắt, và nỗi sợ hãi đã làm cho toàn thân anh như tê cứng lại.

— Đừng sợ. Tôi là Motok đây mà. Tôi chỉ muốn nói với anh hai câu thôi.

Người trưởng toa Motok kéo Marie và Pillat đến một nơi cách hàng người đói khát và sợ sệt đang chờ đợi trước sở công an vài thước.

Daniel Motok, không cà vạt, chỉ còn đúng một chiếc áo và một cái quần. Mặt mày anh ta đã thay đổi không còn nhận ra được, mắt phải còn dấu bầm tím.

— Ngày Chiến thắng, tôi bị bọn chui ống khói đảng viên Cộng sản chặn bắt. Chúng nó đã hành hạ tôi mãi cho đến sáng hôm nay đây. Tôi thật sung sướng được gặp lại các bạn để nói lời từ biệt. Thôi, tôi đi đây.

Pillat như còn muốn giữ lại bàn tay bạn mình, nhưng Motok đã rút tay về, và vội vã chào Marie.

— Nếu tôi còn ở lại đây, chúng nó sẽ giết tôi mất. - Anh ta nói - Tôi biết bốn ngoại ngữ, có thể tôi sẽ kiếm được việc làm ở Tây Âu. Xin Thượng đế phù hộ cho các bạn.

Người trưởng toa Motok khóc. Anh ta lẩn vào đám đông, áo quần anh vấy đầy máu đã khô cứng, và hai chân anh không vớ trong một đôi dép quai. Lưng anh ta còng lại, chẳng thể nào nhận ra được. Những sự hành hạ đã làm cho anh ta hoàn toàn biến đổi. Tội nghiệp Motok. Chẳng biết anh ta đang ở trong tình trạng như thế nào nữa! Thật đáng thương! Vậy mà chỉ mới có bảy ngày kể từ ngày Chiến thắng thôi đấy.

Trên công trường, trước sở công an, những chiếc máy phóng thanh đang phát đi một bài diễn văn, Pillat đưa mắt nhìn theo Motok nhưng anh ta đã mất dạng. Bài diễn văn xoáy vào tai anh với những âm thanh the thé:

Tinka Neva tượng trưng cho vị nữ anh hùng của giai cấp vô sản. Cho đến sáu mươi tuổi đời bà đã bị bà chủ bắt phải sống trong một phòng bếp không lớn hơn một phòng giam, thiếu không khí, thiếu ánh sáng. Ở tuổi sáu mươi, con người vô sản đang ngái ngủ trong bà đã thức tỉnh, và sẵn sàng chiến đấu. Bà đã leo lên những mái nhà cao nhất thành phố, và bằng cây đèn bấm của bà, bà đã chỉ cho những người phi công Xô Viết con đường Chiến thắng. Bà đã tìm thấy cái chết trên những chướng ngại vật cao nhất...

— Chúng ta đi thôi. - Pillat nói. - Tụi Nga muốn dựng đầy những huyền thoại và chết chóc. Tinka Neva là một người đàn bà đáng mến thật. Đâu phải là bà phù thủy đêm đêm dạo chơi trên mái nhà. Bà ta chỉ là một hư cấu mà bọn Nga muốn gán cho những người mà chúng đã thủ tiêu. Chúng ta đi thôi.

Một vài giờ sau đó, Pillat và Marie đã đến nhà ga. Sợ hãi, họ đáp tàu đi về miền núi xứ Moldavia. Họ không ngừng nghĩ đến Motok. Hình ảnh của anh ta đã theo họ suốt cuộc hành trình. Trên sân ga, những chiếc máy phóng thanh khác đang kể lại cuộc đời của bà Tinka Neva.

— Tội nghiệp Motok. - Pillat nói - Chúng ta may mắn còn có chỗ nương thân.

Ngồi sát bên nhau trong toa tàu, tay trong tay, họ nghĩ đến Piatra. Đó là một làng nhỏ gồm khoảng một trăm nóc nhà, trong vùng núi Néamtz là quê hương của Marie, vợ anh.

XIII

Sau Chiến thắng, Boris Bodnariuk xin được trở về lại với công việc biến đổi khí hậu, và cây trồng của vùng sa mạc, nhưng đơn xin của hắn không được chấp thuận. Người Xô Viết đang cần hắn tại Rumani để cải tạo nước này thành một nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa. Công tác này xem ra khó khăn. Thiếu cán bộ, chẳng có ai để thực hiện mệnh lệnh.

Boris Bodnariuk quyết định đến tận nơi, địa phương này đến địa phương khác để tổ chức chính quyền Cộng sản. Trước khi rời khỏi văn phòng, người thư ký đã trao cho hắn một bức thư riêng.

— Bức thư do một nhà tu hành tên là Angelo trao, và ông ta tự giới thiệu là em ruột của đồng chí. Thư có kèm một bức ảnh.

— Người Cộng sản chúng ta không có anh em ruột thịt. - Boris la lớn tiếng - Anh em của chúng ta là những người lao động trên toàn thế giới.

Hắn không thèm nhìn ngay cả bức ảnh của đứa em ruột, mà năm hắn lên ba đã móc hết một mắt. Angelo báo cho hắn biết là đã đi tu, đã cầu nguyện nhiều cho hắn, và cảm ơn Thượng đế đã gìn giữ Boris được yên lành.

Bodnariuk để tấm bản đồ của nước Rumani vào túi áo khoác ngoài bằng da, và quần chặt lại chiếc khăn quàng cổ màu đỏ. Một vài ngày sau, dưới sự hướng dẫn của một chức trách địa phương, đôi boots màu đen của hắn đã giẫm lên dải đất ẩm ướt của một làng phía bắc vùng Moldavia.

— Đây Serghei Severin, làng này tên gọi là gì nhỉ? - Bodnariuk hỏi.

Severin là một người gốc Nga, sinh trưởng tại Rumani, người cao lớn, với một cái đầu tròn trĩnh. Đôi boots của Bodnariuk cố tránh những vũng bùn trên đường bao nhiêu, thì Serghei Severin lại giẫm ngay đôi boots của mình xuống những vũng bùn, không tránh né, tự nhiên như những con thú vật.

— Thưa đây là làng Piatra. - Severin nói.

Severin để một mình Bodnariuk bước vào sân của ủy ban nhân dân xã. Tất cả nông dân đã có mặt đầy đủ. Họ đứng dọc theo hai bên đường, nón cầm tay, gặp mình trước người mặc áo khoác ngoài bằng da, với chiếc khăn quàng cổ màu đỏ, và đôi boots đen đang đi về phía họ, mắt chẳng thèm nhìn ai. Bodnariuk bước vào văn phòng ủy ban nhân dân xã. Hắn ngồi trên một chiếc ghế bằng gỗ, trước một chiếc bàn được phủ bằng một tấm vải giấy màu xanh, bàn làm việc của chủ tịch xã. Từ cửa sổ, người ta nhìn thấy những ngôi nhà ẩn mình giữa những lùm cây, và những người nông dân đứng thành hàng dài đang im lặng chờ đợi dưới mưa.

Bodnariuk nhìn họ đầy thù hận. Giai cấp nông dân là một chướng ngại đối với việc hình thành quốc gia Cộng sản. Trên tường người ta dán đầy những hình ảnh được cắt từ những tạp chí. Bodnariuk nhìn một cách căm hờn ảnh của vị thống soái các quốc gia Slaves phương Nam. Vị thống soái du kích này có một con chó mà ông ta rất mực yêu thương. Người đảng viên Cộng sản mà có một đam mê nào đó, ngay cả đam mê đối với một con chó, thì cũng là người có nhược điểm rồi.

Boris nhìn thấy những người nông dân bước vào, nón cầm tay. Họ ngồi xuống những chiếc ghế dài đối diện với hắn, tay tỳ lên gối, mắt chăm chú nhìn hắn chờ đợi, như những chú bé ngày đầu năm học.

— Đưa danh sách dân làng đây. - Boris ra lệnh.

Hắn nhanh nhẹn giở từng trang của cuốn tập học trò, mà trên bìa có ghi: *Piatra, thuộc quận Néamțz, 150 dân*. Trên những trang giấy vỡ, tên, họ, tuổi của mỗi người dân làng Piatra đều được ghi rõ.

— Danh sách được phân hạng đâu? - Bodnariuk hỏi.

Chủ tịch xã đứng lên. Tóc ông ướt đầm vì đã đứng đợi Boris dưới mưa.

— Làng chúng tôi không có ai thuộc thành phần thứ nhất cả. Chúng tôi không có ai là tá điền, tư sản, đại điền chủ.

Thành phần thứ nhất không có trong làng Piatra. Boris Bodnariuk không hài lòng. Trong mỗi lần xuất

hiện, hắn có thói quen đưa ra trước dân làng được tụ họp lại, một đại diện chủ, mà hắn chửi rủa nhục mạ công khai. Sau đó hắn ra lệnh tịch biên tài sản để phân phát cho nông dân. Làm như thế, đám đông dân làng thụ động sẽ bị kích động, và nhờ đó sự căm thù giai cấp mới bộc phát được.

— Đưa danh sách của những người thuộc thành phần thứ hai đây. - Boris ra lệnh.

— Chúng tôi cũng chẳng có ai thuộc thành phần thứ hai. - Chủ tịch xã đáp.

Thành phần thứ hai bao gồm những nông dân có từ năm mẫu trở lên. Ở Piatra chẳng có ai lại có nhiều đất đến thế.

Trên những chiếc ghế dài bằng gỗ, những người nông dân cảm thấy sung sướng khi nghe chủ tịch xã tuyên bố là trong làng không có người giàu hay tá điền gì cả. Họ chờ đợi sự khen ngợi của người mặc áo khoác ngoài bằng da, với vết sẹo dài trên trán.

Danh sách thứ hai bao gồm cả những chủ lò xay bột, chủ quán trọ, những cảnh binh trước đây, tất cả những người đã bóc lột nhân dân dưới chế độ tư sản.

— Người cảnh binh trước đây không phải dân làng. - Chủ tịch xã nói - Hắn đã biến mất từ ngày Chiến thắng. Ở Piatra chẳng có một chủ lò xay bột, vì chẳng có cối xay nào cả. Làng chúng tôi là một làng nghèo. Chúng tôi phải mang lúa và bắp đến làng khác thuê xay. Cả phê thì mua ở xứ kế cận đây.

Giọng nói của Bodnariuk trở nên nghiêm khắc. Hắn muốn khám phá kỹ được kẻ thù của nhân dân.

— Đưa cho tôi danh sách những thành viên của những tổ chức tiểu tư sản trước đây, và những xã trưởng cũ.

— Chúng tôi chỉ có một xã trưởng trong suốt hai mươi năm nay. Ông ta chết rồi. Chúng tôi đã đưa đám ông ta chỉ mới ba tuần trước đây thôi. Cầu Chúa phù hộ cho ông ta.

Trong sa mạc cát, Bodnariuk đã phải phấn đấu để chiếm ngự và cải tạo từng tấc đất khô cằn. Thế mà công việc của một người lãnh đạo Cộng sản trong một làng thuộc nước Rumani còn cực nhọc hơn cả việc canh tác sa mạc. Như những làng khác của nước Rumani, làng Piatra đang ở trong trạng thái bất động, và sự bất động là kẻ thù nguy hiểm nhất của tiến bộ. Đã từ ba ngàn năm nay, người nông dân nước Rumani đã dùng cái quán lực này để đương đầu. Để làm cho họ khởi động, người lãnh đạo Cộng sản buộc phải ghim sâu lưỡi dao đến tận xương tủy. Họ giống như đất cát khô cằn của sa mạc, người ta không thể trồng gì trên đó cả. Bodnariuk nhìn với một vẻ căm hờn những người nông dân ngồi trên những chiếc ghế dài, đối diện với hắn, tay họ để tựa trên đầu gối.

Hắn lại giờ từng trang cuốn tập. Thành phần thứ nhất: địa chủ: không có. Thành phần thứ hai: phú nông: không có. Những kẻ giúp việc cho thành phần tiểu tư sản: không có. Những người khai thác, bóc lột nhân dân: chủ tiệm cà phê, chủ lò bột, cảnh binh: không có. Những người đã du hành ra nước ngoài: không có. Những người có thân nhân ở ngoại quốc: không có.

Piatra không có một tên tuổi nào có thể gây được sự uất hận, và sự nổi dậy, đủ khả năng đưa dân làng ra khỏi trạng thái bất động này. Chỉ có một tờ giấy rời ghi: Mục sư. Thomas Skobai và trong ngoặc đơn: mù và 78 tuổi. Tiếp theo: dân mới ngụ tại làng: Pierre Pillat, nguyên thẩm phán, đã có gia đình, đảng viên Cộng sản địa phương.

Vành trán và đôi mắt của Bodnariuk bỗng rực sáng lên. Hắn cảm thấy hài lòng. Hắn biết là chỉ cần một cây quạt đủ để thiêu hủy cả một căn nhà. Chỉ cần một người có tội đủ để thiêu hủy cả làng. Trong đôi mắt của Boris Bodnariuk phảng phất niềm vui sướng của một thám tử, sau nhiều tuần điều tra, và nhiều đêm không ngủ được, đã tìm thấy dấu tay trên một tấm kính soi mặt, trên một chiếc ly, hay trên trái nạm của cánh cửa. Dấu tay này đủ để đưa ra ánh sáng một tội ác, và bắt giữ những kẻ giết người.

Hắn liên tưởng đến những chỉ thị đã được chuyển cho từng chủ tịch xã: *"Lập danh sách có đủ tên tuổi, nghề nghiệp của mỗi công dân, sắp xếp dân chúng theo thành phần xã hội, truy nã và khởi tố những giai cấp thượng lưu. Lập thành hồ sơ, và bản cáo trạng cho từng đối tượng thuộc hai thành phần đầu."*

Bodnariuk đã căn dặn phải lục tìm quá khứ của từng công dân thuộc những thành phần bị kết tội, vì rằng ai cũng có thể bị tố cáo vì một lỗi lầm gì đó. Điền chủ nào mà đã không một lần tát tai người giúp việc của mình trong suốt cả cuộc đời. Thằng cha trưởng giả nào lại không cách này hoặc cách khác chòng ghẹo cô nấu bếp của mình. Nghiệp chủ nào đó với chiếc xe hơi của mình lại chẳng có lần cán nhầm con chó của một người đáng thương nào đó. Tất cả những dữ kiện này sẽ phải được khám phá và biến thành những

khoản tổ cáo giai cấp. Bất cứ một xã trường nào cũng có khả năng phạm phải một điều bất công, và bất cứ chủ lò xay bột nào cũng là một thứ bóc lột, bởi lẽ họ đã buộc người nông dân phải tăng thêm chi phí cho mùa màng. Tất cả đều là những bất công xã hội. Mọi mục sư đều là người lợi dụng giai cấp công nhân, bởi lẽ họ không có những sinh hoạt chính trị. Họ có một cuộc sống ăn bám. Tất cả cái đó phải được dùng đến trong những phiên tòa truy tố những kẻ áp bức để đầy ải hoặc tiêu diệt chúng. Những phiên tòa như thế là một trường học cần thiết cho sự sáng tạo tinh thần chiến đấu của giai cấp.

Từ cửa sổ, Bodnariuk nhìn thấy những người nông dân đứng thành hàng, im lặng chờ đợi dưới mưa như những hình tượng bằng đất sét. Từ ngày Chiến thắng đến nay đã bốn tháng rồi mà hán chưa làm được gì cả. Mỗi một làng được xem như một gia đình. Cái khối người nhu nhược cấu thành làng xã này phải được làm nổ tung ra, đập bể thành từng mảnh, chia thành từng loại.

— Đồng chí sắp phải học hỏi cách để làm nổ tung một làng. - Bodnariuk nhẹ nhàng nói với Serghei Severin - Đồng chí cứ dùng kỹ thuật đó áp dụng cho những làng khác trong khu vực của đồng chí. Không khó đâu.

Bodnariuk nhìn Pierre Pillat một cách chăm chú. Pillat định đến chào hỏi hán khi hán vừa bước xuống xe. Lúc bấy giờ anh muốn nói chuyện với hán. Anh đã chào hán, nhưng hán đã tăng lơ như không nhìn thấy. Ngay cả khi Pillat đến ngồi trên chiếc ghế băng, ở hàng đầu, giữa những người nông dân, Bodnariuk cũng không thèm để ý đến anh. Nhưng lúc này đây hán đang chăm chú nhìn vào mắt anh.

— Chúng ta đã từng là bạn học ở Học viện hoàng gia Kichinev. - Bodnariuk nói.

Pillat đứng lên. Bên cạnh anh là Marie, vợ anh. Một nông dân sạm nắng với đôi mắt lạnh lợi ngồi bên cạnh Marie. Đó là Ion Kostaky, bố vợ anh. Ông già cảm động, xem việc con rể của ông là bạn hữu của một nhân vật quan trọng như một huy chương danh dự vậy.

Đáng lẽ Pierre Pillat muốn nói là cuộc gặp gỡ này đã làm cho anh sung sướng biết bao, đáng lẽ anh muốn nói với Boris Bodnar mà hôm nay người ta gọi là Boris Bodnariuk, là cái kỷ niệm của ngày chia tay, những điều thuốc lá phì phèo trong giờ ra chơi, chiếc ảnh của cô nữ sinh trường quốc gia âm nhạc tên là Eddy Thall, vẫn còn sống động trong ký ức của anh...

— Tôi đã tìm kiếm anh khá lâu. - Pillat nói.

Boris Bodnariuk cởi bỏ chiếc áo choàng bằng da ra. Hán mặc một chiếc áo kaki, một chiếc thắt lưng với khẩu súng ngắn. Hán tháo khẩu súng ngắn để trên bàn cùng với chiếc khăn quàng cổ màu đỏ. Pillat đợi cho hán xong xuôi mọi thứ.

— Tôi đã cưới vợ ở Piatra. (Marie đứng lên chào). Đây là bố vợ của tôi. (Anh giới thiệu Ion Kostaky). Bố vợ tôi còn có một ngôi nhà ở kế cận nhà của ông. Hiện nay tôi đang sống ở đó. Chúng tôi cùng làm nghề nông.

Những người nông dân mỉm cười sung sướng, tìm họ rạo rục vui mừng như thánh đường ngày lễ Phục Sinh, khi người ta hát bài “Chúa đã phục sinh”. Thật là hạnh phúc khi nhìn thấy ai đó đã nói năng đầy nhân tính với Boris Bodnariuk. Hán giống như người bằng đá, và chẳng ai có thể thân cận hán được. Và lúc này đây mọi nỗi sợ sệt đều biến mất. Pillat đã nói với hán như với một người bằng xương bằng thịt. Những người nông dân nghĩ là nhờ ở tình bạn này mà làng Piatra sẽ có thể nhận được hạt giống, tiền cứu trợ, và gỗ để sửa sang lại những cây cầu đã bị phá hủy.

— Sẽ không có một ngoại lệ nào với anh cả. - Boris Bodnariuk nói với Pillat. - Anh đã hành động như những người tư sản phản động. Đến ngày chiến thắng anh đã về ẩn núp trong làng. Tôi báo cho anh biết là đối với những tên phản động, sẽ không có chỗ dung thân bất cứ nơi đâu, ở trong làng lại càng không thể được. Không có chỗ bất cứ nơi đâu cho kẻ thù của nhân dân.

Những người nông dân rướn cổ lắng nghe. Họ cứ tưởng là đã nghe nhầm.

— Tôi đấu tranh cho công lý của nhân dân. - Boris Bodnariuk nói tiếp. Bây giờ thì hán nhìn về phía những người nông dân. - Tôi không muốn phản bội những người lao động nông thôn, và đây là một bằng chứng. Tôi đã từng là bạn hữu của người này. Hán đã trở thành người trí thức tiểu tư sản, hán đã phục vụ cho giai cấp bóc lột, như những trí thức tiểu tư sản khác. Vậy nên hán phải lãnh nhận hình phạt dành cho hán. Sự kiện hán là bạn cũ của tôi không là điều quan trọng. Tôi sẽ không phản bội giai cấp nông dân nước Rumania vì một người bạn học cũ, đã trở thành đầy tớ của những tên tư sản. Tôi hứa với các đồng chí là sẽ

loại hẳn ra khỏi làng.

Những người nông dân đã không vỗ tay reo hò. Họ không muốn một thứ công lý như thế. Họ không muốn tai biến đến với Pillat.

— Con rể của tôi không phải là một tên phản động. - Ion Kostaky vừa nói vừa siết chặt hai nắm tay lại - Nếu đồng chí cứ cho rằng con rể của tôi là một tên phản động thì đồng chí đã lầm rồi đấy. Tôi biết nó lắm.

— Xin báo cáo để đồng chí rõ. - Chủ tịch xã nói - Anh Pierre Pillat là người đầu tiên gia nhập đảng Cộng sản địa phương. Anh ấy cũng đã khuyến khích chúng tôi ghi tên gia nhập. Anh ấy không phản động đâu. Hiện anh ấy đang nắm giữ sổ sách của đảng bộ tại Piatra. Mỗi buổi tối chúng tôi đã hội họp tại đây, văn phòng ủy ban nhân dân xã. Anh Pillat là ánh sáng của chúng tôi đấy.

Bodnariuk im lặng. Sự im lặng của hắn xem ra nặng nề và đe dọa. Người ta nghe thấy cả tiếng mưa rơi và tiếng thì thầm của gió. Mỗi người nghe thấy tiếng con tim mình đập.

Bodnariuk vẫn im lặng.

Hắn biết rằng sự im lặng của hắn đã gây vò đám nông dân, và hắn càng muốn kéo dài sự hành hạ đó. Rồi hắn lớn tiếng nói một cách rõ ràng:

— Hỡi các đồng chí nông dân, bổn phận của những người lãnh đạo Đảng là mang lại cho các đồng chí công lý và bảo vệ các đồng chí. Chúng tôi biết nhiều hơn các đồng chí. Các đồng chí chỉ là những người nông dân đáng thương một sớm một chiều vừa mới thoát khỏi xiềng xích nô lệ. Các đồng chí chưa biết cách bảo vệ mình đâu. Nhiệm vụ đầu tiên của chính quyền nhân dân là bảo vệ các đồng chí. Tất cả những tên phản động, những người đầu cơ, những tên gián điệp và những tên phản bội bị công lý theo đuổi đang ẩn lẩn ở những vùng quê, như những con sói mang lột cừu non. Hỡi các đồng chí nông dân, chính quyền sẽ không cho phép người ta lừa phỉnh các đồng chí, và nhất định sẽ bảo vệ các đồng chí. Những tên phản động này là những con sói chứ không phải những con cừu như các đồng chí đang lầm tưởng. Chúng ta sẽ lột mặt nạ chúng tất cả, chúng ta sẽ lột da chúng. Mọi tên tư sản là một con sói đã hút máu nông dân để nuôi sống mình. Pillat cũng là một con sói, chính quyền bảo vệ các đồng chí chống lại những con sói đó.

Boris Bodnariuk đứng lên. Những người nông dân im lặng.

Marie lặng lẽ khóc.

— Đồng chí hãy chọn những thanh niên, và biến họ thành những vệ binh nhân dân. Trang bị cho họ khí giới. Dạy cho họ hận thù. Bào họ gieo rắc hận thù khắp mọi làng. Không hận thù, sẽ không kích động được dân chúng. Bao lâu người nông dân chưa học biết thù hận, chúng ta chưa thể tin cậy họ cho những yếu tố để xây dựng cho những quốc gia Cộng sản được. Phải bạo động tới đa. Nếu chúng ta không kích động được làng xã, thì chẳng bao giờ người Xô Viết lại có thể thâm nhập vào tận đó được, làng xã sẽ ở trong tình trạng của ba ngàn năm trước đây, và chiến thắng của hồng quân chẳng có ý nghĩa gì cả. Hãy gieo vãi hận thù. Hận thù, đồng chí hiểu chưa, Serghei Severin? Hận thù trong mỗi làng.

Sau cuộc viếng thăm và những lời hăm dọa của Boris Bodnariuk dân làng Piatra đã chờ đợi những diễn biến quan trọng đến với họ, nhưng chẳng có chuyện gì xảy ra. Sự yên tĩnh trở lại. Chỉ một mình Serghei Severin thỉnh thoảng đã đi ngang qua những con đường làng bằng xe gắn máy, xe hơi, hoặc cưỡi ngựa để đến văn phòng ủy ban nhân xã. Tên người Nga Severin không hề đã động gì đến bất cứ ai. Hắn đã qui tụ được mười hai nông dân trẻ, đã cung cấp cho họ áo quần và vũ khí. Hắn đã dạy cho họ bắn súng tiểu liên hoặc súng ngắn, và đã thuyết giải cho họ, ngoài ra không làm gì khác hơn. Cuộc sống trong làng đã trôi qua trong yên tĩnh. Mười hai thanh niên vệ binh nhân dân đã nội trú ở một phòng ngay cạnh ủy ban nhân dân xã. Những người nông dân ở đây đều biết là những tên vệ binh nhân dân này đã báo cáo lại với Severin tất cả những gì xảy ra trong làng, nhưng dân làng Piatra chẳng có gì phải giấu giếm.

Qua báo cáo của những tên vệ binh nhân dân này, Severin đã biết được ai đã cãi nhau với vợ mình, ai đã đi nhà thờ hay ra phố, ai đã ốm đau. Nhưng tất cả những cái đó không phải là điều bí mật. Tên người Nga Serghei Severin có thể quan tâm đến những thứ đó với điều kiện là để cho dân chúng yên lành.

Và hắn đã để họ yên lành. Ngay cả Pierre Pillat cũng cảm thấy yên tâm. Nỗi sợ hãi của anh cũng đã tan biến.

— Bố Kostaky này, - anh nói - nếu người Xô Viết để chúng ta yên, chúng ta chẳng có gì phải chống đối họ. Ngay cả thánh tông đồ Mathew cũng đã nói với ta ở chương V mục 25 rằng: “Con hãy hòa hợp với kẻ thù của con trong khi con cùng hành trình chung với họ... sợ rằng họ sẽ ném con vào chôn lao tù.” Chúng ta buộc phải chung sống với người Xô Viết, bởi vì người Nga đã giải phóng nước Rumani, với súng ống mang nhãn hiệu của Mỹ, với đạn dược của người Anh, và với lời chúc tốt lành của giáo hội Công giáo. Năm mươi hai nước trong những nước văn minh nhất của địa cầu đã dẫn dắt người Nga đến tận Piatra. Khi người Nga chiếm đóng nước Rumani, chuông của mọi giáo đường phương Tây đã vang lên, ở London, cũng như ở Paris, ở New York, cũng như ở Lisbonne để chúc mừng. Người ta nghĩ rằng chiến thắng của cây thập tự và của sự tự do đã được đảm bảo trên toàn thế giới.

— Thế là tự do đấy hả? - Ion Kostaky vừa nói vừa nhổ toẹt xuống đất.

Ông ta cầm lấy chiếc nón, và tất cả gia đình đi về phía ủy ban nhân dân xã. Người ta tổ chức kỷ niệm ngày chết của vị nữ anh hùng Tinka Neva. Dân làng hiện diện không thiếu ai.

Trước khi ngồi vào những chiếc ghế gỗ dài, Ion Kostaky, vợ ông ta Ileana, Pierre và Marie Pillat đã hôn tay mục sư Thomas Skobai. Mục sư bị mù cả hai mắt, nhưng đã biết mọi người, và gọi tên từng người. Mắt ông ta hướng về phía lễ đài ngập đầy cờ xí, những bức chân dung, và màu xanh cây cối, nhưng ông ta chẳng nhìn thấy gì cả.

Bốn mươi năm về trước, trong một đêm lễ Phục Sinh, một người nào đó đã để quên cây nến cháy dở trong nhà thờ Piatra, và nhà thờ đã bốc cháy. Mục sư Thomas Skobai dẫn đầu đám đông nhân dân dập tắt đám cháy. Nhà thờ được xây dựng trên một ngọn đồi. Lúc bấy giờ vào khoảng ba giờ sáng. Trong khi leo lên về phía nhà thờ, mục sư Thomas đã không còn nhìn thấy gì nữa. Từ đêm lễ Phục Sinh năm đó, ông ta chỉ còn nhìn thấy một thánh đường bốc cháy trên đỉnh một ngọn đồi, và không còn gì khác. Sáng sớm hôm sau, vị mục sư mù lòa đã làm lễ ngay chính trên đám tro tàn còn bốc khói. Dân làng đã xây dựng lại ngôi thánh đường.

Tổng giáo chủ khi biết được mục sư đã bị mù cả hai mắt, đã muốn cho người thay thế ông ta, nhưng khi nghe thấy ông ta hành lễ, tổng giáo chủ đã ôm lấy mục sư và chẳng bao giờ nói đến chuyện thay thế nữa.

Mục sư Thomas Skobai nhìn Severin bước lên lễ đài, nhưng ông ta chỉ nhìn thấy một thánh đường bốc cháy. Severin bắt đầu nói về Tinka Neva. Hắn nói bằng một thứ tiếng Rumani ngọng nghịu. Những người nông dân thì nghĩ đến những cánh đồng của họ, mục sư Thomas Skobai thì nhìn ngôi thánh đường đang

bốc cháy của mình.

Severin nói:

— Những tên tội phạm đang lẩn trốn tại Piatra. Chúng ta phải tận diệt chúng.

Những người nông dân bỗng giật mình, không còn nghĩ đến đồng ruộng, hay nhà cửa của họ nữa. Họ cảm thấy sợ hãi, và không ai bảo ai họ đều nhìn về phía Pierre Pillat.

— Không phải những tên tội phạm đã bị lột mặt nạ. Những thứ đó chúng ta có thể làm bất cứ lúc nào. Giờ đây chiến thắng của giai cấp công nhân đã đạt được, chúng ta phải lột mặt nạ những tên còn đang lẩn trốn. Tôi yêu cầu kẻ thù của nhân dân đứng lên ngay tức khắc.

Những người nông dân tái mặt. Tim họ bỗng trở nên bé bỏng, quặn thắt, không một ai cử động.

— Hãy đứng lên, Marie Kostaky, để nhân dân nhìn thấy mày. - Serghei Severin ra lệnh.

— Tôi không phải là một tội phạm. - Marie nói.

Nàng đứng thẳng người. Pierre nắm lấy tay nàng.

— Mày đã phạm những tội tày đình chống lại nhân dân, - Severin nói - nhưng rồi sẽ đến phiên mày. Chúng ta phải lột mặt nạ một kẻ thù khác của nhân dân: Ion Kostaky.

Ion Kostaky đứng lên, nhưng người ta có thể nói là tất cả sự phẫn nộ và nổi bất bình của dân chúng đã cùng đứng lên với ông ta. Kostaky siết chặt hai nắm tay, nghiêng răng. Ông ta ước gì lời nói của ông là một hòn đá ném vào đầu tên người Nga đã dám gọi ông, Ion Kostaky, là một tên tội phạm.

— Ion Kostaky. - Severin nói - Trước nhân dân tao tố cáo mày là một tên phát xít. Trước khi bị treo cổ, mày hãy quay đầu lại để những người nông dân xem thử kẻ thù nhân dân ra làm sao.

Kostaky nghẹn lời. Ông ta nghiêng chặt hai hàm răng lại. Những người nông dân thì siết chặt hai nắm tay.

Severin lấy ra một tờ giấy và đọc:

Ngày 14 tháng 8 năm 1943 lúc 2 giờ chiều, hai sĩ quan S.S đã đến nhà của Ion Kostaky để mua đồ chống lại nhân dân.

Hai tên phát xít này đã bị một tòa án Xô Viết kết án, và đã bị treo cổ tại công trường Đò của thành phố Kiev.

Serghei Severin đưa cho những người nông dân xem một tấm ảnh. Trên tấm ảnh đó người ta nhìn thấy hai tên người Đức bị treo cổ. Dân chúng làng Piatra nhìn tấm ảnh, và chuyển tay nhau sợ hãi. Người ta không phân biệt được mặt mũi của hai tên sĩ quan Đức, nhưng chỉ nhìn thấy thân hình với những đôi boots màu đen, cổ họ bị treo tròn ten ở đầu dây. Mục sư Thomas Skobai cũng cầm lấy tấm ảnh, mà chẳng nhìn thấy gì. Trước mắt ông ta là lửa đang thiêu đốt ngôi thánh đường.

— Hai tên tội phạm mà các đồng chí nhìn thấy trên tấm ảnh đã khai trước tòa án Xô Viết là chính chúng đã giết rất nhiều người mà chúng không thể nhớ nổi con số chính xác của những nạn nhân này. - Severin nói tiếp - Hai tên tội phạm này vừa là bạn vừa là lãnh đạo của tên phát xít Ion Kostaky. Hai tên tội phạm này đã có lần vào nhà của Ion Kostaky để bàn chuyện với hắn. Để khỏi bị dòm ngó, chúng đã kéo màn che các cửa lại, nhưng nhân dân đã nhìn và nghe thấy hết mọi chuyện.

Mặt của Ion Kostaky cũng như của những người nông dân khác đã trở nên xanh mét. Chưa bao giờ một sự sợ hãi như thế đã giáng xuống làng Piatra.

— Hãy nhìn tấm ảnh đi Ion Kostaky, và hãy trả lời trước nhân dân: mày có nhận biết hai tên phát xít này không? Có phải mày đã hội diện với chúng để bàn tính mưu đồ không?

Kostaky nhìn tấm ảnh của hai tên Đức bị treo cổ.

— Tôi không biết chúng. Ông nói - Người ta chẳng nhìn thấy mặt mày gì của chúng cả, làm sao tôi có thể nhận diện chúng được? Nhưng tôi biết tôi không phải là một tên phát xít, và tôi chẳng hề nói chuyện với ai khác... Cả đời tôi chưa nói chuyện với một tên Đức nào.

Ngay khi đó ông ta nhớ đến một sự việc mà ông ta đã chẳng mấy may quan tâm.

— Nói láo! - Severin la lớn - Tòa án nhân dân sẽ bắt mày khai tất cả sự thật. Trong khi mày đang mưu tính với tụi Đức, mặc dầu màn cửa đã được kéo kỹ, mắt nhân dân vẫn nhìn thấy mày, tai nhân dân vẫn nghe thấy mày. Đấy, tại sao mày lại có tên trong sổ đen. Ngày xét xử đã đến và chính là ngày hôm nay đây.

Ion Kostaky ngồi xuống, Severin lại nói tiếp:

— Hỡi các đồng chí nông dân, Ion Kostaky, nhân viên phát xít, sẽ nhận lãnh hình phạt của hắn. Pierre Pillat cam tâm làm tôi mọi cho bọn tư sản, cũng sẽ nhận lãnh hình phạt của hắn. Marie Kostaky đã hiếp đáp những cô gái nghèo nàn, cũng sẽ bị trừng phạt. Các đồng chí hãy tin chắc là chính quyền Cộng sản sẽ không để một ai có tội mà không bị trừng phạt.

Marie đã nghe thấy những lời tố cáo cha và chồng mình, không còn có thể nghe người ta tố cáo chính mình là một tên khủng bố. Nàng vùng đứng lên như một mũi tên:

— Tôi không phải là một tên khủng bố. - Nàng la lớn tiếng - Mà tôi đã khủng bố ai mới được chứ?

— Xin mời công dân Sanda Apostol đứng lên, và kể lại cho dân làng nghe cô đã bị con gái của tên phát xít Kostaky hành hạ đến thương tích như thế nào. - Severin ra lệnh.

Sanda Apostol đứng lên.

— Xin đồng chí Sanda đừng sợ gì cả. - Severin nói - Đồng chí là con gái của một bản nông. Hiện nay những người nghèo khổ đang nắm chính quyền. Chính quyền sẽ bênh vực họ. Đồng chí hãy kể lại cho chúng tôi nghe con gái của tên phát xít Kostaky đã đánh đập và hủy hoại bộ mặt của đồng chí như thế nào.

— Tôi cũng không còn nhớ nữa. - Sanda Apostol nói - Lúc bấy giờ chúng tôi còn bé, và đùa giỡn với nhau đó thôi.

— Bây giờ thì đồng chí đang mang trên mặt một cái sẹo. - Serghei Severin nói - Đồng chí cứ lớn tiếng tố cáo một cách rõ ràng, bởi vì ngày công lý nhân dân đã đến. Đồng chí đừng sợ. Bây giờ thì chính các đồng chí, chính nhân dân đang nắm chính quyền, và các đồng chí phải phơi bày tất cả những ô nhục mà chính các đồng chí đã là nạn nhân. Đồng chí hãy nói người ta đã xử tệ với đồng chí như thế nào. Để tưởng niệm cái chết anh dũng của chị Tinka Neva, trong mọi làng của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Rumani bắt đầu một cuộc vận động nhằm lột mặt nạ những tên phản động bọn phát xít, và những người đã áp chế nhân dân. Chúng ta sẽ tiếp tục lột mặt nạ chúng mỗi ngày, và sau đó chúng ta sẽ treo cổ chúng dọc theo những con đường cái.

— Tôi đã bảo với đồng chí là lúc bấy giờ chỉ vì đùa giỡn thôi. - Sanda Apostol nói.

— Thôi được, lần tới đồng chí sẽ kể cho chúng tôi nghe người ta đã xử tệ với đồng chí như thế nào, bởi vì bây giờ tôi thấy đồng chí đang sợ.

Lễ tưởng niệm ngày chết của Tinka Neva đã kết thúc với những lời nói đó. Những người nông dân ngồi yên bất động.

Sau khi Severin đã rời khỏi đó, họ ngược mắt nhìn về phía mục sư Thomas Skobai. Họ chờ đợi một dấu hiệu của ông ta, nhưng mục sư vẫn im lặng tiếp tục chiêm ngưỡng cái hình ảnh muôn thuở của ngôi thánh đường đang bốc cháy, và chẳng nói gì.

Những người nông dân lẳng lặng lên đường trở về nhà. Họ dẫn đàn súc vật đi uống nước, rồi trở về nhà sớm hơn thường lệ. Sự sợ hãi tràn ngập tâm hồn họ. Đó là lần đầu tiên mà những người nông dân làng Piatra đã thật sự sợ hãi. Họ nghĩ rằng nếu những người Cộng sản biết được những đứa trẻ đã nô đùa với nhau như thế nào cách đây mười lăm năm trước, và Sanda Apostol đã bị ngã và bị thương ở mặt trong lúc nô đùa với Marie Kostaky, thì những người Cộng sản biết hết mọi chuyện.

Những người nông dân, lòng đầy sợ hãi, thối tất những ngọn đèn dầu của họ. Sau đó họ lên giường ngủ với cảm giác là ai đó đang lắng nghe ở ngoài cửa, xuyên qua cửa sổ đang rình rập giấc ngủ của họ, đang nhìn xuyên qua tường, qua trần nhà, qua những cánh cửa đã được khóa chặt. Họ có cảm tưởng một con mắt nào đó đang theo dõi họ trong bóng tối. Dưới những lớp chăn, những người nông dân đã cầu kinh với một sự sợ hãi kinh hoàng, bởi vì đây là bắt đầu của giai đoạn khủng bố.

Sáng sớm hôm sau, dân làng Piatra thức dậy thật sớm, nhưng không một ai rời xa khỏi nhà. Họ tìm những công việc trong sân, hoặc trong vườn để làm. Họ chú cả tâm trí để nghe, nhìn. Họ rình nghe tiếng động cơ chiếc xe gắn máy của Severin đi vào làng.

Severin đã xuất hiện như mọi khi, hăm băng qua làng và đến ngay văn phòng ủy ban nhân dân xã. Những người nông dân cũng chẳng biết họ sẽ phải có thái độ như thế nào nữa, nhưng họ vẫn chờ đợi với tất cả sự chú tâm. Họ không muốn bị khồng chế bất ngờ, và họ chờ đợi đội vệ binh nhân dân đến bắt Ion Kostaky, Pillat và những người khác nữa. Sự sợ hãi mỗi lúc mỗi tăng. Cho đến trưa Severin vẫn không có hành động gì khác. Hăm chuyện trò với những tên vệ binh nhân dân như thường lệ, và huấn luyện các thanh niên.

Cho đến trưa, Pierre Pillat không còn kiên nhẫn đợi chờ nữa.

— Boris Bodnariuk hiện đang ở thành phố, ở Molda. - Pillat nói với Ion Kostaky - Con sẽ đến gặp anh ta. Con muốn nói chuyện với anh ấy một cách công khai, giữa những người đàn ông với nhau.

Ion Kostaky thắng ngựa vào xe, nhưng ông không muốn để chàng rể đi một mình. Ông đã lên xe ngồi cạnh Pierre Pillat và họ đã cùng nhau đến thành phố Molda.

— Ba phải mua ít đinh và ván. - Kostaky nói - Ba định sửa lại bờ rào. Ba đi với con. Chỉ có thể thôi.

Hai thanh niên trong đội vệ binh chờ sẵn trên đường cái, ở lối vào làng. Chúng chặn xe lại và hỏi xem họ đi đâu. Chúng làm như thế với mọi công dân rời khỏi làng. Sau đó chúng để họ đi.

— Con không muốn hạ mình, - Pillat nói - nhưng con sẽ khấn khoản xin anh ta để chúng ta yên. Chúng con đã từng là bạn học. Chắc thế nào anh ấy cũng nghe con. Con làm thế có được không?

Kostaky gật đầu và quất ngựa đi.

Khi đến thành phố, Kostaky đi tìm mua đinh và ván để sửa chữa bờ rào, còn Pierre thì đến ngay chỗ làm việc của Boris Bodnariuk, ở ủy ban nhân dân huyện.

— Anh Boris này, tôi xin anh một điều, và điều đó sẽ không làm ảnh hưởng đến uy quyền người lãnh đạo Cộng sản của anh đâu. Tôi muốn trở thành một thành viên ưu tú của Đảng. Tôi muốn gia nhập Đảng với tất cả tấm lòng thành khẩn của tôi. Anh hãy cho tôi thời gian để chứng minh với anh điều đó bằng những hành động. Tôi muốn trở thành một yếu tố hữu ích đối với cộng đồng và đối với Đảng. Anh hãy nhìn thẳng vào mắt tôi và anh sẽ thấy là tôi chân thành, rất chân thành.

— Đúng thế, anh rất chân thành. - Bodnariuk nói - Nhưng anh đã đòi hỏi ở tôi một điều không thể được.

— Nếu tôi thành khẩn mong muốn điều đó, và nếu tôi hướng tất cả cố gắng của mình trong chiều hướng đó, anh tin là tôi sẽ không thể nào trở thành một người Cộng sản chân chính sao? - Pillat hỏi.

— Không, anh không thể. - Bodnariuk mỉm cười nói - Anh hãy nhớ lại những bài học thánh kinh hồi còn học ở học viện hoàng gia xem. “Con lạc đà chui qua lỗ kim khâu còn dễ hơn người giàu có vào nước trời.” Không ai nghĩ đến việc lên án giáo hội Công giáo là tàn ác vì đã loại trừ những người giàu có. Một trí thức tiểu tư sản không thể nào trở thành người Cộng sản được.

— Người giàu có có thể trở nên nghèo khó, nếu họ từ bỏ những của cải vật chất của mình. - Pierre Pillat nói - Họ không bị loại trừ một cách dứt khoát. Nhưng họ phải từ bỏ tất cả. Tôi đã từ bỏ tất cả, anh Boris à. Hãy để cho tôi cộng tác với anh, sát cánh bên anh. Tôi muốn trở thành một đảng viên Cộng sản. Anh hãy giúp tôi.

— Làm sao anh có thể chối bỏ nguồn gốc tiểu tư sản của anh được. Anh có làm gì đi nữa thì anh cũng vẫn là một trí thức tiểu tư sản. Bây giờ thì nhân dân đang nắm chính quyền, và nhiệm vụ đầu tiên của một dân tộc đang nắm chính quyền là loại bỏ và trừng phạt giai cấp tiểu tư sản. Anh phải chịu những hình phạt đó.

— Để bị trừng phạt thì trước tiên phải bị truy tố về một tội gì đó. - Pillat nói - Anh có thể trách cứ tôi điều gì nào?

— Trong cuộc cách mạng Cộng sản chúng tôi không cần biết đến cá nhân. - Bodnariuk nói - Nhưng xã hội không bao gồm những cá nhân, mà là những giai cấp. Cá nhân mà nói thì anh chẳng có gì làm lỗi cả. Nhưng giai cấp tiểu tư sản đã làm nên tội ác, và chúng tôi trừng phạt giai cấp của anh. Anh thuộc giai cấp đó, anh đã mưu lợi với nó, thì anh sẽ phải chịu trừng phạt với nó. Chỉ đơn giản vậy thôi.

Bodnariuk cầm lấy chiếc áo choàng bằng da, và quấn lại chiếc khăn quàng cổ màu đỏ.

— Tôi xin anh một đặc ân ngoại lệ. Anh cho phép tôi được gia nhập khối vô sản. Anh sẽ không thất vọng đâu.

— Anh đã xin tôi một điều không thể được. - Bodnariuk nói - Nếu tôi cho phép anh điều đó, thì tôi sẽ phạm tội phản bội nhân dân và Đảng. Tôi có nhiệm vụ loại trừ những thành viên của những giai cấp thượng đẳng của mỗi thành phố hay làng xã, như thể người nha sĩ phải nhổ những chiếc răng sâu. Mọi thành viên tiểu tư sản là một cơ nguy truyền nhiễm đối với Đảng. Xã hội có luật lệ vệ sinh chính trị của nó, và nhân danh những luật lệ đó anh phải bị đào thải. Các anh, những trí thức tiểu tư sản, rất tự tin khi cần nắm bắt những vấn đề tế nhị, lẽ nào lại không hiểu được những quy luật này, thật là đơn giản.

Cuộc gặp gỡ chấm dứt. Boris Bodnariuk để Pierre Pillat ra về mà chẳng thêm bắt tay bạn cũ. Trước văn phòng ủy ban nhân dân huyện, Ion Kostaky đang chờ đợi với chiếc xe chờ đầy ván. Pillat lẳng lặng trèo lên xe ngồi cạnh ông ta, không nói một lời. Ion Kostaky hiểu là chuyến đi thành phố đã trở nên vô ích.

XVI

Ngay chiều hôm đó Ion Kostaky bắt tay làm nhiệm vụ sửa sang lại bờ rào. Ông ta cảm thấy sự cần thiết phải có một bờ rào chắc chắn. Tất cả những người nông dân làng Piatra đã sửa chữa lại những chiếc khóa cửa. Pillat thì bới xới mảnh vườn trước nhà. Marie giúp đỡ chồng. Ở ngay giữa vườn, Pillat đã vẽ một quả tim làm bằng những đám cỏ. Anh bới đất một cách nhanh chóng. Trán của anh ướt đầm mồ hôi.

— Nay Pillat, bao giờ thì mày thôi bày trò khiêu khích đây?

Pierre Pillat ngẩng đầu lên. Serghei Severin và đội vệ binh nhân dân đang đứng trước cửa. Pillat đánh rơi chiếc xẻng.

Anh tin chắc là người ta đến bắt mình. Severin bước vào sân.

— Tao cứ tưởng là mày thật sự muốn đứng với chúng tao chứ. - Severin nói.

Hắn nháy mắt ra lệnh cho đội vệ binh, và cả sáu tên vệ binh nhân dân mang những đôi giày đinh, đặt khí giới xuống mảnh đất vừa được cuốc xới. Chúng ủa vào trên những đám cỏ được xếp thành hình quả tim và bắt đầu nhổ phá, giẫm nát tất cả. Pierre Pillat chẳng hiểu gì cả. Anh ngạc nhiên nhìn đám vệ binh nhân dân nhổ phá đám cỏ, và giẫm nát tất cả với những đôi giày đinh của chúng.

— Chúng mày là dân tiểu tư sản, chúng mày cho rằng người Cộng sản là ngu dốt, nhưng chúng tao biết tất cả những gì chúng tao muốn biết, và những gì kẻ thù của chúng tao muốn làm. Mục đích nào khiến mày vẽ ngay chính giữa vườn nhà mày một quả tim lớn bằng cả một bảng quảng cáo, nhìn từ ngoài đường vẫn thấy được?

— Chẳng ai nói với chúng tôi là cấm không được trồng hoa theo hình quả tim cả. - Marie nói.

— Quả tim là biểu thị của quyền sở hữu cá nhân. - Serghei Severin nói - Ngày mà chúng tao cố sức để tập sản hóa ruộng đất thì mày lại vẽ một quả tim ngay chính giữa vườn nhà mình để phản đối chống lại việc tập sản hóa ruộng đất của làng Piatra.

— Tôi thề với anh là chưa bao giờ lại có ý nghĩ...

— Chúng tao đã bắt được mật lệnh của bọn phản động gửi cho đồng bọn tại đây. Họ ra lệnh cho chúng chống lại chương trình tập sản hóa ruộng đất của chúng tao bằng cách vẽ những quả tim màu xanh ngay chính giữa vườn nhà chúng như dấu hiệu phản đối. - Serghei Severin nói - Chúng tao đã chú ý mọi cử động. Mày đã khổ nhọc một cách vô ích. Âm mưu chống phá cách mạng sẽ không thành công đâu.

Những tên vệ binh đã phá nát quả tim. Chúng nhìn Severin và lớn tiếng cười.

Theo dấu hiệu của tên người Nga, sáu người vây lấy Ion Kostaky và giật lấy cây rìu trên tay ông ta. Những đứa khác mang lại một chiếc búa, một cây cuốc. Chỉ trong một phút, bờ rào vừa được Kostaky sửa chữa đã bị phá hủy. Những tấm ván đã bị đập bể nát. Những cây trụ bằng gỗ sồi bị nhổ lên. Nhà của Ion Kostaky và của Pierre Pillat giờ đây không còn gì bao bọc chung quanh nữa. Những tấm ván bị liệng ra đường, bị giẫm nát.

Đội vệ binh nhân dân đã hoàn thành công việc phá hoại. Chúng phúi tay, vứt bỏ những dụng cụ, và lấy lại vũ khí.

— Ai đã ra lệnh cho mày sửa chữa lại bờ rào cho kiên cố hả? - Severin hỏi.

— Bờ rào đã mục nát, có gì lạ nếu phải sửa chữa lại? - Kostaky nói - Bây giờ các anh cấm cản chúng tôi sửa chữa lại bờ rào nữa à? - Ông ta giận dữ.

— Chúng tao đã bắt được mật lệnh chuyển cho bọn phản động, ra lệnh cho chúng xây dựng lại bờ lũy cao và kiên cố để có thể ẩn nấp, và kháng cự một cách thụ động chống lại chương trình tập sản hóa ruộng đất.

Serghei Severin đọc lên những câu trong chỉ thị mà Bodnariuk đã gởi cho hắn:

Bờ rào là một sáng tạo của xã hội phong kiến, của thế giới cá thể và là hình ảnh kiến trúc của xã hội phong kiến. Những tên đại tư bản, đại nghiệp chủ đã xây dựng những bờ tường cao, những cánh cửa có

bọc sắt để có thể tự biệt lập. Chủ nghĩa Cộng sản đã sáng lập nên một cuộc sống chung. Chủ nghĩa Cộng sản kết hợp những con người lại với nhau, chứ không chia lìa họ.

Những bờ lũy ngăn cách những đồng chí của mình, không thể tồn tại ở giữa những cá nhân trong một cộng đồng. Thế mới hiểu tại sao phản ứng của thế giới đã ra lệnh cho nhân viên của chúng tại nước Rumani phải sửa chữa gấp rút bờ rào, tường lũy...

— Phong trào của những bờ rào và những quả tim xanh trong vườn đã được bắt đầu cùng lúc với sự phát động chương trình tập sản hóa của chúng tao vậy.

— Chúng tôi không có chủ tâm phải giầu giếm. - Pillat nói - Không có.

— Tao sẽ đưa cả ba đưa đến trình diện trước hội đồng nhân dân xã để khai báo đầy đủ, và nói cho chúng tao biết ai đã ra lệnh cho chúng mày. Phải tố cáo những nhân viên, những người lãnh đạo, tất cả những mạng lưới của âm mưu.

XVII

Ba ngày trôi qua, kể từ khi quả tim màu xanh và bờ rào bị phá hủy, Pierre Pillat cảm ơn Trời vì đã không bị mời đi, và bị tra hỏi về những hoạt động chống phá cách mạng của mình. Anh nghĩ cuối cùng rồi cũng yên ổn cả. Sự kiện phải hiện diện mọi ngày ở ngoài sân, để rồi chiều tối bước vào nhà, hai gian nhà nhỏ quét vôi trắng, kề cận bên vợ, đối với anh là một niềm vui sướng. Sự hiện diện của bố mẹ vợ, Ileana và Kostaky trong cùng một khoảng sân gần cạnh bên là một niềm vui khác.

Công việc đồng áng cũng đã trở thành một nguồn khuây khỏa. Anh đã khám phá được những niềm vui trong một sự việc nhỏ bé tầm thường nhất: trong sự nóng bức của mặt trời, trong sự mát mẻ của dòng nước, trong màu xanh của bầu trời, trong mọi chuyện.

Mỗi lần nghe tiếng động cơ xe gắn máy của Serghei Severin thì Pillat liền trở vào nhà, như trong lúc này chẳng hạn, nhưng lần này thì chiếc xe gắn máy dừng lại. Không còn bờ rào nữa, và từ ngoài đường, người ta có thể nhìn thấy hết.

— Tại sao mày lại lẩn trốn hả, Pierre Pillat? - Serghei Severin la lên lớn tiếng - Không ai có thể lẩn trốn người Xô Viết cả.

Severin bước vào vườn, theo sau là ba tên vệ binh nhân dân.

— Tao thấy là mày có một con chó. - Severin nói vừa nhìn con chó đang ngồi trước nhà.

— Đó là một con chó hoang. Nó đã đến sân nhà tôi từ ba tuần nay rồi.

— Ngay cả lũ chó cũng nhận biết được nhà của những tên phản động. - Severin nói - Sự kiện có một con chó trong nhà đã nói lên rằng chúng mày có quá thừa thức ăn, mày ăn uống quá sung sướng. Đúng thế không hả?

— Một con chó chỉ ăn đồ thừa thãi, xương xẩu. Người nghèo nhất trong thế giới loài người cũng có thể nuôi một con chó.

— Theo thống kê của đồng chí Boris Bodnariuk, - Severin nói - hiện nay trong nước Rumani có 30 triệu mèo, chó. Mỗi chủ gia đình phải chia xẻ lương thực của mình và của con cái với một con chó và một con mèo. Một khối lượng vô kể thực phẩm đã tiêu biến tại nước Rumani cho 30 triệu miệng ăn vô ích này.

Chỉ có chế độ áp bức nhân dân và giai cấp công nhân mới có thể hy sinh thực phẩm của những người lao động để nuôi chó mèo. Chừng đó đủ để chứng minh sự man rợ của giai cấp tiểu tư sản. Đó là chưa nói đến những bệnh hoạn mà những con thú ăn bám này truyền sang nữa. Chính quyền quyết định tiêu diệt chúng. Người ta sẽ khóa mõ 30 triệu chó, mèo và chia lương thực của chúng cho những ai còn thiếu. Trong lúc mà chính quyền phê duyệt quyết định cơ bản này, thì mày lại kiếm nuôi một con chó. Mày giải thích thế nào hành động này đây? Mày không chống chế đó chỉ là một sự trùng hợp ngẫu nhiên chứ?

Marie, Ileana, Kostaky và một vài người láng giềng khác đã lắng nghe sự buộc tội mới mẻ này.

— Một trong những thích thú bệnh hoạn của những tên áp bức hôm qua, - Severin nói - là nhìn thấy con cái của những người lao động chết đói, trong khi thức ăn của chúng lại ném cho chó mèo. Đã từ lâu Liên bang Xô Viết đã quyết định tiêu diệt những thú vật vô ích. Một xã hội còn giữ lại những thú vật ăn bám là lạc hậu, suy tàn. Chúng ta sẽ bắt chước gương của nước Nga. Chúng ta sẽ rửa cái nhục mà nhân dân đã gánh chịu. Da của những con thú này sẽ dùng cho kỹ nghệ. Mỡ của chúng sẽ làm thành xà phòng dùng cho nhân dân. Nước Nga đã cung cấp cho chúng ta những máy móc thiết bị để dùng trong kỹ nghệ mới mẻ này.

Serghei Severin ra dấu cho những tên vệ binh nhân dân. Bốn thanh niên liền giương súng lên và nhắm con chó. Rồi mạnh ai nấy bắn. Tiếng súng nổ hòa lẫn với tiếng rên xiết của con chó đang quằn quại trên đám đất vừa được cuốc xới của mảnh vườn. Máu dính đầy tường nhà của Pillat và trên đất khô của mảnh vườn. Tụi vệ binh vẫn tiếp tục bắn vào cái thân xác ngấp đầy đạn.

Marie và Ileana Kostaky che mắt, bưng tai, chạy vào nhà để khỏi phải nhìn thấy con chó, nghe những

tiếng rên xiết của con thú sắp chết và những tiếng súng nổ.

Pillat bỗng cảm thấy một ý thức tội lỗi sâu sắc. Anh đã tham dự cảnh tượng đó, sững sờ, không có một cử chỉ nào. Anh sẽ chẳng cứu được con chó, tuy thế anh vẫn có thể có một cử chỉ phản đối. Nhưng anh đã chẳng làm gì, và điều đó giống như một sự phản bội.

Severin ra dấu bảo Ion Kostaky và Pillat lại gần.

— Hãy cầm lấy con chó và mang nó về ủy ban nhân dân xã. - Severin ra lệnh - Sẽ còn có những con khác nữa. Một khi về đến ủy ban nhân dân xã, hãy đợi ở đó, sẽ có người chỉ cho cách lột da.

Tốp thanh niên lại nạp đạn vào súng để tiếp tục cuộc bố ráp tận diệt lũ chó, mèo của làng Piatra. Đàn bà thì trốn trong nhà để cầu nguyện, kêu xin sự trợ giúp của Đức Nữ Đồng Trinh. Khi Ion Kostaky đến bên con chó, Severin dùng chân mang bột thúc vào lưng ông ta.

— Mau lên. - Hấn ra lệnh - Bộ góm há? Chó là bạn của tá điền kia mà. Nó đã sống với mày, trong nhà mày, vậy mà bây giờ nó làm mày ghê tởm à?

Kostaky muốn quay lại, một đạp thứ hai làm ông chúi về phía con vật đã chết.

— Vác nó lên vai đi nào. - Severin ra lệnh.

Kostaky dùng cả hai tay nắm lấy hai cẳng trước và để con chó lên vai. Máu chảy dài trên lưng của ông ta. Xác con chó vẫn còn nóng hổi như lúc còn sống.

Qua cửa kính, Severin nhìn thấy Marie và Ileana. Hấn ra dấu bảo họ lại gần.

— Chúng mày thì cầm lấy đuôi con chó. - Hấn bảo họ.

Marie và Ileana Kostaky khóc nhưng vẫn theo lời Severin.

— Đi về phía ủy ban nhân dân xã, đằng trước, bước. - Severin hô lớn.

Bọn vệ binh thì cười lên hô hô, còn bọn trẻ con thì khóc thét lên. Trong khi Ion Kostaky bước ra đường mang trên vai xác con chó, theo sau là vợ và con gái, tay vịn vào đuôi con chó, thì những người nông dân nghiêng răng cắn giận.

— Còn mày nữa, hãy đi theo họ. - Severin nói với Pierre Pillat - Bắt đầu từ hôm nay, tất cả những tên phản động sẽ lao động lột da chó mèo. Đó là một công việc tương xứng với chúng mày.

XVIII

Về đến nhà Ion Kostaky vẫn còn ngửi thấy mùi máu đầm ướt cả áo quần, da thịt và trí nhớ của ông ta. Ion Kostaky, vợ ông, Pillat và con gái của họ, chẳng ai nghĩ đến cơm nước gì cả. Họ ngồi trong bóng tối và tìm kiếm một biện pháp. Ileana thì cầu nguyện.

Các cửa sổ mở toang để giảm bớt mùi hôi, nhưng mùi hôi của thịt chó, mèo chết đã thấm cả vào tường nhà. Một bóng người xuất hiện bên cửa sổ. Kostaky giật mình. Người láng giềng của ông, Nicolas Vornik, đang đứng trước sân.

— Người ta sắp đây chúng ta đi tối nay. - Vornik nói.

Ông ta bước vào nhà. Đầu ông sung vù lên, chiếc áo somi bị rách nhiều chỗ. Người ông ta bê bết máu.

— Đừng thấp đèn. - Ông ta nói - Tốt hơn là nói chuyện trong bóng tối như thế này. Sáng nay chúng cho gọi tôi lên văn phòng ủy ban nhân dân xã. Chúng nhốt tôi vào hầm rượu, và đánh đập tôi không ngừng tay cho đến bây giờ. Hãy nhìn tôi đây, chúng nó đã đánh tôi gãy cả xương.

Vornik run như một con vật bị săn đuổi.

— Tôi đã nghe được tên người Nga đọc chỉ thị mà hân vừa nhận được. Bảy người dân làng Piatra sẽ bị bắt tối nay, và đây đi vào lúc ba giờ. Anh Kostaky à, anh, con gái anh và Pillat con rể anh đều có tên trong bảng danh sách đó. Ngoài ra còn có tên tôi và mấy người anh em họ hàng của anh nữa. Bảy người tất cả.

Ion Kostaky bảo vợ và con gái lui ra. Ông ta ngồi lại với Vornik và Pillat.

— Anh thử nói lại lần nữa xem. - Kostaky nói với Vornik.

— Đêm nay vào lúc ba giờ tụi vệ binh nhân dân sẽ đến bắt chúng ta. - Vornik nói - Tôi đã nghe được chính tai mình đấy. Lúc bấy giờ tôi đang ở phòng bên cạnh. Đó là tất cả những gì tôi biết, và tôi lại đây báo cho anh hay. Chúng ta thử bàn bạc xem.

Ông ta ngồi trên một chiếc ghế, và hai tay ôm lấy đầu.

Kostaky bước ra khỏi phòng, ông ta bảo Ileana dọn ăn.

— Đêm nay chúng ta sẽ không ngủ trong nhà. - Ông ta nói.

Tiếp theo ông ta nói với con gái:

— Con sẽ cùng đi với ba và Pillat.

Ion Kostaky dừng bước lại bên cạnh Vornik.

— Chúng ta sẽ đi vào rừng. - Ông ta nói - Biến động rồi sẽ qua đi. Trong vài ngày nữa chúng ta lại trở về nhà.

Pierre và Marie lo sửa soạn hành trang. Vornik trở về nhà mình. Người ta báo tin cho những người anh em họ hàng của Ion Kostaky. Ileana chuẩn bị thực phẩm mang theo.

Vào lúc mà quyết định của ông ta đã dứt khoát, Ion Kostaky mới ý thức được tầm quan trọng của hành động mà ông sắp sửa thực hiện. Ông ta bước ra sân. Bằng đôi mắt, ông ta đã ôm lấy cây cối, vườn tược, những bức tường của ngôi nhà thân yêu, những mái nhà... ông ta bước vào chuồng ngựa vỗ về những con vật.

“Ta không đi đâu. Thà chết ngay trong sân nhà mình còn hơn. Ta không đi đâu hết.” Ông vuốt ve mồn chủ ngựa. Ông ta lại thay đổi ý định. “Không, ta phải đi chứ. Nhưng chỉ một đêm thôi, và ta sẽ trở về. Ừ, ta sẽ trở về. Chỉ một đêm thôi, để tụi nó không tìm thấy ta.”

— Con có tin là tụi nó sẽ đến bắt chúng ta không? - Ông ta hỏi Pillat.

— Tốt hơn là không nên ngủ ở nhà. - Pillat trả lời.

— Như thế thật trọng hơn. - Kostaky nói. Và mắt ông bỗng đầm đìa nước mắt.

Kostaky đứng trước hiên nhà. Ông thở mạnh như thể muốn hít vào tất cả bầu trời của làng ông để mang theo. Nếu ông có thể, cùng lúc với không khí, mang theo vào phổi của mình, cả ngôi nhà, sân, súc vật. Tất cả.

— Ileana này, bà chạy đi kiểm mục sư Thomas Skobai về đây - Ông ta nói với vợ - Xin ông ta đến ngay để cùng đọc với chúng ta một kinh cầu.

Sau khi Ileana đi, Kostaky nhìn ngôi nhà đối diện, trong đó Pillat và Marie đang chuẩn bị đồ đạc cho chuyến đi, nhưng tai ông vẫn lắng nghe động tĩnh báo hiệu sự hiện diện của bọn vệ binh.

“Ta chỉ cần mang theo vừa đủ bữa ăn sáng.” Kostaky nghĩ. “Vì ta sẽ trở về ngay. Khó mà tin được là chúng sẽ tìm đến bắt chúng ta. Nhưng tại sao lại bắt chúng ta chứ?”

Ion Kostaky trở lại vuốt ve bầy súc vật của ông. Những người anh em họ hàng của ông đã đến. Tất cả mọi người đều ngồi trong bóng tối. Mục sư cũng đã đến, và sau cùng là Vornik. Tất cả họ đều mang theo lương thực và những chiếc rìu.

— Thôi bà đừng khóc nữa. - Kostaky nói với vợ - Nếu không có gì xảy ra đêm nay, chúng tôi sẽ trở về ngày mai thôi.

Kostaky hỏi Vornik:

— Nay anh Vornik, anh chắc chắn đã không nghe lầm là chúng nó sẽ đến bắt chúng ta trong đêm nay chứ? Anh có mơ không đấy?

— Đúng vậy, đêm nay lúc ba giờ. - Vornik nhắc lại.

Vợ ông ta đã băng bó đầu cho ông. Ông đã mặc một chiếc áo somi khác. Chỉ có chiếc quần là vẫn dính đầy máu, vì không kịp thay.

— Thừa cha, xin cha cầu nguyện cho chúng con. Một kinh cầu khẩn thôi, cầu cho những người đang gặp hoạn nạn. Một kinh cầu cho một giai đoạn khó khăn, không gì khác hơn.

Mục sư đọc kinh cầu trong bóng tối. Ông ta đã thuộc lòng. Những người nông dân đều quỳ gối. Bên ngoài trời bắt đầu mưa. Sắp sửa nửa đêm. Thình thoảng những ánh chớp chói sáng gian phòng của Ion Kostaky, và lúc bấy giờ người ta có thể nhìn thấy thân thể cao lớn, vành trán rộng, bộ râu và đầu tóc bạc của mục sư đang cầu kinh. Người ta cũng nhìn thấy sáu người nông dân đang quỳ gối. Và Marie tựa vào mẹ mình. Tất cả cảnh tượng đó đã kéo dài trong một giây, và rồi thì bóng tối tràn ngập tất cả. Người ta chỉ còn nghe thấy tiếng mưa rơi, và giọng trầm buồn của vị mục sư.

— Thôi chúng ta lên đường. - Kostaky nói.

Đi đột ngột như thế vẫn dễ dàng hơn, để khỏi nghe Ileana khóc lóc và khỏi ý thức việc ra đi của mình.

— Chừng nào hết mưa, bà sẽ dẫn mục sư về. - Kostaky dặn dò vợ - Và bà chờ tôi. Tôi nghĩ là ngày mai chúng tôi sẽ trở về. Bà săn sóc nhà cửa nhé. Nếu chúng nó có hỏi tôi thì bà cứ bảo là tôi đi kiểm củi.

Những người nông dân cầm lấy đồ đạc của mình, hôn tay vị mục sư, từ biệt Ileana và ra đi.

Khi người cuối cùng đã ra khỏi nhà, Ileana mới bắt đầu rên rì. Bà đã khóc với một sự tuyệt vọng còn hơn khi có người vừa mới quá cố, rồi bà cầu nguyện.

Mục sư Thomas Skobai biết rằng điều lành hay điều dữ đều do Thiên Chúa gởi đến cả, tuy thế nỗi buồn gây ra bởi sự trốn chạy của những người nông dân đã làm cho ông khổ tâm. Khi những người nông dân ra đi bỏ lại nhà cửa của họ, nỗi buồn còn to lớn hơn cả khi một người nằm xuống đã tràn ngập tất cả. Nhà cửa họ chìm đắm trong bóng tối. Mục sư liên tưởng đến một bài kinh hay một bài thơ:

“Nên người nông dân từ bỏ ruộng đất của mình, những hạt lúa mà anh ta gieo vãi sẽ buồn bã vì chẳng ai đến để gặt hái những chẹn lúa.

Sự ra đi của người dân cày đã làm cho cây cỏ buồn rầu, vì anh ta sẽ chẳng còn phát cỏ nữa.

Đàn bò buồn bã và chú ngựa cũng vậy, bởi vì chúng đợi nước và thức ăn.

Nên người dân cày ra đi, chim trời sẽ buồn rầu vì chúng sẽ không tìm thấy những hạt thóc trong các luống cày.

Con mưa làm ướt những cánh đồng cũng buồn bã, cũng như những đêm mát trời.

Nên người nông dân từ bỏ những cánh đồng và làng xóm của họ. Cả vũ trụ sẽ buồn bã. Cả vũ trụ...”

Một nỗi buồn giống như thể đang bao trùm làng Piatra sau khi bảy người dân làng đã chạy trốn xuyên qua những mảnh vườn.

XIX

Trong khi Ion Kostaky và những người lãnh nạn khác đi về phía rừng, thì ở văn phòng ủy ban nhân dân xã, tên người Nga cùng với bọn vệ binh nhân dân tổng ôn tập lại kế hoạch nhằm chặn bắt những người có tên trong sổ đen đúng với chỉ thị đã nhận được.

— Việc thực hiện chương trình đầy ải bọn phản động được bắt đầu tại Piatra. - Severin nói - Các đồng chí phải hăng diện về quyết định này. Ngày mai đồng chí Boris Bodnariuk sẽ đến đây để nhận định tiến trình của công việc.

Những tên vệ binh nhân dân được trang bị đầy đủ: áo choàng, nón sắt, súng trường. Serghei Severin đọc lại lớn tiếng một lần nữa chỉ thị:

Việc chặn bắt những người có tên trong danh sách bị đầy ải sẽ bắt đầu khoảng từ hai giờ sáng đến bốn giờ sáng. Công việc phải tiến hành nhanh. Những người vệ binh sẽ đột nhập vào nhà không gây tiếng động để khỏi làm hàng xóm láng giềng chú ý. Tù nhân sẽ được dẫn ra khỏi địa phương một cách bí mật. Việc sử dụng súng không được khuyến khích. Dùng mưu mẹo để đối tượng ra khỏi nhà mà không cần tuyên bố là họ bị bắt.

Serghei Severin cho lệnh khởi hành. Những tên vệ binh bước ra đường. Đèn vãn cháy sáng trong văn phòng ủy ban nhân dân xã. Trời mưa, Severin đi trước, theo sau là mười hai thanh niên. Đến trước nhà của Pierre Pillat chúng dừng bước.

— Các đồng chí hãy bước lại gần nhà, người này sau người kia, ở khoảng cách một bước. - Severin ra lệnh - Hãy vây nhà lại, chúng ta phải nắm chúng một cách bất ngờ.

Những tên vệ binh thi hành lệnh. Trước mỗi cửa sổ được bố trí một người có vũ khí để ngăn chặn Pierre Pillat và Marie trốn thoát. Từ cửa chính Serghei Severin lắng nghe động tĩnh.

Người ta nghe thấy tiếng đàn bà khóc than bên trong.

— Coi chừng. - Hấn nói nhỏ và mở cửa ra.

Hấn chiếu sáng gian phòng với cây đèn bấm của hấn.

Ileana đang quỳ gối khóc trước bàn thờ. Mục sư Skobai thì ngồi hai tay tì lên gối. Ông ta không nhìn thấy ánh sáng phát ra từ cây đèn bấm của tên người Nga, bởi vì những ngọn lửa của ngôi thánh đường bốc cháy còn mạnh hơn đang ngập đầy đôi mắt của ông.

Từ thềm nhà Severin chiếu sáng mục sư, rồi đến Ileana đang khóc mỗi lúc mỗi lớn tiếng, và vẫn tiếp tục cầu nguyện. Hấn quan sát những bức tường rồi đến chiếc giường ngủ.

— Những người kia đâu hết rồi? - Hấn hỏi.

— Đi rồi. - Ileana trả lời.

— Không có một mưu đồ nào mà không có một người cầm đầu. - Serghei Severin nói - Những tên phát xít đâu rồi? Tụi nó đi lúc nào và về phía nào?

Mục sư không có tên trong danh sách những người bị đầy ải, nhưng ông ta đã tự động đứng về phía những kẻ bị tình nghi.

Serghei Severin xịch hai tay gậy guộc của vị mục sư lại.

— Chúng nó chạy trốn lúc nào và ở đâu? - Severin hỏi.

— Họ đi rồi, cách đây một tiếng đồng hồ.

— Đi đâu?

— Tôi không biết. Chỉ một người biết thôi.

— Ai? - Serghei Severin hỏi.

— Chúa. - Mục sư trả lời - Chỉ có Chúa mới biết được điều đó.

Nhân Chứng này thì Serghei Severin không thể hỏi được. Hấn lại càng không thể bắt hoặc nhốt Nhân Chứng này được.

Hắn dùng nắm tay đâm vào khuôn mặt gầy gò của vị mục sư.

— Tao sẽ tra tấn mày cho đến khi mày nói chúng nó đi đâu. Bởi vì mày biết điều đó. - Severin nói.

Những giọt máu chảy xuống trên chòm râu trắng của Thomas Skobai. Bọn vệ binh nhân dân lục soát nhà. Chúng tìm khắp nơi. Ileana cũng bị xích tay lại. Ba tên vệ binh nhân dân bước vào nhà của Ion Kostaky, nhưng chúng cũng chẳng tìm thấy ai.

Severin nhớ lại là sáng sớm ngày mai, Boris Bodnariuk sẽ ghé qua đây để xem công việc có diễn tiến tốt đẹp không. Việc chạy thoát của Pillat, Kostaky và Marie làm cho hắn tức đến chết được. Hắn lại đánh vị mục sư, hỏi ông ta những người chạy trốn ở đâu, nhưng vị mục sư không trả lời nữa. Ông ta nhận lãnh những cú đánh mà tâm trí hướng về Chúa, và mắt nhìn về ngôi thánh đường đang bốc cháy của ông ta.

— Hai người dẫn tội nhân về ủy ban nhân dân xã và nhốt chúng dưới hầm rượu. - Severin ra lệnh.

Vô ý hắn đã làm đổ cây đèn dầu đặt trên bàn. Ngọn lửa lan ra với một tốc độ khủng khiếp. Những tên vệ binh nhân dân chạy đi kiếm những chậu nước.

— Hãy dẫn tên mục sư và mục giả về ủy ban nhân dân xã. - Severin ra lệnh - Cứ để lửa cháy, đừng đụng vào.

Trong khi Ileana và vị mục sư bị dẫn về ủy ban nhân dân xã với đoàn hộ tống, ngọn lửa đã lan ra các cửa sổ. Nhà của Pillat lại làm toàn bằng gỗ như mọi nhà khác tại Piatra. Ngọn lửa lan ra một cách nhanh chóng.

— Đi bắt những tên khác. Chúng ta sẽ tính sổ với những tên chạy trốn sau.

Severin sắp rời khỏi sân nhà Pillat, nhưng trước mắt hắn, ngoài đường, tất cả nông dân đang tụ tập lại. Họ đã nhìn thấy đám cháy, và đàn bà, đàn ông, trẻ con đã vội vã chạy đến.

Qua ánh sáng của ngọn lửa đang thiêu hủy căn nhà, Serghei Severin nhìn thấy đám đông. Một nhóm nông dân tay xách những thùng nước đi ngang qua bên cạnh hắn mà chẳng thèm nhìn hắn, tiến thẳng về phía ngôi nhà đang bốc cháy.

— Không được ai đến gần. - Tên người Nga lớn tiếng la.

Những người nông dân tay xách nước dừng lại. Mọi con mắt đều chăm chú nhìn Severin và những tên vệ binh mang vũ khí đang đứng bao quanh hắn. Dưới ánh sáng của đám cháy, người ta nhìn rõ như ban ngày.

— Trong nhà này có một âm mưu của bọn phát xít. - Severin nói lớn tiếng.

Mưa vẫn rơi lất phất. Những người nông dân chờ đợi, những thùng nước trên tay, mắt căm phẫn.

— Tôi kêu gọi nông dân giúp sức để bắt tội phản động. - Severin nói.

Hắn nhận thấy là đám đông sôi sục tức giận.

— Chúng ta hãy dập tắt lửa đã. - Một người đàn bà nói - Rồi hãy lo đến bọn phản động sau. Chúng ta có đủ thì giờ.

— Ngôi nhà này phải bị thiêu hủy. - Severin nói - Đó là sào huyệt của bọn phát xít.

— Ngôi nhà không tham dự vào âm mưu phản động. - Người đàn bà lại lớn tiếng nói - Tại sao lại phải thiêu hủy nó?

Từ đường cái người ta đã cảm thấy sức nóng của ngọn lửa.

Những người nông dân từ từ đi lại gần ngôi nhà. Severin chĩa mũi súng vào đám đông, những tên vệ binh cũng bắt chước theo. Những người nông dân dừng bước. Họ thụt lùi lại một vài bước.

— Đồ chó Cộng sản, chúng mày muốn bắn cả mẹ ruột chúng mày sao? - Một nông dân la lớn tiếng về phía bọn vệ binh nhân dân đang chĩa súng vào đám đông.

— Nếu tội bay vì nhân dân, tại sao tội bây lại để căn nhà và những đồ vật bên trong bị thiêu hủy. Tại sao không cho nhân dân. - Một người đàn bà la lớn.

— Ngôi nhà và tất cả những gì bên trong đã bị bọn phát xít làm ô nhiễm. - Severin lớn tiếng trả lời - Người đầu tiên lại gần ngôi nhà sẽ bị bắn chết. Chính quyền nhân dân sẽ cho nông dân nhà cửa và bàn ghế, nhưng cái gì bị nhiễm độc đều phải đốt đi. Chúng tôi biết rằng nhân dân cần bàn ghế, đồ đạc, nhưng ở đây tất cả đều bị ô nhiễm, phải thiêu hủy tất cả.

Ngọn lửa đã cháy đến mái nhà. Sức nóng đã đến cao độ.

Những người nông dân lùi lại. Severin hiểu rằng ngọn lửa là đồng minh của hắn. Ngọn lửa lên cao,

buộc những người nông dân phải giữ một khoảng cách. Và lại những gàu nước chắc sẽ không đủ sức dập tắt được ngọn lửa. Trận hỏa hoạn đã thiêu hủy tất cả. Chỉ còn lại một đồng tro tàn.

— Hỡi các nông dân, cùng với ngôi nhà này, vì trùng của âm mưu phản động cũng đã bị thiêu hủy. Kỷ niệm nhục nhã của những tên tội phạm cũng đã bị thiêu hủy. Vì trùng của tội ác chính trị phải bị thiêu hủy. Ở đâu có bọn phát xít là ở đó có những vết tích, có máu của nhân dân. Đứng lại gần đó.

Những người nông dân làng Piatra lặng lẽ nhìn lửa cháy. Không ai để ý nghe những lời của Severin. Họ nhìn đám cháy và những họng súng đang hướng về họ.

— Tôi ra lệnh cho nông dân theo tôi để đến bắt bọn tội phạm. Không ai được phép về nhà. Tất cả theo tôi.

Severin bước đi. Bỗng hắn chợt nhìn thấy một bóng người đằng trước hắn, núp giữa những lùm cây. Hắn nổ súng. Bọn vệ binh cũng bắn theo. Chúng tràn vào vườn và tiến về phía trước, giữa những lùm cây ẩm ướt. Bọn vệ binh la lớn tiếng:

— Bọn tội phạm đang ở đây, bắt lấy chúng. Chúng nó chạy về phía ngọn đồi xuyên qua những khu vườn.

Đám đông theo sau một khoảng cách. Họ đi theo không để truy bắt những tội phạm mà vì tính hiếu kỳ. Trên đường họ đã đổ hết những gàu nước, và tiếp tục đi theo Severin và bọn vệ binh nhân dân.

Bây người đào tẩu đi đến đỉnh của một ngọn đồi. Họ đã bước đi một cách khó nhọc, như thể dưới chân họ mang nặng những khối chì. Họ dừng chân để nhìn lại làng cũ.

Vào lúc đó họ bỗng nhìn thấy một ngôi nhà trong làng bốc cháy. Ngọn lửa cao vút trời. Mỗi người đều nghĩ đến ngôi nhà của mình và trong bóng tối mỗi người đều thử đoán xem nhà ai đang cháy.

— Đúng là nhà tôi rồi. - Kostaky nói.

Ông ta run lên. Những giọt mồ hôi chảy dài trên trán ông. Ông cởi bỏ chiếc túi, giao lại cho Marie. Rồi ông chạy bỏ về phía làng, về phía ngôi nhà đang bốc cháy. Những người khác muốn giữ ông lại, họ đã gọi ông nhưng vô ích. Kostaky chạy về phía nhà của mình. Ông nhìn ngọn lửa và cúi đầu chạy.

Những người khác tiếp bước theo ông ta. Marie bị té. Pillat dùng chân để đỡ nạng dậy. Trong thời gian đó Kostaky đã chạy xa. Ông ta đã biến mất trong đêm tối. Ông băng qua những khu vườn. Bây giờ thì ông ta có thể nhìn rõ. Chính là ngôi nhà của Pillat đang bốc cháy. Ông đi càng nhanh hơn. Khi ông đến gần, ông nhìn thấy lửa đã cháy đến mái nhà. Những người nông dân thì tụ tập đằng trước nhà và đứng nhìn. Chẳng ai buồn ra tay dập tắt lửa.

— Không thể thế được. - Kostaky la lên - Không thể thế được. Cả làng nhìn thấy nhà ta cháy mà chẳng ai thèm đến gần để chữa cháy. - Kostaky đưa tay lên dụi mắt, ông ta không thể tin được những gì ông đang nhìn thấy.

— Ngay cả nhà của kẻ thù cháy, người ta cũng chạy lại cứu chữa, người ta dám nhảy vào lửa để cứu vãn tất cả. Ta chẳng là kẻ thù của ai cả, ấy thế mà những người nông dân, bạn bè của ta lại cứ để cho nhà ta cháy.

Kostaky nhảy qua một bờ rào để đến nhanh hơn, nhưng vào lúc đó, ông nghe đạn bay vèo vèo chung quanh ông. Bọn vệ binh đã nổ súng. Người ta đã bắn vào Kostaky. Tiếp theo ông nghe giọng của những thanh niên la lên:

— Tên tội phạm đang ở trước mặt chúng ta. Bắt lấy nó.

Rồi trước tiên là bọn vệ binh, tiếp đến là những người nông dân, tất cả nông dân làng Piatra đã chạy băng qua những khu vườn, về phía Kostaky. Bọn vệ binh nhân dân thì bắn xối xả về phía ông.

“Ta là ‘một tên tội phạm’ à?” Kostaky tự hỏi. “Những người nông dân của Piatra đã gọi ta là tên tội phạm à?”

Một viên đạn xẹt qua trong cành lá của cây bồ đào cạnh đó, Kostaky bỗng cảm thấy một vết cháy nóng bỏng trên ngực, bên trên quả tim. Một thứ hôn mê đang xâm chiếm cả thân xác ông. Ông nhẹ nhàng buông mình xuống bãi cỏ ẩm ướt. Tai ông trước đó đã nghe thấy rõ ràng tiếng la hét của những người nông dân đuổi theo ông và la lớn tiếng: “Chính nó, kẻ sát nhân”. Giờ đây chẳng còn nghe thấy gì nữa.

Tai của Ion Kostaky chỉ còn nghe một tiếng gầm thét, như tiếng gầm thét của một chiếc chong chóng phát xuất từ đầu óc ông ta và càng lúc càng nhỏ dần lại.

Kostaky tự hỏi: “Chính mình là tội phạm ư? Chính mình mà cả làng đã săn đuổi đó ư? Chính mình mà người ta đã muốn bắn hạ ư?”

Vào lúc đó thân xác của Kostaky nằm duỗi ra đất, trong vũng bùn. Ông ta giãy giụa. Ion Kostaky muốn biết phải chăng chính ông mà cả làng đã đuổi theo vừa lớn tiếng la: “Kẻ tội phạm đây rồi!” Ion Kostaky muốn biết tại sao nông dân làng Piatra lại để cho nhà ông cháy. Ông ta muốn biết tại sao cả làng lại săn đuổi ông như một tên sát nhân thật sự. Đó là ý nghĩ độc nhất trong khi thân xác ông còn giãy giụa. Kostaky cảm thấy hơi sức của mình đã tan biến cùng với máu của mình. Ông ta nằm sóng sượt trong vũng bùn, má phải úp xuống đất ẩm ướt. Hơi mát của đất làm cho ông cảm thấy dễ chịu. Đất làm thành một miếng băng trên má phải Kostaky. Ông cảm thấy miếng băng này bao choàng cả ngực và vai mình. Thân xác ông đấu tranh, giãy giụa như để càng lún sâu hơn xuống mảnh đất mát mẻ và dễ chịu. Đó là đất của

làng Piatra, quê hương ông, một thứ đất có mùi vị lạnh lạnh và tươi mát. Mảnh đất đã in hình thái bộ mặt và hai bên thái dương của Kostaky như thể để chẳng bao giờ quên. Mảnh đất đã in và giữ lại dấu vết của đầu, vai, cằm và mắt của Ion Kostaky. Những dấu vết đã được đào sâu xuống đất, trộn lẫn với máu. Mảnh đất không muốn quên ông ta; nó muốn giữ lại hình hài đang giấy giụa đã được in sâu xuống đất. Và Kostaky ngất đi, mọi ý nghĩ của ông đều hướng cả về ngôi nhà đang bốc cháy của ông, mà chẳng ai làm gì để cứu chữa, về những người nông dân đang chạy trước mặt ông vừa la lớn: “Tên tội phạm đây rồi,” và chẳng còn gì nữa.

Khi tỉnh dậy Ion Kostaky nhớ lại lời cầu kinh của mục sư Thomas Skobai, lúc nhóm bảy người của ông ra đi, lúc họ dừng chân trên đỉnh đồi, ngôi nhà bốc cháy, lúc ông hồi hải trở về băng qua những khu vườn. Tất cả những sự kiện đó đều có thật. Tiếp theo ông nhớ những tên vệ binh đã bắn xối xả vào ông và những người nông dân đuổi theo ông vừa la lớn: “Tên sát nhân đây rồi”.

“Chuyện này thì không thể là sự thật được.” Ông tự nhủ. “Ta nằm mơ rồi.”

Ông cảm thấy vết thương, vết thương thì có thật. Ông nghĩ đến nhà ông bị cháy mà chẳng ai buồn cứu chữa. “Không thể thể được, không thể thể được, ta đã nằm mơ những chuyện đó thôi.”

Trong bóng tối, ông lết đi trên cỏ. Ông bò lết đi. Ông nhìn thấy ngôi nhà của ông nhưng nhà của Marie thì đã biến mất. Chỉ còn lại một đồng tro tàn.

“Vết thương có thật. Nhà của ta cũng cháy thật”. Ông buồn bã. “Thế thì tất cả đều có thật. Những người nông dân đuổi theo ta miệng la lớn: ‘Tên tội phạm đây rồi’ cũng có thật”.

“Đúng là sự thật rồi. Tất cả. Đáng ra tất cả những sự kiện đó không thể là sự thật, nhưng lại là thật một trăm phần trăm”.

Kostaky suy nghĩ một lúc. “Những người nông dân Piatra đã đốt nhà của con ta và đã săn đuổi để giết ta. Họ gọi ta là tên tội phạm.”

Kostaky quay mình trườn về phía sau và hướng vào rừng. Tất cả những vết thương của ông đều lở lói và chảy máu, nhưng vết thương lòng của ông càng chảy máu nhiều hơn.

Một ý nghĩ chợt đến trong đầu ông.

“Giờ này Marie và Pillat đang ở đâu? Cả Vornik và những người anh em bà con của ta đang ở đâu? Còn Ileana đang ở trong tình trạng nào đây?”

Ion Kostaky trườn mình về phía rừng. Ông không muốn trở lại cái làng đã đốt nhà và săn đuổi để hãm hại ông. Mặt trời đã mọc. Kostaky vẫn tiếp tục bò vào rừng.

Tại làng Piatra, những người nông dân suốt đêm không ngủ, nhìn thấy chiếc xe hơi của Boris Bodnariuk xuất hiện. Với đôi ủng màu đen, chiếc áo choàng bằng da và chiếc khăn quàng cổ màu đỏ, hắn bước vào văn phòng ủy ban nhân dân xã chẳng thèm nhìn ai, và cũng chẳng thèm trả lời trước những câu chào hỏi.

Hắn thân nhiên nghe Serghei Severin báo cáo tình hình.

Boris Bodnariuk không tỏ ra tức giận về những gì đã xảy ra hôm qua.

— Những kẻ chạy trốn rồi sẽ trở về lại. - Hắn nói - Và chúng ta sẽ bắt giữ họ. Những người nông dân luôn tìm về làng của mình. Nông dân là loại thú vật đàn độn nhất trong vũ trụ. Họ là tội mọi của chính đất đai của mình. Họ không thể sống xa chúng được.

— Đồng chí muốn tra hỏi tên mục sư không? - Severin hỏi.

— Không cần thiết.

— Còn Ileana Kostaky?

— Giải họ đến nhà giam thành phố Molda. Họ sẽ bị truy tố về tội giúp đỡ kẻ thù. Họ sẽ phải chết rục xương trong tù.

Những người nông dân nhìn thấy hai tên vệ binh nhân dân dẫn mục sư Thomas Skobai và Ileana Kostaky ra khỏi văn phòng ủy ban nhân dân xã. Hai tay bị còng, họ đi bộ hướng về phía thành phố. Mục sư bước đi, đầu ngẩng cao, bởi vì ông ta chẳng nhìn thấy gì cả, bên phải cũng không mà bên trái cũng không. Đi bên cạnh ông bà Ileana thì không ngớt khóc than, bởi vì cũng giống như vị mục sư, ông ta chỉ nhìn thấy ngôi thánh đường của ông, bà Ileana cũng chỉ nhìn thấy Ion Kostaky, Marie và Pierre. Bà là một người đàn bà. Tất cả những gì hiện hữu trên trái đất, Ileana Kostaky chỉ còn nhìn thấy ngôi nhà, chồng và các con của mình. Vị mục sư cúi mui bên cạnh bà chỉ nhìn thấy ngôi nhà của Chúa, còn bà một người đàn bà yếu ớt, bà

chỉ nhìn thấy ngôi nhà của chính mình.

Vị mục sư đui mù có thể mang theo mình vào chốn ngục tù ngôi nhà của Chúa Tối Cao mà không sợ ai bắt ông phải vứt bỏ lại đằng sau. Còn Ileana Kostaky thì mỗi bước chân đã làm cho bà phải rời xa ngôi nhà thân yêu của mình. Chính vì thế mà sự ra đi khỏi làng đã làm cho bà đau đớn như một vết thương trên chính thân xác mình vậy. Xiềng xích của bà thật nặng nề.

Đằng sau những chiếc cửa sổ nhà mình, những người nông dân lặng lẽ nhìn, sợ hãi. Những người đàn bà đã không cảm được nước mắt. Chỉ trong khoảng thời gian một đêm và một buổi sáng mà ba nông dân đã biến khỏi làng Piatra, và một số khác đã trốn thoát, không biết ở nơi đâu trong rừng núi.

Ion Kostaky đã biến mất. Ileana và mục sư Thomas Skobai bị dẫn đi khỏi làng, hai tay bị xiềng khóa. Marie và Pierre Pillat cũng biến mất vào rừng.

— Đồng chí để xe gắn máy lại cho người đến thay thế đồng chí. - Boris Bodnariuk nói với Serghei Severin vừa bước ra khỏi văn phòng ủy ban nhân dân xã - Bởi vì đồng chí sẽ không còn cần đến nữa. Tại quê hương của chúng ta, người ta sẽ bố trí cho đồng chí công việc đơn giản hơn, ít phức tạp hơn, bởi lẽ đồng chí cũng không hoàn thành công tác đầy ải tội nhân.

Và những người nông dân đã nhìn thấy Serghei Severin ra đi không có chiếc xe gắn máy.

Đêm hôm đó, trẻ con của làng Piatra đã khóc trong giấc ngủ. Trong đêm khuya, một con mèo xuất hiện không biết là từ nơi đâu. Nó đến trên nền nhà cũ của Pierre và Marie Pillat. Nó dừng lại trong khoảnh khắc, nhưng tro tàn hãy còn nóng bỏng và con mèo vừa thoát khỏi cuộc tàn sát không biết bởi phép lạ nào, biến mất trong đêm tối.

PHẦN IV

CUỐN SÁCH NÓI VỀ NỖI TỬ NHỤC

I

Pierre và Marie Pillat nhìn thật lâu chiếc xe tải lớn chở Ante Petrovici và những người tị nạn khác thuộc các quốc gia đồng minh rời khỏi trại. Hai người bỗng cảm thấy cô đơn trong một xứ sở xa lạ mà ở đó họ không quen biết ai, cũng như chưa bao giờ đặt chân đến. Nỗi sợ hãi xâm chiếm họ. Họ không có tiền, cũng không có chỗ trú ẩn.

— Chúng ta đã tính sai khi rời bỏ cánh rừng. - Pierre thốt lên - Bây giờ thì chúng ta đi đâu và làm gì đây?

Anh cho tay vào túi áo và tìm thấy hai tờ giấy bạc một trăm đồng Mark. Anh biết rõ xuất xứ của chúng. Trước khi ra đi, tiến sĩ Ante Petrovici đã nhét chúng vào túi áo anh. Số tiền này đã giúp anh lấy lại can đảm. Họ tiến về nhà ga và nghiên cứu bản đồ. Thành phố được biết đến nhiều nhất và gần nhất là thành phố Heidelberg^[14]. Và thế là họ leo lên tàu hỏa.

— Heidelberg là một trung tâm văn hóa. - Pillat nói - Anh sẽ tìm được việc làm ở trường đại học, cũng có thể trong một thư viện, hay một nơi nào đó, điều đó không mấy quan trọng.

Họ lại tiếp tục nói về Ante Petrovici. Trông họ tràn trề hy vọng. Vừa đến Heidelberg, họ đã có một lộ dự tính về tương lai. Họ dừng chân bên bờ sông Neckar, ở đây người ta đang xây cất một cây cầu.

— Anh sẽ đến đó xin một chân thợ. - Pillat nói - Ngay ngày hôm nay. Chúng ta không nên để mất một phút nào cả. Còn những chuyện khác chúng ta sẽ ràng thu xếp sau.

Anh để Marie ngồi lại trên một chiếc băng dài, rồi một mình đi xuống xưởng xây cất nằm trên bờ sông. Lúc bấy giờ là buổi chiều.

— Chúng tôi đang cần công nhân. - Ông chủ xưởng nói - Chúng tôi trả tiền công hậu. Ngoài tiền lương công nhân còn được ăn xúp và hút thuốc lá. Anh có thể đến làm ngay sáng mai.

Pillat rất sung sướng. Anh cho rằng đã gặp được nhiều may mắn.

— Anh chỉ cần mang cho tôi giấy chứng nhận cư trú tại Heidelberg là đủ. Chỉ có thế và tôi sẽ nhận anh vào làm việc.

Pillat cảm ơn ông ta và vội vàng chạy đi báo cho Marie biết tin vui ấy.

— Ta đi thôi em. Chúng ta đi xin giấy chứng nhận cư trú. - Anh nói - Văn phòng cấp giấy cư trú gần đây thôi.

Marie lại mang túi xách hành lý lên.

Họ phải đợi một lúc trước khi được người nhân viên văn phòng cư trú tiếp.

Ông ta lịch sự mời họ ngồi và họ bỗng cảm thấy lại được thâm nhập vào cuộc sống.

— Anh sẽ có giấy chứng nhận cư trú ngay. - Người nhân viên nói - Nhưng anh phải có giấy xác nhận đã có việc làm.

— Tôi đã thưa chuyện với ông trưởng xưởng xây cất cầu. - Pillat nói - Ông ta cho biết là sẽ nhận tôi vào làm ngay sau khi có giấy chứng nhận cư trú.

— Anh phải có giấy xác nhận đã có việc làm. - Người nhân viên nói.

— Việc làm thì tôi đã tìm được rồi, người ta có thể cho tôi giấy xác nhận. Tôi sẽ mang giấy đó lại cho ông trong vòng mười phút thôi. - Pillat nói.

— Tôi không thể cấp cho anh giấy cư trú nếu anh không có giấy chứng nhận đã có việc làm.

Người nhân viên văn phòng cư trú là một người tị nạn Đức, thuộc vùng bị người Nga chiếm đóng. Ông ta hiểu rõ sự mệt mỏi và nỗi thất vọng của Pillat và Marie.

— Anh chị không thể tìm được việc làm nếu không có chứng chỉ cư trú. - Ông ta nói - Nhưng không có giấy chứng nhận đã có việc làm thì người ta không cấp giấy cư trú, không cấp thẻ lương thực, không cấp chỗ ở, không cấp gì hết.

— Người ta cấm chúng tôi cư ngụ tại đây sao? Tại Heidelberg sao?

— Trên lý thuyết người ta không cấm, nhưng trên thực tế, việc anh chị xin cư ngụ tại đây là việc không thể được. Tại sao anh chị không thử tìm những thành phố khác? Heidelberg là một thành phố quá đông người. Người ta chỉ cho những người cư ngụ tại đây có công việc làm mà thôi. Tóm lại chừng nào anh mang lại cho tôi giấy xác nhận đã có công việc làm, thì tôi mới cấp cho anh giấy chứng nhận cư trú.

— Tôi thử lại xưởng xây cất một lần nữa xem sao. - Pillat nói.

Anh lại xuống bờ sông Neckar sau khi để Marie ngồi lại trên chiếc ghế dài.

Người tổ trưởng của nhóm nhân công xây cầu không có mặt tại văn phòng. Pillat ngồi đợi ông ta trong cái lều bằng gỗ.

Marie mệt mỏi. Khi Pillat đi rồi, nàng ngồi dựa đầu vào lưng ghế, tay phải nắm chặt chiếc xách hành lý để sát bên cô vì sợ bị kẻ gian đánh cắp. Nàng thiu thiu ngủ. Marie bỗng cảm thấy một bàn tay sờ vào vai mình. Nàng run rẩy và muốn đứng lên, nhưng bàn tay giữ chặt lấy cô.

Đó là những viên cảnh binh người Đức, với găng tay bằng da, giày bốt bằng da và súng ngắn trong những chiếc túi bằng da. Một trong những cảnh binh giật lấy chiếc túi xách của Marie và liệng lên một chiếc xe cam nhông. Rồi họ kéo tay Marie, đẩy nàng lên theo. Marie muốn gọi Pierre, nàng nhìn về phía xưởng cầu, nhưng chiếc xe chở cô đã bắt đầu nổ máy. Marie la lên. Bàn tay mang găng da bịt miệng nàng lại, nàng muốn cắn nó để có thể la, nhưng bàn tay của người cảnh binh cứng như sắt vậy.

Trên xe còn có những người phụ nữ khác nữa. Họ còn trẻ và môi son đỏ choét. Họ nhìn Marie với vẻ tò mò.

Marie cảm thấy sức nặng bàn tay không chỉ trên miệng mà trên cả toàn thân mình. Nàng cảm thấy bàn tay đeo găng đè nặng trên toàn thân mình nhưng nhất là trên hai cái vú.

Chiếc xe dừng lại trước sân của một ngôi nhà. Cảnh binh dẫn những người đàn bà vào nhà trong một phòng trống. Marie thì khóc nức nở.

— Chị đến bệnh viện lần đầu tiên à? - Một cô trong đám hỏi Marie.

— Đây là bệnh viện à? (Marie lau nước mắt). Tại sao người ta đưa tôi đến bệnh viện?

— Nếu chị không bị gì cả, người ta sẽ thả chị về.

Marie ngồi sát vào hai túi xách hành lý. Chúng chứa đựng những gì vợ chồng nàng có được. Chúng có mùi da thịt của nàng và chồng nàng. Trong nhiều tháng qua vợ chồng nàng đã dùng chúng để gói đầu. Giờ đây Marie ôm chặt chúng vào lòng và khóc. Nàng nghĩ đến chồng nàng với vẻ mặt hốt hoảng lo âu khi không tìm thấy nàng trên chiếc ghế dài trên bờ sông.

Nàng muốn van xin người ta cho nàng đi khỏi đây, nhưng không còn ai làm việc cả. Và suốt đêm nàng chỉ còn biết ôm chặt hai chiếc túi xách mà khóc.

Sáng sớm hôm sau, những người đàn bà sắp thành hai hàng và người ta dẫn đi tắm.

— Thôi đừng khóc nữa. - Một người đàn bà đứng cạnh chị nói lớn - Tôi cũng có hai cháu hiện đang ở nhà một mình vậy, mà tôi có khóc đâu. Phải can đảm mới được.

— Tại sao chúng ta lại bị bắt? - Marie hỏi.

— Chúng ta không bị bắt. Đây chỉ là một cuộc bố ráp. Chị chưa bao giờ bị bắt trong một cuộc bố ráp sao?

— Chưa. - Marie nói - Tại sao lại bị bắt trong một cuộc bố ráp?

— Tất cả phụ nữ đều bị bắt. Đó là chuyện bình thường, nhằm đề phòng họ không truyền bệnh sang cho binh sĩ Mỹ. Bất cứ người phụ nữ nào ở ngoài đường cũng có khả năng truyền bệnh cho binh sĩ Mỹ. Tôi bị tóm bốn lần rồi. Còn chị? Chưa bao giờ à? Tại sao?

Marie bỗng cảm thấy gần như có lỗi vì nàng chưa bao giờ bị bắt giữ trong một cuộc bố ráp.

— Tôi không ở thành phố này. - Marie trả lời.

Bây giờ họ đang ở trong gian phòng của tầng lầu một.

— Nếu chỉ ở lại thành phố này, chị sẽ có dịp trở lại nơi này. Lần tới chị sẽ không khóc nữa.

Sau khi tắm xong, họ được dẫn đến một hành lang. Lần lượt từng người được gọi tên vào phòng khám. Marie nghe gọi đến tên mình. Nàng bước vào một căn phòng, có hai người đàn ông mặc áo blu trắng đang khám cho một người đàn bà nằm trần truồng trên một chiếc bàn trắng.

Những người đàn ông tay mang găng cao su. Họ có vẻ không hài lòng.

— Tại sao cô chưa cởi quần áo ra? - Một trong hai người đàn ông hét lớn. (Ông ta có một giọng nói thô bạo và đánh đá mà Marie chưa bao giờ nghe thấy) Cởi quần áo ra ngay.

Marie muốn bị đánh đập hơn là nghe mệnh lệnh này.

Nàng cảm thấy bàn tay cô y tá đặt lên vai mình. Tiếp theo là một bàn tay khác nữa. Hai cô y tá cởi bỏ áo quần nàng ra vừa mắng mỏ. Họ mắng nàng lớn tiếng. Marie nhắm mắt lại và cố trì người xuống. Nhưng họ kéo nàng đứng lên, đè nàng nằm dài trên bàn. Marie trần truồng, nàng bắt đầu la hét, chống cự hết sức mình. Những bàn tay xa lạ đã đè nàng xuống, làm cho nàng không còn cử động được. Marie khép chặt hai chân và chống trả mãnh liệt. Những người đàn ông thì giận dữ. Nhiều người đàn bà khác chạy lại. Marie phải chống trả lại với vô số bàn tay. Tiếp đến nàng bỗng cảm thấy một làn mây lạnh tỏa xuống mặt nàng. Nàng không còn chống trả nữa. Thân xác nàng đã thuận phục theo ý muốn của những bàn tay xa lạ. Khi nàng rời khỏi bàn khám, nàng có cảm giác như mới hồi tỉnh.

Nàng cố tìm cách che giấu để khỏi trần truồng trước những người đàn ông xa lạ kia. Nhưng khi nàng cố tìm cách che dấu sự trần truồng của mình, thì tay nàng sờ đúng những gai gồ lờm chờm ngay chỗ chùm lông mịn màng và mềm mại như những sợi chỉ tơ. Người ta đã cạo nhẵn nhụi. Thay vào chỗ những sợi lông mượt mà là những mũi nhọn châm chích vào lòng bàn tay. Marie, tuyệt vọng, mặc quần áo vào.

— Cô có thể đi được rồi. - Cô y tá nói.

Nàng cầm lấy hai chiếc túi xách và cúi đầu đi ra cửa. Nàng cảm thấy hai chiếc túi xách nặng như những tảng đá cối xay. Và mỗi bước nàng đi như có những mũi kim chích. Những cơn khóc nức nở làm thất nhen cổ họng. Nàng có cảm giác như xuyên qua áo quần nàng đang mặc người ta đã nhìn thấy nàng bị cạo nhẵn nhụi. Marie tự cảm thấy mình là người đàn bà bị sỉ nhục nhất trần gian.

Nàng muốn kêu cứu, nhưng chẳng biết kêu ai. Ngay cả việc nghĩ đến chồng nàng, nàng cũng không thể làm nổi nữa.

Nàng đi về phía sông Neckar như một người máy. Nàng muốn trảm mình xuống đó. Những chân lông đâm vào da thịt nàng như những gai nhọn.

— Em đã ở đâu? - Pierre hỏi - Anh tìm em suốt cả đêm. - Em đã đi đâu? - Giọng anh rất khắc nghiệt.

— Em không thể nói cho anh nghe được, anh Pierre à.

(Nàng bắt đầu khóc và cảm thấy những chân lông bị cạo nhẵn nhụi.) Em muốn chết hơn là nói cho anh nghe điều đó.

Pierre cầm lấy tay nàng.

— Em trở về lại Piatra thôi. - Nàng nói - Em không muốn ở lại đây nữa.

II

Pierre Pillat và Marie rời khỏi Heidelberg. Họ không có quyền ở lại thành phố. Họ đi tàu đến Stuttgart. Ante Petrovici đã tiếp đón họ như những người bạn thân. Họ chỉ mới vừa quen biết nhau trong thời gian một đêm, có những cuộc hội ngộ ngắn ngủi, nhưng lại có giá trị hơn cả một cuộc đời sống bên nhau.

Petrovici mời họ ăn bánh mì, thịt hộp và hút thuốc lá. Tổ chức quốc tế của những người tị nạn thuộc phe Đồng Minh cấp cho họ lương thực và nhà ở. Mặc dù vậy, Ante Petrovici ngày càng khập khiễng hơn, điều đó nói lên rằng ông ta đau khổ và tâm hồn đang bị xao động mạnh.

— Trong bất cứ thành phố nào của nước Đức, anh chị sẽ không thể nào được cấp giấy phép cư trú khi không có giấy chứng nhận có công ăn việc làm. - Ông ta nói - Và ngược lại, anh chị sẽ không thể nào kiếm được công ăn việc làm khi không có giấy phép cư trú. Đó là một vòng lẩn quẩn. Trên thực tế, anh chị không được phép cư trú tại đây, nhưng anh chị cũng không có phép rời khỏi nơi này. Mỗi thước đất tại biên giới Đức đều có xe tăng canh giữ. Người ta đóng biên giới bằng dây kẽm gai. Anh chị chỉ còn cách là sống trong không khí. Đáng tiếc là con người không thể sống bằng không khí và trong không khí được.

Để được sống còn, phương Tây đã bán đứng phần nửa châu Âu cho người Xô Viết. Nhiều người của những nước bị bán đứng cho người Nga đã trốn chạy sang phương Tây để thoát khỏi cái chết và nỗi kinh hoàng. Phương Tây là vận may thứ hai của mỗi người dân thuộc các nước đang bị người Nga chiếm đóng. Những kẻ trốn chạy từ những quốc gia này đi ngang qua nước Đức, và tại đây họ đã bị bắt và bị nhốt vào các trại tập trung. Họ không thể nào ra khỏi đây.

— Anh có nghĩ là không còn lối thoát nào nữa không? - Marie hỏi - Chúng tôi không đòi hỏi điều gì to tát cả. Chúng tôi chỉ muốn làm việc. Chỉ có thể thôi. Tôi biết chắc chắn là chúng tôi không thể nào có lại nhà cửa và cuộc sống xưa kia, nhưng xin hãy để chúng tôi sống cách nào cũng được.

— Tôi không phải là nhà tiên tri. - Ante Petrovici nói - Nhưng tôi cho rằng không còn lối thoát nào khác. Châu Âu không còn nữa. Chỉ còn châu Mỹ và nước Nga, và họ đang chia nhau châu Âu. Cả hai, Liên Xô và Hoa Kỳ đều muốn áp đặt cách sống của họ trên toàn cõi địa cầu. Và để thực hiện điều đó, họ muốn xóa bỏ cá nhân. Liên Xô tiêu diệt hàng triệu con người, nhiều giai cấp xã hội. Nước Mỹ không tự tay tiêu diệt những nạn nhân của mình, mà đem họ biếu cho người Nga để họ bị tiêu diệt. Giống như các giáo sư của trường đại học Coimbra, châu Mỹ tưởng là có thể tránh khỏi thảm họa bằng cách thường xuyên thiêu sống một số người nào đó. Họ đã thiêu sống nhiều tù binh người Nga trước mắt chúng ta chỉ vì muốn tránh một cuộc xung đột ngoại giao với những người Xô Viết. Nước Mỹ đã dâng hiến cho người Nga các nước Lithuani và Esthonie để tránh cuộc xung đột chính trị với những người Xô Viết. Nước Mỹ đã hy sinh nước Ba Lan cùng với nhân dân và gia súc của họ để tránh một sự bất đồng ý kiến với nước Nga. Sau đó nước Mỹ đã hy sinh Rumania và những người sống ở đó. Nước Mỹ đã lần lượt hy sinh Tiệp Khắc rồi Hungary.

Marie đã khóc một cách trầm lặng.

— Sự hiểm nguy đã trở nên quá lớn lao đối với mỗi cá nhân, mỗi giai cấp, mỗi dân tộc cho đến nỗi phải tự lừa dối cả chính mình. Thời gian không để một sự trì hoãn nào, không biết đến một sự ngưng đọng nào, không thể có một mưu mô hay một sự ruồng bỏ xảo quyệt nào. Chỉ những người mơ mộng mới có thể tin vào những xảo kế mà thôi.

Lạc quan là một phần nào hèn nhát. Chúng ta được sinh ra trong thời đại này, và chúng ta phải can đảm đi theo con đường đã được vạch sẵn, không còn con đường nào khác. Nhiệm vụ bắt buộc phải tồn tại, ngay cả trong những tình huống xấu nhất, không còn một chút hy vọng nào. Phải kiên trì như người lính La Mã kia mà hài cốt đã được tìm thấy trước cửa thành Pompéi. Anh ta đã chết chỉ vì người ta đã quên đổi phiên gác khi núi Vesuve bắt đầu phun lửa. Duy nhất chỉ có cái chết vinh quang ấy là người ta không thể cướp đi của con người.

— Các bộ phận chính yếu của cơ thể con người, như tim, phổi đều hoạt động một cách tự nhiên. - Pillat nói - Sự khao khát sống, sự hy vọng cũng hoàn toàn tự nhiên. Chấp nhận cái chết chỉ là một điều đối trá trong văn chương chữ nghĩa mà thôi. Người lính La Mã của nhà văn Spengler đã chờ cho nham thạch chôn vùi thân xác mình chỉ là một hư cấu không mấy thật. Khi những người Nga bắt đầu tràn vào đất nước chúng ta như những dòng nham thạch, và khi chúng ta hiểu được rằng họ muốn hủy diệt chúng ta, thì chúng ta đã trốn chạy. Đó là một hành động hết sức tự nhiên của con người trước hiểm họa chết chóc. Chúng ta đã may mắn thoát khỏi những dòng nham thạch nóng bỏng úp chụp xuống chúng ta, thoát khỏi những người Xô Viết, và chúng ta cũng sẽ tìm cách để ra khỏi cái làn lửa này, đó là nước Đức. Nếu không nói đến những gì anh đã suy nghĩ trên cương vị của một con người, thì anh có tìm cách để tự cứu lấy mình, để thoát khỏi nơi đây không? Anh hãy thành thật trả lời đi, anh Ante Petrovici.

— Tôi cũng thế thôi, tôi cũng đang cầu may đây. - Ante Petrovici trả lời.

Ông ta chỉ những bình mực nhỏ, những cục tẩy, những con dấu ở trên bàn.

— Tôi cũng thế, tôi đang tìm cách để thoát khỏi nơi đây, bằng lối thoát duy nhất là đi đâu. Các nước bên kia Đại Tây Dương đã gọi những đoàn đại diện kinh doanh đến nước Đức để tuyển chọn lao động trong số hàng trăm ngàn người tị nạn. Họ tuyển chọn người cũng như mua súc vật, họ chỉ giữ lại những thứ hàng hóa hào hạng thôi. Họ thích những người trẻ.

Tôi đã vượt qua giới hạn tuổi trẻ rồi. Tôi phải làm khai sinh giả, và đó là những gì tôi đang làm đây. Tôi bị khuyết tật. Dưới lòng bàn chân phải của tôi bị thiếu vài ly. Tôi thấp bé hơn một người thuộc loại lý tưởng, loại này phải cao ít nhất là một thước sáu. Tôi theo đạo Hồi. Một người thuộc loại lý tưởng phải theo đạo Thiên chúa. Tôi sẽ phải sửa chữa tất cả những thứ đó. Tôi sẽ làm giấy tờ giả. Tôi rất phân vân. Nhưng cái khó thật ra là cái khác kia. Cái khó là tôi sẽ xa năm mồ châu Âu.

Châu Âu đã chết. Cũng giống như những người trí thức tư sản, tôi tôn thờ những ngôi mộ. Tôi đau đớn khi phải rời xa nó. Châu Âu bắt đầu chết cùng lúc với sự xây dựng những trại tập trung của Đức quốc xã. Châu Âu đã chết với từng người tù binh đã bị Đức quốc xã thiêu hủy, nó đã chết phần nào với sự thiêu hủy Lidia, vợ tôi.

Nhưng thật ra Châu Âu đã trút hơi thở cuối cùng tại Torgau. Tại nơi đó người ta sẽ tìm thấy ngôi mộ của Châu Âu. Đó là một thành phố nhỏ bé trên bờ sông Elbe, ở đó quân đội Nga và Mỹ đã gặp gỡ nhau năm 1945. Chính tại nơi đây, trên thi thể của Châu Âu, những người lính Nga và những người lính Mỹ đã ôm hôn nhau, và đã uống rượu Whisky và Vodka. Bữa tiệc tang của Châu Âu đã được thiết đãi bằng những thứ rượu ngoại chứ không phải rượu của Châu Âu, đó là Whisky và Vodka. Cũng giống như anh và vợ anh, các bạn sẽ không thấy thoải mái bất cứ ở đâu ngoài làng Piatra ở Rumani. Tôi cũng thế thôi, tôi chỉ cảm thấy thoải mái ở Châu Âu mà thôi. Chính vì tất cả những lý do đó mà tôi xem cái cơ may mà người ta dành cho tôi ở đâu đó và vì nó tôi đã đấu tranh, đã giả mạo giấy tờ, như một cơ may không kỳ lạ. Sự lưu đày ra khỏi xứ sở của tôi đã là phần đầu của cuộc lưu đày ra khỏi Châu Âu.

Một người đàn ông thanh lịch xách chiếc cặp da bước vào phòng. Ông ta bắt tay Ante Petrovici, lạnh lùng chào Marie và Pierre.

— Tôi vừa được bầu làm cố vấn chính trị về những vấn đề thuộc bán đảo Balkan cho bộ tư lệnh Mỹ tại Châu Âu.

— Với tất cả những lời chúc mừng của tôi. - Ante Petrovici nói. Tiếp theo ông giới thiệu người mới đến với Marie và Pillat. - Một trong những người đồng hương của anh chị, ông Aurel Popesco.

— Rất hân hạnh. - Popesco nói - Tôi rất hân hạnh được biết ông bà.

Nói xong Popesco nhanh chóng rời khỏi phòng, nhưng đến ngưỡng cửa ông ta quay lại.

— Hội đồng Canada sẽ đến ngày mai, thưa ngài tiến sĩ. - Ông ta nói - Và việc tuyển mộ những người di dân sẽ bắt đầu vào lúc tám giờ sáng. Nếu ngài muốn đến trình diện, xin hãy thức dậy sớm.

— Aurel Popesco thuộc thành phần của những công dân được ưu đãi. - Ante Petrovici nói - Ông ta có thể là nạn nhân phát xít, và do đó ông ta được bầu làm cố vấn cho bộ tư lệnh Mỹ. Ông ta là một trong những thủ lĩnh của phong trào phát xít tại Rumani. Chắc chắn anh phải biết ông ta. Ông ta đã phạm nhiều tội ác và có nhiều hành động man rợ, vô nhân đạo, ông ta phải trốn qua Đức. Người Đức đã bắt nhốt ông ta vào ngục Buchenwald cùng với những tên phát xít khác đã trốn khỏi Rumani. Người Mỹ đã giải thoát tất

cả tù binh của ngục Buchenwald và cấp cho họ thẻ “nạn nhân phát xít”. Trong chủng loại này có những tội phạm vì quá lạm dụng chủ nghĩa phát xít. Đó là trường hợp của Aurel Popesco.

Ante Petrovici ngừng kể và nói với Pillat.

— Ngày mai anh phải đến trình diện đúng giờ trước hội đồng Canada. - Ông nói - Tôi không thể đến đó, tôi chưa ngụy tạo đầy đủ các giấy tờ cho tôi. Tôi rất tiếc vì không biết bao lâu nữa mới có hội đồng kế tiếp, nhưng anh thì anh phải đến đó. Anh sẽ ngủ lại đây và ngày mai tôi sẽ dẫn anh đến đó.

III

Bây giờ sáng hôm sau, Pillat và vợ đã có mặt trong hàng người đứng đợi trước hội đồng Canada. Những ứng viên làm thành một khối xám xịt gồm những người đàn ông tuyệt vọng, đủ mọi lứa tuổi, thuộc mọi quốc tịch. Tất cả họ chỉ có chung một mơ ước: trở thành người tiểu phu ở Canada.

Đó là những người xưa kia cũng có nhà, có nghề nghiệp, có gia đình như bao nhiêu người khác. Ngày Chiến thắng, quê hương của họ bị những người Xô Viết chiếm đóng. Và họ buộc lòng phải trốn đi, phải bỏ lại tất cả, nhà cửa, gia đình, súc vật.

Bây giờ thì họ đã trở thành một thứ giai cấp vô sản chính hiệu nhất của thế giới. Và những người vô sản như thế đó hiện có hàng trăm triệu trên các nẻo đường. Mắt nhìn xuống đất, họ chờ đợi cơ may được tuyển chọn đi Canada, nhưng thật là khó khăn. Giữa hàng trăm triệu người vô sản đang mơ ước đợi chờ, những người Canada chỉ chọn những người lý tưởng nhất.

Đến chín giờ, đoàn xe của hội đồng Canada xuất hiện. Những chiếc xe rộng và to như những con bò, vừa di chuyển vừa kéo còi inh ỏi giữa đám người vô vọng đang đợi chờ.

Liên sau đó việc gọi tên những ứng viên bắt đầu. Người ta gọi từng nhóm mười người. Khi bước vào phòng, Pillat ngửi thấy mùi nước hoa, mùi thuốc lá thơm và mùi xà phòng thơm. Đó là dấu hiệu sự hoàn hảo của những tên lái buôn này.

Ba tên người Canada nhìn một cách soi mói từng ứng cử viên từ chân đến đầu như thể người ta quan sát một con ngựa được đem bán vậy. Những người lái buôn sẽ trả tiền vận chuyển cho mỗi người đi trú.

— Quốc tịch của ông?

— Tôi là người Rumanian. - Pierre Pillat nói.

Cũng giống những hội đồng khác, hội đồng Canada thích những giống dân miền Bắc hơn. Người phương Bắc khỏe mạnh hơn. Họ không nổi loạn và sống lâu hơn.

— Nghề nghiệp của ông? - Tên lái buôn hỏi vừa tiếp tục quan sát Pillat.

— Luật gia kỳ cựu. - Pillat nói.

Anh cảm thấy điều anh vừa nói không làm vừa lòng hội đồng.

Mọi người nhìn anh không hài lòng.

— Người tiếp theo. - Tên lái buôn ngồi giữa hô lớn. Hấn ra dấu cho Pillat đi ra.

— Ông không nhận tôi à? - Pillat hỏi.

— Phần anh đã xong. - Tên Canada trả lời một cách nghiêm khắc, bức tức vì câu hỏi của Pillat.

— Tôi muốn biết xem tôi có được nhận hay không.

— Chúng tôi không nhận ông. - Tên Canada trả lời.

— Các ông thấy tôi có khuyết điểm gì nào?

— Chúng tôi không nhận những người trí thức. Ông có thể đi được rồi. - Tên lái buôn nói.

Từ “trí thức” được thốt lên với vẻ căm thù thô bạo.

— Các ông cho rằng người trí thức không thể đồn cây ở Canada sao? - Pillat hỏi.

Giọng anh bỗng trở nên khản khản.

— Xin các ông nhân từ và nhận cho tôi cùng đi. Tôi van xin các ông.

— Không. - Tên lái buôn trả lời.

— Các ông trách cứ gì ở người trí thức nào? Chúng tôi cũng có thể làm công việc như những người khác.

— Các ông không thể làm được công việc. - Tên lái buôn nói. - Trí thức các ông không thể lao động được. Người trí thức không có bắp thịt. Ông có thể đi được rồi. Ông đã bị từ chối rồi đó.

Pillat bước ra. Anh không còn gì để hỏi nữa. Anh đã được thuyết phục rồi. Anh rời khỏi văn phòng hội đồng mà không nhận ra mình đã đi qua những đâu. Anh đã đi ra bằng lối cửa khác. Marie đợi anh ở ngoài

đường. Nàng đã chạy như bay về phía anh, mặt hồng lên vì sung sướng. Marie ôm hôn anh và đu người lên cổ anh.

— Em được nhận rồi. - Nàng nói - Nhóm của em gồm mười ứng viên và chỉ mình em được nhận.

Marie ôm chặt Pillat trong vòng tay. Kể từ khi trốn thoát khỏi làng Piatra, đây là lần đầu tiên nàng cảm thấy sung sướng thật sự.

Nhưng trong niềm hân hoan sung sướng của chính mình, nàng có cảm giác là vai, mặt, cổ của chồng nàng giá lạnh, tê liệt không còn sức sống.

— Họ không nhận anh à? - Nàng sợ hãi hỏi Pillat.

— Không. - Anh nói - Họ không nhận trí thức. Trí thức thiếu bắp thịt.

IV

Trong khi Pierre Pillat và Marie rời xa dãy nhà của hội đồng, thì một nhóm mười người khác bước vào văn phòng hội đồng Canada. Trong đó có một người khỏe mạnh, đã luống tuổi. Ông ta bước vào văn phòng, xúc động, nhưng bước đi vững vàng, tin tưởng. Ông ta cúi đầu trước ba người Canada giống như ông ta đã có thói quen cúi đầu trước vị mục sư ở làng ông.

— Ông người nước nào? - Tên lái buôn Canada hỏi.

Người nông dân có đôi mắt đen lờng lự một giây rồi nói:

— Tên tôi là Ion Kostaky. Tôi là người Rumani. Tôi được bốn mươi tuổi. Tôi là dân cày ruộng, và ngoài những chi tiết trên tôi không hề biết thêm một tiếng Đức nào nữa.

Kostaky đọc lại bằng tiếng Đức những câu chữ của ông không sai một lỗi như thể ông đọc thơ vậy. Ông nhìn ba người ngồi đối diện với mình để xem họ sẽ quyết định thế nào. Ông đã chờ đợi như chờ đợi ngày phán xét cuối cùng vậy.

Cả ba người nổi lên cười.

— Ông đã học những chữ này ở đâu thế? - Tên ngồi giữa hỏi.

Ion Kostaky muốn đoán nghĩa câu hỏi, nhưng ông đã không đoán nổi. Tuy thế, ông nhận thấy là ba người đang ngồi ở bàn trước mặt ông đang nhìn ông chăm chú, và không có vẻ gì thù hận cả. Ông ta bắt buộc phải trả lời. Ông nuốt nước miếng và đọc lại câu trả lời duy nhất mà ông đã thuộc lòng:

— Tôi tên là Ion Kostaky. Tôi là người Rumani. Tôi được bốn mươi tuổi. Tôi là dân cày ruộng, và ngoài những chi tiết trên tôi không hề biết thêm một tiếng Đức nào nữa.

— Hoan hô! - Những tên lái buôn la lớn. - Hoan hô, tuyệt lắm! (Chúng cười lớn tiếng) Đó chính là một công dân ưu tú tương lai của Canada. Ông đã được chấp nhận rồi đây.

Ion Kostaky nhìn họ. Ông thấy họ vui mừng nhưng không hiểu gì về những điều họ nói.

— Ông đã là người Canada rồi, ông hiểu không? - Vị chủ tịch nói.

Kostaky nhìn thấy ngón tay của tên lái buôn chỉ vào mình và nghe được tiếng Canada. Ông hiểu là ông đã được nhận rồi. Trong thâm tâm ông cảm ơn Chúa. Sau đó ông nghiêng mình trước hội đồng, như xưa kia ông đã nghiêng mình trước vị mục sư Thomas Skobai ở Piatra, và tỏ ý muốn ra khỏi văn phòng.

Người thư ký hội đồng nắm vai ông và giải thích:

— Ông rất dễ mến. Ông sẽ ăn và ngủ tại đây. Sau đó ông sẽ đi Canada với các ông đây. Trong lúc chờ đợi hội đồng sẽ muốn ông.

Kostaky được dẫn xuống nhà bếp của hội đồng Canada. Người ta cho ông ăn và thuốc hút. Ông xem như đã vượt qua mọi khó khăn trở ngại. Nhưng thay vì sung sướng hạnh phúc, mặt ông ngập đầy nước mắt.

Ileana, ngôi nhà ở làng Piatra, Marie, con gái của ông, Pierre. Tất cả hiện ra trong trí nhớ ông. Không làng xóm, không gia đình, không nhà cửa, thì cũng không có một niềm vui nào nữa. Kostaky không thể ăn được. Ông nhìn ra ngoài cửa sổ qua màn nước mắt. Ông ước chừng nhìn thấy làng cũ, ngôi nhà của ông, đoàn gia súc của ông, tất cả những người thân yêu của ông, nhưng chỉ có những người xa lạ qua lại trước cửa sổ, chỉ toàn những người xa lạ.

Tất cả những người tị nạn rồi sẽ gặp nhau tại Đức bất kể họ khởi hành từ đâu.

Pillat gặp lại Motok. Viên Schaffner ăn bận rất thanh lịch. Hắn có một chiếc đồng hồ vàng, một cặp xách bằng da và hắn hút thuốc lá Mỹ. Cùng với Aurel Popesco, các ông Salomon và Varlaam hắn buôn bán hàng lậu. Thế nhưng hắn cũng muốn ra đi.

Tại Đức, người ta có thể hoặc chết đói hoặc buôn bán chợ đen và sau đó đi tù. Vì thế Motok tới trình diện cùng lúc với Marie, Varlaam, Pierre Pillat và Ante Petrovici trước ủy ban Úc vừa mới đến Stuttgart.

Theo thói quen, tiến sĩ Ante Petrovici lại phán xét về các vấn đề thời sự nóng bỏng.

— Châu Âu là một lục địa bị mất gốc hơn cả. - Ông nói - Châu Âu bán dân mình theo đơn vị thước và ký cho những lục địa khác. Tất cả những ủy ban vừa đến kia đều mua chúng ta theo thước và ký. Trong bản chất con người không gì làm cho các ủy ban đó thích thú cả, ngoại trừ trọng lượng và chiều cao.

Họ được mời bổ sung các mẫu khai lý lịch. Tiếp đó họ được đưa vào một phòng rộng chứa đựng dụng cụ y khoa. Tại đây họ sẽ được cân, đo, khám bệnh. Phụ nữ đứng một bên, đàn ông một bên. Việc khám xét những người đăng ký di tản bắt đầu như trong một bệnh viện.

— Không được để giấy tờ các ông bà xuống đất, có vi trùng đấy. - Một cô y tá người Anh lễ phép nói.

Ante Petrovici giữ giấy tờ của mình giữa hai hàm răng và cởi bỏ quần áo. Tất cả những người dự tuyển bây giờ đều trần truồng trước ba cô y tá tóc vàng hung hơi nâu sẫm và trước những y cụ trắng tinh. Những y cụ đang chứng kiến họ đứng trần truồng chờ đợi, những người tị nạn như thoáng thấy miền đất Úc châu như là miền Đất hứa vậy^[15].

— Ông hãy siết chặt, siết chặt hết sức ông đi! - Một cô y tá nói.

Ante Petrovici giữ trong bàn tay phải của mình một cái máy hình chuỗi kiềm và siết lại.

Cô y tá cười:

— Ông chưa bao giờ đo lực của bắp thịt ông à? - Cô ta hỏi Ante Petrovici.

Tiếp theo, cô đưa máy cho Pillat và anh cũng siết mạnh hết sức mình. Đường đến Úc châu phải vượt qua cái máy này.

Sau khi được đánh giá về sức mạnh của bắp thịt, mười người đàn ông trần truồng bị cô y tá dùng một dụng cụ không lớn hơn cái thìa tráng miệng chích vào đầu ngón tay trở. Mỗi người được lấy một giọt máu và máu này được ép vào những miếng kính nhỏ nhỏ hình vuông. Không ai có thể đi qua Úc mà không phải cho một giọt máu.

Ante Petrovici run rẩy, ông cảm thấy sợ hãi. Pillat nhìn những miếng kính có dán tên được đặt ngay hàng trên mặt bàn trắng mang những giọt máu của anh và các bạn đồng hành.

Cô y tá tiến lại gần, tay cầm một ống chích.

— Không đau đâu! - Cô nói.

Tiếp đó, cô rút máu từ tĩnh mạch tay trái của mỗi người. Máu được cho vào các ống nghiệm có dán tên.

Còn một thử thách nữa. Người ta lịch sự mời người tị nạn thối vào trong một cái ống cao su nối liền với một thiết bị hình dạng một bình bơm hơi rửa ruột. Máy này đo khả năng hô hấp của phổi.

Sau đó là cuộc thử thách quyết định đối với Ante Petrovici. Mặt ông xanh mét khi ông tới đứng dưới cái thước đo chiều cao. Pillat quan sát Ante Petrovici xem ông ta thóp bụng và nhón chân lên như thế nào.

— Ông hãy đứng bình thường cho! - Cô y tá ra lệnh.

Ante Petrovici thóp bụng và cố nhón chân cao dần lên. Ông cần kiểm thêm vài phân nên gắng hết sức mình làm cho dài người ra.

Cô y tá đọc to số đo chiều cao của Ante Petrovici. Trông ông hớn hờ, phơi phới. Ông đã thắng.

— Tôi chỉ cần hai phân. - Ông ri tai Pillat - Chỉ hai phân thôi và tôi đã có được.

Ông ta thật xem hoan hỉ. Người ta cần những kẻ dự tuyển và dẫn từng người một vào sau một bức màn đen, nơi đó đã sẵn máy chụp X-quang. Đó là thiết bị màu đen duy nhất trong cả căn phòng. Pillat, Motok, Ante Petrovici đều đi qua trước máy. Họ cảm thấy găng tay cao su của bác sĩ sờ lên vai họ, kẻ đó là tấm băng lạnh ngắt áp vào ngực. Tất cả những động tác đó đều diễn ra trong bóng tối. Hai phút cho mỗi người. Đến lượt trung úy Varlaam. Đó là nhà thể thao duy nhất trong số những người dự tuyển. Thân hình ông rất vạm vỡ. Da ông ngăm ngăm màu đồng.

— Ông nằm bệnh viện bao nhiêu lâu? - Bác sĩ hỏi.

Ông ta xem xét phổi của trung úy Varlaam qua quang tuyến X.

— Tôi chưa bao giờ nằm viện cả! - Varlaam vừa nói vừa rời khỏi bức màn đen.

Bác sĩ khám xét lần da ngực của Varlaam và ngừng tay lại trên một vết sẹo.

— Ông bị thương ở chỗ này. Sao ông lại chối là chưa bao giờ nằm viện? - Bác sĩ hỏi.

— Tôi chưa bao giờ nằm bệnh viện. - Varlaam lại nói - Cái mà ông thấy chỉ là một vết trầy xước thôi. Tôi là phi công. Một hôm, tôi bị trúng một mảnh vỡ nhưng tôi đã không bị thương. Chỉ có áo khoác của tôi bị cháy, còn tôi chỉ bị sây sát. Người ta đã dùng *teinture d'iode* để rửa và dùng vải bông băng lại cho tôi. Hôm sau, tôi lại đi làm nhiệm vụ. Căn cứ vào đâu mà ông bảo tôi bị thương?

— Trong phổi ông có một vật thể lạ. - Bác sĩ nói - Đúng ngay chỗ có vết sẹo. Có thể đó là một mảnh đạn rất nhỏ.

— Nếu tôi có một mảnh đạn ở trong lồng ngực, - Varlaam nói, giọng chế giễu - thì tôi phải cảm thấy nó chứ? Tôi nghĩ là bất cứ ai cũng cảm thấy được khi một mảnh vỡ chui vào phổi mình.

— Tôi sẽ chụp hình phổi cho ông và ông sẽ tận mắt nhìn thấy.

Varlaam lại được dẫn vào sau bức màn đen. Người ta chụp hình phổi của ông. Những người tị nạn khác mặc lại áo quần.

— Ông cũng mặc áo quần vào! - Bác sĩ bảo Varlaam.

Khi Varlaam mặc xong quần áo thì tấm hình phổi cũng đã rửa xong. Bác sĩ đưa nó ra gần cửa sổ và chăm chú xem.

— Nếu như tôi có một mảnh vỡ ở trong phổi thì tôi đã không làm sao hoàn thành được hàng nghìn phi vụ trên tuyến đường bay của kẻ thù ở bên Nga, và tôi làm sao có thể nhận cả nửa tá huy chương được? - Varlaam bức tức nói.

— Ông hãy tự mình nhìn kỹ đi. - Bác sĩ bảo.

Varlaam cầm lấy tấm phim và đặt nó trước cửa sổ. Đó là tấm hình phổi của viên phi công Varlaam. Hắn nhìn tấm phim và thấy những bóng tối. Điều đó không làm hắn ta thích thú chút nào.

— Ông có nhìn thấy cái chấm đen kia không? Cái chấm to bằng hạt đậu ấy? Đó là vật thể lạ và nó đang nằm trong phổi của ông.

— Nếu thật sự trong phổi tôi có một mụn mủ, - Varlaam nói - thì điều đó đối với tôi chẳng quan trọng gì một khi nó không làm tôi khó chịu. Vật lạ kia đã không cản trở tôi thực hiện những phi vụ trên bầu trời địch trong suốt hai năm đêm cũng như ngày. Vật lạ kia đã không cản trở tôi ăn, ngủ và khiêu vũ. Tôi hoàn toàn khỏe mạnh. Một khi mảnh vụn kia không làm phiền gì tôi thì nó chẳng là gì cả, chả có gì quan trọng cả? Tôi đã bay với nó trên hàng nghìn mét độ cao, xuyên qua bao nhiêu hàng rào đại pháo và tôi không cảm thấy mảy may ảnh hưởng gì. Nếu như trước đây, cùng với mảnh vụn kia, tôi đã có thể trở thành ngôi sao sáng của không quân, thì tôi cho rằng bây giờ đây, cùng với nó tôi có thể thành một kẻ chặn cừu, một người nông dân hay một anh quét đường ở Úc. Bởi tôi đoán chắc các ông không dành những công việc nào khác hơn cho người tị nạn!

— Chúng tôi chỉ nhận những di dân có phổi hoàn toàn sạch!

— Cầu Chúa cho tất cả mọi người Úc đều có những lá phổi sạch như phổi của tôi? - Varlaam nói.

Anh ta cài lại nút chiếc áo quân phục đã biến thành áo dân sự. Varlaam rời khỏi phòng khám bệnh không thèm chào ai cả. Anh đóng sập cánh cửa và đi ra.

— Đáng lẽ chúng ta có thể cho hắn một dịp may. - Vị y sĩ nói - Việc mổ lấy mảnh đạn không phức tạp gì lắm.

Bác sĩ nhìn tấm hình phổi.

— Nếu hần ta chịu nghe theo lời khuyên của tôi thì người ta sẽ mổ cho hần và hần có thể đến trình diện lại, nhưng với cách thức của hần ta thì...

Những người tị nạn đã mặc lại quần áo. Họ lại được đưa vào sau tấm màn đen. Một y sĩ khác khám răng cho họ qua quang tuyến X. Việc khám xét này nhanh thôi.

— Ông cần phải chụp hình. - Viên nha sĩ nói với Ante Petrovici - Mong ông không xem đó là điều kỳ cục. Tại Úc chúng tôi có một mức độ sinh hoạt mà ông không biết đến ở Châu Âu. Có thể về phương diện văn hóa, Châu Âu hơn chúng tôi, nhưng về những gì liên quan đến tiêu chuẩn sinh hoạt thì chúng tôi tiến xa hơn các ông. Đó cũng là chuyện bình thường thôi, chúng tôi là một lục địa trẻ mà.

Người nha sĩ vẫn nói chuyện sau bức màn đen đẹp khi ông chụp hình hàm răng của Ante Petrovici.

— Các ngành khoa học xã hội của chúng tôi rất cập nhật chứ không như ở Châu Âu các ông, chẳng hạn chúng tôi đã có một ngành vệ sinh xã hội và một ngành lai giống hiện đại. Chúng tôi đã giải quyết vấn đề chủng tộc, nhưng giải quyết một cách khoa học vì nước Úc chúng tôi có tinh thần khoa học. Nhờ tinh thần khoa học đó, chúng tôi tin chắc rằng trong vài năm nữa, ở tại Úc chúng tôi sẽ có một giống người thật sự siêu việt. Chúng tôi thực hiện giống người siêu việt đó qua việc giám sát các cuộc hôn nhân, các cuộc gây giống và việc di trú một cách khoa học, nghĩa là bằng con đường hòa bình và khoa học. Chúng tôi không giải quyết vấn đề chủng tộc như các ông làm ở Châu Âu. Các ông giải quyết bằng sự tàn bạo kiểu Hitler, nghĩa là bằng việc thiêu sống người Do Thái, người Tzigan và các dân tộc thấp kém. Chúng tôi đối xử với các dân tộc thấp kém bằng những phương tiện khoa học, chúng tôi không thiêu sống họ. Vấn đề chủng tộc tồn tại trên phương diện khoa học nhưng chúng tôi không giải quyết nó trong các trại tập trung. Chúng tôi nghiên cứu nó trong các thư viện và phòng làm việc. Chúng tôi đề ra được một lối giải quyết nhân đạo.

Ante Petrovici chỉ muốn bịt tai lại. Từ khi người vợ cũ Lidia của ông chết, ông không còn có thể nghe nổi những cuộc tranh cãi về các dòng giống thượng đẳng và hạ đẳng. Từ ngày mà Milan Paternik nhân danh những nguyên tắc đó, đã giết chết mẹ ruột mình cùng với tám trăm ngàn người Sorbon và Do Thái, thì Ante Petrovici không còn có thể nghe nói về vấn đề chủng tộc nữa, ngay cả khi cách giải quyết vấn đề đó mang tính chất hòa bình.

Chỉ nghe nói đến chữ “nòi giống” là Ante Petrovici đã cảm thấy đau nhói trong lòng rồi. Nhân danh chữ này, Lidia đã bị thiêu cháy. Thân thể nàng đã không nằm ngủ cạnh ông, những ngón tay nàng đã thiêu rụng trên chiếc vĩ cầm, tất cả, tất cả đều bị thiêu cháy nhân danh chữ này. Ante Petrovici cảm thấy tim bị hẫng, đau nhói khi nghe tiếng “nòi giống”. Chữ này đối với ông đồng nghĩa với lò thiêu, đồng nghĩa với giết người.

Trong cửa miệng của tên người Úc kia, hần ta muốn nói lại giống người cũng như lai giống súc vật.

Ante Petrovici chỉ muốn trốn khỏi căn phòng. Viên nha sĩ đưa tấm phim ra trước cửa sổ:

— Ông hãy đến xem răng ông đây. - Viên nha sĩ nói về chế giễu - Ông nhìn kỹ đi. Răng của ông đó.

Ante Petrovici lại gần. Ông nhìn hình chụp sọ não ông. Ông cảm thấy một mùi vị đắng đắng tuôn đầy trong miệng. Không ai muốn người khác chỉ cho mình sọ não của mình và bảo đó là đầu của mình. Vì rằng trên bức hình có xương đầu của ông, sọ não ông giống y hệt sọ não một người chết.

— Ông nhìn thấy răng ông chứ? - Viên nha sĩ hỏi. Ông ta chiếu rõ hơn tấm phim sọ não của Ante Petrovici. Người ta nhìn thấy trên tấm phim những cái xương màu đen, nhưng có thịt, những cái răng, những quai hàm giống như của người chết.

— Ông thấy đầu ông không? - Nha sĩ lại hỏi nữa, Ante Petrovici tái xanh mặt.

— Ông nhìn thấy đầu ông, phải không? Thế đấy, vậy thì ông không thể vào nước Úc với một cái đầu như thế được.

Ante Petrovici không còn gì để trả lời nữa. Nhưng sau đó ông tự bảo: “Tốt hơn nên thử năn nỉ thêm chút nữa xem sao.”

— Tôi sẽ chăm sóc răng của tôi. - Ông nói - Mong bác sĩ hiểu cho, bao nhiêu biến cố đã dội xuống đầu chúng tôi, những người Châu Âu...

— Trước mắt thì việc di trú của ông không thể giải quyết được, hoàn toàn không thể được. Trên nguyên tắc, chúng tôi không thể tiếp nhận những người di trú có răng hư được sửa chữa lại; nhưng ông vẫn

có thể thử vận may sau khi chữa trị. Chúng tôi không nhận những hàm răng giả. Úc châu không tiếp nhận những di dân có răng giả. Ông hãy nhìn đây, mà ông thì cần phải làm răng giả, ông không thể đi được, không thể được.

— Tôi đã qua được tất cả các cuộc xét nghiệm khác. - Ante Petrovici nói.

Ông thất chặt chiếc cà vạt làm như ông muốn thất cổ chết luôn vì nỗi tủi nhục quá lớn, quá sức chịu đựng.

— Việc khám xét răng rất cần thiết. - Viên nha sĩ nói - Rất cần thiết. Tôi không biết tại Châu Âu các ông, việc đó xảy ra như thế nào chứ tại Úc hàm răng đóng vai trò hàng đầu. Hàng đầu, đúng nghĩa của chữ đó!

Ante Petrovici sững sốt vì những gì đã xảy đến với ông, vì những gì ông nghe được.

— Ngay cả khi tôi là một người có tài năng lớn, hiện nay thì tôi không phải con người như vậy. - Ante Petrovici nói - Nếu như tôi là một Michel Ange^[16] hoặc một Goethe, chẳng hạn như thế, thì liệu ông có khước từ tôi cái quốc tịch Úc bởi vì tôi thiếu vài cái răng không? Tôi hỏi ông hoàn toàn do tò mò, chỉ vì tò mò. Bởi vì nếu đúng như thế thì chúng ta rất dễ trở thành lỗ bịch. Tôi muốn nói là trong mỗi con người, có thể có những đức tính siêu việt ví dụ như phẩm chất đạo đức, phẩm chất trí năng, phẩm chất mỹ thuật... và những phẩm chất này có thể bù đắp vào chỗ thiếu một vài cái răng.

— Không gì có thể cân bằng và thay thế một hàm răng tốt. - Viên nha sĩ nói - Nhiều công trình nghiên cứu khoa học mới đây hết sức chính xác. Khi chúng tôi đàm trách vấn đề di dân, chúng tôi chỉ dựa vào những nguyên tắc khoa học. Ông nói đến những phẩm chất đạo đức ư? Tất cả phải đi qua lỗ miệng. Tất cả mọi thứ đạo đức, ông biết không? Mà đi qua một cái lỗ miệng xấu thì chỉ có những điều xấu. Răng xấu sẽ làm cho tiêu hóa xấu. Tiêu hóa xấu khiến hiệu suất làm việc kém đi, dễ nóng giận. Điều này dẫn tới sự bất bình, sự bất bình dẫn tới những xích mích, đến chỗ mất việc làm chẳng hạn. Mất hợp đồng lao động sẽ dẫn tới thất nghiệp. Thất nghiệp bao hàm sự nghèo đói và sự nổi loạn. Và đó là con đường dẫn đến tội phạm, đến tình trạng vô kỷ luật, vô chính phủ, dẫn đến các âm mưu chính trị. Nếu ông hỏi tại sao thì đây là câu trả lời rạch ròi, quả quyết: Vì ông không đủ răng. Một quốc gia mà những công dân có hàm răng xấu là một quốc gia yếu kém, thua thiệt cả về mặt trí thức, tinh thần lẫn đạo đức và kinh tế. Tôi nói với ông tất cả những điều này một cách sơ lược thôi, nhưng vấn đề đã được nghiên cứu kỹ càng rồi.

Một thoáng im lặng. Viên nha sĩ cầm tấm phim sọ não của Ante Petrovici.

Mọi người đều im lặng: cả Motok, Pillat và Petrovici.

— Trước mắt ông không thể đi di cư được. Chúng tôi không nhận ông.

Pillat kéo tay Ante Petrovici. Họ đi ra đường. Marie đã đứng trước cổng. Cô đứng đợi, cố che giấu một nụ cười thỏa mãn. Cô sợ chồng cô không được chấp nhận như chuyện đã xảy ra khi họ xin đi Canada.

— Được tuyển chứ? - Marie hỏi.

Cô sợ câu trả lời. Cô đoán nó sẽ là phủ định.

Pillat gật đầu là anh đã “trúng tuyển”. Marie bay tới ôm anh hôn.

— Em cũng thế. Em được nhận rồi! - Cô nói.

Pillat đứng bất động như một bức tượng. Anh không đáp lại nụ hôn của cô.

— Mong rằng sự thất bại của tôi không làm phiền anh chị! - Ante Petrovici nói - Sung sướng vì sự thành công của mình là lẽ tự nhiên.

VI

Trước khi khởi hành qua Úc châu, Pierre Pillat đi đến Hội Hồng thập tự Frankfort.

— Chúng tôi di trú sang Úc. - Pierre Pillat nói - Vài tuần nữa chúng tôi sẽ xuống tàu. Trước khi đi, chúng tôi muốn tìm xem ở một nước Đức có một người tị nạn Rumanian tên là Ion Kostaky. Đó là ông bố vợ tôi. Hội Hồng thập tự có danh sách tất cả những người tị nạn. Nếu ông cụ không đến nước Đức thì hoặc ông cụ bị chết hoặc ông cụ bị người Nga bắt giữ.

Marie Pillat đứng chờ.

— Không hy vọng là ông bà còn gặp lại được cụ Ion Kostaky. - Người nhân viên nói - Tại sao ông bà không tìm cụ sớm hơn? Cụ đã di trú qua Canada cách đây mười lăm hôm.

Người nhân viên đọc tấm phiếu mang tên, nơi sinh, tuổi và nghề nghiệp của Ion Kostaky. Tiếp đó, anh ta hỏi họ có phải đúng người họ kiếm hay không.

— Đúng là bố rồi. - Marie vừa khóc vừa nói.

Họ đi bộ đến nhà ga, nhưng chuyến tàu đi Stuttgart vừa khởi hành.

Chuyến tàu kế tiếp thì khởi hành vào sáng hôm sau. Họ ngồi nghỉ trên một ghế băng, quyết định qua đêm trong phòng đợi. Họ ân hận đã không tìm Ion Kostaky sớm hơn. Phía trên đầu họ, có một tấm áp phích ghi rõ:

Nhà ga đóng cửa lúc 10 giờ. Hành khách không được nghỉ lại trong phòng đợi hoặc ngoài sân ga.

Bên cạnh, một áp phích khác viết:

Bất cứ người nào đi lại trên đường phố sau 11 giờ sẽ bị bắn bỏ không cần cảnh cáo trước.

Marie và Pillat đứng lên, lưng mang xác. Khách sạn không có. Nhà cửa bị bom tàn phá hết. Có ai đó chỉ cho họ một chỗ ẩn nấp phía đối diện nhà ga, ở đó họ có thể nằm nghỉ. Họ len sâu vào trong các đồng gạch đổ nát. Trong hầm rượu có những cái giường bằng ván mà người ta có thể cho thuê ban đêm. Quá mỗi một, họ nằm dài ra, đầu gối lên xác. Marie vừa khóc vừa tự nhủ là chẳng bao giờ cô gặp lại cha cô nữa. Rồi cô nghĩ đến đứa bé mà cô đang mong đợi.

— Em biết không, anh đã tìm được một cái tên cho con chúng ta rồi. - Pierre Pillat nói - Nếu là con gái, ta sẽ gọi nó là Doina Australia. Doina, vì đó là tên của bài ca Rumanian nói về sự lưu đầy và nỗi uất ức sâu muộn. Còn Australia vì đó là quê hương mới của chúng ta.

Marie thích thú với ý nghĩ là sắp tới họ sẽ ở Úc và con họ sẽ được sinh ra trong một quê hương thật sự chứ không phải trên những chặng đường lưu đầy.

Họ ngủ say, tâm tư ngập tràn cái tên của bé Doina Australia. Khi họ tỉnh giấc, ánh nắng chiếu rọi vào hầm rượu xuyên qua ô cửa sổ nhỏ không kính ở bên trên giường họ. Cái áo dài cô đã cởi ra mắc lên đầu giường cho khỏi bị nhả không còn đầy nữa. Nó đã biến mất. Cả đôi giày cũng biến luôn. Trong hầm ẩn nấp chẳng còn ai, các phòng đều trống. Họ không thể than phiền về chuyện mất quần áo với ai.

Pillat đồ hết đồ trong xác ra. Anh tìm thấy một đôi giày vải bố của quân đội. Marie mang giày ấy vào. Khi cô nhìn thấy đôi chân nhỏ bé của mình trong đôi giày không lồ thì cô bật khóc. Bây giờ cô chỉ còn quần áo lót thôi. Pillat lại đồ xác của Marie ra. Anh tìm thấy một gói gi mềm mềm. Đó là cái áo dài bằng vải voan trắng. Anh mở nó ra, ngạc nhiên.

— Đó là áo cưới của mẹ. - Marie nói - Em mang nó theo khi chúng ta ra đi. Em nghĩ là...

Cô đã kết hôn theo thủ tục dân sự. Ở xứ cô người ta không tổ chức lễ cưới ở nhà thờ nữa. Marie đem cái áo của mẹ theo với hy vọng một ngày nào đó cô có thể làm phép cưới ở nhà thờ.

— Em mặc áo này đi. - Pillat nói - Em sẽ khâu ngắn lên với cái dây nịt, như thế áo sẽ bớt dài.

Marie không chịu nhưng rồi cô buộc lòng phải mặc áo cô dâu đó vào vì không còn giải pháp nào khác. Thế là với đôi giày bốt của chồng mang ở chân, với áo cưới của mẹ che thân, lưng mang xác, Marie vừa khóc vừa rời khỏi nơi trú ẩn. Thế nhưng ra ngoài đường, chẳng ai ngoái lại nhìn cô cả, chẳng ai thèm ngạc

nhiên một điều gì.

Họ đến đồn công an. Anh cảnh sát nghe họ nói.

— Tôi có thể cấp cho anh chị giấy xác nhận là anh chị có nộp đơn thông báo bị mất trộm. - Viên cảnh sát nói - Với giấy này anh chị có thể đến phòng dịch vụ may mặc và xin phiếu mua một áo dài. Hãy cảm ơn Thượng đế là anh chị chỉ bị lấy cắp quần áo. Lần sau thì đừng có vào một nơi trú ẩn như thế nữa. Trong những hầm rượu gần nhà ga, hằng đêm người ta tìm thấy nhiều kẻ bị giết hại.

Phòng dịch vụ may mặc ở ngay bên cạnh. Người nhân viên đưa ghế mời họ ngồi và chăm chú nghe họ nói. Sau đó anh ta hỏi họ giấy chứng nhận cư trú.

— Chúng tôi có một giấy xác nhận chúng tôi phải đi di dân và một giấy xác nhận chúng tôi bị mất trộm. - Pillat nói.

— Chúng tôi không thể cấp phiếu mua quần áo nếu ông bà không có chứng chỉ cư trú. - Tay nhân viên nói.

— Đây là một trường hợp ngoại lệ. - Pierre Pillat nói - Ông hãy nhìn xem, vợ tôi không thể du lịch với chiếc áo cô dâu và đôi giày lính. Điều đó tùy ông bình xét. Tôi chỉ xin ông chiếu cố đến trường hợp ngoại lệ của vợ tôi, vì ngoài chiếc áo đó, cô ấy không còn gì cả.

— Thế theo luật định thì vợ ông đã trần truồng. - Tay nhân viên nói - Chiếc áo cưới không thể xem như là một vật dụng dùng để mặc. Trước mặt tôi, nghĩa là trước mặt luật pháp, bà đây là người trần truồng, tuyệt đối trần truồng và mặc dù thế, chúng tôi cũng không thể cấp phiếu cho bà mua áo. Chúng tôi cần phải có giấy cư trú của ông bà.

Pillat lại nghĩ đến cái vòng lẩn quẩn là muốn có giấy cư trú thì phải có giấy xác nhận có việc làm, muốn có việc làm cần có chứng nhận cư trú và bây giờ... Mọi sự năn nỉ van xin đều vô hiệu. Một giờ sau, Marie lên tàu đi Stuttgart với chiếc áo cưới, với đôi giày lính và với cặp mắt đỏ kè. Niềm an ủi duy nhất của cô là trên xe lửa không ai để ý nhìn cô. Không ai chú ý đến chiếc áo cưới vì người ta không nhìn lẫn nhau nữa. Không còn gì kỳ lạ nữa. Và đó là điều kỳ lạ nhất trong tất cả mọi điều: Cái hiện tượng đó không còn gì là kỳ lạ nữa.

VII

Trong khi Pillat vắng mặt thì một Hội đồng Achentina đến Stuttgart. Tất cả những người đã bị các hội đồng trước đây từ chối đều muốn thử vận may lần nữa. Trong hàng người da mặt xám tro người ta nhìn thấy viên Schaffner Daniel Motok, phi công Varlaam, tiến sĩ Ante Petrovici. Họ đứng cạnh nhau, Ante Petrovici giữ chặt trong tay các giấy tờ giả ông tự mạo ra.

Khi được dẫn vào văn phòng, những người tị nạn nhìn xung quanh đầy ngạc nhiên: Hội đồng Achentina không có cân bàn, không có máy đo lực cơ bắp, không có máy chụp hình não sọ và hình phổi cho những người dự tuyển. Không có một loại máy nào hết.

Hai người đàn ông và một người đàn bà mặc đồ đen, cổ đeo tượng thánh giá lớn bằng vàng, ngồi ở một chiếc bàn hình chữ nhật. Chính người đàn bà chủ tọa. Hình như bà ta gốc người Tây Ban Nha. Da nâu nghiêm nghị, tóc bà chải rẽ ngược lên trên thái dương. Bà mặc một chiếc áo đen cổ đứng.

— Ông làm nghề gì? - Bà mặc áo đen và mang thánh giá vàng hỏi Motok.

— Nhân viên đường sắt. - Motok trả lời.

— Loại nhân viên nào?

— Kiểm soát viên các toa giường. - Motok nói - Tôi biết bốn thứ tiếng. Tôi đã hành nghề mười bốn năm.

— Trong lúc này chúng tôi chỉ nhận những người có nghề chân tay, thợ máy, thợ mộc, thợ luyện kim, thợ xây cất. - Bà chủ tịch nói - Sắp tới đây, chúng tôi sẽ tiếp nhận các nghề khác. Đừng mất hy vọng. Hãy tin vào Chúa. Chúa thử thách loài người, nhưng nhờ Chúa, ông sẽ thắng. Chỉ có Đức Chúa trời mới ban chiến thắng cho loài người.

Motok thấy mắt người đàn bà phủ kín một tia sáng lạnh như thủy tinh. Ông ngẩng đầu lên và bắt gặp đôi mắt của Đức Jesus trên cây Thập giá. Đức Jesus như muốn giải thoát Motok lại có thể muốn để ông ta phát biểu ý kiến. Nhưng bà chủ tịch ra lệnh:

— Người kế tiếp.

Bà ta ra dấu cho Varlaam tiến lại và hỏi nghề nghiệp của anh ta.

— Phi công. - Varlaam nói.

— Chúng tôi có thừa phi công rồi. Tất cả phi công các nước chiến bại đều đến tị nạn ở Achentina. Lúc này chúng tôi chỉ thu nhận những thợ máy không quân. Rất tiếc là ông không phải thợ máy.

Đến lượt Ante Petrovici.

— Tôi là thợ sửa đồng hồ ở Iéna.

Ông đặt mảnh bằng bằng giấy da thuộc do ông Chủ tịch nghiệp đoàn thợ đồng hồ ở Thurigue và mười hai thợ sửa đồng hồ khác ký ở lên bàn. Trên mảnh bằng viết rõ bằng chữ vàng rằng nghiệp đoàn thợ đồng hồ ở Thurigue nhận tiến sĩ luật khoa và toán học Ante Petrovici vào nghiệp đoàn của họ với tư cách là thợ chính sửa đồng hồ. Người đàn bà mỉm cười với Ante Petrovici như một người mẹ.

— Khi tôi còn là sinh viên, - Ông ta nói - tôi đã học tập sự ba năm ở một tiệm đồng hồ tại Iéna. Sinh viên hồi đó có thông lệ là học thêm một nghề chân tay. Năm tôi đỗ tiến sĩ luật khoa và toán học cũng là năm tôi có được cái bằng thợ sửa đồng hồ này. Tôi phải tháo ra và ráp lại một đồng hồ bỏ túi trong vòng ba mươi phút. Việc sát hạch để có mảnh bằng trên thật là khó.

— Và đó là điểm quan trọng nhất. - Bà chủ tịch nói - Achentina giờ đây cần thợ sửa đồng hồ. Bây giờ ông hãy đến trình diện tại phòng khám bệnh. Tôi chắc là ông hoàn toàn khỏe mạnh. Một con người có một nghề chân tay là một con người mạnh về thể xác.

Ante Petrovici nghĩ: “Đây là vận may của mình: một mảnh bằng thợ đồng hồ. Mảnh bằng mà mình đã có được hồi còn trẻ nhờ thể thao. Achentina sẽ không nhận mình với tư cách là tiến sĩ luật khoa, hay tiến sĩ toán học, cũng không với tư cách là một công chức có kinh nghiệm hành chánh lâu năm. Cái mà Achentina

thấy có giá hơn cả ở mình đó là anh thợ đồng hồ. Mình quên khía cạnh đó của con người mình. Thợ đồng hồ trong vị tiến sĩ luật và toán học Ante Petrovici. Đây, chỉ có điều đó là có giá thôi: Thợ đồng hồ.”

Người đàn bà ngồi dưới tượng Chúa ghi giấy chấp nhận cho Ante Petrovici đi khám bệnh.

“Đây là cái mà cuối cùng tôi được tồn tại.” Ante Petrovici tự nhủ. “Một tên sửa đồng hồ tại Tân thế giới. Một tên sẽ thay đổi lò xo đồng hồ, sẽ thay thế mặt kính bể của những đồng hồ bỏ túi và đồng hồ đeo tay, sẽ sửa dây reo các đồng hồ treo tường và đồng hồ báo thức cho những người ở Tân thế giới. Đó là những gì Tân thế giới thấy có giá nhất, tốt nhất ở con người tôi. Hoan hô tiến sĩ Ante Petrovici. Đó là điều duy nhất Tân thế giới đòi hỏi ở một người thợ đồng hồ. May thay cho người, ít nhất người cũng là thợ sửa đồng hồ, nếu không người sẽ chết. Vì chính Tân thế giới điều khiển vũ trụ và Tân thế giới không đòi hỏi trí thức nhưng cần những thợ đồng hồ. Vậy đó, điều duy nhất Châu Âu cần hiển dăng cho con cái mình, đó là việc đem bán chúng ta cho Tân thế giới, bán theo mét, theo ký, bán từng lá phổi, bán từng centimét. Và Tân thế giới chọn lựa trong chúng ta cái mà nó thích hơn cả. Ở tôi, Tân thế giới đã chọn thợ sửa đồng hồ.”

— Ông theo đạo Thiên chúa, đúng thế chứ? - Người đàn bà ngồi dưới cây thập giá hỏi.

— Đạo Chúa. - Ante Petrovici khẳng định - Dĩ nhiên là theo đạo Thiên chúa.

Ante Petrovici nuốt nước bọt. Ông cảm thấy nghẹt thở. Ông vươn cổ lên như muốn kiếm tìm ở nơi cao hơn cái không khí thở được.

Phía sau Hội đồng, Đức Kitô được chạm vào gỗ cây thập giá như quần quai không phải vì đau đớn nhưng vì thương hại Ante Petrovici đã buộc lòng phải nói dối. Ante sinh ra ở Bosnie, dưới thời quân Thổ Nhĩ Kỳ chiếm đóng, dân chúng Bosnie bị buộc theo đạo Hồi, nếu không thì phải chết. Ông nội của Ante Petrovici đã chối bỏ đạo Thiên chúa vì sợ bị chém đầu và theo đạo Hồi. Đó là lý do tại sao Ante sinh ra không là tín đồ đạo Chúa mà là đạo Hồi như bao nhiêu người dân khác ở Bosnie.

— Chúng tôi chỉ nhận những người theo đạo Thiên chúa. - Bà chủ tịch nói.

Bà nhìn thấy chứng nhận rửa tội theo đạo Thiên chúa mà Ante Petrovici tự tay làm ra để có được giấy phép hành nghề sửa đồng hồ ở Achentina.

— Ông qua khám bệnh đi. - Người đàn bà nói - Sau đó ông trở lại đây. Tuổi giới hạn là bốn mươi, xem ra ông chưa quá hạn tuổi đó. Tôi nghĩ là ông không có khuyết tật gì chứ?

Bà xem giấy tờ. Tất cả đều là giấy giả. Ante Petrovici đã quá bốn mươi tuổi rồi.

— Thật là hoàn hảo. - Bà nói - Ông qua gặp bác sĩ và ông có thể xem như mình là người Achentina.

Ante Petrovici nghĩ đến mấy centimét thiếu ở chiều cao, nhưng bây giờ ông ta biết cách thóp bụng và nhón chân dưới thước đo chiều cao rồi. Ông lại nghĩ đến mấy cái răng bị thiếu, nghĩ đến bàn chân phải cạn quá vì không có vòm. Mặt ông xanh mét.

— Những người thợ giỏi, những người Thiên chúa tốt, những người khỏe mạnh. Đó là những người của Achentina tìm kiếm. Ông hội đủ các điều kiện đó. - Bà chủ tịch nói.

Ante Petrovici lại ngẩng cổ lên tìm phía trên cao cái không khí thở được. Ông ngột quá. Cao hơn, không khí chắc phải trong lành hơn. Ông ngẩng đầu lên, trên cây thánh giá, chúa Jesus nhìn vào mắt Ante Petrovici và như nói với ông: “Chúa sẽ giúp đỡ những ai không có vòm bàn chân phải, những ai không cao được 1,60 mét. Không nên sợ tiến sĩ Ante Petrovici, vì anh theo đạo Hồi. Chúa sẽ giúp những người đạo Hồi. Chúa Jesus ở bên cạnh anh cả khi giáo hội của ta không chấp nhận anh và xua đuổi anh.”

Ante Petrovici đi ra không khập khiễng chút nào. Ông bước đi như không có một chân ngắn hơn chân kia. Chúa Jesus phù hộ, nâng đỡ cánh tay Ante Petrovici để người đàn bà mang thánh giá vàng không nhìn thấy ông ta đi khập khiễng.

VIII

Sau khi ở Hội đồng Achentina trở về, Ante Petrovici thấy Pillat ngồi sẵn trong phòng ông. Marie mặc chiếc áo cưới bằng voan trắng. Họ từ Frankfort trở về.

— Tôi sẽ kiếm cho chị một chiếc áo dài và đôi giày. - Ante Petrovici nói - Hãy đợi tôi ở đây.

Ante Petrovici đi ra và tiến về phía ngọn đồi đứng sừng sững nhìn xuống thành phố Stuttgart. Ông đi khắp khiêng nhiều hơn.

Khu vực trên đồi là vùng duy nhất không bị tàn phá. Những biệt thự trắng được người Mỹ trưng dụng và cấp cho mấy người Do Thái đã thoát chết ở các trại tập trung. Đó là xóm người Do Thái mới.

Hằng ngày kể từ khi Chiến thắng, hàng triệu hàng triệu đồng Mark đã đi qua xóm Do Thái đó. Mỗi một đồ hộp Mỹ ngay sau khi ra khỏi cửa hàng đều đi qua xóm Do Thái trước khi ra chợ đen. Tất cả những tác phẩm nghệ thuật, tất cả vàng bạc, tất cả những cái gì có giá ở Đức đều đi qua xóm Do Thái trước khi được đưa xuống tàu qua Mỹ. Mỗi gói thuốc lá khi ra khỏi túi anh lính Mỹ đều đi qua xóm Do Thái trước khi đến tay một anh dân thường.

Ở đó không thiếu một thứ gì. Có một số người đã trở thành triệu phú trong vài ngày. Xóm Do Thái trở nên thịnh vượng. Người ta có thể mua ở đó nào là áo lông thú, nào là mỹ phẩm, nào là đồ ăn, nào là trái cây ngoại, thuốc lá, có đủ tất cả. Cái duy nhất mà xóm Do Thái không có quyền được giữ đó là đồng đôla Mỹ. Quân cảnh đến đó thường xuyên; họ bóc lột, tịch thu hết đôla và trong vài phút các nhà triệu phú đã trở lại nghèo xơ như khi họ ở trại tập trung ra vậy.

Ante Petrovici đi vào trong ngôi nhà của bà Salomon - Ông không biết bà Salomon trước kia có tên là Eddy Thall, nhưng khi biết bà ta là bạn của Lidia, vợ ông, khi biết bà từ Sural đến, khi biết bà làm việc cho kế hoạch biến đổi khí hậu ở Nga và ông cũng không biết là con bé gái Orly của bà ta đã bị giết ở Varsava. Không ai biết gì về bà Salomon và Isaac Salomon, ngoại trừ bà là nạn nhân của phát xít và bà Salomon là một trong những người đàn bà giàu nhất xóm Do Thái tại Stuttgart.

— Tôi đến xin bà một chiếc áo dài. - Ante Petrovici nói - Không phải xin cho một cô nhân tình nhưng cho vợ của một người bạn. Cô ấy bị trộm và không có gì để mặc nữa hết.

Bà Salomon mở vali và lấy ra hai chiếc áo cũ rồi đưa cho Ante Petrovici.

Trong phòng của bà chỉ có một cái giường, hai cái ghế, một cái bàn gỗ và nhiều chiếc vali chồng lên nhau.

— Tôi đã được chấp nhận đi di dân qua Achentina. - Ante Petrovici nói.

Bà Salomon chỉ cho ông xem bức hình một trang trại, bà treo phía bên trên đầu giường bà.

— Tôi cũng thế, tôi sẽ đi di dân. Đó là Hany, trại chúng tôi mới mua ở Canada. Chúng tôi hy vọng sẽ ra đi trong vài tuần nữa. Isaac đang đi lo công chuyện làm ăn. - Bà Salomon nói - Chiều mai anh ấy sẽ trở về cùng với số tiền còn lại mà chúng tôi cần dùng để đi Canada. Đây là chuyến du lịch làm ăn cuối cùng của ông ấy, sau đó chúng tôi sẽ đi. Cuối cùng chúng tôi sẽ có một cuộc sống thanh thản.

Ante Petrovici biết rằng Motok đã đi cùng với Isaac Salomon để bán lậu nhiều xe hàng hóa ở vùng Xô Viết. Nếu họ không bị bắt, họ sẽ trở về giàu có. Ante Petrovici muốn chào ra về những bà Salomon giữ ông ta lại.

— Aurel Popesco sắp đến. Ông hãy ngồi lại với tôi. - Bà ta nói.

Bà Salomon bắt đầu nói về trang trại ở Canada. Bà nhìn bức ảnh. Bà ăn mặc thật lịch sự, bà đeo một chuỗi hạt ngọc, nhiều vòng đeo tay và nhẫn nam đá quý. Mũi giày và gót giày của bà đều có những hạt ngọc óng ánh đúng mốt Mỹ.

— Tôi nóng lòng muốn xa lánh những người Mỹ cũng giống như trước đây tôi nôn nóng muốn trốn khỏi cái trại tập trung. - Bà Salomon nói - Người Mỹ đã tranh đấu để giải phóng người Do Thái ra khỏi các trại tập trung và đã tiêu diệt chủ nghĩa bài xích Do Thái. Chiến thắng đã đến, chúng tôi đang ở đây, ở trong

xóm Do Thái được ưu đãi này. Chúng tôi được cho không cơm ăn và nhà ở. Chúng tôi được tự do làm gì chúng tôi muốn. Chúng tôi có thể trở thành triệu phú nhưng đúng lúc chúng tôi có tiền thì người Mỹ đến và họ tịch thu hết. Isaac đã giàu bao nhiêu lần rồi chứ? Nhưng mỗi lần giàu lên thì quân cảnh Mỹ lại đến và họ lấy của chúng tôi đến đồng xu cuối cùng. Và không chỉ có thế, đúng lúc đồng đôla đến tay người Do Thái là nó mất giá trị. Chúng tôi, người Do Thái, chúng tôi không trả một chuyến du lịch ra nước ngoài, chúng tôi không thể mua một ngôi nhà vì chúng tôi bị cấm trả bằng đôla. Tất cả những gì chúng tôi có thể làm được với đồng tiền của mình, đó là chôn chúng. Tuy nhiên, tôi tin là chúng tôi đã kết thúc, đã xong xuôi với câu chuyện ảo tưởng này. Tất cả những gì chúng tôi có, chúng tôi chia đôi với một người Mỹ và người này sẽ chuyển tài sản chúng tôi qua Canada. Trong vòng vài tuần nữa thôi, chúng tôi sẽ rời xa xóm Do Thái này.

Aurel Popesco cùng đi với trung úy phi công Varlaam vào phòng. Và Salomon vội giấu tấm hình chụp trang trại. Bà nhìn người mới đến và nhận ra ngay đó là Varlaam.

Đó chính là viên sĩ quan đổi đến Bucarest lấy căn nhà của bà bị trưng dụng theo luật chủng tộc. Bà Salomon nhìn ngay vào mắt hắn nhưng hắn không nhận ra bà.

— Tôi tin là chúng ta đã có gặp nhau rồi. - Bà Salomon nói.

Varlaam nhìn đôi giày cườm nhung, cái áo, vòng đeo cổ, khuôn mặt, những nếp nhăn ở trán và mái tóc nhuộm. Hắn không nhớ ra được là đã gặp bà rồi.

— Tôi tin chắc là chúng ta đã gặp nhau rồi. - Bà Salomon nói nhưng bà không nài nỉ nữa.

Bà nghĩ: “Tôi đã già đến nỗi người ta không nhận ra được nữa sao?” Một nỗi buồn chán mênh mông xâm chiếm tâm hồn bà.

— Tôi không nghĩ rằng chúng ta đã gặp nhau. - Varlaam nói - Tuy rằng tôi có một trí nhớ tuyệt vời.

— Không lỗi gì cả, thưa ông. - Bà Salomon nói - Chúng ta hãy bàn công chuyện làm ăn đi. Người bạn chung của chúng ta, ông Aurel Popesco có cho tôi hay là ông đã xin đi di dân nhưng ông bị tất cả các hội đồng từ chối. Tôi có thể giúp ông một dịp may. Dịp may trở lại làm phi công. Ông sẽ có một hợp đồng với quốc gia Israel. Ông vào không quân Israel với cấp bậc ông đã có, nghĩa là trung úy phi công, với trọn lương tháng như cũ cộng thêm với tiền công tác phí! Hợp đồng có giá trị suốt trong thời gian có chiến tranh giữa Israel và Ả Rập.

Bà Salomon giải thích cho Varlaam hiểu rõ là người ta không thể có được một “affaire” tốt hơn.

— Thay vì ở đây, ở lại nước Đức này, để làm một tên buôn lậu bơ và thuốc lá với viễn cảnh thường nhật là đi tù với những tên vô lại, tốt hơn nên làm một chiến sĩ, trên phương diện đạo đức, chiến đấu để bảo vệ đất Thánh ở Palestine là một việc làm vĩ đại.

Varlaam nghĩ đến những viễn cảnh sắp tới tất cả các nước ngoài đại dương (?) đều từ chối nhận hắn như một thợ mộc, một tên chăn bò hay một tên quét đường.

— Tôi chấp nhận. - Hắn nói.

— Chấp nhận không chưa đủ. - Bà Salomon nói - Ông phải đi ngay vào ngày mai.

— Không gì giữ tôi lại đây cả. - Hắn trả lời.

Bà Salomon giải thích cho Varlaam biết còn vài thủ tục nhớ phải làm. Hắn phải đến văn phòng quân sự phía đối diện để ký bản hợp đồng, để chụp hình và để đo kích thước cho quần áo đồng phục.

— Ông sẽ đi khỏi đây với đồng phục sĩ quan quốc gia Israel. - Bà Salomon nói - Nhưng ông được tuyển mộ trước tên ông.

— Có thật sự cần thiết phải đổi tên không? - Varlaam hỏi.

— Ông phải mang một tên Do Thái một khi ông mặc đồng phục sĩ quan quốc gia Do Thái. - Bà ta nói - Chúng tôi sẽ tìm cho ông một cái tên. Ông thích cái tên David không? Đó là một cái tên chiến đấu. Tiếp theo là Oztas, phi công trong quân đội Israel.

Bà Salomon đưa cho Varlaam năm trăm đôla và bảo hắn đây là tiền đặt trước. Trước khi khởi hành, hắn sẽ nhận tiền lương tháng bằng đôla.

— Ông biết hối suất hiện nay ở Sở giao dịch chứng khoán chứ? - Bà Salomon hỏi - Về phương diện hối đoái, đây là một “affaire” đặc biệt đối với ông. Thời buổi bây giờ, một con người không đáng giá gì hết ở Sở giao dịch chứng khoán tại Moscow. Không đáng một đồng franc. Tại New York, một con người cũng

không đáng giá bằng con số không. Các hội đồng mua người ở đây, ở nước Đức này, vì lợi ích các nước ngoài Đại Tây Dương đã trả một giá quá hạ cho một người đàn ông hay đàn bà. Còn hạ hơn giá một vé đi tàu thủy hạng ba. Đó là lý do tại sao họ mua người tại Đức theo mét và theo ký, và cho họ đi trên những chiếc tàu chở súc vật. Trước khi đi ông sẽ nhận hơn hai nghìn đôla, ở sở giao dịch chứng khoán Tel Aviv, giá trị cá nhân mới là cao hơn hết. Tôi nghĩ rằng hiện tượng này có thể giải thích bởi sự kiện Israel là một quốc gia có tín ngưỡng, có đạo giáo. Trong một quốc gia như thế, con người còn giữ được giá trị của mình và Israel là quốc gia có đạo giáo duy nhất trên thế giới.

Varlaam muốn đi khỏi.

— Ông hãy nhìn kỹ tôi một lần nữa đi và hãy nói cho tôi biết ông có nhận ra tôi không.

Varlaam nhìn đầu tóc nhuộm, bạc trắng ở chân tóc, nhìn mấy nếp nhăn quanh mắt, nhìn đôi lông mày nhuộm, nhìn cái cổ quần đầy ngọc quý và nói:

— Tôi chưa bao giờ gặp bà, thưa bà Salomon.

Bà Salomon cảm thấy mắt đầy nước khi tiễn Varlaam ra cửa.

— Đừng quên tên ông đấy. Tên ông bây giờ là David Oztas. - Bà ta nói.

Trong khi đó bà vẫn nghĩ: “Tôi đã già đến thế sao?”

Aurel Popesco bắt đầu nói chính trị theo thói quen của ông ta.

— Trong vài ngày nữa, Hội nghị các nước Châu Âu bị người Nga chiếm đóng sẽ họp. Tôi sẽ có cách nói cho người Mỹ biết là một biến cố chính trị quan trọng hơn hết lúc này đang được chuẩn bị tại Hội nghị đó. Các thủ lĩnh Cộng sản Đông Âu muốn tách khỏi nước Nga và thành lập khối Liên minh quốc gia Cộng sản vùng Sông Danube. Người ta sẽ chọn thống soái các quốc gia Slaves phía Nam đứng đầu khối liên minh này.

Moscow đã biết kế hoạch đó và đã giao cho Boris Bodnariuk nhiệm vụ ám sát thống soái, đồng thời nhiều toán quân sẽ tập trung trên bờ Địa Trung Hải. Cũng có thể giả thuyết là quân Đỏ sẽ tiến vào Ý. Nhờ thông tin này, tôi giúp người Mỹ cảnh giác và tôi không chỉ cứu nước Ý và Vatican mà còn cứu cả nền văn minh phương Tây. Nhờ thông tin của tôi quân đội Mỹ biết trước sự hiện hữu của kế hoạch tiến quân của Nga Xô. Công lao cứu thoát phương Tây khỏi ách xâm lược Nga Xô.

— Ông dành thì giờ của ông để cứu vớt nền văn minh và để giết người. - Ante Petrovici nói - Các ông giết người để cứu nền văn minh, nền văn hóa và giáo hội à? Cứu một người và sự kiện sẽ nổi tiếng kêu cứu cả nhân loại bởi vì không có nhân loại, chỉ có những con người, những con người sống, thưa Ngài Aurel Popesco!

Ante Petrovici cảm ơn bà Salomon lần nữa về những chiếc áo rồi đi ra, chân bước khập khiễng nhiều hơn lúc nào hết.

IX

Aurel Popesco muốn giải thích cho bà Salomon rõ tại sao các lãnh tụ Cộng sản các nước bị người Nga chiếm đóng, muốn nổi dậy chống lại Moscow cùng thống soái các quốc gia Slaves phía Nam là người cầm đầu, tại sao những người Xô Viết sắp giết thống soái và lợi dụng cơ hội đó để tiến quân vào Tây Âu.

Bà Salomon nghĩ đến trang trại của bà ở Canada. Bà nhìn qua cửa sổ và thấy Varlaam từ văn phòng quân sự đi ra.

— Chính trị không làm tôi thích thú chút nào. - Bà nói.

Tiếp đó, bà mời Aurel Popesco cùng đi xuống. Đúng là hoàng hôn. Tất cả người Do Thái đổ ra đường ngay trước nhà họ. Trong tất cả các xóm người Do Thái và trong tất cả các khu vực Do Thái, người ta có thể quan sát cùng một hiện tượng. Đó là: Khi chiều xuống, người Do Thái rời khỏi nhà họ. Họ không thể đi ngủ sau bữa ăn chiều. Họ đi xuống đường phố để xem và nghe những gì xảy ra. Đó là nỗi kinh hãi đã ăn sâu vào máu họ. Trước khi trở về nhà, trước khi cài kỹ cửa và đi ngủ, họ đi ra đường và dò hỏi tin tức về Sở giao dịch chứng khoán, về chính trị hay về các bước hoạt động của phong trào chống Do Thái. Họ hỏi thăm mọi chuyện, hỏi đủ chuyện để biết xem, tùy theo trường hợp hoặc là họ có thể đi ngủ hoặc là phải thức suốt đêm. Họ tính toán và tự hỏi không biết có chuyện gì đến với họ trong đêm không, không biết họ có thể ngủ không, không biết họ có thể thay quần áo không.

Aurel Popesco nhìn những người Do Thái tụ tập thành từng nhóm nhỏ trước nhà họ. Một chiếc xe cam nhông xuất hiện trước cửa xóm Do Thái, theo sau thêm một chiếc khác và cuối cùng là cả một số lớn xe cam nhông chở đầy lính Mỹ đội mũ có hai chữ M.P (Quân cảnh). Họ bao vây khu vực các biệt thự.

Những người Do Thái đứng nhìn sững làm như họ cố giăng cao dâyăng ten để thấy tất cả và nghe mọi việc.

— Họ lại đến kiếm đôla. - Bà Salomon nói - Mỗi tuần họ đến hai hoặc ba lần.

Những người Mỹ đi vào trong mấy con đường của khu phố.

— Quân cảnh Mỹ xuất hiện mỗi khi có người báo cho họ một vụ có thể mang lại nhiều đôla. Họ tra soát, chiếm lấy đôla rồi biến đi như khi họ đến. Ngoài đôla, không còn gì làm cho họ thích thú.

Nhiều người lính đã lập những chiến hào ngăn hàng rào quanh vài ngôi nhà.

— Isaac không có mặt ở đây vẫn hơn. Tôi thích thế nhưng cuộc cướp đoạt như thế này hành hạ thần kinh chúng tôi quá. Nếu như ông biết được là tôi muốn ra đi biết chừng nào. Bao lâu chúng tôi chưa ra khỏi đây thì tôi vẫn không thể tự do được. Thật may mắn là Isaac đã đi vắng. Về mặt tinh thần anh ấy không thể chịu đựng thêm một cuộc cướp đoạt nào nữa, không một cuộc nào nữa. Đã bao nhiêu lần họ đã lấy hết tiền chỗ tôi, lấy đến đồng đôla cuối cùng. Bây giờ, nếu họ lên phòng tôi, họ chỉ tìm thấy quần áo bẩn.

Bà Salomon và ông Aurel Popesco ngừng lại và nhìn. Họ không thể tiến lên nữa, đường đã bị rào chặn lại rồi.

— Chúng ta sẽ được yên ổn ở Canada. Chúng ta sẽ có thể sống như mọi người, như mọi người khác.

Đúng lúc đó người ta nghe một tiếng ồn lớn, giống như vật gì đó đổ xuống.

Đám đông bắt đầu hét lớn, la to và huýt gió.

— Ai đó nhảy từ cửa sổ xuống. - Aurel Popesco vừa nói, vừa nhón chân cao hơn.

Đám đông xô lấn nhau quanh ngôi nhà có ai đó nhảy từ trên cửa sổ xuống nhưng không người nào có thể lại gần được.

Bà Salomon níu lấy cánh tay Aurel Popesco. Bà dựa hẳn vào người ông ta, mặt xanh mét.

— Thần kinh không thể chịu đựng được những xúc động như thế. - Bà nói - Tôi không thể chịu nổi nữa. Tôi phải đi ngay, phải ra khỏi nơi này.

Xe cứu thương đến. Mấy người y tá chở xác của kẻ đã nhảy qua cửa sổ. Tất cả chỉ kéo dài trong vài

phút.

Eddy Thall nhờ Aurel Popesco dẫn bà về phòng.

— Thật quá sức chịu đựng đến nỗi tôi cảm thấy không thể lên phòng một mình. - Bà nói.

Họ rẽ một lối đi qua đám đông, mọi người đều nói và bàn tán về vụ tự tử.

Bà Salomon cảm thấy có cái gì nhầy nhầy dưới chân mình, ngay trước nhà bà. Bà đã bước đi trong vũng máu đúng ngay chỗ cái xác rơi xuống.

Eddy Thall muốn hỏi xem ai tự tử nhưng mắt bà nhìn chăm chú vết máu trên đường nhựa, vết máu bà đã dẫm bước lên với đế giày có nạm ngọc vàng ánh, đúng một Mỹ. Giày bà bị vấy máu và trên vũng máu ruồi đã kêu vo vo.

— Chúng ta lên đi, lên đi. - Bà nói.

Bà vẫn nhìn thấy trước mắt vết máu, chiếc xe cứu thương trắng, đám đông vây quanh bà.

Một người Do Thái nhảy qua cửa sổ và điều đó xảy ra sau Chiến thắng! Xảy ra khi mà hiện tại người Do Thái làm chủ bom nguyên tử và ông trùm nền kỹ nghệ nguyên tử, ông Lisienthal là một người Do Thái sinh trưởng cùng làng với Lidia!

— May mắn là chúng tôi sắp đi Canada. - Bà ta nói.

Bà thấy choáng váng phải dựa vào tay Aurel Popesco khi đi lên bậc thang. Bà muốn lau chùi giày để không vào nhà với đôi giày đầy máu.

— Ai tự tử thế? - Bà hỏi.

— Tôi không biết. - Aurel Popesco nói - Người ta đã chở người ấy đến bệnh viện và ông ta đã chết.

Vào tới phòng bà Salomon nằm lăn ra giường.

— Hãy cho tôi chút gì uống đi. - Bà nói - Cái gì mát lạnh ấy. May phước là chúng tôi sắp đi khỏi đây, sắp rời bỏ cái xứ đáng nguyên rủa này. Hăng hái ra đi. Phải chi Isaac trở về sớm hơn nhĩ... nhưng Isaac chỉ về vào ngày mai lúc 6 giờ. Và cho đến 6 giờ ngày mai tôi phải ở một mình, một mình, một mình...

Bà khóc âm thầm, qua làn nước mắt, bà nhìn thấy cái mũ của Isaac trên một ghế dựa. Bà mở mắt lớn hơn và thấy rõ cái áo pardessus và áo vét của Isaac ở gầm giường ngủ. Bà nhảy thót dậy, tưởng như ngủ mơ.

— Isaac về rồi sao? - Bà hỏi - Anh ấy đâu rồi?

Cửa không mở ra và hai cảnh sát Do Thái mang sao hiệu của Salomon lặng lẽ đi vào.

— Isaac về rồi hả? - Bà Salomon vừa hỏi vừa cầm lấy áo vét của chồng.

Hai cảnh binh lặng thinh. Bà Salomon chạy bỏ về phía họ, áo vét ôm ở ngực. Bà hỏi họ Isaac đâu. Bà muốn bám lấy họ và buộc họ phải nói Isaac ở đâu nhưng mấy ông cảnh binh vẫn nín lặng. Họ chỉ động đậy khi bà Salomon té xỉu xuống nền nhà với áo vét của chồng ôm chặt trong tay.

Lúc đó mấy cảnh binh mới đến nâng bà lên và để bà nằm vào giường.

— Có nhiều người Mỹ ở trên lầu một. - Viên cảnh binh nói - Ông Isaac đã trở về; ông chạy lên cầu thang từng bốn bước một. Mấy người Mỹ thấy ông vào phòng. Mấy giây sau, ông nhảy qua cửa sổ.

— Ôi, vậy chính là ông ta? - Aurel Popesco hỏi.

Mấy viên cảnh binh liếc nhìn về phía bà Salomon. Bà không thấy và không nghe gì nữa.

— Đúng rồi, đúng là ông ta đã nhảy qua cửa sổ, ông Isaac Salomon. Ông ấy là một trong những bạn ông à? Hình như ông ấy có nhiều đôla, phải không? Ông ấy sợ bị tra soát.

Hai cô y tá vào trong phòng. Họ bắt đầu chà xát, xoa bóp trán cho bà Salomon vẫn nằm ngửa, bất động.

— Cũng có thể Isaac quá mệt mỏi, kiệt sức. - Một cảnh binh nói - Vì ông là bạn của ông ấy, chắc ông biết rõ. Ông ấy quá kiệt sức. Chúng ta không thể phiên trách ai về chuyện đã xảy ra. Mấy người Mỹ không có ý định kiểm tra, soát xét nhà ông ấy. Họ bị xúc động mạnh vì vụ tự tử. Họ đã ra lệnh ngưng ngay cuộc vợ vét.

Ở trên giường, dưới lưng bà Salomon, có chiếc cặp da của Isaac Salomon đựng đầy đôla.

Mấy cô y tá kéo xích chiếc cặp da ra để bà Eddy Thall nằm thoải mái hơn.

Khi rời khỏi căn phòng, mấy ông cảnh binh nói với Aurel Popesco:

— Xin chào ông. Không phải lỗi ai hết, lại càng không phải lỗi của người Mỹ. Chúng tôi là nhân

chúng. Ngay sau khi Isaac nhảy ra cửa sổ, người ta cho ngừng cuộc vơ vét.

Tin tức của Aurel Popesco thật đúng. Ngay tối Isaac Salomon tự tử chết, Boris Bodnariuk được lệnh ám sát thống soái các quốc gia Slaves phía Nam.

Sau khi thanh toán xong các thành phần từ sau loại một, Boris Bodnariuk được bổ nhiệm làm Bộ trưởng Quốc phòng. Hắn đến quận Néamtz vài ngày, đến bằng máy bay riêng, do Anatole Barsov lái, Anatole Barsov là viên phi công trẻ của hắn làm quen được ở một bệnh viện gần Moscow. Họ đáp xuống phi trường Piatra.

Người ta đã xây cất một phi trường tại chỗ trước đây là nhà của Pierre Pillat, tại nơi trước kia là ruộng lúa, là vườn rau của Ion Kostaky. Trong ngôi nhà của Ion Kostaky người ta đặt nhiều bàn làm việc. Làng Piatra đã thay đổi. Bodnariuk lên xe.

Hắn bắt tay Anatole Barsov và Igor Poltarev, anh phi công phụ tá và chúc họ vui chơi thỏa thích.

Đường sá Piatra giờ đây rộng rãi và đã tráng nhựa, người ta xây dựng một nhà máy ở làng Piatra. Giữa thành phố Molda và làng Piatra có một dãy nhà mới xây ngói đỏ rực, đó là nhà tù.

Người ta tập thể hóa, quốc hữu hóa đất đai. Đa số nông dân làm việc ở nhà máy và ăn cơm ở “căng tin” (nhà ăn của nhà máy). Họ chỉ trở về nhà để ngủ.

Nhà cửa ở Piatra gần như trống vắng. Người ta không còn đốt lửa nữa vì nông dân từ nhà máy trở về quá khuya, họ vội vàng đi ngủ để lại ra đi lúc rạng đông. Người ta không còn thấy lò sưởi phun khói nữa; không còn thấy bờ rào nữa, không còn thấy mèo nữa, không còn thấy chó nữa, không còn hoa trên cửa sổ nữa. Và ngay cả không còn thấy người ở trong làng nữa, trừ ngày chủ nhật, nhưng ngay cả ngày này, họ cũng phải đi họp ở xã. Và như thế là nhà cửa trống không.

Xe chở Boris lên phía rừng dương. Hắn hài lòng, thỏa mãn vì công việc đã hoàn thành.

— Lần đầu tiên, nhờ những rừng Xô Viết, người ta ban cho con người khả năng không đấu tranh nữa vì sự tồn tại riêng của mình, theo kiểu súc vật. Cá nhân được bảo đảm về mối lo âu ngày mai. Cuộc đấu tranh sinh tồn được tổ chức chung. Đó là đặc ân lớn hơn hết mà người ta đã làm cho con người. Vậy mà họ lại chống đối. Vậy thì họ phải bị tiêu diệt để cho cuộc cách mạng đầu tiên thật sự vĩ đại của lịch sử có thể hoàn thành.

Trong ngôi biệt thự ở miền núi có nhiều rừng dương. Boris Bodnariuk phải chuẩn bị bài thuyết giảng cho Hội nghị các quốc gia Đông Nam Châu Âu. Trước đó hắn đến nghỉ ngơi ba ngày tại đây, trong sự yên tĩnh của núi rừng. Trời lạnh, hắn thắt chặt hơn chiếc khăn quanh cổ, cài nút áo măng tô da và che kín chân trong tấm chăn.

Boris chưa bao giờ có ngày nghỉ. Đây là những ngày nghỉ đầu tiên trong cuộc đời hắn. Hắn sẽ ở trên núi một mình thanh thản trong ba ngày. Hắn mỉm cười, đi xuống ngôi biệt thự có tường trắng được bố trí, sắp đặt theo nguyện vọng của hắn.

Trong thời gian đó, Anatole Barsov và Igor Poltarev, hai anh lái máy bay của Bodnariuk, nghỉ ngơi tại Piatra, một chai rượu Vodka trước mặt.

Anatole Barsov sung sướng vì cuối cùng được xa cô vợ Olga của anh. Đó là một phụ nữ không ngừng làm anh điên đầu. Anh thất vọng, chán nản vì chuyện này. Anh không trách Olga điều gì, trừ việc cô ta luôn kiếm chuyện gây gổ. Đó là một loại cối xay không bao giờ nghỉ.

— Tối nay, không còn bận cãi cọ với Olga nữa. - Igor nói - Không tối nay và không bao giờ nữa, không bao giờ. Cô ta sẽ gây gổ với những bức tường. Vì với cậu, việc đó không thể có được nữa. Chúng ta khởi hành tối nay.

— Chúng ta đi đâu? - Anatole Barsov hỏi.

— Như chúng ta đã quyết định. - Igor nói thật bình tĩnh - Chúng ta có đủ dầu xăng. Chúng ta có tất cả. Bay từ phi trường Piatra dễ hơn là từ Bucarest. Tờ có thể chỉ cho cậu dầu xăng. Nó nằm trong phi cơ.

Anatole Barsov nhớ lại cuộc bàn luận của họ, nhớ từng chỗ một, nhớ như còn nghe thấy từng lời của Igor Poltarev.

Một tối kia, họ đi công tác chung. Igor Poltarev đã đi nước ngoài làm những công tác cho người Xô Viết. Anh đã biết London, Paris, Milan, Berlin. Anh kể chuyện. Igor Poltarev dường đột hỏi Barsov:

— Cậu không muốn trốn qua Mỹ với tớ sao?

— Tớ không phải là một thằng phản nghịch. - Barsov trả lời, giận dữ vì câu hỏi.

— Tớ cũng thế, tớ cũng đâu phải là thằng phản nghịch. - Igor nói. - Trước tiên, tớ hỏi cậu đã, cậu không hợp với vợ cậu và cậu không hợp với các thủ trưởng phi đội cậu, cậu là bạn của bộ trưởng Bodnariuk, đây là sự thật, đồng ý, nhưng ông ta quá bận việc, không có thì giờ dành cho cậu. Tớ hỏi xem cậu có muốn đánh cắp máy bay và trốn đi, trốn Olga, phi đội, nợ nần, chương trình mỗi ngày. Trốn xa mọi sự. Bay đến một nước xa lạ, trở thành giàu có và tự do, tự do, không vợ con, không thủ trưởng.

Barsov nhớ hết tất cả những gì bạn anh nói.

— Tớ nghĩ đến chuyện đó mỗi tối, trong nhiều giờ liền. - Poltarev nói tiếp - Tớ tưởng tượng tớ lên máy bay với một rừng bạn và bay đến một nơi xa lạ, một xứ sở nóng ran. Khi nghĩ đến việc ra đi, tớ sống những giây phút đẹp nhất đời tớ. Thật giống như tớ uống rượu vậy. Tớ sưởi ấm nhờ ánh sáng.

— Cậu không nhận thấy đó là những giấc mơ của một kẻ phản nghịch à? - Barsov hỏi - Nếu như tớ tố cáo cậu với chỉ huy?

— Cậu sẽ không tố cáo mình đâu. - Poltarev trả lời - Tớ biết cậu là bạn tốt của tớ. Trước hết mình là chiến sĩ và công dân Xô Viết và chỉ sau đó mới là bạn cậu. Cậu sẽ không tố cáo mình. - Poltarev vẫn nói - Không có gì xấu trong những điều mình kể cho cậu nghe cả. Tớ biết là cậu cũng mơ ước ra đi với phi cơ và bay đến tận cùng thế giới, mỗi phi công đều mơ ước như thế, đó là chuyện bình thường.

— Tớ công nhận điều đó. - Barsov nói - Tớ cũng vậy. Tớ mơ những chuyến du lịch dài ngày, mơ chuyến bay nhưng cùng lúc tớ cũng mơ trở về và tớ hạ cánh trên đất quê hương Xô Viết mà tớ yêu mến và trung thành.

— Tớ cũng thế. Tớ thích trở về trên đất quê hương Xô Viết. - Poltarev nói - Tớ trung thành và yêu quê hương nhưng cậu phải nhìn nhận một điều quá khắc nghiệt, quá nặng nề đó là: sau những giờ bay vào nơi sâu thẳm nhất của bầu trời, thay vì cậu có đủ mọi thứ dưới chân cậu thì khi hạ cánh xuống đất, cậu lại phải chịu đựng bao nhiêu lời phê bình, nhận xét của phi đội trưởng chỉ vì cậu không cài hết tất cả nút áo!

Igor Poltarev biết cách nói chuyện.

— Cậu thấy chưa, đối với một phi công, đáp máy bay trở về lại quả đất là một điều phũ phàng, đau khổ. Quả đất xấu xí, chật hẹp và dơ bẩn. Quả đất không giống bầu trời. Sau một lần bay, tim cậu thổn thức vì ý nghĩ trở về mặt đất với bao nhiêu chuyện bức mình đang chờ đón cậu: cậu phải vào trại lính, phải trả nợ, phải tiết kiệm, phải thi hành những mệnh lệnh ngu xuẩn, phải cãi cọ với chỉ huy, với mẹ vợ, với vợ, phải chịu đựng những trò vui đùa ngu ngốc của các bạn (đồng chí). Thật là khổ sở khi sau chuyến bay cậu phải trở về lại với tất cả những chuyện đó. Thật đau khổ vì phải rời bỏ bầu trời ở đó cậu là vua của chính cậu, ở đó những vì sao che phủ vai cậu như quân hàm thống soái. Tớ không thể tin được là cậu không cảm thấy những điều đó, như tớ. Tất cả phi công đều mơ ước như vậy.

Anatole ngồi trước mặt Igor Poltarev, cố nhớ lại buổi nói chuyện. Anh nhớ rõ vì từ sáu tháng nay rồi, anh không ngừng nghĩ đến nó. Anh nghĩ đến từng lời được trao đổi. Anh đã trả lời Igor Poltarev:

— Theo quan điểm của cậu thì cậu có lý, nhưng trước hết chúng ta là những công dân Xô Viết và thứ đến, chỉ thứ đến thôi, chúng ta mới là phi công, hoa tiêu.

Cuộc tranh luận chấm dứt với những tiếng sau cùng đó, nhưng chính anh Anatole Barsov đã gọi lại câu chuyện ít lâu sau. Đây là lỗi anh.

— Cậu biết không, tớ cũng thế, tớ nghĩ đến việc ra đi với máy bay. - Barsov nói - Tớ nghĩ là tớ sẽ đi với một người bạn và tớ sẽ không về lại phi đội nữa.

— Cậu tin đó là điều tốt chứ? - Igor hỏi dò.

— Tớ nghĩ đến điều đó, mỗi tối. Tớ phải công nhận đó là những giờ đẹp nhất trong ngày.

— Người ta thấy rõ là cậu đã tìm được một thời hạnh phúc. - Poltarev nói - Lúc sau này, cậu uống ít, cậu mập ra, ít nổi giận, một giọt ước mơ làm dịu cuộc đời.

— Nếu có ai đó nghe chúng ta nói chuyện thế này, chắc chúng ta sẽ bị tóm cổ cả hai đứa quá. - Barsov nói - Chúng ta sẽ bị kết án tù chung thân khổ sai về những điều chúng ta nói.

— Mơ ước là trọng tội sao? - Poltarev nói.

— Tất cả mọi thứ tội ác và tất cả mọi sự phản bội đều bắt nguồn trước tiên từ những giấc mơ. Mơ là nguồn gốc của mọi tội lỗi. Vì lẽ đó mà đồng chí Boris Bodnariuk cho rằng sự mơ mộng cũng phải bị trừng phạt nặng như hành động. Từ mơ đến hiện thực chỉ là một bước rất ngắn. Công lý phải xử phạt cùng mức độ như nhau, giấc mơ, một tội ác còn trong giấc mơ và một tội ác đã phạm rồi. Và lại, tớ tin chắc là công lý Xô Viết đã bắt đầu xử phạt giấc mơ cũng như hành động. Khi mơ, tớ có ý thức phạm tội ác.

— Vậy cậu có thể chuyển những điều cậu mơ thành hiện thực không? - Poltarev hỏi - Ví dụ, leo lên máy bay và đi?

— Điều đó thì không. - Barsov nói - Tớ không bao giờ trở thành một tên phản bội thật sự.

— Nếu cậu là một tên phản bội trong giấc mơ thì cậu sẽ là một tên phản bội trên thực tế. - Poltarev nói.

Cuộc tranh luận trở nên gay gắt.

Anatole Barsov dọa sẽ mách lại hết với Boris Bodnariuk.

— Cậu chỉ mách khi cậu phải khai báo với tòa án là mỗi tối cậu mơ trốn thoát như thế nào. - Poltarev nói - Cậu sẽ phải khai là cậu mơ, cậu lấy cắp máy bay để trốn thoát, đào ngũ như thế nào. Cậu có biết một lời khai như thế có nghĩa gì không? Có nghĩa là đào ngũ nhưng chưa thực hiện vì thiếu phương tiện. Máy ông quan tòa biết rõ là cậu nếu có xăng dầu, cậu sẽ chuyển giấc mơ thành hiện thực và họ sẽ kết tội cậu vì ý định, vì chủ tâm. Cũng giống tớ vậy.

— Tớ sẽ không bao giờ là một tên phản bội. - Barsov vẫn chống chế - Cậu là một thành phần nguy hiểm. Tớ không tố cậu nhưng tớ sẽ tránh không nói với cậu chuyện ra đi tối nay. Tớ không bao giờ trở thành một kẻ phản bội.

— Không phải là một sự phản bội. - Poltarev nói - Đó là một chuyện tự nhiên, bình thường đối với một phi công. Một phi công thường mơ bay cao, đi xa. Đó không phải là một sự phản bội đối với mảnh đất Xô Viết. Đó là lòng trung thành của mỗi người phi công đối với bầu trời, Barsov thân yêu ạ. Chúng ta, những phi công, chúng ta cũng yêu mến bầu trời như quả đất và đó là chuyện tự nhiên vì chúng ta cũng thuộc về bầu trời nữa. Nếu có một sự phản bội trong tất cả những gì chúng ta làm, thì mỗi phi công là một kẻ phản bội vì tất cả những phi công trên thế giới đều làm như thế. Và khi những chàng phi công ước mơ bay, họ không phản bội một mảnh đất nào đó, đặc biệt là mảnh đất quê hương họ, mà họ phản bội cả trái đất. Đó cũng là chuyện tự nhiên. Bầu trời đẹp hơn. Quả đất dơ bẩn, xấu xí. Đó là lý do tại sao, cậu, một phi công thực thụ, cậu sẽ bay với tớ. Hơn nữa, cậu thích xa hoa, tiền bạc, âm nhạc, đàn bà, tất cả những gì đẹp đẽ và vì thế cậu sẽ ra đi với tớ. Chúng ta sẽ thực hiện giấc mơ mỗi tối của chúng ta.

— Giấc mơ phản bội Tổ quốc à? - Barsov hỏi, giận dữ.

— Tớ cũng thế, tớ yêu quê hương tớ, tim tớ sẽ ngập tràn Tổ quốc tớ, bất cứ nơi nào tớ dừng lại. Nhưng tớ ra đi, với cậu như tớ đã ước mơ. Và tớ sẽ tổ chức, sắp xếp cuộc đời mình theo sở thích. Tớ muốn biết các nước xa lạ. Tớ muốn có tiền, muốn khiêu vũ, muốn nghe nhạc, muốn có nhân tình đẹp, lịch thiệp. Đây không phải là phản bội.

— Cậu không phải là một công dân Xô Viết. - Barsov nói - Cậu là một tên phản bội.

— Tớ đã kiếm được một nghìn lít xăng. - Poltarev nói tiếp. - Ngay sau khi tớ có đủ số lượng xăng cần thiết, tớ sẽ cho cậu biết. Tớ sẽ gọi cậu và cậu sẽ đến.

Anatole Barsov không tố Poltarev tối hôm đó, cũng không tố vào ngày hôm sau. Anh tự bảo là sẽ kể lại tất cả cho Boris Bodnariuk nghe nếu anh gặp hắn, nhưng Boris Bodnariuk đã đi khỏi và Barsov không thể kể lại chuyện đó với một ai khác.

Vài ngày sau, Igor Poltarev nói:

— Chúng ta sắp đi được rồi. Tớ rất hài lòng vì cậu đã chấp nhận. Thật tuyệt vời được bay với một người bạn. Và lại trên thực tế, tớ không thể nào đi một mình, tớ cần phải có ai đó.

— Tớ không chấp nhận gì cả. - Barsov nói.

— Việc cậu không tố cáo tớ mặc dù tớ chỉ cho cậu thấy chỗ giấu xăng lấy cắp, có nghĩa là cậu chấp

nhận đi với tớ. Bây giờ thì đã quá trễ để cậu tố giác tớ. Nếu cậu tố, cậu cũng bị bắn chết. Đơn giản là thế.

Igor Poltarev cười lớn rồi khuyên Barsov cũng nên đánh cắp xăng. Barsov từ chối.

Còn bây giờ, anh vừa nghĩ đến tất cả những chuyện đó, vừa nhìn những ngôi nhà trống ở Piatra. Anh uống thêm một ly nữa. Poltarev giấu chai rượu.

— Không được uống nữa. Chúng ta sắp khởi hành trong vài giờ nữa thôi. Tớ có đủ số xăng cần thiết rồi. Mọi cái đã sẵn sàng.

— Tớ không muốn phản bội. Tớ thích chết hơn. - Barsov nói.

— Quá trễ để từ chối. - Poltarev chỉ chiếc máy bay trên đường băng - Mọi sự sung sướng, tốt đẹp đang chờ đón chúng ta ở phía bên kia. Cậu có biết một anh phi công dân sự Mỹ lãnh lương tháng bao nhiêu không? Hơn chúng ta lãnh một năm. Và nếu như cậu biết cuộc đời ở bên đó đẹp như thế nào? Rồi cậu sẽ biết ơn tớ.

— Tớ không chấp nhận phản bội. - Barsov nói. Anh nhìn máy bay. - Tớ không phản bội. - Anh lặp lại.

— Tớ giấu xăng trong mấy lon đồ hộp, để trong khoang chứa của phi cơ. Chúng ta có đủ tất cả những gì cần thiết để khởi hành. - Poltarev nói.

— Và nếu như người Mỹ tóm cổ chúng ta và giao cho người Xô Viết? - Barsov hỏi.

— Đừng sợ gì cả. - Poltarev nói - Tớ bảo đảm với cậu là từ đây đến tám ngày nữa thôi, chúng ta sẽ ở trung tâm thành phố New York, môi phi phèo thuốc lá và túi đầy tiền.

— Cậu bảo đảm với tớ điều ấy à? - Barsov hỏi - Làm sao cậu có thể biết được điều gì sẽ xảy đến?

— Tớ đã ở ngoại quốc và tớ biết nó là cái gì.

Họ im lặng nhìn máy bay.

Barsov nghĩ đến Olga và nói:

— Tớ sẽ đi với cậu: Nếu việc không thành thì tớ tự sát. Và như thế là rất đúng. Một kẻ phản bội thật đáng chết, phải chết. Tớ đã là một kẻ phản bội. Tớ đã trở thành phản bội ngay hôm đầu tiên tớ chấp nhận tranh cãi với cậu, cách nay sáu tháng.

Hai giờ sau, khi họ lên máy bay, Barsov cảm thấy sung sướng. Anh nói với Igor Poltarev:

— Tớ vui sướng được ra đi, vui sướng như chưa bao giờ vui sướng.

— Hạnh phúc của cậu sẽ tồn tại trong tương lai. Cuộc sống chỉ mới bắt đầu. Cậu chưa biết là cuộc sống tốt đẹp như thế nào. Mọi người đều mơ ước ra đi. Cậu may mắn được ra đi như cậu mơ ước. Và đó là một dịp may vĩ đại.

Phi cơ riêng của Boris Bodnariuk, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Rumani, bay về hướng Tây. Nó nhắm hướng nước Áo với hai phi công đào tẩu.

— Đây là giây phút quan trọng của đời tớ. - Anatole Barsov nói.

Lần đầu tiên trong cuộc đời phi công của anh, anh cảm thấy anh bay thật sự, anh cảm thấy anh được tự do. Anh bay như những con chim, bay theo ý muốn mình. Một chuyến bay thật sự.

Bốn giờ đồng hồ trôi qua kể từ khi máy bay biến khỏi phi trường Piatra. Boris Bodnariuk không hay biết gì cả. Hắn ở trong tòa biệt thự khuất giữa rừng thông và lạt từng tờ tạp chí. Hắn không thể ngủ được. Không khí đối với hắn hình như quá lạnh, giường ngủ lại quá êm ái. Hắn bắt đầu viết bài diễn văn hắn sẽ đọc ở Bucarest vào dịp lễ tưởng niệm Tinka Neva và ngày thành lập liên minh các nước Cộng hòa dân chủ Xô Viết vùng Danube.

Hắn linh cảm có một việc gì đó rất nghiêm trọng sẽ xảy đến.

— Tổ quốc Xô Viết lại là nạn nhân của một cuộc phản bội. - Một trong những vị đại tá nói - Thống soái của quốc gia Slaves phía Nam từ chối đến Bucarest để thành lập liên minh các nước Cộng hòa vùng Danube. Ông trở về sống trong tòa lâu đài trên núi. Hai sư đoàn bảo vệ ông ta. Trong vài ngày nữa ông ta sẽ tổ giác hiệp ước với những người Xô Viết.

Boris Bodnariuk đứng lên. Hắn giận run người. Hắn đã gửi cho Moscow nhiều tin tức thông báo việc thống soái các quốc gia Slaves phía Nam liên lạc với phương Tây. Ông ta đưa ra việc thành lập liên minh Danube, để sau đó tách rời khỏi những người Xô Viết và cầu kết với các nước tư bản.

Boris Bodnariuk biết rõ sự phản bội của thống soái không do lòng khát khao tiền bạc cũng không do quan niệm tư tưởng mâu thuẫn, bất đồng. Thống soái là một người kiêu ngạo. Ông ta muốn trở thành một người chủ tuyệt đối, một nhà độc tài. Trong khuôn khổ các nước Cộng hòa Liên bang Xô Viết, việc đó không thể có được. Vì vậy ông ta chơi con bài Mỹ.

Người Mỹ đã hứa với ông ta - với điều kiện là ông cắt đứt liên lạc với Nga Xô - là họ sẽ giúp để thành lập Liên minh Danube bao gồm các nước Rumani, Bulgaria, Hungary, Yugoslavia, l'Allareie, Áo và ông ta sẽ là người cầm đầu.

Khi ông ta có đủ những đảm bảo để trở thành kẻ độc tài, nhờ sự giúp đỡ của người Mỹ, thì ông ta phản bội.

Boris Bodnariuk mời hai sĩ quan Nga uống trà. Hắn thả bước dài quanh phòng, về kích động.

— Tôi tin chắc là ông thống soái phản bội. - Hắn nói - Chúng tôi là bạn bè nhưng vào cái ngày tôi nhận thấy hắn có một con chó và hắn hết mực thương yêu con chó đó thì tôi biết hắn sẽ là một tên phản bội. Một người có một say mê đối với một cái gì đó thì sẽ trở thành một kẻ phản bội rõ rệt nhất. Một người thương chó một cách say đắm không thể là một con người Cộng sản. - Bodnariuk nói nhanh. - Lại còn tệ hơn nữa, - hắn nói tiếp - thống soái các quốc gia Slaves phía Nam có những bộ quân phục sáng chói hơn cả Gaesiuf nữa, áo choàng thêu vàng, đồng phục ca nhạc. Những con nhà nòi, những tòa lâu đài thời Trung cổ. Thế thì tự nhiên hắn ta phải đi đến chỗ phản bội. Lão đã phản bội giai cấp thợ thuyền lao động. Chỉ cần nhìn con chó và mấy bộ đồng phục là tôi biết lão ta sẽ phản. Mỗi lần nhìn thấy con chó của thống soái, tôi chỉ muốn rút súng ra và bắn hạ nó dưới con mắt lão. Người Cộng sản kiên cường đó đã trở thành tên phản bội chỉ vì con chó. Chỉ cần một đam mê thôi, những đam mê tự nhiên sẽ có tiếp theo sau, và con chó là đam mê đầu tiên.

— Moscow muốn ngài đi qua xứ Slaves phía Nam. - Một đại tá nói - Thống soái phải bị cầm tù hoặc bị bắn hạ trước khi sự phản bội của lão ta được công khai trong công chúng. Không nên để mất một giây phút nào nữa.

— Chúng ta hiện có năm sư đoàn ở trong nước. - Vị đại tá thứ hai nói. - Ngày mai, suốt cả ngày mai sẽ có nhiều sư đoàn khác vượt sông Danube, họ đến từ Horyrie, Áo, Rumani. Ngay cả một đoàn phi cơ thuộc quyền sử dụng của Ngài. Phi đội đó đã có tại chỗ. Tùy theo nhu cầu, chúng tôi có thể chuyển đến số lượng máy bay cần thiết theo đòi hỏi của Ngài. Chỉ cần vài tiếng đồng hồ thôi. Moscow yêu cầu Ngài đến cung điện Mùa Đông của thống soái. Ngài có thể sử dụng, ngay trong thành quách của cung điện, ngay dưới sự canh gác, phòng vệ của lâu đài một tiểu đội cảnh sát, một đại đội lính dù, và một phần đội du kích người

Alanair mà Ngài có thể tin tưởng được. Chúng đã được tập luyện kỹ lắm, chúng sẽ biết cách vào trong cung điện. Ở trong máy bay tôi sẽ cung cấp cho Ngài mọi chi tiết của kế hoạch. Moscow hân hoan vì đã phó thác nhiệm vụ này cho Ngài. Thống soái các quốc gia phía Nam sẽ không nghi ngờ gì Ngài cả vì Ngài là một trong những bạn thân của lão ta. Có thể lão ta sẽ mời Ngài tham gia vào sự phản bội của lão. Tóm lại, lão ta phải bị bắt làm tù binh hoặc bị ám sát trong vòng bốn mươi tám giờ trở lại nghĩa là trước khi công luận biết đến sự phản bội của lão.

— Thống soái các dân tộc phía Nam đã được thông báo về cuộc viếng thăm của Ngài vào buổi sáng ngày mai. - Viên đại tá thứ nhất nói - Lão đã xác định việc đó qua đài phát thanh và đang đợi Ngài. Ngài là người duy nhất có thể lọt vào ổ răn độc để vận cổ nó. Bây giờ chúng ta phải gấp rút lên thôi.

Họ nhìn đồng hồ treo tường đã không còn chạy được nữa.

Boris Bodnariuk nhanh chóng mặc quần áo.

“Một người Cộng sản chân chính sẽ không hề biết đến một đam mê trần thế nào.” Hắn nghĩ. “Một người Cộng sản đích thực phải vượt lên trên thân phận nô lệ, một người Cộng sản đích thực nhất thiết phải không còn có bản năng sinh tồn nữa. Anh ta phải sẵn sàng hiến dâng sự sống của mình cũng dễ dàng như anh ta cho đi một chiếc áo somi, hay hộp đựng thuốc lá bởi vì tất cả con người anh ta đều thuộc về người Xô Viết, kể cả sự sống của anh ta.”

Boris Bodnariuk suy nghĩ về kế hoạch tiêu diệt cả thống soái lẫn con chó. Ở phòng bên cạnh, hai viên đại tá đùa giỡn với cô tớ gái, Boris Bodnariuk không hài lòng về chuyện này.

Hắn ghét đàn bà, mỗi một người đàn bà đều có thể trở thành một đối tượng đam mê cho một người Cộng sản. Người đàn bà trước hết là một kẻ thù đối với đàn ông, đối với Đảng, đối với những người Xô Viết.

Một người đi xe mô tô dừng lại trước tòa biệt thự. Anh ta đưa đến Boris một bức điện tín đầy chữ số.

Máy bay riêng của Ngài đã vượt biên giới và đã đáp xuống vùng kiểm soát của Mỹ tại Đức. Đào ngũ có dự tính trước của hai phi công Igor Poltarev và Anatole Barsov. Kiểm tra lại xem có tài liệu nào mất không?

Bodnariuk xé nát mảnh giấy trên đó hắn đã giải xong bức điện tín và đốt nó với một que diêm. Hắn có tỏ ra bình tĩnh nhưng hắn không làm được. Đối với những kẻ phản bội, hắn có một sự căm thù tàn bạo nhưng chưa bao giờ hắn căm ghét những tên phản bội và sự phản bội bằng đêm nay. Hắn chỉ có một mơ ước. Tự tay siết cổ thống soái mê chó để trả thù cho tất cả những vụ phản bội đã qua và sẽ đến; sự phản bội của Natacha, của Barsov, của Poltarev và mọi người.

Với cơn khát máu đỏ, hắn lên máy bay có hai viên đại tá Nga hộ tống và bay ngay trong đêm, đến vị thống soái mê chó, đến ổ răn độc.

— Tôi ao ước trong lúc bắn bỏ lão ta, ta bắn chết luôn con chó, bắn chết cả hai với chỉ một viên đạn. - Boris Bodnariuk lầm bầm trong khi máy bay rời khỏi phi trường Piatra.

XII

Vài ngày sau vụ tự tử của Isaac Salomon, Ante Petrovici có mặt trong phòng của Schaffner Daniel Motok.

— Tôi yêu cầu Ngài đến để nhờ Ngài giúp cho một việc - Motok nói - Tôi buôn lậu cùng với Isaac Salomon. Cảnh sát đang truy lùng tôi và tôi phải đi. - Motok muốn giữ vẻ bình tĩnh.

— Nếu như Canada, Úc hay Achantina nhận tôi thì tôi đã không buôn lậu. Tôi đã thử khắp nơi. Nếu tôi bị bắt, người ta sẽ kết án tù năm năm. Hôm nay tôi đi Hoa Kỳ, khoảng hai giờ nữa thôi. Tôi cần sự giúp đỡ của Ngài.

Phòng của Motok thật ngăn nắp. Trên giường ngủ có một vali; một cái thùng bằng gỗ mới để ở phía sau cánh cửa. Ông ta xem giờ.

— Người ta đã hỏi tôi nhiều lần rồi. Họ có thể trở lại bất cứ lúc nào. Tôi biết lính Mỹ có quyền gửi về gia đình họ những chiến lợi phẩm lấy ở Châu Âu. Họ có quyền gửi về cho gia đình tất cả những đồ vật xác nhận lòng dũng cảm của họ trong “cuộc viễn chinh” để giải phóng Châu Âu. Họ trang trí nhà cửa với những lợi phẩm đó. Và tôi đã tự kiếm được cái thùng gỗ này.

Motok chỉ vào cái thùng gỗ mới toanh để ở phía sau cánh cửa. Phía trên có dòng chữ: *Chiến lợi phẩm*.

— Tôi sẽ vào nằm trong cái thùng gỗ đó. Tên lính Mỹ John Schueith sẽ đến lấy cái thùng gỗ và mang nó ra phi trường lúc sáu giờ. Tôi sẽ ở trong đó. Nếu tôi không bị chết ngạt trong cuộc hành trình thì tôi sẽ đến nước Mỹ. Ngay sau khi tôi vào trong thùng gỗ, xin nhờ Ngài đóng đinh kỹ nắp thùng và giao nó lại cho John Schueith. Đó là lời cầu xin duy nhất của tôi. Khi anh ta bỏ được cái thùng lên xe Jeep rồi thì Ngài đưa cho anh ta 500 đôla. Tôi xin Ngài ráng giúp cho tôi việc này.

Búa, đinh, tiền đôla, tất cả đã để sẵn trên bàn. Motok chờ Ante Petrovici trả lời.

— Anh lính Schueith biết có ông trong thùng gỗ không? - Petrovici hỏi.

— Không, thưa Ngài. - Motok trả lời - Anh ta đã nhận lời tôi với những điều kiện sau đây: Tôi phải cho anh ta 500 đôla tiền chuyên chở. Cái hòm không nặng quá 100 kilô và không đựng đồ bị cấm, ai đó phải mang chiếc hòm từ phòng ra xe Jeep. Tôi đã hứa với anh ta sẽ tôn trọng tất cả các điều kiện trên. Anh ta sẽ đến đây lúc sáu giờ. Bà Blanche Schueith là mẹ anh ta nhưng cái hòm sẽ nằm đợi ở phi trường New York cho đến khi người nhận đến lấy nó ra.

— Ông tự xem mình là một đồ vật mà chính quyền cho phép lính Mỹ gửi về gia đình họ thay thế cho những chiến lợi phẩm của cuộc “viễn chinh” để giải phóng Châu Âu sao?

— Những thùng chiến lợi phẩm không bị mở ra ở phi trường. - Motok nói - Các thùng hàng được kiểm soát bằng quang tuyến X. Tôi đã dò hỏi kỹ rồi. Qua quang tuyến X người Mỹ thấy hết tất cả những gì có trong thùng gỗ.

— Thật là phi lý, ấu trĩ và không thể thực hiện được. - Ante Petrovici nói - Trước hết, ông quên rằng cơ thể con người chứa đựng nhiều kim loại và muối khoáng có thể nhìn thấy được qua quang tuyến X. Cơ thể con người cũng có xương. Cảnh sát ở phi trường sẽ thấy bộ xương của ông. Cảnh sát sẽ không nhìn thấy thịt ông, máu ông, tim ông và nỗi tuyệt vọng của ông. Họ chỉ nhìn thấy bộ xương của ông. Phần còn lại nghĩa là thịt, máu, não, da của một người không làm cho các ngài cảnh sát thích thú đâu. Cảnh sát không gán cho những thứ ấy một cái giá nào hết. Chỉ có bộ xương của ông và sọ não của ông họ thích. Họ sẽ khám phá ra cột sống của ông, xương hàm, sọ não, tất cả những gì có chất kim loại hoặc chất vôi. Chính quyền sẽ không nhìn thấy tim ông, tôi biết rõ lắm nhưng cảnh sát hiện tại cùng với máy móc tinh vi của họ, sẽ khám phá ra bộ xương của ông trong cái hòm gỗ và như thế là ông không được chấp nhận trong máy bay. Những bộ xương người không thể vượt biên giới, ít nhất đó là điều tôi đang nghĩ.

Motok mở nắp hòm gỗ, phía trong được dán bằng giấy kẽm bạc gỡ ra từ mấy bao thuốc lá hay sôcôla.

— Người ta không thể thấy sọ não cũng không thấy được xương sống qua giấy kẽm bạc. Bộ xương

của tôi sẽ tới đi.

Ante Petrovici nín thinh.

— Cái thùng gỗ được đóng theo kích thước của tôi. - Motok nói - Trong thùng tôi có sẵn cà phê, vitamin và rượu Conjee. Tôi có đủ mọi thứ cho cuộc hành trình. Kiên nhẫn tôi cũng sẽ có. Tôi chỉ cần một chút xíu may mắn. Tôi đã nghiên cứu kế hoạch trong nhiều tuần nay. Ý định chợt đến với tôi khi tôi đọc thấy một cô gái trẻ đã muồn qua Mỹ trong một hòm gỗ được gửi đi như một thùng hàng bình thường, đơn giản nhưng ngay trước lúc phi cơ chưa khởi hành, cô ta đã bị ngạt và kêu cứu.

— Tôi không nhận giúp ông được. - Ante Petrovici nói - Tôi không muốn làm những gì ông yêu cầu tôi. Giả sử rằng ông sẽ đến được Hoa Kỳ, không bị phát giác và còn sống sót, đối với tôi điều này thật đáng nghi ngờ, thì ông sẽ ra sao ở New York? Chỉ một giờ sau là ông sẽ bị bắt và bị đưa trả lại đây. Hoa Kỳ đã trả về nước như thế hàng triệu người di cư bất hợp pháp. Hàng ngày có nhiều tàu bè chở đầy người bất mãn hoặc người trốn đi bí mật, rời cảng Mỹ để cập bến Châu Âu.

Sau tất cả những cố gắng của ông, ông sẽ chỉ được bắt bỏ lên một chiếc tàu rào dây kẽm gai và được trả lại nước ông. Đại Tây Dương đầy rẫy những thuyền bè như thế, những nhà tù nổi bồng bềnh chở tù nhân đến Châu Âu. Từ ngày Chiến thắng, không chỉ mặt đất mới có nhà tù mà biển cả và đại dương cũng có nhà tù nổi, ông muốn rời khỏi nhà tù trên đất cạn để rồi bị nhốt vào nhà tù nổi à?

— Ông từ chối làm tôi buồn khổ quá. - Motok nói - Nhưng thật sự tôi không thể nhờ một ai khác đóng nắp thùng kết cho tôi được. Bọn bè tôi đã biến hết. Isaac Salomon tự vẫn. Varlaam đang ở Palestine, Aurel Popesco đã trở thành một công chức cao cấp không có thể gặp được nữa. Pillat là một con người tình cảm. Tôi không thể nhờ ông ta việc này. Tại sao Ngài từ chối tôi, thưa tiến sĩ?

— Bởi vì đối với tôi, việc này cũng đồng nghĩa với một vụ tự sát. Tôi không thể hoàn thành nó được... Hãy tha thứ cho tôi, Motok. Tôi cảm thấy, một nỗi xót xa đối với con người, không chỉ đối với riêng ông hay với tôi đâu mà đối với tất cả những người bị buộc phải đi đến những giải pháp tuyệt vọng như thế.

Trên mặt địa cầu đã có hơn một trăm triệu người đã phải dùng đến các giải pháp tuyệt vọng như ông. Ông hãy nghĩ coi, một trăm triệu. Một nửa dân số Hoa Kỳ, hai lần dân số Pháp. Những con người lang thang, tuyệt vọng, không còn quyền lợi nào cả. Chưa bao giờ có một thứ vô sản tối tăm nhất, khốn nạn nhất mà quả đất phải curu mang. Do những thỏa ước và hiệp định được ký kết giữa phương Tây với phát xít Đức rồi sau đó với những người Xô Viết mà bây giờ hàng trăm triệu người bị trấn lột tài sản, bị ném xuống đường và phải kiếm tìm trong tuyệt vọng một nơi nào đó để bám víu. Tôi không có can đảm để giúp ông điều ông yêu cầu.

Ante Petrovici muốn rời khỏi phòng Motok.

— Cũng có thể chính quyền cấp giấy phép xuất ngoại ngay cả khi người ta khám phá bộ xương của ông trong thùng kết. Một khi các chiến binh can trường kia có quyền gửi về cho mẹ họ nào kiếm, nào áo đồng phục, nào khiên chương, nào cúc áo kẻ thù đã ngã gục để trang trí, làm đẹp nhà cửa họ thì tại sao họ lại không gửi một sọ não hay một bộ xương như chiến lợi phẩm? Nếu các chiến sĩ đó gửi cho mẹ họ hay vợ họ một bộ xương toàn vẹn của kẻ thù thì lòng dũng cảm của họ càng được thuyết phục hơn nữa. Những chiến lợi phẩm có giá trị hơn cả được các binh lính viễn chinh gửi về nước họ là những sợi dây người ta dùng để treo cổ các nhà lãnh tụ đối địch. Nếu họ gửi được những sợi dây thắt cổ thì tại sao họ không gửi những bộ xương? Cũng có thể xảy ra cái điều hi hữu là họ không làm phiền ông trong chiếc quan tài di động của ông và đánh giá ông cao như là một chiến lợi phẩm? Ôi, có thể tôi dễ bị điều khiển bởi lòng hận thù. Hãy tha thứ cho tôi, Motok, hồn tôi quá nổi loạn.

— Nếu Ngài không muốn giúp tôi, tôi sẽ kiếm một người khác. - Motok nói (ông ta xem giờ) - Tôi phải chui vào trong thùng kết đóng đinh. John Schueith sẽ đến vào lúc sáu giờ đúng.

XIII

Ante Petrovici từ chối không đóng đinh thùng gỗ trong đó có bạn ông. Motok tìm một người nào khác làm việc đó giúp ông ta.

Đến bây giờ, cái thùng trong đó có Motok đã được chở tới phi trường, gần chiếc máy bay đi New York cùng với nhiều thùng chiến lợi phẩm khác. Máy kiểm soát không phát giác Motok. Vậy là người ta sẽ chở ông đi. Ông nghe tiếng chong chóng phi cơ, mệnh lệnh của mấy nhân viên, tiếng nói chuyện của hành khách. Hai người lại gần thùng gỗ trong đó có Motok. Họ nói tiếng Nga, Motok biết rõ đó là những hành khách sẽ cùng đi một chuyến tàu với ông. Ông chăm chú lắng nghe cuộc tranh luận của họ. Một người tên là Igor, người kia có tên Anatole Barsov. Hai người đó đang cãi nhau. Motok theo dõi cuộc cãi vã. Ông hiểu ra đó là những phi công Xô Viết đào ngũ và được người Mỹ mang về Hoa Kỳ.

— Cậu chỉ là một thằng ngốc. - Người có tên Igor nói - Nếu cậu cứ tiếp tục nói với người Mỹ rằng cậu không trốn đi vì những lý do chính trị thì họ sẽ trả cậu về lại ngay.

— Tôi không thể nói láo được. - Anatole Barsov nói.

— Cậu phải kể lại với người Mỹ những gì họ muốn nghe. - Igor Poltarev nói - Người Mỹ không cần sĩ quan Nga đến ở nước họ vì các sĩ quan đó cãi lộn với vợ hoặc không trả được nợ nần. Người Mỹ tiếp nhận chúng ta và đối xử với chúng ta như những ông hoàng vì họ xem chúng ta đã chạy trốn với tư cách là kẻ thù của chế độ thay vì nói với các nhà báo về Staline, về Boris, về sự khủng bố của Cộng sản, cậu chỉ muốn lập đi lập lại như một thằng khùng rằng cậu cãi lộn suốt ngày với vợ, với chỉ huy phi đội và cậu bị thương như thế nào ở chiến trường. Điều đó không thể làm cho người Mỹ thích thú được. Họ muốn cậu nói với họ về Staline.

— Tôi chẳng biết gì về Staline hết. - Barsov nói - Tôi chưa bao giờ thấy ông ta, vậy thì cậu muốn tôi kể gì về ông ta đây?

— Cậu chỉ cần nói với họ là cậu nhìn thấy ông ta từ xa, trong một cuộc diễn binh nhưng không ai có thể lại gần ông ta được vì có cả một đội quân khoảng vài trăm tên lính người Caucase^[17] cao hai mét và được vũ trang đến tận chân răng, luôn canh gác, bảo vệ ông ta. Nói giống như tôi đã nói với họ vậy. Cậu không để ý là người Mỹ thích nghe loại chuyện như thế này biết chừng nào à?

— Tôi không thể làm được chuyện đó. - Barsov nói.

— Ít nhất cậu cũng phải nói với họ là cậu bỏ trốn vì lý do chính trị, vì sự khủng bố không giới hạn của người Xô Viết, vì không ai có thể sống tại nước Nga. Ít nhất cậu phải nói với họ rằng thuộc điều sĩ quan Nga dùng quá dở, rằng chúng ta thiếu lương thực.

— Tôi có thể nói với họ là lương thực và thuốc lá không đủ. - Barsov nói - Vì đó là sự thật.

— Cậu hãy nói với người Mỹ rằng cậu ngây ngất vì quá thán phục xe hơi của họ, đồng phục của họ, đồ ăn của họ, sôcôla của họ và rằng các thứ đó không có tại Nga Xô. Người Mỹ là những thương gia vì thế họ rất thích được nghe ca tụng, tán dương và đối xử như những nhà quân sự và ngoại giao. Nếu cậu nói với họ như thế, cậu sẽ giàu có ngay.

— Tôi ấy à? Tôi có lương tâm. - Barsov nói - Tôi không phải là một thằng dối trá, dễ tiện, còn cậu, cậu có thể là một thằng dễ tiện.

— Cậu là một thằng ngu. - Igor nói - Nếu cậu không nghe lời khuyên của tôi, thì mọi việc sẽ xui xẻo đối với cậu thôi.

Mấy người thợ nâng cao cái hòm gỗ trong đó có Motok và cẩn thận dùng ròng rọc đưa nó lên máy bay, không dám đụng mạnh vào nó. Máy người thợ thấy rõ trên mặt hòm gỗ có đề chữ *Chiến lợi phẩm* và họ biết rõ là cần phải di chuyển cẩn thận và khéo léo các chiến lợi phẩm.

XIV

Boris Bodnariuk bay trên mây để đi đến xứ Slaves phía Nam. Hai đại tá Xô Viết ngồi im lặng. Boris cũng thế.

Cả ba tỏ ra như mơ màng nhưng thật sự cả ba người đều suy nghĩ một kế hoạch ám sát vị thống soái mê chó đó.

Viên đại tá thứ nhất - Ông mập nhai kẹo bạc hà. Ông ta đến gần Bodnariuk, mời hắt một viên kẹo xanh trị ho và nói nhỏ vào tai hắt:

— Đến trưa, sẽ có một bữa tiệc nhân danh Ngài tại lâu đài vị thống soái mê chó. Chúng ta sẽ phải để súng lại trong phòng gửi quần áo. Một người của chúng ta sẽ lên bỏ súng khác vào túi áo chúng ta. Như vậy ở bàn ăn, chúng ta sẽ là năm người có vũ khí.

Im lặng! Viên đại tá nhìn những tảng mây đang bao quanh máy bay.

— Quân của chúng ta bắt đầu đổ vào nước Slaves phía Nam.

Boris Bodnariuk nhả viên kẹo, viên đại tá cho vào chiếc khăn tay.

— Từ đây đến tối, vị thống soái mê chó sẽ bị giết. - Viên đại tá nói - Quân chúng ta sẽ nắm trọn xứ này trong tay. Quân chúng ta sẽ chỉ còn cách Vatican vài trăm cây số. Việc thanh toán thống soái mê chó mở cửa cho Hồng quân vào Ý, vào Paris, vào London. Công tác chúng ta sắp hoàn thành hôm nay là một trong những công tác quan trọng nhất của lịch sử. Tất cả đều phụ thuộc ở sự khéo léo của chúng ta. Phân đội quân Albania đã vào trong tường thành tòa lâu đài.

Viên đại tá nhìn đồng hồ và mỉm cười.

— Từ đây đến một giờ chiều, con chó của Ngài thống soái sẽ mò côi. Một con chó không có thống soái?

Viên đại tá lại lấy thêm một viên kẹo bạc hà.

Phi cơ bay ở độ rất cao. Hình như nó hơi nghiêng về phía bên phải.

Bodnariuk mệt mỏi.

Một trong những phi công quay lại và la lớn:

— Cháy!

Boris Bodnariuk kiểm tra lại dù nhảy. Hắt nhìn qua cửa sổ. Phi cơ tiếp tục bay nhưng hơi nghiêng. Boris nắm tay để đập bể kính. Hắt muốn hỏi mấy anh phi công cần phải làm gì. Hắt giữ chặt nắm tay co quắp như hồi mười lăm tuổi hắt đã giữ chặt như thế khi nhảy xuống sông Dniestr. Tất cả đều giống như hồi đó.

Phía bên ngoài người ta chỉ thấy mây trắng, Boris Bodnariuk không sợ hãi. Hắt chuôi chiếc cặp xuống dưới bộ đồng phục và choàng treo áo măng tô da lên ngực.

Hắt nghĩ là hắt và mấy người kia đang ở phía bên trên nước Đức. Nếu phi cơ không thể hạ cánh thì hắt phải nhảy dù thôi. Chỉ có một điều làm hắt bức mình: mùi kẹo bạc hà. Hắt ho, chỉ muốn nôn ra. Cái mùi bạc hà đó làm hắt hết sức khó chịu. Máy bay đầy khói.

Bodnariuk dùng tay mang găng đập vỡ kính. Kính vỡ nhưng không khí bay vào ngột ngạt, khó thở. Bodnariuk đứng lên. Khói lan cùng hết, phủ ngập hết. Boris tìm cửa. Khung cửa sổ tròn quá nhỏ, Boris không thể nhảy xuống bằng cửa ấy. Hắt kéo sát áo vào ngực, hồi hận đã không tìm cửa ra trước khi máy bay ngập khói. Hắt không tìm được cửa. Bao tử lại phản hắt. Mùi bạc hà làm hắt nôn mửa. Hắt cúi gập tường như sụp xuống, té xỉu. Hắt không nghĩ thấy mùi bạc hà lơ lửng, ngon ngọt nữa. Hắt cảm thấy như bị đắm, chìm.

Hắt không thể đứng thẳng lên được. Ai đó kêu lớn. Hắt không trả lời được và không nghe người ta nói gì với hắt. Hắt cúi xuống, cảm thấy chìm vào trong đêm tối và trong sự buồn nôn ghê tởm của mùi kẹo bạc hà.

“Ôi cái kẹo khốn kiếp!” Bodnariuk nghĩ. Sự buồn nôn đã biến thân xác hắn thành hư không và rồi không còn gì nữa cả. Cơ thể Bodnariuk đã phản bội hắn. Đầu đầu cũng chỉ có phản bội, phản bội khắp nơi. Anatole Barsov phản bội hắn. Thống soái mê chớ phản bội hắn. Bản thân cơ thể Boris Bodnariuk phản bội hắn.

Kinh tởm, hắn nhắm mắt lại. Hắn không còn nghe mùi vị bạc hà nữa. Hắn kinh tởm cả kẹo lẫn sự phản bội. Kinh tởm tất cả mọi sự phản bội nhưng nhất là sự phản bội của chính thân xác hắn.

Chỉ còn là một sự buồn nôn, một sự sụp đổ trong vực thẳm và hư vô.

Khi mở mắt ra. Boris chỉ nhìn thấy một màu trắng xung quanh hắn. Ánh sáng rực rỡ làm hắn chảy nước mắt. Hắn khép mắt lại và cảm thấy chìm đắm trong bóng đêm.

“Lại một sự phản bội nữa.” Hắn tự bảo. Hắn thử đưa một chân lên cao, cái chân như đã chết. Hắn lại thử đưa tay lên, cánh tay cũng thế, nó đã chết.

“Kẻ thù của những người Xô Viết, chắc chắn đã biết được nhiệm vụ công tác của ta vì thế bọn chúng đã gây ra tai nạn.” Boris nghĩ thầm. Hắn lại mở mắt ra. Hắn đang ở trên núi, tuyết rơi. Hắn chết cứng trên tuyết. Hắn muốn cử động nhưng thân xác hắn không nghe lời hắn nữa, chỉ có lý trí và con mắt là còn phục tùng hắn nhưng con mắt thì chỉ nhìn thấy màu trắng khi mở ra và màu đen khi nhắm lại. Mà chỉ một con mắt còn vâng lời, con mắt kia nhắm kín, chết. Có lẽ nó đã rời khỏi ổ mắt.

Boris Bodnariuk lại nhắm con mắt “sống” lần nữa, hắn chỉ thấy màu đen. Hắn lại mở con mắt “sống” ra. Xung quanh hắn, chỉ toàn màu trắng. Không phải tuyết trắng mà là những người đàn bà mặc đồ trắng, những người đàn ông mặc đồ trắng, những bức tường trắng, những khăn trải giường trắng.

“Ta chỉ còn một con mắt thôi.” Hắn tự nhủ. “Giống như Angelo. Và với con mắt này ta chỉ thấy màu trắng và màu đen thôi. Hai màu đen và trắng lại không phải là màu sắc.”

Boris Bodnariuk lục tìm trong trí nhớ mình một màu sắc khác. Ngay cả trong trí nhớ, hắn cũng chỉ thấy có màu đen và màu trắng. Tất cả những gì hắn đã nhìn thấy trong quá khứ chỉ là màu đen và màu trắng. Boris Bodnariuk đã không nhận ra rằng, đúng lúc này đây, hắn đã đạt tới lý tưởng mà vì lý tưởng đó, Đảng và các thành viên của Đảng đã đấu tranh. Chia vũ trụ ra làm hai màu: màu đen và màu trắng. Cũng giống như khi nhắm mắt, hắn thấy màu đen và khi mở mắt hắn thấy màu trắng, nhiều người sẽ nhìn thấy sự vật trắng hay đen tùy theo sự cần thiết, sự đòi hỏi và lịch sử. Đó là lý tưởng: Một vũ trụ sáng sủa, rõ ràng không màu sắc. Màu sắc là vô bổ, vô dụng và phức tạp - trắng đen là đủ rồi. Có và không, đồng ý và không đồng ý là đủ rồi. Vũ trụ không cần câu trả lời nào khác ngoài “có” hoặc “không”. Những câu trả lời khác đều phản động. Những câu trả lời khác là sắc thái, cấp độ.

Boris cảm thấy một vật thể lạ dính vào lỗ tai. Sau đó hắn nghe nhiều tiếng động. Hắn quên bẵng đi là hắn có thính giác. Thời gian sau này hắn không nghe gì nữa cả. Hắn sống nhưng hoàn toàn điếc. Hắn không còn cảm thấy những đau đớn nữa, vậy mà giờ đây, mi mắt hắn đã cho hắn lại sự đau khổ.

— Chúng tôi muốn ở lại một mình với bệnh nhân. - Một giọng nói bằng tiếng Anh rất khó nghe, phát ra.

Cái máy được gắn vào tai Bodnariuk lạnh tanh. Hắn tưởng như gặp phải cái cảm giác lạnh tanh đó lần đầu tiên. Sau khi hắn nhớ lại là cũng có cảm giác nóng nhưng lúc này hắn chỉ cảm thấy cái lạnh.

Hắn mở con mắt “sống” ra. Trong phòng chỉ còn lại hai sĩ quan Xô Viết. Họ có vẻ đen ngòm. Những người đàn ông và đàn bà trắng đã đi rồi.

— Nhờ chích thuốc Ngài sẽ tỉnh một giờ. - Vị sĩ quan Xô Viết nói (bây giờ hắn ta nói tiếng Nga). - Ngài hãy cho chúng tôi biết Ngài có thể nghe và hiểu chúng tôi hỏi không, nếu Ngài không thể nghe được thì chúng tôi sẽ chích thêm cho Ngài một mũi kim nữa. Chúng tôi phải hỏi Ngài. Chúng tôi được Bộ tư lệnh Xô Viết tại Vienne gửi đến.

Họ đưa trả giấy chứng minh nhân dân cho Boris xem hắn có thể đọc được không và xem hắn có hiểu được điều hắn đọc không.

Bodnariuk nhìn thấy con dấu của công an Xô Viết chìm. Hắn cảm thấy an toàn.

— Ngài đang ở trong một quân y viện Hoa Kỳ. Ngài có nhớ điều gì đã xảy đến với Ngài không? Ngài đã khởi hành từ Piatra bằng máy bay. - Viên sĩ quan nói - Máy bay bị rơi trên núi. Ngài là người sống sót duy nhất. Tất cả mấy người kia đều chết hết. Người Mỹ đã chờ Ngài về đây. Chúng tôi được thông báo về

tai nạn của Ngài.

Suốt hai tuần nay chúng tôi đã thử nói chuyện với Ngài nhiều lần nhưng đều thất bại. Người ta nói rằng trong tình trạng bị chấn động, Ngài đã khai tên là Boris Neva. Chính dưới cái tên này mà Ngài được ghi danh vào sổ sách bệnh viện, thật hoàn hảo. Hãy giữ y lời khai của Ngài. Tốt hơn không nên để cho người Mỹ biết rõ lý lịch của Ngài. Thật ra, Ngài có biết rõ tên Ngài không?

— Boris Bodnariuk. - Hấn nói.

— Chúng tôi có thể đưa Ngài trở về nước trong mười ngày nữa. - Viên đại tá nói - Trong khi chờ đợi, xin Ngài cứ giữ y tên Ngài là Boris Neva. Bây giờ xin Ngài lặp lại những gì chúng tôi vừa nói.

— Tôi bị rơi cùng với máy bay. - Boris lặp lại - Tôi được chở đến một bệnh viện Hoa Kỳ, tại đây tôi xưng tên là Boris Neva. Trong mười ngày nữa tôi sẽ được trở về Tổ quốc. Tôi không được tiết lộ lý lịch thật của tôi.

Bàn tay viên đại tá vỗ về thân mật lên vai Boris. Lần đầu tiên hấn cảm nhận được cái vai của chính hấn.

— Tôi rất tiếc vì chưa thể đưa Ngài đi ngay được. - Viên sĩ quan thứ nhất nói - Người Mỹ quả quyết rằng Ngài còn trong tình trạng chưa thể di chuyển được. Chúng tôi sẽ đến thăm Ngài đều đặn.

— Một sự phá hoại à? Hay một sự phản bội? - Boris hỏi.

— Kẻ có tội sẽ bị trừng phạt, thanh toán. - Viên sĩ quan vừa nói vừa đi ra.

— Tốt lắm, nếu bọn chúng đã được “thanh toán”. - Boris nói - Rất tốt.

Hấn nhắm mắt và lại rơi vào trong bóng đêm.

Vài ngày sau, mấy sĩ quan Xô Viết lại đến thăm Boris ở bệnh viện. Cả ba thảo luận thật lâu.

— Tai nạn máy bay này là một tai họa lớn. - Viên đại tá nói - Lão thống soái các quốc gia Slaves phía Nam đã không bị thanh toán. Lão đã công khai hóa sự phản bội của lão. Những người Xô Viết đã mất Địa Trung Hải, cửa ngõ vào phương Tây, mất biển Adriatique. Đây là một thảm họa. Ta phải sửa chữa, vớt vát những gì có thể còn sửa chữa được. Giờ đây, lão thống soái mê chó đã trở thành tên đầy tớ của bọn phương Tây rồi. Tất cả những tai họa này đã xảy ra vì cậu không đến nơi được đúng lúc để tiêu diệt lão. Cậu làm chủ tình hình nhưng cậu lại bị rơi cùng với máy bay. Nói một cách hợp lý, chính cậu là người có trách nhiệm sửa sai tai họa này. Cậu bị tổn thất nhưng bộ óc và phổi của cậu hãy còn, và với óc và phổi thì cậu có thể tiếp tục phục vụ.

Mấy sĩ quan kể lại cho Boris Bodnariuk hay rằng những người Xô Viết không từ bỏ dự kiến ám sát lão thống soái mê chó nhưng bây giờ việc đó còn gặp khó khăn.

— Việc “thanh toán” đòi hỏi thời gian. - Viên đại tá nói - Chúng tôi đã cho hoạt động ngay một hệ thống hoàn chỉnh. Chúng ta sẽ “thanh toán” lão thống soái mê chó. Đó là điều khẳng định nhưng phải có thời gian, lâu, rất lâu. Ngay lúc này, về mặt tinh thần, tư tưởng chúng ta phải hủy diệt lâu dài.

— Về mặt chính trị, Trosky đã bị giết chết rất lâu trước khi bị hạ về mặt thể chất. - Boris nói - Trong nhiều trường hợp phản bội, khi bị can cứu được cuộc sống của hắn, việc “thanh toán” mấy tên đồng lõa và việc kết nối hắn về mặt tinh thần và chính trị đã biến hắn thành đồ rác rưởi, một tên sợ sệt, một...

— Đối với việc kết án Trosky, chúng ta phải cần đến những vụ án năm 1938. - Viên đại tá nói.

— Điều đó có thể lập lại. - Bodnariuk nói - Ngay cả tuyệt đối cần thiết nữa, các nước Cộng hòa mới, Rumani, Bulgaria, Hungary đầy rẫy những tên đồng lõa, a tòng thật và giả. Vụ án của lão thống soái mê chó sẽ lãnh mệnh hóa các nước Cộng hòa non trẻ này, sẽ tẩy rửa chúng hết sạch mọi độc hại chính trị. Ngay sau khi ra khỏi đây, tôi sẽ đề nghị một vụ kiện lớn chống lại những tên phản loạn, chủ mưu.

— Vụ kiện đã được tổ chức. - Viên đại tá nói - Tháng tới đây chúng ta mở tại Bucarest một phiên tòa và sẽ xét xử mấy tên đồng lõa của lão thống soái mê chó. Chúng ta sẽ chứng minh lão ta làm tay sai cho bọn tư bản phương Tây và từ lâu rồi lão đã đấu tranh để chinh phục các dân tộc đã được người Xô Viết giải phóng khỏi ách thống trị của bọn tư bản Anh-Mỹ. Hàng nghìn tên đồng lõa đã bị bắt. Bọn chúng đã thú nhận, chỉ còn thiếu người tổ chức chính. Một người Cộng sản ưu tú đứng ra nhận tội và trình bày các giai đoạn, các tình tiết bên trong sự phản bội. Chúng ta cần một người như cậu. Chính cậu, cậu là một phó chủ tịch cũ của liên minh vùng sông Danube. Chúng tôi cần một lãnh tụ có giá trị và uy quyền của lão thống soái mê chó, biết thú nhận nhân danh lão ta. Một người nào đó có thể bị xét xử và bị kết án với tư cách là đại diện của lão thống soái mê chó. Đây là những gì chúng tôi đang cần, phần còn lại đã tổ chức xong rồi.

— Tôi không bị chết trong tai nạn máy bay. Tôi sẵn sàng làm theo sự sắp xếp của các Ngài. - Bodnariuk nói.

— Cậu muốn đến Bucarest buộc tội trong vụ phản nghịch của lão thống soái mê chó à?

— Về mặt chính trị, lão ta phải bị “thanh toán”. Kéo dài hay chậm trễ việc kết án lão ta là một trọng tội. Ai có thể hơn tôi việc mang đến cho tên phản bội ấy cú đánh giết người này.

Boris Bodnariuk nghĩ đến vận may to lớn, vĩ đại mà một người Cộng sản có được so với những người khác. Hắn chỉ còn là một kẻ tàn tật, vậy mà hắn vẫn tiếp tục phục vụ Đảng một cách đặc biệt, ngoại lệ.

— Bị cáo chính phải bị án tử hình. - Viên đại tá nói.

— Không có hình phạt nào khác đối với một sự phản bội như thế. - Boris Bodnariuk trả lời.

Bodnariuk nhắm mắt lại. Hắn lại ở trong bóng tối. Hắn nghĩ rằng cuộc đời của một con người với nhiều màu sắc là cuộc đời của một con người sống một cách ấu trĩ, chưa trưởng thành.

Một cuộc sống thượng hạng là một cuộc sống tạo nên bởi “có và không”, bởi màu trắng và màu đen.

Đó mới là sự hoàn hảo đích thực của con người.

— Chúng tôi sẽ thông báo là cậu yêu cầu đến Bucarest buộc tội nhân danh lão thống soái mê chó chứ?

— Lợi ích lịch sử đòi hỏi điều đó. - Boris nói.

— Trong lúc này, cậu hãy coi chừng, đừng để bị nhận diện. - Viên đại tá nói.

Ông nhét xuống gôì của Boris một khẩu súng nhỏ, vỗ vai bệnh nhân và đi ra.

“Sợ chết là một thành kiến kiểu tư sản”. Boris Bodnariuk tự nhủ sau khi cánh cửa được đóng lại. “Giờ đây, ta đã quyết định chết, ta không thấy sợ nữa, ngược lại ta cảm thấy nhẹ nhõm, khoan khoái và ta cảm thấy là ta đã sống trong lịch sử. Lần đầu tiên, ta cảm thấy sống trọn vẹn trong lịch sử. Ta sống mãnh liệt với lịch sử. Sợ chết là một thành kiến, một thành kiến đơn giản”.

XVI

Suốt buổi chiều, Boris Bodnariuk ngồi bên cửa sổ quân y viện. Hắn chưa hoàn toàn bình phục, tuy hắn có thể bước đi được. Hắn sẽ được đưa về nước vào trưa mốt. Các sĩ quan Bộ tư lệnh Xô Viết tại Vienne hứa sẽ đón hắn lúc mười hai giờ đúng. Bodnariuk nghĩ nhiều về cuộc thử thách mới. Hắn phải trở về, nhận tội, tội phản bội mà hắn không phạm. Nhờ hành động này, một số đáng kể thành phần vô cùng nguy hiểm sẽ bị thanh trừng và vị trí của Đảng sẽ được củng cố vững chắc hơn.

Đó là khía cạnh tích cực của cuộc thử nghiệm - khía cạnh tiêu cực sẽ là cái chết, hủy hoại của chính bản thân hắn với tư cách là cá nhân - Boris Bodnariuk tự phân tích một cách nghiêm túc và thành khẩn. Hắn muốn biết xem hắn có sợ chết không. Hắn vẫn nói đến sự khinh thường mà người Cộng sản, với tư cách cá nhân, tỏ ra trước cái chết để cứu Đảng, để Đảng được sống.

Về phương diện lý tưởng, Boris Bodnariuk vẫn chấp nhận lý thuyết này và không ngần ngại đề nghị bản án tử hình một cách thành khẩn.

Xét về phương diện lý, cái chết còn vô nghĩa hơn là lịch sử, tôn giáo hay văn chương đã nói đến. Trong đồng hoang ở Siberie khi hắn có ý muốn tự tử, hắn đã không sợ. Cừ chỉ đó hình như không khó đối với hắn, hắn không lưỡng lự. Bây giờ, hắn khám phá ra là trong con người hắn, có một cái gì đó không thích hợp. Một giọng nói như được che giấu đâu đó nói với hắn: “Sau khi nhận tội, mi sẽ bị kết án nhưng mi sẽ không bị hành quyết”.

Boris Bodnariuk cảm thấy xấu hổ vì ý nghĩ đó, tuy vậy, hắn không thể chống cự lại được. Hắn hy vọng rằng, nếu hắn nhận tội, Đảng sẽ không hành quyết hắn, ngược lại, sẽ thưởng cho hắn huân chương danh dự.

“Phải chăng ý nghĩ sợ chết đã cho ta ảo tưởng này?” Hắn tự hỏi. Hắn muốn vứt bỏ ý nghĩ đó. Hắn tự bảo, “Ta sẽ yêu cầu án tử hình và ta sẽ bị hành quyết, hành quyết, hành quyết”. Nhưng giọng nói tiếp tục: “Đảng sẽ gắn nhiều huân chương cho mi. Đảng không để mi chết đâu. Hành động ‘tự tố cáo’ này sẽ được hoan nghênh, ăn mừng, sùng bái”.

Boris Bodnariuk không muốn có ảo tưởng đó. Hắn muốn tự khẳng định là sẽ chết, chết thật theo yêu cầu của hắn. Lý trí nói cho hắn rõ là mọi việc sẽ phải xảy ra như thế nhưng hắn không thể làm im giọng nói, nói với hắn rằng hắn sẽ sống.

Một xe hơi dừng lại trước bệnh viện. Một người trẻ tuổi mặc đồ dân sự Mỹ với dáng đi vụng về, bước xuống.

Vị bác sĩ điều hành bệnh viện đang đứng trong sân với một bác sĩ khác, ngay dưới cửa sổ của Boris Bodnariuk, người trẻ tuổi tiến lại gần họ. Bodnariuk nghe cuộc nói chuyện.

— Tôi là Milan Paternik, cố vấn chính trị Bộ tư lệnh lực lượng Châu Âu. - Người trẻ tuổi nói (anh ta đưa một thẻ căn cước và một bức thư) - Tôi đưa cho các anh một bệnh nhân. Cô ta sắp sinh cháu bé.

— Chúng tôi không có khu vực dành cho phụ nữ. - Vị bác sĩ trưởng nói. - Không thể được đâu.

— Đây là một trường hợp ngoại lệ. - Milan Paternik nói - Tư lệnh trưởng yêu cầu các ông nhận cô ấy và giúp cho cô ta những chăm sóc cần thiết.

Vị bác sĩ đọc bức thư.

Marie, gần sinh con, ngồi chờ trong xe. Aurel Popesco đã làm những gì cần thiết cho cô được nhận vào trong quân y viện này vì không có bệnh viện nào khác và Milan Paternik đã đưa cô đến bằng xe hơi.

— Bác sĩ của chúng tôi không chuyên về sinh đẻ. Chúng tôi không nhận phụ nữ trong bệnh viện này nhưng một khi đã có lệnh phải nhận cô ta ở đây thì chúng tôi sẽ nhận.

— Đây là một trường hợp ngoại lệ. - Paternik lại nói.

Boris Bodnariuk lắng nghe chăm chú. Những tiếng “trường hợp ngoại lệ” Milan lập lại nhiều lần làm hắn khó chịu.

— Thật là một chuyện phi lý, quá phiêu lưu, tôi không hiểu được. Thật điên rồ khi đưa đến bệnh viện chúng tôi một phụ nữ sắp sinh. - Bác sĩ nói - Họ muốn nhạo báng chúng ta.

Boris Bodnariuk ngồi lùi vào trong.

“Tôi hiểu”. Hắn tự bảo. “Tôi hiểu tại sao người ta đưa cô ấy đến đây”.

Hắn thấy Pierre Pillat và Milan Paternik giúp Marie bước xuống xe. Trong thâm tâm Bodnariuk, mỗi nghi ngờ rằng người Mỹ đã nhận dạng được hắn càng trở nên rõ rệt hơn. Ngồi trong phòng máy sau bức tường, hắn quan sát Marie. Hắn không nhận ra cô ta.

“Họ đã đưa Pillat đến đây cùng lúc với người đàn bà có thai này để hắn có thể nhận diện ta. Để biết chắc đúng ta là Boris Bodnariuk, người Mỹ đã cho một bạn học cũ của ta đến đây. Hắn là người được đánh giá cao nhất để nhận ra ta, để nói rằng ta đúng là Boris Bodnariuk, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Rumani chứ không phải là công dân Xô Viết Boris Neva”. Boris Bodnariuk nghĩ đến mấy sĩ quan Nga. Họ chỉ dặn dò hắn mỗi một câu: “Đừng để bị nhận diện.” Hắn lại nghĩ đến câu nói của vị bác sĩ: “Thật là một chuyện điên rồ khi gửi một phụ nữ đến sinh ở đây. Tại sao lại đúng ngay bệnh viện chúng tôi”. Hắn lại nghĩ đến lời năn nỉ của Milan Paternik: “Đây là một trường hợp ngoại lệ, ngoại lệ”.

Bodnariuk tin chắc là Pillat được đưa vào bệnh viện Mỹ này để xác minh lý lịch hắn. Hắn tính toán và thấy còn mười sáu tiếng đồng hồ nữa mới đến giờ hắn được trở về nước, nhưng nếu người Mỹ thành công trong việc nhận diện hắn nhờ Pillat thì sự trở về của hắn hứa hẹn đầy khó khăn. Có thể là không thực hiện được - Vụ án kết tội lão thống soái mê chó tại Bucarest sẽ bị hoãn lại ngay và hủy bỏ luôn.

“Nhất là cậu đừng để bị nhận diện”. Boris tự bảo. “Đừng để bị nhận diện”.

Người ta nghe nhiều tiếng nói ở phòng bên cạnh. Trước tiên là bằng tiếng Anh. Milan Paternik nói chuyện với mấy y tá. Tiếp đến bằng tiếng Rumani. Pierre Pillat nói với người đàn bà mang thai.

— Chồng cô ấy sẽ ở lại đây. - Milan Paternik nói ở phòng bên cạnh.

Boris lắng nghe, tai gắn sát vào bức vách ngăn.

— Ông ấy sẽ ngủ ở đây, trên ghế bành này.

“Tại sao lại đúng ngay phòng bên cạnh phòng ta nhỉ?” Boris tự hỏi. “Không còn nghi ngờ gì nữa. Họ đã đưa Pillat đến đây để nhận diện ta. Trong chốc lát nữa thôi, hắn sẽ đến phòng ta, viện một cái gì đó, hắn đến xem ta, quan sát ta theo những chỉ thị đã nhận được”. Lần đầu tiên Boris nhận thấy cửa phòng hắn không khóa.

“Lại thêm một chứng cứ nữa đây”. Hắn tự bảo. “Tại sao họ lại lấy chìa khóa phòng ta?” Hắn tiến lại gần cửa sổ. Milan Paternik lên xe và đi một mình. Ở phòng bên cạnh, Marie và Pillat trò chuyện bằng tiếng Rumani, Marie than phiền.

“Mỗi lần nói nghe rõ như người ta đang nói ngay trong phòng ta vậy”. Boris Bodnariuk tự nhủ.

Mọi việc xảy ra do tình cờ thôi. Hắn không mất bình tĩnh. Hắn biết rõ là không được để bị phát giác, bị nhận diện. Pillat ở phòng bên cạnh và từ đây đến lúc trở về nước, hắn còn mười sáu giờ nữa. Hắn lại nhìn ra cửa.

“Hắn có thể giết ta lắm”. Boris Bodnariuk tự bảo. “Người ta có thể xem chuyện đó chỉ là một sự trả thù của Pierre Pillat. Với dư luận quần chúng, cách giải thích này có thể chấp nhận được. Người Mỹ muốn giết ta để ngăn cản việc trở về nước của ta, và để cản trở vụ án phản bội của lão thống soái mê chó. Đó là điều chắc chắn”.

Boris Bodnariuk nhìn ra cửa sổ. Cửa sổ không có song sắt.

Vườn bệnh viện phủ đầy tuyết. Đường đi cách cửa sổ khoảng hai mươi mét.

“Ngay khi trời tối, ta sẽ trốn đi. Ta sẽ tới Vienne trước khi bị phát giác”.

Tay hắn xiết chặt khẩu súng trong túi áo ngủ. Hắn mở cửa tủ, quần áo hắn ở trong ấy. Người ta đã để lại cho hắn đồng phục, áo măng tô da và cái quần bị cháy xém. Hắn không có tiền, không có giấy tờ và không biết rõ vùng này.

“Cái chính là đi khỏi đây ngay khi đêm xuống, sau đó ta sẽ xoay sở”. Boris Bodnariuk nghĩ. Hắn nhìn qua cửa sổ. Mấy ngón chân hắn bị tê cóng, hắn không thể bước đi được.

“Ta sẽ bí mật đi vào ban đêm”.

Boris Bodnariuk soi mặt vào gương. Hắn xanh xao và run rẩy. Hắn mặc quần áo mau lẹ, giấu khẩu

súng dưới gối và chui vào giường nằm. Khi các bác sĩ và y tá đến thăm bệnh buổi chiều, hắn sẽ than là nhức đầu. Hắn sẽ nói với họ là hắn không ăn, hắn chỉ muốn ngủ thôi. Hắn nghĩ đến kế hoạch trốn thoát - thật là khó tin. Hắn có thể dễ dàng trốn khỏi bệnh viện. Hắn sẽ nhảy qua cửa sổ. Nếu như hắn có tiền để mua một vé xe lửa thì mọi chuyện sẽ hết sức đơn giản, nhưng hắn lại không có tiền, một xu cũng không. Đối với hắn đây là một bất cần đáng trách; đáng lẽ ra hắn phải hỏi xin mấy sĩ quan Xô Viết. Khi cô y tá trực đến thăm, hắn làm bộ ngủ say. Ở phòng bên cạnh người ta nghe thấy giọng của Pillat và tiếng rên đau đớn của Marie.

Bodnariuk mặc xong quần áo trong bóng tối. Hắn không thể mang giày ống vì các miếng băng. Hắn tháo hết băng nên chỗ chân đau làm hắn nhức nhối. Hắn để nguyên quần áo, chui vào dưới chăn và chờ đợi... rồi lẩn trong bóng đêm, hắn bước qua cửa sổ, nhảy ra vườn đầy tuyết. Từ đây ra đường chỉ là một trò chơi...

Khi mấy cô y tá đến thăm bệnh lúc hai giờ, và bật đèn phòng Boris Neva, họ chỉ thấy cái giường trống không.

Người ta tìm thấy dấu chân trên tuyết dưới cửa sổ. Báo động. Người ta báo tin cho các đồn cảnh sát. Điện thoại reo suốt đêm. Người ta lục soát tàu lửa. Tám giờ sáng hôm sau, hai sĩ quan Xô Viết đến bằng xe hơi.

— Boris Neva biết rõ là anh sẽ bị đưa về nước lúc mười hai giờ, và anh ta đã chọn tự do. - Vị bác sĩ trưởng bệnh viện nói - Anh ta không muốn trở về lại nước Nga Xô Viết. Hàng chục ngàn người đã làm như anh ta. Đây không phải là điều đáng ngạc nhiên. Anh ta sợ trở lại với những người Xô Viết.

Các sĩ quan Nga không muốn chấp nhận lời giải thích.

— Công dân Xô Viết Boris Neva bị bắt. - Viên đại tá nói - Giả thuyết anh ta bỏ trốn phải được loại trừ vì nó hoàn toàn không thể chấp nhận được. Chúng tôi đề nghị tiến hành một cuộc điều tra.

— Các ông có thể tham dự cuộc điều tra. - Mấy người Mỹ nói.

Người ta gọi mấy cô y tá, bác gác cổng và mấy anh lính gác đến. Mọi người đều khai là không biết gì hết: bệnh nhân Xô Viết tỏ ra nôn nóng, không bình tĩnh suốt cả buổi tối. Anh ta từ chối không chịu ăn cũng không chịu gặp bác sĩ. Anh ta đi ngủ sớm. Lúc hai giờ sáng, anh ta đã biến mất. Giường anh ta trống trơn. Lăn theo các dấu chân in trên tuyết, người ta có thể kết luận là anh ta đã nhảy qua cửa sổ, băng qua vườn, trèo qua tường và chạy ra đường. Tất cả chỉ có thế.

Mấy sĩ quan Xô Viết tức giận. Họ hứa sẽ phản đối bằng con đường ngoại giao và sẽ yêu cầu một cuộc điều tra đặc biệt. Trong lúc đó máy phát thanh bên trong hành lang bệnh viện truyền đi thông báo sau đây:

Chính quyền và dân chúng cần biết rõ là đêm nay, một công dân Xô Viết đã trốn khỏi một bệnh viện đồng minh nơi anh ta đang được chăm sóc các vết thương do một tai nạn máy bay gây ra. Tất cả mọi người, nếu ai biết anh hiện đang ở đâu, thì hãy cấp tốc báo ngay cho chính quyền biết. Đây là điện mạo anh ta: một vết sẹo lớn trên trán, nhiều vết thương còn chưa lành ở ngực và tai, bước đi khó khăn vì bàn chân tê cứng. Quần áo: măng tô da màu nâu, giày ống đen, khăn quàng đỏ.

Các sĩ quan Nga bỏ đi không thèm nghe thông báo. Chín giờ sáng, cửa phòng mở mở đúng lúc họ đi ngay qua. Một cô y tá nói với Pillat đang đi qua lại trong hành lang.

— Một bé gái. Cả mẹ lẫn con đều khỏe. Vài phút nữa ông có thể vào thăm họ được rồi.

— Doina Australia. - Pillat nói.

Anh thật sung sướng. Chỉ mình anh ta là không để ý tới và không biết gì hết về vụ bỏ trốn của người Xô Viết bị thương.

Từ khi đến bệnh viện, chỉ có một điều làm anh lo nghĩ, đó là Marie. Và bây giờ anh ta có hai người: Marie và đứa con gái đầu lòng của anh, bé Doina Australia Pillat. Anh chảy nước mắt vì niềm vui quá lớn này. Anh ước ao được ôm hôn cả hai.

“Doina Australia Pillat”. Anh thì thầm. “Cô bé và Marie đều khỏe”.

Máy phát thanh tiếp tục loan báo:

Chúng tôi lặp lại các dấu hiệu: áo măng tô da màu nâu, giày ống đen, khăn quàng đỏ.

“Doina Australia! Cả hai đều mạnh khỏe”. Pillat lại thì thầm.

XVII

Người Nga và người Mỹ đều không tìm thấy Boris Bodnariuk. Hắn biến đi không để lại dấu vết.

Pierre Pillat và Marie ở lại bệnh viện Mỹ. Khi Doina Australia được hai tuần, họ được lệnh gọi triệu tập của Hội đồng Úc. Những người di dân phải đến trình diện cấp tốc để xuống tàu đi Hambourg.

Marie, Pillat và đứa bé rời khỏi bệnh viện ngay hôm đó.

Họ được biểu thật nhiều quà. Bác sĩ, y tá, bệnh nhân đã biếu kẹo và đồ dùng cho Marie và em bé.

Con gái Pillat sinh vào một ngày tốt lành. Đó là đứa bé duy nhất sinh ra trong bệnh viện này. Nó được sinh ra trong một bệnh viện phát phổi lá cờ sao của nền dân chủ Hoa Kỳ.

Marie, Pierre Pillat đã đến bệnh viện bằng xe của Milan Paternik và chỉ với mấy cái xách du lịch của họ. Bây giờ họ có hành lý quan trọng. Họ được một xe bệnh viện đưa đến nhà ga. Họ nhận được vé xe lửa, đồ ăn, tiền và họ đi đến Hambourg như những kẻ được số mệnh ưu đãi.

Báo chí vẫn tiếp tục nói đến vụ mất tích của Boris Neva phi công Xô Viết, nhưng không ai biết gì về hắn. Marie và Pillat không quan tâm đến hắn. Họ quan tâm đến cuộc hành trình, đến em bé và quê hương mới của họ.

— Đừng bao giờ nói là quá trễ. - Pillat nói - Cách đây vài tháng, khi tất cả các Hội đồng di dân từ chối chúng ta, hình như chúng ta chỉ còn nước tự tử. Hôm nay, tất cả các giấc mơ của chúng ta sắp trở thành hiện thực. Rồi chúng ta cũng sẽ gặp lại bố Kostaky vào một ngày đẹp trời nào đó.

Họ cảm ơn Thượng đế đã cứu giúp họ. Họ đến Hambourg lòng khuây khỏa. Đến nhà ga, họ thuê một chiếc taxi vì họ có tiền và đến trình diện trước Hội đồng Úc.

— Ba ngày nữa, tàu sẽ nhổ neo. - Anh nhân viên nói - Ông bà có thể đi ngay. Hãy đến trình diện Hội đồng kiểm tra.

Pillat trình giấy xác nhận họ được chấp thuận cho di dân. Anh ngồi trên ghế dài và đợi. Anh nghĩ là trong một giờ nữa thôi, gia đình anh, cả ba người đều lên tàu.

Một nhân viên mời họ vào văn phòng. Marie ẵm bé Doina Australia và con búp bê lớn. Hội đồng gồm ba người.

— Pillat Marie. - Một thành viên của Hội đồng gọi.

— Thưa tôi đây. - Marie trả lời.

Cô mỉm cười, dịu hiền và hãnh diện.

— Pierre Pillat. - Nhân viên gọi.

— Thưa chính là tôi. - Pillat trả lời.

Các thành viên của Hội đồng nhìn chòng chọc vào Pillat im lặng. Rồi mắt của cả ba người trong văn phòng đều nhìn về phía con búp bê Marie đang ẵm trong tay. Con búp bê cũng lớn bằng đứa bé.

— Đây là con búp bê do vị chỉ huy bệnh viện Mỹ tặng. - Marie nói.

— Không phải con búp bê mà là đứa bé kia. - Người ngồi giữa nói.

Cả ba người đều nhìn Doina Australia đang ngủ trong tay Marie như thể họ nhìn một đứa bé bằng cao su.

— Em bé tên là Doina Australia. - Pillat nói - Chúng tôi đặt tên cho bé là Doina vì đây là tên một bài hát về sự lưu đày ở quê hương tôi và Australia là quê hương mới của chúng tôi.

— Trên danh sách những người di dân qua Úc, trên danh sách chính thức, chỉ có hai người. - Người ngồi giữa nói - Một cái tên được ghi là Pierre Pillat. Chính là ông. Một tên khác là Marie Pillat. Chính là bà.

Cùng lúc với việc ông ta gọi tên họ, ông ta nhìn chăm chú vào Pierre và Marie như muốn đóng đinh họ tại chỗ.

— Không còn người nào khác trên danh sách.

— Doina Australia là con chúng tôi. - Pillat nói.

— Tôi rất tiếc, nhưng tên em không có trong danh sách. - Nhân viên nói.

— Con chúng tôi mới sinh được hai tuần, tại đây, trong khi chúng tôi đợi tàu đến.

— Tên em bé không có trong danh sách.

Im lặng khá lâu, ngột ngạt.

— Ông muốn gì? - Người nhân viên hỏi. Ông ta có một bộ râu đỏ, cắt ngắn.

Pillat nhìn vào mắt ông ta. Anh không còn gì để trả lời ông ta nữa. Anh nhìn Marie, nhìn Doina Australia, nhìn con búp bê, nhìn ông nhân viên có bộ râu đỏ.

— Chúng tôi phải có một quyết định theo nghĩa nào? - Pillat hỏi.

— Chỉ có hai ông bà được đi Úc thôi. - Nhân viên râu đỏ nói - Chỉ có những người có tên trong danh sách thôi.

— Con chúng tôi không ghi tên à? - Marie hỏi.

— Tuyệt đối không. - Nhân viên râu đỏ nói. Giọng ông ta thật quyết liệt. - Trẻ em dưới mười tuổi không được chấp nhận cho đi dân.

Marie nhìn Hội đồng và khước mắt vẫn còn mở lớn. Cô không thể lau nước mắt vì tay cô đang ẵm em bé và con búp bê. Nước mắt rơi xuống má đỏ hồng của con búp bê.

— Chúng tôi có thể làm gì? - Pillat hỏi.

— Ông phải có một quyết định. - Ông râu đỏ trả lời.

— Có thể có một quyết định trong hoàn cảnh như thế này sao?

— Hoặc là ông bà bỏ lại đứa bé, hoặc là ông từ bỏ ý định di dân. - Ông râu đỏ nói.

Pillat nghe rõ từng câu nói nhưng anh không thể tin như thế được.

— Ông bỏ đứa bé lại. - Người nhân viên nói - Ông bỏ đứa bé và ông sẽ được đi di dân. Khi nó được mười tuổi, ông sẽ đem nó về Úc. Đơn giản quá mà.

— Đơn giản à? - Pillat hỏi - Ông cho là đơn giản à? Ông thấy đó là chuyện đơn giản sao?

Pillat siết chặt nắm tay. Marie khóc.

— Không được lộn xộn. - Người nhân viên nói - Chúng tôi không có thì giờ để nghe chuyện tiểu thuyết. Chúng tôi còn phải gọi những người tiếp theo. Ông phải có ngay một quyết định. Sao đây?

— Có thể đòi hỏi những chuyện như thế đối với các người làm cha làm mẹ sao? Các ông có phải là những con người không? Các ông có đạo Thiên Chúa không? Các ông có văn minh không?

Pillat càng siết chặt nắm tay.

— Bởi vì chúng tôi văn minh nên chúng tôi yêu cầu ông việc đó. - Người nhân viên nói - Chính vì những động cơ văn minh và văn hóa mà chúng tôi không muốn một đứa bé dưới mười tuổi phải bị hành hạ bởi một cuộc hành trình đến tận Úc châu. Sẽ rất dã man nếu chúng tôi cho phép để em bé đi như thế. Và lại, luật lệ và một số qui định mới của Hội đồng thập tự quốc tế Liên hiệp quốc và lương tri mà mỗi một con người văn minh đều có, tôi giả thuyết thế, không cho phép chúng tôi làm như thế. Chúng tôi sẽ là những kẻ man rợ, tàn bạo nếu chúng tôi hành động khác đi.

— Các ông đòi hỏi một người mẹ phải bỏ rơi con mình à?

Pillat là một người trầm tĩnh vậy mà giờ đây, tay anh nắm chặt lại và chỉ muốn đập phá. Anh nhìn cái bàn làm việc và muốn đập vỡ vụn nó ra.

— Ông hãy để qua một bên chủ nghĩa tình cảm của ông. - Người Úc nói - Hãy quyết đi. Đây không phải là một hành động bất thường, kỳ quặc. Ông gửi đứa bé cho một viện mồ côi và ông sẽ xin lại lúc nó được mười tuổi. Đây chỉ là một cuộc chia tay tạm thời.

Pillat đặt tay lên vai Marie.

— Chúng ta đi thôi. - Anh nói.

— Ông quyết định như thế nào? - Người đàn ông râu đỏ hỏi.

Pillat quay lại. Anh nhìn kỹ cặp mắt xanh, khuôn mặt đỏ, bộ râu đỏ, cái cà vạt sặc sỡ, cái cổ áo hồ cứng. Anh nhìn kỹ quần áo sạch sẽ, tươm tất và thanh lịch của mấy người Úc. Anh cảm thấy miệng anh đầy nước bọt; anh cảm thấy ghê tởm, buồn nôn. Anh không thể nói được lời nào nữa khi anh lại nghe hỏi: “Ông quyết định thế nào?” Với tất cả sức lực của mình, Pillat nhổ toẹt vào văn minh, vào văn hóa, nhổ toẹt

vào thứ văn minh đó, vào thứ văn hóa đó.

Khi anh ra đến đường cái, anh ôm chặt Doina Australia và hôn nó. Đứa bé khóc. Nó khóc thét lên như một cái kèn, như một cái còi báo động. Không gì có thể làm dịu tiếng kêu đó.

Pillat và Marie đi xa khỏi Hội đồng cùng với đứa bé, con búp bê và mấy chiếc vali. Họ đi sâu vào những con đường ngổn ngang nhà cửa đồ nát gạch ngói vụn. Doina Australia vẫn khóc thét lên, thét lên không ngừng. Tiếng la thoát ra từ cái miệng nhỏ xíu của nó giống như tiếng kèn. Marie đặt bé xuống đường và cởi bớt áo quần cho nó nhưng nó vẫn không hết khóc. Nhiều người đi đường tụ tập lại.

— Ông bà hãy đi đến một vị bác sĩ đi. - Nhiều phụ nữ đi qua nói. - Đứa bé chắc phải bệnh mới khóc như thế. Tại sao ông bà không đưa cháu đến bác sĩ.

Pillat cùng với đứa bé, con búp bê, Marie và mấy cái vali trở lại bệnh viện.

Người ta cởi áo cho bé Doina Australia trong phòng khám và khám nó. Nó vẫn la. Bác sĩ chích cho nó một mũi thuốc nhưng tiếng la của nó giống tiếng còi báo động vẫn không ngừng. Tiếng la yếu dần nhưng vẫn không ngừng. Pillat chảy nước mắt vì con bé làm anh thương xót không chịu nổi.

— Bé bị gì thế, thưa bác sĩ? - Anh hỏi - Xin hãy cho biết bé đau gì?

Một phút im lặng.

— Cháu bé chết rồi. - Bác sĩ nói.

Và đúng như thế, tiếng khóc đã ngừng hẳn. Bé Doina Australia đã khóc đến vỡ phổi, hai lá phổi bé xíu của một đứa trẻ sinh ra trong kiếp lưu đày.

Marie và Pillat ôm siết lấy nhau. Họ nắm chặt tay nhau trước cái thân xác bé nhỏ xanh xám và lạnh dần. Họ nhìn thân xác trần truồng của bé Doina Australia. Họ biết rõ Hội đồng Úc còn lưu lại ba hôm. Đứa bé không còn nữa. Họ có thể ra đi nhưng đúng là họ phải trả giá quá đắt. Họ không bao giờ nên nghĩ đến những người Úc nữa. Úc châu là một xứ sở ở đó trẻ con không được nhận vào. Một xứ sở mà ở đó người ta đòi hỏi các bà mẹ phải bỏ rơi con mình vì những động cơ văn minh thượng đẳng.

XVIII

Trong khi các chính quyền Đồng Minh kiếm tìm Boris Bodnariuk khắp nơi thì hắn ta đã đến Paris. Hắn đến Đại sứ quán Xô Viết. Hắn xin gặp ngài Đại sứ.

— Đồng chí Đại sứ không đồng ý gặp ai hết. - Một nhân viên nói.

Anh ta quan sát bộ mặt không cạo râu của Boris, ngắm cái sẹo trên trán, cái áo măng tô, đôi giày ống rách thủng nhiều chỗ. Cái khăn quàng cổ đỏ cháy sém và đầy vết bẩn.

Trong cái phòng ở lối vào Đại sứ quán có một cái bàn gỗ. Cửa sổ nhìn ra đường. Anh cảnh sát người Pháp đang gác lối vào Đại sứ quán, vừa theo dõi mọi động tác của Bodnariuk vừa giả vờ nhìn ra nơi khác.

— Tôi cần có một cuộc liên lạc rất quan trọng. - Bodnariuk nói - Đây là những vấn đề tối quan trọng. Tôi muốn nói với một người nào đó ở văn phòng ngài Đại sứ.

— Ông là công dân Xô Viết à? - Anh nhân viên hỏi.

Anh ta tỏ ra hồ hững và tiếp tục sắp xếp những tờ báo.

— Tôi là công dân Xô Viết. - Boris trả lời, hắn nghĩ điều này có thể mở mọi cửa cho hắn. - Tôi muốn được trở về Tổ quốc gấp. Vì thế mà tôi đến đây.

Với những cử chỉ máy móc, hồ hững, anh nhân viên lấy từ ngăn kệ ra một tờ giấy in sẵn và đưa cho Bodnariuk.

— Hãy điền vào mẫu đơn hồi hương này. - Anh nói - Ông sẽ nhận được thư trả lời tại nhà ông.

Bodnariuk biết rõ là nếu theo con đường này thì hắn sẽ phải mất hàng tháng trời. Tuy thế, hắn vẫn điền vào tờ mẫu và viết một đơn thỉnh nguyện. Hắn đọc lại:

Thưa đồng chí Đại sứ!

Tôi, ký tên dưới đây, Boris Neva, công dân Xô Viết, nạn nhân của một tai nạn máy bay trên dãy núi Alger, xin khai rằng tôi đã trốn khỏi một bệnh viện Mỹ tại Đức với ý định đến trình diện tại Bộ tư lệnh Xô Viết. Trong khi công an lùng kiếm soát, tôi đã nhảy tàu và lên một chiếc tàu lửa khác. Đó là chuyến tàu đi Pháp. Tôi đã nhảy lên chuyến tàu này để khỏi bị bắt. Ngay khi đến Pháp tôi đã đến trình diện tại Đại sứ quán Paris để xin được hồi hương. Đồng chí có thể kiểm tra mọi thông tin liên quan đến tôi tại Bộ Tư lệnh Xô Viết ở Vienne.

Boris Bodnariuk biết rõ hắn chưa nói hết. Tuy nhiên, đơn thỉnh nguyện này cũng đủ khơi dậy tính tò mò của những nhân viên Đại sứ quán.

— Chúng tôi không chuyển thư. - Anh nhân viên nói. Anh ta cầm lấy mẫu đơn hồi hương và trả lại bức thư thỉnh nguyện không thèm đọc.

— Tôi là công dân Xô Viết. - Bodnariuk nói - Tôi đến đây sau khi bị tai nạn. Tôi có một số thông tin tối quan trọng.

Anh nhân viên gác cửa Đại sứ quán, một người trẻ tuổi thuộc đội bảo vệ Xô Viết mới, nghĩ: “Sau khi phản bội, mỗi con rắn độc đều có những thông tin tối quan trọng”.

Anh ta nhìn Bodnariuk khinh bỉ. Nếu có thể chắc anh ta sẽ bắn bỏ hắn. Giống như tất cả công dân Xô Viết, anh ta rất ghét những tên gián điệp và những tên phản bội mà anh ta thì lại nhìn thấy những tên gián điệp và những tên phản bội khắp nơi.

— Ông không nói rõ địa chỉ nhà ông.

— Tôi không có nhà tại Pháp. Tôi mới chỉ đến Paris vài giờ. - Bodnariuk nói.

Anh nhân viên trả lại cho hắn mẫu đơn.

— Ông không thể nộp đơn xin hồi hương khi không có chỗ ở ổn định. Chúng tôi không được phép nhận những lá đơn không đầy đủ.

— Tôi có thể nói chuyện với một người nào đó trong Đại sứ quán không? - Bodnariuk hỏi.

— Tôi làm việc tại Đại sứ quán. - Anh nhân viên nói - Tôi đã cung cấp cho ông tất cả những điều cần

thiết. Bây giờ ông có thể đi được rồi. Có lệnh cấm không được ở nán lại lâu, tại đây.

Anh nhân viên mở cửa. Anh ta đến gần Bodnariuk và cầm lấy tay hắn đẩy ra ngoài.

— Đi đi. - Anh ta nói.

Anh nhân viên liếc nhìn anh cảnh sát đứng trước cửa, sẵn sàng nhờ anh ta tổng cổ Bodnariuk ra đường.

Ngay lúc đó, Boris chỉ muốn hét lên cho tên nhân viên nghe: “Tôi là Boris Bodnariuk, đại tướng Xô Viết và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Rumani”. Nhưng hắn kịp dừng lại. Hắn không được tổ giác lý lịch mình.

— Cút đi! - Anh cảnh sát người Pháp ra lệnh.

Boris Bodnariuk đi ra đường, nhục nhã. Anh cảnh sát người Pháp nhìn hắn mỉm cười. Còn anh nhân viên Xô Viết thậm chí không thèm nhìn hắn. Dưới mắt anh nhân viên Xô Viết, Boris Bodnariuk là một trong vô số tên phản bội thường bu quanh cái tòa Đại sứ quán Xô Viết trên toàn thế giới. Chúng là những tên gián điệp của lực lượng cảnh sát tư bản, hoặc là những tên phản bội muốn trở về Tổ quốc. Và chúng nó đều nguy hiểm như nhau. Kỷ luật nghiêm khắc. Những tên vô danh đó không khi nào đáng được cho nói cũng không đáng được tiếp ở bên trong Đại sứ quán. Hoặc là chúng nó gài bẫy nhằm gây những vụ “scandale”, những mối uất hận trên báo chí tư bản, hoặc chúng nó là những phần tử thối nát, chia rẽ mà những người Xô Viết không cần đến. Vì những lý do đó, nhân viên Đại sứ quán không thèm nhìn Boris Bodnariuk. Và lại anh ta không được phép nói chuyện với hắn vì mỗi công dân Xô Viết ở trong một nước tư bản đều được thông báo là bất cứ kẻ lạ mặt nào muốn bắt chuyện với anh ta thì đó là kẻ thù của người Xô Viết, một tên gián điệp hoặc là một tên cảnh sát quá khích.

Ra đường, Boris Bodnariuk tự vấn lương tâm mình là một đảng viên, hắn tự kiểm điểm xem đã hành động đúng đắn và thông minh chưa. Hắn được lệnh không nói rõ tên mình và không được để bị lộ tông tích. Đúng lúc hắn suýt bị Pierre Pillat phát giác và lột mặt nạ thì hắn trốn khỏi bệnh viện. Việc hắn bỏ trốn thật là đúng đắn. Hắn đã hành động thật đúng đắn khi bỏ trốn. Hắn đã đi chuyển tàu đến Vienne. Khi cảnh sát Đức lục soát tàu, hắn đã rời khỏi toa và nhảy lên chiếc tàu bên cạnh đợi cho cuộc bố ráp kết thúc. Tàu chuyển bánh và hắn đến Pháp. Tại đây hắn tức tốc đến trình diện ở Đại sứ quán. Đại sứ quán Xô Viết nơi mà hắn tưởng sẽ được tiếp đón, đã xua đuổi hắn.

Boris Bodnariuk chậm chạp lê bước trên đường phố Paris. Hắn thấy đói và như lên cơn sốt, cổ lắm mới kéo chân đi nổi. Niềm an ủi duy nhất là không có người nào quay lại nhìn hắn.

Tại nước Nga, một công dân đi ngoài đường như thế, đi như lúc hắn đang đi trên đường phố Paris lúc này, thì tức khắc sẽ bị chặn lại, bị xét hỏi. Người ta sẽ kiểm tra giấy tờ, giấy phép, giấy xác nhận có việc làm, nhưng ở đây, hắn đi tự do, thoải mái.

“Đại sứ quán Xô Viết đã hành động khôn ngoan”. Boris Bodnariuk nghĩ. “Một Đại sứ quán Xô Viết trên một đất nước tư bản tức là một nước thù địch, phải đề phòng mọi loại cạm bẫy, mọi thứ tin thất thiệt, bêu xấu, mọi sự khiêu khích. Thế nhưng, ta không thể đi được nếu không nhờ Đại sứ quán. Ta không có giấy tờ gì cả, không có tiền và cũng không còn sức lực. Ta đuối thật rồi, nhưng ta phải đến Bucarest ngay không được chậm trễ. Vụ án truy tố lão thống soái mê chó phải được tiến hành càng sớm càng tốt”.

Boris thấy nhiều cửa hàng lớn toàn bằng kính, nhiều người phụ nữ đẹp để đi bên cạnh hắn nhưng hắn không nhìn họ. Mắt hắn như cố tìm ở phía bên kia quang cảnh một điểm tựa.

“Nếu ta không tìm được một cách nào đó chuyển được tên thật của ta cho Đại sứ quán thì điều này có nghĩa ta là một tên đào ngũ, một tên phản bội, ngay cả nếu như chuyện đó xảy ra ngoài ý muốn của ta”. Hắn nghĩ.

Một nỗi thống khổ mệnh mông xuyên qua lồng ngực Bodnariuk. Chung quanh hắn mọi cái như đảo lộn. Hắn ngồi bệt xuống bên vệ đường vì không thể đứng vững nữa. Người qua đường không nhìn hắn. Hắn cảm nhận một nỗi cô đơn sâu lắng, thấm thía. Chính nỗi cô đơn đã giày vò hắn ở sân trường trung học Hoàng gia Kichinev. Khi hắn phải mặc áo quần của “kẻ bị đuổi học” và bạn bè đứng bên cạnh nhưng không nhìn hắn. Giờ đây hắn cũng cảm thấy cô đơn, cô đơn đúng như hồi đó.

Hai người cảnh sát đến gần làm hắn giật mình. Họ nhìn hắn một lúc rồi hờ hững, tiếp tục đi. Xung quanh Boris, nỗi trống rỗng còn mệnh mông hơn. Hắn ngước mắt lên và nhìn thấy một cửa hiệu bằng kính ngay trước mặt. Đó là một cửa hàng bán quần áo cũ.

Hắn đứng lên vào trong cửa hàng. Hắn muốn giải thích là hắn muốn bán chiếc áo đồng phục nhưng hắn lại không nói được tiếng Pháp. Người lái buôn Nam Phi hiểu tuy anh ta không cần hắn nói thành tiếng. Anh ta giúp Boris cởi áo măng tô da.

— Người Nga à? - Người lái buôn hỏi.

Boris Bodnariuk ra dấu trả lời “đúng”. Điều đó không quan trọng gì đối với người lái buôn cả. Anh ta nhìn khoảng ngực đầy sẹo của Boris Bodnariuk.

Anh ta cầm lấy cái áo kaki, cái áo somi và hai bộ đồ ni lông của Mỹ mà Boris Bodnariuk đưa cho anh ta. Anh ta nhìn áo măng tô da nhưng Boris đã mặc vào thân hình trần trụi và vẫn choàng khăn đỏ quanh cổ.

Người lái buôn xem kỹ cái áo đồng phục, cái áo somi và hai bộ đồ ni, rồi đặt vào tay Boris 150 franc.

Boris cảm tiền. Hắn không biết rõ là bán với giá như thế là ít hay nhiều, mắc hay rẻ. Hắn không rành về tiền tệ của Pháp. Con choáng váng bắt đầu làm mờ mắt hắn.

Hắn đi ra đường, tay nắm chặt mấy tờ giấy bạc. Hắn cảm thấy sự cọ xát thô nhám của áo măng tô trên lưng, trên ngực và trên vai trần của hắn. Hắn ước ao được uống một thứ gì đó, ăn một khúc bánh mì, hút một điếu thuốc, nhưng hắn cố nhịn.

Hắn vào trong một tiệm giải khát bình dân và ra dấu muốn dùng điện thoại.

Hắn không muốn nói cho ai biết hắn điện thoại đến đâu nhưng hắn không biết sử dụng niên giám điện thoại cũng không biết sử dụng máy. Hắn ngồi lại trong phòng nhỏ kín bưng như nhà tù rồi phải nhờ người chủ tiệm cà phê giúp.

Bây giờ Boris Bodnariuk đã có được Đại sứ quán ở đầu đây. Hắn nói tiếng Nga. Một giọng phụ nữ trả lời:

— Ngài tổng lãnh sự không có ở đây.

Sau đó người ta nghe thấy một giọng đàn ông.

— Phi công Xô Viết Boris Neva đang nghe máy. - Bodnariuk nói - Tôi muốn hỏi hương.

Hắn cố thử giải thích những gì đã xảy ra.

— Về việc hỏi hương, anh phải đến liên hệ với văn phòng Đại sứ quán. - Giọng nói trả lời - Người ta sẽ cho anh một mẫu đơn và anh phải điền đầy đủ vào.

Boris Bodnariuk đoán là người đàn ông ở Đại sứ quán không nghe rõ.

— Anh đợi người ta sẽ trả lời cho anh tại nhà. - Giọng nói tiếp tục.

Boris Bodnariuk nghe tiếng cúp máy và tự dấy lòng hắn cảm thấy một cái gì đó vỡ vụn, rạn nứt. Hắn còn cảm ông nghe một lúc nữa rồi cũng cúp máy.

— Ông muốn gọi lại số đó một lần nữa không? - Chủ tiệm hỏi.

Ông ta lấy từ tay Boris tiền liên lạc điện thoại, tương đương với phân nửa số tiền hắn có được do bán quần áo và gọi lại số Đại sứ quán Xô Viết.

— Yêu cầu bà nghe tôi nói. - Boris nói khi hắn nghe có giọng phụ nữ ở đầu dây - Đây là một trường hợp cấp bách, chính phi công Boris Neva đang gọi điện đây.

— Ông đã gọi và nói chuyện cách đây vài phút. - Người phụ nữ nói - Ông đã được hướng dẫn đầy đủ. Tại sao ông gọi lại?

Người ta nghe trong máy cũng một tiếng “tách” như lúc nãy. Cô điện thoại viên tòa Đại sứ quán lại cúp máy, cúp liên lạc.

Boris Bodnariuk cảm thấy như bị treo lơ lửng vào khoảng không. Những người Xô Viết và Đảng ở xa, và hắn thì không thể đến gần họ. Bodnariuk nắm chặt số tiền còn lại và đi ra đường.

Hắn chỉ nghĩ đến một điều: Hắn sẽ bị trễ ở vụ án tại Bucarest. Mỗi một giờ mất đi là một sự phản bội. Hắn không tìm ra được một giải pháp nào cả, không một giải pháp nào.

Boris Bodnariuk nghĩ đến mấy người Cộng sản Pháp hắn đã quen ở Nga. Hắn muốn tìm đến một người trong số họ để bắt liên lạc với Đại sứ quán. Có thể đây là giải pháp tốt nhất.

Hắn đã có nhiều đồng chí người Pháp ở Moscow nhưng hắn không nhớ ra người nào. Hắn cố nhớ lại. Hắn cần một người Cộng sản ở tại Paris. Với người này hắn sẽ có thể nói rõ tên họ, lý lịch của mình. Hắn sẽ nói rõ hắn là Boris Bodnariuk và hắn muốn trở về Nga.

Chủ nghĩa Cộng sản là một đại gia đình có thành viên ở mọi thành phố trên thế giới. Bất cứ đâu, một

người Cộng sản cũng không cô độc nhưng bây giờ hắn không nhớ một người Cộng sản Pháp nào cả. Hắn bắt đầu cảm thấy đau đầu, hắn xoa thái dương. Đúng lúc đó, hắn nhớ ra được một cái tên: Ông chủ Voivod. Ông ta là thợ chạm, người cùng làng với hắn ở Rumani và hiện nay sống tại Paris. Đó là người Cộng sản được báo chí nói đến luôn.

“Ta sẽ đến chỗ ông ta, nhờ ông ta giúp bắt liên lạc với Đại sứ quán Xô Viết.” Boris Bodnariuk tự nhủ.

Hắn chưa bao giờ thấy ông ta nhưng chỉ cần ông ta là người Cộng sản là đủ. Hơn nữa ông ta và Boris là người cùng làng.

Bodnariuk tìm được địa chỉ ông ta từ quyển niên giám điện thoại và hắn đi bộ đến tìm ông ta. Ông chủ Voivod ở tại Moufparnase, trong một xưởng điêu khắc có một cái sân rộng.

Xưởng rộng như một nhà kho và ông Voivod có bộ râu oai vệ như râu các vị tiên tri vậy. Ông tiếp hắn, chân đi guốc.

— Tôi không muốn nói chuyện với ai hết. - Ông ta nói và muốn đóng cửa lại. Thậm chí ông không nhìn Boris nữa.

Cuộc viếng thăm của hắn làm cho ông bất bình.

— Tôi không có gì để nói với ai cả. - Ông nói tiếp - Tất cả các anh có gì để muốn nói với tôi?

— Tôi người làng Roman. - Bodnariuk nói - Cùng làng với ông.

— Tôi không có gì liên quan đến Roman, đến Rumani và Châu Âu cả. Tôi không có liên can đến ai hết, đến nước nào hết, đến người nào hết trên vũ trụ này. Anh hãy đi đi, cút đi và để tôi yên.

— Tôi mới đến Paris sáng nay. - Bodnariuk nói - Tôi vừa ra khỏi bệnh viện.

— Anh là dân tị nạn à? - Ông Voivod hỏi từ sau cánh cửa. - Tại sao tị nạn? Anh sợ Cộng sản à? Tất cả các anh đều sợ Cộng sản, sợ họ bắt các anh lao động. Các anh tưởng ở Pháp người ta không cưỡng bức các anh lao động à? Phương Tây đầy rẫy các người tị nạn, đầy cả ra, đầy quá rồi!

Mặt ông ta đỏ ngầu vì giận dữ. Ông ngừng nói.

Bodnariuk thấy sung sướng. Ông chủ tỏ ra là một người Cộng sản cuồng tín. Điều này tăng thêm dịp may cho hắn. Ông chủ nhìn vào mắt Bodnariuk. Ông nhìn thấy trán hắn đầy mồ hôi, thấy vết sẹo, thấy đôi má xanh xao và râu không cạo.

— Tôi xin lỗi anh. - Ông nói - Tôi biết anh muốn ở lại Rumani. Mọi người đều muốn ở lại làng của mình, thành phố của mình, nhà của mình. Tôi biết là mấy con thú Cộng sản hung dữ đó không cho phép người ta ở lại nhà mình nữa. Tôi biết. Họ đã xua đuổi các anh. Tôi biết. Các anh muốn làm việc, muốn lao động, ngay cả quỳ gối nhưng người Nga không cho phép như thế. Tôi biết. Những người như anh, tôi thấy hàng nghìn người. Nhưng tại sao tất cả các anh đều đến tìm tôi? Tôi chỉ là một tên thợ chạm già. Hãy cầm lấy cái này và đi đi.

Ông Voivod đưa cho Boris một tờ giấy bạc một ngàn franc.

Ông muốn đóng cửa lại nhưng Boris đứng bất động. Xuyên qua cánh cửa đã mở, người ta nhìn thấy mấy bức tượng của xưởng. Vô số bức tượng. Nhưng không có một bức tượng nào có hình người, hình thú vật cũng không. Không có cây cối, cây nhỏ, cây lớn gì cũng không, không có hoa. Có cả trăm bức tượng, nhiều bức cao năm mét, các bức khác nhỏ hơn. Tất cả các bức tượng đều được đúc nằm bằng đường kẻ, chỉ bằng đường kẻ.

“Ông ấy là một tên chống Cộng sản”. Bodnariuk nghĩ thầm. “Ông ta cũng đã phân biệt. Tất cả bọn chúng nó đều thế cả”.

Bodnariuk nhìn những bức tượng. Đây chỉ là những đường khí động học, giống như những bức tượng lửa hay ngọn lửa thẳng lên bầu trời, những bức tượng bằng đá, bằng cẩm thạch và bằng gỗ.

— Tượng của tôi có còn tồn tại ở nghĩa trang Roman nữa không? - Ông Voivod hỏi.

Đây là lần đầu tiên ông nói với một giọng thân mật, có tính người.

— Chắc chắn mấy tên ác thú Cộng sản đã man đã vất tượng của tôi ra khỏi nghĩa trang và đập vỡ nó rồi.

— Họ không đập vỡ. - Bodnariuk nói.

Mặt ông Voivod như sáng ra, vui hơn.

— Hãy lại ăn một chút gì đi, nhưng ngay sau khi ăn xong, anh phải xéo ngay. Anh nghe rõ chứ? Tôi

không muốn mất thì giờ nữa.

Bodnariuk cầm lấy bánh mì và thịt jambon ông ta đem lại.

— Anh thấy tượng của tôi ở Roman lần cuối vào lúc nào? - Ông hỏi Boris.

Boris Bodnariuk nhìn thấy bức tượng lần cuối cùng khi hắn lên mười bốn tuổi, bức tượng giống viên đạn trái phá đặt trên một ngôi mộ tại nghĩa trang làng Roman. Từ đấy, hắn không trở về làng nữa. Tuy nhiên hắn vẫn nhớ rõ như in, mỗi một công dân làng Roman đều biết rõ bức tượng của ông Voivod ở nghĩa địa. Bức tượng bằng đá cẩm thạch trắng chiếu sáng như một tấm gương. Bodnariuk trả lời là hắn thấy bức tượng chỉ mới sáu tháng trước đây thôi.

— Nó còn ở đó cách đây sáu tháng à?

Ông Voivod tỏ ra không mấy tin nhưng vẫn sung sướng.

— Bức tượng Đức mẹ đồng trinh ở nghĩa trang Roman là tác phẩm đầu tay của tôi. - Ông nói - Từ đó đến nay tôi đã tạc hàng nghìn bức tượng rồi. Chúng được trưng bày trong tất cả các bảo tàng trên thế giới. Tôi đã làm việc trong suốt năm mươi năm, không ngừng đẽo, tạc, nắn nót các bức tượng nhưng không bức nào thân thiết với tôi bằng bức tượng Đức mẹ đồng trinh ở nghĩa trang Roman. Cứ mỗi lần các nhà phê bình nghệ thuật hỏi tôi làm sao tôi có thể đạt được nghệ thuật đường nét hoàn toàn trừu tượng này thì tôi lại nói với họ về bức tượng Đức mẹ ở Roman. Ông chủ tiệm thực phẩm và gia vị ở làng chúng ta có một cô con gái đã chết lúc mười sáu tuổi. Ông ta nhờ tôi đúc tượng cô ta đặt lên mộ. Tôi bắt đầu làm việc dựa vào các tấm hình của cô ta và trí nhớ của tôi vì tôi có biết cô gái. Tôi không thể nào tạo được tượng một trinh nữ đã chết với đôi vú bằng thịt, cặp đùi và đôi mông. Tôi không thể nào tạc được tượng một trinh nữ với những miếng thịt “bít tết”, một trinh nữ chết là một cái gì đó không có thịt. Một cái gì đó thật tinh khiết. Thịt không tinh khiết được. Đối với một trinh nữ đã chết, thịt được tạo ra do tình cờ mà thôi. Anh hiểu không? Khi tạc tượng cô trinh nữ, tôi bắt đầu lột bỏ hết thịt cô ta để tạo ra cô ta như tôi đã thấy, như cô ta đã như thể trên thực tế, tinh khiết, trong trắng. Anh hiểu không? Tiếp tục tạc bức tượng, tôi loại bỏ dần tất cả những gì là không tinh khiết. Tôi chỉ giữ lại ở cô ta những đường nét trong sáng, thanh cao như hình ảnh một ngọn lửa, như một ngọn lửa chạm trổ. Đó là bức tượng Đức mẹ đồng trinh ở nghĩa trang Roman. Mọi cái đều trở nên thật tự nhiên. Đó là nguyên tắc chính yếu trong cuộc đời nghệ thuật của tôi. Ngừng lại ở điểm thiết yếu nhất, loại bỏ cái không tinh khiết, cái vô ích. Với một con chim đang bay, tôi chọn cách bay của nó. Đó là điều quan trọng nhất con chim có được, tôi vứt bỏ phần còn lại: cái đầu, đôi cánh, cặp chân... vì chúng không bổ ích gì hết; chỉ có sự bay của nó là có ích, làm tôi thích thú. Tất cả những gì con chim có được ngoài cách bay của nó đều là thứ yếu. Đây chỉ là những thứ có ích cho việc ăn uống, cho việc sinh sản, cho sự tự vệ chống lại, sự... Con chim của tôi không sinh đẻ, nó bay. Anh hiểu chưa?

Boris Bodnariuk đã thấy rõ ông Voivod là một kẻ thù của Đảng Cộng sản. Những bức tượng của ông ta không nói gì với hắn. Tuy nhiên, hắn cho rằng ông Voivod đã là một đồng chí của hắn về mặt tinh thần. Nhà điêu khắc Voivod làm việc cùng một phương hướng với Đảng Cộng sản và với Boris Bodnariuk.

Ông hy sinh tất cả cho cái chủ yếu thôi. Mọi người đều nhìn thấy ở một con chim nào cánh, nào lông, nào mỏ, nào trứng. Đường bay của nó là một cái gì trừu tượng. Trên bình diện xã hội, chỉ có người Cộng sản mới có thể hoàn thành những gì ông Voivod hoàn thành về mặt nghệ thuật. Chủ nghĩa Cộng sản đưa con người lên tầm cao tinh khiết của kế hoạch và nếu cần thì hy sinh con người cho kế hoạch, vì kế hoạch, cũng giống như Voivod hy sinh con chim vì đường bay.

— Điều gì đã đến với anh? - Ông Voivod hỏi - Anh trần truồng, anh không có áo somi à? Anh vượt khỏi một nhà tù Cộng sản à? Họ có tra tấn anh không?

Boris Bodnariuk muốn nói: “Không, thưa Ngài. Ngược lại, tôi là một người Cộng sản trên phương diện xã hội, và trong lịch sử, tôi thực hiện những gì Ngài thực hiện trong nghệ thuật. Tôi lột bỏ đôi vú, cặp đùi, cặp mông, tất cả những gì không thanh khiết để thực hiện một xã hội loài người hoàn hảo. Tôi phá bỏ những thành kiến, những tập quán, những bản năng và tôi nâng con người lên cao, lên cuộc sống tập thể thượng đẳng, thích ứng với kế hoạch. Sự tàn bạo mà Ngài có khi Ngài cắt xén cơ thể thánh nữ đồng trinh và lột bỏ hết thịt hay khi Ngài nhổ hết lông và cắt hết chân của con chim để chỉ dành lại đường bay của nó, nghĩa là Ngài chỉ cần có cái chủ yếu nhất, cái cao đẹp nhất, chúng tôi cũng có, chúng tôi, những nhà kỹ sư mới, những người sáng tạo ra con người, chúng tôi cũng có sự tàn bạo đó khi chúng tôi loại bỏ giai cấp

phản động, lười biếng, thù địch để mở đường cho một cuộc sống siêu đẳng hơn. Cuộc sống của một người Cộng sản không giống cuộc sống người ta đã sống đến hôm nay, cũng như đức thánh nữ đồng trinh của ông không giống các trinh nữ khác chúng tôi đã thấy. Vậy thì chúng tôi là những kẻ có tội hay là những con người siêu việt? Thưa Ngài, về mặt tinh thần thì Ngài là người anh em của tôi. Chúng ta cắt xén thịt con người đưa họ lên cao, lên tới vẻ đẹp cao siêu của kế hoạch. Xã hội Cộng sản tương lai tinh khiết và đẹp đẽ như trinh nữ ở nghĩa trang Roman hay như con chim đang bay. Chúng tôi, những người Xô Viết, chúng tôi xây dựng một xã hội trong đó con người không đấu tranh riêng lẻ để tồn tại nữa, không đấu tranh riêng lẻ như loài cầm thú. Đây là lần đầu tiên con người vượt khỏi tình trạng súc vật và đấu tranh tập thể, đấu tranh chung để sinh tồn, phù hợp với kế hoạch.”

— Hãy rút đi! - Ông Voivod ra lệnh.

Hình như ông ta đoán được những tư tưởng ý nghĩ, của Bodnariuk:

— Mấy tên châu Á ngu ngốc này phạm nhiều tội ác ghê gớm. Những người Xô Viết là những tên giết người tàn bạo nhất chưa từng có trong vũ trụ. Gengis Khan^[18] là một thiên thần bên cạnh chúng. Đối với con người, những người Cộng sản áp dụng vào trong cuộc sống những nguyên tắc mà tôi áp dụng vào trong nghệ thuật. Chúng tôi hoàn thành một công việc trên thịt sống cũng được cho phép như hoàn thành một công việc trên đá. Con người không thể bị nhào nặn, tạo hình giống như đá, gỗ và cẩm thạch. Con người tự nó là hoàn hảo. Nếu anh lột lấy một cái gì đó thuộc về con người thì anh đã giết hại nó, phá hủy nó. Những người Cộng sản muốn loại khỏi cuộc sống con người tình cảm, ích kỷ, bản năng, thành kiến, ảo vọng. Kết quả là bất cứ nơi nào họ đi qua, những người Xô Viết đều để lại toàn xác chết đằng sau họ. *Chỉ trong lỗi lầm mới có sự sống. Không ngoan là chết*, một thi sĩ người Đức nói thế. Phạm vi, khuôn khổ đẹp đẽ nhất của cuộc sống con người là cái mà những người Xô Viết và chủ nghĩa Mác-xít không biết tới. Đó chính là phạm vi của huyền bí. Đó chính là điều hấp dẫn nhất, điều duyên dáng nhất của cuộc sống. Hãy đi đi, hãy tìm mua liền cho anh một áo somi đi, và đừng bao giờ trở lại nhà tôi nữa. Tôi van anh hãy để tôi yên. Tôi chỉ là một ông già cô độc.

Bodnariuk lại cầm lấy mấy tờ giấy bạc ông Voivod đưa thêm cho hắn.

— Đi theo số mệnh của anh đi. - Ông Voivod nói.

Ông ta trở vào trong xưởng lớn như một nhà kho.

Bodnariuk bỏ đi. Hắn đếm mấy tờ giấy bạc rồi đi đến nhà ga. Hắn lên tàu lửa đi Strasbourg. Kế hoạch đã vạch sẵn. Hắn sẽ bí mật trốn qua Đức rồi từ Đức trốn sang vùng Xô Viết. Bây giờ hắn đã có tiền dành cho cuộc hành trình và hắn sẽ đến kịp dự vụ án tại Bucarest.

Trước khi khởi hành, hắn ngạc nhiên, ngỡ ngàng nhìn những người trên sân ga, hắn có cảm tưởng Paris là một nơi hỗn độn không nơi nào có được. Mỗi người là một con thú dữ phải tự xoay xở một mình tùy theo khả năng. Mỗi cá nhân tự tranh đấu để có cơm ăn hàng ngày, để có những thú vui, để có cuộc sống của mình. Hoàn toàn giống như thú vật.

Xã hội tư sản không đem lại một sự che chở nào cả. Nó không đem lại trật tự. Xã hội tư sản là một từ trống rỗng, không có nghĩa. Mỗi người là một đơn vị lẻ loi, đơn độc. Vì thế, phương Tây không có một người nào chịu hy sinh để cho xã hội được sống. Bởi vì đối với người Cộng sản, xã hội có nghĩa là che chở, là bánh là cơm, là thú vui, là an toàn. Xã hội là tất cả, cá nhân không là gì hết.

Ở đây, xã hội không là gì hết, cá nhân là tất cả. Trong xã hội phương Tây, cá nhân tự do và không được che chở, họ giống như những thú dữ trong rừng vậy. Điều này làm cho Boris Bodnariuk mệt mỏi.

Khi tàu rời ga, hắn nghĩ đến quãng đường phải đi qua. Hắn phải bí mật vượt qua hai biên giới. Sau đó, hắn sẽ lại ở trong thế giới tập thể của những người Xô Viết.

Sau cái chết của bé Doina Australia, Pierre Pillat và Marie bí mật trốn qua Pháp. Người Pháp không bắt những người tị nạn, Marie và Pillat đến Paris. Cảnh sát cấp cho họ giấy lưu trú một tháng. Họ nghĩ là từ Pháp họ có thể đi di dân dễ dàng hơn. Tất cả các tòa Tổng lãnh sự và tất cả ngoại giao đoàn của các nước bên kia Đại Tây Dương đều trú đóng tại Pháp. Ở đây không có Hội đồng của những kẻ buôn người như ở Đức. Marie hy vọng có thể di dân qua Canada, Ở đó có Ion Kostaky.

Họ thuê một phòng ngủ gần trường đại học Sorbone, trong khách sạn của ông Dufout. Ông Dufout có một bà vợ giúp ông dọn dẹp các phòng ngủ và hai cô con gái tóc hung xinh đẹp. Đây là loại khách sạn dành cho sinh viên. Pierre Pillat và Marie nhận được tiền thuê phòng và tiền ăn của nhiều tổ chức từ thiện khác nhau. Ở Paris có hàng nghìn người tị nạn, các hội từ thiện đã giúp cho người tị nạn một phiếu ăn với vài trăm franc hay với quần áo. Khi họ không đến văn phòng từ thiện thì Pillat và Marie đến các Đại sứ quán và Tổng lãnh sự để lo vấn đề di dân của họ. Họ gửi đơn xin tất cả các nước còn nhận người di dân và đợi trả lời. Cũng trong thời gian này, họ viết thư gửi thăm tất cả các bạn bè đã được di trú, hỏi họ về cuộc sống ở những nơi ấy.

Varlaam viết thư cho Marie và Pillat báo tin anh đã lãnh được bốn huy chương ở Israel. Ante Petrovici đã trở thành một trong những chủ tiệm đồng hồ lớn nhất ở Achentina.

Daniel Motok đã viết cho họ một bức thư dài:

Tôi được biết anh chị muốn di dân qua Venézuella. Tại đây tôi đang trên một thiên đường rắn. Nếu anh chị di dân hợp pháp qua Venézuella, anh chị có thể gặp một dịp may khác. Tôi đã đến đây một cách bí mật. Anh chị biết rõ chuyến ra đi của tôi từ Đức rồi. Tôi đã đi bằng máy bay, trốn kỹ trong một cái rương. Ngay lúc khởi hành, hơi từ chính thân thể tôi đã làm tôi ngộp thở. Tôi đã choáng ngợp, tưởng chết mất. Chúng ta phải cầu xin Thượng đế đừng bao giờ để cho con người phải chịu đau khổ đến như vậy. Tôi đã quá đau khổ. Cũng trong chuyến bay hôm đó, có hai hành khách danh dự. Đó là hai phi công mà chắc anh chị đã nghe báo chí nói đến: Anatole Barsov và Igor Poltarev. Trong suốt cuộc hành trình, những người Mỹ mang đến cho họ đồ ăn, đồ uống, chụp hình và phỏng vấn họ. Người Mỹ muốn biến họ thành nạn nhân của người Xô Viết, thành những kẻ tử đạo, nhưng những nạn nhân thật sự, người Mỹ lại không biết đến. Tôi nằm trong rương và chắc đã ngủ suốt hành trình. Khi thức dậy và lúc mở nắp rương, tôi biết là mình đang ở trong khoang chứa hành lý của một phi trường Mỹ. Tôi ở xa thành phố. Tôi cẩn thận bò ra khỏi cái rương. Hai bên thái dương nhức và giật giật thật khó chịu. Tôi đói, khát nước và ngột ngạt. Tôi lần đi về phía Nam. Trời tối, tôi biết rằng, tôi Motok, tôi đang ở Hoa Kỳ một cách không hợp pháp nhưng tôi không sợ.

Tôi chỉ biết có một điều: Tôi là một con người và một khi tôi là người thì việc tôi bước đi trên một con đường, nhìn sao hay thở không khí không thể là một điều bất hợp lý. Tôi, Daniel Motok, tôi cảm thấy tôi sống hợp pháp buổi tối hôm đó. Tôi xem việc tôi phải làm một công việc gì đó để tự nuôi sống mình là một điều phải lẽ và tự nhiên. Đó là một chuyện hợp pháp. Nếu trong đêm ấy, có ai đó thử nói với tôi rằng tôi đi bất hợp pháp trên mảnh đất này, thì thế nào tôi cũng gây gỗ, đánh họ. Tôi cảm thấy mỗi người đều có quyền đấu tranh để giữ lại cuộc sống cho mình. Đó là điều hợp pháp. Việc cảm một con người được sống mới là bất hợp pháp.

Tôi đi về phía Nam. Ban ngày tôi ngủ trong đồng ruộng; tối đến tôi bí mật di chuyển, bằng tàu điện, tàu biển, đi bộ. Tôi vượt nhiều biên giới không hề bị bắt lại, khi tôi bị bắt giữ thì người ta cho tôi biết là tôi ở Venézuella và hỏi tôi muốn làm việc không, người ta không hỏi giấy tờ gì cả. Venézuella xây một con đường cắt ngang nhiều ngọn núi, xuyên qua một cánh rừng rậm đầy rắn và luôn luôn nóng bức do khí hậu vùng nhiệt đới. Tất cả thợ làm ở đó đều là những tên da đen vượt ngục. Tôi là người da trắng duy nhất. Họ tưởng rằng tôi cũng là một tên tội phạm vì thế họ không cần hỏi tôi giấy tờ, cũng không cần biết tôi từ đâu

đến. Tôi đi ra công trường.

Không một quyển sách nào nói đến những vùng đất như thế tồn tại trên thế giới. Mặt trời rút hết nước trong người anh và mỗi bước đi lại thấy rắn. Tôi chống đỡ và trở thành nhóm trưởng. Tôi thay thế một kỹ sư, rồi hai kỹ sư. Ngay lúc này đây, tôi đang thay thế nhiều kỹ sư không muốn đến công trường mỗi ngày. Tôi nhận nửa phần lương của họ để sống thay chỗ họ trong cái địa ngục nhiệt đới đầy rắn này. Tôi thu lượm tiền, tôi có cả một vali đầy tiền nhưng tôi sống đọa đày. Nguyên nhân của nỗi thống khổ của tôi là như sau: Trước hết là cơn nóng thiêu đốt ngọt ngào, kế đến là rắn. Tôi sợ chúng chết đi được. Nỗi khổ thứ ba là sự thèm muốn đàn bà. Từ khi đến đây tôi chưa hề thấy một phụ nữ nào ngay cả trong ảnh. Lý do thứ tư là nỗi sợ hãi những người da đen. Người da đen ghét người da trắng với một nỗi căm hận gây chết chóc. Bọn chúng không dám bắn vào người da trắng, chỉ trừ khi người da trắng say rượu. Mỗi đêm, vài trăm tên da đen dưới quyền tôi, thay nhau quanh quẩn quanh trại của tôi để rình xem tôi có uống rượu Whisky không. Liền sau khi uống một ly rượu, tôi có thể bị giết hại ngay. Bọn da đen sẽ đè tôi xuống và chặt tôi ra thành nhiều mảnh. Vì vậy tôi không dám uống một giọt rượu và càng không uống lại càng thêm khát. Hợp đồng của tôi sẽ kết thúc trong một năm. Nếu trong một năm này tôi không chết vì khát, vì ánh nắng, vì bị rắn cắn hay bị bọn da đen chặt thành mảnh nhỏ thì tôi lại trở về với cuộc sống, với thế giới. Tôi sẽ trở nên giàu có và tôi sẽ kiếm anh chị. Nhưng một năm thật quá lâu, quá nhiều. Với tôi một năm là cả một cái gì vô tận, nhất là ở chốn này, ở nơi mà tôi chỉ sống một mình với kẻ thù, với mặt trời nóng cháy chết người, với rắn và với những tên da đen. Mong anh chị nhớ đến tôi trong lời cầu nguyện vì nếu không có Chúa giúp đỡ, cứu vớt thì không ai có thể chống chọi một năm trời giữa mọi nỗi hiểm nguy như thế. Đây, hoàn cảnh của tôi là thế đấy. Tuy nhiên, tôi vẫn có thể nói là cho đến hôm nay, tôi đã gặp may khi đến đây, giống như tất cả mọi vận may dành cho những kẻ bị lưu đày, đây cũng là một dịp may phụ, một dịp may giống như một cái áo mưa hồ, một dịp may tạm bợ.

Thư của Motok làm Pillat cảm động.

— Điều này sẽ không đến với chúng ta. - Anh nói - Chúng ta sẽ đi di dân hợp pháp. Di dân hợp pháp là đủ rồi, nhiều rồi.

Pierre Pillat được phép di dân sang Venézuella. Anh chỉ còn đợi tàu đến để khởi hành. Cuộc chiến đấu hàng ngày để tồn tại thật gian khổ và tủi nhục. Hy vọng sắp được làm việc giúp họ có can đảm. Marie và Pillat chờ đợi giây phút đó tại khách sạn của ông Dufout.

Một buổi sáng, vào lúc năm giờ, có người đập cửa phòng họ, đập mạnh, nghe rõ từng cú đập.

Họ ở Paris đã được ba tuần. Họ có giấy phép cư trú và không làm gì xấu, phạm pháp, thế mà cảnh sát lại đứng trước phòng họ, Pillat run rẩy. Anh mở cửa. Hai cảnh sát dân sự và hai quân cảnh mặc đồng phục đứng sẵn ở phòng trước.

— Cho xem giấy tờ. - Người cảnh binh thứ nhất ra lệnh.

Pillat tìm giấy chứng nhận cư trú tại Pháp, một mảnh giấy mỏng như giấy ván thuốc lá và trao cho viên cảnh binh.

— Ông không có giấy tờ nào khác à?

— Ở Rumanì, chúng tôi có đủ cả. - Pillat nói.

Marie mặc quần áo dưới chân. Cửa phòng bật mở. Bốn người cảnh sát theo dõi từng cử chỉ của họ.

— Ông không có giấy tờ nào khác bằng tiếng Pháp à?

— Không. - Pillat nói.

Anh bắt đầu mặc quần áo.

Marie ôm kín đầu trong hai bàn tay và thân thể cầu nguyện: “Chúa ơi, xin làm cho họ đừng bắt chúng con. Chúa ơi, xin cho chúng con tránh khỏi sự bắt bớ”.

— Hãy thay quần áo và đi xuống. - Một cảnh binh ra lệnh.

Hắn xếp hai tờ giấy mỏng lại và cất vào túi.

— Chúng tôi bị bắt à? - Pillat vừa thất cựa vọt vừa hỏi.

— Đúng. - Tên cảnh binh nói - Mặc quần áo nhanh lên! Nhanh lên chứ!

— Các ông sẽ giữ chúng tôi lại lâu không? Chúng tôi cần mang theo gì không? Tại sao các ông bắt chúng tôi?

Tên cảnh binh đốt một điếu thuốc, hắn đứng dựa vào tường. Cửa mở rộng.

— Chúng tôi đã làm gì để phải bị bắt? - Pillat lại hỏi - Giấy phép của chúng tôi không hợp lệ à?

— Đi xuống. - Tên cảnh binh ra lệnh.

Hắn đóng cửa phòng lại và giao chìa khóa cho ông Dufout.

Con gái và vợ ông Dufout đã thức dậy. Họ nhìn Marie và Pierre đang bị cảnh sát bao vây. Ông Dufout không nói gì cả, ông cầm lấy chìa khóa, nhìn Marie và Pierre với vẻ khinh bỉ. Đó là sự khinh bỉ của một người tự do đối với một tên tù. Ông Dufout biết rõ là không bao giờ ông bị bắt như thế, con gái ông và cả vợ ông cũng không bao giờ bị bắt. Những chuyện như thế chỉ đến với những người ngoại quốc thôi.

— Chúng tôi đã làm gì? - Pillat lại hỏi nữa - Tại sao bắt chúng tôi?

Tên cảnh binh không trả lời. Hắn dẫn Marie và Pillat đến Nha cảnh sát. Họ phải leo bộ lên tầng lầu thứ năm. Lúc đó là sáu giờ sáng. Hắn giam họ vào một căn phòng. Pillat tự hỏi không biết vợ chồng anh phạm tội gì? Giấy phép cư trú của họ đã bị tịch thu. Đến mười một giờ, họ bị gọi đến văn phòng một vị thanh tra đáng mến. Ông mời họ ngồi.

— Nếu còn vi phạm nữa thì ông bà sẽ bị trục xuất. - Viên thanh tra nói.

Marie khóc.

— Chúng tôi được chấp thuận cho di dân sang Venézuella. - Pillat nói - Trong vòng mười lăm hôm nữa chúng tôi sẽ đi. Hiện nay chúng tôi đang đợi tàu. Chúng tôi không làm gì bất hợp pháp cả. Tại sao các ông bắt chúng tôi.

Marie nhìn mãi mấy ngón tay đầy mực tàu đen thui. Ngay sau khi đến Nha cảnh sát, họ bị lấy dấu tay

và những vết mực tàu vẫn còn trên các ngón tay.

Đó là những dấu vết của sự tù nhục.

Marie kỳ cọ các ngón tay và khóc nhưng mấy vết mực đã ăn vào da, có thể nói là chúng ăn sâu vào thịt. Cô ra sức kỳ cọ, mấy vết mực vẫn còn y nguyên.

— Tôi phải gửi ông bà đến chỗ tạm giam. - Viên thanh tra nói.

Marie mở lớn mắt.

— Ông bà không biết chỗ tạm giam là gì hả? Đó là nhà tù. Tôi phải gửi ông bà đến đó. Nhưng vì đây là lần đầu tiên ông bà vi phạm nên tôi tha cho ông bà chỉ phải trả tiền phạt thôi.

— Chúng tôi vi phạm điều gì vậy? - Marie hỏi.

Pillat nghĩ là nếu vợ chồng anh bị phạt tiền và anh không có tiền để trả thì tiền phạt sẽ biến thành lệnh giam giữ.

— Ông đã không khai với cảnh sát chỗ ở của ông. - Viên thanh tra nói.

— Ngày đầu tiên đến Paris, chúng tôi ở một ngày tại khách sạn “Con mèo câu cá”. Sau đó chúng tôi dọn đến ở khách sạn của ông Dufout vì tiền trọ rẻ hơn. Khách sạn Dufout nằm cùng đường với khách sạn “Con mèo câu cá”, chỉ cách hai số nhà. Chúng tôi ở lại đây từ ngày chúng tôi đến Paris.

— Ông bà vi phạm điều luật ba mươi một tháng mười hai năm một chín bốn bảy liên quan đến việc khai báo chỗ ở của người nước ngoài. Ông bà là người nước ngoài. Mọi thay đổi chỗ ở, dù thay đổi như ông bà đã làm, từ nhà này sang nhà khác, đều phải được khai báo với cảnh sát. Cảnh sát Pháp để ông bà tự do và không tìm cách gây gổ, kiểm chuyện với ông bà như cảnh sát các nước khác nhưng cảnh sát Pháp muốn để mắt đến ông bà. Hợp lý chứ? Ông bà là những thành phần được cảnh sát chăm sóc, theo dõi liên tục ngày và đêm. Mỗi người nước ngoài ở tại Paris đều được cảnh sát theo dõi, làm sao cảnh sát để mắt đến ông bà được nếu ông bà thay đổi chỗ ở mà không khai báo.

Marie lại kỳ cọ bàn tay, cố chùi sạch các vết mực. Pillat nhìn vào mắt viên thanh tra.

— Ông bà có thể đi. - Viên cảnh binh nói - Nhưng đừng quên khai báo với cảnh sát mỗi lần thay đổi địa chỉ.

Pillat cảm ơn anh ta đã không đưa anh đến nhà giam tạm.

Họ đi ra và vội vã về khách sạn để tắm rửa. Hương vị các hành lang của Nha cảnh sát đã thâm nhập quần áo họ.

— Ông bà gặp may đó. - Ông Dufout nói khi thấy họ trở về - Chỉ ở Pháp cảnh sát mới dễ thương như thế với người ngoại quốc.

Marie cố giấu mấy ngón tay nhưng mấy người con gái của ông Dufout cứ nhìn chúng. Con gái ông Dufout có những ngón tay trắng, sạch sẽ. Họ chưa bao giờ đến Nha cảnh sát và chưa bao giờ bị lấy dấu tay. Họ chưa bao giờ bị buộc phải nhúng tay vào mực tàu.

Tận đáy lòng mình, Marie cảm thấy nhục nhã vì có những ngón tay bẩn. Con gái ông Dufout có bàn tay sạch sẽ, tinh khiết và Marie ganh với họ vì cô đã không còn có sự thanh khiết, sạch sẽ đó. Cô giấu những ngón tay rồi lại khóc vì cô vừa ở đồn cảnh sát về. Cô ta, Marie, đã đến đồn cảnh sát, cô đã bị bắt. Nước mắt nhỏ dài trên má.

— Tôi đã nhiều lần cấm ông bà không được chuẩn bị bữa ăn trong phòng. - Ông Dufout nói - Ông bà làm bẩn tường và sàn nhà.

Chìa khóa phòng họ không có trong hộc. Hành lý vất lộn xộn dưới đất trong văn phòng khách sạn, quần áo bẩn, một bếp lò nấu cồn và vài củ khoai. Đó là những tang vật. Tất cả mấy thứ này được chồng đề lên trên hành lý. Ông Dufout đã lấy tất cả đồ đạc trong phòng họ và đưa xuống văn phòng. Ông để những tang vật lên trên: mấy củ khoai, bánh mì khô và một gói mỡ đông đặc.

— Tôi tìm thấy khoai, bếp lò và xoong chảo. - Ông Dufout nói - Ông bà làm bếp ở trong phòng mặc dù tôi đã cấm một cách nghiêm ngặt. Tôi không thể cho ông bà trọ trong khách sạn tôi nữa. Hãy trả phòng lại và tìm nơi khác.

— Thưa ông Dufout, thưa ông... - Pillat nói.

— Một nhượng bộ cuối cùng; ông bà sẽ ở tầng thứ sáu và hãy hứa là không nấu ăn nữa, hứa chứ?

Ôm mấy gói đồ đạc trong tay, Marie và Pillat leo mấy bậc thang lên tầng lầu sáu. Để chứng tỏ không

nấu ăn nữa, Pillat bỏ mấy củ khoai lại văn phòng. Ông Dufout ghé tòm quăng chúng vào sọt rác.

Con gái ông Dufout nhìn Pillat leo mấy bậc thang giống hệt như anh ta leo lên đồi Golgotha^[19] và Marie khóc.

Vào trong phòng, Marie ngồi xa chồng. Cô rửa tay thật lâu trong chậu nước. Cô chà xát thật mạnh nhưng các vết mực không bay hết. Marie không thể tẩy hết các vết mực.

— Một tuần lễ nữa sẽ là lễ Phục Sinh. - Hôm nay bắt đầu tuần thánh. Pillat nói.

Cả hai người đều nghĩ đến Rumania.

Tuần lễ trước ngày Phục Sinh, các hội từ thiện tỏ ra rộng rãi, hào hiệp hơn thường ngày. Pillat nhận tiền của các giáo sĩ tẩy lễ người Mỹ^[20]. Anh trả tiền phòng cho ông Dufout. Họ cũng muốn thực hiện một giấc mơ chuẩn bị một con gà cho lễ Phục Sinh. Trong lúc đi lang thang bị lưu đày, họ nghĩ là chẳng bao giờ họ được ăn một con gà quay. Bây giờ đây, sau khi trả tiền phòng, họ vẫn còn tiền và họ có thể thực hiện ước muốn của những ngày đói khát, của những đêm dài đằng đẳng họ mơ tưởng đến khoai, đến bánh mì, đến bơ trong khi họ chỉ có nước lã để dẫn con đi.

Ngày thứ sáu tuần thánh, họ mua nửa con gà và khoai. Đối với họ, chi tiêu như thế không khác gì tiêu phí cả một gia tài nhưng họ nghĩ là họ sắp đi Venézuella và họ có thể tự cho phép xài phí một ít.

Thứ sáu tuần thánh, Pierre Pillat giữ chay tuyệt đối, không ăn một miếng bánh cũng không uống một giọt nước. Anh cầu xin Chúa phù hộ cho vợ chồng anh được di dân đến Venézuella, tại đó họ có thể làm lại cuộc đời. Họ cần cho sự an nghỉ của vong hồn Doina Australia mà ngôi mộ nằm lại trên mảnh đất Đức buồn bã. Họ cầu cho Ion Kostaky đang ở xa, có lẽ là bên kia đại dương, cầu cho Ileana có thể hiện đang ngồi tù, cầu cho cả trăm triệu người bị quăng ra đường hôm sau ngày Chiến thắng, đi lang thang không nhà cửa, không nơi nương tựa trên mặt địa cầu hay bị dọa dẫm, đau khổ trong các nhà tù. Họ nghĩ đến Eddy Thall, họ cầu nguyện cho Motok đang sống giữa lũ rắn, cầu cho Ante Petrovici hiện đã giàu có ở Achentina, nhưng từng giây phút có thể bị bắt vì chân phải ông ta thiếu vài phân; và họ cầu cho Varlaam đang chiến đấu cho Israel.

Buổi tối vắng lặng. Hình như thời gian không trôi qua theo đồng hồ của cái tháp đối diện với khách sạn, cũng không được tính toán theo đồng hồ đeo tay của các con gái ông Dufout, cũng không theo đồng hồ của mấy ông cảnh binh và mấy chiến sĩ. Đây là một thời gian trôi qua và được đo tính bởi chiếc đồng hồ vĩ đại của sự vĩnh cửu, một đồng hồ không tính toán thời gian theo giây và theo phút.

Ở đâu đó, xa xưa trong thời gian, người ta hạ xác đáng cứu thế xuống mồ. Người ta cảm nhận sự mệt mỏi của hàng trăm triệu người đang leo lên đồi Golgotha trên mặt địa cầu, bầm dập vì cái quyết định của những hiệp ước hòa bình cũng như vì những cái đinh đóng vào da thịt họ và họ chờ đợi được hạ xuống khỏi thập tự giá lưu đày và chôn vào lòng đất tổ quốc.

Tối đến, Pillat lấy lò nấu còn và bắt đầu chuẩn bị bữa ăn.

Trong bóng tối, con gà đang được quay trên chảo. Họ đói bụng lắm nhưng muốn giữ chay đến lễ Phục Sinh. Marie dựa đầu lên vai Pierre. Họ không nói gì cả. Không có luồng ánh sáng nào khác ngoài ngọn lửa nhỏ, xanh biếc của bếp lò. Cửa sổ mở. Họ mơ mộng trong im lặng. Marie ngủ mơ màng. Pillat tắt lửa bếp lò Anh nằm dài cạnh Marie và ôm cô vào lòng. Họ vừa ôm nhau nằm ngủ mơ màng như thế vừa nghĩ đến Venézuella, xứ sở tương lai của họ, nghĩ đến Chúa Jesus và sự sống lại của Ngài. Đây là một đêm thanh khiết nhất trong đời họ. Pierre ngủ với nụ cười còn đọng trên môi. Khi tỉnh dậy, anh ngẩng đầu nhìn qua cửa sổ và thấy ánh sáng bình minh. Ai đó đập mạnh phía ngoài cửa. Một giọng nói hét to:

— Mở cửa! Cảnh sát! Mở cửa!

Mấy cú đấm trên cửa dồn dập hơn. Người ta lập lại lệnh mở cửa. “Giấy phép cư trú của chúng ta hợp lệ”. Pillat nghĩ. “Tại sao cảnh sát trở lại? Chúng ta đã làm gì bất hợp pháp mà cảnh sát trở lại?”

Marie nhảy ra khỏi giường. Cô muốn thay quần áo trong bóng tối. Cô chưa tìm thấy quần áo.

— Mở ra! Cảnh sát. - Giọng nói lại hét lên ở ngoài cửa.

Người ta nghe nhiều giọng nói khác ngoài hành lang rồi những bước chân. Marie muốn giấu cái chảo và cái lò, Pillat bật đèn.

— Khoan mở đã anh. - Marie nói - Một phút nữa thôi.

Cô tìm cái áo nhưng vẫn chưa tìm thấy. Chưa bao giờ cô thất vọng và sợ hãi như lúc này: cả khi người Nga đến, cả khi họ ở trong rừng, cả khi họ bí mật vượt biên giới. Chưa bao giờ cô sợ đến thế này.

— Cảnh sát! Mở nhanh lên!

— Họ lại bắt chúng ta. - Marie nói - Em không muốn họ bắt chúng ta. Không.

Cô níu chặt cánh tay Pierre.

— Anh phải mở cửa, em hãy bình tĩnh thay quần áo đi. Anh phải mở cửa.

— Cảnh sát an ninh. - Giọng nói ngoài cửa hét to - Mở ra!

Marie đưa tay che mắt và đến gần cửa sổ. Cô run rẩy toàn thân giống như cánh cửa rung rinh khi mấy tên cảnh binh đập mạnh và ra lệnh mở. Cô cảm thấy nắm tay đâm vào cửa như đâm vào người cô, cô cảm thấy những cú đâm ở trán, ở ngực, ở đỉnh đầu. Mọi chuyện xảy ra với một sự mau lẹ choáng váng.

Marie không thể chịu đựng nổi nữa. Cô lấy tay bịt mắt lại, vừa bịt cô vừa ước ao không nhìn thấy gì nữa cả, không gì nữa cả. Và thân hình cô cúi xuống trên thành cửa sổ, phía bên ngoài, giống như cây nến cong gập lại trong ngày lễ Phục Sinh khi trong nhà thờ quá nóng vì người ta đang cử hành lễ Chúa sống lại. Đơn giản là cô ta cong người lại. Mọi việc xảy ra hết sức mau lẹ... thân hình cô cong lại, run rẩy, chảy ra. Marie chưa bao giờ làm một cái gì phức tạp, khó khăn. Cô không tự bảo vệ nữa. Cô để cho thân thể mềm nhũn ra giống cây nến chảy và thân hình cô rơi xuống, mềm nhũn, rơi sang phía bên kia cửa sổ rơi từ tầng lầu sáu xuống đường cái.

Tất cả đã xảy ra hết sức đơn giản.

Khi Pillat quay đầu lại, Marie không còn trong phòng nữa. Anh vội chạy lại phía cửa sổ. Anh quay lưng lại phía Marie đúng ngay lúc mở cửa cho mấy tên cảnh binh. Anh nghe một tiếng động. Một tiếng động nặng nề, xa xa phía ngoài đường.

Anh nhìn xuống. Trước khách sạn của ông Dufout người ta thấy cây đèn gaz thấp sáng, lề đường và xác Marie đập nát, bất động giống như vết mực loang trên đường nhựa. Vài khách qua đường chạy lại dưới ngọn đèn trước khách sạn.

Hai cảnh sát, một người là dân sự và người kia mặc quân phục đi vào phòng Pillat. Họ bật đèn sáng và để cửa mở rộng.

Pillat đang cúi xuống bên cửa sổ.

— Chuyện gì vậy? - Tên cảnh binh hỏi về nghi ngờ và nghiêm khắc - Có chuyện gì thế?

Hai cảnh binh tiến lại gần cửa sổ và nhìn xuống lề đường.

— Chuyện gì xảy ra thế?

Mấy cảnh binh nhìn xác Marie. Người ta nghe nhiều tiếng la to, đám đông tụ tập lại.

— Cô ấy nhảy từ cửa sổ này à?

Pillat cảm thấy bàn tay người cảnh sát đẩy anh ra giữa phòng. Anh nghiêng chặt răng, không nghĩ đến điều gì nữa cả.

Anh chỉ nghiêng chặt răng như muốn nghiền nát chúng.

— Ai thế? - Tên cảnh binh hỏi - Cô ta nhảy xuống từ đây à? Trả lời đi!

Cửa phòng ngủ để mở. Khách trọ thức giấc chạy đến vây kín hành lang. Nhiều bước chân chạy nhanh lên lầu sáu, nhiều người, nhiều lắm.

Pillat muốn ra khỏi phòng và đi xuống.

— Không được động đây. - Tên cảnh sát dân sự ra lệnh. Hắn nắm lấy vai Pillat. - Mày đi đâu?

Pillat muốn vùng khỏi nhưng tên cảnh sát kia đã tóm lấy ngực anh. Giờ thì Pillat hiểu ra là mọi cố gắng đều vô ích. Không có gì lệ thuộc vào ý muốn của anh nữa. Kể từ khi anh bị lưu đày, chuyện đó đã trở thành quen thuộc rồi, không có gì lệ thuộc vào anh nữa hết. Anh đã là một tên tù và anh lại là một tên tù.

— Tên mày?

— Pillat. - Anh nói.

Mắt nhắm kín nhưng anh vẫn thấy thân thể Marie đập nát, nằm dài bên lề đường, ngoài ra anh không nhìn thấy gì nữa cả.

— Giấy căn cước của mày? - Tên cảnh sát ra lệnh.

Pillat lục túi làm như thể anh đang mơ vậy. Tên quân cảnh nắm vai anh và theo dõi từng cử chỉ của

anh. Tên cảnh sát kia đóng cửa sổ lại và cầm lấy tờ giấy mỏng như giấy ván thuốc lá. Đó là giấy chứng nhận cư trú ở Pháp nhưng không phải giấy của Pillat mà là của Marie. Giấy của Pillat ở mặt bên kia vì hai tờ giấy được dán vào nhau.

— Cô ta là Marie Pillat à?

— Chính cô ta. - Pierre nói.

Môi anh chảy máu. Anh đã cắn môi và giờ đây khi vết đau ở môi bị cắn nhập vào thân xác anh, anh mới khóc.

Tên cảnh sát dân sự đọc giấy chứng nhận cư trú. Hắn nhìn tên kia và tỏ vẻ thất vọng.

— Không phải hắn ta. - Tên cảnh sát dân sự nói (hắn quay qua Pillat) - Phòng anh số bao nhiêu?

— Sáu không bốn. - Pillat nói.

Từ đường phố vang lên tiếng la hét, tiếng còi xe, tiếng máy nổ và nhiều giọng nói.

Hành lang phía trước phòng đầy nghẹt người. Cửa phòng mở ra.

— Tên Hy Lạp mà chúng ta kiểm ở phòng số năm không bốn. - Tên cảnh binh nói.

Hắn nhìn tờ giấy với các tên ngoại quốc bọn chúng muốn kiểm.

— Chúng ta đã lộn tầng lầu.

— Một sự nhầm lẫn tầng lầu. - Tên quân cảnh lập lại.

Pillat lại muốn đi ra. Anh muốn đi đến phía cửa sổ. Một bàn tay giữ lấy vai anh. Anh là một tù nhân.

— Vợ mày à? - Tên cảnh sát dân sự hỏi.

— Vợ tôi. - Pillat nói.

— Tại sao cô ta làm vậy?

Pillat nhìn bộ quân phục của tên cảnh binh đang nắm vai anh và không trả lời.

— Tại sao cô ta làm thế? - Tên cảnh binh lại hỏi. Hắn có vẻ buộc tội, nghiêm khắc, độc đoán. Hắn muốn có câu trả lời và lặp lại câu hỏi.

— Tại sao cô làm vậy? Anh chị gây gổ nhau à?

— Chúng tôi không gây gổ nhau. - Pillat nói.

— Tại sao cô ta nhảy qua cửa sổ, trả lời mau, tại sao?

Pillat nắm chặt tay, nghiền chặt răng. Da thịt anh se thắt lại. Tim anh se thắt lại cũng giống như răng anh, tay anh.

— Chuyện gì đã xảy ra?

Tay tên cảnh binh, như một cái móc, túm chặt lấy vai Pillat.

— Nhầm lẫn tầng lầu. - Pillat nói và anh cắn môi đến chảy máu. - Một sự nhầm lẫn tầng lầu, tầng lầu...

Anh nhìn cái chảo có con gà quay. Anh nhìn ánh sáng lan tỏa óng ánh trên đại học Sorbone và trên điện Pouthéoz. Rồi anh bật khóc nức nở. Anh không kiềm giữ nổi nữa.

— Nhầm lẫn tầng lầu, không gì nữa hết, nhầm lẫn tầng lầu...

Chân anh đá trúng cái chảo. Mỡ đỏ, loang lổ trên nền căn phòng của ông Dufout làm thành một vệt lớn dính chặt vào đó, và không bao giờ có thể tẩy sạch được, không bao giờ.

— Chúng tôi giữ ông lại để điều tra. - Tên cảnh sát nói.

Bàn tay nắm chặt vai anh giờ lại đẩy anh ra khỏi phòng, phía cầu thang.

Trước khách sạn có một xe cứu thương. Xác Marie nằm bất động trên nền nhựa. Pillat vùng thoát và chạy bay lại phía Marie.

Nhưng xung quanh có mấy tên cảnh sát với áo khoác đen như cánh quạ, đã đứng thành vòng tròn. Có rất nhiều cảnh sát.

Nhiều tên khác đi bằng xe đạp, áo choàng giống như những cánh chim mở rộng. Chúng đến từ phía phải, phía trái và chạy lại vây quanh Marie nằm chết trên vệ đường. Chúng đến bằng xe đạp với những đôi cánh căng phồng giống hết những con chim buồn thảm sắc mùi chết chóc.

Xác Marie được đặt lên xe cứu thương đang xa dần. Những tên cảnh sát với áo choàng đen như cánh quạ sắc mùi máu đi xe đạp theo sau xe cứu thương. Chúng đi theo xác chết của Marie và đến góc đường chúng biến mất nhưng để không cách quá xa chiếc xe cứu thương, chúng đạp nhanh cái chân đạp. Mấy ông cảnh sát đó tỏ vẻ buồn thương những gì đã xảy ra. Họ cảm động.

Người Pháp thường hay khổ sở và luôn luôn rung động khi có một tai họa gì đó đến với một người đàn bà trẻ. Tâm hồn của họ là như thế.

Một vết máu lớn chảy dài trước khách sạn ông Dufout, gần cái bếp gaz. Hai con mèo của ông Dufout đi ra đường. Chúng đến gần vết máu và muốn liếm vết máu đó. Hai cô con gái ông Dufout lấy làm kinh tởm nên gọi mèo vào nhà. Các cô cho mèo uống sữa để chúng không uống máu người đàn bà chết. Kế đó, bà Dufout mang một xô nước và cái bàn chải đến, bà chùi sạch máu của kẻ đã tự vận đề máu đó không còn bám dơ được mấy con mèo nữa.

— Em thật có lý vì đã lau vết máu. - Ông Dufout nói - Em thật có lý, thật đúng. - Và ông ta nghĩ: “Những người ngoại quốc. Ôi, họ chỉ gây cho ta mọi nỗi phiền toái. Thật vậy, nếu ta gặp những phiền toái, những bực bội thì đó là do lỗi của họ, hoàn toàn do lỗi của họ”.

PHẦN V

CUỐN SÁCH NÓI VỀ SỰ HÁT HUI

I

Sau khi Marie chết, Pillat bỏ hẳn việc đi lại các Đại sứ quán để lo vụ di dân. Anh cũng ngừng hẳn việc đến các văn phòng từ thiện. Anh không nghĩ đến một dự kiến nào nữa hết cho tương lai.

Anh ở lì trong phòng ở tầng lầu sáu trong khách sạn của ông Dufout, ở một mình, cửa sổ phòng đóng kín. Thỉnh thoảng anh xuống mua bánh mì nhưng anh không nhìn ai, cũng không nói chuyện với ai hết.

Một bữa kia, Aurel Popesco đến khách sạn. Hắn ta ngồi trong một chiếc xe Cadillac màu đen. Ông Dufout đứng tiếp hắn. Aurel Popesco hỏi ông Dufout về Pillat.

— Ngài đến thật là may mắn, thật là chí lý. - Ông Dufout nói - Sau tai biến ông Pillat đắm chìm trong một trạng thái suy nhược... Thật là may mắn vì Ngài đến. Ông Pillat giam mình trong phòng suốt ngày, không ăn uống, không nói chuyện với ai cả. Ngài muốn lên không ạ?

Aurel Popesco đã biết Marie tự vẫn.

— Tôi sẽ mang Pillat đi cùng với tôi. - Aurel Popesco nói - Pierre Pillat được bổ đến làm việc tại một nhiệm sở lớn bên cạnh Bộ tư lệnh quân lực Đại Tây Dương. Anh ta là một phần tử ưu tú, chọn lọc. Tôi được đặc trách đến tìm anh ta.

Aurel Popesco lên phòng trọ của Pierre Pillat. Xuyên qua tấm màn cửa, mấy cô con gái ông Dufout nhìn chiếc xe Cadillac đen bóng để trước khách sạn.

— Dậy đi bạn. - Aurel Popesco hét tướng lên khi vào phòng Pillat. - Tôi mang đến cho bạn một tin vui kỳ diệu. Bạn đã trở thành một nhân vật quan trọng rồi đấy. Tôi đã xin được cho bạn vào làm việc ở Bộ tư lệnh quân lực Đại Tây Dương. Bạn sẽ đi với tôi. Chúng ta phải có mặt ở Đức tối nay. Ôi, nếu bạn biết được bạn đã trở thành một người quan trọng như thế nào?

— Hãy nói với tôi bất cứ chuyện gì nhưng xin đừng nói tôi là một người quan trọng. Tôi biết tôi là cái gì, tôi biết giá trị của tôi. Kể từ khi bị lưu đây, mọi người đánh giá tôi bằng centimét, bằng kilô so với sức nặng của tôi. Người ta lấy dấu tay tôi.

— Bây giờ, hoàn cảnh đã đổi khác. - Aurel Popesco nói - Và lại hoàn cảnh phải thay đổi chứ. Hãy đứng lên và chuẩn bị đi với tôi.

Aurel Popesco giải thích cho Pillat biết là các nước phương Tây đã tổ chức một cuộc chiến đấu chống lại người Xô Viết.

— Người ta kêu gọi hết thảy các phần tử ưu tú đang tị nạn ở phía bên này bức màn sắt. Bạn là một trong những phần tử đó. - Aurel nói - Bạn vừa được bổ làm cố vấn Bộ tư lệnh quân lực Đại Tây Dương. Người ta sẽ giao cho bạn một công tác đầu tiên tối quan trọng. Bạn sẽ được trả lương xứng đáng. Bạn không cần phải di dân nữa. Bây giờ, bạn là một người quan trọng.

Aurel Popesco buộc Pillat đứng lên. Hắn giúp anh chuẩn bị hành lý và khiêng giùm xuống. Ông Dufout giúp họ. Ông đưa họ ra tận chiếc xe Cadillac bóng lộn. Gia đình Dufout bắt tay Pierre, họ cười thân mật với anh và vẫy tay chào từ biệt khi xe nổ máy.

— Bạn không phấn khởi à? - Aurel Popesco hỏi - Thật là một biến cố phi thường.

Pillat nhìn con đường. Anh không nghĩ đến gì hết. Anh cứ để Aurel mang đi, chờ đi giống như lúc sau này anh vẫn để làm thế. Anh không phản ứng nữa. Anh trở nên thụ động đối với tất cả những gì có thể xảy đến với anh, thụ động như một tù nhân.

— Tôi nay chúng ta sẽ tiếp xúc với các vị lãnh đạo. - Popesco giải thích - Ba vị đại tướng đợi anh ở Heidelberg. Họ đợi bạn, bạn ấy, Pierre Pillat à. Bạn phải giải quyết một bài toán phi thường, một vấn đề phi thường. Bạn có một người bạn học cũ, đó là Boris Bodnariuk. Nếu bạn gặp anh ta, bạn có nhận ra anh ta không?

Pillat gật đầu ý nói “Có”.

— Bodnariuk là nhân vật quan trọng nhất của Rumani. Cùng với Thống soái các nước Slaves phía Nam, y đứng ra tổ chức liên minh các quốc gia vùng sông Danube. Y là Bộ trưởng Quốc phòng. Thời gian gần đây người ta không biết gì nữa về y hết. Cách đây vài hôm, tại Đức người Mỹ bắt giữ một người xem ra giống hệt Boris Bodnariuk. Việc nhận ra gốc gác, lý lịch hắn ta thì chắc chắn rồi nhưng người Mỹ muốn được thuyết phục, biết chắc đó đúng là Bodnariuk. Nếu thật sự người đó đúng là Bodnariuk thì y có một tầm quan trọng ghê gớm về mặt chính trị. Những giả thuyết phi lý nhất, vô nghĩa nhất đều có thể đặt ra. Hoặc là Bodnariuk bị buộc phải trốn đi vì đã có những rạn nứt, những chia rẽ, những mâu thuẫn chính trị giữa các quốc gia Xô Viết. Trong trường hợp này, người Mỹ có thể lợi dụng những mâu thuẫn, những bất đồng đó. Hoặc là ngược lại Bodnariuk đến vì nhiệm vụ. Trong trường hợp này, nhiệm vụ của y chắc phải có một tầm quan trọng phi thường. Một Bộ trưởng Quốc phòng được đưa sang phương Tây như là một nhân viên thường. Người Mỹ đang ở trong tình trạng kích động sôi nổi chưa từng thấy. Nếu đúng là Bodnariuk thì chính trị thế giới sẽ thay đổi cục diện. Bạn chính là người có thể nói rõ là nhân vật bị bắt giữ có đúng thật là Bodnariuk không? Mọi chuyện đều tùy thuộc vào điều này. Bạn sẽ nhìn hắn ta, nói chuyện với hắn và bạn sẽ nói: “Đúng là hắn” hoặc “Không phải là hắn”. Thái độ mới của người Mỹ đối với người Xô Viết tùy thuộc vào sự nhận diện này, một sự nhận diện mà nếu không có bạn thì sẽ không thể có được. Đây, đó là lý do tại sao tôi đến tìm bạn tại Paris. Bạn sẽ ở lại Đức. Bạn sẽ là cố vấn thường trực về những vấn đề chính trị bên cạnh Bộ tư lệnh. Đó là một chức vụ phi thường cùng một chức vụ như tôi. Bạn đã gặp Boris Bodnariuk lần cuối vào khi nào?

— Vài ngày trước khi trốn khỏi Rumani. - Pillat nói.

Aurel Popesco nắm lấy vai anh.

— Bạn là người chúng tôi đang cần, người của thời cuộc.

Aurel Popesco vẫn nói. Thịnh thoảng Pillat nghe vài câu nhưng anh không chú ý gì cả.

— Nếu người Mỹ có dấu tay của Boris Bodnariuk thì họ sẽ nhận diện được y ngay lập tức. Nhưng họ không có dấu tay và người bị bắt giữ không muốn nói. Nếu chúng ta biết được lý lịch hắn ta, hắn sẽ được đưa qua Mỹ và tại đây, hắn sẽ nói. Có những loại huyết thanh làm cho hắn nói tất cả. Bạn có tưởng tượng nổi những điều ghê gớm mà tên Bodnanuk này sẽ kể lại không? Sự có mặt của y trên vùng đất Đại Tây Dương có một tầm quan trọng vĩ đại nhưng lúc này người ta đặt hoàn toàn hy vọng vào bạn. Chính bạn là người phải nói cho chúng tôi đó đúng là y hay không.

Pierre nghĩ đến Marie khi đến Đức. Nước Đức là nơi họ đã cùng đi bộ với nhau, xách mang trên lưng. Họ đã từng đói khát từng bị hành hạ, đã từng thất vọng.

Nhiều thành phố và làng mạc đổ nát. Pillat nhìn chúng như trong mơ. Khi đến Neckar và cầu Heidelberg, Pillat nói:

— Hãy ngừng lại.

— Gì vậy bạn? - Aurel Popesco hỏi - Bạn khó chịu à?

Hắn dừng xe trên cầu. Lúc này là buổi tối. Pillat bước xuống. Anh đến gần lan can cầu, nhìn xuống nước, nhìn lối đi dọc theo bờ sông Neckar và nhìn cái ghế dài ở cuối lối đi.

— Chính ở chỗ này tôi đã xin việc làm. - Pillat nói - Bây giờ cầu đã làm xong. Nếu hỏi đó người ta cho tôi vào làm thì hôm nay có lẽ khác rồi. Doina, đứa con bé bỏng của tôi, có lẽ không chết, có thể mọi chuyện sẽ khác hẳn nếu người ta để tôi làm việc tại chiếc cầu này; nhưng tôi đã không được phép cư trú và họ không muốn nhận tôi.

Pillat nhìn cái ghế trên đó anh đã để Marie ngồi lại và từ chiếc ghế này mấy tên cảnh sát đã bắt cô đi.

— Chỗ này, tại chỗ này Marie đã lãnh chịu sự tù nhục đầu tiên. - Pillat nói.

— Ba ngài đại tướng đang đợi chúng ta. - Aurel Popesco trả lời - Chúng ta nên đi nhanh.

— Khi tôi đến nước Đức, tôi đã muốn làm việc ở chiếc cầu này.

— Cầu mới được làm xong. - Aurel Popesco trả lời - Đây là một chiếc cầu đẹp. Hãy nhanh lên, người ta đang đợi chúng ta.

— Một cây cầu tuyệt đẹp. - Anh nói - Tuyệt đẹp, thật tuyệt vời.

Họ xuống xe trước một biệt thự mới, trụ sở của Bộ tư lệnh Đại Tây Dương bộ phận thông tin. Nhiều viên sĩ quan Mỹ đợi họ. Pillat là người họ đang cần và họ đã mời anh đến từ cả nghìn cây số.

Họ nhìn anh với vẻ thân phục.

II

— Đây là biệt thự tôi đang ở. - Aurel Popesco nói. - Do tầm quan trọng của nhiệm vụ tôi đang giữ nên văn phòng làm việc đặt tại nhà tôi. Như thế sẽ thận trọng và kín đáo hơn.

Vài viên sĩ quan Mỹ ngồi đợi ở phòng khách. Họ mời Pillat uống rượu Whisky. Trong phòng có nhiều ghế sang trọng, nhiều nệm dày và êm, nhiều bức tranh có giá trị.

Mọi người nhìn Pillat. Người ta ra lệnh đưa Bodnariuk từ nhà giam đến và bây giờ mọi người đợi hắn. Aurel Popesco thay trang phục và lại ngồi gần Pillat.

— Bạn sẽ có một cuộc sống như thế này. - Y nói - Một cố vấn của Bộ tư lệnh Hoa Kỳ được hưởng nhà ở, nghĩa là một biệt thự lộng lẫy và mọi thứ tiện nghi, lợi lộc khác: xe hơi, tiền lương trả bằng Mỹ kim, nhiều khoản thuế, thật là một chức vụ phi thường. Tôi rất hài lòng vì bạn được bổ nhiệm chức vụ đó. Nếu bạn muốn bạn có thể định cư tại Hoa Kỳ bất cứ lúc nào. Đối với nhân viên Bộ tư lệnh, không có một trở ngại nào trong việc di trú hết. Anh sẽ trở thành công dân Mỹ ngày nào anh thích.

Aurel Popesco được gọi qua văn phòng bên cạnh. Hắn trở về vẻ sợ hãi. Hắn nói vài tiếng gì đó với mấy sĩ quan cấp trên. Mấy người Mỹ buồn bã. Họ lấy mũ và ra đi. Pillat ngồi lại một mình.

— Boris Bodnariuk đã chạy trốn cách đây nửa giờ. - Popesco nói.

Hắn run rẩy, mặt hắn thay đổi, có thể nói đó là một con người khác.

— Anh hãy ở lại đây, ở lại nhà tôi. Trong khi chờ đợi người ta cấp nhà và anh chuyển đến đó, thì anh là khách của tôi. Tôi không thể tin được là tên kia đã trốn. Không một tù nhân nào có thể trốn thoát khỏi nhà tù của người Mỹ nhưng tên tù này đã thoát được. Đây là một chứng cứ cho thấy tên đó đúng là Bodnariuk. Chỉ có Boris Bodnariuk mới có thể hoàn thành một việc làm táo bạo như vậy. Chắc chắn là y có những tên đồng lõa, những tên đồng lõa quan trọng, nhưng chắc chắn y sẽ bị bắt lại. Y không thể đi xa trong nửa tiếng đồng hồ. Người Mỹ sẽ bắt y lại. Họ sẽ đưa y đến đây để bạn nhận diện y.

Aurel Popesco mặc một áo pardessus xám.

— Hãy ngủ đi. - Hắn nói - Tôi đi lại trung tâm. Nếu trong thời gian đó, chúng tôi bắt được hắn, chúng tôi sẽ phải làm phiền anh, hắn phải được nhận diện ngay.

Pierre Pillat không bị quấy rầy đêm đó. Người Mỹ đã không bắt lại được Boris Bodnariuk.

III

Một tuần đã trôi qua. Aurel Popesco vắng mặt cả ngày lẫn đêm. Hắn làm việc nhiều.

— Bodnariuk đã thoát khỏi chúng ta. - Hắn nói.

Hắn mệt mỏi. Từ khi Bodnariuk trốn thoát, hắn chỉ ngủ vài giờ trong một đêm.

— Người ta báo cho chúng tôi là hắn vừa đi qua vùng Xô Viết tại Đức. Chúng tôi không còn dịp may nào nữa để bắt được hắn. Tất cả những gì chúng tôi có thể làm được, đó là nhận diện hắn qua hình ảnh mô tả. Người Mỹ muốn anh viết một báo cáo chi tiết với diện mạo của Bodnariuk.

Pillat viết báo cáo. Anh đã viết chi tiết đáng vẽ bên ngoài, cũng như tính tình của người bạn học cũ của anh.

— Bạn không biết Boris Bodnariuk cân nặng bao nhiêu à? - Aurel Popesco hỏi - Người Mỹ quan tâm nhiều đến điều đó. Người ta không thể nhận diện một người nếu không biết người đó cân nặng bao nhiêu dù biết phỏng chừng.

— Tôi chưa bao giờ hỏi số cân của những người tôi gặp.

— Từ ngày làm việc với người Mỹ, tôi biết cách lượng giá ngay tức khắc số cân nặng của mỗi người đứng trước tôi. Điều này hết sức quan trọng. Quan trọng hơn cả màu mắt. Anh không biết tầm vóc hắn à? Có thể anh còn nhớ số cân và vóc dáng hắn từ hồi anh còn học với hắn chẳng? Nếu chúng tôi biết được hồi mười bốn tuổi hắn cân nặng bao nhiêu và số đo bề cao, vòng eo, vòng ngực... bao nhiêu thì chúng tôi có thể suy ra số cân và tầm vóc hiện nay của hắn. Chẳng hạn như, phỏng theo ảnh chụp hay hình tả, chúng ta biết kích tác cổ áo và giày của hắn. Đây là một điều tối quan trọng nếu muốn nhận diện ai đó.

Bản mô tả của Pillat về Bodnanuk làm người Mỹ thất vọng vì nó thiếu các dữ kiện, các dẫn chứng cụ thể. Người ta thấy trong bản mô tả đó nhiều thiếu sót không thể chấp nhận được đối với một người đã từng biết Bodnariuk như Pillat.

Pillat đã không cung cấp một tin tức nào rõ ràng về Bodnariuk cả. Không có gì cả về vóc dáng hắn, về số cân nặng của hắn, về vòng đầu, vòng cổ, về kích tác giày hắn, về vòng eo hắn. Bản mô tả có tính văn chương, có giá trị văn chương chứ không có tính khoa học. Người Mỹ bắt đầu nghi ngờ là chưa chắc Pillat đã thật sự quen biết Boris Bodnariuk. Họ trách cứ Aurel Popesco về những thiếu sót này. Thái độ của Aurel Popesco đối với Pillat thay đổi, trở nên lạnh nhạt, xa cách.

Một bữa kia, Pillat từ nghĩa trang Heidelberg trở về nhà sau khi đặt thật nhiều hoa lên mộ Doina Australia. Anh đến đó mỗi ngày và ngồi lại rất lâu trên mộ đứa con gái bé nhỏ của anh.

— Tôi phải đi. - Aurel Popesco nói - Bộ tư lệnh gọi tôi đi vì nhiệm vụ thông tin tuyên truyền ở Israel. Tôi phải tiếp tục với những người Rumani gốc Do Thái, có lẽ tôi sẽ tổ chức ở đó một trung tâm tranh đấu chống Xô Viết. Ngoài ra, tôi còn phải viết một bản báo cáo chi tiết về quốc gia mới. Người Mỹ chọn tôi vì họ muốn có một báo cáo khách quan. Tôi không... Tôi quan sát và kể lại mọi sự việc đúng như chúng hiện có. Đây là tất cả những gì người Mỹ muốn biết: các sự việc tồn tại như thế nào trong thực tế. Họ đã đầu tư bao nhiêu tiền bạc để thành lập quốc gia Israel vì thế họ có quyền đòi hỏi và biết rõ những gì xảy ra ở đó. Đây là một nhiệm vụ tối quan trọng. Tôi sẽ gặp lại bà Salomon và trung úy Varlaam. Cả hai đều muốn rời khỏi Palestine. Họ không thích ở đây. Tôi sẽ giúp họ nếu có thể. Đặc biệt là giúp Varlaam. Trong khi tôi vắng nhà, cứ ở lại đây. Tôi lo vụ giấy tờ cho anh. Việc bổ nhiệm của anh sẽ không chậm trễ đâu, hiện nay đơn của anh đang nằm ở Washington. Chính Zaig Burian thay thế tôi.

Pierre Pillat biết anh chàng người Arnénie có tên là Zaig Burian. Đó là một thương gia to béo và giàu có ở Rumani sang tị nạn tại Đức.

— Zaig Burian sẽ bảo đảm mối liên lạc giữa Bộ tư lệnh và bạn. Nếu bạn cần gì, bạn chỉ cần nói với ông ta. Ông ta sẽ báo tin cho bạn ngay khi bạn được bổ nhiệm. Trong khi đó bạn sẽ làm việc với ông ta. Tôi sẽ vắng mặt hai hoặc ba tháng. Chúng ta sẽ liên lạc với nhau bằng thư từ. Trong khi chờ đợi tôi trở lại,

bạn nên nghỉ ngơi và vui chơi kỹ vào. Bạn cần phải giải trí. Sau bao nhiêu đau khổ như thế, bạn cần phải nghỉ ngơi thật sự. Hy vọng bạn sẽ được nghỉ ngơi.

Sau khi Aurel Popesco đi rồi, Pillat lại rơi vào tình trạng suy nhược như hồi ở Paris, chỉ khác là bây giờ anh ở kín trong một biệt thự sang trọng, thanh lịch trên bờ sông Neckar thay vì ở trong phòng khách sạn của ông Dufout. Người duy nhất anh ta gặp là Zaig Burian. Ông này mang cho anh nhiều tờ báo bằng tiếng Rumani, yêu cầu anh dịch những tin tức quan trọng. Một vài lần khác, ông ta hỏi anh một thông tin gì đó liên quan đến một nhân vật chính trị mà người Mỹ quan tâm.

Zaig Burian là một ông già dễ mến và lịch sự. Mỗi lần đến, ông đều điện thoại báo trước cho Pillat biết.

Điện thoại reo, Pillat biết rõ đó là Zaig Burian. “Vừa mới đây chúng tôi bắt được một tên rất nguy hiểm. Đó là một người Rumani. Hắn có một câu chuyện rất phức tạp. Tôi sẽ đưa hắn đến để anh xem và nói chuyện với hắn. Anh sẽ cho chúng tôi biết cảm tưởng của anh. Tôi sẽ đến chỗ anh nội trong nửa giờ nữa”.

Pillat ngồi đợi trong văn phòng có ghế nệm sang trọng.

Tại đây, anh đã gặp mấy vị đại tướng Mỹ lần đầu tiên. Nửa tiếng đồng hồ sau đó, Zaig Burian xuất hiện.

— Người Nga gọi đến vùng đất Đại Tây Dương mọi loại gián điệp. - Burian nói - Thời gian gần đây, họ sử dụng cả thợ thuyền và nông dân. Mấy người này đóng vai những tên ngờ nghệch, ngu ngốc, tỏ vẻ không hiểu gì cả, không biết một thứ tiếng nào, tóm lại, chúng đóng vai những tên đần độn. Đây là những tên nguy hiểm nhất. Người Mỹ bảo chúng ta phải đề phòng và chúng ta phải kiểm soát từng tên một thuộc loại gián điệp Xô Viết mới này. Tên tôi đưa đến là loại thứ điển hình của loại gián điệp mới này. Hắn nói là hắn chỉ biết nói tiếng Rumani, hắn không quan tâm đến chính trị, hắn chỉ là một nông dân bình thường. Mưu mẹo cổ điển. Rồi anh sẽ thấy.

Burian mở cửa phòng khách và kêu tên tù vào. Anh lính gác đứng lại phía ngoài.

Ngay lúc đó, một người nhỏ thó, già nua, gầy ốm, quần áo rách rưới, áo vét Canada, giày nhà binh Đức, áo somi Mỹ xuất hiện trong phòng khách. Đúng là hình ảnh của một kẻ tàn phế, suy nhược. Chỉ có đôi mắt là có vẻ sống động. Đó là Ion Kostaky. Ngay bước chân đầu tiên, ông sợ sệt đặt trên nệm phòng khách, Pillat đã chạy ù lại phía ông, hai tay dang rộng, miệng la lớn:

— Bố!

Anh những muốn nói thêm gì nữa nhưng anh chỉ kêu được: “Bố? Bố!” Anh muốn ôm chặt Kostaky trong cánh tay mình. Anh muốn siết ông đến ngạt thở vì niềm vui của anh quá lớn. Muốn kể cho ông nghe ngay một lèo nào cuộc chạy trốn khỏi làng Piatra của vợ chồng anh, nào vụ nhà của họ bị cháy, nào những vụ nông dân bị Serghei Severin truy nã, anh muốn kể hết, hết tất cả những tủi nhục của anh, của vợ anh... Anh muốn kể cho ông nghe cuộc viễn du sang phương Tây của họ, nhưng đôi mắt của Kostaky đã không cho phép anh đến gần. Ông có đôi mắt to, sáng rực, ảm áp nhưng không tỏ vẻ thân thiện, không muốn cho ai đến gần. Đôi mắt muốn cầm giữ, muốn cản anh lại ở một khoảng xa, giống như còi báo động. Mắt của Ion Kostaky giống như mắt của loài chim rừng, giống như mắt mấy con nai cái, ngơ ngác nhìn anh nhưng sẵn sàng trốn chạy. Mắt của ông ta giống như mắt của những con chó bị đánh đập lâu ngày nay lại gần anh, nhưng sẵn sàng trốn chạy ra xa. Pierre Pillat vẫn giữ hai cánh tay dang ra nhưng không ôm hôn Ion Kostaky.

Ion Kostaky đứng gần cửa sổ. Ông nhìn Pillat như thể ông thấy anh qua màn sương của một giấc mộng, ông nhìn quanh, nhìn bàn ghế, nệm trải sàn nhà...

— Pierre. - Ông kêu.

— Bố.

Họ chia tay cho nhau.

— Marie? - Kostaky hỏi - Marie đâu con?

Đôi mắt to đỏ ngầu vì sốt của ông tìm quanh anh, tìm giữa những chiếc ghế bành, giữa những bức tranh, với vẻ sợ hãi của mắt nai bị đuổi chạy. Rồi tay ông rời khỏi tay Pillat. Mắt ông không tìm Marie nữa. Kostaky đã hiểu.

Ông chỉ còn Pillat mà thôi. Và đôi mắt ông giờ đây, như hai đèn chiếu đầy tuyệt vọng, tập trung nhìn chăm chú vào Pierre Pillat.

Bàn tay phải đầy vết chai cứng của Ion Kostaky lại siết chặt tay Pillat, siết chặt với hết sức lực của mình. Ông đã cảm thấy có một nỗi tuyệt vọng vô biên khi đưa mắt kiếm tìm Marie và giờ đây ông biết rõ là việc tìm kiếm cô chỉ là vô ích. Và càng biết rõ việc tìm kiếm Marie chỉ là vô ích ông lại càng bám lấy Pierre Pillat.

— Tôi đi đây. - Burian nói - Xin chúc mừng biến cố may mắn này. Tôi để các ông lại một mình. Tôi sẽ điện thoại lại.

Burian đi khỏi, để lại đằng sau ông ta một khoảng trống.

— Chuyện đó đến lâu chưa? - Ion Kostaky hỏi.

Ông lau nước mắt với cử chỉ chậm chạp. Không có một giọt nước mắt nào, chỉ có nỗi đau. Nỗi đau khổ lớn hơn nước mắt, ông không chờ câu trả lời.

— Có thể Ileana còn sống, ít nhất, bà ấy... - Ông nói. Rồi ông làm dấu thánh giá - Chúa đã muốn như thế. Đó là ý Chúa.

Ông không nói đến Marie nữa. Marie hiện diện trong tâm trí họ nhưng họ giữ im lặng.

— Bố từ Canada trở về. - Kostaky nói - Bố đã làm việc gần hai năm ở Canada.

Mặt Kostaky xạm nâu vì lạnh. Đôi giày to tổ bố của ông rách nát. Ông đã mang chúng từ khi đi khỏi nước Đức, sau đó mang chúng đi Canada và giờ đây về lại với chúng. Đôi giày chỉ còn dính một cách thâm hại vào chân ông. Kostaky có một quần kaki rách. Đó là chiếc quần nhà binh Anh. Pillat nhìn cái áo vét Canada, áo sơ mi Mỹ. Anh nhìn mắt Ion Kostaky. Chỉ có đôi mắt còn y nguyên như hồi anh bỏ nhà ra đi, nhưng đôi mắt ấy đỏ ngầu vì sốt, đôi mắt hải hùng.

— Không thể ở lại Canada con ạ. - Ion Kostaky nói - Bố phải trở về. Thật là phi lý, vô nghĩa nếu bố phải chết ở đây, chết trong tuyết lạnh, trong sa mạc ngoại bang. Không có lý do nào cả. Bố phải trở về.

— Ngồi xuống đi bố. - Pillat nói.

Kostaky ngồi xuống. Đúng là một con người hết thời, một người bị rút hết sự sống như vắt hết nước ở một máy ép trái cây vậy, ông chỉ còn da bọc xương, xanh xao, có nhiều triệu chứng ho lao và đau dạ dày. Răng rụng nhiều. Tất cả răng phía trước đều rụng hết. Pillat rót một ly rượu Whisky cho Kostaky và một ly khác cho mình.

— Bố thích một ly nước. - Kostaky nói.

Rồi cả hai im lặng, thật lâu. Họ nhìn nhau, nhìn qua cửa sổ có thể nhìn thấy ở phía đối diện, chiếc cầu trên sông Neckar và chiếc ghế dài trên đó Marie đã ngồi. Pillat cần môi để khỏi phải nói đến những gì đã xảy ra. Anh không muốn kể lại với Kostaky tất cả những gì đã xảy đến với vợ chồng anh. Điều này quá đau khổ đối với anh.

— Chúng ta sẽ nói chuyện sau. - Ion Kostaky nói - Tốt hơn nên nói sau.

IV

Ion Kostaky được xóa tên khỏi danh sách các người bị tình nghi. Bây giờ ông ở với Pillat trong ngôi biệt thự của Aurel Popesco.

— Sắp tới con sẽ được bổ làm nhân viên ở Bộ tư lệnh quân sự Đại Tây Dương. - Pillat nói - Chúng ta sẽ có một ngôi nhà và bố ở tạm đây. Bố sẽ chăm lo sức khỏe. Sau đó, chúng ta sẽ tính xem phải làm gì? Cái chính là chúng ta đã tìm được một nơi trú ẩn thuận tiện và có thể nghỉ chân tạm.

Kostaky lắng nghe, Pillat biết ông đang nghĩ đến Marie và anh không nói nữa.

Khi Burian đến, anh nhìn thấy họ ngồi đối diện nhau trong phòng khách và đang nhìn ra cửa sổ. Ion Kostaky lên phòng ông. Burian tỏ vẻ không hài lòng.

— Washington trả giấy tờ của anh lại cho chúng tôi. Đây là lần thứ hai người ta trả lại cho chúng tôi. Việc bổ nhiệm anh vào làm ở Bộ tư lệnh bị từ chối mặc dù Aurel Popesco đã can thiệp mạnh mẽ để anh được nhận.

— Người ta từ chối việc bổ nhiệm tôi à? - Pillat hỏi.

— Anh không có một quá khứ chính trị trong sạch. - Burian nói - Rất nhiều lần người Mỹ đòi hỏi giấy tờ và thông tin. Tôi đã gửi cho họ. Bây giờ thì câu trả lời của họ đã rõ ràng, họ từ chối không bổ nhiệm anh vì quá khứ chính trị của anh đáng nghi ngờ.

— Tôi chưa bao giờ làm chính trị. - Pillat nói.

— Cho đến khi Rumani bị người Nga chiếm đóng nghĩa là cho đến ngày Chiến thắng, người Anh gọi như thế. Anh là luật sư.

— Đúng thế. - Pillat nói - Ngay khi họ đến, người Nga đã loại tôi ra khỏi đoàn thể Pháp quan.

— Lúc đó anh đi khỏi làng Piatra là nơi nguyên quán của vợ anh.

— Đúng thế. - Pillat nói - Ở làng Piatra tôi trở thành dân cày ruộng như bố vợ tôi, Ion Kostaky, tôi không còn phương tiện sinh sống nào khác.

— Tại Piatra, anh đã cố xin được gia nhập Đảng Cộng sản.

Zaig Burian nói.

— Đúng. - Pillat nói - Tôi đã cố gắng xin gia nhập Đảng Cộng sản để có thể sống, có thể sống sót nhưng tôi đã thất bại.

— Trong số nhiều toan tính của anh, như chính anh đã khai trong bản báo cáo, người ta thấy có đơn của anh xin gia nhập Đảng Cộng sản Rumani. - Burian nói.

— Đúng. Tôi đã xin gia nhập Đảng Cộng sản. - Pillat nói.

— Chính vì lý do đó mà người Mỹ từ chối không bổ nhiệm anh. - Zaig Burian nói - Anh đã gia nhập Đảng Cộng sản Rumani. Luật pháp người Mỹ không khoan nhượng trong lĩnh vực này. Bất cứ người nào đã gia nhập Đảng Cộng sản, dù chỉ trong một giờ, đều không thể được bổ dụng làm ở một công sở và nếu như người đó lại là người ngoại quốc, người Mỹ từ chối luôn cả việc cho họ vào nước Mỹ.

Pillat suy nghĩ một lúc. Nếu đúng là luật pháp của người Mỹ thì việc từ chối không bổ nhiệm ấy là hợp lý. Anh không còn gì để hỏi nữa. Không còn gì để nói nữa. Anh lại phải tự xoay xở lấy một mình. Anh chỉ ân hận là đã chấp nhận rời khỏi nước Pháp.

— Một điều nghiêm trọng hơn nữa, đó là trường hợp bố vợ anh, Ion Kostaky. Anh có biết là người ta vừa mới chuyển ông qua lại danh sách những người bị tình nghi không?

— Bố Kostaky trong hàng ngũ những kẻ bị tình nghi à? - Pillat hỏi - Bố Kostaky bị nghi ngờ? Không thể được. Điều này vượt quá giới hạn của một trò đùa, một sự lố bịch.

— Ion Kostaky đã rời bỏ Canada. - Burian nói - Canada là một nước dân chủ. Tại sao bố vợ anh không thích ứng với một nước dân chủ? Đó là vấn đề người Mỹ thắc mắc. Tôi đã đọc bản báo cáo của Ion Kostaky: *Lao động ở Canada rất vô nhân đạo: người ta xây dựng những đường ray xe lửa ở một vùng giá*

tuyệt, tiền lương được trả cao nhưng đời sống quá đắt đỏ nên không còn lại gì cả. Nên những người thợ muốn ăn mỗi ngày thì họ phải mắc nợ căng tin... Ngay cả cho rằng những người thợ đó bị bóc lột, bị khai thác, thế nhưng người Mỹ vẫn không thể hiểu nổi tại sao một người lại rời bỏ một chế độ dân chủ bởi vì hấn rơi trúng vào một ông chủ bóc lột hấn. Họ đưa ra nhiều giả thuyết khác. Đối với họ, một người rời bỏ một nước dân chủ là một người đáng bị nghi ngờ. Đó là một con người không thể chấp nhận chế độ dân chủ.

— Chúng tôi sẽ thử xin di dân lại như lúc đầu. Có lẽ xin đến Venézuella.

— Một việc khác nữa. - Burian nói - Hãy đi di dân càng nhanh càng tốt. Cuộc xung đột bắt đầu lớn dần ở Trung Đông. Hiện nay là cuộc chiến tranh Triều Tiên. Cuộc chiến tranh ở Trung Hoa sắp tiếp diễn. Một tuần lễ sau khi Trung Hoa tham chiến, cuộc xung đột Âu châu sẽ bùng nổ.

— Từ năm 1945, hòa bình được ký kết nhưng chiến tranh vẫn không ngừng tiếp diễn. - Pillat nói.

— Nếu chiến tranh bùng nổ ở Âu châu thì anh và ông đây sẽ bị bắt giữ ngay. - Burian nói - Anh với tư cách là đảng viên của Đảng Cộng sản Rumani. Và bố vợ anh, Ion Kostaky, vì đã rời bỏ một nước dân chủ không có lý do chính đáng. Tôi thành thật nói với anh điều đó. Tôi đã viết thư cho Aurel Popesco nói là anh đang lâm nguy. Danh sách những người phải bị giam giữ đã được thiết lập và tôi không thể loại anh và ông ra khỏi. Ông và anh, cả hai người đều có tên trong danh sách những người sắp bị giam.

Im lặng.

— Với tư cách bạn bè, tôi có thể giúp anh đi di dân. - Burian nói - Tôi có nhiều quan hệ. Bây giờ, người trí thức cũng có thể di dân. Anh không bao giờ có thể vào nước Mỹ nhưng trên quả đất này còn nhiều nước khác. Tôi có thể giúp anh. Đối với Kostaky thì chịu, không thể làm được gì cả. Không ai có thể làm gì được cho ông ta nữa cả. Ông ta phải ở lại nước Đức. Đối với ông ta, mọi cửa di dân đều hoàn toàn đóng kín. Ông ấy phải đợi ở đây và chờ các biến cố. Ông ấy được xếp vào loại người cặn bã, vô dụng.

— Loại nào?

— Loại vô dụng, thừa thãi. - Burian lặp lại - Loại tàn phế vô dụng. Anh không thấy là ông ấy không còn một chiếc răng nào cả à?

— Và chính vì thế mà bố Kostaky là một kẻ vô dụng, cặn bã à? Bố tôi đã quá đau khổ.

— Không phải tôi nói điều đó đâu. Đó là cách gọi chính thức của người Mỹ. Chúng tôi có khoảng một triệu người bị bệnh nan y, tàn tật hoặc già yếu. Đây là những đồ rác rưởi. Họ không thể có tên trong bất cứ danh sách di dân nào hết, trong bất cứ danh sách nào trên thế giới. Họ là cặn bã, là đồ thừa thãi, là rác rưởi. Người ta chính thức gọi họ như thế đấy. Anh đã thấy căn cước của Kostaky chưa? Đó là căn cước của một tên rác rưởi, cặn bã, thừa thãi. Tiếng đó đã được viết vào căn cước Tôi biết rõ là nếu phải viết lên trán một ai đó mấy chữ: cặn bã, đồ vô dụng, là điều rất đau khổ nhưng người Mỹ không phải là những linh mục hay mục sư. Người ta không thể đòi hỏi, yêu cầu họ phải cư xử như những linh mục. Những người như thế là những bọt sủi có tính người, những thành phần mà người ta không thể rút tía gì nữa hết. Anh đã thấy rõ Kostaky. Đó là bố vợ anh, tôi biết nhưng anh phải nhìn nhận đó là người thừa thãi, cặn bã, vô dụng.

— Xin cảm ơn Ngài. - Pillat nói - Tôi chỉ ân hận là phải trải qua bao nhiêu chặng đường để đến đó, để nhận cái gọi là cặn bã, là đồ thừa trên trán, giống như súc vật có thịt bị uơ, thối không tiêu thụ được. Xin cảm ơn Ngài.

— Hãy coi chừng. - Burian nói - Mỗi đêm có thể có một cái gì đó xảy ra, và lúc đó anh sẽ bị bắt giữ. Đây không phải là một trò đùa. Tất cả mọi người có quá khứ ở chính trị không trong sạch sẽ bị bắt. Ông và anh cả hai người đều có tên trong danh sách. Anh và Kostaky, hãy quyết định đi ngay khi còn thời gian. Nếu anh ở lại đây, anh chỉ có một vận may: vận may bị bắt. Hãy nhanh lên, nhanh lên, tôi khuyên anh đó.

— Tôi sẽ đi nhanh. - Pillat nói.

V

Ion Kostaky đợi Pillat trước cửa, ông cầm bó hoa đồng thảo trong tay. Cả hai người đến nghĩa trang, đến thăm mộ Doina Australia. Kostaky đã mua hoa và nến. Hoa xanh làm sáng ánh mắt ông. Ông mặc một áo sơ mi sạch và mang đôi giày bóng láng. Nhìn ông, Pillat cảm thấy ứa nước mắt.

“Làm sao có thể gọi một con người là một thứ cặn bã được? Không một người nào là cặn bã cả”.

Pillat lên tàu điện cùng với Kostaky. Anh nhìn ông: cặn bã, một kẻ thừa thãi, không có một nước nào trên thế giới chấp nhận. Không thể được chấp nhận trong bất cứ một nước văn minh nào. Cặn bã, phải ở lại và thối rữa mục nát tại chỗ.

— Bố này! - Pillat nói - Đêm nay chúng ta đi Rumani. Bố hiểu không?

— Đây là lần đầu tiên bố cảm thấy khỏe thật sự. - Kostaky nói - Bố có cảm giác là mọi chuyện rồi sẽ ổn và con sẽ có việc làm.

Kostaky nắm chặt trong tay bó hoa đồng thảo tím, hoa để đặt lên mộ cháu gái Doina Australia của ông.

— Họ không muốn nhận con vào nhiệm sở đó. - Pillat nói. - Nhưng không chỉ có thể thôi đâu. Chúng ta có tên trong danh sách những người sẽ bị bắt.

— Bắt chúng ta à? - Kostaky hỏi - Nhưng ta đã làm gì?

— Không làm gì cả. - Pillat trả lời - Nhưng đêm nay chúng ta đi. Hoặc là chúng ta sẽ bị lính gác bắn hạ, hoặc là chúng ta sẽ sống ở trên núi của chúng ta, trong rừng Piatra hay ở núi Néamtz.

Pillat đặt tay lên vai Kostaky.

Tàu điện ngừng lại trước nghĩa trang. Họ đi xuống, Kostaky siết càng lúc càng mạnh hơn bó hoa đồng thảo.

— Bố, bố có tên trong danh sách những tên vô lại, cặn bã, đồ thừa. Bố không thể xin nhập vào bất cứ nước nào trên thế giới. Bố có thể ở lại đây, đi ăn xin, mục thối ra và đợi chết. Hoặc đợi bị tóm cổ vì họ đã lập danh sách những người phải bị bắt. Và tên Kostaky có trong số những tên đầu tiên.

— Bị bắt! - Kostaky nói - Bố chưa bao giờ bị bắt.

— Bố sẽ bị bây giờ. Bố có tên trong danh sách của những người Mỹ vì bố đã rời bỏ một nước dân chủ là nước Canada. Đây, đó là tình nghi. Đó là lý do bị bắt.

— Nhưng bố đã giải thích cho con rồi, chúng ta không thể sống ở đây.

— Đó là một sự sỉ nhục đối với nền dân chủ. Người nào không ở lại trong một nước dân chủ người đó là kẻ đáng bị nghi ngờ.

Kostaky không hiểu. Ông yêu cầu nói rõ hơn.

— Bố phải ở lại Canada ư? - Ông hỏi - Nhưng bố sẽ chết mất nếu bố ở lại đây!

Họ chậm chạp tiến vào các lối đi trong nghĩa trang. Kostaky vẫn cầm bó hoa đồng thảo trong tay.

— Còn con, Pierre, con đã làm gì? Chúng nó cũng muốn bắt con à?

— Con cũng thế, con cũng bị tình nghi. - Pillat nói - Con bị tình nghi vì đã thử ở lại Rumani. Vì con đã bỏ trốn ngay và vì con đã thử sống với Cộng sản. Là chuyện mờ ám gian dối. Đó là lý do bị bắt.

Họ dừng lại trước ngôi mộ có cây thánh giá bằng gỗ. Trên thánh giá có ghi: *Doina Australia Pillat*.

Họ quỳ gối, Kostaky đặt hoa đồng thảo lên đất ướt. Pillat nhận thấy không phải chỉ là một bó hoa mà là hai bó.

— Một bó cho Marie, bó kia cho Doina, cháu ta, thiên thần của chúng ta.

Kostaky lấy ra hai cây nến. Ông thắp sáng một cây và cắm xuống đất.

— Cây này dành cho Marie. Xin Chúa cứu rỗi linh hồn Marie.

Ông thắp cây nến thứ hai và cũng cắm xuống đất.

— Cây này dành cho Doina. Xin Chúa cứu linh hồn nó.

Họ ngấm hoa đồng thảo đặt trên nấm mộ ướt ẩm và những cây nến cháy sáng với nhiều tia lửa nhỏ. Họ

suy tư, ngẫm nghĩ.

— Con có tin là Ileana còn sống không? - Kostaky hỏi.

Pillat không trả lời. Lửa nền cháy chậm. Họ nghĩ đến làng Piatra, đến Ileana, đến Marie, đến Doina.

— Tại sao họ nói rằng bố là một kẻ cặn bã? - Kostaky hỏi.

— Bởi vì bố không còn răng. Vì bố đã già, bố ốm. Vì bố đã đau khổ.

— Xin Chúa thứ tha cho họ. - Kostaky nói khi đứng trước ngôi mộ. Rồi ông quay sang Pillat - Chúng ta đi đêm nay, ở trong rừng của chúng ta, không ai nói rằng chúng ta là những tên vô lại thừa thãi. Không ai hết.

— Thừa bố, bố không phải là một người bỏ đi. Không một ai là người bỏ đi cả.

Lần đầu tiên trong đời mình, Kostaky khóc như một người đàn bà. Họ nhìn mặt trời, xem từ đây đến tối, khi họ trở lại quê nhà còn nhiều thời gian không. Mặt trời đang trên nghĩa trang.

Đôi bóng của họ ngã xuống trên các nấm mồ, trên tất cả các nấm mồ dọc theo lối đi cùng với bóng những cây thánh giá.

VI

Trước khi đi du lịch Aurel Popesco rẽ qua Bộ tư lệnh quân lực Đại Tây Dương. Hắn ký mấy bản báo cáo cuối cùng. Hắn nói chuyện với Zaig Burian, người thay thế hắn. Mấy ông lãnh đạo cho hắn biết những quyết định cuối cùng. Milan Paternik đợi hắn trong xe. Họ cùng đi với nhau nhưng không nói gì cả. Xe vượt qua nhiều thành phố và làng mạc bị tàn phá của vùng Wurfemberg. Sau khi bà Milostiva Debora Paternik, mẹ của hắn chết, Milan bị lưu đày bởi chính cha ruột của mình. Người Đức bắt hắn. Hắn bị giam tù cùng với Aurel Popesco đến khi chiến tranh kết thúc và được phóng thích vào ngày Chiến thắng. Hắn có tên trong danh sách các nạn nhân của chế độ phát xít, giống như Aurel Popesco. Và cũng giống như Aurel Popesco, hắn được bổ nhiệm làm cố vấn chính trị ở Bộ tư lệnh Hoa Kỳ.

Giờ đây, hắn được nghỉ một tháng và hắn muốn đi cùng với Aurel Popesco qua Ý vì hắn muốn nghỉ ngơi tại đây.

— Tại sao anh nhất quyết phải đi ngang qua Trieste? - Aurel Popesco hỏi. - Trieste là thành phố buồn nhất Châu Âu, buồn hơn Berlin, buồn hơn Vienne. Vienne và Berlin bị chiếm đóng bởi bốn lực lượng hùng mạnh. Ngoài bốn lực lượng chiếm đóng, Trieste còn có chính quyền Ý và “Slaves”. Trieste là một thành phố bị sáu loại cảnh sát bóp nghẹt. Chúng ta cần phải tránh xa Trieste. Anh sẽ vui thú hơn nhiều ở Roma.

— Tôi nhất quyết ở lại Trieste vài hôm. - Milan Paternik trả lời - Anh cứ bỏ tôi lại đây và tiếp tục cuộc hành trình của anh.

Aurel Popesco đã quen Milan Paternik tại Buchenwold. Hắn biết rõ là Milan đã trực xuất tám trăm nghìn người Do Thái khỏi quốc gia Slaves phía Nam. Đó là một con người không vương mắc gì tình cảm.

— Tổ quốc là một cái gì đó không thể chữa lành. Tôi muốn đến Trieste để sờ mó, đụng đến mảnh đất quê hương, dù chỉ đụng chân vào thôi, hay để hít không khí, gió và mùi đất cha ông mình. Tôi muốn xem mình như là một con người không có nguồn gốc nhưng tôi đã lầm. Không một nền văn hóa nào, không một chính sách nào có thể tách anh hoàn toàn khỏi quê hương, Tổ quốc anh. Người ta không thể tự tách rời khỏi chính thân xác mình. Tổ quốc cũng giống như một thân thể được kéo dài ra của mỗi con người. Tiếng nói của đất nước được nghe thấy nơi những kẻ lưu đày cũng như tiếng gọi tình yêu hay nhục dục xảy đến với các đạo sĩ và các thầy tu trong những đêm hè. Đó là một cái gì đó sẵn trong máu, ta không thể giết đi và thỉnh thoảng nó lại trôi lên trên bề mặt. Tình yêu tổ quốc giống như thế đấy. Cả năm châu trên thế giới đều không thể làm anh quên được tiếng hát kia của Joreley về mảnh đất quê hương, tiếng hát gọi anh khi anh không hề để ý đến. Anh chưa bao giờ cảm thấy điều đó à?

— Và anh muốn làm gì ở Trieste? Nhìn xuyên qua hàng rào kẽm gai biên giới, tốp lính gác của xứ sở anh à? Chỉ vậy thôi à?

— Chỉ vậy thôi. Không cần gì hơn nữa. - Milan Paternik nói - Tôi sung sướng được nhìn thấy quê hương tôi. Chừng đó đủ rồi. Tôi nhớ quê hương. Một ngày nào đó điều ấy cũng sẽ đến với anh. Điều đó xảy đến với mỗi người, không trừ ai.

Trong suốt quãng đường còn lại của cuộc hành trình, họ không nói đến Tổ quốc nữa. Ở Trieste, trong khi Aurel Popesco đến hiệu ăn, Milan Paternik đi bộ một mình, đến khu vực phía đông thành phố, đến biên giới nước Anh. Hắn trình thẻ chứng minh xác nhận hắn là nhân viên quân lực Đại Tây Dương cho các tốp lính tuần tiễu nước Anh, người Mỹ, người Ý và người Slaves.

Hắn dừng lại gần hàng rào kẽm gai chia cách khu đất quốc tế thuộc thành phố ranh giới quốc gia Slaves phía Nam. Hắn nhìn qua bên kia. Milan Paternik đã sinh ra trong lưu đày, đã sống trong lưu đày. Hắn chỉ sống vài năm ở quê hương hắn, nhưng giờ đây, đất quê hương thu hút hắn giống như một cục nam châm khổng lồ. Hắn không thể tự giải thích điều gì đã xảy ra. Không có một lời giải thích hợp lý nào đối với điều ấy cũng giống như không có một lời giải thích hợp lý nào đối với tình yêu. Đối với hắn, hình như hắn rất thích nghe nhiều tiếng nói bằng tiếng mẹ đẻ của hắn và thích nhìn thấy những ngôi nhà trắng toát

của quê hương hắn ở phía bên kia hàng rào kẽm gai.

Nhìn chúng, hắn cảm thấy mạch máu căng lên, mắt hắn mờ hơn khi mạch nhảy nhanh và mắt hắn mở lớn khi một người thân yêu đến gần.

Hắn tháo cặp gang tay và cắt vào túi áo. Hắn tự để bị lộ.

Những lính gác người Anh ở vùng đất quốc tế và những lính gác Slaves trên quê hương hắn đều nhìn hắn qua ống nhòm. Milan Paternik ở trong tình trạng hợp pháp. Hắn không vượt quá đường phân giới. Hắn là một khách du lịch như những người khác.

Người ta nghe điện thoại reo ở trạm biên giới tổ quốc. Tiếng chuông reo xuyên qua thân thể Milan như một dòng điện. Kể đó người ta nghe giọng nói của anh lính gác trả lời trong điện thoại. Người ta không thể hiểu được lời nói nhưng chỉ hiểu ám hiệu của tiếng mẹ đẻ. Từ miệng anh lính chỉ có một tiếng có thể hiểu được đó là *Uredex* có nghĩa là đúng luật lệ 'Đồng ý', tốt cả. Trong thâm tâm Milan Paternik, giờ đây tất cả đều đúng luật. Hắn nhìn quang cảnh quê hương với đôi mắt mở lớn. Hắn hít vào người, hương thơm của mảnh đất vùng biên giới bỏ hoang, hát với đôi môi hé mở và lỗ mũi căng đầy. Hắn để tiếng đó reo hát trong tai, để nó ở lại đó, luôn mãi trường cửu.

Anh lính Slaves trước mặt Milan Paternik nhìn hắn chăm chú, súng máy cầm tay. Anh ta thấy rõ kẻ lạ mặt không vượt lần sang đất anh ta bảo vệ với khẩu súng tự động của anh ta. Milan Paternik tỏ ra như muốn nuốt vào mắt, vào miệng mình mảnh đất bên kia hàng rào kẽm gai, mệnh mông mà anh lính đang bảo vệ. Anh lính đoán ra được ý đồ. Anh ta lại quan sát Milan Paternik qua ống nhòm. Anh ta không hiểu rằng kẻ lạ mặt kia nhìn mảnh đất anh ta đang bảo vệ với một thích thú như thế. Chỉ có hai người thôi, anh ta và kẻ lạ mặt, đối diện nhau.

Một bên hàng rào kẽm gai là anh lính Slaves với ống nhòm và súng máy, gác một cách chăm chú và đầy nghi kỵ. Bên kia, là Milan Paternik đang hát, mảnh đất cảm bằng lỗ mũi, bằng con mắt, bằng miệng, bằng mỗi lỗ chân lông của thân xác hắn. Trò chơi không thể kéo dài lâu hơn. Kẻ bảo vệ quê hương cảm thấy người ta đang hát một cái gì đó của mảnh đất anh đang bảo vệ. Nhiệm vụ của người lính là bảo vệ quê hương. Anh nhắm Milan Paternik với cây súng máy như cổ làm cho hắn sợ và cấm không cho hắn nhìn quê hương của những người Slaves với vẻ thèm khát như thế. Milan Paternik vừa mỉm cười thân ái vừa nhìn nòng súng máy đang bảo vệ mảnh đất của Tổ quốc hắn. Anh lính xem nụ cười như là một sự khiêu khích thế là anh ấn nhẹ lên cò súng; một làn đạn tự động xuyên qua thân hình Milan Paternik. Hắn ngã người sổng soài ở phía bên này đường phân giới.

Milan Paternik có thể ngã xuống nằm sấp trên ngực, mặt sát đất. Như thể thân hình hắn có thể đồ dài qua phía bên kia đường phân giới, đầu và ngực hắn có thể đụng được đất quê hương hắn. Và như thế hắn có thể chết, đầu được nằm trên quê cha đất tổ mình. Nhưng Milan Paternik đã té xuống và đổ máu trên đất xa lạ, đất ngoại quốc, vùng đất quốc tế của thành phố Trieste.

Hơi thở nóng ẩm của hắn, làn hơi nóng ẩm nhất của sự hô hấp, làn hơi của một sự co giật cơ trước khi chết, bị hút sạch bởi mảnh đất quốc tế. Làn môi khô của Milan Paternik tìm đất.

Làn môi của một con người luôn tìm đất trước khi chết, nhưng môi hắn ta chỉ tìm thấy đất quốc tế chứ không phải đất tổ quốc. Môi hắn ta kiếm tìm tận nơi sâu thẳm hơn nhưng trong sự co giật trước tử thần, miệng Milan Paternik chỉ đầy ắp đất ngoại bang.

Có hiệu còi báo động. Tại Trieste, nhiều chuyện bất ngờ ở biên giới thường xảy ra nhiều lần trong một ngày. Lần này, cảnh sát của cả bốn cường quốc đều phản đối kịch liệt vì Milan Paternik bị sát hạ không lý do bởi một người Slaves trên vùng đất quốc tế ông ta muốn đi qua phía bên này.

— Người lính gác nói ông ấy muốn chạy qua.

— Không ai lại muốn thử vượt qua một cách bí mật lúc mười một giờ sáng. - Tên người Anh nói.

Người ta muốn thiết lập lại các sự kiện của sự việc bất ngờ đó. Các sự kiện không rõ ràng. Hồi hôm, những người Anh đã bắn hạ một người Slaves. Lần này thì người Slaves bắn hạ một công dân vùng quốc tế.

— Vậy là huề. - Mấy anh lính gác biên giới kết luận - Một trả một. Hôm qua, các anh giết một người của chúng tôi, hôm nay chúng tôi giết một người của các anh. Vụ này thế là xong, coi như thanh toán sòng phẳng. Một trả một. *Uredex* nghĩa là gì thế? - Một người Slaves hỏi.

— *All right.* - Người Anh trả lời - Vụ này đã xong. Đồng ý.

Một chiếc xe Jeep chở xác Milan Paternik đến nhà xác thành phố. Người ta kiểm lại giấy tờ của hắn và báo tin cho Aurel Popesco biết.

Bộ tư lệnh Hoa Kỳ lo việc mai táng Milan Paternik vì hắn ta là nhân viên của Bộ này. Aurel Popesco bị buộc phải đi ngay. Hắn hối tiếc là đã không tham dự vào việc chôn cất Milan. Chương trình của hắn đã được tính từng giờ một. Hắn đã có vé máy bay và các cuộc hẹn được ấn định rồi vì thế hắn không thể ở lại dự đám tang. Hắn đứng tưởng niệm một lúc trước thi hài Milan Paternik. Phía sau hắn cũng có một người nào đó đang tưởng niệm. Đó là một người ngoại quốc. Khi Popesco muốn đi, người lạ mặt chặn hắn lại và tự giới thiệu. Đó là vị đại diện cho cộng đồng người Do Thái tại Trieste.

— Cộng đồng chúng tôi đã liên hệ với Bộ tư lệnh Hoa Kỳ. Chúng tôi sẽ lo việc tống táng người quá cố với tất cả vinh dự theo lễ nhạc tôn giáo của chúng tôi.

Hai người Do Thái khác xuất hiện. Bây giờ có đến ba thành viên của Hội đồng. Họ muốn đưa người chết đến nghĩa trang của họ. Aurel Popesco tái mặt. Hắn nghĩ đến việc Milan Paternik đã tàn sát tám trăm ngàn người Do Thái trong lúc hắn ta điều hành ngành cảnh sát.

— Mẹ của Milan Paternik là Do Thái. - Aurel Popesco nói - Nhưng anh ta, người chết đây, không thuộc giáo hội Do Thái, ít nhất là theo chỗ tôi biết. Tôi nghĩ điều này sẽ là một sự quá khích.

— Nếu mẹ anh ta là Do Thái và điều này đã được chứng minh qua giấy tờ của anh ta thì anh ta cũng là người Do Thái. - Vị đại diện cộng đồng nói - Việc anh ta không hành đạo Kitô quan trọng gì cả. Việc nhiều người Do Thái quên hẳn họ là Do Thái thường rất xảy ra. Nhiệm vụ của những người đồng đạo, đồng hương là trả lại cho họ tất cả vinh dự họ có quyền hưởng, sau khi họ chết, ngay cả trong trường hợp họ không làm gì cả để xứng đáng với các vinh dự đó. Đây là nhiệm vụ của chúng tôi. Vì thế cộng đồng sẽ lo cho anh ta.

Aurel Popesco hiểu rõ là có nài nỉ cũng vô ích. Hắn không thể ngăn cản những người Do Thái ở Trieste chôn Milan Paternik trong nghĩa trang của họ. Họ đã đọc trong giấy tờ của Milan rằng mẹ anh ta là người Do Thái và không đọc thấy gì ở mục “tôn giáo”, tuy vậy nếu hắn muốn ngăn cản họ thì điều đó vẫn vô ích.

— Vậy thì các anh hãy chôn cất anh ta, theo nghi lễ Do Thái, chôn ở nghĩa trang Do Thái. - Popesco nói.

Hắn rời khỏi Trieste thật nhanh không nhìn lại đằng sau.

Sự kiện Milan Paternik, tên đao phủ của những người Do Thái, lại được chôn cất ở nghĩa trang Do Thái và được khóc thương bởi cộng đồng Do Thái làm hắn ghê tởm. Đó là một sự bội giáo, nghịch đạo. Hắn muốn đi trở vào và nói cho họ biết sự thật. Những người Do Thái ở Trieste phần lớn là người tị nạn của quốc gia độc lập là người thân của những người Do Thái bị Milan giết chết. Hắn ta, Milan sẽ được nằm cạnh những nạn nhân hoặc những thân nhân của nạn nhân của hắn. Hắn sẽ là người bạn muôn đời của họ. Aurel Popesco nhớ lại trường hợp của một người Pháp chống Do Thái, đã sống ở Áo dưới một cái tên giả và đã tự xưng là Do Thái để thoát khỏi tai biến, khi ông ta chết, cộng đồng người Do Thái chôn ông trong nghĩa trang của họ giống như Milan hiện nay. Vài tuần sau, người ta khám phá ra lý lịch thật của người chết, thế là đêm đến, cả hòm lẫn xác đều bị vát qua tường, vát ra khỏi nghĩa trang. Một đêm nào đó, có thể Milan Paternik cũng bị quăng qua khỏi tường nghĩa trang Trieste.

VII

Aurel Popesco đến Palestine, đầu óc luôn bị ám ảnh bởi cái chết của Milan Paternik. Hắn không sao tưởng tượng nổi cái cảnh cộng đồng Do Thái ở Trieste đưa đám ma Milan Paternik đến nghĩa địa và người Do Thái vừa khóc vừa đi theo sau quan tài.

Hắn nhìn các kiến trúc kiểu Hoa Kỳ của quốc gia mới. Hắn muốn nhìn thấy tất cả, thấu lại tất cả. Cuộc du lịch của hắn ở Palestine này có cả cái mà người ta gọi là đen đui, rủi ro. Aurel Popesco suy nghĩ trong khi máy bay đáp xuống đất hứa. Đã hàng ngàn năm nay, dân tộc Do Thái mơ ước mình là dân tộc được chọn và có nhiệm vụ là thống trị hành tinh. Họ cố gắng hết mình để đạt được sự thống trị thế giới. Cứ mỗi lần họ tưởng là sắp thực hiện được giấc mơ như nhiều nhà tiên tri đã hứa hẹn với họ thì họ lại thất bại không có nguyên nhân nào cả. Họ thất bại vì xui xẻo, rủi ro. Họ bịa đặt ra thuyết Mác-xít.

Đó là một con đường tốt dẫn đến sự thống trị thế giới. Họ làm nên cuộc cách mạng Nga và họ đã thành công. Họ chỉ còn việc chinh phục thế giới. Đúng lúc họ thành lập quốc gia Cộng sản đầu tiên thì họ bị đuổi khỏi nước Nga, đầu sỏ là Trosky. Sau đó, họ cố gắng hướng dẫn thế giới bằng việc thành lập Hội quốc liên tại Genève, một hội do cổ phần Do Thái thống lãnh lại thất bại, phá sản. Trong thế chiến thế giới lần hai, Do Thái có sáu triệu người chết, một trên ba nhưng họ đã thắng. Khi chiến tranh kết thúc, người Do Thái có một cơ xưởng quan trọng nhất hoàn cầu và với cơ xưởng đó họ có thể chế ngự hành tinh: Xưởng bom nguyên tử tại Hoa Kỳ; chủ tịch xưởng bom nguyên tử này, ông David Lisienthal là một người Do Thái gốc Châu Âu.

Đúng lúc họ muốn giết hại nửa triệu người Nhật với chỉ một quả bom thì người Anh đã giam giữ họ trong các trại rào bằng dây kẽm gai trên bờ Địa Trung Hải và biển Đỏ. Đúng là không giải thích nổi. Xui xẻo, đen đui... Người Do Thái, cuối cùng đã thành lập quốc gia này, quốc gia Israel và trong đó là quốc gia của họ, họ phải thâm nhập vào quốc gia của mình một cách bí mật vì ngay khi người Anh phát giác họ nhập vào quốc gia mình thì người Anh sẽ giam họ vào các trại rào kẽm gai ngay. Người Anh đã rời bỏ Palestine và người Do Thái trở thành người chủ duy nhất của xứ sở của mình. Công việc đầu tiên họ thấy cần xây dựng trong quốc gia họ, đó là các trại tập trung. Họ đã tự xây dựng lấy các trại tập trung đó. Khi có một người Do Thái mới muốn vào quốc gia Israel, thì người đó được tiếp nhận trong một trại rào kẽm gai gọi là “cửa nhập cư”. Mọi cửa biên giới đều đóng chặt bằng dây kẽm gai, theo kiểu các trại tù. Giờ đây, khi chỉ còn lại mình họ; những người theo đạo Thiên Chúa Kitô còn ở đó để tàn sát họ vì những lý do tôn giáo, thì họ tự tàn sát nhau cũng vẫn vì những lý do ấy.

Ngay khi Aurel Popesco rời khỏi phi trường, tay xách vali thì hắn nghe gọi. Đó là Varlaam.

— Ôi Thượng đế đã gọi anh đến rồi. - Varlaam nói - Phải cho tôi ra khỏi đây thôi.

Varlaam mập ra, ăn mặc chỉnh tề, đúng điệu.

— Trông anh tốt mã lắm. - Popesco nói - Có thể kiểm taxi ở đâu?

— Hôm nay thứ bảy, không có taxi. - Varlaam nói - Tôi phải đi khỏi đây. Nếu anh không làm cho tôi đi khỏi Palestine thì tôi không để anh đi đâu. Nếu anh không làm được điều đó thì không ai có thể làm được cả.

Hôm sau Aurel Popesco đi cùng với Varlaam đến Bộ văn hóa. Đó là một Bộ có quyền hành lớn nhất. Mọi vấn đề quốc gia đều lệ thuộc vào Bộ văn hóa. Popesco sẵn sàng can thiệp cho bạn mình. Bằng cách này, hắn có dịp biết rõ các phép tục, tập quán và cuộc sống của quốc gia mới. Tại Bộ văn hóa, hai người được một nhân viên thuộc cấp tiếp đón. Các phòng làm việc đều rộng rãi. Người ta cứ tưởng như đang ở Hoa Kỳ chứ không phải ở Tel Aviv.

— Tôi là trung úy phi công David Oztas. - Varlaam nói.

Anh ta đưa giấy tờ, đề lên bàn các mệnh lệnh trong ngày, các huân chương và các tờ báo nói về các hành vi can trường của anh trong cuộc chiến đấu chống lại người Ả Rập. Anh nhân viên đứng lên và bắt

tay Varlaam.

— Tôi rất hân hạnh được làm quen với một anh hùng. Các anh hùng trong cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc có quyền hưởng mọi vinh dự. Tôi có thể phục vụ người hùng trong việc gì đây?

— Tôi cần một giấy xuất cảnh. - Varlaam nói.

— Giấy xuất cảnh khỏi Israel à? Tại sao lại muốn rời khỏi Israel? - Anh nhân viên hỏi.

— Tôi không thể thích ứng. - Varlaam trả lời - Có quá nhiều sự khác biệt. Ở đây mọi cái đều được tổ chức trên nền tảng tôn giáo. Tôi theo tôn giáo khác. Vì lẽ đó, tôi tự thấy mình ở ngoài xã hội.

— Ai di cư đến Palestine đều phải ở lại đó. - Anh nhân viên nói. Anh ta có giọng nói ấm áp.

— Tôi không phải là một người di dân. - Varlaam nói - Tôi cũng không phải là một người Do Thái.

— Anh là một công dân của quốc gia Israel. - Người nhân viên nói - Hơn nữa, là một công dân ưu tú. Điều đó thấy rõ qua giấy tờ, hồ sơ của anh.

— Giấy tờ thật của tôi đã bị hủy bỏ. Đó là điều kiện đầu tiên để tôi được nhận vào quân đội Israel. Hủy bỏ giấy tờ của tôi và chọn lấy một cái tên chiến đấu.

— Thật đáng tiếc nhưng theo giấy tờ của anh thì không có gì chứng tỏ tên anh là một cái tên thời chiến cả.

— Vậy mà như thế đó. - Varlaam nói - Hãy nhìn kỹ tôi và tôi van xin ông, hãy tin là tôi nói đúng sự thật. Chúng ta đang ở đây, ở tại Bộ văn hóa. Ngoài các luật lệ và điều khoản, ở đây nhân viên còn biết một điều luật lớn hơn nữa, đó là luật của Chúa. Đó là một thứ luật vĩnh cửu. Tôi là một người đáng thương, xin ông giúp tôi. Tôi không thể sống ở đây nữa. Tôi muốn đi. Tôi là một con người, một người đáng thương. Trong các sách thánh của ông, trong sách kinh Jlesra có viết: *“Con người trước tiên được dựng nên như là một bản thể duy nhất. Nếu kinh thánh biết được ai đó muốn hủy hoại một sự tồn tại duy nhất nào thì người đó sẽ bị kinh thánh qui tội hoàn toàn giống như người ấy đã hủy hoại toàn thể giới, và nếu có ai đó đã cứu một cuộc sống tồn tại duy nhất nào thì kinh thánh ban thưởng người ấy giống như đã cứu thoát toàn thể giới.”*

— Anh là người Do Thái phải không? - Người nhân viên hỏi.

— Tôi không phải là người Do Thái. Không một đảng tổ tiên nào của tôi là người Do Thái cả.

— Anh không thể đòi hỏi công bằng nhân danh một luật mà anh vi phạm. - Người nhân viên nói - Điều luật thứ nhất của sách Jlesra nói rằng: *“Không được thêm điều gì và cũng không được bớt điều gì cả ở Bộ luật của ta.”* Và Bộ luật nói: *“Ai hủy hoại chỉ một linh hồn dân Israel, thì kinh thánh sẽ qui tội người ấy, v. v... và ai cứu rỗi một linh hồn dân Israel, thì kinh thánh sẽ thưởng người ấy...”* Anh đã thay thế *“chỉ một linh hồn dân Israel”* bằng *“chỉ một sự sống”*. Đó là một sự phạm thượng. Một sự phạm thượng.

VIII

Aurel Popesco tìm thấy Eddy Thall trong một ngôi nhà nhỏ bằng đá vừa mới xây xong, vách chưa được tô quét, chưa có nước cũng chưa có điện.

Trong phòng Eddy có một cái giường và cả một đống vali chồng lên nhau. Người ta thấy rõ là nàng không bao giờ mở những vali đó, những vali mà nàng cất áo dài và tất cả những gì nàng có. Trong vùng đất hứa, nàng không cần bất cứ vật gì trong số ấy, chỉ cần một quần dài là đủ.

— Tôi làm việc trong nông trường tập thể này. - Eddy Thall nói - Tổ quốc chúng tôi không cần có nghệ sĩ già, có quá nhiều nghệ sĩ trẻ đẹp và nhiều tài năng. Ông muốn Israel phải làm gì với những bà già? Lúc đầu tôi muốn làm giáo sư. Khi người ta chỉ định tôi làm việc tại nông trường này, tôi chỉ muốn tự tử nhưng bây giờ tôi cảm thấy sung sướng. Sung sướng hơn cả khi tôi được làm sâu khâu.

Aurel Popesco đã được người ta cho biết là Eddy Thall đã có đơn xin trở lại Rumani ngay khi nàng vừa mới tới Palestine. Hắn muốn biết có đích thực như vậy không.

— Đó là trong một lúc tuyệt vọng. - Eddy Thall đáp - Trong những tuần đầu tôi bước chân đến Israel. Tất cả đối với tôi có vẻ sao mà xa lạ, sao mà nghèo nàn và cay nghiệt đến nỗi tôi không kiểm soát nổi thần kinh được nữa. Tôi đã gửi một cái đơn yêu cầu lên lãnh sự quán nước Cộng sản Rumani tại Tel Aviv và xin hộ chiếu Rumani. Người ta trả lời tôi rằng tôi sẽ vĩnh viễn bị cấm cửa ở Rumani vì tôi đã hành hạ vị anh hùng dân tộc Tinka Neva khi bà ta còn giúp việc cho tôi. Và lại họ không cấp hộ chiếu cho tôi thể mà hay, bởi có cấp tôi cũng chẳng đi đâu cả. Cái đơn ấy chẳng qua là một hành vi tuyệt vọng nhất thời, thế thôi!

Eddy Thall cười. Nàng đã mập ra khá nhiều. Bàn chân nàng sưng lên. Nàng đi những đôi giày trông giống như những đôi pantup.

— Bây giờ thì tôi chẳng bao giờ nghĩ tới chuyện đi nữa. - Nàng bảo - Vì sao lại rời Israel?

Nàng cảm thấy Aurel Popesco đang nhìn đôi bàn chân sưng của nàng.

— Nó sưng lên là do thời tiết. - Eddy nói - Khí hậu ở đây hơi khác nghiệt, nhất là đối với tôi từ vùng Oural đến trong tình trạng ốm dờ. Nhưng tôi sẽ quen đi thôi. Ngoại trừ cái yếu tố ấy ra tôi bằng lòng và rất bằng lòng là khác.

Nàng Eddy Thall đang nói đây, ngồi trên chiếc vali mặc chiếc quần xanh, không phải là Eddy Thall của miền sa mạc, cũng không phải Eddy Thall của vùng Oural của Varsava, hay của Stuttgart. Đây là một Eddy Thall khác, không có chút gì giống với những Eddy Thall ấy.

— Tôi có cảm giác rằng những luật lệ tôn giáo đang bóp nghẹt sự sống của quốc gia mới. - Aurel Popesco nói - Một quốc gia có một thiết bị thủy nông, một nhà máy điện, một hệ thống đường sắt, những con tàu. Không thể sống ngày thứ bảy hai tay khoanh trước ngực như luật lệ tôn giáo yêu cầu. Người Do Thái có thể tự cho phép mình làm như vậy khi họ còn là một đám dân du mục. Một khi đã trở thành công dân một quốc gia hiện đại họ phải từ bỏ những luật lệ tôn giáo ấy đi. Những luật lệ ấy của thời kỳ xa xưa không còn thích hợp với cuộc sống hiện đại nữa. Đó là một sự lệch lạc lỗi thời.

— Không. - Eddy Thall đáp lại một cách quyết liệt - Thực hành tôn giáo một cách giáo điều có thể ra chiều phi lý, nhưng là một điều kỳ diệu. Lúc đầu, chính tôi cũng nghĩ là phi lý, khi người ta bảo chúng tôi, ở trang trại, không được vắt sữa bò vào ngày thứ bảy bởi vì tôn giáo cấm. Lúc đó tôi cho là phi lý, nhưng giờ đây tôi lại cho là chuyện bình thường. Rất tiếc là tôn giáo đã không có thể áp đặt nổi mọi quan điểm của nó. Chính cái tôn giáo phi lý ấy đã cứu dân tộc Do Thái từ hàng ngàn năm nay. Luật lệ của nó nghiêm khắc. Đó là luật lệ lưu vong nhưng mà bổ ích.

— Giờ đây sự lưu vong đã chấm dứt rồi. - Aurel Popesco nói - Vì sao vẫn cứ thực hiện những luật lệ của nó làm gì khi họ đã có một Tổ quốc.

— Dân tộc Do Thái vẫn luôn luôn là lưu vong cả khi họ có một Tổ quốc. Tại Palestine có hai triệu

người Do Thái. - Eddy Thall nói - Nhưng mười triệu người Do Thái vẫn còn lưu vong. Làm sao ai có thể nói được là sự lưu vong của dân tộc Do Thái đã chấm dứt? Chúng tôi sẽ sửa đổi luật lệ khi mười triệu người Do Thái này không còn lưu vong nữa. Bây giờ chưa phải lúc! Các người ở ngoài cuộc, các người chỉ biết phê bình. Còn tôi ở đây tôi nói rằng cuộc sống trong tổ quốc vĩnh hằng đẹp lắm. Đẹp cực kỳ, và tôi rất hạnh phúc tại đây.

Aurel Popesco rất muốn biết Eddy Thall nói thật hay dối, nhưng không làm sao biết nổi.

— Như mọi nghệ sĩ tôi cần phải ngâm thơ, nhưng lần này không phải ngâm thơ. Tôi sẽ đọc cho anh nghe một đoạn trích trong sách Những Con Số^[21]: “Người không dẫn chúng tôi đến một xứ sở có nhiều mật ong và nhiều sữa chảy. Người đã không cho chúng tôi những cánh đồng và những ruộng nho...” Tôi biết “Đất hứa hẹn” không phải là đất thật. Đất hứa hẹn là đá. Người ta đã hứa cho chúng tôi đất và người ta đã cho chúng tôi đá, nhưng ở đây sống được.

— Vậy là cảm thấy thoải mái được sống trong Tổ quốc? - Aurel Popesco hỏi.

Eddy Thall nhìn hần.

— Anh có biết Tổ quốc của một người phụ nữ là ở đâu không, Aurel Popesco? Tổ quốc một người phụ nữ là cái tuổi thanh xuân. Chỉ ở đây người phụ nữ mới có hạnh phúc. Tôi đã mất đi Tổ quốc của tôi tức tuổi thanh xuân của tôi không còn bao giờ tìm thấy lại. Những người đàn ông, các dân tộc có thể trở về Tổ quốc của họ, bởi đó là một cái gì có tính vật chất. Còn Tổ quốc của một người đàn bà là một lứa tuổi. Tôi đã mất Tổ quốc tôi vĩnh viễn rồi. Giờ đây tôi là một người không Tổ quốc, một thứ Heimathes. Đừng phí công vô ích mà đi tìm một cái không thể nào tìm lại được. Tôi ở đây và tôi sẽ chết trong lưu vong bởi đối với một người đàn bà, tuổi già chính là cuộc sống lưu vong vậy. Anh hiểu không mỗi người đàn bà đều là lưu vong lúc trở về già. Một khi tuổi thanh xuân qua rồi, người ta chỉ còn được nếm những niềm vui của sự lưu vong. Đến cái tuổi đó thì mình ở đâu nào có gì quan trọng? Ở USA hay Ở URSS cũng vậy thôi, bởi ngày nay các nước không có tên nữa mà chỉ có những chữ cái. Tôi mãi mãi sẽ là con người lưu vong và còn lại cho tôi chỉ là những niềm vui lưu vong khi chua chát, khi đắng cay, chẳng bao giờ dịu ngọt cả tuy vẫn là niềm vui. Tôi bắt đầu yêu loài vật. Công việc ở trang trại làm tôi thích thú. Tôi tự an ủi mình với những con súc vật quanh tôi.

Anh có biết bài thơ của Walt Whitman:

*Tôi tưởng tôi có thể đối đời
Và nhập cuộc sống cùng loài vật
Chúng trầm tĩnh và đầy quả quyết
Tôi đứng đây và nhìn chúng giờ lâu
Số phận hẩm hiu không làm chúng cầu nhau
Không thức thâu đêm khóc mình tội lỗi
Không phiền ai với những lời bàn cãi
Về nghĩa vụ mình đối với Chúa thiêng liêng
Không một con nào không thỏa mãn về mình
Không một con nào biết điên rồ ham của
Không một con nào kêu ca cùng bạn lứa
Hay đồng loại mình đã sống trước vạn ngàn năm
Không một con nào đáng kính hoặc âm thầm
Chịu đau khổ do bàn tay thiên hạ.*

Aurel Popesco đứng lên.

— Tôi mong cô sẽ viết thư cho tôi. - Hần nói - Nếu một ngày nào đó tôi có thể giúp ích gì cho cô thì cô nhớ viết thư.

— Không. - Eddy Thall nói - Viết thư cho anh làm gì? Tôi chẳng bao giờ thư từ cho ai nữa. Cho bất cứ kẻ nào! Không bao giờ! Không bao giờ nữa.

IX

Như các Xô Viết đã biến Tinka Neva thành một nữ anh hùng huyền thoại ngoài ý muốn của bà ta, người Mỹ cũng muốn biến Anatole Barsov thành một anh hùng huyền thoại vì không chịu nổi những sự khùng bố của Xô Viết mà đã cướp một máy bay trốn sang nước Mỹ. Nhưng Anatole Barsov không muốn làm anh hùng, và dù có muốn cũng chẳng làm được.

Anh đã ở Mỹ một năm nay rồi. Đối với anh mọi việc càng ngày càng xấu đi. Giờ đây anh ta lại đến nhà bạn là Igor Poltarev. Họ không ở chung với nhau và họa hoằn lắm mới gặp nhau một lần. Công việc kinh doanh của Poltarev khá phát đạt. Anh ta đang ở thời kỳ thành đạt. Anh ta viết bài cho các báo và tạp chí nên kiếm được nhiều tiền.

Anatole Barsov làm trong một xưởng may mặc, nhưng rồi phải thôi việc. Anh lại thất nghiệp. Người anh gây còm, râu ria xồm xoàm và kiệt sức.

— Mình muốn trở về quê hương. - Anatole Barsov nói - Mình tới đây là để nói với cậu là mình muốn trở về Tổ quốc.

Igor Poltarev tự kiểm chế mình. Anh ta đã toan túm lấy vai Barsov và tổng khứ ra ngoài.

— Mình mong cậu cho vay thêm ít tiền nữa! - Barsov khẩn khoản đề nghị - Hai hôm nay mình không có chỗ ở, mệt quá sức rồi.

— Anh đã nói là anh muốn trở về Nga. - Poltarev nói - Staline cứ việc cho anh tiền. Anh đến tôi mà làm gì?

Poltarev túm lấy vai Barsov và tổng cổ anh ra ngoài thật, miệng thét lớn:

— Nếu anh không về ngay tức khắc với Staline của anh thì báo trước cho anh biết rằng tôi sẽ yêu cầu người Mỹ tổng cổ anh về, quân hai lần phản bội!

Anatole Barsov bước ra đường.

Anh đi tới xưởng may mặc, nơi anh đã có làm việc. Ở đây anh có quen một người Mỹ Cộng sản đã nhiều lần khuyên anh ta trở lại nước Nga. Anh muốn nói chuyện với người bạn đó.

Anh bạn Mỹ tên là Ballin.

— Tôi muốn trở về nước tôi. - Barsov nói - Phải làm thế nào?

— Khi tôi tan việc, vào lúc sáu giờ tôi sẽ dẫn anh đến lãnh sự quán Xô Viết và nộp đơn xin trở về Nga.

Lúc chia tay nhau, Ballin nói:

— Ngày mai anh sẽ đợi tôi trước nhà máy, chúng ta sẽ đến lãnh sự quán một lần nữa. Người ta sẽ đưa các giấy tờ cho anh.

Barsov thú nhận với bạn là anh ta không còn lấy một xu dính túi và không biết ngủ vào đâu đêm nay. Ballin đưa cho anh vài đồng. Không được bao nhiêu, Barsov vào một quán cà phê. Anh cảm thấy khó chịu. Anh muốn uống một chút gì và anh gọi bia. Hai thanh niên đến ngồi sát bên cạnh. Anh có cảm giác là mình đang bị theo dõi. Anh uống vội uống vàng ly bia của anh rồi đi ra.

Anh không có đủ tiền để vào khách sạn, nhưng anh biết một nơi gần đó có thể thuê theo giờ một chỗ để ngủ, có chăng một sợi dây đỡ gối đầu lên, Barsov bước vào quán rượu đó.

— Hai giờ. - Anh nói.

Theo lệ thường, anh phải trả tiền trước để thuê hai giờ ngủ. Thằng nhỏ phục vụ cho anh một chiếc ghế và chăng cho anh một sợi dây gối đầu. Người ta có thể ngủ ở đó như ngủ trong một chiếc ghế bành. Nhiều người ngủ như vậy, nhưng giá thuê vẫn đắt lắm. Barsov ngủ ngay được một giấc. Thằng nhỏ tới lột ngay sợi dây dưới gáy anh và húc đầu gối vào lưng anh một cái anh mới choàng tỉnh dậy. Hai giờ ngủ đã qua.

Barsov lại bước ra đường, lang thang một lúc trên đường phố rồi vào một cái tiệm giải khát. Cái cơ bản là qua được một đêm. Sáng mai anh sẽ tới lãnh sự quán và có thể là anh sắp sửa chấm dứt được cái cảnh sống này rồi.

Trong tiệm anh lại chạm trán với hai thanh niên kia, bọn họ lại đến ngồi cạnh anh. Một trong hai tên xô vào Barsov và tống cho anh một quả đấm vào sườn. Barsov lùi lại, tên thanh niên lại đánh anh, Barsov ngã xuống. Nhiều khách hàng đến, thế là cuộc ẩu đả bắt đầu. Chai ly vỡ loảng xoảng, Barsov đứng lên nhưng anh bị đánh vào mặt, vào ngực, vào hông. Anh lại ngã xuống. Barsov không thích chuyện lôi thôi.

Anh vẫn nằm dài một hồi dưới đất, rồi anh định bụng trườn qua dưới chân đám đông để bò ra ngoài. Anh cảm thấy bị những cái chân giẫm đạp lên người anh.

— Tôi chẳng làm gì ai cả. - Barsov nói - Các người muốn gì tôi?

Giữa lúc đó cảnh sát tới. Mọi người trong quán rượu đã bị bắt vì gây chuyện mất trật tự.

Barsov không hiểu nổi vì sao đã xảy ra những chuyện lôi thôi này. Người anh đầy cả máu me. Quần áo, somi anh bị rách bươm. Người ta giam riêng anh vào buồng kín. Anh lăn ra giường và ngủ luôn, không ân hận gì về chuyện mình bị bắt. Anh chỉ sợ ngày mai anh vẫn còn bị giữ, vì anh có hẹn với Ballin.

Hôm sau, người ta thăm vấn Anatole Barsov. Anh kể hết những gì anh biết. Bốn viên cảnh sát thi nhau hỏi anh đủ mọi thứ chuyện.

— Cả ngày hôm qua anh làm gì?

— Tôi ở nhà một người bạn đã cùng nhau trốn khỏi nước Nga. Anh ta tên là Igor Poltarev.

Bọn cảnh sát nhìn nhau và mỉm cười đắc thắng. Anatole Barsov không nói dối.

— Anh đã nói những chuyện gì với bạn anh?

— Tôi nói với anh ta rằng tôi muốn trở về Nga. - Barsov nói (anh nói với cả tấm lòng thơ ngây của đứa trẻ sơ sinh) - Igor bạn tôi đã đánh tôi rồi đuổi tôi ra đường.

— Và sau đó anh đã làm gì?

— Tôi bất bình. - Barsov đáp - Tôi đã đến nhà máy. Tôi muốn xin việc làm, nhưng rồi lại thôi. Tôi gọi Ballin, một trong những người bạn đã làm với tôi ở phòng là cổ áo. Tôi nói với anh ta rằng tôi muốn trở về Tổ quốc. Anh đã nhiều lần khuyên tôi nên về. Tôi chẳng nói với anh ta chuyện gì khác. Chúng tôi cùng nhau đến lãnh sự quán Xô Viết. Tôi đã nộp đơn xin hồi hương. Tôi đã vay tiền Ballin. Tôi đã ngủ hai tiếng đồng hồ tại quán cà phê. Tôi không có đủ tiền thuê phòng. Tôi chỉ thuê một chỗ ngồi để ngủ trong hai tiếng đồng hồ.

— Anh đã thuê một chỗ ngồi để ngủ à? - Một tên cảnh sát sừng sốt hỏi.

Bọn đồng nghiệp của hắn giải thích cho hắn biết rằng ở New York có những nơi mà bọn người nghèo khổ không đủ tiền để thuê phòng, thuê những cái ghế tính giờ để ngủ tại các quán cà phê.

— Sau hai giờ ngủ đó tôi lại ra đường. - Barsov tiếp tục kể - Tôi vào một tiệm giải khát. Hai gã thanh niên đã xô đẩy tôi rồi đánh tôi. Sau đó có chuyện ẩu đả lộn xộn. Cảnh sát đã tới. Người ta dẫn tôi vào đây. Hết! Tất cả có thể.

Mấy tay cảnh sát nét mặt sa sầm. Tất cả những điều Barsov vừa mới kể là sự thực nguyên si, tất cả ăn khớp với lời tường trình của những nhân viên mật vụ đã theo dõi Barsov từ cái lúc anh ra khỏi sứ quán, với lời khai của Poltarev và với lời khai của những tên mật vụ được giao trách nhiệm gây ra chuyện ẩu đả để cho cảnh sát có dịp bắt Barsov. Barsov đã không hề giấu họ điều gì.

— Anh chỉ muốn được trở về Nga thôi phải không? - Một tay cảnh sát hỏi.

— Vâng. - Barsov đáp - Dĩ nhiên là tôi muốn trở về Nga.

Một viên chức mang đến một tờ giấy và một cuốn sổ con. Anatole Barsov nhận ra cuốn sổ tay của anh ghi nhật ký mỗi buổi tối. Cuốn sổ cũng như tất cả mọi đồ đạc của anh đều gửi lại làm vật bảo lãnh ở khách sạn anh ở sau cùng, bởi anh chưa thanh toán được tiền thuê phòng. Cuốn nhật ký ấy giờ đây nằm trong tay cảnh sát. Trên tờ giấy là bản dịch tiếng Anh của cuốn nhật ký Barsov được đánh máy lại.

Bọn cảnh sát đọc một cách bất bình những điều ghi chú hàng ngày của Anatole Barsov.

— Ông đã có ý định hồi hương vào lúc nào?

— Lâu rồi, từ những ngày đầu tiên mới đến Mỹ, nhưng tôi đã không có can đảm thực hiện. Bây giờ thì không chịu nổi nữa rồi. Tôi phải về thôi.

— Ông có biết rằng một ngày kia trở về nước, Staline sẽ xử bắn ông không?

— Tôi biết! - Barsov nói - Về tội phản quốc tại nước chúng tôi đó là tội tử hình. Tôi đã phản quốc.

— Và ông về để bị xử bắn à? - Tên cảnh sát hỏi.

— Tôi hy vọng tôi sẽ được chuyển sang án khổ sai mười năm hoặc hai mươi năm, cái tôi đã làm là hết sức nghiêm trọng. Nhưng một khi mãn hạn án rồi, tôi sẽ được khôi phục lại chỗ đứng của tôi giữa những con người.

— Vì sao ông lại bỏ nước Nga ra đi một khi ông đồng tình với chế độ?

Nhớ lại lúc ra đi, Barsov thấy đau nhói trong tim.

— Ông trả lời đi. Vì sao ông ra đi.

— Đó là câu hỏi tôi tự đặt ra cho mình từ ngày tôi sang đây. Tôi suy nghĩ nát óc vẫn không biết chính xác vì sao.

Viên cảnh sát đọc trong cuốn nhật ký của Barsov:

“Tôi tới, tôi vò đầu vắt óc để tìm ra cái lý do đã khiến tôi ra đi. Càng suy nghĩ, tôi càng hiểu ra rằng những lý do thực sự đã khiến tôi ra đi là những lý do sau: 1/ Bất hòa với vợ tôi. 2/ Bất hòa với các thủ trưởng phi đội của tôi. 3/ Có nhiều nợ không thanh toán được. 4/ Ảnh hưởng tai hại của Igor Poltarev. Tôi nghĩ tôi có cái máu phiêu lưu, tôi cho rằng chính những lý do đó đã lôi kéo tôi phản bội Tổ quốc”.

— Về mặt chính trị, ông có đồng quan điểm với chế độ Xô Viết không? - Viên cảnh sát hỏi.

— Tôi không bao giờ tự hỏi mình chế độ Xô Viết tốt hay xấu. Không bao giờ. Khi tôi sang đây ai cũng hỏi tôi câu đó. Tôi cho rằng chế độ Xô Viết cũng như mọi chế độ khác: vừa tốt vừa xấu.

— Ông không khi nào bị khủng bố, cũng không khi nào cảm thấy sức nặng của chế độ độc tài đè lên người mình à? - Viên cảnh sát hỏi.

— Tôi không bao giờ cảm thấy sức nặng của bất kỳ một chế độ độc tài nào trên đất nước tôi cả. - Barsov đáp.

Anh nhìn vào mắt người phiên dịch. Anh cố gắng hiểu thật đúng và không bỏ qua một chữ nào. Anh muốn trả lời thẳng thắn, trung thực. Anh chẳng có gì phải giấu giếm cả.

— Chế độ dân chủ Hoa Kỳ không thích hợp với ông à?

Barsov nhìn xuống.

— Ông hãy trả lời trung thực. - Tên cảnh sát nói - Ông không cảm thấy thoải mái trong chế độ tự do và dân chủ của Hoa Kỳ à? Hoa Kỳ là nước dân chủ nhất thế giới, là nền dân chủ hoàn hảo nhất. Ông không sung sướng trong chế độ tự do này à?

Barsov nắm chặt bàn tay.

— Ông trả lời đi. - Tên cảnh sát ra lệnh - Ông có sung sướng hay không trong chế độ tự do này?

— Không! - Barsov đáp - Tôi không sung sướng trong chế độ dân chủ này.

— Ông đã sung sướng hơn trong chế độ Xô Viết à?

— Tôi sung sướng hơn trong chế độ Xô Viết! - Phi công Anatole Barsov đáp.

Bốn tay cảnh sát đưa mắt nhìn nhau. Cả bốn tên đều có chung một ý nghĩ: Anatole Barsov đang bị suy nhược thần kinh, cần phải được nhốt trong một bệnh viện tâm thần. Phải như thế, trong trường hợp anh ta nói sự thật, sống dưới sự khủng bố của chế độ Xô Viết, nhất định là Barsov đã bị chấn động thần kinh rồi.

— Ông có suy nghĩ chín chắn về điều ông mới nói hay đó chỉ là một quyết định bất thần do cái khổ, cái đói, cái thiếu nghi ngơi? - Viên cảnh sát hỏi.

— Tôi đã suy nghĩ chín chắn về điều tôi vừa trả lời. Ngay từ lúc đầu, tôi hiểu rằng mình đã phạm một tội lỗi. Đành rằng tôi có mệt mỏi, đói khát, suy nhược nhưng cái điều tôi đã nói là có suy nghĩ cẩn thận. Tôi ưa cái chế độ của Tổ quốc tôi hơn và không thể sống ở Mỹ được nữa.

Bọn cảnh sát mỉm cười. Barsov thấy rõ họ đang chế giễu anh, coi anh như một người điên.

— Ông không thích ở Mỹ, bởi vì chúng tôi không có những trại tập trung. Có phải đây là cái điều làm cho ông không thích ở trên đất nước chúng tôi không? Có phải ông thích trở về Nga bởi vì ở đó có nhiều cái kiểu ấy không?

— Không, không phải vì vậy. Dù khi tôi có hàng triệu đôla trong tay tôi cũng không bao giờ sống được ở Mỹ.

— Ông là kẻ duy nhất trong nhân loại nói lên điều ấy.

— Tất cả bạn bè, đồng chí của tôi cũng sẽ nghĩ và làm như vậy nếu họ ở trong hoàn cảnh của tôi. - Barsov nói.

— Ông định tuyên truyền chủ nghĩa Cộng sản ư?

— Không. - Barsov nói - Xin ông tha thứ.

— Chúng tôi sẽ tha thứ nếu như ông thú nhận chân thực vì sao ông không thích sống ở Mỹ và vì sao ông thích nước Nga hơn nước Hoa Kỳ. Nhất định ông phải có một lý thuyết nào đó khá thú vị.

— Tôi không có một thứ lý thuyết nào cả. - Barsov nói - Tôi không biết làm chính trị, cũng không biết có một lý thuyết nào. Tôi biết và chính mắt tôi trông thấy rằng ở Mỹ, người ta ăn mặc đẹp hơn, sống đầy đủ hơn, họ có những chiếc xe đẹp hơn, lương cao hơn, nhưng tôi không thích ở đây. Tôi thích nước Nga hơn.

— Ông vẫn chưa nói cho tôi hay vì sao ông thích nước Nga hơn, khi mà ở Nga người ta sống kém cỏi hơn, thu nhập ít hơn mà làm việc lại nặng nề hơn.

— Tại nước chúng tôi, con người không cô độc. Ở đây, tôi chỉ một mình, như giữa một đàn sói. Ở Nga ai cũng tìm được một việc làm. Ở đây không ai giúp đỡ ai cả. Không một ai. Ở Nga, có trật tự, có tình đồng chí. Tôi sẽ nêu trường hợp cha tôi làm bằng chứng. Cha tôi là ngư dân. Một lần gặp bão ở biển Đen, thuyền cha tôi bị đắm cùng với toàn bộ thiết bị đánh cá. Ba hôm sau, Nhà nước đã cấp cho cha tôi một chiếc thuyền khác với những thiết bị khác đầy đủ. Cha tôi vẫn tiếp tục kiếm sống được như trước. Ở Mỹ, nếu thuyền bị chìm là cha tôi chỉ còn chết đói. Tôi chẳng hạn, ở Nga thì tôi đã có thể có việc làm. Nhà nước sẽ tìm cho. Ở đây tôi chạy khắp nơi như một con chó và người ta chẳng thèm cả ngó tới.

— Nhưng ông được tự do tha hồ chạy mà! - Tên cảnh sát nói.

— Tôi không muốn nói cái tự do để mà chạy! - Barsov nói - Ông bảo tôi làm gì cái tự do ấy?

— Chế độ dân chủ ban cho mọi người được tự do. Còn sử dụng cái tự do ấy như thế nào thì đó là vấn đề riêng của mỗi cá nhân. Với cái tự do ấy, có kẻ trở thành tổng thống, kẻ khác lại thành đứa sát nhân. Với cái tự do ấy, Poltarev bạn ông viết báo, viết sách. Ông với cái tự do ấy, ông trở về nước Nga để được đầy sang Sibéri hoặc đến các mỏ muối cho đến hết đời. Mỗi người có toàn quyền sử dụng tự do của mình theo sở thích. Đó là sự công bằng xã hội lớn nhất tồn tại trên trái đất này: Cái tự do cho mỗi cá nhân được lựa chọn cái gì mình thích, cái gì mình thấy mến yêu hơn tất cả. Và bởi vấn đề là như vậy, chúng tôi tôn trọng cả quan điểm của ông: trở về nước rồi bị cầm cố suốt đời hoặc bị bắn. Ông có thể dùng tự do của ông vào một việc khác hơn là tự nguyện đi vào nhà tù. Ông có thể trở thành phi công, kỹ sư, nhà tài chính, người lính. Ông hoàn toàn tự do. Nhưng ông thích nhà tù hơn. Chúng tôi để ông đi.

Nhưng nhiệm vụ chúng tôi là trước tiên phải gửi ông đến một bác sĩ tâm thần để khám cho ông xem ông có ở trong trạng thái bình thường hay không. Nếu ông không bình thường chúng tôi sẽ săn sóc ông. Chúng tôi sẽ để cho ông quyết định sau khi điều trị.

Anatole Barsov ra chiều bị thuyết phục. Điều người ta vừa nói với anh có vẻ hợp lý.

— Ông có bảo lưu những lời khai lúc đầu của ông không? - Viên cảnh sát hỏi - Ông có cần nói thêm điều gì nữa không?

— Tôi không có gì cần nói thêm cả. - Barsov trả lời - Tôi giữ ý kiến rằng tôi đã không bỏ nước Nga ra đi vì những lý do chính trị. Tôi đã trốn ra đi vì những lý do cá nhân. Chủ yếu vì tôi không hòa hợp được với vợ tôi. Nếu tôi trở về, vẫn là vì lý do cá nhân chứ không phải vì lý do chính trị. Tôi trở về nước vì tôi nhớ quê hương. Vì mong muốn được nhìn thấy lại quê hương. Đó là lý do chủ yếu. Ngoài ra, tôi không thể sống giữa những người xa lạ. Tôi có thể vào nhà giam, nhưng với những người thân của tôi, ông biết không?

— Trước mắt, ông phải ở lại đây để điều tra bổ sung.

PHẦN VI

CUỐN SÁCH VỀ SỰ ĐẮM CHÌM VÀO BÓNG TỐI

Bác sĩ Ante Petrovici là kẻ hạnh phúc nhất trong số những người di tản Châu Âu. Chỉ trong một thời gian ngắn, ông ta đã trở thành một con người tai mắt tại Achentina. Ante Petrovici là sở hữu chủ của xí nghiệp sản xuất đồng hồ lớn nhất châu Mỹ Latinh.

Mỗi nhà đều có những đồng hồ đánh thức, những đồng hồ treo, đồng hồ đeo tay do xưởng ông chế tạo. Ante Petrovici rất giàu. Ông đã trở thành công dân Achentina. Bạn bè ông khuyến khích ông tham gia chính trị.

Trong lúc này, bác sĩ Petrovici đang kiểm tra nhà máy của mình mỗi ngày như thường lệ. Đây là một kiến trúc đồ sộ, siêu hiện đại, vừa được hoàn thành mấy tháng nay. Ông vào các bàn giấy, các phân xưởng, các kho giờ hàng. Các nhân viên và công nhân chào hỏi ông thân mật. Thành đạt của ông là một cái gì đó có tính chất hiếm hoi. Khởi đầu là hai bàn tay trắng, vậy mà chỉ trong vài ba năm ông đã nghiễm nhiên trở thành sở hữu chủ của cái xí nghiệp khổng lồ này. Ông đọc cho thư ký viết một số thư, rồi ông đi xuống đường. Tài xế đưa ông xuống khu biệt thự thành phố Buenos Aires và dừng xe trước một ngôi nhà có đóng một cái biển mang dòng chữ: *BỆNH VIỆN THẦN KINH TƯ CỦA BÁC SĨ BRUNN*. Tài xế quay trở về nhà máy. Ante Petrovici xúc động bước vào trong bệnh viện.

Giám đốc bệnh viện này, một người Thụy Sĩ - bác sĩ Rudolf Brunn - là một người bạn lớn của Ante Petrovici.

Giờ đây, Rudolf Brunn đang ở một mình trong bàn giấy với Ante Petrovici. Hai người cùng tuổi. Bác sĩ thì to cao, tóc hung. Ông thuộc nòi giống những người lao động cần cù, theo đạo Tin lành, tính tiết kiệm. Ông ta yêu tôn giáo và yêu công việc.

— Tôi đã chuẩn bị mọi điều cần thiết để chuyển các vali của tôi đến nội sáng hôm nay. - Ante Petrovici nói. - Tình thế rõ ràng rồi. Hôm qua tôi đã nói chuyện với ông giám đốc sở Cảnh sát. Kể từ hôm nay, tôi chờ đợi trở thành đối tượng của một lệnh tổng giam. Những điểm chính người ta buộc tôi là: Khai man trước một tiểu ban di tản và đổi quốc tịch; khai man với Bộ công nghiệp và Bộ thương nghiệp. Cuộc điều tra tiến hành trên cơ sở nhiều bản tố cáo đã làm xong. Người ta đang chờ để bắt tôi, kết án tù và trục xuất tôi.

— Đừng nói quá! - Bác sĩ Rudolf Brunn nói - Người ta không thể khiển trách anh điều gì về tất cả những chuyện đó. Có lỗi chẳng chỉ vì anh đã thay đổi một vài thời điểm của anh ở Châu Âu hòng được di tản ra nước ngoài. Một tờ khai không đúng sự thật trong một lúc tuyệt vọng, không có chủ định phạm pháp. Anh tới đây đã hòa nhập ngay vào với xã hội và trở thành một trong những nhân vật có nhiều công trình xây đắp cho xã hội hơn cả. Mọi nước đều cần những con người như anh. Trường hợp của anh sẽ trở thành một chủ đề tranh luận tại Quốc hội. Mới hôm qua, Ngài Tổng thống đã khẳng định với chúng tôi, thông qua một ông bạn chung, rằng vấn đề đó đã xếp lại rồi. Các giấy tờ của anh sẽ được điều chỉnh và anh có thể trở lại địa vị của anh trong xã hội thôi.

— Nhưng trong thời gian chờ đợi đó, người ta sẽ đến bắt mất tôi. - Ante Petrovici nói - Đi tù thì tôi hết khả năng chịu nổi nữa rồi. Quá mức chịu đựng của thần kinh.

— Anh sẽ không bị bắt giữ đâu. - Bác sĩ Rudolf Brunn đáp - Bây giờ thì anh hãy ở lại đây trong bệnh viện tư của tôi cho đến ngày có lệnh ân xá. Không ai có phép tới bắt anh tại một bệnh viện cả. Sách Cựu ước có ghi rằng: *Moise đã yêu cầu những người kế nghiệp ông, một khi trở về Tổ quốc, phải lập ngay những Thành phố Tị nạn làm chỗ nương thân cho những người bị lòng bắt một cách bất công*. Trái ngược với thời những xã hội Kinh Thánh, xã hội ngày nay không còn nghĩ gì đến những con người. Ngày nay, những kẻ vô tội thì bị pháp luật giày xéo như một lũ chó rừng. Những nơi duy nhất có thể bình vực cho con người chống lại với pháp luật là những tổ chức như bệnh viện của tôi đây. Ở đây, con người là bất khả

xâm phạm. Hãy là vị khách quý của tôi, bạn đồng nghiệp.

Ante Petrovici nhìn lên chiếc đồng hồ treo trên tường. Chính cái đồng hồ ông đã làm. Sau đó, ông thoáng nhìn thấy mặt mình trên tấm gương. Đôi má của Ante Petrovici bạc phếch, ông đã già đi bao nhiêu. Cái nhìn của ông đã tắt.

— Quà tôi không ngờ rằng một ngày kia tôi lại phải tới xin nương nhờ cánh cửa của một nhà thương điên! - Ông buồn rầu nói - Công trình của anh đối với tôi như là một việc làm quái đản. Anh là chủ nhân một ngôi nhà của những người điên. Bệnh viện của anh là một cái nghĩa địa của những người chết đang sống. Thế nhưng nếu không đến đây thì người ta bắt tôi. Người ta có thể bắt tôi tại nhà riêng, tại nhà máy, hay ngoài đường. Tôi bắt buộc phải đến chỗ anh. May mà trên thế gian còn có những nơi như thế, cảnh sát không có quyền bèn mắng tôi. Tôi cũng tin như anh rằng trong giờ khắc này đây, cái nơi duy nhất pháp luật không có quyền bèn gót tới chính là nhà thương điên. Ở đây, pháp luật chịu bất lực. Một người điên là một con người tự do. Con người duy nhất không thể bị pháp luật hành hung, giày xéo.

Rudolf Brunn nhìn con mắt của bạn. Ông thấy bạn ông đang bị cơn sốt, và ông yêu cầu Petrovici đi nằm nghỉ.

— Sau những chuyện phiền muộn như thế này, tôi có nổi điên lên cũng là chuyện bình thường thôi. - Ante Petrovici nói. - Không cứ phải ốm đau mới run. Không nhất thiết phải lên cơn sốt nóng con mắt phải đỏ ngầu. Để rời khỏi Châu Âu và tránh một cái chết mỗi mòn chậm rãi, tôi đã phải dùng biện pháp khai gian. Tôi đã không khai rằng chân tôi bị khập khiễng một vài milimét, rằng tuổi thực tế của tôi có nhiều hơn một vài năm, chiều cao của tôi là 1,57 mét chứ không phải 1,60 mét và tôi không phải tín đồ Kitô giáo. Những điều khai đó chẳng làm thiệt hại gì cho ai và nhất là không gây một chút thiệt hại nào cho Tổ quốc mới của tôi cả. Những chi tiết vụn vặt ngăn cản việc di cư của tôi đâu có trở ngại gì tới việc tôi xây dựng lên nhà máy làm đồng hồ này, cung cấp việc làm cho hàng nghìn con người cùng một lúc, tạo dựng nên một nền công nghiệp mới, làm ra tiền và đi đến vinh quang. Thực tế chứng minh rằng thiếu vòm gan bàn chân phải, người ta vẫn có thể là một yếu tố có ích cho cuộc sống. Nhưng giờ đây, pháp luật xuất hiện, nó muốn đi ngược lại với thực tế. Pháp luật muốn trừng phạt tôi, lấy tiền bạc của tôi, tự do của tôi và trục xuất tôi đi mặc dầu là trái ngược hoàn toàn với thực tế. Vì sao lại cấm tôi di tản chỉ vì chân phải của tôi thiếu chút vòm gang?

Bây giờ thì ai cũng rõ, một người thiếu vòm gang chân phải vẫn làm nên được những công trình mang tính chất xây dựng. Một người có những chiếc răng khập khiễng vẫn có thể làm nên được một cái gì. Tôi, tôi đã làm được như vậy... Cớ sao pháp luật lại muốn trừng phạt tôi? Phải chăng chỉ vì một lẽ duy nhất nó là pháp luật? Đó là một lý do không đầy đủ.

Bác sĩ Rudolf Brunn cùng với Ante Petrovici đi dạo quanh vườn.

— Giá anh biết được, từ khi tôi bước chân tới cái đất Achentina này, tôi đã phải chịu đựng bao nhiêu đau khổ! - Ante Petrovici nói - Gặp một tên cảnh sát ngoài đường, tôi phải dừng bước lại sợ hấn nhìn thấy tôi đi khập khiễng. Vào một cơ quan hay một nơi công cộng, tôi vội vàng tìm một cái ghế để ngồi. Tôi sợ phải đứng. Tôi sợ người ta để ý thấy rằng tôi thấp mắt ba phân so với chiều cao trong giấy tờ nhận dạng của tôi. Trong mỗi người phụ nữ tôi ưa, tôi thấy đó có thể là một gián điệp len lỏi vào cuộc đời tình cảm của tôi để biết được có phải tôi là một tín đồ Hồi giáo. Vậy là tôi lánh mặt đàn bà. Tôi đã muốn tới gặp ông tổng thống, thú nhận tất cả và xin khoan hồng về chuyện khai man trước ngày di tản của tôi. Tôi đã không đủ can đảm làm việc đó. Bây giờ thì muộn quá mất rồi. Tôi đành phải ẩn náu trong cái nhà thương điên này, hoặc chấp nhận vào tù và bị trục xuất. Tình thế éo le là như vậy. Tôi đã mệt mỏi lắm rồi. Tôi không còn đâu sức lực nữa để đấu tranh.

Bác sĩ Rudolf Brunn nắm lấy cánh tay Ante Petrovici.

— Chúng ta sẽ sớm tìm ra một lối thoát. Achentina là một đất nước mà con người còn ít nhiều mang tính nhân đạo. Anh có nhiều bạn bè. Anh được nhiều người quý mến. Mọi chuyện sẽ thu xếp được thôi. Đây chỉ là vấn đề thời gian, một vài ngày hay cùng lắm là vài tuần.

Một phụ nữ lịch sự đáng điệu rút rè bước tới cạnh hai người.

— Thưa bác sĩ, tôi phải thông báo với bác sĩ một điều cấp bách. - Nàng nói (những móng tay đỏ chót của nàng bấm sâu vào làn da trắng bàn tay) - Bác sĩ có thể nghe tôi nói một lúc được không? Việc rất hệ

trọng và cấp bách, rất cấp bách.

Bác sĩ Rudolf toan bước đi.

— Một con bệnh của tôi đó. - Ông ta nói - Tên nàng là O'Hara, vợ một kỹ nghệ gia lớn người Anh.

— Tôi cứ nói chuyện với Ngài tuy rằng chưa quen biết và xin Ngài thứ lỗi. - Nàng nói với Ante Petrovici. - Đang xảy ra những sự kiện bất thường và nghiêm trọng, cho nên tôi phải nói. Các ngài có biết họ làm gì không? Chao ôi, thật là kinh khủng! Tôi nay, họ muốn thiêu tôi! Họ sắp sửa thiêu sống tôi, đêm nay!

Những móng tay của bà O'Hara càng bấm sâu vào gan bàn tay tái ngắt.

— Thật không thể nào tin được! Thiêu sống một người đàn bà, trong thế kỷ chúng ta? Ngay giữa nền văn minh Kitô giáo? Không thể nào tin được! Xử thiêu sống một người đàn bà! Tôi không biết vì sao tôi bị kết án, vì lý do nào mà bị kết án, không cả biết người kết án tôi là ai! Tôi không biết họ có quyền gì và căn cứ luật pháp nào mà xử án tôi. Đêm nay họ sẽ thiêu sống tôi.

— Ô, thưa bà, không đúng đâu? - Bác sĩ Rudolf nói.

— Bác sĩ muốn an ủi tôi thôi, nhưng là sự thật đó, thưa bác sĩ - Bà O'Hara nói. - Tôi biết chuyện này có vẻ phi lý, không ai tin được. Nhưng tiếc thay nó là sự thật! Họ sắp đem đi thiêu sống tôi!

— Bác sĩ Ante Petrovici đây là bạn thân của tôi. - Bác sĩ Rudolf nói - Ông là một bệnh nhân mới vào. Ông ở phòng ngay cạnh phòng bà.

— Ngài sẽ ở buồng ngay cạnh tôi ư? Nếu Ngài ở buồng cạnh tôi thì Ngài sẽ được chứng kiến. Ngài sẽ thấy tối nay họ đến thiêu tôi. Đây là một hành vi ghê tởm, rùng rợn và không thể nào tin được, trong một thế kỷ văn minh và Kitô giáo. Họ sẽ thiêu tôi mặc dù tôi không làm gì cả. Tôi hoàn toàn đã không làm gì cả. Và cái điều làm tôi sôi tiết nhất là không biết kẻ nào đã kết án tôi. Nếu Ngài ở buồng bên cạnh tôi thì Ngài sẽ là người chứng kiến.

Từng bước nhỏ chậm chạp, bà O'Hara bước đi, móng tay vẫn bấm vào lòng bàn tay nước da mịn màng mà tái nhợt.

— Nàng đã trải qua những vụ oanh tạc ở London. - Bác sĩ Rudolf kể - Trong chiến tranh, nàng đã chịu đựng tất cả một cách thật anh hùng. Từ ngày đến Achentina, chồng nàng là chủ một nhà máy sản xuất xe hơi ở đây, thì nàng ngã bệnh. Người ta đã phải đưa nàng tới nhà thương này. Nàng luôn luôn bị ám ảnh bởi cái ý nghĩ quyết đoán rằng người ta đã xử tội nàng phải bị thiêu sống. Ngày nào cũng như ngày nào, nàng thức dậy từ năm giờ sáng và tự giày vò mình với cái ý nghĩ trên.

Cuộc gặp gỡ này xúc động Ante Petrovici tận sâu thẳm của tâm hồn. Ông quên khuấy đi rằng ông tới đây là để trốn tránh sự bất bớ. Ông quên tình huống bản thân ông. Ông nghĩ tới những lời bà O'Hara nói: "Vì sao họ lại kết án tôi bị thiêu sống?" Lidia, vợ của Petrovici, đã bị xử thiêu. Và Lidia đã bị thiêu thực sự.

"Vì sao người ta đã xử thiêu Lidia?" Petrovici tự hỏi mình "Ai đã kết án nàng? Và lấy quyền gì để kết án nàng? Ai đã kết án Lidia phải bị thiêu sống? Lidia đã bị kết án và đã bị thiêu sống ngay giữa cái thế kỷ Kitô giáo và giữa nền văn minh đang phát triển. Sáu triệu người Do Thái đã bị chết thiêu. Vài triệu người Đức đã bị chết thiêu dưới đồng gạch vụn của những thành phố Đức bị máy bay Mỹ ném bom, cùng với mấy triệu người Nhật, người Ba Lan. Vì sao người ta đã thiêu đốt họ? Ai đã xử án họ, nhằm mục đích nào và vì tội gì? Ngay trong giờ phút hiện tại, có hàng trăm triệu người tị nạn trên mọi nẻo đường thế giới, cả họ cũng đang bị thiêu sống, trên ngọn lửa nhỏ, dần dần: Pierre Pillat, Eddy Thall, Varlaam, Kostaky..."

— Anh có nhớ chuyện Candide không? - Ante Petrovici hỏi - Trường đại học Coimbra đã quyết định thỉnh thoảng đốt một người trên ngọn lửa nhỏ để tránh những trận động đất có thể xảy ra. Ngày nay, hàng triệu người cùng một lúc đang bị thiêu, trên ngọn lửa nhỏ, hoặc lửa to nhằm mục đích cho các Chính phủ duy trì với nhau những mối quan hệ hữu hảo. Một vài ngàn quân du kích Nga đã bị người Mỹ thiêu chết để mối tình hữu nghị giữa ông tổng thống Hoa Kỳ với Staline không bị nhạt phai. Tôi đã đích thị nhìn thấy những chuyện này. Một nửa Châu Âu với tất cả thành phố, làng mạc, người và gia súc đã bị dâng cho quân Nga hủy diệt là để cho người Anh có mức sống cao hơn và cho người Mỹ bán được ở món hàng Coca Cola của họ dễ dàng hơn tại Nga. Nhưng bao nhiêu người đã bị giết, người Anh vẫn không có được mức ăn cao hơn mặc dù họ đã bán cho người Nga những con người của Ba Lan, Hungary, Bungary, Esthonie, Lettonie,

Lithuanie, Phổ, Đức, Albanie... Những nước phương Tây lấy quyền gì để bán cho nước Nga những đất nước nói trên cùng với hàng triệu con người? Người Anh lấy quyền gì để bán cho Nga những người dân nước Lithuanie? Duy nhất chỉ vì những mục đích chính trị. Chính trị, chính là tiếng hát thiên nga của một nền văn minh.

— Hãy bình tĩnh! Anh bạn đồng nghiệp thân mến ơi! - Bác sĩ Rudolf bảo. - Những câu nói của bà O'Hara đáng thương đã gây cho anh một ấn tượng sâu sắc. Tình huống quả là đáng xúc động. Nhưng mà anh phải giữ gìn sức khỏe của anh. Đừng nhìn sự việc bằng con mắt quá bi quan như vậy!

— Bà O'Hara nói đúng. - Ante Petrovici đáp. - Nàng biết mối tai họa lớn của thế giới hiện đại là con người đang bị thiêu sống. Bà O'Hara sẽ không bao giờ bị thiêu sống, nhưng đang cảm thấy mối tai họa đó trong bầu khí quyển tại mọi quốc gia trên toàn cầu. Vợ của tôi không hề sợ, tuy vậy nàng vẫn bị thiêu. Tướng du kích Gisha Costak đâu có biết mình sẽ bị người Mỹ thiêu, nhưng ông ta đã bị người Mỹ thiêu thật. Cái sợ của bà O'Hara là hoàn toàn có căn cứ.

— Nào, nào! - Bác sĩ Rudolf vừa nói vừa nắm lấy cánh tay Ante Petrovici.

Họ lên sân thượng.

— Hàng mấy năm nay, tôi cũng cảm thấy tôi đang bị đốt cháy. - Ante Petrovici nói. - Tôi bị đốt cháy trên ngọn lửa mấy năm nay rồi, bởi vì chân phải của tôi bị ngắn đi vài milimét. Bây giờ thì đám cháy đã bùng lên. Ngày hôm nay, người ta sắp xuống một cái lệnh bắt tôi vì chân phải của tôi hụt vài milimét. Để lần tránh bắt bớ, tôi phải nương mình trong một nhà thương điên. Tất cả những nỗi đó, chỉ vì bàn chân phải của tôi phẳng bẹt.

Ante Petrovici ở lại một mình. Ông cầm tờ báo xem: người ta đang nói đến cuộc chiến tranh thánh của Hoa Kỳ tại Triều Tiên. Tướng Mac Arthur đã làm nên những chiến thắng mới chống Cộng sản. Ở cột báo bên cạnh, người ta đọc thấy: Ông chủ tịch Hội đồng bảo an Liên hiệp quốc - tức người đang chỉ huy cuộc chiến tranh chống Cộng sản tại Triều Tiên là ông Cộng sản Malik. Vậy là Liên hiệp quốc, dưới quyền chỉ huy của Staline do Malik đại diện chống lại Staline. Malik chiến đấu chống Malik. Mac Arthur nhận chỉ thị của Malik để đấu tranh chống lại Malik...

Ante Petrovici giụi mắt. Ông nhìn thấy bà O'Hara.

— Bà có muốn chúng ta nói chuyện một lúc không? - Ông hỏi.

— Không! Tôi chỉ muốn Ngài hiểu tôi. Trước kia tôi đọc rất nhiều. Tôi đã từng yêu nghệ thuật và cái đẹp. Bây giờ tôi không nói được nữa. Tình huống của tôi thật là đặc biệt. Giờ đây khi tôi biết đêm nay tôi sẽ bị người ta thiêu cháy, Ngài bảo tôi làm sao có thể nói chuyện được nữa và cái khủng khiếp nhất là không biết vì sao mình đã bị xử án và không biết ai đã xử án tôi. Một việc tày trời như vậy làm sao lại có thể xảy ra trong một thế kỷ gọi là văn minh được kia chứ? Không ai có thể giúp đỡ cho tôi và đây quả thật là một tấn bi kịch. Không một ai, không một người nào có thể đến cứu trợ tôi. Tôi quan hệ khá rộng rãi, vậy mà chẳng ai làm gì được cho tôi cả.

Ante Petrovici trở vào buồng mình. Ông suy nghĩ. Ông cũng có nhiều quan hệ rộng rãi ở Achentina. Ông quen tất cả những thành viên của Chính phủ. Và chẳng một ai làm gì được để ngăn cản lệnh bắt giam ông. Khi người ta thiêu sống Lidia thì ông đang làm Bộ trưởng bộ Nội vụ. Ông đã không thể làm gì được cho nàng. Chồng của Milostiva Debora Paternik là Quốc trưởng của Quốc gia độc lập và cũng không làm gì được cho bà. Không ai có thể làm gì được cho ai nữa, tai họa lớn quá mất rồi!

Con người bị thiêu đốt dần dần trên ngọn lửa nhỏ. Vị tướng quân du kích Costak là đồng minh của các nước Đồng Minh và các nước Đồng Minh đã không ngăn cản nỗi người ta thiêu sống ông. Không ai có thể làm gì cho ai nữa.

Ante Petrovici cảm thấy cái nhìn của mình nhòa đi, bị đảo lộn. Ông bị choáng, ông nằm dài lên chiếc đi-văng và nhắm mắt lại. Nhưng khi mắt nhắm là lý trí cũng đồng thời tắt đi.

Một đêm tối bao phủ lấy quanh mình ông và giờ đây ông có cảm giác dễ chịu lạ thường. Tinh thần ông đã chết. Và cái chết tinh thần đối với Petrovici chính là một sự hạ xác khỏi cây thập tự. Sự chìm sâu xuống vực tối của ông. Trong bóng tối, có hòa bình và yên tĩnh. Cuộc đóng đinh vào cây thập tự đã chấm dứt rồi. Trong bóng tối, ông cảm thấy dễ chịu. Ante Petrovici không còn bị đóng đinh vào cây thập tự nữa. Lý trí đã đầu hàng và nhường chỗ cho bóng đêm. Ông cảm thấy có một bàn tay đặt lên mình ông. Ông nghe thấy

một giọng nói mà không nhớ đã nghe bao giờ...

— Mọi việc đã được xếp đặt ổn thỏa với các nhà chức trách. Việc khiếu tố anh đã được dập tắt. Phu nhân của Tổng thống đã đích thân can thiệp cho anh. Anh có thể đi lúc nào anh muốn. Anh được ân xá rồi.

Bác sĩ Rudolf Brunn rất sung sướng. Ông cầm tay Ante Petrovici.

— Thắng lợi này đáng cho chúng mình mở nút một chai sâm banh! - Ông ta nói - Đây là một thắng lợi lớn. Acentina là một đất nước tuyệt vời không đất nước nào sánh được. Đó là lý do khiến cho tôi tin tưởng vào tương lai của Acentina. Cái cử chỉ hào hiệp ấy càng tăng thêm vinh dự cho nó. Anh là một con người có phẩm giá cao thượng. Người ta không thể xử án anh vì những chuyện không đâu. Bắt đầu từ hôm nay anh sẽ hạnh phúc. Anh hiểu không, *kollega*^[22]?

Ante Petrovici nhìn lên, thanh thản và thoải mái.

— Anh có vẻ tươi tỉnh hơn - Bác sĩ Rudolf nói. - Anh đã hồi sức lại. Tôi vui mừng cho thắng lợi của anh. Anh xứng đáng chiến thắng. Anh là một bản lĩnh, một bản lĩnh lớn trong mọi lĩnh vực hoạt động của con người: nhà toán học, nhà luật học, nhà bách khoa và giờ đây nhà kỹ nghệ lớn.

— Có đúng trước kia tôi đã ở Nam Mỹ không nhỉ? - Ante Petrovici hỏi.

— Hiện anh đang ở Nam Mỹ. Anh quên rồi sao?

Con mắt của Ante Petrovici mở to, nhìn vào nơi xa xôi. Ante có vẻ mỉm cười. Trước khi nghe câu trả lời, ông đã không còn chú ý lắng nghe nữa.

— *Du bist doch in America*^[23]. - Rudolf cầm tay ông và nói.

Đôi mắt của Ante Petrovici mở to. Ông không nghe gì cả, ông nằm yên tĩnh, chìm sâu trong bóng đêm. Người ta đã hạ xác ông xuống khỏi cây thập tự của mình. Sự đóng đinh vào cây thập tự của ông đã chấm dứt. Lý trí của ông đã chìm vào trong đêm, trong năm mờ, trong bóng tối.

— *Tu es en Amérique du Sud*. - Bác sĩ Rudolf Brunn nói - Anh có nghe tôi nói không? *You are now in South America*.

Nhưng Ante Petrovici không còn hiểu một ngôn ngữ nào nữa. Ông không còn biết gì nữa. Cuộc chiến đấu của ông đã xong... Ông nhìn trong đêm. Lý trí ông đã chìm vào bóng tối.

— Ante, *mein Freund!* - Bác sĩ Rudolf nói - *My friend... mon ami... amigo mio...*^[24]

Nhưng Ante không còn nghe ông nữa. Ông ta sẽ không còn nghe gì nữa, không bao giờ nghe gì nữa.

PHẦN VII

CUỐN SÁCH VỀ SỰ KẾT THÚC

I

Boris Bodnariuk đã rời Paris nhờ có số tiền của ông Voivod. Hắn cũng muốn báo trước cho Bucarest biết, nhưng hắn đã không làm như vậy. Hắn nghĩ khôn ngoan hơn hết là đừng báo cho một ai, cứ việc bí mật trở về rồi tới dự vụ xử án ông Thống soái.

Hắn đi qua nước Pháp. Hắn đi qua nước Đức. Đêm trước khi vượt qua đất Xô Viết, hắn bị quân Mỹ bắt. Hắn bị dẫn đến trước mặt Aurel Popesco, bị thẩm vấn, bị tra khảo để khai báo sự thật. Và khi hắn thấy mình sắp trầm luân đến nơi thì tập trung những nghị lực cuối cùng để trốn. Thoát khỏi một nhà giam Mỹ là đồng nghĩa với một ý đồ tự sát. Vậy mà hắn đã thành công.

Sau khi bầu mình cheo leo dưới một toa tàu hàng, hắn đã theo tàu lọt vào được đất Rumani. Boris Bodnariuk đã băng ngang qua đất Hungary và Ba Lan. Hắn có ý định tới Bucarest mới xuống. Nhưng chuyến tàu đã dừng bánh ở phía Bắc Rumani. Bodnariuk tới trình diện với viên cảnh sát trưởng thị trấn Molda. Đây là cái huyện đầu tiên của Rumani mà hắn đã đưa vào tập thể. Giờ đây, các nông trang tập thể đang hoạt động tại mỗi làng. Đất đai đã được chuyển thành nông trang.

Người ta xây đắp những con đường mới, những nhà máy. Nông dân đã được chuyển thành công nhân.

Boris Bodnariuk nhìn thấy tất cả những cái đó lúc đi ngang qua các làng. Ở Molda đã có một xưởng sản xuất đồ hộp, những máy kéo, một nhà giam xây gạch đỏ và một sân bay.

— Các đồng chí hãy báo cho cấp trên rằng Boris Bodnariuk đã tới trụ sở các đồng chí và yêu cầu được đưa ngay về Bucarest. Tôi chính thức trao bản báo cáo này cho các đồng chí. Tôi đợi ở đây. Tôi không thể nào tiếp tục cuộc hành trình một mình được.

Boris Bodnariuk mặc bộ quần áo rách rưới tả tơi. Chiếc măng tô da của hắn đã bị hỏng. Hắn không có tất chân, không có cả somi. Nhưng hắn lấy làm vui sướng được trở về giữa những người Cộng sản. Được trở về nhà. Bây giờ đây hắn không còn bị bao vây giữa những quân thù nữa. Và bởi hắn không còn luôn luôn phải ở tư thế “ai đó?” nữa, cho nên hắn cảm thấy người kiệt sức, rã rời.

Viên trưởng đồn cảnh sát báo cáo lên cấp trên. Hắn nhường buồng riêng của hắn ta cho Boris Bodnariuk, mang quần áo cho Bodnariuk thay, dọn cho Bodnariuk ăn uống và gọi bác sĩ tới. Nhưng muộn quá rồi. Boris Bodnariuk chỉ muốn có một ly nước và một cái giường. Hắn đang lên cơn sốt và cảm thấy mình không còn đâu hơi sức nữa.

Trưởng đồn cảnh sát Molda là một người Nga trẻ, thuộc lớp vệ binh mới. Hắn ta sung sướng được gặp Bodnariuk. Hắn tự tạo ra cho mình một mối liên hệ quan trọng. Bodnariuk là một nhân vật thần thánh. Viên đồn trưởng cảnh sát biết địa vị của mình có thể có sự đổi thay nhờ Bodnariuk. Hắn ta săn sóc Bodnariuk hết lòng.

Hôm sau, trước khi Bodnariuk thức dậy, viên trưởng đồn đã lên thành phố để đích thân nhận các chỉ thị của cấp trên về vấn đề Bodnariuk. Giám đốc cảnh sát khu vực đã báo cáo bằng vô tuyến lên cho Bucarest nắm được sự việc rồi. Vài giờ sau đã có điện trả lời:

Bucarest không gửi máy bay xuống đón Bodnariuk đâu, ô tô cũng không, xe cứu thương cũng không. Ban Tham mưu đã ra lệnh tiến hành cuộc điều tra thường lệ nhằm xác định căn cước của con người tự xưng là Boris Bodnariuk ấy. Sau đó, cứ theo thủ tục. Đây là lệnh.

— Đồng chí cho rằng ông ta không phải Boris Bodnariuk à? - Viên trưởng đồn cảnh sát Molda hỏi.

— Đồng chí được lệnh điều tra căn cước thật của ông ta và thông báo lên trong báo cáo hàng tháng. Vậy thôi, tôi không thể bình luận gì hơn cả. Nhưng đó là lệnh, có nghĩa là ông khách của đồng chí chẳng có một liên quan nào với Boris Bodnariuk cả. Đó là một gã bịp bợm.

Viên trưởng đồn cảnh sát trở về đồn, bưng bưng nổi giận.

Boris Bodnariuk vẫn còn ngủ. Người ta dựng hắt dậy, gọi vào văn phòng để thẩm vấn.

Bodnariuk đến trước mặt viên trưởng đồn cảnh sát trong bộ quần áo mới nhận hôm qua, với một chiếc somi sạch sẽ. Hắn đã tắm rửa, đã cạo râu, nét mặt hắn tươi tắn hẳn lên. Từ hôm trốn khỏi trại giam của quân Mỹ, hắn chưa một đêm nào được ngủ thật ngon lành. Đây là đêm đầu tiên hắn có được một giấc mơ thực sự. Cơ thể hắn đã phục hồi sức sống kiên cường của nó trước kia. Hắn muốn ngồi. Một nụ cười bằng lòng thoáng hiện trên môi hắn. Rốt cuộc, hắn đã đạt được mục đích.

— Ai cho phép anh ngồi? - Tên trưởng đồn cảnh sát hỏi.

Bodnariuk mà vừa đây được gã viên chức này đối xử như một nhân vật lừng danh. Tưởng y đùa, hắn mỉm cười.

Bàn tay của tên trưởng đồn tát mạnh và má Bodnariuk, một tát bên trái, một tát bên phải. Bodnariuk cắn vào môi và máu từ đôi môi chảy giọt xuống cằm. Hắn cảm thấy trong miệng có mùi vị bạc hà đắng đắng - cái mùi vị hắn đã cảm thấy khi hắn bị rơi cùng với chiếc máy bay.

— Người ta không đùa giỡn tôi được đâu. - Tên đồn trưởng cảnh sát nói - Tôi đã biết hết sự thực.

Hắn lắc chuông. Một dân quân vào, định chào Bodnariuk trước. Nhưng thoáng thấy miệng hắn chảy máu, anh dân quân xấu hổ liền rút tay khỏi chiếc mũ lưỡi trai. Anh ta nhìn viên trưởng đồn.

— Lột hết quần áo, somi, cả vạt nó ra! Lột hết! Để nó mặc lại những tấm giẻ rách của nó! - Tên đồn trưởng ra lệnh. - Sau thì dẫn nó giam vào hầm kín. Mà nhắm mục đích gì mà dám tự xưng là cựu Bộ trưởng và tên là Boris Bodnariuk hả? - Viên đồn trưởng hỏi.

— Tôi không nói dối. Tôi là Boris Bodnariuk.

Tên đồn trưởng nhảy một phát ra khỏi ghế. Hắn toan đánh Bodnariuk. Tên dân quân đã trở lại với gói quần áo rách và ra lệnh cho Bodnariuk cởi chiếc quần ra.

— Lột hết cả somi, giày, tất tần tât! - Tên dân quân bảo.

Bodnariuk làm đúng như lệnh. Hắn cởi trần ra, sau đó hắn xỏ chân vào đôi giày ông rách của hắn, không tất. Hắn khoác tấm áo choàng da lên tấm thân trần và quấn chiếc khăn quàng vào cổ. Hắn mặc lại chiếc quần đen thùng lố của hắn.

— Trả lời! - Tên đồn trưởng ra lệnh.

Một dòng máu chảy từ trên môi xuống tận cằm Bodnariuk, nó cũng đỏ như chiếc khăn quàng của hắn trước kia. Giờ đây nó chẳng còn màu gì ra màu gì, nó bầm. Bodnariuk một lần nữa trở lại rách rưới, bị đánh đập, cảm thấy lần đầu tiên trong đời mình bị người ta làm nhục đến thế.

— Tôi là nạn nhân của một sai lầm nào đây. - Hắn nói (hắn cố kìm nén sự nổi loạn của mình) - Tôi là Boris Bodnariuk và tôi chỉ nói sự thật.

Tên đồn trưởng nhìn tấm ảnh của Bodnariuk trên một tờ báo cũ và so sánh với nét mặt của con người đang đứng trước mặt hắn. Rất giống. Nhưng cái đó không chứng minh rằng hai người là một.

— Tôi muốn biết sự thật đầy đủ. Tôi không muốn tỏ ra lỗ bịch trước mặt cấp trên. - Tên cảnh sát nói - Trong lúc tiếp chuyện hôm qua tôi có nhận xét rằng anh không đến nỗi ngu si lắm. Anh còn thông minh hơn nhiều người khác. Anh hãy nói thực cho tôi biết vì sao anh đã dám mạo xưng là Boris Bodnariuk, cựu Bộ trưởng Quốc phòng tranh? Anh đã bịa ra câu chuyện đó nhằm mục đích gì?

— Tôi chỉ nói hoàn toàn sự thật. - Boris Bodnariuk nói.

— Nếu như anh và Boris Bodnariuk là một, thì Bucarest đã gửi máy bay tới đón anh về. Nhưng Bucarest đã chẳng gửi máy bay, gửi xe gì tới cả. Bucarest yêu cầu chúng tôi lập căn cước thật của anh. Anh hiểu chưa? Căn cước thật của anh! Anh là ai? Một cựu Bộ trưởng dù có phạm tội đi chăng nữa vẫn được đưa về Bucarest hoặc Moscow. Tại đó, người ta làm một việc thẩm tra. Và nếu ông ta là kẻ phạm pháp thì người ta treo cổ. Còn anh, chúng tôi đã nhận được lệnh giữ anh lại tại chỗ để điều tra căn cước. Chỉ vịn vịn thế thôi. Với một cựu Bộ trưởng, không bao giờ người ta xử lý như vậy. Tôi muốn biết sự thật.

Tên đồn trưởng bước tới cạnh Bodnariuk.

— Người ta không cả bảo tôi dành một chế độ gì đặc biệt cho anh. Phiếu bình thường như mọi người thôi.

— Đây là một sự lầm lẫn! - Bodnariuk đáp. - Một sự lầm lẫn nghiêm trọng.

— Không, làm gì có chuyện lầm lẫn! - Tên đồn trưởng nói. - Cái lầm lẫn duy nhất là cái lầm lẫn của tôi, bởi vì tôi đã tin cái điều anh nói hôm qua. Đó, lầm lẫn là ở chỗ đó. Cái lầm lẫn lớn nhất trong cả đời công tác của tôi.

Hai cái tát mạnh lại giáng vào má Bodnariuk. Hắn lão đảo. Tên đồn trưởng bắt đầu nện những quả đấm lên đầu Bodnariuk. Hắn ngã nhào xuống đất. Hắn cảm thấy có những mũi giày đá vào đầu, vào hông, vào ngực hắn. Cái gót giày giẫm đạp lên hắn nóng lắm. Hắn cảm thấy cái chân nóng của tên cảnh sát qua làn da của đôi giày.

— Tao muốn mày thú nhận sự thực với tao. - Tên đồn trưởng hét.

Bodnariuk có cảm giác người ta nâng bổng hắn lên đưa ra khỏi văn phòng. Rồi hắn thấy mình bị ngạt thở. Hắn bị ném xuống nền xi măng. Người ta đã đặt lên ngực hắn một mảnh ván để khỏi làm gãy xương sườn, rồi một tên dân quân đứng lên trên mà chà mà đạp.

Boris Bodnariuk không rõ cái hành vi dã man đó kéo dài bao nhiêu lâu. Khi tỉnh dậy, hắn thấy mình bị đặt nằm trên hai chiếc ghế. Họ đang đánh hắn, đang nện vào lòng bàn chân hắn. Lòng bàn chân hắn đau như bị một tấm sắt nung đỏ áp vào. Hắn cảm thấy bị cháy suốt lên tận đỉnh đầu. Óc não hắn bị nát như thể tấm sắt đỏ cũng dí vào óc não hắn vậy.

Khi hắn ngã lăn ra đất thì những vết cháy cũng chấm dứt.

— Tao muốn sự thật! - Tên đồn trưởng nhắc lại.

Cái giọng nói ấy cũng làm cho Bodnariuk đau nhói không kém gì những quả đánh vào gan bàn chân.

— Nếu mày không nói sự thật, tao giết mày. Tao giết mày ngay tại chỗ! Và chẳng ai biết là tao giết! Nếu mày muốn cứu lấy cái thân của mày thì hãy nói sự thật!

Boris Bodnariuk muốn nói lại rằng đây là một sự lầm lẫn, nhưng hắn không còn hơi sức nói nữa. Và lại hắn cũng không biết có phải đây là một sự lầm lẫn hay không. Hắn chỉ biết hắn không còn có khả năng chịu đựng nữa rồi. Chỉ muốn chết chứ không muốn bất cứ điều gì khác nữa cả.

Khi hắn mở mắt ra lần nữa thì thấy mình đang ở trong một xà lim kín, nằm ngay trên nền xi măng. Xà lim trống trải, không giường, không có gì. Chỉ có những bức tường, những song sắt và cái nền xi măng trên đó hắn đang nằm. Hắn nhìn xung quanh lâu lắm, rồi hắn chẳng nhìn gì nữa, hắn không nhìn thấy bàn tay, không nhìn thấy ngực của mình. Hắn mân mê sờ lên môi, lên mặt. Hắn cảm thấy nó là của hắn nhưng lại có cảm giác như mới phát hiện ra nó là những vật xa lạ. Hắn sờ lên trán. Mí mắt, làn môi, đôi má, cái ngực đều nhót nhát và đau. Boris Bodnariuk lấy ngón tay sờ vào mí mắt. Mắt trái nhắm. Chết. Hắn nhìn thấy ánh sáng bên ngoài nhưng chỉ bằng con mắt phải.

Trên các bức tường xà lim người ta đã vẽ đầy những hình thập tự. Boris Bodnariuk đã nhìn thấy bằng một con mắt. Đó là những hình thập tự vẽ lên thạch cao bằng móng tay. Cũng có một cái tên nữa: *Ileana Kostaky*. Một hình thập tự trước cái tên, và sau cái tên là một hình thập tự khác. Boris Bodnariuk không nhìn nữa. Những người Kulăc^[25] khi họ ở tù thường có thói quen vẽ những hình thập tự lên tường.

Cánh cửa xà lim mở ra, và Bodnariuk có cảm giác người ta nâng bổng hắn lên và diu hắn ra phòng làm việc của tên đồn trưởng cảnh sát. Giờ đây, tên cảnh sát đã bình tĩnh. Hắn nhìn tấm áo choàng da của Boris Bodnariuk. Chỉ là một tấm giẻ rách. Chiếc khăn quàng đỏ cũng không còn màu đỏ nữa. Những đầu ngón chân tê cứng thò ra ngoài mũi giày há mồm.

Boris Bodnariuk không cạo râu, một mắt hắn vẫn nhắm. Người hắn đầy máu, và cái sẹo trên trán hắn giờ đây có vẻ như rộng hơn và đỏ hơn.

— Ta tổng kết lại, đồng chí Bodnariuk? - Tên cảnh sát nói - Có đúng đó là cái tên đồng chí đã chọn cho mình đấy chứ?

— Đó là tên tôi.

— Một cái tên, rất quen thuộc trong lịch sử của Đảng Cộng sản. - Tên cảnh sát nói - Đó là tên của vị cựu Bộ trưởng Chiến tranh, cái tên một vị anh hùng của cuộc đấu tranh giai cấp, của một vị tướng Hồng

quân. Một cái tên có mặt trên mọi tờ báo. Tìm một cái tên như thế này chẳng khó khăn gì. Ai cũng biết mà. Ta hãy qua sự việc thôi, và xem xét từng sự việc một.

Bodnariuk cố gắng tập trung hết nghị lực của mình. Hắn đã không nghĩ đến trường hợp của hắn. Hắn chỉ mong muốn rơi được chút ánh sáng vào vấn đề này. Hắn chăm chú lắng nghe.

— Khi đến đây, đồng chí có một số lời khai. Yêu cầu đồng chí khai lại.

— Sau khi trốn khỏi trại giam của quân Mỹ, ở Heidelberg, tôi đã bí mật lên tàu đi cho tới lúc tàu đổ lại mới xuống và đi thẳng về đồn. Trong bản báo cáo giao cho đồng chí, tôi đã ghi rõ từng chi tiết cả cái thời gian biểu của tôi từ lúc bị tai nạn máy bay cho tới ngày hôm nay. Và lại dễ thôi: đồng chí có thể đối chiếu với những người cộng tác của tôi, so sánh những bức ảnh của tôi, mọi người ai cũng đều biết cả. Người ta có thể xác nhận cả giọng nói của tôi qua điện thoại. Sau khi bị tai nạn, mặt tôi có bị biến dạng ít nhiều, quả vậy, nhưng cái đó không trở ngại gì đến việc xác minh căn cước của tôi. Tất cả những điều tôi yêu cầu có thể. Tôi cũng đã yêu cầu cho tôi được về ngay Bucarest vì tôi có một công việc quan trọng cần thực hiện tại đây.

— Tôi tìm thấy cái đoạn sau đây trong tờ báo cáo mà đồng chí đã viết:

Sứ mệnh của tôi (diệt tên Thống soái của Quốc gia những người Slaves phương Nam) đã thất bại do tai nạn máy bay mà tôi là người duy nhất sống sót. Tại bệnh viện quân sự mà người ta dẫn tôi tới, tôi đã thấy một người bạn học cũ của tôi là Pierre Pillat - cũng đến sau tôi một lúc. Tôi nghĩ ngay là người ta dẫn Pierre Pillat đến để xác minh lý lịch của tôi. Tôi lập tức trốn khỏi viện, bởi vì các sĩ quan Xô Viết ở Vienne tới thăm tôi đã ra lệnh cho tôi tránh đừng để ai xác minh được tôi là ai. Tôi bèn qua Pháp. Trong thời gian này tôi lấy tên là Boris Neva. Các sĩ quan Xô Viết đã yêu cầu tôi cứ giữ cái tên đó. Tôi đã chấp hành mệnh lệnh và tôi chỉ nói tên thật của tôi một khi đã trở về đất Xô Viết tại Molda. Sở dĩ tôi đã vội vàng rời Paris trở về là để hoàn thành một nhiệm vụ mà tôi được giao phó trong vụ án ông Thống soái.

Tên cảnh sát dừng lại.

— Nhiệm vụ ấy là gì?

— Nhiệm vụ do Đảng giao phó và tôi đã nhận được qua các sĩ quan Xô Viết đã đến thăm tôi tại bệnh viện. Trong vụ án này, tôi đóng vai người bị cáo chính. Tôi phải tự buộc tội bản thân tôi để tố giác tất cả những chuyện phản bội của tên Thống soái. Tôi đã chịu mọi sự hy sinh để khỏi đến chậm trễ. Tôi biết lợi ích của Đảng đòi hỏi phải tổ chức vụ án một cách khẩn trương. Và tôi hy vọng sẽ tới kịp thời tại Bucarest. Vì Đảng, tôi đã nhận một sự hy sinh cuối cùng: hy sinh tính mạng.

— Chúng tôi hiểu rõ sự việc này. - Tên cảnh sát nói, giọng mỉa mai. - Đồng chí phải đóng vai tên đồng lõa số một của tên Thống soái, phải không? Đồng chí tưởng rằng người Xô Viết phải tạo ra những thằng phản bội và dựng lên những tòa án giả ư? Đồng chí lý giải sao cho xuôi những lời khai đó? Đồng chí tưởng các Xô Viết phải chọn những kẻ vô tội để biến thành người bị cáo trong các vụ án trò hề sao? Đó là những luận điệu tuyên truyền chống Cộng sản, đó là một cử chỉ khiêu khích, một sự nói xấu.

— Một bọn phản bội vẫn thoát được đấy, như Trosky và tên Thống soái chẳng hạn. Tuy vậy vẫn cứ phải xét xử và kết án. Nhiệm vụ chính trị đòi hỏi phải làm như vậy. Người ta luôn luôn tìm thấy những phần tử ưu tú trong dân sẵn sàng hy sinh mạng sống của mình, dùng biện pháp tự buộc tội mình để tố cáo trước công luận các giai đoạn khúch mắc của tội ác phản dân hại nước.

— Đó là luận điệu tuyên truyền phản bội! - Tên đồn trưởng cảnh sát nói. - Các Xô Viết không bao giờ làm những vụ án như vậy. Các Xô Viết bao giờ cũng bắt và xử những tên tội phạm thực sự. Kẻ nào bênh vực cho những điều trái lại chính là kẻ phản bội, là kẻ thù phản động. Các Xô Viết đã tóm cổ mọi tên mưu phản của bè lũ tên Thống soái kia lâu rồi. Khi đã tóm được bọn chúng rồi thì cần gì phải sử dụng những tên tội phạm giả vờ và phải yêu cầu đồng chí tự buộc tội mình vì một tội ác do người khác phạm?

— Bọn đồng lõa của tên Thống soái đang ở cả bên kia biên giới mà! - Bodnariuk nói.

— Từ năm 1942, cảnh sát Xô Viết đã để mắt tới tất cả những bọn đồng lõa của tên Thống soái đó. - Tên đồn trưởng đáp - Chúng nó bị theo dõi trên nhiều năm nay. Những cuộc trao đổi điện thoại của chúng đều bị nghe trộm, không một tên nào chạy trốn nổi. Tất cả đều bị bắt. Tên đồng lõa số một là hung thủ người Hungary Rajk. Mọi tờ báo đã đăng lời khai của họ. Đây, đọc đi!

Boris Bodnariuk xem những tiêu đề trên các tờ báo để ở bàn của tên cảnh sát.

— Rajk đã thú nhận đầy đủ. - Tên cảnh sát nói. - Sao đồng chí lại còn muốn các Xô Viết cần thiết phải dựng lên một vụ án giả vờ làm gì nữa khi Rajk đã bị bắt và đã khai báo hoàn toàn không thiếu một chi tiết nào? Đồng chí giải thích lời tuyên bố tội lỗi ấy như thế nào đây?

Bodnariuk thấy ngay ở trang đầu tấm hình của Rajk, đồng sự của hắn tại Budapest, đang đứng trước các quan tòa.

Tôi đã phạm tội đồng lõa với tên thống soái ở Quốc gia những người Slaves phương Nam nhằm thiết lập một liên bang Đông Nam châu Âu và đặt nó dưới sự thống trị của Anh-Mỹ.

Cái đầu đề bài báo viết như vậy.

— Đồng chí thấy rằng trung tâm vụ phản bội của tên Thống soái là ở Budapest chứ không phải Bucarest. Các Xô Viết đã biết chuyện đó từ nhiều năm nay rồi. Các Xô Viết rất cảnh giác. Người ta đã bắt bọn mưu phản vào lúc thích hợp. Rajk đã thú nhận toàn bộ.

Boris Bodnariuk là một người bạn tâm giao của Rajk. Họ từng cùng nhau là sinh viên tại Viện Hàn lâm đỏ Moscow. Rồi họ đã gặp nhau trong các kỳ đại hội. Rajk là một đảng viên Cộng sản hoàn hảo. Boris Bodnariuk không bao giờ nghi ngờ bạn. Rajk cũng trung thành với chủ nghĩa Cộng sản như chính hắn.

“Khi mình rời khỏi bệnh viện,” Bodnariuk suy nghĩ, “không để lại một dấu hiệu gì là mình còn sống, thì các Xô Viết đã coi như mình mất tích. Vụ án tên Thống soái vẫn phải tiến hành. Điện Kremlin đã quyết định phải chọn một anh hùng khác. Rajk đã nhận trách nhiệm đóng thay vai người ta đã trao cho mình - vai người bị cáo chính và đồng lõa của tên Thống soái. Vụ án đã được di chuyển từ Bucarest sang Budapest chỉ vì lý do không có mình ở Bucarest. Rajk đã đóng cái vai của mình. Anh là diễn viên đóng thay mình, vậy thôi. Người ta đã tổ chức buổi biểu diễn tại Budapest chứ không phải ở Bucarest như dự định ban đầu.”

Bodnariuk không để lộ suy nghĩ của mình. Hắn vui sướng vì vai của hắn đã được một người khác thay thế. Người đó chắc là đã đóng vai mình với một tài nghệ bậc thầy. Rajk không phải là một tên phản bội. Rajk là một anh hùng.

— Tên tội phạm Rajk từ lâu đã làm gián điệp cho bọn tư bản. - Tên cảnh sát nói. - Hắn đã thú nhận đầy đủ.

“Đó là điều mà người ta có thể đã nói về mình”. Bodnariuk suy nghĩ. “Tất cả mọi người có thể sẽ tin rằng mình là tên tội phạm thật. Quần chúng tin. Những vụ án ấy thực tình là có hiệu quả”.

— Đồng chí có thừa nhận là mình nói dối và tất cả câu chuyện vụ án kia là sản phẩm của trí tưởng tượng hoang đường của đồng chí không nào?

— Tôi thừa nhận! Tôi đã nói dối! - Bodnariuk nói. Hắn biết rằng mục đích lớn đã đạt được.

— Sau những lời nói dối đó, còn ai có thể tin vào những lời khai của anh. - Tên cảnh sát hỏi.

— Người ta có thể tin vào những điều tôi khẳng định. - Bodnariuk đáp.

— Anh sẽ ký một bản tuyên bố qua đó anh thừa nhận toàn bộ câu chuyện về vụ án là dối trá. Thêm một câu hỏi nữa. Tên thật của anh là gì?

Đây là thời điểm nặng nề nhất của đời hắn. Hy sinh tính mạng đi còn dễ hơn là tự phủ nhận mình.

— Tên tôi là Boris Neva. - Boris Bodnariuk đáp. Hắn đã nói không suy nghĩ.

Ở phương Tây, hắn đã lấy tên là Boris Neva. Vì vậy hắn nhắc lại.

— Thực tên tôi là Boris Neva.

— Thôi đừng bỏ láo nữa! - Tên cảnh sát quát - Neva là tên một nữ anh hùng lớn. Đó là tên bà nội cuộc Cách mạng chúng ta. Neva không phải là cái tên sinh ra để khoác cho một thằng du thủ du thực loại mày, một cái thùng rác rưởi, một thằng khốn nạn, nghe chưa?

Bodnariuk cắn môi. Cho đến hôm nay, hắn không biết rằng hắn tha thiết gắn bó với cái tên của mình đến thế.

— Nào, tên thật mày là gì, nói? - Tên cảnh sát quát.

— Boris Bodnar? - Boris Bodnariuk nói.

Đây là lần đầu tiên từ bao nhiêu năm nay hắn nói thật tên mình. Hắn khai lên cái tên thật của hắn mà hắn đã bỏ đi, với một niềm tin sâu sắc.

— Thực tế tên gọi của tôi là như vậy: Boris Bodnar. Tất cả những tên gọi khác của tôi đều là giả, là

những sản phẩm của óc tưởng tượng của tôi, những cái tên bịa đặt.

— Bây giờ thì cắt xéo! - Tên cảnh sát ra lệnh. - Và chấm dứt những chuyện dối trá từ hôm nay. Không ai có thể khoác tên một người khác được! Nếu mày là Bodnar thì xưng là Bodnariuk làm gì? Nếu mày là Bodnar thì sao lại để người ta gọi là Neva làm gì? Đó là những cái tên của những vị anh hùng. Đó không phải là cái tên cho những kẻ tầm thường. Bọn tầm thường bị nện vào đầu thì kêu, bị đánh đập thì chảy máu. Bodnariuk và Neva đều vượt lên trên sự đau đớn, vượt lên trên chính bản thân mình. Đó là những anh hùng Xô Viết. Mày là Bodnar. Bodnariuk và Neva là một chuyện khác, hoàn toàn khác. Trong trường hợp mà chúng tao không phát hiện ra mày là một tên tội phạm và nếu mày không tiếp tục nói những điều dối trá, chúng tao sẽ tống cổ mày vào trại cải tạo lao động vì tội vô nghề nghiệp, lang thang. Trong đất nước Xô Viết, cả bọn lang thang cũng có dịp may để lao động cho sự nghiệp chung. Vậy là mày sẽ được đưa vào một trại cải tạo nào đó với điều kiện, tao nhắc lại, mày không phải là một tên hung thủ.

II

Boris Bodnariuk bị đưa vào nhà tù xây bằng gạch đỏ của Molda. Qua song cửa sắt, hắn có thể nhìn thấy sân bay Piatra - nơi hắn đã lên máy bay đi tiêu diệt tên Thống soái người Slaves phương Nam và cũng là nơi mà Anatole Barsov bỏ trốn. Boris nhìn tất cả những cái đó bằng một con mắt. Con mắt kia, mắt trái, chết rồi. Hắn nhớ tới Paris, nhớ tới sứ quán Xô Viết mà hắn không làm sao bắt liên lạc được sau khi trở về, đến những cố gắng của hắn nhằm có mặt tại vụ án Bucarest mà hắn đã đến quá muộn màng. Hắn đã được Rajk thay thế. Vụ án đã được xử tại Budapest chứ không phải tại Bucarest. Boris hiểu tất cả những điều đó, nhưng có một điều hắn không làm sao hiểu nổi là việc Bucarest đã bỏ rơi hắn ở đây, trong cái làng quê heo lánh này cho một tên cảnh sát tùy nghi hành hạ?

“Đây là một sự lầm lẫn!” Bodnariuk tự nhủ. “Nếu ta bị tình nghi chuyện gì thì người ta phải dẫn ta về Bucarest và thẩm vấn. Ta sẽ phải xét xử và kết án chứ. Rõ ràng có một sự nhầm lẫn, không nghi ngờ gì nữa!”

Bodnariuk nhìn ra sân bay Piatra. Hắn rất muốn biết mình đã sai phạm điều gì. Hắn có cảm giác tội lỗi nhưng không tìm ra cái tội của mình.

Bodnariuk nghĩ rằng giờ đây hắn đã được ghi tên vào sổ tù dưới cái tên thật của hắn, Boris Bodnar. Người ta đã cách chức hắn, lột hết mọi quyền hạn, lột hết cả quân hàm, ngạch bậc của hắn. Người ta đã tước đi của hắn cái tên Bodnariuk. Bây giờ tên hắn là Boris Bodnar như lúc hắn ra đời. Chính với cái tên ấy mà hắn đã trốn sang Nga. Bây giờ cũng như thuở trước đó, hắn trở lại rách rưới, như hết khi hắn bị đuổi khỏi trường quân sự Kichinev. Hoàn toàn y hệt như vậy.

Tất cả mọi công trình xuất sắc của hắn như cải tạo khí hậu, thành lập đạo quân du kích, Cộng sản hóa Rumani, cải tạo lại quân đội... đều do Bodnariuk thực hiện hoàn thành. Hắn có cảm giác Bodnariuk là một con người nào khác, một con người xa lạ. Hắn đã trở lại là Boris Bodnar, tức chính bản thân hắn lúc đầu. Hắn đã trở lại với những bộ áo quần tả tơi hắn đã từng mặc trước khi hắn trở thành Bodnariuk, trở lại với chuyện bị đuổi học trước khi là Bodnariuk, với sự cô đơn trước kia. Hắn đã lấy lại cái tên của hắn trước ngày hắn làm nên cả một thiên huyền thoại. Thực ra, Bodnariuk chỉ là một ảo ảnh. Còn hắn, hắn là Boris Bodnar. Trong hầm tối của hắn, cô độc, rách rưới, bị mọi người xua đuổi, ốm đau, bị đánh đập, hắn chỉ còn lại là một con người. Boris Bodnar là một con người. Hắn cảm thấy mình già. Hắn đau đớn trong cơ thể của hắn. Hắn cũng đau cả trong tâm hồn.

“Trước kia, chỉ có Boris Bodnar là thực,” hắn nghĩ, “và khi mình chết thì chính là Boris Bodnar sẽ được đem đi chôn, bởi vì Bodnariuk sẽ không chết bao giờ. Bởi Bodnariuk là một huyền thoại. Nó đã xuất hiện chứ không phải sinh ra và sẽ không thể nào chết được.”

Hắn đã tranh đấu suốt đời cho vinh quang của Bodnariuk. Và chẳng làm gì cho Boris Bodnar.

Hắn nghe thấy những tiếng kêu ở xà lim bên cạnh. Hắn lắng tai nghe. Hai người đàn bà đang gây chuyện cãi cọ nhau, một người còn trẻ, giọng the thé quả quyết, và một bà già. Họ đánh nhau. Boris nghe tiếng bọn gác tù mở cửa xà lim hai người đàn bà.

— Bà ta muốn để ngỏ cửa sổ xà lim! - Giọng trẻ nói. - Từ sáng nay, từ lúc tôi vào, bà ấy không chịu đóng cửa sổ.

— Nếu đóng cửa sổ lại, tôi sẽ tự tử. - Bà già trả lời. - Hàng bao nhiêu năm nay trong tù, tôi có bao giờ bị đóng băng chút nào đâu? Chị ta còn trẻ và chỉ mới vào đây vài tiếng đồng hồ. Chị ta cũng sẽ chẳng đóng băng đâu mà sợ, dù mọi cửa sổ có mở toang ra.

Bà già khóc.

Bodnariuk nghe tiếng bọn gác tù muốn đóng cửa sổ lại. Chúng bảo rằng quy chế nhà tù bắt phải đóng cửa sổ. Bà già liền lăn xả vào bọn gác. Chúng đánh bà, bà ngã xuống. Bà lại đứng lên và lại toan mở cửa sổ. Bà lại bị đánh nữa. Bà kêu lên.

Bodnariuk nghe tiếng đầm thui thui, những cái tát vào mặt và những tiếng gào. Sau đó, người ta lôi bà ra khỏi xà lim.

Bà là Ileana Kostaky. Bao giờ bà ta cũng chỉ có một mình trong xà lim của bà tại Molda. Đó là một nữ tù nhân yên tĩnh, không gây chuyện với bọn lính gác bao giờ. Bà ta cầu nguyện và nhẫn nhục chờ đợi. Đêm vừa rồi lại có thêm những vụ bắt bớ mới và người ta đã đưa một người đàn bà khác vào xà lim của Ileana Kostaky vì trại giam thiếu chỗ.

Bodnariuk lắng nghe giọng nói của người đàn bà phân trần với bọn lính gác. Bà già nói rằng chồng bà ta đã trốn vào rừng. Bà không hy vọng gì còn được gặp chồng vì bà ta đã bị kết án tù mười lăm năm và bà ta biết mình sắp chết trong nhà tù. Nhưng ngay từ hôm đầu tiên bà ta để cửa sổ mở cả ngày đêm. Bà ta tưởng tượng rằng nếu chồng bà chết thì linh hồn ông sẽ đến với bà dưới dạng một con chim câu để cùng bà nói lời vĩnh biệt. Bà để cửa sổ ngỏ để hồn của chồng bà vào được trong xà lim.

Người ta đưa bà già vào trở lại. Người ta đã đánh đập bà. Người ta đã trói cả chân tay bà để bà khỏi bò ra cửa sổ.

— Tôi phải mở cái cửa sổ này ra. - Bà ta thét. - Nếu chồng tôi chết, hồn ông không thể nào vào được tại đây để vĩnh biệt tôi. Và tôi sẽ không biết là chồng tôi đã chết vì hồn ông vẫn ở trên đời.

Bà Ileana cầu xin người bạn trẻ mở cửa ra cho bà. Chị ta từ chối.

Bọn lính gác trói bà vào giường.

— Tôi đã mở cửa sổ trong bao nhiêu năm nay và tôi có chết rét đâu, kể cả những ngày giá lạnh đến nứt nẻ đá. Tôi không muốn cho người ta đóng cửa sổ. Tôi không muốn bị cách ly với chồng tôi, ít nhất trong lúc chồng tôi chết tôi muốn chồng tôi đến được với tôi. Tôi chờ chồng tôi. Nếu cửa sổ đóng, chồng tôi không vào được. Tôi phải chờ chồng tôi. Nếu có gì xảy ra cho chồng tôi, tôi phải biết. Các người không có quyền gì chia rẽ tôi với chồng tôi!

Bọn lính gác cười. Ileana Kostaky bị trói vào giường. Người nữ tù nhân trẻ cũng cười.

— Tôi phải đợi chồng tôi bên cửa sổ để ngó. - Ileana gào lên. - Nếu các người đóng lại thì chồng tôi không vào được.

Boris Bodnariuk ngả mình ra giường. Hắn không muốn nghe những tiếng kêu gào của người đàn bà nhà quê nữa; nhưng hắn nghe những tiếng gõ ở buồng bên cạnh. Để chừng đã hơn hai tiếng đồng hồ Ileana bị trói và cửa sổ buồng bị đóng.

— Bà già chết rồi! - Người nữ tù nhân trẻ kêu lên và gọi bọn lính gác. - Tôi không muốn ở cùng xà lim với người chết. Tôi sợ.

Ileana đã chết vào lúc bọn lính gác đóng hẳn cánh cửa sổ lại. Bà là vợ và sứ mệnh bà là phải đợi chồng. Và bởi bà không còn hy vọng được trông thấy chồng khi chồng còn sống, nên bà đã mở cửa sổ ra để đợi chồng sau khi chồng chết. Khi cánh cửa sổ bị đóng lại cũng là Ileana Kostaky nhắm mắt lìa đời, bởi bà không còn chuyện gì làm trên đời này nữa. Bởi cuộc đời bà đã trở thành vô ích khi bà không còn có thể đợi chờ chồng ở giây phút lâm chung. Sứ mệnh làm vợ của bà đã chấm dứt.

Bọn lính gác đã lôi xác bà Ileana đi và đem chôn dưới lớp đất giá băng ngay cạnh cái nhà tù chật ních những người. Linh hồn bà - nếu thực tế có như lòng bà mong ước - đã rời bỏ cái lồng ngực già nua của bà để băng qua núi cao biển rộng đi tìm Ion Kostaky và nói với nhau những lời vĩnh biệt trên trái đất này. Nhưng chẳng ai biết sự thật về những câu chuyện trên đây. Không một người nào, không một linh mục nào biết được.

Tất cả những gì mà những người chứng kiến và bọn lính gác biết được về cái chết của Ileana Kostaky chẳng có bao nhiêu. Họ chỉ biết rằng thi hài lạnh giá của bà được cởi xiềng và đặt xuống trong lòng đất lạnh giá, và trên cái xác không hòm ấy người ta đã ném lên một vài nắm đất trộn tuyết và băng... Rằng những chiếc xiềng xích tay chân Ileana Kostaky đã được lau chùi và cất đi cẩn thận trong phòng gác, treo trên một chiếc đinh để lại đem dùng cho một tù nhân khác. Tất cả chỉ có thế, nhưng mà quá ít. Quá ít để nói là tất cả.

III

Boris Bodnariuk đã đạt được sự bình yên và thư thái tâm hồn của những kẻ từ bỏ cuộc sống trần gian để hướng về một lý tưởng. Hắn biết tất cả những cái gì của một người Cộng sản đều thuộc về Đảng. Dù người ta có lột đi mọi thứ của hắn vì lầm lẫn hay vì chủ định, cái đó không có gì quan trọng: Đảng có quyền lấy đi tất cả - còn hắn thì không có quyền kêu khổ vì Đảng đã lấy đi tất cả mọi cái của hắn. Lúc đầu, hắn cũng hơi ân hận vì không còn được mang cái tên Boris Bodnariuk nữa. Bây giờ thì hắn lấy chuyện đó làm tự hào. Hắn từng chứng kiến bao nhiêu cái tên bị tước đoạt. Chỉ có những cái tên nổi tiếng mới bị tước đoạt đi. Khi các anh hùng Cộng sản Đức, Pháp, Tây Ban Nha đến Nga, người ta tịch thu những cái tên anh hùng của họ trước hết. Họ được nhận những cái tên khác thay vào. Những cái tên chiến thắng và vinh quang của họ không phải là của cá nhân nào mà là của Lịch sử và Tập thể.

Những kẻ mới đến là những con người bằng xương bằng thịt, có thể say rượu, có thể gây ra những scandale, có thể sinh sự với nhau như tất cả mọi người. Sẽ là vô lý và bất công nếu như cứ để họ mang những cái tên anh hùng và cho phép họ phạm tội lỗi với những cái tên anh hùng đó. Vậy thì cái tên phải được tước đi, để riêng ra trên các ngăn tầng của Lịch sử. Con người mang những tên đó có thể già đi và làm bất cứ việc gì, với những cái tên khác, không thể với cái tên của một anh hùng.

Bodnariuk tự hào vì tên hắn được giữ gìn trong Lịch sử, còn bản thân hắn thì cứ tiếp tục cuộc đời với một cái tên tầm thường, một cái tên không có huyền thoại.

Có người nào đó thì thâm ngoài cửa buồng hắn:

— Người ta vừa bắt Thánh Angelo!

Bước chân đi xa và giọng nói nhắc lại cái thông báo ở các cửa xà lim khác.

— Thánh Angelo đã bị bắt!

Giọng nói vọng đến nhỏ dần trước cửa những xà lim ở cuối hành lang.

Boris biết rằng tất cả những người bị giam trong cái nhà tù gạch đỏ của Molda đều là những kẻ thù của các Xô Viết. Hắn không muốn tham gia vào cuộc sống của họ. Họ là những kẻ thù của hắn và hắn muốn đứng xa họ ra.

“Đây là một khẩu hiệu của bọn phản động trong nhà tù đây!” Hắn tự bảo.

Giọng nói một lần nữa lại vang đến trước cửa hắn, và lần này nó nói thẳm qua lỗ khóa rằng “Thánh Angelo đã bị bắt”.

Bodnariuk chú ý lắng nghe, tai dán chặt vào tường. Trong xà lim bên trái, có nhiều tù nhân, nhưng người ta chỉ nghe có một giọng nói:

— Thưa cha, cha có nghĩ rằng linh hồn của Ion Kostaky sau khi chết sẽ về dưới hình dạng một con chim bồ câu để vĩnh biệt vợ mình trong hầm kín giam bà ta không? Nhà Thờ có dạy những điều như vậy hay không?

— Ileana tin như vậy. - Linh mục Thomas Scobai đáp.

— Lòng tin ấy có hay không có căn cứ, thưa cha? Hay nó là một tà thuyết dị giáo? - Người tù nhân hỏi.

Bodnariuk muốn biết xem ông linh mục sẽ trả lời phải hay không phải.

— Lòng tin sắt đá của Ileana rằng linh hồn chồng bà sẽ tới tìm bà trước khi rời xa trái đất, cái ý chí của bà sẽ đợi và thức chờ với cái cửa sổ để ngó, ngày nào cũng như ngày nào, mùa hè cũng như mùa đông, đã bắt nguồn từ lòng yêu mến chồng, từ lòng thủy chung và bồn phận làm vợ của bà, bồn phận đó là chờ đợi, chịu đau khổ và không để cho sự lãng quên chiến thắng được mình. Đó là những đức tính cao đẹp nhất của người đàn bà. Nếu như niềm tin xuất phát từ những đức tính đó là giả tạo thì Chúa phép tắc vô cùng cũng sẽ tha thứ cho bà vì bà tin vào một điều sai do quá yêu thương, do quá trung thành và quá nhẫn nhục.

Vị linh mục nói tiếp:

— Cầu xin Chúa ban ơn lành cho Ileana Kostaky và cho linh hồn bà được lên thiên đường, nơi chẳng có bóng đêm và nước mắt, mà chỉ có cuộc sống vĩnh hằng bất tận. *A men!*

Trong xà lim của mình, Boris Bodnariuk đã quyết định nhẫn nhục chịu đựng, chấp nhận tên mới của mình và không phản kháng nữa. Trong trường hợp mà tất cả mọi sự việc không hay đã xảy đến cho hắn từ hôm hắn trở về Rumani là hậu quả của một sự lầm lẫn, thì nhất định các Xô Viết sẽ gọi hắn trở lại và sẽ sửa chữa sai lầm. Trong trường hợp mà mọi sự đều đã được sắp đặt như vậy, có nghĩa là do lợi ích của Lịch sử yêu cầu, thì hắn sẽ tiếp tục phục vụ dưới cái tên mới và trong tình thế mới của hắn, cũng với một dạ trung thành như vậy và cuối cùng rồi hắn cũng sẽ thắng như hắn đã thắng trước kia.

Nhưng những giọng nói mấy phút trước đây chỉ thì thầm với nhau rằng Thánh Angelo bị bắt, giờ đây không còn là những tiếng thì thầm nữa. Giờ đây người ta đã nói to lên.

— Quần chúng đã tập hợp lại. Nông dân đang đến giải phóng cho vị Thánh. - Người ta la lớn ở các hành lang.

Có tiếng ồn ào của rất đông người; những nông dân phấn nộ, những phụ nữ chạy, những người chen chúc xô đẩy nhau.

Cửa các xà lim bị mở tung. Các bức tường kêu rảng rặc. Người ta nghe tiếng cả một quần chúng đông đảo đang đổ tới giải thoát cho Thánh Angelo. Bodnariuk không biết gì về vị Thánh ấy cả. Hắn chỉ nghe thấy tiếng chìa khóa xoay trong ổ khóa buồng hắn. Có những người đàn ông bước vào và nói với hắn rằng hắn đã được tự do. Hắn khó khăn lắm mới chen được ra ngoài. Các hành lang của nhà tù Molda đã bị nông dân chiếm hết. Người bên ngoài muốn vào nhưng không còn chỗ. Không thấy bóng dáng một tên lính gác nào, một tên cảnh sát nào. Chỉ có quần chúng, lớp lớp, tầng tầng xô tới như những đợt sóng lớn, phá cửa, đập tường bằng những lưỡi cuốc. Những người bị giam ra khỏi xà lim. Các nông dân liền kéo đổ các cánh cửa với những bức tường ngăn. Quần chúng đã chiếm nhà tù và triệt hạ nó đi. Nhà tù không có tầng gác. Nông dân đã phá đổ hết các bức tường. Họ đi ra, bẻ những chồng gạch dưới tay và bỏ lên xe của họ.

Bodnariuk chui qua một cái lỗ phá ở tường mà ra. Hắn cố len lỏi tìm một lối đi. Mất hẳn quen ước lượng số người dự trong các cuộc hội nghị, tính ra có thể đến khoảng một vạn người nông dân tấn công vào nhà tù Molda. Họ khuân tất cả những gạch, đá, gỗ, ván của cái nhà tù bị phá và mang đi.

— Thánh Angelo đã được giải thoát rồi! - Một người nào đó kêu lên.

Cả đám đông liền quỳ gối như dưới một sự điều khiển chung, ngay tại chỗ, với những gạch, đá của nhà tù trong tay.

Quần chúng đã giải thoát khỏi nhà tù một tu sĩ trẻ. Nông dân công kênh vị tu sĩ lên vai và rước ra xe. Đó là Vị Thánh - Thánh Angelo - chính vì vị Thánh đó mà các làng mạc đã nổi dậy và chạy đến cứu thoát cho Người. Bodnariuk rất muốn nhìn thấy mặt vị Thánh lắm, nhưng các nông dân đang rước Người đi cho nên thánh Angelo lúc này quay lưng lại với Bodnariuk.

— Chúng tôi không còn ai để chữa bệnh cho người ốm của chúng tôi. - Một người đàn bà bên cạnh Bodnariuk nói - Thánh Angelo an ủi linh hồn chúng tôi, chữa bệnh tật cho người ốm chúng tôi và cầu nguyện cho chúng tôi. Bao nhiêu năm nay, Thánh Angelo là nguồn an ủi động viên duy nhất của nông dân. Các Xô Viết đã tới bắt Người trong tận rừng sâu. Thật quá quất lắm rồi. Chúa Kitô thể nào dung thứ được. Giờ đây, Thánh Angelo đã trở lại tự do.

Sau khi vị Thánh đi qua, quần chúng đứng dậy và đi theo Người. Vị tu sĩ ngồi trên một chiếc xe thắng những con ngựa trắng. Chiếc xe bắt đầu từ từ chạy trên con đường rừng chật hẹp.

Bodnariuk bị xô đẩy cả bốn phía. Một mình hắn là tay không. Một mình hắn không lấy một viên gạch nào của nhà giam. Mọi người đều lấy cả.

— Anh cũng phải lấy chứ! - Một người đàn bà bảo. Bà ta đưa một viên cho Bodnariuk. - Những viên đá nhà tù đã giam giữ Thánh Angelo sẽ mang may mắn. Anh cứ đặt nó trước nhà anh hoặc trong một bức tường nhà.

Bodnariuk cầm lấy viên gạch đỏ. Những viên gạch các bức tường nhà giam cứ vơi dần đi trông thấy. Nếu như mỗi người nông dân mang đi một viên gạch và một tảng đá thì trong vài tiếng đồng hồ cái nhà giam của Cộng sản ở Molda ấy chỉ còn lại một mảnh đất bị giẫm nát.

Bodnariuk buông mình vào trong biển người theo sau chiếc xe của vị Thánh. Hắn cứ để cho người ta

lôi cuốn hẳn đi, tay vẫn cầm viên gạch, trong dòng thác những người nông dân hát vang những khúc thánh ca.

Đoàn người đi về phía rừng. Không còn bóng một tên lính gác nào. Không còn một ai để ngăn cản cuộc nổi dậy của nông dân. Đoàn người tiến vào trong rừng núi.

Boris Bodnariuk được người ta mời lên một chiếc xe: Hắn bước lên, và chiếc xe của hắn đi theo những chiếc xe khác tiến sâu vào trung tâm khu rừng. Dọc đường đi, hắn được nghe kể lại rằng nhà thờ các làng đã lần lượt bị đóng cửa cái nọ sau cái kia. Ở những nhà thờ còn mở thì các linh mục toàn là linh mục Cộng sản. Nông dân đưa nhau vào rừng tìm đến với Thánh Angelo, một vị tu sĩ trẻ có khả năng làm phép lạ. Đây là một sự đổi mới trong tinh thần sùng đạo của quần chúng muốn giữ vững đức tin. Và khi các Xô Viết bắt giam vị Thánh trẻ, thế là toàn bộ các làng đã nổi lên và chạy tới giải thoát cho Người.

— Phép lạ chính là không có một người lính Nga nào cản bước chúng ta. - Người đàn bà đánh xe bảo. - Đúng là một phép lạ thật sự của Chúa lòng lành. Chỉ có một tên lính gác tại nhà giam. Ở Molda, chúng tôi không gặp lấy một tên lính, một tên cảnh sát nào. Chúa đã cách li chúng nó thật xa để chúng ta giải thoát cho Thánh Angelo được trót lọt.

— Anh hãy quỳ gối xuống! - Người đàn bà bảo. - Thánh Angelo đang đọc kinh cầu nguyện cảm tạ Chúa lòng lành đã cứu thoát Người ra khỏi nhà tù Cộng sản!

Bodnariuk vâng lời. Hắn xuống xe và quỳ gối cùng với hàng ngàn nông dân trên bụi đất của con đường rừng nhỏ hẹp.

“Không thể cả một phong trào quần chúng sâu rộng như vậy xảy ra mà các Xô Viết không có biện pháp đề phòng về mặt an ninh xã hội”. Bodnariuk nghĩ bụng. “Đây quả thật sự là một cuộc cách mạng”.

— Anh hãy giữ kỹ lấy viên gạch của anh! - Một người đàn bà nào đó nói với Bodnariuk. - Mất đi là không lấy lại được đâu. Người ta đã nhốt đến cả những hòn đá cuội của nhà tù. Không còn một cái gì nữa cả. Anh hãy giữ nó cẩn thận! Mất đi là uổng lắm đó. Anh không thể tìm lại được một hòn nào khác nữa đâu!

Bodnariuk cầm lấy viên gạch. Chưa bao giờ hắn được chứng kiến một phong trào quần chúng mãnh liệt như thế. Mọi người như một. Hoàn toàn.

IV

Ion Kostaky và Pierre Pillat làm cuộc hành trình từ Đức về Rumani bằng cách đi đêm xuyên đường rừng để khỏi bị lính Nga bắt gặp. Một lần nữa, họ đang ở khu rừng cao nhìn xuống Piatra. Họ vừa mới đến. Trời chưa rạng Ion Kostaky muốn tiếp tục đi xuống để về làng, nhưng con rể ông không cho.

— Anh yêu cầu bố dừng lại ở đây mà không xuống làng là anh chẳng hiểu lòng bố chút nào cả. - Ion Kostaky nói. - Anh tưởng bố có thể đứng đây nhìn về mà không xuống làng sau khi đã vượt cả đại dương để về lại Piatra sao? Anh tưởng bố cam lòng chỉ đứng xa xa mà nhìn về thôi sao?

— Bố hãy đợi đến tối! - Pierre nói - Bây giờ thì nguy hiểm vô cùng. Bố thừa biết. Từ Heidelberg, chúng ta chỉ đi vào ban đêm. Bố hãy kiên nhẫn thêm chút nữa. Còn hai giờ nữa thôi là trời đã sáng hẳn.

Ion Kostaky nhìn những ngôi sao buổi sáng. Ông biết ngày sắp đến rồi. Thời tiết đang giữa xuân. Trong ánh phơn phớt màu xanh của ban đêm, qua những cây thông cao, người ta nhìn thấy làng Piatra dưới thung lũng, bao phủ một làn mây trắng trong suốt như tấm khăn che mặt của cô dâu.

— Anh tưởng bố có thể đứng đây cả một ngày rông mà nhìn về làng từ xa à? - Ion Kostaky hỏi. - Anh muốn bố chỉ nhìn từ xa về cái nhà của bố, về ruộng vườn của bố à? Anh tưởng bố đã băng qua tất cả những đất nước kia, tất cả những núi rừng kia như một con chó, như một thằng kẻ trộm, chỉ để được có vậy thôi ư?

Làng Piatra đang trải ra dưới chân họ. Nhưng vì ở Piatra có người Nga, có dân quân, có cảnh sát và có bọn dân phòng, nên họ đã quyết định đợi tối hôm sau mới xuống làng.

Nhưng giờ đây, khi mà họ đang ở ngay phía trên làng, đã thấy làng ngay dưới chân họ thì Kostaky không làm sao kiên nhẫn được nữa. Tay phải ông cầm một chiếc gậy to tướng. Ông lấy hết sức bình sinh ôm chặt nó vào người.

— Xuống làng ban ngày là liều lĩnh, thiếu thận trọng. - Pillat nói. - Con biết phải đợi đến tối là một việc khó khăn, nhưng nếu xuống chúng ta sẽ bị tóm cổ ngay, bố ạ. Chúng ta sẽ bị tóm cổ ngay tức khắc. Con hiểu bố đang sốt ruột muốn xuống lắm. Con cũng vậy, cũng rất sốt ruột. Đất đai mình, nơi sinh quán của mình, nhà cửa của mình, bao nhiêu thứ là bấy nhiêu cục nam châm thu hút chúng ta. Sự khôn ngoan cũng bất lực so với những sức hút đó. Con biết chúng ta có thể khôn ngoan và không xuống những làng xa lạ ban ngày. Nhưng khi đó là làng xóm của ta, là nhà cửa của ta, thì khó lòng mà chịu nhịn không đi xuống được, khó lòng mà đứng đó từ xa nhìn về! Nếu bố muốn vậy, con sẽ theo bố cùng xuống, nhưng làm như thế không khôn ngoan chút nào!

— Bố sẽ đi một mình. - Kostaky bảo. - Bố giao chiếc túi của bố lại cho anh. Bố chỉ xuống làng với một chiếc gậy trong tay, nhưng bố đi một mình. Chỉ cần nhìn cái làng, cái nhà một cái và bố sẽ trở lên ngay trước lúc trời sáng. Anh hãy đợi bố chỗ này!

— Bao nhiêu năm tháng nay, bố con ta chưa một lần nào tách rời nhau cả. - Pillat nói - Bây giờ nữa, chúng ta hãy đi với nhau.

— Bố xuống một mình! - Kostaky nói, giọng quả quyết như một mệnh lệnh. - Bố chỉ liếc mắt qua một cái thôi, và chúng ta sẽ trở lại cả hai người trong đêm sắp tới. Anh nói có lý. Nên đi ban đêm thì hơn. Bây giờ thì anh hãy đợi bố ở đây. Bố đi xuống cánh đồng một lát để cảm giác được mảnh đất mình đang ở dưới chân mình, để được nhìn thấy ruộng nương, bờ giồng, được thở cái không khí trong lành của quê hương. Phải thế, anh hiểu không? Ta đã tưởng không còn bao giờ được bước đi trên những nẻo đường làng. Chúa thật vô cùng cao cả vì đã ban cho ta cái ân huệ cuối cùng của cuộc đời ta: đặt chân lên những con đường nhỏ hẹp của cái làng Piatra nhỏ bé của ta này!

Kostaky đi một lát đã thấy mệt. Trước kia, bao giờ cũng là ông đưa ra ý kiến nghị chân đầu tiên. Bây giờ thì có thể nói ông đã nghỉ đủ rồi, ông không muốn dừng nữa, không cả ngồi nghỉ lấy một giây nào nữa.

— Bố thuộc đường - Kostaky nói. - Nếu có quân tuần tiểu thì bố không vào làng. Bố sẽ gặp lại anh ở

chỗ này đây. Một giờ thôi, bố sẽ trở lại. Có thể bố sẽ mang về một chút gì để ăn. Biết đâu! Nhưng không, bố sẽ không nói với bất cứ ai điều gì. Tạm biệt. Bố chỉ liếc qua làng một cái thôi.

Ion Kostaky rảo bước xuống làng. Ông đi như chạy, chiếc gậy to tựa trên tay. Kostaky đi thẳng người, như một cây thông.

Bước chân ông trên đường xuống làng là bước chân của một thanh niên. Mảnh đất Rumani đã trả lại cho ông sức cường tráng của những ngày chưa đi tản. Pillat đứng nhìn theo bước ông đi. Bóng dáng Ion Kostaky khuất xa trên nẻo đường mòn giữa những hàng cây. Nó xuất hiện trở lại với cái dáng trẻ trung của một con nai cái vội vàng, khao khát.

Ion Kostaky giờ đây là một con người khác chứ không phải Kostaky ngày ở Canada hoặc ở Hungary. Không phải Kostaky ghi trong sách “nhóm thừa thải, vô dụng, cận bã” của xã hội Mỹ. Mà là một Kostaky đi hiên ngang như một chúa đất. Bước đi của ông chạm lên mặt đường một cách quen thuộc như cái quen thuộc của người nghệ sĩ trên dây chiếc vĩ cầm.

Ông lại khuất đi sau những lùm cây và nhảy qua các vật chướng ngại. Rồi khuất hẳn. Đường về Piatra không xa. Chỉ phải luôn luôn luôn rừng đi xuống.

Pillat ngả mình trên cỏ. Anh ân hận đã không đi theo Kostaky. Nhưng Kostaky thì cả quyết chỉ đi một mình. Đó là ý muốn của ông. Bây giờ đây, chắc chắn ông đã đặt chân về làng rồi.

Pillat vuốt ve những ngọn cỏ còn ngậm sương. Anh ngắt một nắm cỏ và áp mặt mình lên. Anh rất mệt nhưng không sao ngủ được. Chỉ cứ việc nằm mà ngửi mùi thơm của đất cũng là nghỉ ngơi rồi. Tại anh luôn luôn lắng nghe xem có tiếng súng nào nổ dưới thung lũng hay không, bởi Cộng sản không một giây phút nào ngừng việc tuần tiễu các làng và bảo vệ các con đường. Chỗ nào cũng nhan nhản những nhân viên cảnh sát.

Pierre lắng nghe như thể mong muốn được nghe tiếng chân Kostaky lại dội lên trên con đường Piatra. “Đáng lẽ mình cũng đi mới phải! Ai lại để bố đi một mình.”

Ion Kostaky đi sâu vào các con đường nhỏ của Piatra.

Ông dí đầu ngón chân lên bụi đất như để kiểm tra xem người ta có thay đổi gì con đường hay không. Vẫn con đường ấy và mảnh đất ấy. Ông bước đi, vui vẻ vì đã tìm thấy lại con đường, tựa hồ như tiếp xúc nó không phải bằng đôi chân mà bằng con tim. Ông định cởi cả giày ra và đi chân không, nhưng không cần thiết. Qua những chiếc giày đinh Đức thô kệch ông vẫn cảm thấy dưới gan bàn chân mình là đất của những con đường Piatra, đất của làng mình, và bước đi của ông không như trước nữa. Đó là đất của ông. Kostaky đi tới. Ông nhìn ngôi nhà đầu tiên. Vẫn y nguyên như ngày xưa. Không có gì thay đổi cả. Ông nhìn các mảnh sân. Hàng rào không còn nữa, nhưng vẫn là những mảnh sân ấy. Giữa làng có một cái giếng. Ion Kostaky mong ước được uống một hớp nước của nó. Ông bỗng dừng thấy khát cái nước của làng, nước của cái giếng này. Ông đành chỉ đặt bàn tay âu yếm sờ lên thành giếng như sờ lên lưng một người đàn bà. Ông nhìn cái cần mức nước rồi lại tiếp tục bước đi. Trước kia, bên cạnh giếng có một cây liễu rũ. Kostaky dừng lại. Cây liễu không còn, Kostaky thấy lòng bức bối.

“Vì sao chúng nó lại chặt mất cây liễu?” Ông tự hỏi mình. “Chắc nó bị khô héo nên người ta mới chặt nó đi chẳng?” Ông tiếp tục đi tới nữa và lại cảm thấy buồn buồn. “Nếu chúng nó chặt cây liễu đi thì ít ra phải trồng một cây khác thay vào. Bao giờ ở cái làng Piatra này, sự việc cũng đều theo thông lệ ấy. Cạnh cái giếng là một cây liễu rũ.”

Ion Kostaky siết chặt chiếc gậy của mình. Ông nhìn thoáng qua các ngôi nhà một cách vội vàng. Ông ngửi mùi hương của cỏ. Tất cả các cửa sổ đều chìm trong bóng tối. Có lúc ông đã toan gõ vào một cái cửa kính, nhưng rồi ông nghĩ lại không nên để ai trông thấy mình thì hơn.

“Ta đã hứa với Pierre ta sẽ chỉ liếc mắt qua nhà một chút thôi. Đêm sau trở lại, lúc đó sẽ đi gặp tất cả bà con ta.”

Bước chân ông càng bước tới càng nhanh nhẹn. Bỗng ông nhìn thấy những bức tường trắng mà ông tìm kiếm, những bức tường của nhà mình. Ông nhìn xung quanh ông. Phía sau có một khoảng trống, một khoảng trống xấu xí, một khoảng trống có thể nhìn thấy từ xa. Tại đó, ngày xưa là cái nhà của Pillat và Marie. Căn nhà đã cháy.

“Chúng ta sẽ xây cái khác.” Kostaky nghĩ. Nhưng ông nhớ lại rằng Marie không còn ở đó nữa.

Qua những cây hồ đào, ông nhìn thấy những bức tường, đôi mái nhà màu xám, những chiếc cửa sổ con con của ngôi nhà ông. Một nếp nhà nép mình dưới ba gốc hồ đào. Một ngôi nhà, giống y như một thực thể sống. Trái tim của Kostaky đập mạnh. Ông quên căn nhà bị cháy. Ông quên những người Nga. Ông ngắm nghía ngôi nhà của mình và bước tới bên cạnh.

“Có lẽ Ileana đang ngủ.” Ông tự bảo. Rồi ông nghĩ rằng Ileana có thể không ở nhà nữa, bà có thể còn ở trong tù hoặc một nơi nào đó chỉ có Chúa mới biết được. Có thể người ta đã lấy mất nhà của ông.

Kostaky đi vào mảnh sân không có hàng giậu. Ông buồn rầu quan sát. Cạnh ngôi nhà ngày trước có một cái chái làm chỗ cất chứa những dụng cụ của ông, cái cây, cái bừa, chiếc xe. Cái chái đó nay không còn nữa. Kostaky cúi kính.

“Ai đã phá mất cái chái của ta?” Ông tự hỏi, thái độ bất bình. Không ai có quyền được thay đổi bất cứ cái gì. Chính ông là người chủ, ông, Ion Kostaky. Và chính vì vậy mà ông đâm căm; ông nghĩ: có thể nhà ông đã bị cộng đồng tịch thu. Mà cộng đồng thì muốn thay đổi cái gì tùy ý nó. Ion Kostaky nghiêng răng ken két. Ông nhìn những bức tường. Nó vừa được quét vôi lại trắng xóa. Chính ông đã cùng với Ileana quét vôi những bức tường đó, mỗi mùa xuân, trước Pâques^[26], trong Tuần lễ thánh, để có những bức tường mới chào mừng ngày lễ Phục Sinh. Ông sờ tay lên tường.

“Có thể Ileana đang ở nhà và chính bà quét vôi các bức tường cũng nên.” Ông tự bảo mình. Ông đi đến bên cửa sổ. “Chúa vẫn làm nên những phép lạ. Có thể Ileana còn ở nhà và bọn chúng không đuổi bà đi

chăng? Có thể bà đang ngủ...”

Bàn tay ông mân mê bức tường như đang mân mê thân thể một con vật sống, một con ngựa hay một con bò. Tay để trên bức tường do chính ông đã xây dựng lên, ông đưa mắt tìm cái chuồng bò, nhưng ở chỗ chuồng bò xưa kia bây giờ chỉ còn là một khoảng trống.

“Minh không còn lấy một con súc vật nào nữa cả.” Kostaky tự nói với mình, rồi ông nghĩ chẳng nên bực bội làm gì. “Nếu trở lại, ta sẽ lại xây dựng lần nữa. Chẳng sao.” Ông nghĩ tới hai con ngựa hồng của ông, tới con bò cái giống Thụy Sĩ của ông, tới những con lợn của ông và ông lại nổi giận lần nữa. “Chúng nó phải trả lại cho ta! Không ai được cướp đoạt của ta cả. Đó là những con vật do tay ta nuôi, bằng mồ hôi của ta. Ta cau có mà làm gì ư? Làm sao ta lại không cau có được? Cho đến bây giờ, ta không nghĩ đến chuyện đó. Ta cũng đoán chừng chúng nó đã chiếm đoạt ngôi nhà của ta, nhưng chưa bao giờ cái đó khiến lòng ta phiền muộn cho bằng bây giờ. Nhưng mà... cũng có thể chúng nó không lấy nhà ta chăng?”

Ông nhón chân nhìn qua cửa kính về phía trong nhà. Bàn tay ông vẫn mân mê bức tường. Mắt ông nhắm lại. Ông biết rằng bên cửa sổ trước kia có một chiếc tủ bằng gỗ hồ đào. Ông không thấy nữa. Trong nhà tối om. Ông toan gọi Ileana, nhưng ông thấy rằng làm như vậy là thiếu thận trọng. Ileana có thể không có mặt ở nhà. Bọn Cộng sản đã tịch thu nhà cửa của bất kỳ ai vắng mặt.

Ông đi quanh nhà, tay vẫn mân mê bức tường. Đất đai ông, ba hecta bao quanh nhà bị bỏ hoang. Người ta đã xây dựng lên ở đó những chiếc lán cao ngang với nhà thờ.

“Có những hàng rào dây thép gai. Đây là sân bay đây!” Kostaky tự bảo. “Đất chết, bị bỏ hoang, bỏ hóa. Đất của ta chỉ còn dùng cho máy bay Nga hạ cánh. Đây là loại đất thượng hạng của Piatra, một loại đất đen. Ngô trồng ở đây cao tới hai mét.” Kostaky quay lưng lại với sân bay.

Ông lại đến bên cạnh cửa sổ. Ông không muốn xa chỗ đó ra. Một mảng vữa trên tường rơi xuống. Kostaky nổi cáu.

“Chúng nó bỏ cho ngôi nhà hoang tàn? Vữa tường của ta trước kia không bao giờ sút mẻ ra cả.” Ông dùng ngón tay dí nát mảng vữa tường màu trắng rồi thử mở cánh cửa. Vẫn cái quả xoay ngày xưa, nhưng cửa đóng khóa. Ông nhìn qua cửa sổ. Ông sờ lên tấm kính lạnh. Cửa sổ đóng từ bên trong.

“Nếu ta ở lại thêm nửa giờ, trời sẽ sáng, và ta có thể nhìn rõ bên trong.” Ông tự nói với mình, nhưng ông lại vội nhận ra rằng đó không phải một lý do để ở lại trong làng đợi trời sáng. “Ta sẽ trở lại ngày mai.”

Ông nhìn làng. Mọi sự đều yên tĩnh. Không một con mèo, con chó, còn gà, con người nào cả.

“Có lẽ nhà không ai ở chăng?” Kostaky suy nghĩ. “Ta vào thử xem?”

Xúc động, ông gõ gõ vào cửa kính.

— Có ai ngoài cửa sổ ấy! - Một giọng đàn bà nói từ bên trong.

Đó là một giọng nói lạ.

Kostaky đứng tựa vào tường. Người ta nghe có một giọng đàn ông. Có những người lạ trong nhà. Và điều ấy làm ông khó chịu. Nhà của ông mà ông cứ phải đứng bên ngoài cửa khóa không sao vào được.

— Ai đó? - Người đàn ông hỏi.

Kostaky nhìn qua cửa sổ thấy một người đàn bà đứng lên và thắp đèn. Tất cả mọi tiện nghi trong nhà đều lạ. Người đàn bà thắp đèn là một người lạ. Không nhìn thấy được mặt bà ta.

Người đàn ông ở trên chiếc giường sắt là một người lạ. Chiếc giường cũng lạ, và lạ cả cái đèn.

— Ai đó? - Người đàn ông hỏi.

Hắn đã đứng lên và vớ lấy một chiếc búa. Hắn mặc somi, đi tới cạnh cửa sổ.

— Hãy cẩn thận? - Người đàn bà nói.

Người đàn ông nắm chiếc búa trong tay. Hắn nhìn ra cửa sổ. Trong giây lát, Kostaky đã có cái ý định toan đánh nhau một trận với những người trong nhà và đuổi chúng đi.

“Thật là phi lý? Dù ông có đuổi họ đi chăng nữa thì ông đâu có thể trở về ở trong ngôi nhà của mình? Bọn lính gác sẽ lại đuổi ông đi.” Kostaky đành nhún vai. Ông đi xa ra rồi lại quay trở lại.

Trong nhà có ánh sáng. Người đàn ông cầm búa vẫn đứng kề cửa sổ.

— Hãy nghe. - Kostaky nói.

Người đàn ông giơ cao chiếc búa, sẵn sàng tự vệ.

— Đừng có sợ! - Kostaky nói. - Chẳng có ai muốn giết hoặc cướp cái gì của anh đâu?

— Ông là ai? - Người đàn ông hỏi.

— Tôi là Ion Kostaky, người đã dựng lên ngôi nhà này. Tôi là chủ sở hữu của ngôi nhà. Anh hiểu không? Ông chủ Ion Kostaky!

— Chúng tôi không biết! - Người đàn bà nói - Nhà này là của chúng tôi.

— Các người hiện nay đang ở đây, tôi hiểu, nhưng đây là ngôi nhà của tôi, Ion Kostaky.

— Ông điên rồi! - Người đàn bà thét.

— Em im đi! - Người đàn ông nói.

Đoạn y hỏi Kostaky:

— Ông nói ông là...?

— Tôi là Ion Kostaky. Các người chưa bao giờ nghe nói tên tôi à?

— Chưa bao giờ? Ông muốn gì?

— Tôi là Ion Kostaky. Tôi là ông chủ sở hữu của ngôi nhà này.

Người đàn ông nói với người đàn bà:

— Chắc là tên Kulăc ở ngôi nhà này trước chúng ta.

— Bảo ông ta rút xéo đi! - Người đàn bà nói - Đừng có mang vạ vào thân! Nếu đúng là tên Kulăc, có nghĩa là hắn đã bỏ trốn đi. Ngày mai cảnh sát sẽ đến và nếu họ biết tên Kulăc đã có mặt ở đây thì họ sẽ bắt chúng ta. Bảo hắn xéo ngay đi!

— Ông muốn nói gì thì nói đi, ông già ạ! Rồi rút ngay đi cho tôi nhờ! - Người đàn ông bảo.

— Anh có thể cho tôi biết hiện vợ tôi ở đâu không? - Kostaky hỏi - Anh không biết Ileana Kostaky ở đâu à?

— Em đã bảo anh đúng nó đã bỏ trốn đi mà! - Người đàn bà nói - Thôi hãy tắt đèn đi. Nếu có ai thấy chúng ta nói chuyện với hắn, chúng ta sẽ phải trả giá đắt đó.

— Ông hãy tới đồn cảnh sát mà hỏi. Tôi không biết Ileana là ai. Cả ông nữa, tôi cũng không biết. Ông rút đi!

— Anh hãy nghe tôi nói, một câu nhỏ thôi! - Kostaky nói.

— Tôi không có gì phải nghe, không có gì phải nói cả. Hỏi cảnh sát ấy! Ông hiểu chưa? Tôi không biết gì tất. Nếu ông không đi ngay khỏi nhà này thì tôi đi gọi cảnh sát. - Người đàn bà nói - Tôi đi gọi ngay đây!

— Tôi không định làm gì các người đâu, những kẻ tốt bụng ơi! - Kostaky nói.

— Ông từ đâu tới? - Người đàn ông hỏi.

— Từ chỗ cùng trời cuối đất, từ phía bên kia biển rộng núi cao. Đây là nhà của tôi.

— Nhà của chúng tôi! Nếu ông muốn gì, hãy đến ban ngày, đừng đến ban đêm. Vì sao ông lại đến ban đêm?

— Các người không có tin tức gì về vợ tôi à? Tôi chỉ muốn hỏi các người có chừng ấy thôi.

— Tôi không biết Ileana Kostaky. - Người đàn ông đáp - Tôi chưa bao giờ nghe cái tên ấy. Tôi không phải người ở Piatra.

— Anh không nghe nói bà ta còn sống hay không à?

— Ở đây, không có Ileana Kostaky!

Người đàn bà thổi tắt ngọn đèn. Cả phòng ngập chìm trong bóng tối.

Ion Kostaky mân mê cái gờ cửa sổ với lòng bàn tay của mình. Vừa vôi trên tường lại nứt nẻ và rơi xuống. Kostaky thấy nó rơi mà chua xót trong lòng. Ông vốc một nắm trong tay và bóp vụn nó ra, trong khi tay phải ông vẫn tiếp tục mân mê cái khung cửa sổ.

Trong nhà tối om. Người đàn bà tiếp tục tranh luận với chồng. Anh chồng bảo:

— Chắc là Ion Kostaky, người đã bị đầy biệt xứ, ở cái nhà này xưa kia.

— Đây là nhà của chúng ta! Em không nghe nói về bất cứ chuyện gì và bất cứ người nào bao giờ. Và em cũng chẳng muốn nghe gì tất cả những chuyện đó!

— Sao em lại bảo không bao giờ nghe nói đến Ion Kostaky? - Người đàn ông nói. - Em vẫn thường nghe người ta nói về ông ta. Ion Kostaky là người trước kia ở cái nhà này. Ông ta đã bị bắt, lão Kulăc Ion Kostaky ấy!

— Bọn Kulăc đã bị diệt sạch rồi! - Người đàn bà nói - Nhà của lão đã thuộc về tập thể và tập thể đã phân cho ta rồi.

— Nhưng trước khi nó thuộc về tập thể thì nó là nhà của Ion Kostaky.

— Điều đó chẳng can hệ gì đến chúng ta cả. - Người đàn bà nói.

— Đáng lẽ ít ra chúng ta cũng nên nói cho ông ta biết vợ ông ta đã chết. - Người đàn ông đáp - Biết được như vậy thì Ion Kostaky đã đi ngay rồi! Em là đàn bà. Vì sao em không có được một con tim? Ông ta chỉ hỏi có thể. Vợ ông ta còn sống hay không? Ông ta chẳng còn ai cả. Nếu chúng ta nói thật cho ông ta biết, ông ta đã đi rồi! Ông già tội nghiệp có yêu cầu gì nhiều hơn đâu! Có thể ông ta từ Sibérie về. Có thể ông ta đã đi hàng ngàn cây số để đến đây hỏi xem vợ mình còn sống hay không. Vì sao em lại thiếu chút tình thương đến thế? Anh sẽ chạy theo tìm ông ta và nói cho ông biết vợ ông đã chết trong tù. Anh sẽ nói với ông ta cái gì anh biết. Anh sẽ mang cho ông ta một ít thức ăn nữa. Một ngày kia, bất hạnh cũng có thể đến với chúng ta. Thử tưởng tượng anh ở vào địa vị ông ta và đến đây hỏi thăm tin tức em thì sao?

— Anh đi, người ta sẽ bắt luôn anh cùng với ông ta đó!

Người đàn ông mặc quần áo.

— Anh đi tìm ông ta đây. Sao lại không nói thật với ông ta được một lời? Người ta chỉ muốn biết có một điều: vợ mình sống hay chết, thế thôi.

— Anh đừng đi! - Người đàn bà hét.

Kostaky nghe người đàn bà giằng lấy áo quần của chồng để ngăn cản không cho chồng mặc vào.

Kostaky rời tay khỏi bức tường. Ông rời bỏ ngôi nhà. Trán ông toát mồ hôi lạnh. Trong nhà vẫn nghe người đàn bà cãi cọ với chồng.

— Tôi sẽ đi, tố cáo anh với cảnh sát! - Người đàn bà hét. - Anh cứ bước chân ra khỏi nhà là tôi đi báo ngay lập tức cho anh xem.

Ion Kostaky thấy hai cây táo trồng trước nhà đã bị chặt mà lòng buồn. Ông không biết vì sao những người Cộng sản lại chặt mất mấy cây táo.

— Anh mà đi là tôi tố cáo. - Người đàn bà cầu nhàu trong mồm.

Kostaky đi xa. Đôi mắt ông đầm đìa nước mắt. Ông ngoái đầu lại một lần nữa. Ngôi nhà của ông chìm trong bóng tối.

Người đàn bà đã thổi tắt đèn.

— Cầu Chúa cho Linh hồn Ileana được hằng sống trên thiên đường của Người! - Kostaky nói.

Ông cắt chiếc mũ calô Mỹ đội trên đầu và làm dấu thánh giá.

— Cầu xin Chúa tha tội cho Ileana!

Ông đội lại cái mũ lên đầu ướt đầm mồ hôi rồi thẳng đường đi trở lại rừng. Làng xóm vắng vẻ quạnh hiu. Đường xá vắng vẻ. Ileana thiếu đi, cả trời đất đối với ông dường như cũng hoàn toàn hiu quạnh.

Kostaky trông thấy ba bóng người đi về phía ông trên con đường làng. Ông muốn đi tắt vào một khu vườn. Nhưng bọn lính gác đã nhìn thấy. Kostaky bò sát đất để tìm đường lẩn tránh. Ông ngửi thấy tất cả cái hương vị của đất thấm sâu vào người ông, vào tim phổi của ông. Bọn lính gác bắn súng phía sau lưng. Người ta báo động cả trên sân bay. Lính đổ ra đầy đường. Tất cả những ai muốn ra ngoài đều bị giữ lại.

— Bọn chó Cộng sản! - Kostaky nói.

Ông không đi về chỗ Pillat đang đợi ông, bởi bọn lính gác đi từ phía ấy tới, và ông đi theo hướng ngược lại.

Đó là con đường đi ra nghĩa địa. Ông quen thuộc lắm. Ở đó chẳng ai có thể phát hiện ra ông. Ông tiến dần qua các bụi gai. ông nghĩ đến Ileana chứ không nghĩ đến bọn lính gác đang săn đuổi ông khiến cả làng phải thức dậy.

“Cầu xin Chúa bảo vệ cho linh hồn của Ileana.” Ông tự nhủ. “Chắc bà ấy đã phải chịu đau khổ nhiều. Nhiều lắm. Không đau đớn nào đáng sợ cho bằng phải chết trong tù. Ileana tội nghiệp.”

PHẦN VIII

THẾ GIỚI DUY NHẤT

I

Từ ngày Ion Kostaky mất tích, nhiều tháng đã trôi qua.

Ông ta đã lên đường nhìn lại đất đai của mình, nhìn lại làng xóm của mình và thăm dò tin tức vợ. Và Kostaky đã không trở về.

Pierre Pillat chờ tại chỗ đó một ngày, một tuần, một tháng, nhiều tháng... Gần một năm qua rồi kể từ ngày Ion Kostaky ra đi. Anh buộc phải lên cao hơn nữa, trên núi. Quân đội và cảnh sát đã phát động một cuộc tấn công mới hết sức mãnh liệt chống những kẻ bỏ trốn lên rừng. Và núi rừng chật ních những người trốn tránh, bởi những con người đó từ ngàn đời nay đã cuốc đất cày ruộng, đã chõ trên vai mình cùng với các con gia súc của họ, với cánh tay của họ, nào gỗ, nào đá, và bao nhiêu những vật liệu khác để xây dựng lên những thành phố, làng mạc, thị trấn, những con người đó đã bị cưỡng bức rồi bỏ tất cả ra đi.

Họ phải rời bỏ những thành phố, những xóm, những làng và những thị trấn mà chính bàn tay họ đã xây dựng lên từng ngôi nhà, từng con đường, để trốn lên rừng sống như những con thú không cửa không nhà, chui rúc dưới những mái lều bằng cỏ tranh và trong hang đá.

Đó là “Cuộc Ra Đi” mà thánh tiên tri Jérémie đã nói đến: *Hãy rời bỏ phố phường, hãy nương mình giữa rừng cây núi đá, hãy như những con chim sâu xây tổ của mình trên dốc đá cheo leo!*

Pierre Pillat nhớ tới cuộc ra đi của Ante Petrovici, cuộc chạy trốn của Daniel Motok. Anh nghĩ tới Eddy Thall, tới Varlaam, với Marie. Anh quay đầu đi. Anh tưởng mắt anh ẩm ướt do nắng mặt trời, nhưng mặt trời chẳng có tác dụng gì tới đôi mắt anh cả.

Có tiếng súng bắn từ dưới thung lũng vọng lên. Máy bay liệng dọc liệng ngang trên khu rừng, làng xóm, Pierre Pillat nép mình dưới các lùm cây. Anh nghĩ tới Ion Kostaky đã ra đi với chiếc gậy to đẽo từ cây rừng, một chiếc gậy huyền thoại như chiếc gậy của Tannhauser hay của Aaron nói trong Cựu ước.

Pillat lấy mũi dao nhíp khắc lên cái thân cây che chở anh tên của Marie. Rồi tiếp theo anh khắc tên Pierre Pillat, Ion Kostaky, Ante Petrovici, Eddy Thall, Daniel Motok, Varlaam, Max Reingold, Isaac Salomon, Milan Paternik. Anh khắc tên tất cả những người anh quen trong “Cuộc Ra Đi” lớn. Anh khắc tên họ vì thấy mình lúc này cô đơn quá, muốn có một người nào đó bên mình. Anh chỉ có một thân, một thân với núi rừng, một thân với Sự Vĩnh hằng, một thân với Chúa.

Và con người không thể sống cô đơn.

— Lạy Chúa. - Pierre Pillat nhìn những dòng tên khắc lên vỏ cây - Trái tim của Người chắc phải vỡ tan ra vì đớn đau khi những con người đến trước mặt Chúa để được phán xét. Con tin rằng Chúa Kitô phán xét Con Người, mà Chúa phải thương hại Con Người, chỉ một chút lòng thương hại! Bởi Con Người nghèo khổ biết bao ở giữa thời gian? Ngay cả Lý Trí là cái cao cả nhất mà Con người có được, cũng chẳng nhìn được gì ngoài những điều mắt thấy tai nghe. Lý trí con người yếu đuối lắm. Toàn bộ Con Người đều yếu đuối, và nghèo nàn.

— Ông là thầy tu phải không? - Một giọng đàn bà hỏi.

Pierre Pillat ngoái đầu lại. Một cô gái đang đứng sau anh. Một cô gái khoảng mười bảy tuổi. Một cô gái nông thôn. Cô có cái đầu tròn như một trái cây xinh và cái nhìn e lệ.

— Vì sao? - Pillat hỏi - Tôi có một cái đầu thầy tu sao?

— Em nghĩ vậy vì em thấy ông viết và ông không được người ta yêu? - Cô đáp. - Người biết viết

không phải là kẻ cướp. Rừng núi nham nhai những quân cướp, nhưng quân cướp không viết. Và lại ông không có vũ khí. Chỉ có các thầy tu mới không có vũ khí thôi.

Cô gái im lặng. Pierre Pillat cắt con dao vào túi.

— Em không biết đọc, nhưng em thích nhìn người ta viết. Tên em là Magdalena.

Pierre đứng lên và giơ tay về phía cô.

— Vì sao ông không mặc áo thầy tu? - Cô ta hỏi. - Ông sợ phải không? Tất cả các tu sĩ trong rừng đều sợ mặc áo dài trắng của họ.

Magdalena ngừng nói. Cô đã nói quá nhiều và giờ đây những câu cô vừa nói ra lại khiến cô lo ngại.

— Cô ở đâu lên đây, Magdalena?

— Từ ngày quân Xô Viết đến, chúng em sống tại đây, trong rừng. Người ta đã kêu gọi chúng em từ bỏ Biển Đen tới. Người ta cho chúng em một căn nhà và đất đai tại nông trường tập thể trong thung lũng. Nhưng cha em đã trốn lên rừng cùng với gia súc. Chúng em sống trong rừng. Sống ở đây thích hơn ở nông trường.

— Cô quen biết làng Piatra không? - Pierre Pillat hỏi.

Anh có ý định nhờ cô xuống đó hỏi thăm tin tức của Ion Kostaky. Chính anh đã mấy lần xuống làng nhưng không dò hỏi được tin tức gì của bố vợ.

— Em không biết! - Cô gái đáp.

Cô hái một bông hoa đỏ thắm đưa lên môi. Cô nhay nhay bông hoa với đôi hàm răng trắng nõn.

— Sao ông lại ở đây mà không lên chỗ núi đá? - Cô gái hỏi. - Trên kia có nhiều tu sĩ lắm. Từ trên đó, người ta có thể nhìn thấy quân đội và cảnh sát đến. Nếu là đêm thì cha em đốt nến, nếu là ngày thì cha em thổi tù và. Tức thì các tu sĩ đều nấp đi. Ông biết không? Trên đó cuộc sống dễ dàng hơn. Người ta có cái mà ăn. Cha em và những nông dân trốn làng lên đó đều mang theo những tổ ong, gia súc và tất cả những gì họ có. Các tu sĩ làm việc chỗ cha em hoặc chỗ các nông dân để được nuôi ăn. Các tu sĩ không mang gì theo họ lên núi cả. Nhưng họ rất trung thực. Em không thể nói chuyện được với họ vì họ không biết một tiếng Rumani nào. Người ta không nói chuyện được với họ. Ông làm sao lại nói được tiếng Rumani? Vậy ông không phải là một tu sĩ người nước ngoài à?

— Tôi là người làng Piatra. - Pillat nói. - Cô không quen ai ở Piatra cả sao?

— Em không biết Piatra ở chỗ nào.

Cô tiếp tục nhay nhay cái hoa đỏ.

— Đây là cuộc tấn công lớn nhất. - Cô nói. - Nó kéo dài mấy hôm nay rồi. Bọn cảnh sát bắn vào chúng em và máy bay ném bom các nơi trên núi.

Tiếng nổ dưới thung lũng ngày càng đinh tai nhức óc. Ở trên núi, người ta có cảm giác là súng nổ ngay bên cạnh mình, nhưng thực ra thì rất xa.

— Ông mặc loại áo dòng nào? - Magdalena hỏi. - Nhiều tu sĩ mặc áo dài trắng. Đẹp lắm! Em thích những chiếc áo dài trắng hơn hết. Có những tu sĩ khác dùng dây thừng làm thắt lưng. Họ là bạn của chim chóc và chim chóc thường hay sà xuống đậu bên cạnh họ, bởi họ hiền lành lắm. Lại có những người mặc áo dài bó chặt như quân phục sĩ quan. Mặt họ nghiêm nghị. Họ không ăn thịt bao giờ, và họ sống cộng đồng. Họ không cả nói chuyện với nông dân và làm nông nghiệp một mình.

Magdalena không biết đó là những tu sĩ Dòng Tên^[27].

— Cô có tin chắc rằng những người cô nói đó là tu sĩ không? - Pierre Pillat hỏi.

— Tất cả đều là tu sĩ. Họ đọc sách, họ cầu kinh và không mang vũ khí. Đó là những tu sĩ.

Tiếng súng dưới thung lũng ngày càng dồn dập. Máy bay ném bom xuống núi.

— Nếu ông lên trên đó, ông có thể có sữa dùng. Em sẽ nói với cha em. - Magdalena bảo. - Ông mặc loại áo dài nào? Và sao ông lại để râu? Các tu sĩ khác có để râu đâu?

Cô gái bỗng bỏ đi ngay không kịp nghe câu trả lời. Pillat gọi, nhưng cô đi xuống rất nhanh.

Pierre Pillat nhìn thấy những toán lính đang ngược thung lũng đi lên theo đội hình tiến công. Anh không nhìn thấy Magdalena nữa.

Những hôm sau, bọn lính xâm chiếm khu rừng. Chỗ nào cũng có lính.

Pillat đi lang thang, bụng đói như một con chó. Anh rất mong được gặp Magdalena. Anh muốn ngược lên phía cao nguyên nơi có các tu sĩ, nhưng quân đội đã chiếm mất những đỉnh cao rồi.

Pillat gặp một người chết. Anh mò túi y và thấy có mấy điều thuốc lá, ít tiền Nga và một hộp quẹt. Trong túi rết của y còn có một ít đồ hộp và những gói thuốc khác nữa. Pillat lấy chiếc túi rết rồi lột áo quần người chết, lột cả giày. Đó là một dân quân, không phải dân thường, cũng chẳng phải quân nhân.

Y có một khẩu súng tự động và một bao đạn. Pierre Pillat dùng lưỡi lê của y đào một cái hố rồi lẩn xác chết trần truồng xuống đó, lấp đất lên, để thiên hạ biết ở đây có một ngôi mộ, anh chặt cành cây làm một cây thập tự cắm vào chỗ đất mới.

Anh đọc một kinh “Lạy Cha”.

— Em đã đoán đúng ông là một tu sĩ mà! - Một giọng đàn bà nói khẽ bên cạnh anh.

Magdalena đứng sau lưng Pillat. Anh thấy mình vui lên.

— Em đã thấy đúng ông là tu sĩ. Chỉ có các tu sĩ mới chôn cất người chết thôi. - Cô ta nói.

Magdalena suy nghĩ một lát. Cô ta không biết có nên nói hay không nên nói, đoạn cô bảo:

— Hôm qua, quân lính đã tới trên kia bắt các tu sĩ đi. Cha em trốn được, nhưng nhiều tu sĩ đã bị bắt.

— Sao lại có chuyện các tu sĩ ở đây? Ở đây có một tu viện à? Họ từ đâu tới?

— Đó là những tu sĩ của Tòa thánh Vatican. - Magdalena nói. - Ông đã có lần nào đi Vatican chưa?

Trên đỉnh núi, người ta nghe một tiếng tù và đi sẵn.

— Cha em đó! - Magdalena nói, và cô ta lại biến mất trong rừng cây.

Pillat một lần nữa lại trở thành cô độc. Anh lắng nghe tiếng vang rền của đại liên và những tiếng nổ. Anh đốt một điều thuốc mà anh đã tìm thấy trong túi áo người chết. Trên đầu anh, những máy bay trực thăng liệng vòng sát núi. Đây là lần đầu tiên anh nhìn thấy trực thăng. Chưa bao giờ núi rừng lại vang dội đầy âm thanh như vậy. Pierre Pillat đâm sợ. Sợ hơn bất cứ bao giờ. Cái chết đã đến kề bên anh.

II

Boris Bodnariuk thả mình cho đám dân chúng vừa phá tan cái nhà tù ấy lôi cuốn hần đi, theo hướng lên rừng. Nông dân đã triệt hạ nhà tù để giải thoát thánh Angelo đồng thời cũng đã cứu thoát Boris Bodnariuk. Họ cho hần lánh mình nơi chốn ẩn nấp của họ. Hần bị bệnh. Mỗi một ngày qua, hần chỉ mong muốn được trở về sống hợp pháp. Đối với hần, tất cả những kẻ trốn lên rừng đều là kẻ thù của các Xô Viết.

“Họ là những bọn phản động thù địch của nhân dân. Chỗ đứng của ta không phải ở giữa những con người này.” Ngày ngày hần suy nghĩ vậy. Hần trông chờ phục hồi sức khỏe để xuống thung lũng. Hần họa hoàn mới chuyện với nông dân. Chính họ đã giải thoát cho hần nhưng hần lại vô tâm hờ hững với chuyện đó. Bệnh tình đã buộc hần phải ở lại mấy tuần liền trên núi. Nông dân vắng mặt luôn. Trong cô đơn, Bodnariuk suy nghĩ về cuộc nổi loạn của những người nông dân đó. Một cuộc nổi loạn thực tình. Một cuộc nổi loạn như chưa bao giờ hần dám hy vọng gây nên được tại Rumani khi hần được giao trách nhiệm tới đây tổ chức những công tác phá hoại và gây dựng một đạo quân ngầm.

Đó là một cuộc nổi dậy của quần chúng đông đảo, cũng như cuộc nổi dậy đã phá tan trại giam ở Molda không còn một hòn đá nhỏ - một cuộc nổi loạn như hần từng mong muốn tổ chức mà không thành công được bao giờ! Hần chỉ thực hiện nổi những vụ phá hoại vụn vặt hoàn toàn không đáng kể. Dưới bàn tay Bodnariuk và đồng chí của hần, ai cũng chỉ ì ra bất động.

Hần chống lại những người nông dân đã giải thoát hần vì cuộc nổi loạn của họ chống lại các Xô Viết. Hần thấy rõ sức mạnh những kẻ thù của các Xô Viết, nhưng không hiểu được sức mạnh đó bắt nguồn từ đâu. Đầu óc của hần đã tạo ra được một nữ anh hùng như Tinka Neva, nhưng những kiểu sáng tạo ấy cũng giống hệt như những lâu đài bằng giấy, hoàn hảo nhưng lấp rập sẵn.

Nông dân quả là một sức mạnh. Hần đã thấy họ, từng người một, nhặt sạch sành sanh hết mọi thứ gạch, đá của trại giam Molda. Bây giờ thì hần hiểu được kẻ thù của hần như thế nào rồi. Cái sức mạnh đã phá trại nhà tù Molda thật to lớn vô cùng.

Hần rất mong muốn sử dụng sức mạnh đó phục vụ cho Chính quyền Xô Viết. Cái sức mạnh đó, cái sức mạnh của nông dân ấy từ đâu mà có? Bodnariuk nghĩ đến tất cả những gì có thể làm nên sức mạnh của một đảng chính trị, của một tổ chức. Hần nghĩ tới một sự quản lý khôn ngoan, một sự cảnh sát có tổ chức. Hần nghĩ đến sự trung thành của các thành viên, đến những tòa án thật vững vàng, đến những hình phạt thật nghiêm khắc đối với những kẻ do dự, lập lờ. Các Xô Viết có tất cả những đức tính đó. Ngoài ra họ còn có nhiều cán bộ, những cán bộ siêu nhân.

Boris Bodnariuk muốn ở lại trong khuôn khổ Cộng sản - nó vượt ra ngoài những điều kiện con người, vượt hần lên trên những cán bộ công giáo và chỉ có những người Cộng sản có thể thống trị cả cái chết.

Một người duy nhất trong những người Kitô, kẻ đã sáng lập ra Kitô giáo - Jesus Christ - đã thành công trong việc thống trị cái chết, thành công trong cái chết và trong cái sống lại. Trong chế độ Xô Viết, có hàng trăm nghìn, hàng triệu con người không có ý thức gì về quyền sống cá nhân mình, những con người vì Đảng mà xả thân đi vào cái chết không hề do dự, ví dụ bản thân hần, ví dụ Rajk, ví dụ cái đội cận vệ cũ đã hoàn toàn bị xóa sổ, đã tự mình mong muốn sự hy sinh của chính mình. Trái với những người Kitô giáo, người Xô Viết sẵn sàng hy sinh mà không trông chờ phần thưởng.

Vậy có sao với những yếu tố như thế, Boris Bodnariuk đã không làm sao gieo mầm được tại Rumani cho một cuộc nổi loạn giống như cuộc nổi loạn đã cứu hần ra khỏi nhà giam Molda? Còn những nông dân đói khát thiếu cán bộ, tổ chức và vũ khí, không có tuyệt đối một phương tiện gì gọi là để làm cách mạng ấy - đã dựa vào sự viện trợ nào và lực lượng nào mà đã làm nên chuyện lớn?

Boris Bodnariuk giật nảy người. Bên cạnh căn lều của hần, đâu đây trong rừng, người ta nghe một điệu sáo thổi. Đó là một điệu Doina^[28]. Doina là một điệu hát buồn, một điệu hát có thể so sánh với cuộc sống riêng tư của mỗi con người, xác thực mà hơi buồn.

Boris Bodnariuk cài chiếc khuy áo của mình. Hắn không còn chiếc áo choàng bằng da nữa. Lần đầu tiên từ ngày trở thành Cộng sản, hắn không còn chiếc áo choàng da. Khăn quàng đỏ không còn, đôi ủng đen cũng không còn. Hắn đi chân đất. Hắn lánh mặt đi để người thổi sáo điệu Doina không trông thấy hắn. Hắn nhìn những viên gạch đỏ lấy ở nhà tù Molda về, các nông dân đã đem lát xung quanh căn lều. Toàn thân hắn bỗng rung lên một cơn giận ghê gớm đối với những nông dân phản động. Hắn muốn phá tan cái lều hắn đang trú thân, hủy sạch mọi ổ phản động trong rừng.

Hắn nghe có những tiếng nói xa xa.

— Em chưa bao giờ biết mặt người thổi sáo. - Một giọng nữ nói - Người thổi sáo chính là “Tên Cướp Lớn” đó.

Cô gái nói chuyện ấy đang trong lúc kinh sợ. Magdalena kể cho Pillat nghe những điều cô biết về Tên Cướp Lớn giờ đây có lẽ còn ở đâu xung quanh đây.

Boris Bodnariuk nghe họ nói mà không nhìn thấy họ, cũng không bị họ nhìn thấy.

— Ta chó có đến gần! - Magdalena nói - Đó là một hung thủ giết người mà ngày nay không còn ai như vậy nữa. Hắn ta làm cho cả vùng kinh hoàng khiếp sợ và hắn ta điên. Ông hiểu không? Hắn vừa là kẻ giết người vừa điên.

Pierre Pillat lắng nghe, những lời Magdalena nói như hòa làm một với làn điệu Doina. Anh thuộc lời của làn điệu ấy. Đứa con gái bé bỏng của anh cũng đã mang tên Doina. Tâm hồn Pillat cũng như điệu hát Doina vậy. Cả Marie nữa cũng có thể mang tên Doina. Đó là điệu hát của con người ngẩng trời cao mà nghĩ về cái chết, nghĩ tới tình yêu, tới Chúa, tới cuộc đời.

Chủ đề điệu hát Doina là vậy đó: con người suy nghĩ về những vấn đề cơ bản. Và Tên Cướp Lớn từng làm cho Magdalena sợ run kia đang ngân nga làn điệu Doina, chỉ cách họ tắc gang.

— Ta hãy đợi cho hắn đi khuất đã! - Magdalena nói - Em sợ lắm. Hắn mà thấy là hắn giết chết chúng ta ngay.

“Ion Kostaky cũng có một cuộc sống, một tâm hồn và một cái nhìn giống như điệu hát Doina”. Pierre Pillat suy nghĩ. “Ion Kostaky bao giờ cũng mở cửa sổ tâm hồn hướng về những sự kiện lớn của con người: Sự Vĩnh hằng, Cái Chết và Tình Yêu, hướng về Trời và những cái xung quanh ta.”

— Nếu chúng ta đến gần, hắn sẽ giết chết chúng ta! - Magdalena nói - Hàng binh đoàn cảnh sát sục sạo tìm Tên Cướp Lớn trong rừng. Người ta gọi hắn là Gã Nông Dân. Không bao giờ người ta thấy tay hắn cầm vũ khí. Hắn giấu vũ khí ở các gốc cây rừng. Không bao giờ hắn mang vũ khí trên người cho nên người ta gọi hắn là “Tên Cướp Lớn Tay Không”. Nhưng hắn có vũ khí và đạn dược ở mỗi gốc cây. Ông hiểu không? Ở mỗi gốc cây.

— Cô gặp hắn lần nào chưa? - Pillat hỏi.

— Chỉ gặp một lần. - Magdalena đáp. - Em gặp hắn một lần trong lúc đi lấy nước, nhưng không dám nhìn. Em sợ run bắn cả người lên và bỏ chạy. Em có liếc nhìn hắn ta một cái qua khước mắt. Hắn nằm ngửa lưng ra cỏ vừa thổi sáo, vừa nhìn trời xanh. Bọn cảnh sát tìm kiếm hắn bằng cách lần theo tiếng sáo. Nhưng hắn đứng lên và bước đi. Tai hắn có thể nghe bước chân của bọn cảnh sát xa hàng cây số.

Magdalena kể chuyện “Tên Cướp Lớn Tay Không” và nỗi kinh hoàng mà hắn ta gieo vào lòng mọi người trong vùng.

— Hắn ta có nhiều đồng minh không? - Pillat hỏi.

Magdalena nhún vai.

Boris Bodnariuk lắng nghe chăm chú. Hắn muốn biết những ai là đồng minh của Tên Cướp Lớn Tay Không, của Gã Nông Dân. Bodnariuk đã đoán chừng những đồng minh đó chính là bọn cầm đầu cuộc khởi loạn đã phá tan nhà tù Molda. Không thể có ai khác. Bao giờ hắn xuống dưới đó, hắn sẽ cho các Xô Viết biết tên những tên tướng cướp kia.

— Cô không bao giờ thấy bọn đồng lõa của Tên Cướp Lớn Tay Không à? - Pillat hỏi.

— Em chẳng thấy một tên nào trong bọn đồng lõa ấy. Nếu gặp, chắc là em chết vì sợ.

Boris Bodnariuk vẫn lắng tai nghe. Bây giờ chỉ còn vọng lên điệu hát Doina. Cây sáo vang lên trong yên tĩnh của núi rừng những âm điệu du dương của nó, nói về Tình Yêu, về sự Vĩnh Hằng và về nỗi buồn thương của con người trên trái đất. Đó là tiếng hát của “Tên Cướp Lớn Tay Không.”

— Chẳng ai gặp những đồng minh của Tên Cướp Lớn Tay Không bao giờ. - Magdalena nói - Chẳng một ai có thể nhìn thấy họ bao giờ. Chẳng một ai. Vậy nhưng ở đâu cũng có họ.

Bodnariuk hình dung ra cảnh núi rừng và làng mạc bị bọn đồng minh của Tên Cướp Lớn Tay Không chiếm lĩnh. Nhưng tuy rằng họ ở khắp nơi mà chẳng ai biết họ. Họ đã xúi giục nông dân nổi loạn. Họ đã phá nhà tù và cứu vị thánh linh mục cùng với các tù nhân. Chính là những kẻ đồng minh như vậy mà Bodnariuk từng ước ao có được cạnh mình, khi hắn tổ chức những cuộc phá hoại.

Những đồng minh ở khắp mọi nơi mà cảnh sát không sao bắt được, dù bằng máy bay trực thăng hay xe tăng bọc thép hay bằng quân nhảy dù. Kẻ đồng minh mà chẳng một ai nhìn thấy đó, Boris Bodnariuk không thể nào nộp cho cảnh sát, không thể nào tiêu diệt được. Kẻ đồng minh ấy không thể nào bắt giam vào hầm tối của nhà tù, không thể chụp ảnh được nó, không làm sao lấy được dấu tay nó. Đó là một kẻ đồng minh không thể nào bắt đem ra tra tấn được. Một đồng minh hoàn hảo cho những hoạt động bí mật. Lý tưởng trong những tình thế khó khăn.

“Chính là những đồng minh như vậy mà các Xô Viết phải có ở phương Tây để hòng chinh phục thế giới.” Bodnariuk tự nói với mình. “Với những cộng sự như vậy, người ta có thể cải tạo khí hậu, người ta có thể thiết lập một Chính phủ toàn cầu, người ta có thể thực hiện nền hòa bình Cộng sản trên toàn thế giới. Với một người cộng sự như vậy, người ta có thể nâng cao địa vị con người và giải phóng con người, khỏi các thành kiến.” Boris Bodnariuk từng mong muốn có những kẻ cộng sự như vậy, nhưng hắn chẳng bao giờ tìm được. Hắn chỉ gặp những người cộng sự phản trắc và khi nào cũng cần theo dõi, do thám. Boris Bodnariuk đâu có tưởng tượng được rằng những đồng minh như vậy tồn tại trong thiên nhiên. Chỉ cần có lấy một đồng minh như vậy hắn cũng có thể làm dậy lên những chiến tích thần kỳ.

“Nhất định họ phải có những cái tên bí mật”. Bodnariuk suy nghĩ. “Tên họ có thể là gì nhỉ?” Bodnariuk suy nghĩ nhưng hắn không thể nào hình dung ra nổi chỉ một cái tên người bạn đồng minh của những con người của núi rừng, những con người ngoài vòng pháp luật ấy. Hắn không biết cả chính cái tên của Tên Cướp Lớn - mặc dù mọi người nhắc đến trên môi.

Boris Bodnariuk sẽ không bao giờ nói đến cái tên này. Hắn không cả ngờ đến nữa: Chúa! Một cái tên mà hắn - con người biết đủ mọi chuyện - không hề biết đến. Một cái tên xa lạ với hắn. Một đồng minh hoàn hảo mà Bodnariuk hoàn toàn không biết. Cái tên của người Chiến sĩ chống Xô Viết ấy không nằm trên một tấm thẻ căn cước nào của Cảnh sát mật vụ Nga.

Không có một vị thủ lĩnh như vậy thì không thể nào chỉ trong vài tiếng đồng hồ mà phá tan được những cái nhà tù. Chỉ một mình Người làm nổi. Không có những kẻ cộng sự như vậy, người ta giỏi lắm chỉ thực hiện nổi một đôi vụ phá hoại vụn vặt. Những vụ phá hoại còn con con bằng cái đầu móng tay, như vụ *Tinka Neva* - mà thực ra có phá được gì đâu!

“Tiếc thay, sao ta lại không biết kẻ cộng sự ấy nhỉ?” Boris Bodnariuk tự nói với mình. “Có một tay cộng sự như vậy, ta đã có thể cải tạo được cả khí hậu toàn Liên bang Xô Viết, ta đã có thể đổi dòng cho các con sông. Với những người cộng sự khác, người ta có cảm giác như làm việc trong chân không ấy!”

Boris Bodnariuk bắt đầu đi sâu xuống thung lũng. Một đợt tấn công mới đang bắt đầu. Trực thăng, lính nhảy dù, xe tăng, đại liên đi ngược lên sườn núi. Nhưng Boris Bodnariuk không sợ súng đạn. Hắn không sợ chết. Người ta chỉ chết nếu người ta tưởng mình chống lại Đảng với lý do chính đáng. Bodnariuk vẫn sống. Hắn biết những cái gì hắn còn phải làm. Hắn đã luôn luôn làm tròn nhiệm vụ của một người trung thành với Đảng mặc dù Đảng đã quyết định dùng hắn như một người đầy tớ vô danh. Bodnariuk nhớ tới một vị tướng Tây Ban Nha mà tên tuổi luôn luôn có mặt trên mọi tờ báo, trên mỗi một cái bao diêm của Liên Xô. Trên đỉnh cao của sự vinh quang ấy, Đảng đã quyết định rút tên ông đi để ông ta khỏi làm mất uy tín của Đảng hoặc phạm những sai lầm trong khi còn mang tên đó. Người ta đã thay cho ông một cái tên khác.

Có thể người ta cũng đã làm như vậy với Bodnariuk chẳng?

Trong một quốc gia Xã hội chủ nghĩa khoa học, không để cho một người không giá trị mang mãi một cái tên có giá trị là chuyện thường tình. Có thể Bodnariuk giờ đây không còn một giá trị nào nữa chẳng?

“Chẳng sao cả!” Bodnariuk suy nghĩ. “Nhiệm vụ của ta là trình diện với các Xô Viết và nói với họ rằng ta sẵn sàng nhận bất cứ một nhiệm vụ nào họ muốn phân cho ta. Ta là người Cộng sản. Thế là đủ. Ta

phải sống những giờ khắc cuối cùng cuộc đời ta, như một người Cộng sản chân chính mù quáng phục tùng.”

Hắn đi xuống phía thung lũng, vào một cái làng. Từng binh đoàn cảnh sát cơ giới đi lên.

Boris Bodnariuk muốn đầu hàng toán quân đầu tiên hắn gặp. Cả vùng núi đã bị bao vây. Một con chim sâu cũng khó lòng lọt ra khỏi được.

“Để có được một đạo quân và một tổ chức như vậy, không một cái giá nào là quá đắt bao giờ, kể cả khi có hàng triệu người chết. Ta lấy làm tự hào về sự nghiệp của các Xô Viết. Ta chưa bao giờ thấy một tổ chức quân sự hoàn chỉnh tuyệt vời như cái tổ chức đang được sử dụng để quét sạch rừng núi giờ đây.”

Bodnariuk khâm phục nhìn những toán quân cơ giới đang từ dưới tiến lên.

Bodnariuk bị ứ máu chân, sung vù lên. Hắn không có giày nhưng hắn không thấy đau. Hắn mãi ngắm đội quân hoàn hảo và cảm thấy chưa bao giờ hắn được hạnh phúc như bây giờ.

Hắn bắt giắc hát lên “Bài hát của rừng” - bài hát mà hắn đã hát trong thời gian hắn cải tạo khí hậu Nga.

Hắn bước đi trên những con đường cỏ mềm về phía những toán cảnh sát cơ giới và vừa hát vừa đi xuống phía quân đội Nga. Hắn đang sung sướng.

Hắn biết rằng với hắn, về khía cạnh cá nhân thì không còn gì cả. Nhưng với các Xô Viết thì cuộc sống mới bắt đầu, rằng các Xô Viết sẽ trở nên mạnh mẽ, ngày càng thêm mạnh mẽ nhờ những sự hy sinh cá nhân và nhờ sự hy sinh của chính hắn.

Bodnariuk hát càng ngày càng to. Đó là bài hát của sự trồng rừng trên sa mạc và sự cải tạo khí hậu. Hắn nhìn những chiếc xe tăng, hắn nhìn những chiếc trực thăng.

Hắn biết mình đang gắn chặt như một chiếc răng cưa, dù không tên tuổi, dù không quân hàm, vào sự nghiệp Xô Viết vĩ đại. Đó là cái chính: được gắn mình vào sự nghiệp lớn duy nhất của Lịch sử - sự nghiệp Xô Viết.

Hắn đi xuống rất nhanh.

Một tên lính mắt lé, nước da vàng khè, thò đầu ra ngoài xe tăng nhìn Bodnariuk và để hắn ta đi tới gần. Hắn nhìn đôi chân không giày của Bodnariuk, manh áo rách như xơ mướp của hắn.

Tên lính đội chiếc mũ sắt và mặc áo quần da. Toàn thân hắn như bọc thép, y hệt một vị thần, một vị thần cơ khí. Chỉ có gò má hắn là vàng. Hai hàm răng cắn chặt. Một người lính thật sự. Một đạo quân thật sự. Một sự vũ trang thật sự. Lại thêm những chiếc xe tăng đồ sộ, cao hơn cả những ngôi nhà thờ làng.

Bodnariuk sung sướng nghĩ rằng đó là đạo quân Xô Viết. Hắn cảm thấy ra khỏi rừng và một lần nữa gia nhập cái bộ máy khổng lồ của lực lượng Xô Viết - mà nhiệm vụ chính là chinh phục hoàn cầu - là làm trọn vẹn cái hành vi hệ trọng nhất đời hắn. Hắn nhìn cái mặt vàng của tên lính xe tăng và nghĩ rằng, nòi giống da vàng - người Nhật và người Hoa - cũng là bộ phận các Xô Viết. Không phải là một sức mạnh của riêng giống da trắng. Cuối chiếc xe tăng, có một người da đen.

Giống da đen nữa cũng đã sung vào, cũng như giống người phương Bắc. Bodnariuk cảm thấy tất cả mọi giống người đều kẻ vai sát cánh cùng nhau trong cuộc chiến đấu dưới ngọn cờ Xô Viết. Tất cả mọi giống người đều có mặt trong cùng một chiếc xe tăng, dưới một ngọn cờ. Những người lính da vàng, da đen, da hung. Bodnariuk giơ tay lên. Hắn tiến tới, hai tay vẫn giơ cao trên đầu, về hướng những nòng đại liên đang chĩa thẳng vào hắn. Hắn đi thẳng tới những người lính da đen, da vàng, da hung, như đến với những người anh em. Hắn sung sướng được tiến lên như vậy. Hắn không hát nữa.

Bỗng hắn nghe lệnh:

— Halt!

Hắn dừng lại.

Chính là người lính da hung ra lệnh bằng tiếng Đức.

Bodnariuk nghĩ rằng hàng triệu lính đủ mọi màu da và mọi thứ tiếng đã được tuyển vào đạo quân Xô Viết. Anh lính da vàng, nhỏ bé như một con búp bê máy, xuống khỏi chiếc xe tăng, và tiến tới phía Bodnariuk.

— Các Xô Viết muôn năm! - Bodnariuk hô vang.

Hắn hô lên không phải để làm vui lòng bọn lính mà để làm vui lòng cho chính hắn. Hắn đã hô lên vì cảm phục và vì lòng trung thành với các Xô Viết. Hắn tìm ngôi sao đỏ trên mũ người lính đang khám xét

hắn xem có mang vũ khí hay không.

Những người lính khác đứng và nòng súng vẫn chĩa vào Bodnariuk. Người ta nghe những tiếng nổ phía sau thung lũng. Cuộc hành quân đang tiếp diễn.

— Tôi sung sướng được ra hàng các lực lượng Xô Viết!

Mắt hắn rực ánh lửa. Nó sáng lên như những ngọn đèn. Hắn không hề thấy chán khi được ngắm nghía một cách say sưa bộ quân phục đã chiến, những chiếc áo choàng da, những vũ khí và tác phong gọn ghẽ của đoàn quân.

Tên lính da vàng ra hiệu cho Bodnariuk đi xa ra theo hướng ngọn lê của hắn đang chỉ.

— Hoan hô lực lượng Xô Viết! - Bodnariuk hô.

Bọn lính không hiểu hắn, nhưng hắn thì thấy cần thiết phải nói với họ. Hắn lấy làm khổ sở khi thấy bọn chúng nhìn đầu đầu.

— Nếu các đồng chí biết tôi đã đợi chờ cái giây phút này biết bao nhiêu lâu rồi, cái giây phút tôi được trở về trong hàng quân Xô Viết!

— Anh chờ đợi cái gì? - Người lính hỏi bằng tiếng Anh.

Hắn cười vang lên.

— Đồng chí không nói tiếng Nga à? - Bodnariuk hỏi.

Hắn biết rằng các Xô Viết có tổ chức những đội quân người nước ngoài.

Tên lính phá ra cười. Hắn ra lệnh cho Bodnariuk đi xa ra.

— Tôi rất tự hào được trông thấy đội quân Xô Viết!

Tên lính xe tăng chỉ hiệu một chữ “Xô Viết”.

— *Kein Sovieten mehr.* - Tên lính da hung nói. - *Sovieten kaput. Kaput. Nicht mehr Sovieten*^[29]. Đi! Cút đi!

Tên lính da nâu, chắc hẳn người Ý, chỉ cho Bodnariuk cái huy hiệu trên ngực hắn. Người ta có thể đọc được: *One World ninth federation - East European forces.*

— Các anh không phải lính của quân đội Xô Viết à? - Bodnariuk hỏi.

— *No more Soviet. No more Russia.* - Một tên lính đáp. - *Now One World!*^[30] Hiểu chưa?

Boris Bodnariuk nhìn những chiếc xe tăng, những bộ quân phục, những khuôn mặt lính. Mắt hắn nhìn thấy trên tay cầm của chiếc súng ngắn đeo ở thắt lưng người lính, chân dung vị thống soái mê chó. Trên bức chân dung có mấy chữ: “*The Commander.*”

Boris Bodnariuk không sao tin được. Vậy ra không phải đội quân Xô Viết thực sao? Đó là một đạo quân khác. Và người chỉ huy nó là viên thống soái mê chó. Và lính không phải là lính Xô Viết.

Bodnariuk cảm thấy mình đang bị một cái báng súng thúc vào lưng. Bọn lính, tên da vàng, tên da đen, tên da hung cười vang và ra hiệu cho hắn ta đi. Họ đều cùng mang một phù hiệu: *Liên bang thứ Chín - Thế Giới Duy Nhất - Lực lượng Đông Âu.*

Không phải phù hiệu Xô Viết. Không phải Ngôi sao đỏ. Mắt Bodnariuk đắm lệt và qua dòng lệ hắn đọc được chữ dòng chữ to trên chiếc xe tăng: *MADE IN USA.*

Cái báng súng tiếp tục đẩy hắn đi từ phía sau lưng, và giờ đây Bodnariuk nhìn thấy qua dòng nước mắt cái trại tập trung bao bọc trong những hàng rào dây thép gai mà bọn lính đang dẫn hắn tới.

III

Tên núi, những người lánh nạn đều kinh hoàng trước cuộc tấn công đang phát triển. Một tuần như vậy rồi.

Chưa bao giờ họ giết nhiều người đến thế. Chưa bao giờ người ta ném nhiều bom đến thế. Chưa bao giờ người ta tiến công vào núi rừng với nhiều vũ khí, xe tăng, máy bay và quân lính đến thế. Có tin đồn từ lâu rằng quân Xô Viết đã đầu hàng và dân có thể bình yên trở về làng xóm, thành phố của mình.

Hồng quân đã biến mất. Người ta không thấy quân Nga nữa. Nông dân đã dám nổi lên phá tan nhà tù Molda là vì quân Nga không còn. Nhưng giữa lúc lòng dạ ngập tràn hy vọng, khi ai nấy tin chắc họ đã thanh toán xong với người Nga và có thể trở về nhà mình - những ngôi nhà mà người Nga đã đuổi họ đi - thì một cuộc tiến công ác liệt nhất đã diễn ra.

Magdalena run lên vì sợ. Bao nhiêu người tị nạn mới lại tìm đường lên núi, không ngừng. Số phận đã hết đường cải thiện.

Magdalena là sinh vật đẹp duy nhất trong núi rừng bị cảnh sát tiến công - trong chỗ núi rừng mà hơn một tuần nay con người bị săn đuổi như những con thú vật.

Pillat nhìn đôi chân Magdalena. Anh say mê cô. Một phụ nữ là một cái gì đẹp. Một phụ nữ cũng như bầu trời, như vàng dương. Một phụ nữ chiếu sáng cuộc đời của người đàn ông ngay cả trong bóng tối sâu thẳm. Người phụ nữ giống như mặt trăng, nó xua tan bóng tối, nó làm cho bóng tối sáng bừng lên. Người phụ nữ chiếu soi cho bộ mặt thế gian trở thành lấp lánh và cho trái đất thêm thắm tươi.

Cặp chân của Magdalena thoăn thoắt bước nhanh. Cô bước đi mà tựa hồ như khiêu vũ. Toàn thân cô cũng khiêu vũ giữa rừng cây mỗi lúc cô đi. Cô biến mất đâu rồi cô lại từ đâu trở lại, trong tiếng khóc sục sùi. Cô buông mình ngồi xuống cạnh Pillat. Cô đã trở về với chiếc vò không.

— Chúng nó giết chết Tên Cướp Lớn Tay Không rồi! - Cô nói. - Em đã nhìn thấy xác ông ta. Ông chết rồi! Ông chết mất rồi!

Cô khóc nức khóc nở, nước mắt giàn giụa, đầy kinh hãi, lo âu.

— Ai chết?

— Gã Nông Dân - Magdalena đáp. - Tên Cướp Lớn Tay Không chết rồi. Em đã vấp chân vào thi hài ông. Ông chết trong một khu rừng bị chặt. Đến với em đi! Em sợ không dám đến gần ông một mình. Có thể là ông ta giả vờ chết chăng? Ông đến với em đi!

Magdalena nói tiếp:

— Ông ta dễ sợ lắm. Chết rồi, em vẫn sợ ông ta. Ông ta là Quỷ Sứ.

Magdalena làm dấu thánh giá.

Pillat cầm tay cô. Hai người đi đến chỗ Tên Cướp chết.

Trong thung lũng, trên sườn núi đá, giữa cỏ và hoa, mắt nhìn lên trời và cây sáo trên ngực, mặt đầy vết khói và máu, Gã Nông Dân đang nằm chính tại nơi đây.

Magdalena lấy tay che mắt để khỏi nhìn thấy Tên Cướp đã bị bọn cảnh sát giết.

Cảnh sát Xô Viết đã không hạ nổi ông, mặc dù đã huy động hàng trung đoàn hiến binh. Và giờ đây ông bị giết vì bàn tay của cảnh sát “Quốc gia Thế giới” - đang làm tiếp cuộc tấn công của quân Xô Viết chống lại những người bỏ trốn.

— Chính ông ta! - Magdalena nói. Cô che mặt mình đi.

— Chính là Người! - Pillat nói khẽ.

Anh nhắm mắt lại và quỳ gối xuống bên.

— Chính là Người, Ion Kostaky, cha của tôi, cha của Marie!

Pillat cầm lấy bàn tay đã chết đang ôm chặt cây sáo lên ngực của mình.

Ion Kostaky vẫn mặc một chiếc áo Canada ấy. Pillat nắm lấy bàn tay lạnh giá của Ion Kostaky trong

bàn tay anh. Anh nhìn chiếc calô Mỹ, chiếc quần Anh, đôi giày Đức nặng trình trịch. Anh nhìn cây sáo Rumani. Anh nhìn cái miệng Kostaky vậy máu. Anh lấy tay lau sạch máu cho ông. Rồi anh kính cẩn vuốt mắt cho ông, những con mắt to vẫn mở nhìn lên trời, nhìn lên Người bạn Đồng minh Lớn của ông, nhìn lên Chúa.

Kostaky có vẻ như mỉm cười với đôi môi đầy máu của mình. Ông đã chết rồi, nhưng ông chết bên cạnh Người bạn Đồng minh của ông, bên cạnh Chúa.

Pillat nhìn cái dây đai Xô Viết buộc quanh người Kostaky. Anh nhìn những áo quần ông đang mặc. Những chiếc áo chiếc quần của mọi dân tộc, mọi nước, đã làm chảy máu cả tâm hồn và thể xác của ông. Những áo những quần của những nước mà ở đó Kostaky đã chết dần chết mòn từng mảnh nhỏ. Mỗi nước đã giết chết ông. Ông là nước Rumani bị đóng đinh vào cây thập tự.

— Chúng ta hãy chôn cất cho ông. - Pillat nói.

Magdalena tìm thấy một chiếc lê. Hai người cùng nhau đào huyết. Họ đặt Kostaky xuống và lấp đất lên. Ở phía đằng đầu, thay vì cây Thập tự, họ cắm cây sáo của ông, cây sáo ông đã từng ngân nga điệu Doina. Cùng nhau, Pierre Pillat và Magdalena quỳ xuống cạnh mồ của Ion Kostaky.

— Lạy Cha chúng tôi ở trên trời...

Rồi họ đi ra chỗ khác.

— Ta lên trên ấy đi! - Magdalena vừa nói vừa kéo tay Pillat - Càng cao càng hay. Ở trên đó, không ai có thể đụng đến chúng ta.

— Ông ta không phải là kẻ giết người đâu? - Pillat nói. - Ion Kostaky bỏ tôi không phải là một kẻ giết người. Mặc dù bị tất cả các chính phủ trên trái đất này truy đuổi, kể cả Chính phủ Thế giới. Kostaky không phải là kẻ giết người.

Một chiếc trực thăng vừa phát hiện ra Pillat và Magdalena, giữa đường họ đi lên đỉnh núi. Họ phải nép vào một bụi cây.

— Có lẽ tôi cũng nên chết nốt thì hơn! - Pillat nói. - Vì sao những tổ chức đó cứ bám riết mà khủng bố con người? Các người nói tôi nghe đi. Kostaky chỉ là một Con Người, một Con Người, một Con Người! Thế thôi? Vì sao bọn chúng nó giết ông?

Nhiều lính chiến với những chiếc dù trắng đáp xuống trên các đỉnh núi. Pierre Pillat và Magdalena nấp vào trong một cái hố. Lại có một người chết, một linh mục mặc áo dài trắng chôn tạm ở đây. Một cây thập tự gỗ đặt bên cạnh. Chắc là một người anh em mang xác ông ta lại đó và chưa kịp chôn. Các tu sĩ bao giờ cũng chôn cất tử tế người chết của họ.

Pillat nhìn chiếc áo dài trắng. Đây là một người vừa mới chết trong ngày hôm nay. Magdalena cầu nguyện.

— Vì sao họ lại giết vị tu sĩ? - Pillat hỏi.

— Họ đã bắn chết ông vì ông đã bỏ trốn khỏi nhà dòng tu. - Magdalena nói - Các tu sĩ không được quyền rời bỏ dòng tu. Nếu họ rời bỏ nhà tu họ liền bị coi là nổi loạn. Những người mặc áo dài trắng, những người thất lung bằng dây thừng, những người làm nông nghiệp trên kia đã trốn khỏi Vatican.

Magdalena rút trong áo lót của mình ra một mảnh giấy. Đó là cái lệnh của Liên bang thứ Chín Đông Âu gửi các tu sĩ Công giáo nổi loạn đã bỏ trốn nhà tu. Người ta buộc họ trở về tu viện. Lệnh đó do một tướng Mỹ, chỉ huy tối cao các lực lượng an ninh thế giới và vị thống soái người Slaves phương Nam, lãnh tụ quân sự của Liên bang thứ Chín của Chính phủ Thế giới One World.

— Những tu sĩ tội nghiệp này đã làm gì nên tội chống lại Chính phủ Thế giới? Vì sao lại bắn chết họ? Các tu sĩ luôn luôn truyền giảng lòng nhân ái giữa mọi người trên trái đất. Vì sao Chính phủ Thế giới lại muốn giết chết họ? Họ phạm tội gì chống lại One World?

— Các tu sĩ đã phạm vào tội đã không muốn thừa nhận nguyên thủ quốc gia của họ. - Magdalena đáp - Họ đã kể với em rằng: về phía những người Kitô giáo, họ rất có kỷ luật. Khi hòa bình vừa được công bố, Đức Giáo hoàng, Đức Thánh Cha của người Kitô giáo, đã được cử làm Bộ trưởng trong Đại chính phủ thế giới. Nhưng Đức Thánh Cha không muốn làm Bộ trưởng. Rồi Người đã tạ thế. Người tạ thế chủ yếu vì Người lo âu. Thế rồi người ta cử một Đức Thánh Cha khác từ bên kia bờ Đại Dương qua, rất xa. Nhưng Đức Thánh Cha này không biết tiếng Latin, và những tu sĩ ở Vatican thường chỉ quen nói tiếng Latin.

Trong nhà thờ của họ không thể nào đồng tâm nhất trí với Người được. Các tu sĩ không hề nói cái gì chống lại Người, bởi Người là Đức Thánh Cha mới của họ. Nhưng tất cả họ đều bỏ lên rừng. Vì lý do ấy mà họ đã tới chỗ rừng núi chúng tôi và cảnh sát truy tìm họ. Tuy vậy họ cũng chỉ có cầu nguyện. Thế thôi.

Một đợt máy bay khác lại xuất hiện trên núi. Nhiều chiếc dù lại được tung ra, đứng ngay trên đỉnh cao.

— Ngày Tận Thế đây rồi chẳng? - Magdalena nói.

Pillat nhìn đôi mắt đẹp và khiếp sợ của cô mà nhớ tới một câu của Martin Luther^[31]. Câu nói liên quan đến vấn đề ngày tận thế, và người ta tìm thấy trong câu đó một sự thanh thản nhẹ nhàng như trong câu nói của Magdalena.

Pillat nói:

— *Und wenn morgen Weltuntergang wareich werde am heutigen Tage doch Apfelbaume pflanzen!*

— Họ bắn vào chúng ta? - Magdalena nói. - Chúng ta làm gì bây giờ? - Cô hoảng hốt - Chúng ta có thể làm được gì?

— Cái điều mà người ta vẫn làm xưa nay. - Pillat bảo - *Und wenn morgen Weltuntergang ware...*

Tiếng đạn rít trong các lùm cây và trong những tán lá trên đầu họ.

Magdalena áp má xuống mặt đất.

— Ông nói gì? - Cô hỏi trong tiếng thì thầm.

Pillat bắt đầu phiên dịch: *“Dù ngày mai đã là ngày tận thế đi chăng nữa thì tôi vẫn trồng những cây táo hôm nay!”*

Một loạt đạn liên thanh đã khép lại cái miệng của Pierre Pillat đang nói và lỗ tai của Magdalena xinh đẹp đang nghe.

Cái loa truyền thanh của một chiếc trực thăng đang truyền đi những tin dự báo thời tiết nhằm phục vụ cho những người lính của Chính phủ Thế giới, và những lời sau đây vang lên tận trong thung lũng sâu:

Trời tiếp tục nắng đẹp! Trời tiếp tục nắng đẹp!...

HẾT

• CHÚ THÍCH •

[1] Talmud - tức Pháp điển Do Thái - cuốn sách tập hợp lại những tập tục cổ truyền của dân tộc Do Thái, giảng giải về Luật lệ Moise. Sanhédrin là Hội đồng lãnh đạo của Do Thái. Chữ <Sanhédrin> ở đây chỉ một chương trong cuốn Talmud.

[2] Bessarabie: Vùng Đông Âu nằm giữa sông Dniestr và sông Prut, trước kia là của Rumani, sau chiến tranh thì sát nhập vào Ukraina và Moldavia.

[3] Từ Papua xuất phát từ “pepuah” một từ tiếng Malay miêu tả mái tóc quăn của người Melanesia và New Guinea. Người Papua là một thuật ngữ chung cho các dân tộc bản địa khác nhau ở New Guinea và các đảo lân cận, những người nói các ngôn ngữ Papua.

[4] Tinh Hồng Nhiệt (Scarlet Fever, Scarlatina) là bệnh nhiễm trùng do một vi khuẩn phổ biến (chuỗi cầu streptocoque) gây nên, trẻ em thường ít gặp. Bệnh này sinh ra nổi ban, đau họng, sốt, nôn mửa, và có thể đau bụng vì có hạch sưng gần ruột.

[5] Panait Istrati (1884 -1935) Bucharest, Rumani - nhà văn viết tiếng Pháp.

[6] Milostiva là tiếng tôn xưng một người đàn bà nhân hậu.

[7] Người soát vé, người phục vụ hành khách.

[8] Lôi: Tiền Rumani.

[9] Yiddish là tiếng Do Thái.

[10] Đảng Công nhân Đức Quốc gia Xã hội chủ nghĩa (Tiếng Đức: Nationalsozialistische Deutsche Arbeiterpartei - NSDAP) gọi tắt: Nazi, là đảng cầm quyền Đức trong thời kỳ Đức Quốc xã.

[11] Moise (Moses) là lãnh tụ tôn giáo, người công bố luật pháp, nhà tiên tri, nhà chỉ huy quân sự và sử gia. Ông cũng được xem là người chép kinh Torah. Trong tiếng Hebrew, ông được gọi là Moshe Rabbeinu.

[12] Nguyên văn: “Tôi xin đọc mea culpa”. Mea culpa (lời trong kinh Sám hối) có nghĩa là “Lỗi tại tôi”.

[13] Schutzstaffel (gọi tắt SS) là tổ chức vũ trang của Đức Quốc xã, bao gồm: Gestapo, cảnh sát hình sự, cảnh sát trật tự, tình báo... Trong thời Đức Quốc xã, SS là cơ quan quan trọng nhất trong việc khủng bố và đàn áp tại đế quốc Đức. SS đóng vai trò chính yếu trong việc lập kế hoạch và thực hiện các tội ác chiến tranh và tội ác chống nhân loại.

[14] Heidelberg: Một thành phố thuộc nước Đức.

[15] Túc miền đất Chanaan mà Chúa đã hứa với người Hêbrơ.

[16] Michelangelo (1475 -1564), họa sĩ, nhà điêu khắc, kiến trúc sư, nhà thơ và kỹ sư thời kỳ Phục hưng Ý.

[17] Kavkaz (tiếng Anh: Caucasus) là một khu vực địa lý nằm ở biên giới giữa châu Âu và châu Á.

[18] Thành Cát Tư Hãn (1162-1227), là người sáng lập ra Đế quốc Mông Cổ sau khi hợp nhất các bộ lạc độc lập ở vùng đông bắc châu Á năm 1206.

[19] Đồi Sọ (tiếng Anh: Golgotha, tiếng Pháp: Calvaire) hiện tại là một cái lỗ tròn nằm dưới bàn thờ thuộc quyền cai quản của Chính thống giáo - là nơi cây thánh giá Chúa chịu đóng đinh đã được dựng lên cách đây hơn 2000 năm.

[20] Pofisnie: tẩy lễ giáo phái - chủ trương rửa tội người lớn chứ không rửa tội trẻ con.

[21] Còn gọi là sách Dân Số. Cuốn sách thứ tư trong bộ Pentateuque gồm cuốn của Moise (Cựu ước thánh kinh) nói về sức mạnh của Thượng đế.

[22] Bạn đồng nghiệp.

[23] Hiện anh đang ở Nam Mỹ.

[24] Bạn của tôi.

[25] Kulak (tiếng Nga: кулак) là từ ngữ từ thế kỷ 19 được dùng để chỉ nông dân giàu có. Sang đến thế kỷ 20 nó trở thành một nghĩa xấu. Sau cuộc cách mạng Tháng Mười 1917 và trong khung cảnh tập thể hóa nông nghiệp từ 1928 tới 1933 dưới thời Josef Stalin, Kulak và các thân nhân bị xem là kẻ thù của giai cấp, bị đưa đi các trại lao động hay bị xử bắn

[26] Lễ Phục sinh, người theo đạo Thiên chúa giáo gọi là Pâques, người Do Thái gọi là Pâque, tiếng Anh là Easter.

[27] Dòng Tên (còn gọi là Dòng Chúa Giêsu, viết tắt là S.J) là một dòng tu lớn của Công giáo. Được thành lập vào năm 1535 tại Paris. Dòng mau chóng phát triển mạnh từ việc huấn giáo, giáo dục đến các công việc truyền giáo , từ châu Âu đến châu Á , châu Phi và châu Mỹ . Hiện nay dòng có mặt ở hơn 100 quốc gia trên thế giới.

[28] Một ca khúc nhạc đồng quê trữ tình nổi tiếng trên khắp thế giới với hai bản dịch tiếng Anh và tiếng Pháp được chọn nghe nhiều nhất. Nguyên thủy, bài hát tên là Dana Dana, được viết riêng bằng tiếng Yiddish cho vở nhạc kịch "Esterke" vào khoảng năm 1940-1941 ở Mỹ trong thời kỳ của Đức Quốc xã, tác giả là 2 người gốc Do Thái.

[29] Không còn Xô Viết nữa! Hết rồi! Hết rồi! Không còn Xô Viết nữa!

[30] Không còn Xô Viết nữa! Không còn nước Nga nữa! Một thế giới duy nhất.

[31] Luther: Nhà cải cách tôn giáo Đức.